Nam đang hoạt động ở đây và cải tổ tổ chức Tâm Tâm xã để thành lập ra một tổ chức cách mạng mới là Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên với nòng cốt là "Cộng sản đoàn" vào 6-1925. Người cho xuất bản tờ báo *Thanh Niên* làm cơ quan ngôn luận của Hội. Tờ báo hoạt động từ 6-1925 đến 4-1927, ra được 88 số. Đây là tờ báo cách mạng đầu tiên bằng tiếng Việt. Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc đã trực tiếp mở nhiều lớp huấn luyện chính trị, đào tạo những thanh niên yêu nước thành cán bộ cách mạng rồi đưa về nước hoạt động. Các bài giảng của Người ở các lớp chính trị đó được tập hợp lại và in thành sách *Đường Kách mệnh (1927)*. Trong tác phẩm này, Người đã chỉ ra những phương hướng cơ bản về chiến lược, sách lược của cách mạng Việt Nam. Những quan điểm cơ bản về chiến lược cách mạng giải phóng dân tộc mà Người chỉ ra trong tác phẩm này đã đặt nền tảng cho cương lĩnh của Đảng ta sau này. Tại Quảng Châu, Người còn chăm lo bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau: Chọn các thiếu niên ưu tú gửi đi học Trường Đại học Phương Đông của Quốc tế Cộng sản (Lê Hồng Phong, Nguyễn Thị Minh Khai...), chọn thanh niên ưu tú đi học tại Trường Quân sự Hoàng Phố (Trung Quốc). Chính lớp người này trở thành thế hệ cách mạng đầu tiên, lãnh tụ xuất sắc của Đảng, quân đội của nước ta sau này..

Hoạt động của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên do Nguyễn Ái Quốc lãnh đạo đã có tác dụng tích cực đến phong trào cách mạng ở trong nước. Từ năm 1926, Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên đã xây dựng được nhiều cơ sở tại các trung tâm kinh tế và chính trị quan trọng ở nước ta. Số lượng hội viên tăng nhanh. Năm 1928, Hội phát động phong trào Vô sản hoá đã góp phần thực hiện việc kết hợp chủ nghĩa Mác - Lênin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước, thúc đẩy nhanh tiến trình thành lập chính Đảng vô sản ở Việt Nam. Đến năm 1929, Hội đã có cơ sở hầu khắp cả nước, các tổ chức đoàn thể quần chúng cũng lần lượt ra đời. Vào giữa năm 1929, nhu cầu thành lập tổ chức cộng sản

đã chín muồi và các tổ chức cộng sản là Đông Dương Cộng sản Đảng, An Nam Cộng sản Đảng và Đông Dương Cộng sản liên đoàn nối tiếp nhau xuất hiện. Nó tạo ra tiền đề trực tiếp cho sự ra đời của chính Đảng vô sản ở Việt Nam.

Tuy đều là các tổ chức cộng sản nhưng cả ba tổ chức đều hoạt động riêng rẽ, công kích lẫn nhau, tranh giành ảnh hưởng của nhau nên đã gây ra trở ngại lớn cho phong trào cách mạng. Yêu cầu bức thiết của cách mạng Việt Nam là phải có một Đảng Cộng sản thống nhất trong cả nước để lãnh đạo cách mạng. Với tư cách là phái viên Quốc tế Cộng sản, Nguyễn Ái Quốc đã đứng ra triệu tập và chủ trì Hội nghị hợp nhất các tổ chức Cộng sản Việt Nam. Hội nghị diễn ra tại Cửu Long, Hương Cảng, Trung Quốc. Với tài năng và uy tín cao của Người, Hội nghị đã nhất trí tán thành thống nhất các tổ chức cộng sản để thành lập ra một chính Đảng duy nhất của giai cấp công nhân Việt Nam, lấy tên là Đảng Cộng sản Việt Nam. Hội nghị thành lập Đảng đã thông qua Chính cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt, Điều lệ tóm tắt do Nguyễn Ái Quốc dự thảo. Những văn kiện này được xem là Cương lĩnh chính trị đúng đắn đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam và của Cách mạng nước ta. Nó đặt nền móng vững chắc cho con đường cách mạng của dân tộc đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác dưới sự lãnh đạo của Đảng và lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh về sau.

4. Những cống hiến của Nguyễn Ái Quốc đối với phong trào yêu nước và cách mạng Việt Nam từ 1920 - 1930

Cống hiến đầu tiên của Người đối với cách mạng và dân tộc Việt Nam là tìm ra chân lý cứu nước đúng đắn, kết hợp đấu tranh giải phóng dân tộc với đấu tranh giải phóng giai cấp và giải phóng lao động, theo con đường cách mạng vô sản. Đó là con đường cách mạng vô sản do giai cấp công nhân lãnh đạo, kết hợp chặt chẽ giữa giải phóng dân tộc và giải phóng giai cấp, độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội.

Từ 1921 đến đầu năm 1930, Nguyễn Ái Quốc đã có công lao to lớn trong việc tích cực chuẩn bị về mọi mặt một cách đầy đủ và chu đáo cho sự ra đời của chính Đảng vô sản ở Việt Nam.

Chính Nguyễn Ái Quốc có công đào tạo lớp cán bộ cốt cán đầu tiên cho Đảng và cách mạng nước ta, mà hiện nay gọi là lớp "Lão thành Cách mạng trước năm 1930".

Nguyễn Ái Quốc còn cống hiến cho thời đại về con đường giải phóng dân tộc cho các nước thuộc địa và phụ thuộc, thể hiện trong các tác phẩm, hàng trăm bài báo, các bài phát biểu, bản tham luận của Người, tại các đại hội và hội nghị quốc tế trong thời gian từ 1920 đến 1927. Đó là những tư tưởng chiến lược, sách lược giải phóng dân tộc, được thực tế cách mạng Việt Nam kiểm nghiệm là đúng đắn chính xác. Nội hàm của nó là: Phải đoàn kết sức mạnh toàn dân tộc, đấu tranh lật đổ ách thống trị của đế quốc và tay sai, giành chính quyền về tay nhân dân lao động. Đó là, cách mạng thuộc địa và phụ thuộc muốn giành thắng lợi phải có Đảng của giai cấp vô sản lãnh đạo, vận dụng sáng tạo học thuyết Mác - Lênin vào hoàn cảnh cụ thể của từng dân tộc...Đó là, cách mạng ở các nước thuộc địa phải là bộ phận cách mạng vô sản của thế giới, phải biết đoàn kết với chính quốc...

Nguyễn Ái Quốc là người sáng lập và rèn luyện Đảng Cộng sản Việt Nam. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời là sản phẩm của sự kết hợp ba nhân tố, đáp ứng nguyện vọng của giai cấp công nhân, của các tầng lớp nhân dân lao động và của cả dân tộc, trong đó Người đóng vai trò quyết định thể hiện ở Hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản, ở Cương lĩnh đầu tiên do chính Người soạn thảo. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời là sự chuẩn bị đầu tiên có tính chất quyết định đến những bước phát triển mới và thắng lợi của cách mạng Việt Nam ở giai đoạn tiếp theo.

Như vậy, tác động, ảnh hưởng của đất nước, thời đại, quê hương, gia đình đến Nguyễn Tất Thành - Nguyễn Ái Quốc rất

lớn. Cho nên Người là sản phẩm tất yếu của dân tộc và thời đại, Người đã kế thừa tinh hoa của dân tộc và nhân loại. Mặt khác, chính Người đã tác động trở lại đối với sự phát triển của dân tộc ta và các dân tộc khác. Đây chính là quan hệ biện chứng giữa quần chúng nhân dân và cá nhân, giữa cá nhân và thời đại. *"Chính Người đã làm rạng rỡ dân tộc ta, nhân dân ta và non sông đất nước ta"*.

TÌM HIỂU THÊM VỀ NHỮNG HOẠT ĐỘNG CÁCH MẠNG CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH NHỮNG NĂM 1930, 1931 Ở HỒNG KÔNG

ThS. PHẠM THỊ NGÂN*

Chủ tịch Hồ Chí Minh, vị lãnh tụ kính yêu của dân tộc Việt Nam là người đã cống hiến trọn đời mình cho dân cho nước. Đó là một cuộc đời hoạt động vô cùng gian khổ, dài lâu và vĩ đại, nhất là những năm tháng ở nước ngoài kể từ khi Người ra đi tìm đường cứu nước (1911) cho đến khi trở về nước (1941). Trong cuộc hành trình ba mươi năm ấy đã có 29 nước trên thế giới chứng kiến cuộc sống và hoạt động của người Việt Nam yêu nước Nguyễn Tất Thành - Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh. Đó là một hành trình hoạt động đầy ắp những sự kiện gắn liền với cách mạng Việt Nam và thế giới, trong đó còn nhiều điều mà cho đến ngày nay chúng ta vẫn chưa biết hết. Do đó, việc nghiên cứu, tìm hiểu, hệ thống những hoạt động trong giai đoạn này để làm sáng rõ hơn những cống hiến của Hồ Chí Minh đối với cách mạng Việt Nam là một điều cần thiết. Trên thực tế, những cống hiến của Hồ Chí Minh cho dân tộc và thời đại đã được ghi dấu, nhưng việc hiểu rõ những hoạt động cụ thể của Người chưa phải là đủ, bởi cuộc đời hoạt động cách mạng của Người thực sự là một cuốn sách chưa có trang cuối cùng.

* Bảo tàng Hồ Chí Minh.

Nghiên cứu về chặng đường hoạt động ba mươi năm ở nước ngoài của Chủ tịch Hồ Chí Minh phải kể đến thời kỳ Người ở Hồng Kông - những năm 1930, 1931. Đây là một thời kỳ hoạt động tưởng chừng như trầm lắng nhưng thực chất là vô cùng sôi động và có ý nghĩa lớn đối với cách mạng Việt Nam và phong trào quốc tế. Những hoạt động đó của Người ngày càng được sáng rõ hơn qua những tài liệu, sự kiện mà chúng ta đã sưu tầm và được các nhà nghiên cứu và bạn bè quốc tế cung cấp.

Như chúng ta đều biết, thời kỳ hoạt động của Nguyễn Ái Quốc ở Hồng Kông những năm 1930, 1931 là tiếp nối sự kiện thành lập Đảng mà Người đã chuẩn bị từ lúc ở Quảng Châu, Trung Quốc. Năm 1927, sau sự phản biến của Tưởng Giới Thạch, Nguyễn Ái Quốc và những nhà cách mạng phải rời khỏi Quảng Châu trở lại châu Âu. Với tư cách là một người Việt Nam yêu nước, một cán bộ Quốc tế Cộng sản, Người trở lại Hồng Kông để thực hiện nhiệm vụ sáng lập Đảng Cộng sản Việt Nam và theo dõi, chỉ đạo phong trào cách mạng ở một số nước châu Á.

Lịch sử đã ghi nhận sự kiện thành lập Đảng là công lao, cống hiến của Nguyễn Ái Quốc cho cách mạng Việt Nam. Cũng từ sự kiện này, thông qua những tài liệu liên quan đến thành lập Đảng, chúng ta hiểu thêm về danh nghĩa của Nguyễn Ái Quốc lúc đó. Là một người Việt Nam yêu nước, điều đó không ai phủ nhận được, nhưng danh nghĩa là đại diện của Quốc tế Cộng sản thì căn cứ ở đâu? Trở lại với những hoạt động của Nguyễn Ái Quốc thời gian này: đầu tháng 1 năm 1930, Nguyễn Ái Quốc đến Thượng Hải (Trung Quốc), rồi tới Hồng Kông, với sự giúp đỡ của một số đảng viên Đảng Cộng sản Trung Quốc như: Nhiêu Vệ Hoa, Lý Phú Xuân, Thái Xướng. Hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản Việt Nam đã được thực hiện vào đầu tháng 1 năm 1930. Tại Hội nghị này, danh nghĩa của Nguyễn Ái Quốc đã được ghi rõ trong báo cáo Người gửi Quốc tế Cộng sản ngày 18-2-1930 (tài liệu bút tích bằng tiếng Anh của Nguyễn Ái Quốc gửi Quốc tế Cộng sản

sau Hội nghị hợp nhất hơn 10 ngày - TG): "*với tư cách là phái viên của Quốc tế Cộng sản có đầy đủ quyền quyết định mọi vấn đề liên quan đến phong trào cách mạng ở Đông Dương. Tôi nói cho họ biết phải làm gì. Họ đồng ý thống nhất vào một đảng*"[1]. Trong biên bản tóm tắt Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam năm 1930 (tài liệu bằng tiếng Pháp ghi ngày 7 tháng 2 năm 1930 - TG) gửi Quốc tế Cộng sản cũng ghi rõ trong mục thành phần tham dự có một đại diện Quốc tế Cộng sản. Thực tế lúc đó, trong năm người tham gia Hội nghị thì có bốn người là đại diện cho hai tổ chức ở trong nước đến, vì thế đại biểu Quốc tế Cộng sản không ai khác là Nguyễn Ái Quốc. Sau đó, trong lời kêu gọi gửi công nhân, nông dân, binh lính, thanh niên, học sinh và tất cả đồng bào bị áp bức bóc lột, nhân sự kiện thành lập Đảng, Nguyễn Ái Quốc đã viết: "*Nhận chỉ thị của Quốc tế Cộng sản giải quyết vấn đề cách mạng ở nước ta, tôi đã hoàn thành nhiệm vụ và thấy có trách nhiệm phải gửi tới anh chị em và các đồng chí lời kêu gọi này*"[2]. Như vậy, căn cứ vào các tài liệu và những nhân chứng lịch sử chúng ta thấy rõ: năm 1930 tại Hồng Kông, Nguyễn Ái Quốc với tư cách là đại diện Quốc tế Cộng sản đã chủ trì hội nghị hợp nhất Đảng Cộng sản. Hội nghị có ý nghĩa như một Đại hội thành lập Đảng - một sự kiện lịch sử chấm dứt tình hình chia rẽ trong các nhóm cách mạng ở Việt Nam lúc đó.

Nếu nói rằng công lao lớn đầu tiên của Nguyễn Ái Quốc là tìm thấy con đường cách mạng, gắn cách mạng Việt Nam với cách mạng thế giới, thì việc thành lập Đảng và xác định cương lĩnh cách mạng giải phóng dân tộc là những cống hiến tiếp theo của Người cho cách mạng Việt Nam trong thời gian Người ở Hồng Kông.

Sau khi thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam, Nguyễn Ái Quốc tiếp tục ở lại Hồng Kông (Người chưa thể trở về nước lúc này được vì bị thực dân Pháp tuyên án tử hình năm 1929) và hoạt động

1 Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 3, Nxb. Chính trị Quốc gia, 1995, tr. 12.
2 Sách đã dẫn, tr. 8.

không ngừng góp phần xây dựng đảng và phong trào quốc tế. Đây là một giai đoạn mà Nguyễn Ái Quốc phải sống và làm việc trong một hoàn cảnh rất khó khăn phức tạp về chính trị, bởi sự xuất hiện khuynh hướng "tả khuynh" trong Quốc tế Cộng sản và phong trào cộng sản và công nhân quốc tế. Điều đó đã dẫn đến những nhận thức trái chiều về vấn đề dân tộc, giai cấp của một số đảng cách mạng, trong đó có Đảng Cộng sản Việt Nam. Nguyễn Ái Quốc là người không bị ảnh hưởng của xu hướng đó, nhưng lại là thiểu số trong những người cách mạng nhận thức đúng tình hình, do đó Người đã gặp khó khăn trong hoạt động cách mạng. Tuy nhiên, với một bề dày kinh nghiệm trong thực tế đấu tranh và tư duy biện chứng những vấn đề chính trị, xã hội, Nguyễn Ái Quốc vẫn kiên định con đường cách mạng đã lựa chọn, tiếp tục hoạt động không mệt mỏi cho sự lớn mạnh của Đảng Cộng sản Việt Nam và phong trào cách mạng của các nước châu Á. Thời gian đó, Nguyễn Ái Quốc phải chịu những áp lực nặng nề như việc: bị chính các đồng chí của mình phê bình gay gắt, "Chánh cương" của Đảng do Người thảo ra bị thủ tiêu... Nhưng, dù trong hoàn cảnh nào, Nguyễn Ái Quốc vẫn không bao giờ xa rời mục tiêu độc lập cho dân tộc theo con đường cách mạng vô sản. Và hơn bao giờ hết, ở Nguyễn Ái Quốc, nhà yêu nước đã hòa quyện chặt chẽ với phẩm chất người chiến sĩ quốc tế, người cộng sản kiên trung. Những phẩm chất cao quý đó được thể hiện rõ nét qua những hoạt động cống hiến của Người trong những năm tháng tiếp theo khi Người ở Hồng Kông.

Ngay sau khi Đảng Cộng sản Việt Nam thành lập, Nguyễn Ái Quốc không ngừng xây dựng tổ chức và mở rộng quan hệ giữa Đảng ta với các Đảng và các tổ chức quốc tế trên thế giới. Với vai trò là một cán bộ Ban phương Đông Quốc tế Cộng sản, Người đã thường xuyên liên hệ và mở đường dây liên lạc với Quốc tế Cộng sản để kêu gọi sự giúp đỡ cho Đảng Cộng sản Việt Nam và các Đảng ở Đông Nam Á. Trong báo cáo ngày 18-2-1930 gửi

Quốc tế Cộng sản, Người thẳng thắn kiến nghị Đảng Cộng sản Singaporere xây dựng mạng lưới hoạt động phối hợp giữa các cán bộ Đảng Cộng sản Việt Nam, Trung Quốc, Singaporere tại các địa điểm cụ thể ở Singaporere, Xiêm, Sài Gòn, Bắc Kỳ, Vân Nam, Quảng Tây, Hồng Kông, Thượng Hải. Người đã nêu rõ: "*Đảng bộ Singapore đã viết thư cho chúng tôi nói rằng Đảng Cộng sản Việt Nam sẽ ở dưới sự chỉ dẫn của Singapore. Nhưng xét về hoàn cảnh địa lý cũng như hoàn cảnh chính trị, tôi kiến nghị Đảng Cộng sản Việt Nam sẽ được sự chỉ dẫn từ Thượng Hải qua Hồng Kông. Tuy nhiên Đảng Cộng sản Việt Nam phải quan hệ chặt chẽ với Singapore. Vì lẽ đó, tôi đề nghị Đảng Cộng sản Trung Quốc gửi một bức thư giới thiệu để chúng tôi có thể phái một đồng chí An Nam làm việc với Singapore*"[1]. Đồng thời với kiến nghị đó, Người còn lên kế hoạch lập một văn phòng cho cán bộ An Nam và Trung Quốc làm việc và văn phòng đó phải "*làm tốt nhất việc xếp đặt các đồng chí Trung Quốc hay An Nam làm công dưới tàu thủy đi Singapore, Sài Gòn, Hải Phòng, Hồng Kông, Thượng Hải để giải quyết tốt hơn giao thông liên lạc của chúng ta*"[2]. Đó là một hệ thống đường dây liên lạc mà chính Nguyễn Ái Quốc đã thiết lập từ những năm 30.

Trong hai ngày 27 và 28 tháng 2 năm 1930, Nguyễn Ái Quốc đã viết 5 bức thư bằng tiếng Pháp, Anh với bút danh Nguyễn Ái Quốc và Pôn, gửi đến đại diện các Đảng Cộng sản Đức, Pháp, Mỹ và các tổ chức Tổng công hội Pháp, Liên đoàn chống đế quốc Beclin... để thông báo việc Đảng Cộng sản Việt Nam được thành lập và đề nghị thiết lập mối quan hệ giúp đỡ lẫn nhau về tổ chức, về hoạt động và xây dựng Đảng... Trong thư gửi đại diện Đảng Cộng sản Pháp ở Quốc tế Cộng sản, Nguyễn Ái Quốc đề nghị "*Cần giáo dục các đồng chí An Nam chúng tôi, vì trình độ tư tưởng lý luận và kinh nghiệm chính trị của các đồng chí đó còn rất thấp. Tôi yêu cầu các đồng chí cho chúng tôi 1 tủ sách các tác*

1 Sách đã dẫn, tr. 15, 16.
2 Sách đã dẫn, tr. 16.

phẩm của Mác và Lênin... gửi cho chúng tôi báo L'Humanité và tạp chí Inprekorr và điều lệ, cương lĩnh của Đảng và Đoàn Thanh niên Cộng sản...

Chúng tôi sẽ làm cách nào để sự hợp tác giữa Đảng Cộng sản Việt Nam và Đảng Cộng sản Pháp thực sự có hiệu quả"[1].

Cùng với việc xây dựng tổ chức Đảng Cộng sản, Người còn đặc biệt quan tâm đến việc xây dựng lực lượng cho Đảng. Đó là các phong trào cách mạng của thanh niên, phụ nữ, binh lính, công nhân, nông dân... ở trong nước. Lúc này, tuy ở nước ngoài, nhưng Người vẫn theo dõi tình hình cách mạng rất chặt chẽ và thường xuyên liên lạc với Quốc tế Cộng sản, xin ý kiến chỉ đạo để thành lập các tổ chức công hội, nông hội, các đội xích vệ, và các phong trào cách mạng trong nước. Những năm 1930, 1931 Nguyễn Ái Quốc đã gửi rất nhiều thư từ, báo cáo tới Quốc tế Cộng sản nhằm trao đổi, định hướng và đặt kế hoạch cụ thể cho việc chỉ đạo phong trào cách mạng ở Việt Nam.

Cùng thời gian đó, với tư cách một cán bộ Quốc tế Cộng sản, Nguyễn Ái Quốc cũng dành nhiều thời gian và sức lực để giúp đỡ một số nước ở châu Á như: Malaysia, Singapore, Xiêm trong việc sáng lập Đảng và tổ chức các phong trào cách mạng. Từ tháng 4-1930, sau khi thành lập Đảng Cộng sản Malaysia, Nguyễn Ái Quốc đã theo dõi chặt chẽ và có ý kiến kịp thời với Ban phương Đông Quốc tế Cộng sản về tình hình cách mạng ở Malaysia, Singapore, Thượng Hải và Hồng Kông. Trong báo cáo gửi Quốc tế Cộng sản 20-9-1930, với bí danh Victo, Người đề cập đến công việc của mình: *"Tôi đã viết thư sang Xiêm và Mã Lai khoảng 1 tháng trước đây nhưng chưa nhận được trả lời"*. Người thường xuyên liên lạc với Đảng Cộng sản Mã Lai và các tổ chức chính trị ở Thái Bình Dương. Trong thư gửi Ban Phương Đông 31-12-1930, Người nói: *"Một đại biểu Đảng Mã Lai đã đến đây hôm qua, 30-*

1 Sách đã dẫn, tr. 21.

12-1930"[1] và cho biết *"Hai đồng chí Việt Nam phụ trách liên lạc đã bị bắt ngày 11-12-1930, 11 đồng chí bị trục xuất khỏi Xiêm mới đến"*[2]... Tiếp theo đó, trong thư gửi Quốc tế Cộng sản ngày 2-1-1931, 16-2-1931, 2-3-1931... với bí danh Victor, Nguyễn Ái Quốc đã báo cáo về tình hình công việc của mình ở Hồng Kông, yêu cầu cho biết những thông tin về tình hình chính trị ở Thái Bình Dương, công việc của Đảng Mã Lai và tình hình Đông Dương. Đồng thời Người đã đề nghị Quốc tế Cộng sản cung cấp tài chính, tài liệu để bồi dưỡng cho sinh viên của Mã Lai, Ấn Độ, Java và Đông Dương; trao đổi những vấn đề về tổ chức hội nông dân, công nhân và Đại hội Đảng ở các nước đó. Những hoạt động quốc tế của Nguyễn Ái Quốc còn tiếp tục cho đến tháng 5-1931. Điều này được căn cứ vào những tư liệu chúng ta mới sưu tầm được: đó là những bức thư của Nguyễn Ái Quốc viết bằng tiếng Anh gửi các tổ chức quốc tế vào các ngày 9-5, 15-5 năm 1931 (thư bị mật thám thu giữ và lưu hồ sơ theo dõi những người cách mạng đã được giải mã nội dung hoạt động của Nguyễn Ái Quốc). Như vậy với việc nghiên cứu tìm hiểu về hoạt động của Nguyễn Ái Quốc qua những tài liệu là thư, báo cáo trao đổi giữa Nguyễn Ái Quốc với những người bạn và các tổ chức quốc tế thời đó, chúng ta hiểu thêm nhiều những hoạt động cống hiến và tinh thần nhiệt huyết cách mạng của Người đối với Cách mạng Việt Nam và các nước châu Á... Nhận xét đó về Nguyễn Ái Quốc không phải chỉ có ở những người Cộng sản mà ngay cả phía đối phương cũng thừa nhận. Trong hồ sơ theo dõi những người cộng sản quốc tế, cơ quan chỉ huy tình báo Mã Lai, trong quá trình điều tra những nhân vật hoạt động cách mạng quốc tế đã nhận định *"Nguyễn Ái Quốc có lẽ là một cộng sản châu Á tích cực nhất ở phương Đông. Bên cạnh trách nhiệm với những việc đang diễn ra tại Đông Dương, còn có một bằng chứng xác thực rằng anh ta là một thành viên lãnh đạo của Mátxcơva trong cơ cấu chung của tổ chức các hoạt động cộng sản ở Mã Lai và Xiêm"*[3]. Đây là một nhận định hoàn toàn đúng với thực tế hoạt động của Nguyễn Ái Quốc lúc đó.

1, 2 Tài liệu lưu kho Bảo tàng Hồ Chí Minh.

3 Tài liệu lưu kho Bảo tàng Hồ Chí Minh WO: 16/5814.

Cùng với việc nghiên cứu tài liệu là hồ sơ của cơ quan tình báo hình sự Singapore cho thấy rằng: Trong đường dây hoạt động của Nguyễn Ái Quốc thời gian này có mối liên hệ rất chặt chẽ với những người bạn quốc tế của Người và các tổ chức quốc tế khác. Theo tài liệu điều tra của giới tình báo cho thấy, lúc này Quốc tế Cộng sản, Quốc tế Công đoàn ở Liên Xô đã có các chi nhánh ở Hồng Kông, Thượng Hải. Đó là những tổ chức quốc tế mà Nguyễn Ái Quốc thường xuyên liên lạc trong thời gian này để xin ý kiến chỉ đạo cho các Đảng Cộng sản và phong trào Đông Nam Á. Trong một báo cáo điều tra của mật thám về vụ án Duevou (tức Lefranc - một cán bộ của Quốc tế Cộng sản, người có mối liên hệ chặt chẽ với Nguyễn Ái Quốc cho thấy: *"Quốc tế Cộng sản có chi nhánh ở Hồng Kông là Bộ phương Nam để chỉ đạo các hoạt động các Đảng Cộng sản ở châu Á... Song song với tổ chức Bộ phương Nam còn có một tổ chức đại diện cho Quốc tế Công đoàn ở Mátxcơva là: Ban thư ký Thái Bình Dương"*[1] và trong các tổ chức ấy: *"Lefranc là một đảng viên Đảng Cộng sản nổi tiếng của Pháp, là đại biểu của Ban Thư ký mới thuộc Ban thư ký Thái Bình Dương của Quốc tế Công đoàn, là người có quan hệ mật thiết với Nguyễn Ái Quốc - người đang thực hiện nhiệm vụ của Quốc tế Cộng sản tại Hồng Kông"*[2]. Đó là những tổ chức mà Nguyễn Ái Quốc đã gửi và nhận báo cáo, thư từ để chuyển về cho Đảng Cộng sản Việt Nam và các Đảng khác ở châu Á. Hầu hết bút danh của Người lúc này là Victor. Còn cái tên Nguyễn Ái Quốc và những hoạt động tích cực của Người cũng được đề cập đến trong những cuốn sách do Ban thư ký Thái Bình Dương in bằng tiếng Anh có nhan đề: *"Công nhân toàn thế giới liên hiệp lại"*. Mật thám đã tìm được cuốn sách đó và sau này khi bắt được Lefranc thì địa chỉ và những hoạt động của Nguyễn Ái Quốc bị lộ và Người đã bị cảnh sát Anh bắt giam trái phép tại Hồng Kông.

1, 2 Tài liệu lưu kho Bảo tàng Hồ Chí Minh CO: 273/580/3.

Như vậy, hơn một năm sống và hoạt động ở Hồng Kông, Nguyễn Ái Quốc không chỉ sáng lập ra Đảng Cộng sản Việt Nam, chỉ đạo xây dựng phong trào cách mạng trong nước mà còn là một cán bộ quốc tế có rất nhiều đóng góp cho việc sáng lập, xây dựng Đảng của một số nước Đông Nam châu Á. Qua những tư liệu liên quan trực tiếp và gián tiếp đến Người, một lần nữa cho chúng ta hiểu thêm rằng: Hoạt động của Hồ Chí Minh lúc này là nhằm mục tiêu cứu nước và giữ nước trong sự vẹn toàn chủ quyền dân tộc nhưng đồng thời cũng nhằm thực hiện nghĩa vụ đối với các dân tộc cùng cảnh ngộ, đối với sự nghiệp cách mạng chung trên thế giới. Vì thế hình ảnh của Hồ Chí Minh - một con người đã từng trải qua những năm tháng hoạt động gian lao, vất vả của một người dân thuộc địa, sự gian truân của một chiến sĩ quốc tế mãi in đậm trong tâm trí và tình cảm của dân tộc Việt Nam và bạn bè quốc tế.

NGUYỄN ÁI QUỐC VÀ BÁO LE PARIA (NGƯỜI CÙNG KHỔ)

TÔ BỬU GIÁM*

79 năm cuộc đời của Hồ Chủ tịch, Bác Hồ kính yêu, có nhiều sự kiện lịch sử trọng đại gắn liền với việc xây dựng, bảo vệ và phát triển đất nước ta. Đặc biệt trong 30 năm, khởi đầu từ khi Bác Hồ mới 21 tuổi, với hai bàn tay trắng, một mình từ bến cảng Sài Gòn ra đi tìm đường cứu nước. Người đã để lại nhiều bài học như những hạt ngọc quý giá cho kho tàng lịch sử của đất nước chúng ta.

Trong chuỗi ngọc quý giá đó, tôi xin phép trích ra một viên ngọc, một sự kiện tôi rất tâm đắc mà càng nghĩ tôi càng thấm thía ý nghĩa sâu sắc của nó.

Đó là sự ra đời và hoạt động tờ báo chữ Pháp *Le Paria (Người cùng khổ)* năm 1922 ở Paris là diễn đàn, tiếng nói của Hội Liên hiệp thuộc địa.

Hội này thành lập tháng 7-1921 gồm 200 hội viên và hai tổ chức: Hội những người An Nam yêu nước và Hội đấu tranh cho quyền công dân của người Madagascar. Ban thường vụ của hội gồm 7 người:

- Nguyễn Ái Quốc (thợ sửa ảnh) đại diện cho Đông Dương

* Hội đồng Khoa học xã hội Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bakitxô (trạng sư) đại diện đảo Réunion
- M.Blongcua (trạng sư) đại diện Mahoney
- Jean Baptiste (nhà buôn) đại diện Guadeloupa
- Moragne (nhà buôn) đại diện cho quần đảo Antilles
- Montnervin (nhà thương mại) đại diện cho Martinique
- Omơrăng (chủ nhiệm) Giám đốc Hội Chữ thập đỏ

Tờ báo Le Paria xuất bản lúc đầu một tháng một lần, sau nâng lên hai số. Số 1 ra ngày 1-4-1922. Lúc đầu tiêu đề là *Diễn đàn của vô sản thuộc địa* (Tribune du Prolétariat colonial). Tháng 1 năm 1924 đổi là *Diễn đàn của các dân tộc thuộc địa*.

Tôn chỉ và mục đích của tờ báo được tuyên bố trong số đầu tiên ra ngày 1-4-1922:

"Trong lịch sử phong trào quần chúng bản xứ ở các thuộc địa của Pháp chưa bao giờ có một tờ báo được lập ra để nói lên nỗi đau khổ và tình trạng khốn cùng của họ, bất kể họ thuộc đất nước nào, giống nòi nào. Le Paria ra đời là do sự đồng cảm sâu sắc của các đồng chí ở Bắc Phi, Tây Phi thuộc Pháp, Madagascar, Đông Dương, Antilles và Guyane.

Le Paria tố cáo những sự lạm quyền về chính trị, độc đoán, tình trạng bóc lột về kinh tế mà nhân dân cùng lãnh thổ rộng lớn ở hải ngoại là nạn nhân.

Báo kêu gọi đoàn kết lại, đấu tranh cho tiến bộ về vật chất và tinh thần cho chính họ. Báo kêu gọi tổ chức nhằm mục đích giải phóng những người bị áp bức khỏi các lực lượng chính trị thực hiện tình yêu thương và bác ái.

Le Paria đã sẵn sàng bước vào cuộc chiến đấu với mục đích là giải phóng loài người"[1].

1 Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 1, Nxb. Chính trị Quốc gia Hà Nội, 1995, tr. 449.

Trong số báo tiếp theo, *Le Paria* viết:

"Tờ báo này là tờ báo của các bạn, giúp các bạn thoát khỏi cảnh nô lệ và sẽ phát hành rộng rãi trong tất cả các thuộc địa nhằm dắt dẫn mọi người bị bóc lột thuộc mọi màu da đoàn kết lại dưới lá cờ búa liềm để trong một phong trào cách mạng quốc tế rộng lớn quét sạch mọi kẻ bóc lột mà chúng ta là những người cùng khổ..."[1].

Báo kêu gọi:

"... Đối với những ai đọc báo sống lâu và lớn mạnh... nên mua dài hạn và vận động nhiều người mua dài hạn báo. Le Paria cần phải làm cho hai hay ba tháng tới đây, chúng ta có trên 1.000 độc giả, trên 1.000 người mua báo dài hạn... Le Paria là tiếng nói của quần chúng bị áp bức. Tất cả đều cung cấp tư liệu cho chúng ta, đều viết về chúng ta.

Các bạn Pháp, các đồng bào ở thuộc địa và cư trú trên đất Pháp, các anh em bản xứ ở các thuộc địa hãy đáp lại lời kêu gọi của chúng tôi..."[2].

Từ buổi đầu thành lập, Ban Quản trị tờ báo phân công: Haphony phụ trách chung, thủ quỹ chính là Gutaroy de Tury, thủ quỹ phụ là Nguyễn Ái Quốc.

Tiếng là thủ quỹ phụ nhưng trong thời gian dài, Nguyễn Ái Quốc (gọi tắt là Nguyễn) làm nhiệm vụ như chủ bút tờ báo.

Người chịu trách nhiệm lo quyên góp, xây dựng cho tờ báo, bán báo, vận động ủng hộ quỹ của báo, viết bài tuyên truyền cổ động cho báo, quản lý chặt chẽ việc phát hành. Người làm tất bật mọi công việc chớ không chỉ là viết bài, tổng hợp tình hình các nơi để thông tin trên báo cho cập nhật, đúng tính thời sự của báo. Sự tồn tại của báo tính từng số một.

1 Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 1, Sđd, tr. 455.
2 Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 1, Sđd, tr. 461.

Như ai cũng biết, xuất bản một tờ báo, điều hành tờ báo, duy trì nó để ra được đều kỳ là một việc rất khó khăn. Khó không chỉ vì các thủ tục hành chính, dù ở nước có tự do báo chí rộng rãi như Pháp nhưng ra một tờ báo vạch trần cho người dân các nước thuộc địa của Pháp về tội của chế độ thực dân, kêu gọi vùng lên đấu tranh đòi quyền sống không dễ dàng được thực dân Pháp chấp thuận. Khó còn ở chỗ khả năng vật chất phục vụ cho sự tồn tại của một tờ báo, phát hành đến các nơi mong muốn, ở các thuộc địa nói tiếng Pháp. Khó còn ở chỗ làm sao hấp dẫn người đọc; độc giả chịu đọc báo, ủng hộ tờ báo, viết bài tuyên truyền cho báo.

Báo ra đều đặn, đến giữa năm 1923, Nguyễn đi Liên Xô, việc ra báo không được đều kỳ nữa. Đến số 38 (4-1926) tờ báo đình bản. Trong thư giã từ các bạn Pháp đã cùng làm việc trong tờ báo *Le Paria,* Nguyễn đã viết:

"Công việc chung của chúng ta Hội Liên hiệp thuộc địa và tờ báo Người cùng khổ (Le Paria) đã có những kết quả tốt. Nó đã làm cho nước Pháp, nước Pháp chân chính hiểu rõ bọn cá mập thực dân đã lợi dụng tên tuổi và danh dự nước Pháp để gây nên những tội ác không thể tưởng tượng được. Nó đã thức tỉnh đồng bào chúng ta, đồng thời cũng khiến cho đồng bào chúng ta nhận rõ nước Pháp, nước Pháp tự do, bình đẳng và bác ái. Nhưng chúng ta còn phải làm nhiều hơn...

Chúng ta phải làm gì? Chúng ta không thể đặt vấn đề này một cách máy móc. Điều ấy tùy thuộc vào hoàn cảnh mỗi dân tộc chúng ta. Đối với tôi, câu trả lời đã rõ ràng, là trở về nước, đi vào quần chúng thức tỉnh họ, tổ chức họ, đoàn kết họ, huấn luyện họ, đưa họ ra đấu tranh giành tự do độc lập...

...Các bạn thân mến,

Tôi từ giã các bạn. Tôi xa các bạn nhưng lòng tôi luôn luôn gần các bạn.

...

Các bạn tha lỗi cho tôi không hôn các bạn trước khi đi. Các bạn biết tôi đang bị theo dõi riết. Ông Đạo người đồng hương của tôi sẽ giao lại cho ông B chìa khóa của tờ báo, giấy tờ và tài liệu của Hội và của tờ báo, cũng như quỹ của tờ báo. Tôi đã trả tiền thuê nhà của báo đến cuối năm. Tiền in cũng đã thanh toán. Chúng ta không mắc nợ ai. Sổ thư viện để trong ngăn kéo bên phải. Sách cho mượn đã lấy về, trừ các sách cho hội viên đề nghị mượn.

Nói tóm lại các việc đều đâu vào đấy trước khi tôi đi..."[1].

* *

*

Nhìn lại quá trình xuất bản và phát hành tờ báo *Le Paria (Người cùng khổ)* một sự kiện trong rất nhiều sự kiện trong cuộc đời của Bác Hồ những năm xa Tổ quốc, bản thân tôi rất xúc động. Riêng tôi tự rút ra nhiều bài học quý giá về việc này khi tìm hiểu hoạt động, học tập tư tưởng và đạo đức Hồ Chí Minh.

Một là, bài học về lòng yêu nước, thương đồng bào thân yêu và quyết tâm sắt đá, vượt mọi gian khổ để tìm ra con đường giải phóng cho đồng bào đau khổ của mình.

Ra đi ở tuổi hai mươi mốt, với hai bàn tay trắng, không dựa được vào ai, học thức còn ở bậc sơ học, hành trang lớn nhất của Người chỉ là lòng yêu nước, thương dân và truyền thống bất khuất của tổ tiên.

Lo cho cuộc sống bản thân để tồn tại đã là khó, Người không ngại mọi khổ cực, tìm học, tìm hiểu ở những người chung quanh nhất là những người cùng khổ cách thức đấu tranh để chọn ra con đường đi của mình, cứu nước, cứu đồng bào...

---

1 Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 1, Sđd, tr. 463.

Ăn thiếu, mặc không đủ ấm, dành mỗi ngày một ổ bánh mì để ăn lót lòng khi làm việc đêm, lót các tờ báo ở ngực và lưng, ôm vào lòng một cục gạch đặt ở lò sưởi mỗi buổi chiều để lấy hơi nóng ngủ đỡ lạnh trong những đêm khuya, Người vẫn không nản lòng theo đuổi việc tự học và tìm hiểu hoạt động của các tổ chức xã hội, suy nghĩ chọn con đường đi cho mình để sau này về nước hướng dẫn đồng bào đấu tranh tự giải phóng.

Không những lo cho dân mình mà Người còn cảm động trước tình cảnh bị áp bức, bóc lột của người dân các nước cùng phải chịu cảnh nô lệ như đồng bào mình, Người đã tìm liên kết với các đại diện của những dân tộc này trong Hội Liên hiệp thuộc địa", vượt mọi trở lực để xuất bản một tờ báo làm tiếng nói chung, kêu gọi những người bị áp bức đoàn kết lại để đấu tranh đòi quyền sống của con người.

Hai là, bài học về sự tận tụy, khiêm tốn làm mọi việc và không quản ngại việc gì để bảo đảm sự ra đời và tồn tại của tờ báo chung "Người cùng khổ".

Tuy là một thành viên sáng lập của tờ báo, có thời gian làm chủ nhiệm kiêm chủ bút tờ báo, Người vẫn khiêm tốn nhận chức Thủ quỹ phụ của Ban Trị sự và làm mọi việc không câu nệ việc gì, từ quét dọn vệ sinh đến biên tập, sắp chữ, sửa mo-rat bản in, đóng báo, đi bán báo, viết bài kêu gọi ủng hộ tờ báo về tinh thần và tài chính để tờ báo tồn tại, phát hành tờ báo đúng theo quy định. Đó là chưa kể việc cực kỳ khó khăn là lo tài chánh để in báo, đối diện với các hạch sách và gây khó dễ của nhà chức trách nhằm hạn chế việc hoạt động của báo.

Ba là, bài học về sự chu đáo, hết lòng lo cho tờ báo từ khi mới ra đời đến khi tờ báo ngừng xuất bản.

Khi giã từ tờ báo, Người đã chu đáo giao mọi việc cho các đồng chí có trách nhiệm, giao chìa khóa nhà, tiền quỹ báo và sổ sách giấy tờ. Trong thư từ biệt Người nêu rõ: đã trả tiền nhà đến

hết năm, thanh toán hết tiền in báo, trao lại thư viện với danh sách của người đã mượn sách đã trả và chưa trả v.v.. cho biết tờ báo không còn nợ ai, v.v..

Bốn là, bài học về lòng ưu ái, thương yêu những người đã cùng sống chung từ người lớn tuổi đến các cháu nhỏ. Việc làm này biểu hiện công tác Dân vận của Người rất tốt.

Người tâm sự "rất thương các đồng chí nhưng không thể đến hôn để từ biệt vì mình đang bị theo dõi ráo riết. Người cho biết luôn nhớ các đồng chí, không hẹn sẽ viết thư vì hoạt động bí mật, rày đây mai đó. Người còn thơ cho các cháu nhỏ như Alice, như Paul thường âu yếm ôm hôn chú Nguyễn và ngồi trên đùi, lên lưng chú Nguyễn, nhắc các cháu đừng đánh chó Marius v.v.. Chúc các cháu ngoan, học giỏi sẽ đấu tranh cho Tổ quốc như ba má, chú Nguyễn và các chú khác".

Ngoài ra, Người cũng cho biết việc làm của mình khi về nước là vận động đồng bào đấu tranh... khuyên các bạn trong điều kiện nước mình mà có cách hành động thích hợp với hoàn cảnh nước mình...

* *
*

4-1922 - 4-1926 là thời gian 5 năm ra đời và tồn tại của tờ báo *Le Paria (Người cùng khổ).*

Tờ báo xuất bản số đầu tiên vào tháng 4-1922 lúc Bác Hồ của chúng ta (với tên gọi Nguyễn Ái Quốc) mới 32 tuổi, tức là 11 năm sau khi Người rời Tổ quốc ra đi tìm đường cứu nước.

11 năm này đánh dấu sự trưởng thành vượt bậc của Người. Từ một thanh niên yêu nước, thương đồng bào, căm thù sâu sắc thực dân Pháp, qua tiếp xúc với thực tế, Người đã phân biệt rõ ai là kẻ thù, ai là bạn. *Bọn thực dân Pháp mới chính là người gây đau khổ cho nhân dân Việt Nam, nhân dân các nước nơi chúng đến xâm lược cũng phải chịu cảnh tàn sát, khổ cực, áp bức như*

nhân dân Việt Nam. Người Pháp, ngoài bọn thực dân xâm lược còn có những người chân chính, yêu tự do, bác ái và bình đẳng sẵn sàng chia sẻ những đau khổ và giúp đỡ nhân dân Việt Nam. Không chỉ cứu dân tộc mình mà còn phải giúp và giải thoát các dân tộc bị áp bức khác.

Muốn giành thắng lợi trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc Việt Nam, phải đoàn kết liên hiệp với nhân dân các nước thuộc địa. Hội Liên hiệp thuộc địa và tờ báo Le Paria mà Người là người đồng sáng lập là nhằm mục đích ấy.

Là người yêu nước, người lao động chân chính, dù còn trẻ tuổi (lúc bấy giờ Người ở tuổi thanh niên sung sức nhất), Người đã không hề nghĩ đến những đòi hỏi vật chất xa hoa, lúc đang sống ở một xã hội tư bản, mà tận tâm, tận tụy với việc của tờ báo như việc của chính mình, chu đáo trong mọi việc, quan hệ tốt với mọi người, "kính già, yêu trẻ", "thương người như thể thương thân" theo truyền thống của tổ tiên, để lại tình cảm tốt đẹp với những người sống chung, không để lại điều tiếng gì không hay về nhân cách người Việt Nam.

Mới bước vào tuổi 30, là một trong những người sáng lập, rồi chủ nhiệm kiêm chủ bút, kiêm thủ quỹ một tờ báo chính trị chữ Pháp, tờ báo đầu tiên và *duy nhất lúc đó là diễn đàn cho các vô sản thuộc địa* (Tribune du Prolétariat colonial) in và phát hành từ sào huyệt của đế quốc thực dân Pháp, chống ngay thực dân Pháp: đúng là một huyền thoại. *Ngoài tài năng, lòng thiết tha yêu nước,* còn là dũng khí của một kẻ sĩ đáng lưu lại trong sử sách đấu tranh chống đế quốc của nhân loại.

ĐƯỜNG KÁCH MỆNH, TÁC PHẨM LÝ LUẬN ĐẦU TIÊN ĐẶT CƠ SỞ TƯ TƯỞNG CHO ĐƯỜNG LỐI CÁCH MẠNG VIỆT NAM

PGS. TS. VÕ XUÂN ĐÀN*

Năm 1927, xuất hiện một sự kiện có ý nghĩa lớn lao không chỉ cho cách mạng Việt Nam mà cho cả phong trào giải phóng dân tộc của nhân dân các nước thuộc địa trên thế giới, đó là việc xuất bản tác phẩm *Đường Kách mệnh* của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc. Cuốn sách này do Bộ tuyên truyền của Hội Liên hiệp các dân tộc bị áp bức ở Á Đông xuất bản để làm tài liệu học tập và tuyên truyền,

Đường Kách mệnh là cuốn sách gồm những bài giảng của Nguyễn Ái Quốc tại các lớp huấn luyện chính trị cho cán bộ Hội Việt Nam cách mạng Thanh niên do Người tổ chức tại Quảng Châu - Trung Quốc những năm 1925 - 1927.

Các lớp huấn luyện chính trị này với mục đích truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng và phương pháp cách mạng cho những người cách mạng Việt Nam, là sự chuẩn bị về chính trị, tư tưởng và tổ chức cho việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam vào đầu năm 1930.

Đường Kách mệnh là một trong những tác phẩm lớn, là sự nối tiếp logic *Bản án chế độ thực dân Pháp* được xuất bản ở Pháp năm

* Trường Đại học Ngoại ngữ - Tin học TP. Hồ Chí Minh.

1925. *Đường Kách mệnh* là tác phẩm lý luận đầu tiên, đặt cơ sở tư tưởng cho đường lối của cách mạng Việt Nam và có ảnh hưởng đến phong trào cách mạng ở nhiều nước thuộc địa khác. Bởi vì "Đường Kách mệnh", Chủ tịch Hồ Chí Minh không dừng ở chỗ phổ biến lý luận chủ nghĩa Mác - Lênin mà còn chỉ cho nhân dân Việt Nam cũng như nhân dân các nước thuộc địa con đường đấu tranh để giải phóng dân tộc, con đường đi tới độc lập, tự do và chủ nghĩa xã hội.

Bảy mươi năm qua kể từ khi tác phẩm *Đường Kách mệnh* ra đời, giá trị lý luận, giá trị thực tiễn và ý nghĩa lịch sử của tác phẩm vẫn mang đậm tính chân lý sáng ngời trong sự nghiệp cách mạng đổi mới để công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Về giá trị lý luận

Tác phẩm: *Đường Kách mệnh* của Chủ tịch Hồ Chí Minh có một vị trí nổi bật trong kho tàng lý luận của Đảng. Tác phẩm thể hiện sự hiểu biết sâu sắc và sự vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào hoàn cảnh lịch sử Việt Nam, định ra được đường lối cơ bản của cách mạng dân tộc và cách mạng vô sản ở Việt Nam, từ đó khắc phục tình trạng khủng hoảng về đường lối cách mạng kéo dài và sâu sắc trong hơn hai thập kỷ đầu của thế kỷ XX.

Đường Kách mệnh đã xác định đường lối cơ bản của cách mạng Việt Nam là *"dân tộc kách mệnh"* và *"giai cấp kách mệnh"*[1] tức là cách mạng dân tộc và cách mạng vô sản. Tác phẩm lý giải về *"dân tộc cách mạng và giai cấp cách mạng"* như sau:

"Một nước có sức mạnh đến cướp một nước yếu, lấy võ lực cai trị dân nước ấy, và giành hết cả quyền kinh tế và chính trị. Dân

1 Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 2, xuất bản lần 2, Nxb. Chính trị Quốc gia Hà Nội, 1995, tr. 257.

nước ấy đã mất cả tự do độc lập, lại làm ra bao nhiêu thì bị cường quyền vơ vét bấy nhiêu... khi có giặc dã, nó lại bắt dân đi lính chết thay cho nó... đánh được thì nó hưởng lợi quyền, thua thì mình đã chết người lại hại của... như Pháp với An Nam. Đến khi dân nô lệ ấy chịu không nổi nữa, tỉnh ngộ lên, đoàn kết lại, biết rằng thà chết được tự do hơn sống làm nô lệ, đồng tâm hiệp lực đánh đuổi tụi áp bức mình đi, ấy là dân tộc kách mệnh".[1]

Về "Giai cấp kách mệnh" tác giả viết: *"...Tư sản không làm công mà hưởng lợi, công và nông làm khó nhọc mà chẳng được hưởng... nước ta như vậy, các nước cũng như vậy. Công nông không chịu nổi, đoàn kết nhau đánh đuổi tư bản đi, như bên Nga, ấy là giai cấp kách mệnh".*[2]

Ngoài việc xác định đường lối cách mạng dân tộc dân chủ, *Đường Kách mệnh* đã phân tích trên cơ sở lý luận và thực tiễn về đối tượng, về động lực, về đồng minh, về mục tiêu và phương pháp cách mạng để cuối cùng tiến hành một cuộc cách mạng triệt để: *"Chúng ta đã hy sinh làm kách mệnh, thì nên làm cho đến nơi, nghĩa là làm sao cho kách mệnh rồi thì quyền giao cho dân chúng số nhiều, chớ để trong tay một bọn ít người. Thế mới khỏi hy sinh nhiều lần, thế dân chúng mới được hạnh phúc".*[3]

Và để đảm bảo cho cách mạng thắng lợi, tác phẩm *Đường Kách mệnh* đã khẳng định vai trò của Đảng cách mạng lấy chủ nghĩa Lênin làm nòng cốt: *"Sức mạnh kách mệnh phải tập trung, muốn tập trung phải có Đảng kách mệnh... để bên trong thì vận động và tổ chức dân chúng, ngoài thì liên lạc với dân tộc bị áp bức và vô sản giai cấp mọi nơi. Đảng có vững kách mệnh mới thành công, cũng như người cầm lái có vững thuyền mới chạy. Đảng muốn vững thì phải có chủ nghĩa làm nòng cốt, trong Đảng ai cũng phải hiểu, ai cũng phải làm theo chủ nghĩa ấy. Đảng mà không có chủ nghĩa cũng như người không có trí khôn, tàu không*

1,2,3 Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 2, xuất bản lần 2, Sđd, tr. 257.

có bàn chỉ nam. Bây giờ học thuyết nhiều, chủ nghĩa nhiều, nhưng chủ nghĩa chân chính nhất, chắc chắn nhất, kách mệnh nhất là chủ nghĩa Lênin".[1]

Những vấn đề lý luận về mối quan hệ giữa cách mạng Việt Nam và cách mạng thế giới, vấn đề đồng minh của cách mạng Việt Nam đều được nêu lên trong tác phẩm một cách rõ ràng, dễ hiểu. Giá trị lý luận của *Đường Kách mệnh* ở chỗ giáo dục, thuyết phục làm cho quần chúng tin ở chính mình, tin ở tập thể, tin vào chủ nghĩa Mác - Lênin, tin ở phương hướng cơ bản của cách mạng Việt Nam để quyết tâm làm cách mạng: *"Muốn sống thì phải làm kách mệnh", "kách mệnh là việc chung cả dân chúng chứ không phải việc một hai người"*[2]. *"... Việc gì khó cho mấy quyết tâm làm thì làm chắc được, ít người làm không nổi, nhiều người đồng tâm hiệp lực mà làm thì phải nổi"*[3], *"lại phải biết cách làm thì làm mới chóng"*[4]. Cách lập luận vắn tắt, dễ hiểu, dễ nhớ nhưng mang đầy tính khái quát lý luận cao, có giá trị chỉ đạo thực tiễn to lớn, thật sự xứng đáng là tác phẩm đặt nền móng cho kho tàng lý luận cách mạng dân tộc và cách mạng vô sản của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Về giá trị thực tiễn

Tác phẩm *Đường Kách mệnh* đã đáp ứng được những yêu cầu của cách mạng Việt Nam đó là việc xác định đường lối cách mạng dân tộc và cách mạng vô sản, giải quyết về cơ bản sự bế tắc, khủng hoảng về đường lối cách mạng, phương pháp và tổ chức của cách mạng Việt Nam.

Giá trị thực tiễn của *Đường Kách mệnh* là sự chuẩn bị về tư tưởng và tổ chức cho sự ra đời của Đảng Cộng sản ở Việt Nam. Trong vai trò của tổ chức Hội Việt Nam cách mạng thanh niên và tờ tuần báo quốc ngữ *Thanh niên* do lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc sáng lập đã có những cống hiến quan trọng về mặt giáo dục, tuyên truyền những vấn đề cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, chuẩn

1, 2, 3, 4 Sđd, tr. 257.

bị về nhân sự cho việc thành lập Đảng và khi Đảng ra đời thì đại đa số những người trong Việt Nam cách mạng thanh niên chuyển thành Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam.

Đầu năm 1930, Đảng Cộng sản Việt Nam được thành lập với *"Chính cương tóm tắt"*, *"Sách lược tóm tắt"*, là những văn kiện cách mạng đầu tiên của Đảng đã thể hiện đầy đủ những vấn đề mà *Đường Kách mệnh* đã đề cập đến: làm cách mạng dân tộc và dân chủ, tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội không qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa. Động lực chính của cách mạng là công nông, Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo cách mạng Việt Nam, đoàn kết dân tộc, đoàn kết giai cấp, đoàn kết quốc tế và có phương pháp cách mạng khoa học.

Thực tiễn cách mạng trong hơn 80 năm dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đã biến những ý tưởng cách mạng, những bước đi của cách mạng Việt Nam mà tác phẩm *Đường Kách mệnh* đã nêu lên thành hiện thực vĩ đại: Nước Việt Nam được độc lập, tự do, nhân dân hạnh phúc, đất nước đang từng ngày đổi mới với sự nghiệp công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Một giá trị thực tiễn khác của *Đường Kách mệnh* đó là tư tưởng chiến lược về con người, con người cách mạng, con người cán bộ cách mạng, yếu tố quan trọng quyết định sự thành bại của cách mạng, của chiến đấu và xây dựng.

"Tư cách một người kách mệnh" Chủ tịch Hồ Chí Minh viết trong cuốn *Đường Kách mệnh* cách đây 84 năm, nay đọc lại và suy ngẫm so sánh với tư cách người cán bộ của Đảng, của dân trong thời kỳ đổi mới theo định hướng xã hội chủ nghĩa thì chân giá trị của nó chắc không có gì phải thay đổi, thêm bớt mà chỉ thực hiện. Mục *"Tư cách một người kách mệnh"*, Người viết: *"Cần kiệm... cả quyết sửa lỗi mình... cẩn thận mà không nhút nhát... nhẫn nại* (chịu khó)*... Hay nghiên cứu xem xét... Vị công vọng tư... không hiếu danh, không kiêu ngạo. Nói thì phải làm. Giữ chủ nghĩa cho vững. Hy sinh. Ít lòng tham về vật chất... Với từng người thì khoan*

thứ. Với đoàn thể thì nghiêm. Có lòng bày vẽ cho người. Trực mà không táo bạo. Hay xem xét người... Quyết đoán, dũng cảm. Phục tùng đoàn thể".[1]

Ngày nay đội ngũ cán bộ cách mạng của Đảng, của Nhà nước, của nhân dân hết sức đông đảo, hoạt động trên khắp các lĩnh vực của công cuộc cách mạng đổi mới dưới sự lãnh đạo của Đảng đã được đào tạo và đang hoạt động cống hiến theo định hướng chiến lược của *"tư cách người cách mạng"* mà lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc đã chỉ ra.

Trong công cuộc đổi mới hiện nay, đặc biệt đổi mới trong kinh tế, với việc phát triển kinh tế hàng hóa nhiều thành phần theo định hướng xã hội chủ nghĩa chúng ta thấy một số vấn đề về xây dựng kinh tế hợp tác xã cũng đã được tác phẩm *Đường Kách mệnh* đề cập đến, đáng chú ý nhất là chủ trương đa dạng hóa các loại hình hợp tác xã, cách tiến hành tổ chức hợp tác xã. *"Hợp tác xã có bốn cách: Hợp tác xã tiền bạc; hợp tác xã mua; Hợp tác xã bán; Hợp tác xã sinh sản".*[2] Hợp tác xã ngày nay là một thành phần kinh tế tích cực. Từ khi có chính quyền cách mạng đến nay luôn được Đảng và Nhà nước tổ chức và lãnh đạo, tạo điều kiện thuận lợi để cho kinh tế hợp tác xã phát triển đem lại quyền lợi kinh tế thiết thực cho cộng đồng dân cư từ nông thôn đến thành thị.

Những vấn đề về lý luận của công tác mặt trận, của việc xây dựng những tổ chức tiêu biểu cho một thiết chế chính trị xã hội mới *"mà quyền giao cho dân chúng số nhiều"* như công hội, nông hội, hội thanh niên, hội phụ nữ, đã được *Đường Kách mệnh* đề cập đến và trong 84 năm qua những cơ sở lý luận, những phương hướng tổ chức và hoạt động ban đầu đã được Đảng Cộng sản Việt Nam phát huy, nâng cao đến độ hoàn chỉnh, tạo nên sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân để chiến thắng mọi kẻ thù xâm lược, xây dựng một nước Việt Nam độc lập, thống nhất, tiến lên chủ nghĩa xã hội.

1, 2 Sđd.

Về giá trị lịch sử

Tác phẩm *Đường Kách mệnh* của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong sự nghiệp cách mạng của dân tộc Việt Nam có một giá trị lịch sử lớn lao.

Tác phẩm là kim chỉ nam cho cách mạng Việt Nam, là sự vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào hoàn cảnh cách mạng của nước ta, là sự kết hợp giữa cái phổ biến của nhân loại với cái đặc thù của dân tộc Việt Nam trong việc giải quyết những vấn đề cụ thể của cách mạng đề ra. Dân tộc Việt Nam có truyền thống trọng đạo đức, người cách mạng Việt Nam tiếp theo truyền thống đó để xây dựng cho mình đạo đức và *"tư cách của người kách mệnh"*. Vì lẽ đó mà trong tác phẩm *Đường Kách mệnh,* mở đầu Chủ tịch Hồ Chí Minh nêu mục "Tư cách một người kách mệnh", và cho đến lúc từ biệt chúng ta, trong *Di chúc,* Người lại nhắc đến vấn đề đạo đức, tư cách người cách mạng.

"Mỗi Đảng viên cán bộ phải thật sự thấm nhuần đạo đức cách mạng, thật sự cần kiệm liêm chính, chí công vô tư, phải giữ gìn Đảng ta thật trong sạch, phải xứng đáng là người lãnh đạo, là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân".[1]

Cách mạng Việt Nam trong thời gian qua đã đạt được những thành tựu to lớn. Tổ quốc được độc lập, dân tộc được tự do, cuộc sống được hạnh phúc ấm no, trình độ về mọi mặt của đất nước, của nhân dân ngày một nâng cao. Có những thành quả vĩ đại đó là do chúng ta có Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo với đường lối cách mạng đúng đắn mà cơ sở ban đầu đã được chung đúc lại ở tác phẩm *Đường Kách mệnh.*

Trên cơ sở những luận điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, bằng những sự kiện lịch sử chính xác của dân tộc và thế giới *"lịch sử kách mệnh Mỹ", "lịch sử kách mệnh Nga", "lịch sử cách mạng Pháp",* với bút pháp phân tích sâu sắc, những vấn đề lý luận cơ bản được trình bày trong tác phẩm *Đường Kách mệnh* không chỉ

1 Hồ Chí Minh, *Toàn tập,* tập 12, Nxb. Chính trị Quốc gia, 1996.

có tác dụng to lớn đối với sự nghiệp cách mạng của dân tộc Việt Nam mà còn có ý nghĩa và tác dụng lớn đối với cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc của nhân dân các nước thuộc địa. Đó là những vấn đề then chốt sau đây:

Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng.

Cách mạng muốn thành công phải có Đảng kiểu mới lãnh đạo.

Phải kiên định lập trường cách mạng, làm cách mạng đến cùng "đời này làm chưa xong thì đời sau tiếp theo làm phải xong".

Cách mạng giải phóng dân tộc phải liên hệ chặt chẽ với cách mạng vô sản thế giới theo khẩu hiệu của Lênin đề ra: *"Vô sản toàn thế giới và các dân tộc bị áp bức đoàn kết lại"*.

Đường Kách mệnh là sự biểu hiện cụ thể về sự kết hợp chặt chẽ hai dòng thác cách mạng giải phóng dân tộc và cách mạng vô sản. Sự thành công của cách mạng Việt Nam đã góp phần làm phong phú kho tàng lý luận cách mạng chung của nhân loại.

Nhiều nhà lý luận cách mạng và sử học Việt Nam đã có sự so sánh giá trị lịch sử của tác phẩm *Đường Kách mệnh* của Chủ tịch Hồ Chí Minh có vai trò và giá trị lịch sử như tác phẩm *Làm gì* của Lênin đối với cách mạng Nga trong việc chuẩn bị về tư tưởng, tổ chức, đường lối cho cuộc cách mạng Nga. Hai tác phẩm đều chiếm một vị trí nổi bật trong kho tàng tư tưởng và lý luận của hai Đảng và của phong trào cộng sản quốc tế.

Kỷ niệm 84 năm ra đời tác phẩm *Đường Kách mệnh* chúng ta có một thực tiễn lịch sử đầy thử thách và hào hùng trong ự nghiệp cách mạng dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam để đánh giá sự đóng góp xuất sắc của *Đường Kách mệnh* tác phẩm lý luận đầu tiên đặt cơ sở tư tưởng cho việc đề ra đường lối cơ bản của cách mạng Việt Nam, trong việc chuẩn bị về tư tưởng và tổ chức tiến đến thành lập Đảng Cộng sản ở Việt Nam vào năm 1930, trong việc truyền bá chủ nghĩa

Mác - Lênin, tư tưởng và phương pháp cách mạng cho những người cách mạng Việt Nam. *Đường Kách mệnh* thể hiện một cách giản dị nhất những tư tưởng uyên bác, những phương hướng rõ rệt và những quyết tâm sắt đá của một lãnh tụ cách mạng. *"Nó đánh dấu bước ngoặt trong nhận thức, trong tình cảm và trong ý chí phấn đấu của nhân dân Việt Nam"*[1]. Để đi tiếp *Đường Kách mệnh* ở chặng đường công nghiệp hóa đất nước, chúng ta tin tưởng tuyệt đối ở đường lối đổi mới của Đảng, quyết tâm thực hiện thắng lợi nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng Cộng sản Việt Nam vì sự nghiệp dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh, vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội.

1 Vũ Khiêu, *Văn hiến Việt Nam*, tập 2, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1996, tr. 409.

HÀNH TRÌNH TÌM ĐƯỜNG CỨU NƯỚC CỦA HỒ CHÍ MINH - CON ĐƯỜNG KÁCH MỆNH ĐẦY HY SINH GIAN KHỔ VÀ QUYẾT THẮNG

NGUYỄN THỌ CHÂN*

Trong sự nghiệp vì dân vì nước, dù lớn hay nhỏ, từ xưa đến nay, thành bại không phải do may rủi, mà chủ yếu là đã chọn con đường nào, đường ấy đúng hay sai. Ai cũng muốn được đi con đường dễ dàng nhưng không phải muốn là được, vì không tin vào sức mạnh bản thân, hoặc do dựa vào sự giúp đỡ bên ngoài - một sự giúp đỡ mà ít khi vô tư, họ bị lợi dụng, có khi họ bán luôn nạn nhân cho kẻ thù của chính nạn nhân như Kiều vội nghe Sở Khanh mà gặp họa gấp đôi. Hoặc như Nhật muốn làm ăn với Pháp, trục xuất Phan Bội Châu cho Pháp bắt.

Có đường lối rồi, từ đoạn khởi đầu đến đích cuối cùng, thực hiện sự nghiệp thì tránh sao "Vạn sự khởi đầu nan" đầy gian khổ, khó khăn, đòi hỏi sự kiên trì nhẫn nại vô cùng. Có khi sự nghiệp càng lớn, càng rộng, thắng lợi cũng có nhưng khó khăn phức tạp càng lớn, như khi có giông bão, sóng thần phải ra tay đối phó và phải hy sinh vô bờ bến.

Nhưng bất kỳ con Đường Kách mệnh nào cũng phải hợp với thế nước lòng dân, với xu thế thời đại, với điều kiện, thời cơ khách quan hoặc tự tạo ra thời cơ rất cụ thể mà ở đó, nhân dân tự thấy

---

* Nguyên Ủy viên Trung ương Đảng.

không có cách nào khác hơn để tự giải phóng, để mưu cầu hạnh phúc ấm no. Có đường đi, còn phải có nội dung, chủ trương, chính sách đúng mới tập hợp được đông đảo quần chúng, mà đại đa số là lao động cần lao; mới tìm được hình thức tuyên truyền động viên, hình thức tổ chức và đấu tranh thích hợp, đúng đắn, không quá cao quá thấp, giành thắng lợi từng bước, từ nhỏ đến lớn, từ thấp đến cao; có khi phải tạm lùi một bước để tiến lên vài bước. Tôi nhớ mãi lời dạy của Đảng: "Làm tốt công tác tuyên truyền là đã đạt 50% của thắng lợi!" hoặc "Có đường lối đúng đắn phải có tổ chức đúng đắn" (une politique adéquate, une organisation a déquate), ý nói gồm cả vấn đề phẩm chất cán bộ.

Cuối cùng con Đường Kách mệnh ấy, nếu có quyết tâm thực hiện, biết tiến thoái hợp lý, xây dựng và bảo tồn, phát triển lực lượng kách mệnh thì chắc chắn tạo được lòng tin của quần chúng.

Chung qui đường đi ấy dẫn tới hướng nào, vì ai, chống kẻ thù và vật cản nào, đưa lại quyền lợi cụ thể gì, dù chỉ là quyền lợi rất nhỏ nhưng đều hướng đến mục tiêu giải quyết vấn đề bức thiết của dân. Cho nên không phải cứ đề ra khẩu hiệu, hô hào là được dân tin và theo ngay. Quần chúng thiết thực lắm, tinh tường lắm. Họ có thể nhất thời bị lừa dối bởi những lời hứa nhưng cũng mau chóng nhận ra chân giả. Và khi đã nhận ra thực hư, thái độ dân có thể nhất thời thụ động nhưng khi đã xuất hiện bậc anh hùng, với tổ chức hết lòng vì nghĩa lớn là họ nhanh chóng tập hợp và hành động quyết liệt như vũ bão, sẵn sàng vượt mọi gian nguy, xả thân với sức mạnh dời non lấp biển. Họ sẵn sàng dìm đắm những nền thống trị thối nát và sẵn sàng đưa con tàu mới đến bến bờ vinh quang.

Theo tôi, con đường cứu nước của Hồ Chí Minh được hiểu như sau:

1. Thời cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX nhiều sĩ phu yêu nước hô hào Cần Vương, chống thực dân xâm lược lập nền đô hộ bạo tàn. Các cụ là lớp trên (quan lại hay khoa bảng), chưa thấy

được sức dân, coi sự nghiệp cứu nước lớn lao là sự nghiệp của giới tinh hoa chứ đám dân đen dốt nát chẳng biết gì? Không dựa vào dân, các cụ nghĩ ngay đến việc nhờ vả ngoại bang, trước mắt chỉ có Nhật, Tàu nên chủ trương phong trào Đông Du. Nhưng những thế lực mà các cụ ấp ủ mong nhận được sự giúp đỡ cũng là tầng lớp thống trị, cũng đang tranh bá đồ vương. Nhật thì dựa vào tư bản phương Tây để mở mang, nên khi thỏa hiệp với các cường quốc phương Tây, Nhật lập tức xua đuổi những người thực tâm yêu nước như Phan Bội Châu để cho Pháp bắt.

Một số người cũng sang Tàu nương nhờ nhưng chính nước Trung Hoa to lớn ấy cũng bị các cường quốc gây sự, phải nhượng hết tô giới này đến tô giới khác, đất nước bị xâu xé bởi bọn quân phiệt chia nhau hùng cứ địa phương, còn dân cùng thì tập hợp thành thổ phỉ chiếm các dãy núi làm căn cứ để cướp bóc dân lành. Triều đình Mãn Thanh không cứu được chính mình thì đâu phải là nơi để cách mệnh Việt Nam trông cậy? Một số người dựa vào quân phiệt, tư sản Tàu và trở thành tay sai chống Cộng.

Nguyễn Sinh Cung - Nguyễn Tất Thành - Văn Ba - Nguyễn Ái Quốc tức Chủ tịch Hồ Chí Minh của chúng ta có cái nhìn khác, theo hướng khác. Muốn chống thực dân Pháp thì trước hết phải hiểu nước Pháp, xã hội, kinh tế, khoa học, kỹ thuật, chỗ mạnh chỗ yếu của nước Pháp. Sang phương Tây, nơi khoa học kỹ thuật phát triển, nơi công nghiệp hóa cao, nơi tư tưởng triết học mạnh, kinh tế học, văn học nghệ thuật hiện đại, nơi đấu tranh giai cấp quyết liệt, nơi có các tổ chức chính trị, đảng phái cánh tả hoạt động mạnh, chủ yếu là giới cần lao mà các bậc trí thức lớn tham gia, nơi mà ngay các nhà cách mạng Nga cũng tập hợp lực lượng để đưa ra lời kêu gọi đấu tranh chống Sa Hoàng. Thời kỳ đó, Tây Âu cũng là nơi có đội thương thuyền viễn dương với các pháo hạm làm chủ các đại dương, và chiếm cứ thuộc địa khắp nơi, hình thành những đế quốc rộng lớn: mặt trời không bao giờ lặn như đế quốc Anh, Hà Lan, Pháp, Tây Ban Nha. Chỉ

sang hướng Tây, Hồ Chí Minh mới có điều kiện chứng kiến thế giới và mới thấy thế nào là chế độ tư bản thực dân, thế nào là sự cùng khổ của giai cấp thợ thuyền và các dân tộc thuộc địa. Muốn chống lại chế độ thực dân thì phải liên minh với tầng lớp nào, dân tộc nào, nhân vật nào.

Từ trung tâm châu Âu này, Người đi làm thuê, lao động cật lực để tự lo cuộc sống vô cùng thiếu thốn, đồng thời tham gia các tổ chức chính trị xã hội, nhất là các công đoàn, thậm chí cả sinh hoạt "Câu lạc bộ Ngoại ô" (Corcle de fanbourg) để tự do bàn bạc về tất cả các vấn đề với những chính kiến, quan điểm khác nhau. Nhưng cũng từ những cuộc tranh luận đó và tập viết bài cho tờ *"Đời sống thợ thuyền"* (La vie ouvrière) của Paul Lafargue, con rể Mác mà trình độ nói và viết của Người tiến bộ rất nhanh.

Và cũng tại Pháp, với các sách báo mácxít, Người đã nghiên cứu và sớm trở thành một chiến sĩ cách mạng khoa học, đặc biệt khi đọc *Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa* của Lênin, Người đã vô cùng sung sướng khi tìm ra con đường giải phóng cho dân tộc Việt Nam. Càng sung sướng hơn khi thấy Quốc tế III đã bổ sung lời kêu gọi "Vô sản toàn thế giới liên hiệp lại" thành "Vô sản và các dân tộc bị áp bức toàn thế giới liên hiệp lại". Cũng trong thời gian ở Pháp, năm 1921, Nguyễn Ái Quốc đã tham gia sáng lập Hội Liên hiệp thuộc địa.

Chỉ ở châu Âu, trung tâm đấu tranh giai cấp thời đó, Người mới thấy không thể thỏa hiệp trong đấu tranh. Không thể có Pháp - Việt đề huề như kiểu Nguyễn Phan Long, Bùi Quang Chiêu chủ trương ở trong nước; thực ra đây chỉ là chiêu bài mà thực dân Pháp nhử để kìm hãm phong trào yêu nước, giành độc lập của dân ta mà thôi.

Chính do đi đây đi đó, tìm hiểu, học tập và nâng cao phong trào đấu tranh, với tên Nguyễn Ái Quốc, Người đã viết báo, viết sách

lên án chế độ thực dân Pháp; đã thay mặt những người An Nam yêu nước gửi yêu sách đòi các quyền cơ bản cho dân tộc tới Hội nghị của các nước thắng trận trong Chiến tranh thế giới thứ nhất đang họp tại Vécxây. Người đã ra báo *"Người cùng khổ"* (Le Paria) để tuyên truyền đấu tranh trong các dân tộc thuộc địa. Ở Paris, Người cũng tập hợp được những chiến sĩ Việt Nam ưu tú như: Tôn Đức Thắng, Bùi Lâm và nhận được sự bao bọc, giúp đỡ của các trí thức như Phan Châu Trinh, Phan Văn Trường. Hòa mình trong cuộc sống của giới lao động thợ thuyền, Người đã được rèn luyện phẩm chất tuyệt vời của giai cấp công nhân như giác ngộ chính trị giai cấp, tính tổ chức, tính kỷ luật..., tính đoàn kết hợp tác mà giai cấp này tự hình thành ngay trong lao động sản xuất và được chủ nghĩa Mác - Lênin giác ngộ. Tôi nghĩ đạo đức, phẩm chất Hồ Chí Minh mà chúng ta đang học tập, làm theo có nguồn gốc khoa học của nó từ truyền thống dân tộc nhân dân ta, từ phẩm chất của giai cấp công nhân mà tôi nghĩ sẽ là chủ thể của xã hội Việt Nam sau này. Không nói đến nguồn gốc đạo đức Hồ Chí Minh khác nào chúng ta không nói đến nguồn gốc của Chủ nghĩa Mác từ triết học Đức, Kinh tế học Anh, Xã hội học Pháp. Chúng ta học tập đạo đức Hồ Chí Minh mà không nói đến nguồn gốc, coi như trên trời rơi xuống là kiểu duy tâm không ai theo được một cách thực sự. Đảng ta lúc đầu đưa các đảng viên đi vô sản hóa, thâm nhập, học tập giai cấp công nhân, đồng thời tuyên truyền, giác ngộ chính trị cho công nhân đã làm cho Đảng trở thành tiền phong.

Tôi tham gia Trung ương khóa III 16 năm, bầu 78 người thì có tới vài chục là công nhân công nghiệp giữ những địa vị chủ chốt của Đảng và chính quyền, một số là quân nhân cách mạng rất kỷ luật và quyết tâm, còn lại đều đã trải qua tù đày gian khổ. Các đồng chí Trung ương là công nhân như Hồ Chí Minh, Tôn Đức Thắng, Nguyễn Thanh Bình, Nguyễn Lương Bằng, Trần Quốc Hoàn, Lê Văn Lương, Lê Thanh Nghị, Văn Tiến Dũng, Nguyễn Hữu Mai, Nguyễn Văn Trân, Trần Văn Trà, Nguyễn Trọng Vĩnh...

vẫn là những người kiên định và có phẩm hạnh nhất. Một số đồng chí khác tuy có cuộc đời lao động vất vả nhưng không kể là công nhân như Đỗ Mười, Võ Chí Công, Phạm Văn Xô. Tôi có đi làm thợ ngắn cũng không tự coi mình là công nhân được vì sự rèn luyện trong giai cấp chưa đủ để hình thành phẩm chất công nhân. Nhưng tôi phải thừa nhận đã học tập, rèn luyện tốt hơn vì có thời gian làm thợ. Qua con đường mà Bác tìm tòi để cứu nước và để hình thành phẩm chất của Bác là cả một quãng đường vô cùng khó khăn của nhân dân và đất nước. Ai muốn thành người như Bác, ít hoặc nhiều thì không nên và không thể chỉ nói như "thầy cúng" mà phải lăn lộn vào cuộc sống cho đến nay còn rất gian khổ. Muốn có đạo đức Hồ Chí Minh phải làm theo đã đành mà phải lăn mình vào giai cấp công nhân mới, hiện đại, vào các giới cần lao. Làm khác đi chỉ là sáo mép và bôi bác mà thôi, khó có được kết quả tốt đẹp như mong muốn. Tôi nhắc lại ý tôi: giai cấp công nhân là cơ bản, là chủ thể nhưng tôi không hề coi thường nông dân và trí thức là đồng minh quan trọng. Nhưng đã đi theo định hướng xã hội chủ nghĩa thì công nhân công nghiệp với đội ngũ trí thức của nó vẫn là đội chủ lực. Lịch sử vận động cách mạng Việt Nam đã chứng minh hùng hồn điều đó.

Đảng đã ra Nghị quyết về xây dựng giai cấp công nhân trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Tôi hoan nghênh và đã viết nhiều trang gửi Trung ương bổ khuyết nhận xét và đề cập nhiều biện pháp thực hiện. Tôi nói việc này để các đồng chí lãnh đạo cao nhất phải làm để giáo dục chính trị, để đặt giai cấp công nhân vào đúng chỗ ngồi lịch sử - sứ mệnh của nó. Đảng phải bồi dưỡng chính trị để công nhân thấy phẩm chất cao đẹp và sứ mệnh của mình. Phải gặp gỡ công nhân, đàm đạo với họ để hiểu họ hơn. Khi làm việc ở Hà Nội, tôi thấy Bác thường đi thăm các nhà máy, gặp gỡ công nhân, thậm chí thăm cả gia đình công nhân, trí thức tiêu biểu, rất khác với một số nhà lãnh đạo sau này. Làm như Bác mới là học trò của Bác.

2. Xin trở lại vấn đề, muốn cứu nước thì phải am hiểu về tư tưởng, chính trị, kinh tế, kỹ thuật, văn hóa, đời sống xã hội không chỉ của dân mình mà cả trào lưu thế giới; biết về đất nước mình đã đành nhưng còn năm châu bốn biển ra sao? Lực lượng nào đang thống trị, lực lượng nào đang bị áp bức bóc lột cần liên kết đấu tranh để tự giải phóng; không có tầm nhìn xa trông rộng làm sao gầy được sự nghiệp lớn lao?

Con đường cứu nước mà Hồ Chí Minh tìm tòi từ bối cảnh, điều kiện một dân tộc nhược tiểu vong quốc, rời rạc, chưa có đường lối dẫn dắt, chưa có thực lực, người theo thưa thớt, đa số chưa tin ở sức mình, chưa xuất hiện một tài năng đáng tin cậy. Đó là con đường phải xây dựng từ không đến có, tích lũy từ ít đến nhiều, chịu sự đàn áp vô cùng khốc liệt và thủ đoạn xảo trá của bọn thực dân phong kiến, quả là con đường chông gai, nhiều vật cản, đầy hy sinh, ngoắt ngoéo, không đủ quyết tâm không thể tới đích. Mỗi đoạn đường ngắn có, dài có phải nhận rõ địch ta, tương quan lực lượng, thái độ chính trị của từng giai cấp, tầng lớp trong xã hội mà có quyết sách đúng đắn, giành từng thắng lợi dù nhỏ, cắm mốc thắng lợi từng bước rồi lại tiến lên. Có khi tạm thời thất bại nhưng không được nản lòng, phải chỉnh đốn đội ngũ rồi lại tiến lên cho tới thắng lợi hoàn toàn mới gọi là cứu nước.

Con đường ấy, Hồ Chí Minh đã vạch ra và dẫn dắt dân ta đi được vài đoạn. Nhưng cứu nước không phải đánh đuổi thực dân phong kiến giành độc lập đã là xong. Con đường đó còn dài cho tới khi toàn dân giàu có, đất nước hùng mạnh không bị thế lực nào đe dọa, hoàn toàn độc lập và bảo vệ chủ quyền toàn vẹn lãnh thổ, phân phối xã hội công bằng, mọi người được tự do, dân trí nâng cao, văn minh rạng rỡ thì lúc đó cũng chưa chắc nguy cơ đã hết.

Bác có nói nước được độc lập mà dân sống không hạnh phúc thì độc lập không có ý nghĩa gì.

Xem tình hình nước ta hiện nay thì con đường cứu nước vẫn còn rất dài và cũng vô cùng khó khăn gian khổ, đòi hỏi đảng viên, cán bộ và nhân dân cả nước nêu cao tinh thần yêu nước, đoàn kết trong và ngoài nước, cần kiệm và cố gắng cao nhất để chỉ đạo toàn bộ đời sống xã hội trong nhiều thập kỷ, thậm chí cả thế kỷ mới yên tâm được.

NGUYỄN ÁI QUỐC - HỒ CHÍ MINH NGƯỜI TRÍ THỨC TIÊN PHONG CỦA NƯỚC VIỆT NAM

NGND. GS. TS. NGUYỄN NGỌC GIAO*

Viết về một nhân cách lớn như Chủ tịch Hồ Chí Minh là một việc làm rất khó, đặc biệt đối với người không nghiên cứu chuyên về lịch sử như tôi. Hơn nữa, số tài liệu viết về Người là rất nhiều, nên những bài viết sau không thể tránh khỏi trùng lắp ở một số ý.

Tham luận của tôi chỉ là một ý kiến nhỏ góp thêm vào kho tư liệu đã đồ sộ về Người.

1. Trong suốt thời kỳ nước ta bị thực dân Pháp đô hộ, đã có biết bao sĩ phu đứng lên lãnh đạo quần chúng đấu tranh tìm cách giải phóng dân tộc. Ta có thể kể ra đây những tên tuổi lớn như Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh, Trần Quý Cáp, và những người khác. Đó là những đại diện tiêu biểu của tầng lớp trí thức thời đó, là những người có hiểu biết, có lý luận, luôn quan tâm đến vận mệnh đất nước và có ảnh hưởng lớn trong xã hội.

Tuy nhiên, do những hạn chế hiển nhiên về nhận thức cũng như đường lối đấu tranh nên những cuộc khởi nghĩa vũ trang đều thất bại (Hoàng Hoa Thám, Nguyễn Thái Học...), phần lớn là do

* Chủ tịch Liên hiệp các hội Khoa học và Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh.

chưa huy động được đông đảo quần chúng nhân dân, chưa thật sự đáp ứng nguyện vọng của nhân dân lao động. Những cố gắng đấu tranh nghị trường cũng cùng chung số phận. Các vị quay ra đi tìm ngoại viện (phong trào Đông du). Nhìn chung các cuộc đấu tranh của những sĩ phu nói trên, tuy đầy nhiệt huyết, hy sinh dũng cảm nhưng đều bế tắc về phương hướng.

Người thanh niên Nguyễn Tất Thành cũng sinh ra và lớn lên trong giai đoạn đó. Người khâm phục tinh thần yêu nước của Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh, Hoàng Hoa Thám và những người khác, nhưng nhận ra hạn chế của các nhà yêu nước đương thời, không đồng ý đi theo các con đường đó. Người quyết tâm dấn thân tìm con đường phù hợp.

2. Sinh ngày 19-5-1890 tại Nam Đàn, Nghệ An với tên là Nguyễn Sinh Cung, Người cùng cha mẹ và anh trai vào Huế lần đầu tiên vào năm 1895. Đến năm 1901 mẹ mất, Người trở về Nghệ An, và trong thời gian này, Người lấy tên là Nguyễn Tất Thành.

Năm 1906 Nguyễn Tất Thành theo cha vào Huế lần thứ hai, theo học trường tiểu học Pháp - Việt Đông Ba. Đến tháng 9-1907, Người vào học trường Quốc học Huế, nhưng không lâu sau đó (năm 1908) bị đuổi học vì tham gia phong trào đấu tranh chống thuế ở Trung Kỳ.

Các tỉnh ở miền Trung nước ta lúc bấy giờ trực thuộc triều đình Huế, nhân dân bị hai tròng áp bức là phong kiến và thực dân Pháp. Nguyễn Tất Thành nhận thấy phải vào Nam để tránh sự kiểm soát của triều đình, đồng thời vào Nam tức là thâm nhập vào xã hội "văn minh" hơn, gần với cấu trúc xã hội phương Tây hơn. Người vào Phan thiết năm 1910, dạy chữ Hán và chữ Quốc ngữ cho học sinh lớp 3 và lớp 4 trường Dục Thanh.

Về sau này, khi trả lời phỏng vấn của nhà báo Mỹ Anna Louise Strong, Người đã nói: *"Nhân dân Việt Nam, trong đó có cha tôi, thường tự hỏi ai sẽ giúp họ loại bỏ ách thống trị của Pháp. Một số*

cho rằng Nhật Bản, người cho là Anh, người lại cho là Mỹ. Tôi đã thấy rằng tôi phải ra nước ngoài để tự nhìn. Sau khi tôi hiểu được họ sống như thế nào, tôi sẽ về giúp đồng bào tôi".

Với ý định đó trong đầu, Người nghỉ dạy ở trường Dục Thanh (trước tháng 2-1911) để vào Sài Gòn. Phải nói Sài Gòn lúc đó là thành phố lớn nhất nước, có cấu trúc xã hội gần với các nước tư bản nhất. Có thể nói đây là nơi quá độ để Nguyễn Tất Thành thâm nhập trước khi đến một đất nước tư bản chính cống. Để chuẩn bị kỹ năng cho một cuộc sống "lăn lộn" nay đây mai đó sắp tới, Nguyễn Tất Thành đã xin theo học trường Bá Nghệ (nay là trường Cao đẳng kỹ thuật Cao Thắng), đồng thời tìm cách xuất dương.

Xuất dương đi nước nào? Trong một lần trả lời nhà báo Liên Xô Ôxíp Manđenxtam, Nguyễn Ái Quốc đã nói rõ: *"Hồi khoảng 13 tuổi, tôi được nghe lần đầu các từ tiếng Pháp "tự do", "bình đẳng", "bác ái". Khi đó tôi nghĩ tất cả những người da trắng đều là người Pháp. Vì người Pháp đã viết những từ này nên tôi đã muốn làm quen với văn hóa Pháp để hiểu được ý nghĩa chứa trong các từ đó".*

Người thanh niên Nguyễn Tất Thành học ở trường Bá Nghệ được 3 tháng thì đến dịp xuất dương. Ngày 5-6-1911 tại cảng Sài Gòn, Nguyễn Tất Thành lên đường đi Pháp trên chiếc tàu buôn mang tên Đô đốc Latouche Tréville (Latusơ Tơrêvin) với tư cách thợ máy dưới tên Văn Ba.

Ngày 6-7-1911, Người đến cảng Marseille (Mácxây), cửa ngõ vào nước Pháp. Người ngạc nhiên thấy ở đây có rất nhiều người da trắng nghèo khổ, đặc biệt là phụ nữ, trẻ em. Người phải thốt lên: Tại sao người Pháp không khai hóa đồng bào của họ trước khi đi "khai hóa" chúng ta?

Sau thời gian tìm hiểu thành quả Cách mạng tư sản Pháp năm 1789, Người sang nước Mỹ vào giữa tháng 12-1912. Cũng như ở Pháp, ở đây Người vừa lao động kiếm sống, vừa nghiên cứu tìm

hiểu Cách mạng tư sản thành lập nước Mỹ năm 1776. Khi đi thăm tượng Thần Tự do ở New York (Niuoóc), Người không để ý đến ánh hào quang trên đầu tượng, mà chỉ xúc động trước cảnh những nô lệ da đen dưới chân tượng.

Cuối năm 1913, Người từ Mỹ trở về Anh và đến cuối năm 1917, từ Anh trở lại Pháp. Đây là năm Cách mạng tháng Mười Nga thành công. Trong thời gian ở Pháp, Người đã đổi tên thành Nguyễn Ái Quốc.

Nguyễn Ái Quốc đã thấy được hạn chế của Cách mạng dân chủ tư sản là không giải phóng được các giai cấp công, nông và quần chúng lao động. Người đánh giá những cuộc Cách mạng tư sản là "cuộc Cách mạng không đến nơi". Người nhận thấy phải vượt qua những hạn chế đó, tìm một con đường khác để cứu nước. Con đường đó chính là ở Cách mạng tháng Mười Nga, cuộc Cách mạng vô sản đầu tiên trên thế giới. Kể từ đây, Người đặt cách mạng giải phóng dân tộc trong quỹ đạo của cách mạng vô sản, trở thành một trong những người sáng lập Đảng Cộng sản Pháp (năm 1920).

3. Như vậy, khác với các nhà trí thức đương thời, Nguyễn Ái Quốc đã biết dấn thân vào quần chúng lao động, có một phương pháp nghiên cứu độc lập, tự chủ, sáng tạo, đem lý luận đối chiếu với thực tiễn. Người luôn lấy mục tiêu giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội làm tiêu chuẩn đánh giá các học thuyết, tiếp thu kinh nghiệm cách mạng thế giới có chọn lọc và sớm đến với chủ nghĩa Mác - Lênin.

Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh là người trí thức tiên phong, người cộng sản đầu tiên của Việt Nam, người đã đưa cách mạng của nước ta đến thắng lợi hoàn toàn.

Những bài học rút ra từ cuộc đời hoạt động của Bác, từ nhân cách vĩ đại của Bác là rất nhiều, tôi chỉ xin nêu ra đây hai nội dung:

- Về tinh thần tự học của Bác:

Có thể nói việc học ở trường, lớp của Nguyễn Tất Thành không nhiều, Người không có bằng cấp gì đáng kể. Tất cả hiểu biết của Người đều do Người chủ động tìm hiểu từ cụ Nguyễn Sinh Sắc, thân sinh của mình, từ các thầy dạy chữ Hán ở địa phương, từ thực tế xã hội, từ việc nghiên cứu lý luận. Người luôn đau đáu tìm hiểu xem tại sao các phong trào đấu tranh của các sĩ phu yêu nước đều thất bại.

Người sử dụng được nhiều ngoại ngữ, cũng là do tự học từ thực tế hoạt động chứ không qua trường lớp nào cả.

- Về việc sử dụng đội ngũ trí thức:

Bác quan niệm rằng, cách tốt nhất để phục vụ lợi ích của công - nông là phải đưa những người có đủ tài, đủ đức vào bộ máy Nhà nước để phụng sự lợi ích của người lao động. Ở Hồ Chí Minh, phạm trù yêu nước là bình đẳng giữa mọi tầng lớp nhân dân. Yêu nước, yêu chế độ không phải là độc quyền của riêng một giai cấp nào.

Từ cách nhìn đó, Hồ Chí Minh đã mạnh dạn sử dụng trí thức trong bộ máy Nhà nước. Nhờ đó mà sau cách mạng, tất cả các lĩnh vực như tổ chức Chính phủ, phát triển nông nghiệp, công nghiệp, phát triển văn hóa - giáo dục... đã có những bước chuyển thần kỳ trong những điều kiện vô cùng khó khăn.

Đối với trí thức, Hồ Chí Minh thể hiện một sự trân trọng thật sự. Đã giao việc là giao quyền. Đã giao quyền là hoàn toàn tin tưởng.

Một trong những phong cách lớn của Hồ Chí Minh là rất lắng nghe tiếng nói của trí thức. Không những Bác trân trọng nghe ý kiến mà còn rất quan tâm đến những khó khăn, hoàn cảnh cụ thể của từng người để tạo điều kiện cho trí thức làm việc tốt hơn.

Trong việc sử dụng trí thức, Hồ Chí Minh không bao giờ áp đặt, không bao giờ tỏ ý lên mặt dạy đời. Bác là người uyên bác, có thể còn ở trên tầm tư duy của bản thân trí thức, nên có lẽ chính

vì vậy mà bao giờ Bác cũng giản dị, khiêm tốn. Đó cũng là một phong cách rất trí thức, được trí thức ghi tạc, truyền tụng.

Chính vì vậy Hồ Chí Minh có một sức hút phi thường đối với các tầng lớp nhân dân, kể cả những trí thức kiêu căng nhất, khó tính nhất. Hầu hết trí thức Việt Nam đều suy nghĩ: nếu không phải Hồ Chí Minh thì có lẽ khó có ai tập hợp được bấy nhiêu nhân tài của đất nước.

Bao nhiêu trí thức đã bỏ nhà cửa đi lên chiến khu, những nhà khoa bảng lớn như Trần Đại Nghĩa, Tôn Thất Tùng, Trần Hữu Tước, Trần Đức Thảo... đã bỏ vinh hoa phú quý ở thị thành, bỏ cả nước Pháp hoa lệ để theo kháng chiến. Mà với họ, động lực trực tiếp theo kháng chiến luôn đồng nghĩa với việc: theo Hồ Chí Minh.

100 NĂM - NGƯỜI CON RA ĐI ĐỂ TRỞ VỀ

Linh mục NGUYỄN CÔNG DANH*

Từ bến cảng Sài Gòn ngày 5-6-1911 đến nay đã tròn một trăm năm Bác Hồ bước lên con tàu Amiral Latouche Tréville để bắt đầu cuộc hành trình ra đi tìm đường cứu nước của mình. 100 năm, con số đủ nói lên tất cả những biến động, thay đổi của thời cuộc và xã hội, của tư tưởng và nhân sinh quan. Tưởng như thực tế cuộc sống là phải thế, 50 năm, thì xe lửa trở thành lạc hậu, và 20 năm tivi trắng đen trở nên lỗi thời, chỉ cần 10 năm máy tính để bàn trở thành xưa cũ. Thế mà, ngày hôm nay đã 100 năm từ dấu mốc lịch sử ấy, lần đọc lại những tài liệu về cuộc đời của Người, tôi không khỏi ngỡ ngàng khi soi xã hội chúng ta vào trong đó. Trong khi cả thế kỷ trước, nước Việt Nam chiến tranh, nghèo nàn và lạc hậu đã có thể đưa một người con ra đi và tự tin trông đợi người con ấy trở về để làm cách mạng và giải phóng dân tộc, thì ngày hôm nay, một đất nước phồn thịnh hơn rất nhiều lần, một xã hội hiện đại hơn rất nhiều lần, đang đối diện với cảnh chảy máu chất xám hằng ngày, với hàng trăm học sinh sinh viên mỗi ngày lên máy bay đến học hỏi ở những đất nước xa lạ, mà ta đón được bao nhiêu đứa con trở về xây dựng và kiến tạo đất nước? Và tôi phát hiện rằng bài học 100 năm tuổi về quyết định của Bác dường như chưa bao giờ xưa cũ, đó là thành quả

---

* Phó Chủ tịch Ủy ban Đoàn kết Công giáo Việt Nam, Chủ tịch Ủy ban Đoàn kết Công giáo Thành phố Hồ Chí Minh.

của một nền giáo dục, một xã hội, một đất nước Việt Nam ngày xưa, mà bây giờ đây chúng ta phải nhìn lại và học hỏi nghiêm túc cuộc hành trình tìm đường cứu nước của Bác.

1. Giáo dục

Đầu tiên, yếu tố căn bản và quan trọng nhất cho tư tưởng và hành động của một con người chính là nền giáo dục. Sinh ra trong một gia đình có truyền thống Nho học, cha làm thầy giáo, từ nhỏ Nguyễn Sinh Cung đã được cha gửi đến học chữ Hán với các thầy giáo như Trần Thân, Vương Thúc Quý - vốn là các nhà nho giàu lòng yêu nước, từ đó đã chịu ảnh hưởng rất lớn từ chí hướng của các thầy. Ngày nay chúng ta cũng có rất nhiều giáo viên giỏi, và những bài học về yêu nước vẫn ngập tràn từ sách văn học đến giáo trình Giáo dục Công dân, nhưng yêu nước không phải là một bài thơ bắt học sinh phải bình luận, lại không phải là một môn học để khảo cho học sinh thuộc lòng. Yêu nước cũng như những tình yêu khác, phải được truyền từ chính trái tim tới trái tim bằng những cảm xúc chân thật nhất. Như V.I. Lênin đã nhấn mạnh rằng, giáo dục đạo đức cho con người không chỉ *là "nói cho họ nghe những bài diễn văn êm dịu hay những phép tắc đạo đức"*. Và chúng ta đã có được bao nhiêu giáo viên đủ tình yêu nước cho bản thân mình để truyền đến cho các thế hệ con em chúng ta một cách tinh tế và hiệu quả nhất? Chúng ta đã làm cho bao nhiêu học sinh ngập tràn tự hào và hạnh phúc trong những tiết Lịch sử khô khan? Trong Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội năm 2011 - 2020, chương III, mục b về "văn hóa - xã hội" viết: *"Giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Đến năm 2020 có một số lĩnh vực khoa học và công nghệ, giáo dục y tế đạt trình độ tiên tiến, hiện đại. Số sinh viên đạt 450 trên 1 vạn dân."* Những số liệu những chỉ tiêu của Chiến lược do những nhà lãnh đạo chúng ta đề ra sẽ chỉ như những lâu đài xây trên cát, nếu chúng ta không đặt những nền móng vững chắc về "lòng yêu nước thương nòi", về tinh thần trách nhiệm cho

lớp trẻ trong việc dùng năng lực và kiến thức mình đạt được để cống hiến cho Tổ quốc và quê hương.

Yếu tố giáo dục tư tưởng không chỉ đến từ trường học, mà còn góp phần từ một nhân tố quan trọng không kém: Gia đình. Nguyễn Sinh Cung xuất thân trong một gia đình nhà Nho, gốc nông dân. Mẹ của Người là cụ Hoàng Thị Loan, là một người phụ nữ đảm đang, cần mẫn, đôn hậu, một mực yêu chồng thương con, nhưng cụ mất sớm khi Nguyễn Sinh Cung 11 tuổi. Bên cạnh một thời thơ ấu sống trong tình yêu thương của mẹ và ông bà ngoại, lớn lên trong truyền thống tốt đẹp của quê hương, thì người có tầm ảnh hưởng lớn nhất đến chí hướng của Người chính là cụ ông thân sinh Nguyễn Sinh Sắc. Cụ là một nhà Nho ưu tú, là một trong "Nam Đàn Tứ Hổ" (Uyên bác bất như San - Thông minh bất như Sắc - Tài hoa bất như Quý - Cường ký bất như Lương, nghĩa là: Hiểu biết rộng không ai bằng Phạm Văn San - Thông minh không ai bằng Nguyễn Sinh Sắc - Tài hoa không ai bằng Vương Thúc Quý - Nhớ lâu không ai bằng Trần Văn Lương). Cụ là một người cha thương con, một người thầy mẫu mực và một chí sĩ yêu nước. Cụ luôn kiên nhẫn giảng giải cho các con từ văn phong chữ nghĩa, đặc điểm tự nhiên đến dịch lý và luật phong thủy. Dòng máu hiếu học của gia đình và quê hương đã chảy trong huyết mạch của Nguyễn Sinh Cung đã góp phần quan trọng trong sự hình thành một lãnh tụ uyên bác về sau. Có một biến cố trong thời niên thiếu của Nguyễn Sinh Cung đã ảnh hưởng rất nhiều đến tiềm thức của Người. Thân phụ của Người, thầy Nguyễn Sinh Sắc vốn xuất thân trong họ Nguyễn Sinh ở Làng Kim Liên (Làng Sen). Nhưng do mồ côi cha mẹ nên từ nhỏ đã được cụ Hoàng Đường ở làng Hoàng Trù đem về nuôi nấng và dạy dỗ. Năm 1901, Nguyễn Sinh Sắc đậu phó bảng khoa thi Hội Tân Sửu, năm Thành Thái thứ ba. Dù biết ơn cưu mang của cụ Hoàng Đường, nhưng do ý nguyện của dòng họ Nguyễn Sinh, sau bao nhiêu năm tha hương, ông Nguyễn Sinh Sắc đã vinh quy tại làng Sen quê nội, dù làng Sen vốn đã nghèo nay lại càng nghèo thêm do hạn hán triền miên.

Quyết định của người cha đã định hình trong tiềm thức của Nguyễn Sinh Cung một cách sâu sắc về truyền thống uống nước nhớ nguồn của dân tộc, về tư tưởng gắn kết và cống hiến cuộc đời mình cho nơi quê cha đất mẹ. Trong quyết định ra đi của Người, cụ Nguyễn Sinh Sắc cũng thể hiện vai trò giáo dục lớn lao. Có lần, Bác Hồ, khi ấy là chàng thanh niên trẻ Nguyễn Tất Thành từ Quy Nhơn lên Bình Khê thăm cha, trước khi vào Sài Gòn bôn ba ra nước ngoài tìm đường cứu nước. Tuy rất mực thương con, nhưng chưa hiểu chí lớn của con, Cụ bảo *"Con đi đến đây làm gì? Nước mất không lo mà tìm cha phỏng có ích gì?"*. Lời nói của một vị đại khoa đầu thế kỷ XX sao mà có sự trùng hợp lịch sử thật kỳ lạ với lời khuyên của cụ Nguyễn Phi Khanh, khi bị quân Minh bắt đem về Trung Quốc hỏi tội, hồi thế kỷ XV. Nguyễn Trãi theo báo hiếu cho cha lên đến ải Chi Lăng. Cụ Nguyễn Phi Khanh đã khuyên con *"Hiếu với cha chưa bằng hiếu với nước"*. Lời khuyên của người cha yêu nước đó đã làm thức tỉnh trái tim người trí thức trẻ. Nguyễn Trãi trở về tích cực tham gia cuộc khởi nghĩa Lam Sơn và trở thành linh hồn của cuộc khởi nghĩa ấy, như một sao Khuê tỏa sáng trời Việt và mãi mãi là danh nhân văn hóa của dân tộc. Còn hơn 4 thế kỷ sau, Nguyễn Tất Thành như được cha Nguyễn Sinh Sắc chắp thêm đôi cánh để bay cao, bay xa khắp bốn biển, năm châu tìm đường cứu nước và trở thành Chủ tịch Hồ Chí Minh, anh hùng giải phóng dân tộc, danh nhân văn hóa thế giới.

Trong thời đại nào cũng vậy, văn hóa gia đình luôn là hạt nhân quyết định cho đạo đức xã hội. Đảng và Nhà nước ta luôn coi trọng việc xây dựng gia đình văn hóa như là một trong những nội dung quan trọng của chiến lược phát triển đất nước, phát triển con người. Trong Báo cáo chính trị tại Đại hội VIII, Đảng ta đã khẳng định: *"Trong giai đoạn hiện nay, việc xây dựng gia đình văn hóa luôn gắn liền với tăng cường trách nhiệm của gia đình trong việc giáo dục đạo đức theo những chuẩn mực tốt đẹp của dân tộc, để mỗi con người được lớn lên trong tình cảm, trong sự quan tâm,*

chăm sóc lẫn nhau. Làm được như vậy, gia đình trở thành nơi có đủ sức mạnh đề kháng, chống lại mọi sự ô nhiễm từ bên ngoài, ngăn chặn mọi tiêu cực từ phía xã hội, giúp con người có khả năng phát triển tốt hơn. Đây không chỉ là biện pháp quan trọng để củng cố và phát triển gia đình, để gia đình thực sự trở thành "hạt nhân của xã hội" mà đây còn là yêu cầu của sự nghiệp đổi mới và phát triển đất nước". Nghị quyết Đại hội X của Đảng một lần nữa nhấn mạnh: *" Phát huy những giá trị truyền thống tốt đẹp của gia đình Việt Nam, thích ứng với những đòi hỏi của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc, thật sự là tổ ấm của mỗi người, là tế bào lành mạnh của xã hội, là môi trường quan trọng hình thành, nuôi dưỡng và giáo dục nhân cách con người, bảo tồn và phát huy văn hóa truyền thống tốt đẹp, tạo nguồn nhân lực phục vụ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc".*

Vì vậy, hơn lúc nào hết, cùng với việc đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế, chúng ta lại phải quay lại học hỏi nền giáo dục nhân cách và đạo đức của xã hội ngày xưa, để giúp cho thế hệ trẻ biết vươn lên với tinh thần, tình cảm và trách nhiệm của mình, làm chủ được một cách đúng đắn tri thức hiện đại, trở thành những người có đầy tâm, đủ tài, biết "*đau với nỗi đau của đất nước, biết lo với nỗi lo chung của đất nước*". Nói cách khác, trong giai đoạn phát triển mới, đòi hỏi mỗi cá nhân phải biết tự *"xóa đói về thông tin, về trí tuệ*", phải biết tự *"xóa nghèo về nhân cách và đạo đức làm người"*, để thực sự trở thành những công dân vừa "hồng" vừa "chuyên" nhằm xây dựng đất nước vững mạnh và tiến bộ hơn.

Nếu như tư tưởng yêu nước và đạo đức cách mạng đã tạo động lực cho Người ra đi và trở về, thì vốn kiến thức uyên bác và trên hết là tinh thần hiếu học nổi tiếng của truyền thống quê hương chính là nền tảng cơ sở cho thành công của Người. Thời thơ ấu, trong số những sĩ phu yêu nước cụ ông Nguyễn Sinh Sắc thường gặp gỡ có cụ Phan Bội Châu. Trong những cuộc đàm đạo giữa những người

chí sĩ yêu nước ấy, những lúc rượu say cụ Phan thường ngâm hai câu thơ của Viên Mai "*Mỗi phạn bất vong duy trúc bạch, Lập thân tối hạ thị văn chương*" (nghĩa là: Công ở non sông thiêng tấc dạ, Thân nhờ bút mực quá hèn trai). Nguyễn Sinh Cung rất thích và hay lặp lại câu thơ đó, và vốn bản chất thông minh và suy nghĩ sâu sắc, Người đã sớm hiểu được thâm ý sâu xa cụ Phan muốn truyền tải: Học tập là nghĩa vụ ngày đêm của lớp trẻ, nhưng học hành chỉ để thăng quan tiến chức, quyền nghiêng thiên hạ nhờ vào năm bảy câu thơ, dăm ba bức đối thì quá thấp hèn. Học hành phải là để phục vụ hành động và cống hiến cho non sông.

Và từ xuất phát điểm rõ ràng đó, cuộc đời của Bác quả thực là tấm gương sinh động mẫu mực về sự học, chí lớn và hoài bão cho chúng ta noi theo. Thời thơ ấu Người được cha dạy dỗ và gửi đến học chữ Hán ở những thầy giáo uyên bác, rồi học dự bị tiểu học và tiểu học tại trường tiểu học Pháp - nơi người lần đầu tiên tiếp xúc với khẩu hiệu *"Tự do - Bình đẳng - Bác ái"*. Do thời cuộc, cụ ông Nguyễn Sinh Sắc thường xuyên phải bôn ba nhiều nơi theo bổ nhiệm rồi lại bị triệt hồi chức quan, nên Nguyễn Tất Thành đã phải học rất nhiều nơi, chuyển nhiều trường, đứt quãng và rất khó khăn từ Nghệ An - Huế đến Bình Định, nhưng mọi thứ không làm nản lòng và chí khí của người thanh niên, dẫu cho đến năm 20 tuổi Người mới tốt nghiệp tiểu học. Bác từng nói: "***Đường đời là một chiếc thang không có nấc chót. Học tập là một quyển vở không có trang cuối cùng***". Nhờ tinh thần ham học và khả năng tự học mà Người có một vốn học vấn uyên thâm khiến cả thế giới kinh ngạc. Một ví dụ nhỏ là việc học ngoại ngữ của Bác. Bác am hiểu 29 ngoại ngữ, trong đó có một số Bác dùng như tiếng mẹ đẻ. Thi pháp văn chương cả Hán học và Nôm học của Người cũng khiến chúng ta nghiêng mình kính phục, về điều này, Quách Mạc Nhược, nhà học giả nổi tiếng của Trung Quốc nhận xét: "***...Có một số thơ rất hay, nếu xếp chúng vào tập thơ Đường, Tống, e rằng cũng không dễ gì nhận ra***". Người là một nhà văn để truyền tình yêu nước đến quần chúng nhân dân, là một nhà quân sự đại tài

trong chiến đấu, và là một nhà chính trị thông thái trong công tác xây dựng và lãnh đạo nhà nước Việt Nam. Có thể sẽ không có Hồ Chí Minh nếu không có Nguyễn Sinh Cung, Nguyễn Tất Thành, Nguyễn Ái Quốc vượt qua muôn vàn gian khó để học tập với một lòng nhẫn nại và sự kiên trì phi thường trên con đường hoạt động cách mạng. Qua cuộc đời và sự nghiệp của Chủ tịch Hồ Chí Minh ta càng thấm thía chân lý: ***không có tri thức cách mạng thì không có phong trào cách mạng, không có hoạt động cách mạng.***

Thế hệ trẻ của chúng ta hiện nay có cơ sở và môi trường học tập rộng lớn hơn, được chăm lo giáo dục đầy đủ hơn. Và chúng ta phải tận dụng những điều kiện đó để làm giàu và tạo nền tảng cho chính mình, chứ không thể để những đủ đầy về điều kiện làm hao mòn tinh thần và ý chí học tập của cá nhân. Kiến thức thì có thể lạc hậu, hiểu biết thì có thể hạn chế, nhưng một khả năng tự học tốt và lòng ham học nhiệt thành sẽ đảm bảo cho chúng ta hòa nhập trong tất cả mọi môi trường và thành công trong tất cả mọi lĩnh vực.

Cũng theo bài học của Bác, hàng ngũ cán bộ nhà nước chúng ta đang đứng trước nhu cầu rất lớn và cấp bách là đào tạo một đội ngũ cán bộ liên tục cập nhật được các kiến thức mới về chính trị, pháp luật, kinh tế xã hội và khoa học, có kỹ năng nghề nghiệp và kiến thức thực tiễn, có phẩm chất đạo đức trong sạch. Bên cạnh trách nhiệm chung của các ban ngành đoàn thể trong việc tổ chức những chương trình đào tạo mới về hội nhập quốc tế, đào tạo ngoại ngữ và tin học, đào tạo thạc sĩ và tiến sĩ trong nước và nước ngoài..., mỗi cá nhân chúng ta - ở bất cứ địa vị và lứa tuổi nào - phải tự mang trên vai tinh thần tự giác học tập và cập nhật kiến thức, vì trách nhiệm với Tổ quốc và danh dự của cả dân tộc.

2. Thời đại

Bên cạnh yếu tố chủ quan của một nền tảng đạo đức và văn hóa, thì yếu tố khách quan của thời đại chính là yếu tố quyết định tác động đến bước chân của chàng thanh niên trẻ Nguyễn Tất Thành lên con tàu Amiral Latouche Tréville vào ngày hè 100 năm trước.

Khi Bác ra đời thì nhân dân Việt Nam đang chìm đắm trong vòng nô lệ. Theo lời Người nói thì đó là lúc *"nhân dân ta, cả thanh niên, bơ vơ không có người lãnh đạo và hầu như không thấy lối ra, đất nước đang sống trong đêm tối, thực sự đêm tối"*. Thời thơ ấu Bác được theo cha đi khắp đó đây, ở đâu Bác cũng thấy cảnh nghèo đói phơi bày trước mắt. Nhan nhản người ăn xin ở khắp mọi nơi. Hầu như làng quê nào cũng chỉ nổi lên vài ba ngôi nhà địa chủ đồ sộ bên cạnh hàng trăm túp lều xơ xác, tiêu điều. Mùa đông giá lạnh càng nhiều cảnh thê thảm hơn. Không đủ manh áo che thân, nhiều người phải quấn tơi, chiếu hoặc bao tải rách. Bọn đế quốc và địa chủ phong kiến đang hút tủy, rút xương dân chúng bằng hàng trăm thứ thuế nặng nề và phu đài, tạp dịch. Từ người lớn đến trẻ con ai ai cũng sợ "ông Tây". Người sớm thấm thía nỗi nhục mất nước hằn rõ trên gương mặt mỗi người Việt Nam.

Trong thời gian 10 năm sống ở kinh đô Huế - trung tâm văn hóa chính trị của đất nước, tiếp xúc với nền văn hóa mới, với phong trào Duy Tân, đã cho Người nhiều hiểu biết mới, tiếp cận với các phong trào yêu nước như phong trào Cần Vương, mà tiêu biểu là cuộc khởi nghĩa Hương Khê do cụ Phan Đình Phùng lãnh đạo; phong trào Đông Du của cụ Phan Bội Châu; phong trào Đông Kinh Nghĩa Thục; cuộc khởi nghĩa Yên Thế do cụ Hoàng Hoa Thám lãnh đạo; cuộc vận động cải cách của cụ Phan Châu Trinh và phong trào chống thuế của nông dân Trung Kỳ. Những cuộc đấu tranh không ngừng nghỉ của dân tộc đã trở thành động lực thôi thúc chí khí cứu nước nung nấu trong Bác, và cũng là những bài học kinh nghiệm trả giá bằng máu xương của nhân dân mà Bác đã thấm thía và rút ra cho mình.

Đầu thế kỷ XX, cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất của thực dân Pháp cùng nhiều ảnh hưởng của các sự kiện lớn trên thế giới đã tác động đến một loạt các phong trào vận động cứu nước diễn ra theo xu hướng tư tưởng mới thay thế tư tưởng phong kiến, từ đó chi phối xu hướng phong trào đấu tranh chống Pháp của nhân

dân ta đầu thế kỷ XX. Tuy là xu hướng tiến bộ, song tầng lớp sĩ phu đang trên đường "tư sản hóa" do ảnh hưởng của dân chủ tư sản phương Tây đã sớm tỏ ra bất lực trước tình hình và nhiệm vụ mới của dân tộc. Vì vậy phong trào đấu tranh chống xâm lược của nhân dân ta vẫn như "trong đêm tối không có đường ra".

Cùng với ấn tượng từ nhỏ về khẩu hiệu mỹ miều *"Tự do - Bình đẳng - Bác ái"* của cách mạng tư sản Pháp, người thanh niên yêu nước Nguyễn Tất Thành đã kế thừa những tinh hoa của nhân loại và vượt lên tư tưởng của những người cùng thời đại, đã "phủ định con đường xuất dương truyền thống" của cha ông. Người sang phương Tây chứ không phải Trung Quốc, Nhật Bản. Tình thương yêu nhân dân chính là ngọn lửa đầu tiên nhen nhóm trong lòng Bác, thôi thúc Bác tìm cách cứu lấy đồng bào, như lời Bác trả lời nhà văn Mỹ Anna Louis Strong về quyết định của mình: ***"Nhân dân Việt Nam, trong đó có ông cụ thân sinh ra tôi, lúc này thường tự hỏi nhau ai là người sẽ giúp mình thoát khỏi ách thống trị của Pháp. Người này nghĩ là Nhật, người khác nghĩ là Anh, có người lại cho là Mỹ. Tôi thấy phải đi ra nước ngoài xem cho rõ. Sau khi xem xét họ làm ăn ra sao, tôi sẽ trở lại giúp đồng bào tôi"***. Đó là một bước tiến bộ vượt bậc trong tư tưởng của Hồ Chí Minh so với những nhà cách mạng đương thời, Người khẳng định sẽ không phải là bất cứ cường quốc nào, tổ chức nào sẽ cứu đất nước ta, mà chính là bản thân Người - một người Việt Nam với hai bàn tay trắng nhưng sẵn sàng ra đi học hỏi để quay về cứu lấy gấm vóc non sông.

Trong thế giới ngày càng xích lại gần nhau của chúng ta hiện nay, Đảng và Nhà Nước luôn mở rộng cửa tạo điều kiện cho các thanh niên Việt Nam được đến khắp năm châu bốn biển, để học tập và để quay trở lại đóng góp cho nền khoa học và kinh tế của nước nhà. Mỗi ngày trên những trang báo, chúng ta vẫn hạnh phúc tự hào khi thấy những trái tim mang dòng máu Lạc Hồng đang rộn nhịp trên khắp bốn phương, và làm rạng danh đất nước hình chữ S nhỏ

bé quê hương: Phillip Rosler - Người Việt Nam đầu tiên trở thành phó Thủ tướng Đức, Joseph Cao - Người Việt Nam đầu tiên vào Hạ viện Mỹ, Ngô Bảo Châu - Người Việt Nam đầu tiên nhận giải Fields Toán học, Paul Nguyễn - Người Việt Nam đầu tiên nhận giải Hòa hợp Sắc tộc Canada, Takashi Fuji - Người Việt Nam đầu tiên vào Ban Giám đốc cấp cao tập đoàn lớn nhất Nhật Bản, David Dương xử lý rác với công nghệ hiện đại nhất từ Mỹ vào Việt Nam... Và từ đó, chúng ta cần có chính sách mời gọi những nhân tài ấy quay về, tạo điều kiện để những người con ưu tú của đất nước được đóng góp một cách hiệu quả nhất cho tổ quốc quê hương.

Bên cạnh trách nhiệm định hướng của Nhà nước, thế hệ trẻ Việt Nam cần nắm bắt những cơ hội học tập của bản thân, không ngừng nỗ lực phấn đấu, nhưng không xa rời mục tiêu khởi nguyên của việc học tập của mình ***"Non sông Việt Nam có trở nên tươi đẹp không, Dân tộc Việt Nam có sánh vai với các cường quốc năm châu được hay không, chính là nhờ phần lớn công học tập của các em"***. Đích đến của thành công của mỗi cá nhân phải và luôn phải gắn liền với thành công của cả dân tộc. Vì thế, cùng với quá trình tiếp thu kiến thức, thì chúng ta phải bồi dưỡng đạo đức và quan điểm chính trị liên tục, để không bị những nhân tố phá hoại trên chính trường thế giới làm lạc lối bản thân.

Lời kết

Những câu chuyện về cuộc đời của Bác là những câu chuyện để sống chứ không chỉ để nghe. 100 năm từ bước đi quyết định của Người ở bến cảng Sài Gòn, đất nước chúng ta đang mỗi ngày sống trong thành quả hòa bình và tự do Người đem lại. Và không chỉ tự hào về quá khứ vàng son của ông cha ta để lại, chúng ta cần tiếp tục học hỏi và phát huy những truyền thống tốt đẹp, những bài học sáng ngời của lịch sử, để tiếp tục phát triển đất nước và làm rạng danh hai tiếng Việt Nam trên bầu trời quốc tế.

HỒ CHÍ MINH VỚI QUÁ TRÌNH "VIỆT HÓA" CÁC TƯ TƯỞNG LỚN CỦA THẾ GIỚI

GS. TS. ĐINH XUÂN DŨNG*

"Việt hóa" những lý luận, tư tưởng của bên ngoài, có lẽ, là một trong những quy luật, đặc điểm bao trùm, xuyên suốt trong lịch sử của dân tộc ta. Và, phải luôn luôn dựa trên cái *gốc Việt*, cái *hồn Việt* để thực hiện sự "Việt hóa" đó. Đây là một đề tài lớn. Cuộc đời và tư tưởng Hồ Chí Minh là một minh chứng tiêu biểu nhất, *điển hình và sáng ngời nhất* về quá trình và thành tựu độc đáo của sự Việt hóa đó. Phải chăng, ngay từ giờ phút đầu tiên lên tàu ra nước ngoài ngày 5-6-1911, cách đây đúng 100 năm, từ trong chiều sâu nhất của tư duy và sự mẫn cảm của Người, Hồ Chí Minh đã có khát vọng đó. Và suốt cuộc đời mình, Người không bao giờ ngừng nghỉ thực hiện điều đó.

Vì là một đề tài lớn, cần nhiều thời gian và tâm lực, cho nên, trong Hội thảo **"Chủ tịch Hồ Chí Minh - Hành trình tìm đường cứu nước"** hôm nay, cho phép tôi trình bày ngắn gọn, dưới dạng đề cương với những ý tưởng chính đang trong quá trình hình thành về vấn đề này.

1. Việt hóa là gì? Có thể hiểu nội hàm của khái niệm Việt hóa bao gồm trình tự và các cấp độ sau:

---

* Ban Tuyên giáo Trung ương.

- Sự tiếp xúc và tiếp nhận các thành tựu, giá trị, các quan điểm trong hệ thống lý luận, tư tưởng bên ngoài (nước ngoài), trực tiếp hay gián tiếp.

- Sự lựa chọn (chọn lọc) những gì phù hợp với thực tiễn Việt Nam và đáp ứng nhu cầu của Việt Nam trong quá trình tiếp nhận trên.

- Sự vận dụng những gì đã chọn lọc vào đời sống Việt Nam.

- Sự chuyển hóa thành của Việt Nam những gì đã chọn lọc, vận dụng và được thực tiễn Việt Nam chấp nhận, trở thành tư tưởng, lý luận, sản phẩm Việt Nam trên các lĩnh vực của đời sống xã hội.

- Lựa chọn cách diễn đạt phù hợp với tư duy, tâm lý, tình cảm, truyền thống, tập quán Việt Nam.

Chúng ta có thể tìm và phân tích vô vàn các dẫn chứng sinh động, cụ thể, đầy sức thuyết phục để khẳng định cho quá trình Việt hóa trên ở rất nhiều lĩnh vực khác nhau.

2. Những đặc điểm, điều kiện của Việt Nam dẫn tới nhu cầu Việt hóa và tạo ra khả năng, năng lực Việt hóa của con người Việt Nam.

a. Lãnh thổ Việt Nam có một đặc điểm, một lợi thế là vùng địa - chính trị, địa - kinh tế và địa - văn hóa, ở đó có sự giao thoa, thâm nhập lẫn nhau giữa các nền văn hóa.

- Việt Nam là vùng giao thoa về nhiều mặt, trước hết, là văn hóa Đông Nam Á với văn hóa Đông Á.

- Trong một giai đoạn lịch sử dài, là sự giao thoa của văn hóa Trung Quốc và văn hóa Ấn Độ.

- Từ thời kỳ Cận đại xuất hiện và phát triển sự giao lưu, tác động lẫn nhau giữa văn hóa châu Á với văn hóa châu Âu, hay nói cách khác là, từ thời kỳ cận đại, ở Việt Nam, có sự gặp nhau, tác động lẫn nhau, vừa như sự "đối chọi", lại vừa như sự "hấp dẫn" lẫn nhau giữa văn hóa Đông phương và văn hóa Tây phương.

b. Trong quá trình xâm nhập của văn hóa nước ngoài vào Việt Nam, thường diễn ra một đặc điểm - tính trội của văn hóa nước ngoài có khuynh hướng lấn át văn hóa bản địa Việt.

- Một thời gian dài hàng chục thế kỷ trong quá khứ, văn hóa phương Bắc chi phối mạnh và ý đồ "đồng hóa" dân tộc Việt của các thế lực xâm lược, đô hộ không bao giờ thay đổi.

- Văn hóa phương Tây (trước hết là Pháp) xâm nhập ồ ạt, mạnh mẽ, liên tục vào Việt Nam, làm biến đổi sâu sắc văn hóa bản địa, xâm lăng không chỉ về đất đai, nền độc lập, kinh tế, mà cả xâm lăng văn hóa.

- Văn hóa Mỹ thời kỳ chủ nghĩa thực dân mới ở miền Nam là công cụ góp phần thực hiện ý đồ xâm lược.

c. Sức đề kháng và năng lực tiếp nhận, chọn lọc, vận dụng và sáng tạo của con người Việt Nam trong những điều kiện lịch sử trên.

- Cái *gốc Việt, hồn Việt* và *sức mạnh nội sinh* của văn hóa bản địa là căn nguyên sâu xa để chúng ta trụ vững, phát triển, không bị đồng hóa mà còn có năng lực đặc biệt: Việt hóa những lý luận, tư tưởng, văn hóa đến từ bên ngoài.

- Chính từ đặc điểm này mà ngay từ đầu và trong toàn bộ quá trình phát triển của mình, văn hóa Việt Nam (theo nghĩa rộng) đã trưởng thành và tạo nên những giá trị độc đáo của dân tộc mình dựa trên một năng lực rất đặc biệt, đó là vừa tự nuôi dưỡng và phát huy những giá trị của chính mình - văn hóa bản địa - vừa biết tiếp nhận, chọn lọc những giá trị tốt đẹp của nhiều nền văn hóa khác. Do vậy, *tính nhiều nguồn* của văn hóa Việt tạo nên sự đa dạng của nó nhưng bao giờ cũng *hội tụ trong sự thống nhất*, vì đó là một nền văn hóa biết tiếp nhận và làm phong phú cho mình bằng những giá trị của nhiều nền văn hóa thế giới, cả Đông và Tây, cả gần và xa...

- Trong quá trình giao lưu, giao thoa đó, chỉ có những giá trị tư tưởng, lý luận, văn hóa bên ngoài nào phù hợp với nhu cầu phát triển của Việt Nam được chọn lọc và được Việt hóa mới có thể trở thành những thành tố hữu cơ cấu thành tư tưởng và văn hóa Việt Nam. Sự chọn lọc, sàng lọc, Việt hóa để trở thành *giá trị Việt Nam* diễn ra không ngừng, thầm lặng và cực kỳ tinh tế trong tiến trình lịch sử và tiến trình văn hóa nước nhà.

- Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định nhu cầu trên. Người cho rằng: "Phương Đông hay Phương Tây có cái gì hay, có cái gì tốt là phải học lấy để tạo ra nền văn hóa Việt Nam. Nghĩa là lấy kinh nghiệm tốt của văn hóa xưa và văn hóa nay, *trau dồi cho văn hóa Việt Nam thật có tinh thần thuần túy Việt Nam*". Luận điểm trên đây là sự tổng kết cực kỳ sâu sắc *một quy luật*, một đặc điểm của toàn bộ quá trình hình thành, phát triển và tự khẳng định của hệ thống tư tưởng lý luận và văn hóa Việt Nam, đồng thời cũng chính là nhu cầu tất yếu, nội tại đảm bảo cho sự phát triển của văn hóa Việt Nam trong tương lai.

3. Những thành tựu Việt hóa trong lịch sử dân tộc: phân tích những thành tựu đó qua các thời kỳ từ thời dựng nước đến nay, đặc biệt chú ý:

- Việt hóa những tư tưởng, lý luận và văn hóa Trung Quốc qua các thời kỳ.

- Việt hóa tư tưởng, văn hóa Ấn Độ.

- Việt hóa tư tưởng, văn hóa phương Tây (đặc biệt là Pháp).

4. Hồ Chí Minh - *tấm gương sáng ngời và độc đáo, một tài năng đặc biệt* trong việc thực hiện Việt hóa những tư tưởng lớn của thế giới để tạo nên một *hệ giá trị tư tưởng, văn hóa Việt Nam* trong thời kỳ hiện đại.

a. Cuộc đời, sự nghiệp Hồ Chí Minh, bắt đầu từ thuở ấu thơ, đến 30 năm bôn ba khắp năm châu, bốn biển là cả một quá trình *vĩ*

đại tích lũy, tiếp nhận, làm giàu có cho mình những tri thức lớn, sâu sắc, phong phú của thế giới.

- Thời thơ ấu, thiếu niên: tiếp xúc với văn hóa gốc Việt quê nhà, tiếp nhận những tri thức của Nho học.

- Bắt đầu tiếp xúc, tiếp nhận và xuất hiện nhu cầu phân tích, đánh giá để nhận biết bản chất của văn hóa Pháp (thời kỳ ở Quốc học Huế).

- Mục tiêu ra nước ngoài để học cái hay của người, tìm chân lý, cái có ích cho dân tộc, cho đồng bào, từ đó tìm đường, xác định con đường cứu nước, cứu dân tộc.

- Những tri thức *khổng lồ, sâu sắc, vô cùng phong phú* trên hầu hết các lĩnh vực quan trọng của đời sống xã hội được Nguyễn Ái Quốc tích lũy trong suốt 30 năm bôn ba ở nước ngoài.

b. Một năng lực sàng lọc, chọn lọc cực kỳ tinh tế và sâu sắc, sự tổng hợp các tri thức và cao hơn, đó là sự *"khúc xạ"* (chữ dùng của cụ Vũ Đình Hòe) và *"vượt gộp"* (chữ dùng của GS. Phan Ngọc) là tài năng phi thường hiếm có của Hồ Chí Minh khi tiếp xúc, tiếp nhận, chọn lọc các tri thức nhiều mặt của nhân loại.

"Bất cứ khía cạnh nào của chân lý ló ra, xuyên qua bộ óc phi thường của người thanh niên này là đều như tia sáng mặt trời xuyên qua một vật thể trong suốt nào đều phải chịu sự "khúc xạ" thôi! Phan Ngọc nhìn kết quả, hiệu quả của sự khúc xạ: tia sáng xuyên qua vật thể kia của vật lý học hiện đại, đã hòa mình với ánh sáng trong suốt của vật thể đồng thời *biến nó thành một vật có ánh sáng tinh khiết, long lanh hơn trước. Cái chất sáng hiện ra sau khúc xạ đó là một sự "vượt gộp"* (xem: Vũ Đình Hòe, *Pháp quyền nhân nghĩa Hồ Chí Minh,* Nxb. Trẻ, 2007, trang 184).

Có lẽ, nhận xét trên đây đã làm rõ kết quả, thành tựu, sản phẩm đạt được của sự Việt hóa các tư tưởng, lý luận, văn hóa của nước ngoài của Hồ Chí Minh.

Như vậy, ở Hồ Chí Minh là sự kết hợp và "vượt gộp" tuyệt vời những tinh hoa của nhiều nền văn hóa thế giới với những giá trị bền vững, độc đáo và cao quý nhất của văn hóa dân tộc. Sự đánh giá sâu sắc và sự lựa chọn cực kỳ mẫn cán, tinh anh của Người về những giá trị mà Người chọn lọc và tiếp nhận trong các học thuyết của Khổng Tử, Giêsu, Các Mác và Tôn Dật Tiên là một minh chứng vô cùng thuyết phục không chỉ về *kinh nghiệm ứng xử văn hóa của bản thân Người, mà đã trở thành một quan niệm tiếp nhận, sàng lọc, Việt hóa của dân tộc ta đối với văn hóa thế giới*: Học thuyết Khổng Tử có ưu điểm của nó là sự tu dưỡng đạo đức cá nhân. Tôn giáo Giêsu có ưu điểm của nó là lòng nhân ái cao cả. Chủ nghĩa Mác có ưu điểm của nó là phương pháp làm việc biện chứng. Chủ nghĩa Tôn Dật Tiên có ưu điểm của nó là thích hợp với điều kiện nước ta... Tôi cố gắng làm học trò nhỏ của các vị ấy".

c. Sự Việt hóa của Hồ Chí Minh những học thuyết, chủ nghĩa, tư tưởng lý luận lớn của các nền văn hóa tiêu biểu trên thế giới để hình thành, phát triển và định hình "học thuyết", hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh trên các lĩnh vực cơ bản, trọng yếu của cách mạng, của đất nước và dân tộc ta. Ở phần này, chúng tôi dự định tìm hiểu quá trình Việt hóa các học thuyết, tư tưởng, triết lý sau:

- Việt hóa các giá trị tư tưởng trong các học thuyết của Trung Quốc cổ đại, đặc biệt là Nho giáo. Bước đầu, chúng tôi đã thống kê được hàng trăm dẫn chứng sinh động, đầy sức thuyết phục về những thành tựu, kết quả độc đáo của sự Việt hóa này trong tư tưởng Hồ Chí Minh. (Ví dụ nhỏ nhưng ý nghĩa và nội dung lớn: tư tưởng *"Trung Quân"* của Nho giáo (Trung với vua và người nuôi mình), trở thành tư tưởng *"Trung với nước"* của Hồ Chí Minh...)

- Tuyên ngôn độc lập (1945) là thành tựu tuyệt vời về sự sáng tạo, tầm trí tuệ, chiều sâu lý tưởng và tình yêu dân tộc của Hồ Chí Minh. Ở đó là kết quả của sự đứng vững trên mảnh đất Việt, "cốt cách" (chữ dùng của Hồ Chí Minh) Việt, hồn Việt,

đồng thời là sự tiếp nhận qua sàng lọc những giá trị bất hủ của bản Tuyên ngôn độc lập 1776 của Hoa Kỳ và tư tưởng tự do - bình đẳng - bác ái của cách mạng tư sản châu Âu (xin lưu ý, sau khi trích dẫn một "lời bất hủ" (chữ dùng của Hồ Chí Minh) trong Tuyên ngôn độc lập của Hoa Kỳ "*Tất cả mọi người* sinh ra có quyền bình đẳng. Tạo hóa cho họ...", Hồ Chí Minh đã viết, thực ra, trình bày và khẳng định một *tư tưởng mới*: "Suy rộng ra, câu ấy có nghĩa là *tất cả các dân tộc* trên thế giới sinh ra bình đẳng, dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do...").

- Việt hóa những thành tựu, giá trị của triết lý, học thuyết châu Âu (nhất là Pháp và Anh). Chúng tôi đã chọn lọc, thông qua các bài viết của Hồ Chí Minh từ 1919 đến 1924, quá trình học tập, tiếp thu, tiếp nhận những giá trị văn hóa châu Âu và sự nỗ lực "Việt hóa" những tri thức đó trong tư duy và trong hoạt động của Nguyễn Ái Quốc.

- Việt hóa những tư tưởng của Mác là một trong những thành tựu tuyệt vời của tư duy Hồ Chí Minh (tôi đã trình bày nội dung này trong bài báo đã đăng tải trên một vài tạp chí: **"Trí tuệ siêu việt trong một báo cáo của Nguyễn Ái Quốc"**, trong đó có tìm hiểu suy nghĩ của Hồ Chí Minh về vấn đề đấu tranh giai cấp ở Việt Nam và phương Đông khác với phương Tây, về "chủ nghĩa dân tộc là động lực lớn của đất nước"...)

- Sự vận dụng sáng tạo và phát triển những tư tưởng vĩ đại của Lênin kể từ khi Hồ Chí Minh tiếp nhận và khẳng định chủ nghĩa Lênin đối với sự nghiệp cách mạng của Việt Nam.

- Hồ Chí Minh và quá trình nhận biết và Việt hóa quan niệm về chủ nghĩa xã hội (phân tích sự tìm tòi trong tư duy Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội).

- Hồ Chí Minh và sự Việt hóa quan điểm về bản chất, tính chất của Đảng Cộng sản ở Việt Nam (Đảng với giai cấp và dân

tộc - tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng trình bày tại Đại hội lần thứ II - 1951).

- Khi nào Hồ Chí Minh chưa hoàn thành quá trình Việt hóa là lúc có thể dẫn tới sai lầm (Hồ Chí Minh và vấn đề sửa sai trong Cải cách ruộng đất ở nước ta).

5. Kết luận:

- Sự quán triệt sâu sắc tư tưởng Hồ Chí Minh của Đảng ta trong quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam.

- Sự khẳng định một nguyên tắc, một bài học lớn của cách mạng Việt Nam: *Kiên định* và *sáng tạo*, *vận dụng* và *phát triển* chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh.

HỒ CHÍ MINH, CHIẾN SĨ LỖI LẠC CỦA PHONG TRÀO CỘNG SẢN, CÔNG NHÂN QUỐC TẾ

PGS. TS. NGUYỄN VIẾT THẢO*

Từ khi Đồng minh những người cộng sản ra đời với bản Tuyên ngôn Đảng Cộng sản do Mác và Ăngghen soạn thảo (1848) đến nay, phong trào cộng sản quốc tế đã có lịch sử hơn 160 năm chiến đấu vẻ vang và chiến thắng vĩ đại. Từ chỗ bị các thế lực thù địch sợ hãi xem như một "bóng ma ám ảnh châu Âu", các lực lượng cộng sản đã ngày càng hiện hữu trong vai trò, vị trí lãnh đạo nhân dân lao động và các dân tộc bị áp bức tiến hành hàng loạt cuộc cách mạng làm rung chuyển thế giới, kết thúc thời đại độc tôn của chủ nghĩa tư bản, mở ra một thời đại mới trên thế giới - thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội. Đi đầu trong đội quân tiên phong ấy là C. Mác, Ph. Ăngghen, V. I. Lênin và tiếp bước họ là những lãnh tụ kiệt xuất, những chiến sĩ lỗi lạc của phong trào cách mạng, phong trào cộng sản, công nhân quốc tế, trong đó, ngời sáng tên tuổi và sự nghiệp của Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh.

Hồ Chí Minh là một trong những lãnh tụ cách mạng mà ngay từ rất sớm đã được hàng triệu người trên thế giới biết đến. Người được ngưỡng mộ là "nhà mácxít - lêninít khiêm tốn nhất và triệt để nhất của thời đại chúng ta" (Phiđen Caxtrô); là "biểu tượng của

* Tổng Biên tập Báo điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam.

sự sáng suốt cộng sản chủ nghĩa ở châu Á" (R.Arixmênđi); là "nhà lãnh đạo vĩ đại và kiên định" (I.Găngđi); là tấm gương lớn nhất về "sự toàn vẹn, lòng nhân ái và tính khiêm tốn" (X.Agiencđê)... Nhân dân Liên Xô trước kia quen gọi Hồ Chí Minh là một "chiến sĩ cách mạng lỗi lạc". Thế giới ngày nay tôn vinh Người là Anh hùng Giải phóng dân tộc và Danh nhân văn hóa. Tất cả những giá trị cao đẹp ấy hội tụ trong chân dung Hồ Chí Minh: một vị lãnh tụ thiên tài và một người thầy vĩ đại của dân tộc Việt Nam; một chiến sĩ lỗi lạc, một người bạn chiến đấu kiên cường và thân thiết của phong trào cộng sản quốc tế, phong trào giải phóng dân tộc và cả loài người tiến bộ, như Trung ương Đảng ta đã đánh giá trong giờ phút đau thương phải vĩnh biệt Người cách đây hơn 40 năm.

Tư cách chiến sĩ lỗi lạc của Hồ Chí Minh được quyết định bởi sự nghiệp cách mạng vĩ đại, những đóng góp to lớn, chủ nghĩa quốc tế vô sản và những phẩm giá cao đẹp của chính Người.

Chủ tịch Hồ Chí Minh có sự nghiệp cách mạng thật sự vĩ đại, đó là đã lãnh đạo thành công cách mạng giải phóng dân tộc và tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa ở một nước Đông Nam Á, góp phần to lớn vào phong trào cách mạng, phong trào cộng sản quốc tế. Sinh ra và lớn lên trong hoàn cảnh nước nhà bị thực dân đô hộ, người thanh niên Nguyễn Tất Thành sớm nung nấu hoài bão giải phóng dân tộc. Đồng thời, người thanh niên ấy cũng sớm nhận ra những hạn chế lịch sử của hàng loạt phong trào đấu tranh yêu nước ngày ấy và quyết tâm tìm con đường cứu dân, cứu nước tiên tiến, phù hợp. Hòa mình vào phong trào công nhân, phong trào xã hội ở Pháp và nhiều quốc gia phương Tây khác, Nguyễn Ái Quốc đã đến được với ánh sáng của chủ nghĩa Mác - Lênin, đã tìm ra con đường cách mạng duy nhất đúng đắn để giải phóng dân tộc mình, đó là con đường cách mạng vô sản. Mùa Xuân năm 1930, Người chủ trì Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam, chính đảng tiền phong của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và toàn thể dân tộc Việt Nam. Hội nghị đã đề ra Chính cương vắn

tắt. Sách lược vắn tắt tuyên bố tiến hành tư sản dân quyền cách mạng, thổ địa cách mạng để tiến tới chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản.

Dưới sự tổ chức và rèn luyện trực tiếp của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh, chỉ 15 năm sau, Đảng Cộng sản Việt Nam đã lãnh đạo toàn dân tiến hành thắng lợi cuộc Cách mạng tháng Tám năm 1945, lật đổ chế độ thực dân - phong kiến, thành lập nhà nước công - nông đầu tiên ở Đông Nam Á, mở đầu quá trình tan rã của chủ nghĩa thực dân trên toàn thế giới. Bàng hoàng và hoảng sợ trước ngọn đuốc giải phóng dân tộc trong thời đại mới đã được thắp sáng tại Việt Nam, thực dân Pháp và các thế lực phản động quốc tế phiêu lưu xâm lược Đông Dương một lần nữa. Sau nhiều cố gắng thương lượng bất thành, từ tháng 12 năm 1946, lãnh tụ Hồ Chí Minh một lần nữa lãnh đạo toàn Đảng, toàn quân, toàn dân Việt Nam tiến hành trường kỳ kháng chiến và 9 năm sau kết thúc thắng lợi bằng chiến dịch Điện Biên Phủ lừng lẫy năm châu, chấn động địa cầu. Tiếp nối Điện Biên Phủ - Việt Nam là hàng chuỗi phong trào giải phóng dân tộc liên tiếp nổ ra ở không gian Á, Phi và Mỹ La tinh rộng lớn trong suốt các thập kỷ 50, 60 và 70 của thế kỷ XX. Hệ thống thuộc địa thế giới đã từng được chủ nghĩa thực dân đế quốc xây dựng ròng rã trong 500 năm đã nhanh chóng sụp đổ hoàn toàn chỉ trong vòng chưa đầy 50 năm sau mốc son Việt Nam mang đậm dấu ấn Hồ Chí Minh.

Sau thất bại của thực dân Pháp, đế quốc Mỹ thế chân, nhảy vào miền Nam, âm mưu chiếm đóng, chia cắt lâu dài đất nước nhằm chống phá chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Chủ tịch Hồ Chí Minh và Trung ương Đảng đã lãnh đạo toàn dân tiến hành đồng thời hai cuộc cách mạng: hoàn thiện cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và kháng chiến chống Mỹ, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước. Ngay trong hoàn cảnh đặc biệt ấy, chế độ xã hội chủ nghĩa vẫn ngày càng được củng cố, miền Bắc hoàn thành nghĩa vụ cao cả là hậu phương lớn

cho miền Nam đánh Mỹ. Quân và dân miền Nam đã lần lượt làm thất bại mọi chiến lược chiến tranh của đế quốc Mỹ và tiến tới Đại thắng mùa Xuân năm 1975. Lá cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội - lá cờ bách chiến, bách thắng của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã được toàn Đảng, toàn quân và toàn dân giương cao, biến Việt Nam thành lương tâm và khí phách của cả thời đại. Chiến thắng năm 1975 của Việt Nam là chiến thắng của thời đại Hồ Chí Minh, chiến thắng của dân tộc chống đế quốc, của chủ nghĩa xã hội đối với chủ nghĩa tư bản, của văn minh chống lại bạo tàn, góp phần to lớn vào sự nghiệp bảo vệ hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ trên toàn thế giới.

Hồ Chí Minh là một tấm gương sáng ngời về sự kiên định, trung thành với mục tiêu lý tưởng cộng sản; đồng thời, đã vận dụng, phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin phù hợp với điều kiện Việt Nam, góp phần xứng đáng vào tăng cường sức sống cho hệ tư tưởng cộng sản trong thời đại mới. Chính vì vậy, Người không chỉ được kính trọng, ngưỡng mộ, mà còn là một tấm gương cần noi theo, một sự chỉ dẫn không thể thiếu đối với nhân dân Việt Nam và đông đảo lực lượng cách mạng, tiến bộ toàn thế giới trước kia, hiện tại và tương lai.

Từ chủ nghĩa yêu nước, Hồ Chí Minh đã đến với chủ nghĩa cộng sản, kết hợp chặt chẽ các mục tiêu giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng xã hội và giải phóng con người trong một sự nghiệp cách mạng. Lập trường cộng sản của Hồ Chí Minh được xây dựng trên cơ sở của một nhận thức đúng đắn, một ý chí sắt son với quốc gia dân tộc, một trình độ giác ngộ giai cấp sâu sắc qua thực tiễn hoạt động chính trị - xã hội phong phú của bản thân Người. Bởi vậy, ngay trong hoàn cảnh hoạt động bí mật hiểm nghèo, trong chốn lao tù khắc nghiệt, hay trong những thời điểm bị chính các đồng chí cộng sản hiểu lầm, đánh giá sai..., Người vẫn luôn luôn tự tin, kiên định với mục tiêu, lý tưởng cộng sản.

Điều hết sức đặc sắc ở Hồ Chí Minh là Người đã duy trì sự kiên định, trung thành bằng cách vận dụng, bổ sung, phát triển sáng tạo lý luận cộng sản chủ nghĩa một cách kịp thời, đúng đắn và phù hợp với điều kiện cụ thể của Việt Nam cũng như với bối cảnh mới của thời đại. Những luận điểm của Hồ Chí Minh về chủ nghĩa đế quốc như con đỉa hai vòi; về vai trò, vị trí của cách mạng vô sản ở thuộc địa đối với cách mạng thế giới nói chung và cách mạng vô sản ở chính quốc nói riêng; về khả năng, tiềm năng cách mạng của các lực lượng dân tộc chủ nghĩa ở Đông Dương; về giải quyết mối quan hệ giữa giai cấp và dân tộc trong cách mạng xã hội chủ nghĩa và công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội; về đặc trưng ra đời của Đảng Cộng sản ở Việt Nam; về chủ nghĩa xã hội và quá độ lên chủ nghĩa xã hội từ một xã hội thuộc địa - phong kiến; về xây dựng nền văn hóa và con người mới xã hội chủ nghĩa; về khối đại đoàn kết toàn dân tộc như động lực của toàn bộ sự nghiệp cách mạng; về xây dựng nền quốc phòng toàn dân với sức mạnh tổng hợp, chiến tranh nhân dân, thế trận quốc phòng toàn dân; về xây dựng Nhà nước, xây dựng Đảng như tổ chức của những công bộc, những người đầy tớ thật trung thành của nhân dân; về nền đối ngoại hòa bình, độc lập tự chủ, hợp tác và hội nhập quốc tế... là những cống hiến vô giá đối với chủ nghĩa Mác - Lênin, phong trào xã hội chủ nghĩa và phong trào cách mạng thế giới.

Hệ thống lý luận do Mác, Ăngghen và Lênin xây dựng cách đây hơn thế kỷ vẫn có ý nghĩa thời đại sâu sắc một phần rất lớn là nhờ được nhiều lãnh tụ cách mạng, trong đó có Hồ Chí Minh của Việt Nam, bổ sung, phát triển thông qua tổng kết thực tiễn sinh động của quốc gia và thế giới đương thời. Đối với những người cộng sản và nhân dân Việt Nam, tư tưởng Hồ Chí Minh luôn luôn có giá trị soi sáng con đường cách mạng giải phóng dân tộc, xây dựng chủ nghĩa xã hội trước kia và công cuộc đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa ngày nay. Những thành tựu to lớn, có ý

nghĩa lịch sử của 25 năm đổi mới vừa qua cũng như những đóng góp của đổi mới đối với quá trình phục hồi, phát triển của chủ nghĩa xã hội trên thế giới, trên ý nghĩa hiện thực của nó, cũng chính là thành công và đóng góp của tư tưởng Hồ Chí Minh.

Hồ Chí Minh là một chiến sĩ trung thành với chủ nghĩa quốc tế vô sản, có đóng góp to lớn cho tình đoàn kết chiến đấu giữa nhân dân tất cả các nước, giữa các nước xã hội chủ nghĩa, giữa vô sản và các dân tộc bị áp bức và giữa các lực lượng tiến bộ trên toàn thế giới với nhau. Chủ nghĩa quốc tế của Hồ Chí Minh có nội dung phong phú: Đoàn kết với nhân dân lao động các nước vì mục tiêu chung đấu tranh giải phóng con người khỏi ách áp bức, bóc lột; đoàn kết quốc tế giữa những người vô sản toàn thế giới vì một mục tiêu chung, "bốn phương vô sản đều là anh em"; đoàn kết với nhân loại tiến bộ vì hòa bình, công lý và tiến bộ xã hội; đoàn kết quốc tế gắn liền với chủ nghĩa yêu nước. Chủ nghĩa yêu nước chân chính sẽ dẫn đến chủ nghĩa quốc tế trong sáng, chống lại mọi biểu hiện của chủ nghĩa sô vanh, vị kỷ, hẹp hòi, kỳ thị dân tộc...

Năm 1911, người thanh niên Nguyễn Tất Thành rời Tổ quốc đi tìm con đường giải phóng dân tộc. Từ năm 1912 đến năm 1917, Người đến nhiều nước châu Á, châu Âu, châu Mỹ, châu Phi, sống hòa mình với nhân dân lao động. Thông cảm sâu sắc cuộc sống khổ cực của nhân dân lao động và các dân tộc thuộc địa cũng như nguyện vọng thiêng liêng của họ, sớm nhận thức được cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc của nhân dân Việt Nam là một bộ phận trong cuộc đấu tranh chung của nhân dân thế giới và Người đã hoạt động tích cực nhằm đoàn kết nhân dân các dân tộc giành tự do, độc lập.

Cuối năm 1917, Người từ Anh trở lại Pháp tiếp tục hoạt động trong phong trào Việt kiều và phong trào công nhân Pháp. Năm 1919, lấy tên là Nguyễn Ái Quốc, Người thay mặt những người Việt Nam yêu nước tại Pháp gửi tới Hội nghị Vécxây bản yêu sách đòi quyền tự do cho nhân dân Việt Nam và cũng là quyền

tự do cho nhân dân các nước thuộc địa. Tháng 12 năm 1920, Nguyễn Ái Quốc tham dự đại hội lần thứ XVIII Đảng Xã hội Pháp và bỏ phiếu tán thành Đảng gia nhập Quốc tế Cộng sản (Quốc tế III) và trở thành một trong những người sáng lập Đảng Cộng sản Pháp.

Năm 1921, cùng với một số người yêu nước của các thuộc địa Pháp, Nguyễn Ái Quốc sáng lập Hội Liên hiệp thuộc địa. Tháng 4 năm 1922, Hội ra báo Người cùng khổ (Le Paria) nhằm đoàn kết, tổ chức và hướng dẫn phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc ở các thuộc địa. Nhiều bài báo của Người đã được đưa vào tác phẩm *Bản án chế độ thực dân Pháp*, xuất bản năm 1925, một công trình nghiên cứu về bản chất của chủ nghĩa thực dân, thức tỉnh và cổ vũ nhân dân các nước thuộc địa đứng lên tự giải phóng.

Tháng 6 năm 1923, Nguyễn Ái Quốc từ Pháp sang Liên Xô, làm việc trong Quốc tế Cộng sản. Tháng 10 năm 1923, tại Hội nghị Quốc tế nông dân lần thứ I, Nguyễn Ái Quốc được bầu vào Hội đồng Quốc tế Nông dân như đại biểu duy nhất của nông dân thuộc địa. Người tham dự Đại hội V Quốc tế Cộng sản, Đại hội Quốc tế Thanh niên Cộng sản lần thứ IV, Đại hội Quốc tế Công hội đỏ. Tại các diễn đàn này, Người kiên trì bảo vệ và phát triển sáng tạo tư tưởng của V.I.Lênin về vấn đề dân tộc và thuộc địa, hướng sự quan tâm của Quốc tế Cộng sản tới phong trào giải phóng dân tộc.

Hồ Chí Minh là một nhân cách cộng sản mẫu mực, suốt đời phấn đấu, hy sinh cho độc lập của dân tộc, tự do, hạnh phúc của nhân dân; sống cuộc đời giản dị, khiêm tốn, ham học hỏi, nói đi đôi với làm; thực hành nghiêm túc các nguyên tắc sinh hoạt của Đảng; gắn bó máu thịt với nhân dân, thường xuyên nhấn mạnh quét sạch chủ nghĩa cá nhân, nâng cao đạo đức cách mạng. Trọn đời, Người chỉ có một mục đích duy nhất là phấn đấu cho quyền lợi của Tổ quốc và hạnh phúc của nhân dân. Người *"...chỉ có một ham muốn, ham muốn tột bậc, là làm sao cho nước nhà được độc*

lập, nhân dân được tự do, đồng bào ta ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành"[1].

Đạo đức Hồ Chí Minh là đạo đức cách mạng, trong đó chứa đựng tinh hoa của đạo đức nhân loại, đạo đức dân tộc và đạo đức cộng sản mà Mác, Ăngghen, Lênin đã đặt nền móng. Nội dung hàng đầu của đạo đức Hồ Chí Minh là trung với nước, hiếu với dân, là tình yêu thương con người. Chữ "trung", chữ "hiếu" đã được Chủ tịch Hồ Chí Minh phát triển lên tầm cao cộng sản, đó là trung thành với lợi ích quốc gia, với độc lập, tự do, hạnh phúc của nhân dân, sẵn sàng hy sinh hạnh phúc cá nhân vì nghĩa cả, nghiệp lớn. Chính vì vậy, đạo đức Hồ Chí Minh là biểu tượng của chủ nghĩa nhân văn cao cả nhất.

Chủ tịch Hồ Chí Minh xác định đạo đức là cái gốc của người cách mạng. Người chỉ rõ: Cũng như sông thì có nguồn mới có nước, không có nước thì sông cạn. Cây phải có gốc, không có gốc thì cây héo. Người cách mạng phải có đạo đức, không có đạo đức thì dù tài giỏi mấy cũng không lãnh đạo được nhân dân"[2]. Cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư, dốc trọn tâm can, nhiệt huyết cho dân, cho nước, lo trước thiên hạ, vui sau thiên hạ, không tơ hào lợi lộc, vinh hoa phú quý là nội dung rất quan trọng trong đạo đức Hồ Chí Minh, được vị lãnh tụ đề cập ngay từ đầu trong tác phẩm *Đường Kách mệnh* và nhấn mạnh trong Di chúc để lại cho đồng bào, đồng chí trước lúc đi xa.

Trong mọi hoàn cảnh, dù ở thủ đô hay trong rừng núi, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn luôn giản dị, thanh cao. Hình ảnh vị lãnh tụ với cháo bẹ, rau măng, lán rạ... trong núi rừng kháng chiến; hay đôi dép cao su, bộ ka ki khiêm tốn, ngôi nhà sàn bé nhỏ, đơn sơ... trên cương vị nguyên thủ quốc gia, mà khi đi vào cõi vĩnh hằng không để lại một chút tài sản riêng tư, đã tạc dấu ấn của một nhân cách cộng sản đích thực vào tinh thần thời đại ngày nay.

1 Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 4, tr. 161.
2 Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 5, tr. 252.

Nhân cách cộng sản Hồ Chí Minh còn tỏa sáng một cách mẫu mực từ việc làm, cách ứng xử và cuộc sống hàng ngày của Người. Khi kêu gọi toàn dân xây dựng hũ gạo kháng chiến, vị Chủ tịch nước Hồ Chí Minh cũng mỗi bữa bớt lại một nắm gạo và 10 ngày nhịn ăn một bữa. Khi kêu gọi toàn dân rèn luyện thân thể, Người cũng "tự tôi, ngày nào tôi cũng tập". Để thực hiện nghiêm túc chủ trương tiết kiệm, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn luôn mang theo cơm nắm, muối vừng trong mỗi chuyến công tác, v.v... Suốt đời, Người thực hiện nói ít, làm nhiều, nói đi đôi với làm, cán bộ làm gương cho quần chúng noi theo, xây đi đôi với chống, lấy xây làm chính và thực hành tu dưỡng đạo đức thường xuyên như "ngọc càng mài càng sáng, vàng càng luyện càng trong".

Nhân cách cộng sản Hồ Chí Minh cũng tỏa sáng một cách độc đáo từ quan niệm Đảng ta là đạo đức, là văn minh. Ngay sau khi thành lập nước, trong điều kiện Đảng trở thành đảng cầm quyền, Chủ tịch Hồ Chí Minh đặt lên hàng đầu nhiệm vụ giáo dục đạo đức cách mạng cho cán bộ, đảng viên, kiên trì đấu tranh phòng chống các căn bệnh, nguy cơ quan liêu, xa rời cuộc sống, xa rời quần chúng nhân dân, đặc quyền đặc lợi, chủ nghĩa cá nhân... Theo Hồ Chí Minh, sức hấp dẫn và sức mạnh của chủ nghĩa xã hội chưa hẳn là đời sống vật chất cao, mà trước hết ở các giá trị nhân văn, đạo đức của nó, được thể hiện trong từng cán bộ cách mạng và đảng viên. Người nhấn mạnh: *"Phong trào cộng sản quốc tế trở thành lực lượng quyết định vận mệnh loài người chẳng những là do chiến lược và sách lược thiên tài của cách mạng vô sản, mà còn do những phẩm chất đạo đức cao quý làm cho chủ nghĩa cộng sản trở thành sức mạnh vô địch"*[1].

Thế giới ngày nay có biết bao đổi thay sâu rộng, khó lường. Sự nghiệp của những người cộng sản đã phải nếm trải không ít đổ vỡ, mất mát nhưng loài người không bao giờ quên, không bao giờ phủ nhận những đóng góp lịch sử vĩ đại của cách mạng vô

1 Hồ Chí Minh, *Lênin và Cách mạng tháng Mười*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1995, tr. 160.

sản và chủ nghĩa xã hội trên phạm vi toàn thế giới trong suốt thế kỷ XX. Loài người cũng mãi mãi tự hào về những chiến sĩ lỗi lạc, những lãnh tụ kiệt xuất đã từng xuất hiện và trưởng thành từ phong trào cộng sản, phong trào cách mạng sôi động ấy, trong đó có Hồ Chí Minh.

Ở những thập niên đầu thế kỷ XXI hiện nay, nhân dân lao động toàn thế giới đang nỗ lực và sáng tạo đấu tranh vì một thế giới tốt đẹp hơn: một thế giới của hòa bình, độc lập dân tộc; một thế giới khác với thế giới tư bản chủ nghĩa, không còn áp bức, bóc lột, bất công. Tuy nội dung, hình thức đấu tranh có nhiều điểm khác trước, nhưng mục tiêu đấu tranh vẫn thống nhất với thời kỳ của các thế hệ tiền bối cách mạng. Bởi vậy, lá cờ của C. Mác, Ph.Ăngghen, V.I.Lênin và tấm gương của các chiến sĩ cộng sản lỗi lạc như Hồ Chí Minh vẫn còn nguyên giá trị dẫn đường.

HỒ CHÍ MINH: TƯ TƯỞNG TỪ TRẢI NGHIỆM CUỘC SỐNG

TS. NGUYỄN TIẾN HOÀNG*

Sự kiện ngày 5 tháng 6 năm 1911, người thanh niên Nguyễn Tất Thành rời đất mẹ ra đi tìm đường cứu nước là một sự kiện vô cùng quan trọng không chỉ riêng đối với cuộc đời của Người mà cả cách mạng Việt Nam, sự phát triển của dân tộc Việt Nam mãi mãi về sau. Chính nhờ sự ra đi này mà Hồ Chí Minh đã tìm ra *con đường cứu nước* cho Việt Nam.

Như chúng ta đều rõ, vào đầu thế kỷ XX, ở Việt Nam có một số khả năng hay "con đường đi cho đất nước" xuất hiện và được người này người kia lựa chọn ở đâu đó...Đó là:

- *Con đường truyền thống*: Chiêu tập binh sỹ, chủ yếu là từ nông dân, để xây dựng lực lượng lật đổ chế độ ngoại bang, khôi phục nhà nước Vương quyền. Đại biểu cho con đường này là những người tham gia phong trào Cần Vương, Hoàng Hoa Thám...

- *Con đường cải lương*: Kêu gọi, vận động chính quyền ngoại bang thực hiện các chính sách cải tạo xã hội một cách hòa bình, xây dựng đất nước theo chế độ "dân quyền cộng hòa dân chủ". Đại biểu của con đường này là Phan Châu Trinh.

---

* Ban Tuyên giáo Trung ương.

- *Con đường bạo động cách tân*: Dựa vào lực lượng quân sự của nước ngoài hoặc tự tạo để lật đổ chính quyền ngoại bang và vương quyền, xây dựng đất nước theo chế độ "dân quyền cộng hòa dân chủ, tư bản chủ nghĩa". Đại biểu của con đường này là Phan Bội Châu, Nguyễn Thái Học...

Hồ Chí Minh đã biết đến các con đường này, nhưng Người đã không nhìn thấy khả năng cứu được dân tộc của những con đường đó. Chính vì vậy, Người quyết chí ra để tìm một con đường khác cho phép giải phóng được dân tộc, giúp nhân dân thoát khỏi cảnh lầm than, cơ cực. Người đã phải trải qua cuộc đời vô cùng gian lao, vất vả, sống cuộc sống cực nhọc hy vọng một ngày kia "con đường" sẽ được tìm thấy.

Có người cho rằng, Hồ Chí Minh đã tìm thấy "con đường cứu nước" của mình khi đọc Luận cương của V.I.Lênin. Tuy nhiên, theo tôi, chúng ta phải hiểu, rằng "con đường Hồ Chí Minh" bao hàm toàn bộ tư tưởng Hồ Chí Minh về sự nghiệp giải phóng dân tộc và xây dựng đất nước. Vì vậy, chỉ có thể nói, sự kiện đó hé lộ cho Hồ Chí Minh "con đường cứu nước" chân chính chứ không phải con đường đã được tìm ra. Hồ Chí Minh còn phải trải qua sự trải nghiệm cuộc đời đầy vất vả và hy sinh để rồi xây nên từng viên gạch, từng thước đất cho con đường cứu nước.

Có nhiều người nhờ nghiên cứu lý luận, nhờ đọc sách, tư duy sáng tạo mà hình thành nên tư tưởng của mình, thậm chí cả những tư tưởng lớn. Điểm độc đáo của Hồ Chí Minh là mọi tư tưởng của Người đều thấm đẫm mồ hôi và nước mắt, sự trải nghiệm cuộc sống gian nan và vất vả của Người. Mặt khác, ở Hồ Chí Minh có một số tư tưởng nảy sinh, được khái quát từ chính cuộc sống hàng ngày, từ trong thực tiễn hoạt động cách mạng của Người.

Đảng ta đã xác định tư tưởng Hồ Chí Minh là hệ thống các quan điểm toàn diện và sâu sắc về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam, từ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân đến cách

mạng xã hội chủ nghĩa; là kết quả của sự vận dụng sáng tạo và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện cụ thể của nước ta, đồng thời là sự kết tinh tinh hoa dân tộc và trí tuệ thời đại nhằm giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp và giải phóng con người.

Theo định nghĩa đó thì tư tưởng Hồ Chí Minh có nhiều nguồn gốc, trong đó, thực tiễn hoạt động của Người, sự trải nghiệm cuộc sống của Người chỉ là một cơ sở. Tuy nhiên, ở Hồ Chí Minh có một số tư tưởng mà sự trải nghiệm cuộc sống của Người giữ vai trò quyết định sự hình thành, phát triển của tư tưởng đó.

Ví dụ như tư tưởng của Hồ Chí Minh về "Ngoại giao là chiến trường". Đây không chỉ là điều Hồ Chí Minh tự nói ra, mà còn là điều Người nung nấu, là sợi chỉ xuyên suốt hành vi và sự nghiệp của cuộc đời Người. Trong hoạt động thực tiễn, Hồ Chí Minh biết vận dụng một cách sáng tạo tư tưởng của nhiều bậc tiền bối và tư tưởng của những người cùng thời với Người. Chính trong quá trình đó đã hình thành nên quan điểm của Người về vị trí và vai trò của "Chiến tranh ngoại giao" đối với sự nghiệp "giành độc lập từng phần".

Đối với Hồ Chí Minh, mặt trận ngoại giao cũng "ác liệt" không kém gì chiến trường. Tại đó người ta cũng tranh giành nhau từng "tấc đất", từng "thửa ruộng". Việt Nam không thể giành được thắng lợi nếu thất bại trên chiến trường ngoại giao. Chiến công của ngoại giao không thua kém gì chiến công do đấu tranh vũ trang mang lại; nó có thể đưa đến độc lập từng phần và cuối cùng là hoàn toàn.

Về vai trò của ngoại giao trong chiến tranh thì các bậc tiền bối thời cổ đại đã nói tới, nhưng mới dừng ở chỗ coi nó có vai trò to lớn, nặng ở vai trò bổ sung, chưa được xem như "Chiến trường". Lênin nói tới khả năng giành chính quyền bằng con đường hòa bình, nhưng chủ yếu đó là khả năng của đấu tranh chính trị nói chung và có phần nặng về đấu tranh chính trị trong nội bộ quốc gia, bằng con đường nghị trường.

Trong Chiến tranh ngoại giao cũng có các loại khác nhau, cũng có hình thức chính quy, cũng có hình thức không chính quy. Đối với một nước nhỏ như Việt Nam, Hồ Chí Minh chú ý sử dụng kiểu đấu tranh "du kích". Nếu Lênin là người kết hợp chặt chẽ giữa đấu tranh lý luận, đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang dưới hình thức "Chiến tranh quần chúng" và "Chiến tranh chính quy"; Mao Trạch Đông sử dụng và khái quát thành "Chiến tranh nhân dân" với hình thức cơ bản của nó là "Chiến tranh du kích", thì Hồ Chí Minh là người đã phát minh ra và sử dụng thành thạo "Chiến tranh ngoại giao" đặc biệt với kiểu "du kích".

Đó chính là một trong những tư tưởng từ sự trải nghiệm cuộc đời của Hồ Chí Minh.

Tư tưởng Hồ Chí Minh "Không có gì quý hơn độc lập, tự do" cũng là một tư tưởng khá độc đáo và mang rõ sắc thái "Hồ Chí Minh". Nói về độc lập, tự do thì nhiều người đã nói đến và thấu hiểu. Thậm chí, cả những người dân bình thường cũng hiểu nỗi nhục của con người sinh ra trong cảnh nước mất, nhà tan, trong nỗi khổ của dân "vong quốc nô". Một cậu học sinh học lịch sử, đọc sách lịch sử cũng có thể hiểu được thế nào là không có độc lập, tự do.

Tuy nhiên, với khái quát "Không có gì quý hơn độc lập, tự do" thì chỉ có thể xuất hiện ở con người mà hầu hết tháng năm của cuộc đời mình phải sống trong hoàn cảnh không có độc lập, tự do. Chỉ có con người đã phải trải qua quá nhiều đau khổ vì mất độc lập, tự do mới có thể nói câu nói đó, có tư tưởng đó. Độc lập, tự do là khát vọng cháy bỏng của người dân mất nước. Sống trong cảnh nước mất, nhà tan, mọi quyền lực nằm trong tay quân xâm lược và bọn tay sai thì quyền sống của con người cũng bị đe dọa chứ nói gì đến quyền bình đẳng, tự do, dân chủ của mọi người. Nếu có, đó chỉ là thứ tự do cướp bóc, bắt bớ, giết hại và tù đày của quân xâm lược và bọn tay sai. Khi còn là người dân bình thường của dân tộc không có độc lập, tự do, Hồ Chí Minh đã thấu hiểu

nỗi khổ đó. Khi trở thành vị Chủ tịch nước, Hồ Chí Minh vẫn phải chịu đựng nỗi khổ của người đứng đầu một nước chưa có độc lập, tự do. Chính vì vậy mà "Không có gì quý hơn độc lập tự do", một trong những tư tưởng lớn của Hồ Chí Minh trong cách mạng Việt Nam đã trở thành chân lý của dân tộc Việt Nam và của cả nhân loại có lương tri.

Vì tư tưởng này của Hồ Chí Minh đã được sinh ra từ sự trải nghiệm khổ đau trong cuộc đời của Người nên đối với Hồ Chí Minh, tư tưởng này trở thành chân lý không gì lay chuyển nổi. Tư tưởng đó được quán triệt trong toàn bộ tiến trình cách mạng Việt Nam và nó được thể hiện nổi bật trong các thời điểm có tính bước ngoặt lịch sử.

Khi trả lời câu hỏi của nữ đồng chí Rôđơ, thư ký Đại hội lần thứ 18 của Đảng Xã hội Pháp, họp ngày 29 tháng 12 năm 1920: *Tại sao đồng chí lại bỏ phiếu cho Quốc tế III?* Hồ Chí Minh trả lời: *"Rất giản đơn. Tôi không hiểu chị nói thế nào là chiến lược, chiến thuật vô sản và nhiều điểm khác. Nhưng tôi hiểu rõ một điều: Quốc tế III rất chú ý đến vấn đề thuộc địa... Tự do cho đồng bào tôi, độc lập cho Tổ quốc tôi, đấy là tất cả những điều tôi muốn, đấy là tất cả những điều tôi hiểu."*. Cũng ngay tại nước Pháp, giữa năm 1922, sau khi làm việc với Bộ trưởng Bộ Thuộc địa Pháp Anbe Xarô, Hồ Chí Minh đã nói thẳng với ông ta mong muốn của mình và của nhân dân Việt Nam rằng: "Cái mà tôi cần nhất trên đời là: Đồng bào tôi được tự do, Tổ quốc tôi được độc lập..."

Năm 1945, đứng trước thời cơ mới của cách mạng nước ta, khi nói chuyện với đồng chí Võ Nguyên Giáp, Hồ Chí Minh khẳng định: "Lúc này thời cơ thuận lợi đã tới, dù phải đốt cháy cả dãy Trường Sơn cũng phải cương quyết giành cho được độc lập."

Đó là ước nguyện, là ham muốn tột bậc của Hồ Chí Minh và là ước nguyện mong mỏi bao đời nay của nhân dân các dân tộc Việt Nam. Người nói: "Tôi chỉ có một sự ham muốn, ham muốn

tột bậc, là làm sao cho nước ta hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn, áo mặc, ai cũng được học hành.".

Tư tưởng khác của Hồ Chí Minh cũng mang tính trải nghiệm cao từ cuộc đời của Người là tư tưởng về "đoàn kết".

Đoàn kết, đối với Hồ Chí Minh, không phải cái gì đó sinh ra từ sách vở hay một quan niệm thông thường, một sự suy diễn...

Đối với Hồ Chí Minh nó xuất phát từ sự trải nghiệm cuộc đời. Hồ Chí Minh thấu hiểu những thất bại cay đắng từ sự thiếu đoàn kết mà ra. Hồ Chí Minh cũng không chỉ hiểu mà cả sự trải nghiệm sự thành công do đoàn kết mang lại. Chỉ có trên cơ sở đoàn kết mới tạo nên sức mạnh to lớn cho cách mạng Việt Nam để thực hiện thắng lợi các mục tiêu của cách mạng đã đề ra.

Sau khi chủ trì Hội nghị Trung ương lần thứ Tám (tháng 5-1941), nhận thấy cơ hội cứu nước đang đến gần, Hồ Chí Minh đã gửi thư cho đồng bào cả nước, trong thư Người viết: "...Hỡi các bậc phú hào yêu nước, thương nòi! Hỡi các bạn công nông, binh, thanh niên, phụ nữ, công chức, tiểu thương! Trong lúc này quyền lợi dân tộc giải phóng cao hơn hết thảy. Chúng ta phải đoàn kết lại đánh đổ bọn đế quốc và bọn Việt gian đặng cứu giống nòi ra khỏi nước sôi lửa bỏng."

Hồ Chí Minh chẳng những là người quan tâm đến đoàn kết dân tộc, mà chính Người là hiện thân của sự đoàn kết đó, là người trực tiếp tổ chức khối đại đoàn kết toàn dân, kiên quyết đấu tranh chống lại mọi biểu hiện gây chia rẽ, hiềm khích, kỳ thị dân tộc để thực hiện tình đoàn kết trong đại gia đình các dân tộc Việt Nam. Bài học kinh nghiệm về đoàn kết trong cách mạng Việt Nam được Người tổng kết thành 14 chữ vàng như sau:

"Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết. Thành công, thành công, đại thành công".

Một người không từng trải cuộc đời, không nếm mùi cay đắng của sự mất đoàn kết thì không thể có được sự tổng kết rất giản dị mà sâu sắc như vậy được.

Có thể tìm thấy ở Hồ Chí Minh rất nhiều những tư tưởng như thế, tức là những tư tưởng mang "đặc sắc" Hồ Chí Minh. Chúng được nảy sinh và hình thành trong sự trải nghiệm cuộc sống của chính cuộc đời gian truân của Người. Chính những tư tưởng đó đã góp phần quan trọng đặc biệt tạo nên "tầm vóc" Hồ Chí Minh. Những tư tưởng đó càng giúp chúng ta thấy được ý nghĩa đặc biệt của sự kiện Hồ Chí Minh rời quê hương đi tìm đường cứu nước năm 1911.

HỒ CHÍ MINH VỚI VIỆC XÁC ĐỊNH ĐÚNG CON ĐƯỜNG CỨU NƯỚC CỦA DÂN TỘC VIỆT NAM

PGS. TS. PHẠM VĂN LINH*

Nguyễn Tất Thành rời quê hương sang phương Tây tìm con đường cứu nước vào ngày 5 tháng 6 năm 1911. Sự kiện mới này chưa có trong lịch sử Việt Nam. Trước đây, các nhà yêu nước thường hướng về phương Đông, tìm đường cứu nước bằng cách đi để "cầu viện", hay cũng chỉ chuẩn bị lực lượng vũ trang đưa về nước, hoặc đào tạo cán bộ nhằm chỉ đạo, phát động phong trào đấu tranh trong nước. Thực tế các bậc tiền bối chưa có ai đặt vấn đề, càng không ai chủ trương sang phương Tây để tìm con đường cứu nước. Nhưng, Nguyễn Tất Thành đã quyết tâm thực hiện đi sang phương Tây. Sau này, Hồ Chí Minh đã nói rõ lý do khiến Người rời Tổ quốc sang Pháp, sang các nước phương Tây, vì "... *Nhân dân Việt Nam trong đó có ông thân sinh ra tôi, lúc này thường tự hỏi nhau ai là người sẽ giúp mình thoát khỏi ách thống trị của Pháp. Người này nghĩ là Nhật, người khác lại nghĩ là Anh, có người lại cho là Mỹ. Tôi thấy phải đi ra nước ngoài xem sao, tôi sẽ trở về giúp đồng bào tôi*"[1].

Hành trang ra đi của Nguyễn Tất Thành lúc bấy giờ chỉ có tấm lòng yêu nước, thiết tha muốn giải phóng đất nước, đồng bào

---

* Phó Trưởng Ban Tuyên giáo Trung ương.

1 *Hồ Chí Minh - Biên niên tiểu sử*, tập 4, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1993.

khỏi cuộc đời nô lệ. Hơn nữa, Người có một vốn Hán học khá tinh thông và hiểu biết về phương Tây dù mới ở bậc tiểu học nhưng lại ham hiểu biết có chí tự học và tự nuôi sống bằng hai bàn tay lao động, nên cũng nhanh chóng nâng cao trình độ của mình. Do đó, khi vừa đặt chân lên đất Pháp, cảng Mácxây, điều đầu tiên mà Nguyễn Tất Thành nhận thấy là *"người Pháp ở Pháp tốt, lễ phép hơn người Pháp ở Đông Dương"*[1]. Thực tế nhìn thấy những cảnh sống khổ cực của những người ăn xin, hoạt động của những kẻ ăn cắp... đã khiến Nguyễn Tất Thành băn khoăn: "Tại sao người Pháp không "khai hoá" đồng bào của mình lại tuyên truyền về "sứ mệnh khai hóa văn minh" cho người dân thuộc địa ở Việt Nam?"

Như vậy, Nguyễn Tất Thành bước đầu đã phân biệt được người dân lao động Pháp ở chính quốc và bọn thực dân Pháp ở thuộc địa, nhận thức được sự tuyên truyền giả dối của chúng để biện hộ cho chính sách bóc lột áp bức ở thuộc địa. Những ý nghĩ ban đầu này sẽ được bổ sung, làm phong phú hơn trong hoạt động và nhận thức sau này. Đây là cơ sở quan trọng cho việc hình thành tư tưởng về sự đoàn kết của nhân dân Việt Nam, các nước thuộc địa với nhân dân lao động, giai cấp công nhân Pháp, các nước chính quốc trong cuộc đấu tranh chung chống chủ nghĩa đế quốc. Việc vạch trần những luận điệu của chủ nghĩa thực dân tuyên truyền lừa bịp về "sứ mệnh khai hoá" cho các thuộc địa trở thành một nội dung đấu tranh giải phóng dân tộc.

Quyết định sang Pháp của Nguyễn Tất Thành và những hiểu biết ban đầu về thực tế của nước Pháp *thể hiện rõ ý thức, động cơ đúng của Người đi tìm đường cứu nước - vì độc lập của dân tộc.*

Cuộc hành trình tiếp theo của Nguyễn Tất Thành qua nhiều nước thuộc địa, phụ thuộc tư bản, đế quốc ở các châu lục càng làm sáng tỏ tính chất đúng đắn của mục đích đi tìm đường cứu nước. Người đã xúc động trước cảnh khổ cực, bị áp bức của

1 Trần Dân Tiên, *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, tr. 18.

nhân dân những nước đi qua; nó giống như đời sống của đồng bào mình ở quê hương. Người nhận thấy ở đâu nhân dân cũng có một mong muốn chung là thoát khỏi ách thống trị, áp bức. Từ lòng yêu thương đồng bào, Người mở rộng đến sự đồng cảm với những người cùng cảnh ngộ trên khắp thế giới. Ở Người, đã nảy sinh ý thức về sự cần thiết phải đoàn kết những người bị áp bức để đấu tranh chống một kẻ thù chung, cùng nhau thực hiện một nguyện vọng chung - độc lập, tự do. Có thể xem đây là biểu hiện đầu tiên của ý thức về sự đoàn kết quốc tế giữa những người dân thuộc địa nhằm đấu tranh thoát khỏi sự thống trị thực dân đế quốc, sự đoàn kết giữa nhân dân thuộc địa và người lao động ở chính quốc.

Đây là cơ sở đầu tiên để Người suy nghĩ, tìm ra hướng đi đúng cho con đường cứu nước, không chỉ cho dân tộc mình mà còn cho nhân dân lao động trên thế giới.

Đầu năm 1919, Nguyễn Ái Quốc gia nhập Đảng Xã hội Pháp. Nguyễn Ái Quốc, người Việt Nam đầu tiên tham gia một chính đảng có xu hướng tiến bộ cách mạng. Điều này càng chứng tỏ Hồ Chí Minh đã sớm có ý thức thực hiện việc liên kết các cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc với phong trào cách mạng thế giới, trước hết là phong trào cách mạng ở chính quốc. Giải thích về quyết định này, Người chỉ rõ: "vì đây là tổ chức duy nhất ở Pháp bênh vực nước tôi", là tổ chức duy nhất theo đuổi lý tưởng cao quý của Đại cách mạng Pháp: *"Tự do, Bình đẳng, Bác ái!"*[1]... Cũng năm 1919, một hoạt động của Nguyễn Ái Quốc có tiếng vang lớn. Đó là, ngày 18-6, thay mặt "Hội những người Việt Nam yêu nước", Nguyễn Ái Quốc gửi đến Hội nghị Vécxây bản *Yêu sách của nhân dân An Nam.* Bản "*Yêu sách...*" gồm 8 điểm: đòi ân xá chính trị phạm người bản xứ, cải cách pháp luật, tự do cư trú ở nước ngoài và tự do xuất dương, tự do học tập, thành lập các trường kỹ thuật và chuyên nghiệp, hay chế độ ra sắc lệnh bằng chế độ ra sắc luật,

1 *Hồ Chí Minh - Biên niên tiểu sử*, tập 1, Nxb. Thông tin Lý luận, Hà Nội, 1992, tr. 64.

đoàn đại biểu thường trực người dân bản xứ bầu ra ở Nghị viện Pháp giúp Nghị viện hiểu được nguyện vọng của người bản xứ[1]. Trong bản "Yêu sách...", Nguyễn Ái Quốc nêu và nhấn mạnh các quyền tự do, dân chủ của nhân dân Việt Nam.

Năm 1917, một sự kiện lớn có tính chất thời đại đã ảnh hưởng quyết định đến sự nghiệp đấu tranh cách mạng của Người - Cách mạng tháng Mười Nga thành công, mở ra một kỷ nguyên mới trong xã hội loài người. Cách mạng tháng Mười có ý nghĩa quốc tế đối với phong trào giải phóng dân tộc, cuộc cách mạng này giải quyết có kết quả những nhiệm vụ trung tâm của nhân dân nhiều nước thuộc địa và phụ thuộc nhằm thoát khỏi ách áp bức của chủ nghĩa đế quốc và giành độc lập, tự do. Vì vậy, Nguyễn Ái Quốc đã có cảm tình, ủng hộ, bảo vệ Cách mạng tháng Mười và đi theo con đường mà cuộc cách mạng này vạch ra. Nhân dân Việt Nam, các dân tộc bị áp bức đã tìm thấy ở cuộc cách mạng này tấm gương sáng để noi theo, tiếp nhận con đường cứu nước và các bài học trong cuộc đấu tranh để giành thắng lợi. Với sự nhạy cảm về chính trị, do được rèn luyện trong cuộc sống lao động và hoạt động trong nhiều năm trước đó, nên tuy chưa hiểu biết hết ý nghĩa cực kỳ to lớn[2] của Cách mạng tháng Mười, nhưng Nguyễn Ái Quốc đã nhận thấy đây là một biến cố to lớn, "có một sức lôi cuốn kỳ diệu vô cùng". Cái nhận thức *"cảm tính tự nhiên"*[3] ban đầu ấy đã gây một ấn tượng mạnh mẽ, mà mãi 40 năm sau (1957), Người vẫn còn giữ cảm giác *"... tựa như người đi đường đang khát mà có nước uống, đang đói mà có cơm ăn"*[4].

Việc Nguyễn Ái Quốc nhanh chóng tiếp nhận ảnh hưởng của Cách mạng tháng Mười thể hiện sự thống nhất giữa tác động của điều kiện khách quan với yếu tố chủ quan trong nhận thức và hành động của Người. Nguyễn Ái Quốc tiếp nhận ánh sáng của Cách

1 Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 1, Sđd, tr. 435.
2 T.Lan, *Vừa đi đường vừa kể chuyện*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1976, tr. 16.
3 Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 10, Sđd, tr. 120.
4 Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 8, Sđd, tr. 571.

mạng tháng Mười để nhận thức đúng và quyết tâm đi theo con đường của cuộc cách mạng vô sản này.

Những hoạt động của Nguyễn Ái Quốc từ khi trở lại Pháp để năm 1920 làm phong phú hơn nhận thức của Người về sức mạnh của nhân dân lao động thế giới, về mối quan hệ giữa các dân tộc bị áp bức, giữa thuộc địa và chính quốc trong cuộc đấu tranh chống đế quốc. Đây là một cơ sở quan trọng để Người tiếp nhận con đường cách mạng vô sản, trong tình hình thế giới và Pháp lúc bấy giờ đang có nhiều chuyển biến to lớn, sâu sắc.

Một sự chuyển biến lớn ở Hồ Chí Minh trong cuộc hành trình đi tìm đường cứu nước là sau đúng 9 năm rời Tổ quốc, qua nhiều nước thuộc địa, phụ thuộc, tư bản, đế quốc ở nhiều châu lục và sống hoạt động ở Pháp đã làm cho Người dần dần trở thành một người lao động, một công nhân thực sự, có đầy đủ phẩm chất, tư tưởng, tâm lý xã hội của một người vô sản. Dần dần sự hiểu biết về chính trị, xã hội của Người được nâng lên; những khái niệm trước đó đối với Người có vẻ xa lạ, khó hiểu, như "chủ nghĩa Bônsêvích", "cách mạng vô sản", "chủ nghĩa tư bản", "chế độ thuộc địa"... nay đã có ý nghĩa cụ thể có nội dung sâu sắc hơn; nhận thức càng sâu, hành động càng đúng.

Kết quả của hoạt động thực tiễn và việc tiếp nhận những lý luận ban đầu ngày càng làm sáng tỏ hơn con đường cứu nước mà Người đang đi tìm và nâng cao hơn nhận thức về chủ nghĩa xã hội. Điều này dẫn tới một quyết định quan trọng tiếp sau quyết định sang phương Tây tìm đường cứu nước. *Đó là quyết định đứng về phía Quốc tế Cộng sản.*

Những hoạt động sôi nổi của Nguyễn Ái Quốc chứng tỏ Người đã ý thức và quyết tâm gia nhập phong trào công nhân các nước tư bản (Pháp, Mỹ), liên kết phong trào cách mạng thế giới với cuộc đấu tranh cho việc Đảng Xã hội Pháp gia nhập Quốc tế Cộng sản. Những hoạt động này không chỉ thể hiện sự trưởng thành của

Người về nhận thức chính trị, sự chuyển biến về tư tưởng, nhưng vẫn không xa rời mục tiêu độc lập cho dân tộc Việt Nam.

Đánh dấu bước chuyển biến quan trọng trong tư tưởng của Nguyễn Ái Quốc về mối quan hệ giữa cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc với phong trào cộng sản quốc tế là quan điểm của Người được trình bày trong Đại hội lần thứ XVIII của Đảng Xã hội Pháp, khai mạc ngày 25-12-1920 tại thành phố Tua. Nguyễn Ái Quốc là người dân thuộc địa duy nhất, người Đông Dương duy nhất trong đoàn đại biểu các đảng bộ thuộc địa gồm 8 người. Nguyễn Ái Quốc đã bỏ phiếu tán thành Đảng Xã hội Pháp gia nhập Quốc tế Cộng sản.

Việc quyết định gia nhập Quốc tế Cộng sản là một quá trình đấu tranh trong Đảng Xã hội Pháp và trở nên gay gắt trong Đại hội này. Nguyễn Ái Quốc đã thẳng thắn đấu tranh chống chủ nghĩa cơ hội, phê phán chủ nghĩa nghị trường về các vấn đề thuộc địa và bảo vệ nguyên tắc: giai cấp công nhân chính quốc phải ủng hộ phong trào giải phóng dân tộc ở các thuộc địa.

Phân bộ Pháp của Quốc tế Cộng sản được thành lập mà Nguyễn Ái Quốc là thành viên. Như vậy, Người đã trở thành người cộng sản Việt Nam đầu tiên, một trong những người sáng lập Đảng Cộng sản Pháp. Cùng với việc đứng về Quốc tế thứ III, tham gia thành lập Đảng Cộng sản Pháp, quá trình đi tìm đường cứu nước của Nguyễn Tất Thành - Nguyễn Ái Quốc đã hoàn thành. Người xác định, *con đường cứu nước và giải phóng dân tộc của nhân dân Việt Nam là con đường cách mạng vô sản.*

Quá trình đi tìm đường cứu nước đồng thời là quá trình Hồ Chí Minh gắn cách mạng Việt Nam vào cách mạng thế giới. Đây là công lao to lớn đầu tiên của Người đối với dân tộc. Trải qua quá trình tìm đường cứu nước, Người đã dần dần trở thành người lao động, người công nhân thực sự. Nó tạo điều kiện quan trọng để Người tiếp thu chủ nghĩa Mác - Lênin, trở thành người cộng

sản, một chiến sĩ quốc tế chuyển từ lòng yêu nước truyền thống sang chủ nghĩa yêu nước xã hội chủ nghĩa.

Khái quát công lao to lớn đầu tiên của Hồ Chí Minh đối với dân tộc trong việc gắn cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc của nhân dân Việt Nam với phong trào cách mạng thế giới (độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội), đồng chí Lê Duẩn khẳng định: *"(Người) đã gắn phong trào cách mạng Việt Nam với phong trào công nhân quốc tế, đưa nhân dân ta đi theo con đường mà chính Người đã trải qua từ chủ nghĩa yêu nước đến chủ nghĩa Mác - Lênin. Đó là con đường giải phóng duy nhất mà Cách mạng tháng Mười đã mở ra cho nhân dân lao động và tất cả các dân tộc bị áp bức trên toàn thế giới"*[1].

Con đường cứu nước do Nguyễn Ái Quốc lựa chọn cho nhân dân Việt Nam phù hợp với xu thế phát triển chung của lịch sử thế giới: *"Muốn cứu nước và giải phóng dân tộc không có con đường nào khác con đường cách mạng vô sản"*[2]. Con đường cứu nước mới không chỉ có ý nghĩa đối với nhân dân Việt Nam mà còn có ý nghĩa quốc tế và thời đại. Nó có tác dụng đối với nhân dân các nước thuộc địa trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc. Dĩ nhiên, trong thời đại sau Cách mạng tháng Mười, cuộc đấu tranh giữa chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản trở nên quyết liệt. Điều này cũng chi phối đến cách mạng giải phóng dân tộc nói chung, xác định con đường cứu nước nói riêng. Trên thực tế, từ sau Cách mạng tháng Mười, trong các nước thuộc địa và phụ thuộc đã tồn tại hai con đường cứu nước chống chủ nghĩa thực dân đế quốc để giành độc lập: con đường cách mạng vô sản và con đường dân chủ tư sản. Con đường nào chiếm nhiều ưu thế đưa đến thắng lợi trong công cuộc giải phóng dân tộc còn tùy thuộc vào giai cấp nào lãnh đạo cuộc đấu tranh và nhiều điều kiện cụ thể khác. Trên thực tế, giai cấp tư sản dân tộc ở nhiều nước thuộc địa và phụ thuộc đã

1 Lê Duẩn, *Dưới lá cờ vẻ vang của Đảng, vì độc lập tự do, vì chủ nghĩa xã hội, tiến lên giành những thắng lợi mới*. Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1970, tr. 10.

2 Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 9, Sđd.

lãnh đạo thành công cuộc đấu tranh giành độc lập và xây dựng đất nước theo chủ nghĩa tư bản. Song, trong quá trình đấu tranh thắng lợi, các nước này không thể không chịu tác động, ảnh hưởng của Cách mạng tháng Mười Nga năm 1917 và Cách mạng tháng Tám năm 1945, thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ của nhân dân Việt Nam. Đây là một bằng chứng cho thấy việc xác định con đường cứu nước của Hồ Chí Minh là đúng đắn.

Hồ Chí Minh từ lòng yêu nước đến với chủ nghĩa Mác - Lênin. Đồng thời ở Người cũng hình thành và phát triển tinh thần quốc tế chân chính, trước hết là sự đoàn kết giữa nhân dân các nước thuộc địa, giữa giai cấp công nhân các nước. Quá trình đi tìm đường cứu nước cũng là quá trình nhà yêu nước Hồ Chí Minh trở thành người cộng sản, chiến sĩ quốc tế và *"chủ nghĩa quốc gia của Nguyễn Ái Quốc đã không yếu đi khi tiếp xúc với những nhà "đại thế giới chủ nghĩa" mà ngược lại, càng phong phú thêm lên, vì có được một nhãn quan thêm rộng lớn..."*[1].

Điều này càng thể hiện rõ hơn ở các giai đoạn sau, khi Hồ Chí Minh không chỉ hoạt động với tư cách nhà yêu nước Việt Nam mà còn là người cộng sản, người thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.

Kỉ niệm 100 năm sự kiện Nguyễn Tất Thành - Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh ra đi tìm đường cứu nước, toàn Đảng, toàn dân Việt Nam ở trong và ngoài nước mãi mãi nhớ ơn công lao vĩ đại của Người, nguyện học tập và làm theo tấm gương đạo đức của Người, đi tiếp con đường mà Người đã lựa chọn, thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội XI của Đảng.

1 Jean Lacouture, *Ho Chi Minh*, Ed du Seuil, Paris 1970, p. 90.

HÀNH TRÌNH KHẢO CỨU, TÌM ĐƯỜNG CỨU NƯỚC CỦA NGUYỄN TẤT THÀNH - HỒ CHÍ MINH

PGS. TS. HOÀNG TRANG*

Giữa thế kỷ XX, Bác Hồ tâm sự với thanh niên Việt Nam: Đầu thế kỷ XX, Bác chứng kiến cuộc đời lầm than tủi nhục, thân phận nô lệ của nhân dân ta dưới chế độ thống trị của thực dân Pháp mà Bác muốn sang nước Pháp và các nước phương Tây, xem họ làm như thế nào, sau đó sẽ về giúp đồng bào chúng ta. Thực hiện ý định này, Nguyễn Tất Thành với tên mới Văn Ba (sau này là Hồ Chí Minh, là Bác Hồ) đã xuống làm thuê trên tàu Amiran Latusơ Tơrêvin (Amiral Latouche Treville) của hãng Sácgiơ Rêuyni (Chargeurs Réunis), một hãng chở hàng và hành khách lớn của Pháp. Ngày 5-6-1911, tàu Amiran Latusơ Tơrêvin rời bến cảng Sài Gòn đi Mácxây (Mácxây), trên tàu có người thanh niên Nguyễn Tất Thành với lòng yêu nước, thương dân tha thiết, khát khao muốn khảo cứu thế giới, tìm con đường cứu nước mới cho dân tộc.

1. Vì sao Nguyễn Tất Thành ra đi tìm đường cứu nước?

Câu tâm sự trên của Người với thanh niên Việt Nam giữa thế kỷ trước đã trả lời câu hỏi này. Ở đây, muốn làm rõ, cụ thể câu trả lời trên của Người.

* Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh.

Ngày 19-5-1890, Nguyễn Sinh Cung ra đời, đến năm 1901 được cha là ông Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc đổi là Nguyễn Tất Thành. Khi còn nhỏ, đầu tiên Tất Thành được cha dạy chữ, sau được bạn bè của cha dạy. Năm 1905, Tất Thành được cha cho đi học ở trường hệ Pháp - Việt cho đến 1909 thì học xong chương trình tiểu học. Được gia đình giáo dưỡng lại tắm mình trong hoàn cảnh đất nước khi đó bị thực dân thống trị, Tất Thành đã sớm "có chí đuổi thực dân Pháp, giải phóng đồng bào". Anh trăn trở với câu hỏi, tại sao cho đến cuối thế kỷ XIX đã có hàng trăm cuộc khởi nghĩa, nhất là những cuộc khởi nghĩa rất oanh liệt, song dưới ngọn cờ Cần Vương (hệ tư tưởng phong kiến) đều bị thực dân Pháp dìm trong bể máu.

Sang đầu thế kỷ XX, thực dân Pháp thực hiện chương trình khai thác thuộc địa lần thứ nhất, làm cho xã hội Việt Nam bắt đầu có thay đổi, các tầng lớp tiểu tư sản và mầm mống của giai cấp tư sản từng bước xuất hiện. Tư tưởng "Tân thư" và cải cách của Khang Hữu Vi, Lương Khải Siêu từ Trung Quốc tràn vào Việt Nam. Tình hình mới này làm xuất hiện hàng loạt các cuộc vận động cứu nước mới theo xu hướng dân chủ tư sản, như phong trào Đông Du, Đông Kinh Nghĩa Thục, Duy Tân, Việt Nam Quang Phục Hội... Bản thân Tất Thành từng được mời tham gia Đông Du, tham gia chống thuế ở Trung Kỳ, tham gia dạy học ở trường Dục Thanh theo mô hình trường Đông Kinh Nghĩa Thục, cổ súy cho phong trào Duy Tân... nhưng tất cả các phong trào lại bị thực dân Pháp đàn áp dữ dội, kết cục đều thất bại.

Tư duy lôgic đúng đắn của Nguyễn Tất Thành cho thấy thực dân Pháp xâm lược, thống trị, thủ tiêu độc lập dân tộc, biến dân ta thành nô lệ nên nhân dân ta phải đứng lên đấu tranh giành lại độc lập tự do. Nhưng qua hơn 50 năm nhân dân ta liên tục, kiên cường đấu tranh, đến đầu thế kỷ XX, tất cả các cuộc khởi nghĩa và vận động cứu nước diễn ra theo hệ tư tưởng phong kiến và tư sản đều thất bại. Tất Thành đau đớn nhận thấy: đến đầu thế kỷ XX, con

đường cứu nước Việt Nam lâm vào ngõ cụt. Vậy là lịch sử Việt Nam đến đầu thế kỷ XX đặt ra cho các giai tầng của dân tộc và mỗi người con của đất nước đòi hỏi là phải tìm ra một con đường cứu nước mới để tạo ra sức mạnh mới, đủ khả năng đánh thắng thực dân đế quốc và tay sai, đem lại độc lập dân tộc, đưa đất nước vào quỹ đạo phát triển, ai cũng thực sự được tự do, hạnh phúc.

Mặt khác, khi đi học ở trường Pháp - Việt, Tất Thành được các giáo viên người Pháp dạy: nước Pháp có nền văn minh công nghệ phát triển, có sứ mạng khai hóa văn minh cho xứ An Nam. Khi vào lớp, Tất Thành thấy phía trên bảng đen có các chữ LIBERTÉ, ÉGALITÉ, FRATERNITÉ (TỰ DO, BÌNH ĐẲNG, BÁC ÁI). Tất Thành tìm hiểu và biết đó là khẩu hiệu nổi tiếng của Đại cách mạng Pháp năm 1789, một tư tưởng tiến bộ. Anh thắc mắc tại sao nước Pháp có tư tưởng tiến bộ như vậy mà người Pháp sang Đông Dương lại rất tàn ác. Chúng đàn áp đẫm máu các phong trào đấu tranh đòi độc lập dân tộc và bóc lột đến tận xương tủy người Việt Nam. Ngay trên quê mình, Tất Thành nhận thấy cùng với thuế khóa nặng nề là nạn bắt phu đi xây dựng, mở đường, để thực dân Pháp có điều kiện vơ vét tài nguyên và thuận lợi trong việc điều quân đi đàn áp các phong trào yêu nước. Sau này, trong tác phẩm *Bản án chế độ thực dân Pháp* (1925), Người tố cáo: *"Trưng tập đi phu thì quả là một sự phát lưu trá hình vụng về. Người ta xua cả từng làng đến công trường, bất chấp công việc đồng áng, bất chấp cả những ngày hội tôn giáo. Số người được trở về rất ít"*[1]. Trước thực tiễn trái ngược này, Tất Thành nảy ra ý muốn đi sang nước Pháp, "tìm hiểu những gì ẩn đằng sau những từ tự do, bình đẳng, bác ái ấy".

Vậy là, đến đầu tháng 6-1911, Nguyễn Tất Thành - Hồ Chí Minh đã quyết định chọn hướng đi sang phương Tây, bằng cách hòa mình vào những người lao động để thực hiện cuộc khảo cứu toàn diện toàn thế giới, với mục đích tìm ra con đường cứu dân, cứu nước để trở về giúp đồng bào mình.

1 Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 2, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, tr. 81.

2. Nguyễn Tất Thành khảo cứu, học hỏi kinh nghiệm thế giới

Ngày 5-6-1911, rời bến cảng Sài Gòn, rời Tổ quốc thân yêu, lần đầu tiên Nguyễn Tất Thành đi ra thế giới. Sau một tháng trên biển, ghé qua cảng một số nước, ngày 6-7-1911, tàu cập cảng Mácxây, thành phố cảng lớn nhất của Pháp. Lần đầu tiên đặt chân lên đất Pháp, Tất Thành khám phá nhiều cái mới lạ. Anh ngạc nhiên khi thấy ở Pháp cũng có những người nghèo khổ như bên mình, có gái điếm đến làm tiền trên tàu. Anh thắc mắc: *Tại sao người Pháp không "khai hóa" đồng bào của họ trước khi đi "khai hóa" chúng ta.*[1] *Khi tiếp xúc với người Pháp ở đây Anh có cảm nhận người Pháp ở Pháp tốt và lễ phép hơn người Pháp ở Đông Dương"*[2].

Năm 1912, từ nước Pháp, Nguyễn Tất Thành lại lên một tàu chở hàng đi vòng qua châu Phi, rồi sang Mácticích (Martinique) ở Trung Mỹ, xuống Urugoay và Áchentina ở Nam Mỹ. Đến cuối năm 1912, Tất Thành dừng lại sống ở Mỹ đến giữa năm 1913. Từ nước Mỹ, Tất Thành về Lơ Havơrơ và đi Anh, ở Anh đến cuối năm 1917 trở lại Pháp sống và tháng 6-1923, từ Pháp đi Nga... Như vậy, Nguyễn Tất Thành trong vòng mười năm đã đi từ châu Á sang châu Âu, đến Phi, Mỹ rồi lại trở về Âu. Người đã thực hiện khảo cứu toàn diện thế giới, tham gia hoạt động chính trị - xã hội ở những nước lớn.

Nghiên cứu các nước tư bản, Nguyễn Tất Thành nhận rõ sự phân hóa giai cấp ở đây đạt tới đỉnh cao, trong xã hội, giai cấp tư sản là thiểu số, nhưng lại nắm tuyệt đại bộ phận tài sản của xã hội, đối lập gay gắt với đại bộ phận dân cư là giai cấp vô sản. Ở các nước tư bản như Mỹ, Pháp..., chính giai cấp công nhân và nông dân làm nên thắng lợi của các cuộc cách mạng tư sản. Sau cách mạng giai cấp tư sản cầm quyền nên công nông lại bị bóc lột, tệ

1 Trần Dân Tiên, *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch*, Nxb. Văn học, Hà Nội, 1978, tr. 15-16.

2 Trần Dân Tiên, *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch*, Nxb. Văn học, Hà Nội, 1978.

phân biệt chủng tộc, bất bình đẳng giữa giàu nghèo, giữa nam và nữ... còn rất nặng nề. Trên bình diện quốc tế, giai cấp tư sản đi xâm chiếm, áp bức thuộc địa.

Những năm tháng sống ở các nước tư bản, khảo cứu lịch sử, văn hóa và xã hội đương đại, Nguyễn Tất Thành thấy rất rõ những cái hay, những giá trị văn hóa tốt đẹp cần học tập, tiếp thu; thấy rõ những mặt hạn chế mang tính bản chất cần phê phán. Nguyễn Tất Thành đã tích lũy được thêm những hiểu biết về chế độ chính trị của xã hội tư sản; về đấu tranh giai cấp giữa giai cấp vô sản và tư sản; giữa chính quốc và thuộc địa của một nước tư bản chủ nghĩa phát triển. Về ngôn ngữ là công cụ khám phá và giao tiếp, chỉ sau vài năm, Nguyễn Tất Thành đã sử dụng thành thạo tiếng Anh, Pháp là ngôn ngữ của các nước tư bản lớn như Anh, Mỹ, Pháp và cũng là ngôn ngữ có tầm phổ quát lớn trên thế giới...

Khảo cứu các nước thuộc địa trên thế giới, Nguyễn Tất Thành rút ra nhiều nhận xét chẳng những giúp cho dân tộc mình mà còn cho cả hệ thống thuộc địa (trong cuộc đấu tranh chống chế độ nô lệ thuộc địa). Anh thấy rõ dù là ở châu Á, châu Phi hay châu Mỹ thì mạng sống của nhân dân thuộc địa đều bị bọn tư bản thực dân đế quốc coi không dáng một xu. Đặc biệt, phụ nữ các nước thuộc địa bị chủ nghĩa thực dân hành hạ dã man nhất. Các nước thuộc địa cung cấp tài nguyên, là nơi bóc lột nhân lực cả trong sản xuất và trong chiến tranh của chính quốc, là thị trường tiêu thụ hàng hóa thừa với giá cao của nước mẹ - là nơi cung cấp nhân tài, vật lực xây lên tòa lâu đài đế quốc tư bản. Một xã hội thuộc địa như vậy thì mâu thuẫn dân tộc và mâu thuẫn giai cấp đều là mâu thuẫn cơ bản, nhưng nổi lên trên hết đòi hỏi phải được giải quyết trước hết là mâu thuẫn giữa nhân dân thuộc địa với đế quốc và tay sai. Bởi vậy cách mạng giải phóng dân tộc là đòi hỏi khách quan ở thời đại đế quốc chủ nghĩa.

Nguyễn Tất Thành cũng nhận rõ ở thập niên thứ nhất, thứ hai của thế kỷ XX, các nước thuộc địa còn rơi vào thế đơn độc. Họ

không biết được các dân tộc láng giềng và trên thế giới đang như thế nào, chưa biết đoàn kết, chưa biết tổ chức và lãnh đạo đoàn kết. Bởi vậy, họ bị các nước đế quốc thôn tính. Giải phóng thuộc địa là một nhu cầu khách quan, thì sự nghiệp này lại đặt ra một đòi hỏi khách quan là làm cho nhân dân các dân tộc thuộc địa biết đoàn kết, đoàn kết trong một dân tộc thuộc địa, đoàn kết giữa các dân tộc thuộc địa và đoàn kết với giai cấp vô sản và nhân dân chính quốc.

3. Gia nhập Đảng Xã hội Pháp - Ra trận chống chủ nghĩa thực dân đế quốc

Nguyễn Tất Thành từ nước Anh về Paris (Pháp) vào cuối năm 1917. Thời gian đầu chưa có thẻ lao động, Nguyễn Tất Thành phải náu mình ở nhiều nơi, rất khó khăn trong hoạt động và đi lại. Sau một thời gian được các đảng viên Đảng Xã hội Pháp kiếm cho thẻ lao động ở Pháp, Nguyễn Tất Thành mới có nhiều điều kiện hoạt động hơn.

Đầu năm 1919, Nguyễn Tất Thành gia nhập Đảng Xã hội Pháp, chính Đảng duy nhất của nước Pháp lúc đó bênh vực các dân tộc thuộc địa. Lúc này, Nguyễn Tất Thành là một trong 80 người Việt Nam gia nhập Đảng Xã hội Pháp. Khi được hỏi vì sao vào Đảng, Anh trả lời: Vì Đảng Xã hội Pháp là tổ chức duy nhất ở Pháp bênh vực nước tôi, là tổ chức duy nhất theo đuổi lý tưởng cao quý của Đại cách mạng Pháp: Tự do - Bình đẳng - Bác ái.

Ngày 18-6-1919, Nguyễn Tất Thành lấy tên là Nguyễn Ái Quốc, thay mặt nhóm người Việt Nam yêu nước ở Pháp gửi đến Hội nghị các nước đế quốc họp ở thành phố Vécxây (Versailles) bản *Yêu sách* 8 điểm của nhân dân Việt Nam. Hội nghị này gồm, một bên là các nước đế quốc thắng trận trong Chiến tranh thế giới thứ nhất, bên kia là nước Đức thua trận. Thực chất đây là Hội nghị các nước thắng trận chia lại thuộc địa. Đến Hội nghị, Tổng thống Mỹ U.Uynxơn (Woodrow Wilson) mang tới Thông điệp 14 điểm, gọi là *chương*

trình hòa bình toàn diện, thực chất là chống lại *Sắc lệnh hòa bình* của Nhà nước Xô viết. Trong 14 điểm của Uynxơn có nội dung đề cao quyền dân tộc tự quyết trong giải quyết tranh chấp về thuộc địa.

Yêu sách 8 điểm của Nguyễn Ái Quốc chưa đòi độc lập, tự quyết cho Việt Nam mà mới đòi tự do, dân chủ ở mức rất khiêm tốn. Nhưng các nước đế quốc cũng không đáp ứng. Đến đây Nguyễn Ái Quốc càng hiểu sâu sắc bản chất của chủ nghĩa tư bản thực dân nói một đường làm một nẻo, lừa bịp và dối trá. Các nước thuộc địa không thể hy vọng vào một tuyên bố nào của các nước đế quốc mà có độc lập. Thực tế này, Nguyễn Ái Quốc đã rút ra kết luận: *"Chủ nghĩa Uynxơn chỉ là một trò bịp bợm lớn"* [1]. *Do đó, "Muốn được giải phóng các dân tộc chỉ có thể trông cậy vào mình vào lực lượng của bản thân mình"* [2].

Từ sau sự kiện *Yêu sách* 8 điểm, Nguyễn Ái Quốc mở rộng mặt trận chống chủ nghĩa thực dân trên lĩnh vực báo chí. Qua các bài báo cho thấy Nguyễn Ái Quốc là một người yêu nước tiến bộ, hết sức căm thù chủ nghĩa thực dân Pháp. Khát vọng giải phóng và thực hiện quyền tự quyết dân tộc là yêu cầu cấp bách nhưng làm thế nào, đi theo hướng nào để đạt mục đích đó, Nguyễn Ái Quốc vẫn chưa có câu trả lời, phía trước còn là sự tìm kiếm.

4. Đến với chủ nghĩa Mác - Lênin, tạo bước ngoặt căn bản của cách mạng Việt Nam.

Tháng 3-1919, Quốc tế Cộng sản (Quốc tế III) ra đời. Lúc này trong Đảng Xã hội Pháp, phái tả, phái hữu và phái giữa có nhiều vấn đề không thống nhất, trong đó vấn đề có tham gia Quốc tế III không, có rút ra khỏi Quốc tế II không. Đến Đại hội lần thứ XVII (tháng 2-1920) của Đảng thì tuyệt đại bộ phận bỏ phiếu tán thành ra khỏi Quốc tế II, nhưng khi bỏ phiếu tham gia Quốc tế III thì số phiếu chống gần gấp đôi số phiếu thuận.

1 Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 1, Sđd, tr. 416.
2 Trần Dân Tiên, *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch*, Sđd, tr. 30.

Khi tranh luận, Nguyễn Ái Quốc đặt câu hỏi: "Vậy Quốc tế nào ủng hộ các dân tộc thuộc địa đi tới giải phóng?" Các ý kiến trả lời: đó là Quốc tế III.

Giữa lúc đó, Nguyễn Ái Quốc đọc báo L'Humanité (Nhân đạo) cơ quan ngôn luận của Đảng Xã hội Pháp hai số vào ngày 16, 17-7-1920. Đầu đề bài báo có sức thu phục đặc biệt: *Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và thuộc địa* (của Lênin sẽ báo cáo ở Đại hội II Quốc tế Cộng sản vào cuối tháng 7 đầu tháng 8-1920). Đây là lần đầu tiên Nguyễn Ái Quốc tiếp xúc với Lênin thông qua một văn kiện của Người. Sau này, Nguyễn Ái Quốc viết lại cảm xúc khi đọc Luận cương: *"Trong Luận cương ấy, có những chữ chính trị khó hiểu. Nhưng cứ đọc đi đọc lại nhiều lần, cuối cùng tôi cũng hiểu được phần chính. Luận cương của Lênin làm cho tôi rất cảm động, phấn khởi, sáng tỏ, tin tưởng biết bao! Tôi vui mừng đến phát khóc lên. Ngồi một mình trong buồng mà tôi nói to lên như đang nói trước quần chúng đông đảo: "Hỡi đồng bào bị đọa đày đau khổ! Đây là cái cần thiết cho chúng ta, đây là con đường giải phóng chúng ta!".*

Từ đó tôi hoàn toàn tin theo Lênin, tin theo Quốc thế thứ ba" [1].

Nguyễn Ái Quốc đến với Luận cương của Lênin, đến với chủ nghĩa Mác - Lênin rất nhanh, rất dứt khoát rõ ràng. Đó là kết quả của cả một quá trình gần 10 năm nỗ lực phấn đấu, suy nghĩ về vận mệnh đất nước, khảo sát, rút kinh nghiệm trong nhiều năm trên toàn thế giới về con đường giải phóng dân tộc, học tập lý luận, tham gia đấu tranh chính trị, vào Đảng Xã hội, sát cánh với giai cấp công nhân và trí thức cách mạng Pháp, với những đồng bào yêu nước của mình trên đất Pháp.

Nguyễn Ái Quốc sau khi tiếp thu Luận cương của Lênin vẫn tiếp tục đấu tranh về tư tưởng lý luận trong Đảng Xã hội Pháp.

1 Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 10, Sđd, tr. 127.

Ngày 25-12-1920, Đại hội lần thứ XVIII Đảng Xã hội Pháp khai mạc tại thành phố Tua. Nguyễn Ái Quốc là đại biểu, người bản xứ duy nhất có mặt ở Đại hội. Ngày 26-12-1920, Nguyễn Ái Quốc đọc tham luận ở Đại hội. Sau gần một tuần làm việc, thảo luận liên tục, Đại hội đi tới bỏ phiếu, kết quả:

Có 3252 phiếu tán thành tham gia Quốc tế III, có 1022 phiếu chống. Nguyễn Ái Quốc bỏ phiếu tán thành tham gia Quốc tế III, tuy là một phiếu nhưng có ý nghĩa là lần đầu tiên trong lịch sử phong trào công nhân và xã hội chủ nghĩa Pháp, một người bản xứ tham gia đại hội góp phần vào sự nghiệp chuyển hướng chiến lược của một đảng ở chính quốc.

Nguyễn Ái Quốc bỏ phiếu tán thành Quốc tế III, cũng tức là đặt vận mệnh giải phóng dân tộc Việt Nam theo đường lối chính trị và tổ chức của Quốc tế III theo lý luận Mác - Lênin, theo con đường cách mạng vô sản.

Nguyễn Ái Quốc cùng những đồng chí trong Đảng Xã hội Pháp tán thành tham gia Quốc tế III đã tuyên bố thành lập Đảng Cộng sản Pháp.

Như vậy, sau gần 10 năm khảo sát, tìm tòi, học hỏi kinh nghiệm toàn thế giới, ra sức rèn luyện phong trào công nhân quốc tế, Nguyễn Ái Quốc từ người yêu nước đến với chủ nghĩa Mác - Lênin, xác lập con đường cứu nước mới theo con đường cách mạng vô sản - tạo bước ngoặt căn bản của cách mạng Việt Nam, dẫn dắt dân tộc Việt Nam tới độc lập tự do và phát triển như ngày nay.

SỰ LỰA CHỌN CON ĐƯỜNG CÁCH MẠNG CỦA NGUYỄN ÁI QUỐC - HỒ CHÍ MINH LÀ KHÁT VỌNG CỦA NHÂN DÂN VIỆT NAM VÀ PHÙ HỢP VỚI XU THẾ PHÁT TRIỂN CỦA LỊCH SỬ

PGS. TS. TRẦN THỊ THU HƯƠNG*

Khi tổng kết 25 năm thực hiện công cuộc đổi mới đất nước, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng đã nhận định: *"Từ năm 1930 đến nay, Đảng Cộng sản Việt Nam do Chủ tịch Hồ Chí Minh sáng lập và rèn luyện, đã lãnh đạo nhân dân ta tiến hành cuộc đấu tranh cách mạng lâu dài, gian khổ, vượt qua muôn vàn khó khăn, thử thách và giành được những thắng lợi vĩ đại"*[1]. Thực tế lịch sử hơn tám thập kỷ qua đã minh chứng, dân tộc Việt Nam đã đi theo con đường mà "chính Người đã đi". Nhờ đó, địa vị dân tộc ngày càng được nâng cao, vị thế Việt Nam từng bước được khẳng định trên trong khu vực và trên chính trường quốc tế 100 năm đã trôi qua, nhìn lại hành trình tìm đường cứu nước của Nguyễn Tất Thành - Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh, chúng ta cảm nhận sâu sắc vì sao con đường Người lựa chọn chính là con đường đáp ứng khát vọng của nhân dân Việt Nam, là con đường đưa đến vinh quang cho dân tộc Việt Nam.

---

* Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh.

1 Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, tr. 63.

1. Giữa thế kỷ XIX, dân tộc Việt Nam đứng trước họa thực dân Pháp xâm lược. Với Hiệp ước Patonốt (6-1884), Việt Nam trở thành một xã hội thuộc địa nửa phong kiến. Sau khi xâm lược nước ta, thực dân Pháp đã lập bộ máy cai trị trên toàn cõi Đông Dương và bắt đầu tiến hành khai thác kinh tế, bóc lột nhân dân Đông Dương. Tiếp nối truyền thống kiên cường bất khuất chống ngoại xâm của cha ông, các thế hệ người Việt Nam yêu nước đã lần lượt đứng lên đấu tranh chống kẻ thù xâm lược.

Tiêu biểu cho phong trào chống Pháp theo ý thức hệ phong kiến là phong trào Cần Vương (1885 - 1896), điển hình là các cuộc khởi nghĩa Ba Đình (Thanh Hóa), Bãi Sậy (Hưng Yên), Hương Khê (Hà Tĩnh)... với những sĩ phu yêu nước như Tống Duy Tân, Nguyễn Thiện Thuật, Phan Đình Phùng,... Phong trào đã diễn ra sôi nổi, rộng khắp và thể hiện tinh thần quật cường chống ngoại xâm của các tầng lớp nhân dân. Nhưng ngọn cờ phong kiến lúc đó không còn khả năng tập hợp một cách rộng rãi, toàn thể các tầng lớp nhân dân, không liên kết được các trung tâm kháng Pháp trên toàn quốc, nên thất bại, đánh dấu sự kết thúc vai trò lãnh đạo của giai cấp phong kiến đối với phong trào yêu nước Việt Nam. Những năm cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, ở vùng miền núi phía Bắc, phong trào nông dân Yên Thế (Bắc Giang), dưới sự lãnh đạo của thủ lĩnh nông dân Hoàng Hoa Thám, đã ghi một mốc son trong lịch sử đấu tranh chống thực dân Pháp trong lịch sử cận hiện đại Việt Nam, thể hiện sức mạnh to lớn của nông dân. Nhưng phong trào của Hoàng Hoa Thám vẫn mang nặng "cốt cách phong kiến", không có khả năng mở rộng hợp tác và thống nhất với các phong trào yêu nước khác tạo thành một cuộc cách mạng giải phóng dân tộc, nên cuối cùng cũng bị thực dân Pháp dập tắt.

Những năm đầu thế kỷ XX, trước những biến đổi quốc tế và trong nước, phong trào yêu nước Việt Nam xuất hiện *trào lưu dân chủ tư sản,* với xu hướng bạo động của Phan Bội Châu và xu hướng cải cách do Phan Châu Trinh đại diện. Phan Bội Châu:

Chủ trương xây dựng chế độ quân chủ lập hiến như ở Nhật, sau là chế độ cộng hòa tư sản như Trung Quốc. Nhưng cuối cùng "một trăm lần thất bại không một lần thành công". Hạn chế lớn nhất của Phan Bội Châu là dựa vào Nhật để đuổi Pháp, chẳng khác gì "đưa hổ cửa trước, rước beo cửa sau". Phan Châu Trinh: Lên án gay gắt quan lại phong kiến sâu mọt, chủ trương canh tân đất nước. Sai lầm của Phan Châu Trinh là phản đối bạo động, dựa vào Pháp để đánh đổ chế độ phong kiến, chẳng khác gì "xin giặc rủ lòng thương". Phong trào của tiểu tư sản trí thức những năm 20 của thế kỷ XX, nổi bật là tổ chức *Việt Nam Quốc dân Đảng* do Nguyễn Thái Học lãnh đạo. Tổ chức này đề ra tôn chỉ, mục đích là đánh Pháp giành độc lập, xây dựng chế độ cộng hòa tư sản, bằng phương pháp đấu tranh vũ trang, manh động, ám sát cá nhân và lực lượng chủ yếu là binh lính, sinh viên,... Khởi nghĩa Yên Bái (2-1930) là *"...một cuộc bạo động bất đắc dĩ, một cuộc bạo động non, để rồi chết luôn không bao giờ ngóc đầu lên nổi. Khẩu hiệu "không thành công thì thành nhân" biểu lộ tính chất hấp tấp tiểu tư sản, tính chất hăng hái nhất thời và đồng thời cũng biểu lộ tính chất không vững chắc, non yếu của phong trào tư sản"*[1]. Sự thất bại của khởi nghĩa Yên Bái đã khép lại vai trò lịch sử của Việt Nam Quốc dân đảng, chứng tỏ phong trào yêu nước theo khuynh hướng dân chủ tư sản không đáp ứng được yêu cầu khách quan của sự nghiệp giải phóng dân tộc.

Như vậy, cho đến đầu thế kỷ XX, do thiếu đường lối và sự lãnh đạo đúng đắn của một tổ chức tiên phong, *"các phong trào cứu nước từ lập trường Cần Vương đến lập trường tư sản, tiểu tư sản, qua khảo nghiệm lịch sử đều lần lượt thất bại"*[2]. Phong trào yêu nước Việt Nam rơi vào khủng hoảng, bế tắc về đường lối. Tình hình đó, đòi hỏi phải có đường lối cách mạng đúng đắn và một tổ chức cách mạng có khả năng đưa phong trào cứu nước đi

1 Lê Duẩn, *Một vài đặc điểm của cách mạng Việt Nam*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1959, tr. 41.
2 Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1991, tr. 109.

đến thắng lợi. Độc lập cho dân tộc, tự do cho nhân dân là yêu cầu bức thiết, là khát vọng của nhân dân và của cả dân tộc Việt Nam lúc bấy giờ.

2. Là một thanh niên yêu nước, trước cảnh nước mất, nhà tan, hơn ai hết, Nguyễn Tất Thành đã đau nỗi đau mất nước, nhục nỗi nhục của người nô lệ, Người khâm phục tấm lòng yêu nước của các thế hệ đi trước, nhưng không tán thành con đường cứu nước của các bậc tiền bối. Người trăn trở với câu hỏi bằng con đường nào để giải phóng dân tộc, giải phóng đồng bào. Sau này, khi trả lời nhà văn Mỹ Anna Louise Strong, Người nói: *"Nhân dân Việt Nam trong đó có ông cụ thân sinh ra tôi, lúc này thường tự hỏi nhau ai sẽ là người giúp mình thoát khỏi ách thống trị của Pháp. Người này nghĩ là Anh, có người lại cho là Mỹ. Tôi thấy phải đi ra nước ngoài xem cho rõ. Sau khi xem xét họ làm ăn ra sao, tôi sẽ trở về giúp đồng bào tôi"*[1]. Sau gần mười năm bôn ba, trăn trở khảo nghiệm, tìm con đường cứu nước cho dân tộc, con đường giải phóng khỏi áp bức, bất công cho đồng bào, Nguyễn Ái Quốc đã đến được với ánh sáng của Cách mạng tháng Mười Nga. Khi đọc được bản *Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa* của Lênin đăng trên báo *Nhân đạo* ngày 16,17-7-1920, Người đã tìm ra con đường cứu nước, giành độc lập cho dân tộc. Do vậy, Người đã reo lên: Hỡi đồng bào bị đọa đày đau khổ, đây là con đường giải phóng cho chúng ta. Sự kiện Nguyễn Ái Quốc bỏ phiếu tán thành Quốc tế thứ ba tại Đại hội lần thứ 18 của Đảng Xã hội Pháp tại thành phố Tua (12-1920) - đánh dấu bước chuyển biến quan trọng trong tư tưởng chính trị của Nguyễn Ái Quốc. Sự kiện đó cũng mở ra cho cách mạng giải phóng dân tộc Việt Nam một giai đoạn phát triển mới *"giai đoạn gắn phong trào cách mạng Việt Nam với phong trào công nhân quốc tế, đưa nhân dân Việt Nam đi theo con đường mà chính Người đã trải qua, từ chủ nghĩa yêu nước đến với chủ nghĩa Mác - Lênin"*[2].

1 *Hồ Chí Minh - Biên niên tiểu sử*, tập 1, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2006, tr. 41.
2 Lê Duẩn, *Dưới lá cờ vẻ vang của Đảng, vì độc lập tự do tiến lên chủ nghĩa xã hội*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1976, tr. 8.

Sau khi đến được với chủ nghĩa Mác - Lênin, giữa năm 1923, trước khi rời nước Pháp sang Liên Xô, Người đã nói rõ ý định của mình: *"Đối với tôi, câu trả lời đã rõ ràng: trở về nước, đi vào quần chúng, thức tỉnh họ, tổ chức họ, đoàn kết họ, huấn luyện họ, đưa họ ra đấu tranh giành tự do độc lập"*[1]. Vì vậy, sau một năm rưỡi hoạt động ở Liên Xô, tháng 11-1924, Người quyết định về Quảng Châu (Trung Quốc) - nơi có khá đông người Việt Nam yêu nước hoạt động - để tích cực xúc tiến việc thành lập chính đảng mácxít. Rõ ràng, mục đích duy nhất của Người ra đi tìm đường cứu nước chính là: *"Tự do cho đồng bào tôi, độc lập cho Tổ quốc tôi, đấy là tất cả những điều tôi muốn; đấy là tất cả những điều tôi hiểu"*[2]. Đó chính là những điều làm nên sự vĩ đại và giá trị vĩnh hằng của Hồ Chí Minh trong lòng mỗi người dân Việt Nam, một tờ báo nước ngoài đã viết về Người: *"Thuộc về nhân dân, Người đau nỗi đau của nhân dân, hiểu nguyện vọng của dân và đoán được sự tiến hóa sâu xa đang diễn ra. Bí quyết sức mạnh của Người, nền tảng quyền lực của Người là ở đó. Người càng hiểu và yêu nhân dân bao nhiêu, nhân dân càng hiểu và yêu Người bấy nhiêu. Vì vậy nhân dân tin ở Người và theo Người. Người ta sẽ không hiểu được lịch sử Việt Nam những năm qua nếu không thấu hiểu điều đó."*[3]

3. Sau một thời gian tích cực, khẩn trương và đầy sáng tạo trong quá trình chuẩn bị các điều kiện cho sự ra đời một chính đảng vô sản ở Việt Nam, Nguyễn Ái Quốc "với tư cách là phái viên của Quốc tế Cộng sản có đầy đủ quyền quyết định mọi vấn đề liên quan đến phong trào cách mạng ở Đông Dương" đã "nói cho họ biết những sai lầm và họ phải làm gì". Người đã kịp thời giải quyết yêu cầu cấp bách của cách mạng Việt Nam, chấm dứt tình trạng phân tán, chia rẽ giữa các tổ chức cộng sản. Phương pháp

1 Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 1, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, tr. 192.

2 Trần Dân Tiên, *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch* (in lần thứ 9), Nxb. Văn học, Hà Nội, 1989, tr. 45-46.

3 Đông Tây, *Chủ tịch Hồ Chí Minh*, đăng ở báo Le Peuple, 1946. Lưu Bảo tàng Hồ Chí Minh, ký hiệu: H29C11/01.

hợp nhất là phương pháp tối ưu trong tình hình lúc bấy giờ vì các tổ chức này đều vì mục đích giải phóng dân tộc và giải phóng nhân dân, đều mong muốn thống nhất vào một Đảng. Nguyễn Ái Quốc nêu ra năm điểm lớn cần thảo luận và thống nhất, trước hết là *"Bỏ mọi thành kiến xưng đột cũ, thành thật hợp tác để thống nhất các nhóm cộng sản Đông Dương"*[1]. Hội nghị đã nhất trí thống nhất các nhóm cộng sản thành lập một đảng, lấy tên là Đảng Cộng sản Việt Nam.[2]. Hội nghị thông qua các văn kiện quan trọng do lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc soạn thảo. Những văn kiện quan trọng đó được coi là Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng. Cương lĩnh xác định chiến lược của cách mạng Việt Nam *"làm tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản"*[3], xuất phát từ phân tích thực trạng và mâu thuẫn trong xã hội Việt Nam - một xã hội thuộc địa nửa phong kiến, mâu thuẫn giữa toàn dân tộc, trong đó có công nhân, nông dân với đế quốc ngày càng gay gắt, cần phải giải quyết. Như vậy, Cương lĩnh làm rõ nội dung của cách mạng thuộc địa nằm trong phạm trù của cách mạng vô sản - làm cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân tiến lên chủ nghĩa xã hội, giải phóng dân tộc và giải phóng giai cấp, giải phóng xã hội gắn liền mật thiết với nhau.

Cương lĩnh xác định nhiệm vụ và mục tiêu cụ thể của cách mạng là *"Đánh đổ đế quốc chủ nghĩa Pháp và bọn phong kiến"*, *"Làm cho nước Nam được hoàn toàn độc lập"*[4]. *"Thâu hết ruộng đất của đế quốc chủ nghĩa làm của công chia cho dân cày nghèo"*[5]. Công nhân, nông dân là lực lượng cơ bản của cách mạng, trong đó giai cấp công nhân lãnh đạo. Cương lĩnh chủ trương đoàn kết tất cả các giai cấp, các lực lượng tiến bộ, yêu nước để tập trung chống đế quốc và tay sai. Do vậy, Đảng *"phải*

1 Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, tập 2, tr. 2.
2 Đại diện của Đông Dương Cộng sản liên đoàn không đến kịp, do vậy đến ngày 24-2-1930 xin gia nhập Đảng Cộng sản Việt Nam.
3 Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, tập 2, tr. 2.
4 Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 2, Sđd, tr. 2.
5 Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 2, Sđd, tr. 3.

thu phục cho được đại bộ phận giai cấp mình", "Phải thu phục cho được đại bộ phận dân cày", đồng thời *"hết sức liên lạc với tiểu tư sản, trí thức, trung nông... để lôi kéo họ đi vào phe vô sản giai cấp. Còn đối với bọn phú nông, trung, tiểu địa chủ và tư bản An Nam mà chưa rõ mặt phản cách mạng thì phải lợi dụng, ít lâu mới làm cho họ đứng trung lập"*[1]. Đây là tư tưởng tập hợp lực lượng cách mạng trên cơ sở đánh giá thái độ các giai cấp phù hợp với đặc điểm xã hội Việt Nam.

Về phương pháp tiến hành cách mạng giải phóng dân tộc, Cương lĩnh khẳng định phải bằng con đường bạo lực cách mạng chứ không thể là con đường cải lương thỏa hiệp. *"Không khi nào nhượng một chút lợi ích gì của công nông mà đi vào đường thỏa hiệp"*[2]. Sách lược đấu tranh cách mạng phải thích hợp để lôi kéo tiểu tư sản, trí thức, trung nông về phía giai cấp vô sản, còn *"Bộ phận nào đã ra mặt phản cách mạng (Đảng Lập hiến, v.v ...) thì phải đánh đổ"*[3]. Cương lĩnh nêu rõ cách mạng Việt Nam liên lạc mật thiết và là một bộ phận của cách mạng vô sản thế giới. Vai trò của Đảng được xác định rõ: *"Đảng là đội tiên phong của vô sản giai cấp, phải thu phục cho được đại bộ phận giai cấp mình, phải làm cho giai cấp mình lãnh đạo được dân chúng"*[4]...

Với sự ra đời của Cương lĩnh đầu tiên của Đảng, lần đầu tiên cách mạng Việt Nam có một đường lối phản ánh đúng quy luật khách quan của xã hội Việt Nam, đáp ứng những nhu cầu cơ bản và cấp bách của xã hội Việt Nam, phù hợp với xu thế của thời đại, định hướng chiến lược đúng đắn cho tiến trình phát triển của cách mạng Việt Nam. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định: *"Cương lĩnh ấy rất phù hợp với nguyện vọng thiết tha của đại đa số nhân dân ta... Vì vậy, Đảng đã đoàn kết được những lực lượng cách mạng to lớn chung quanh giai cấp mình. Còn các đảng phái của*

1 Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 2, Sđd, tr. 4.
2 Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 2, Sđd, tr. 4.
3 Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 2, Sđd, tr. 4.
4 Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 2, Sđd, tr. 4.

các giai cấp khác thì hoặc bị phá sản, hoặc bị cô lập. Do đó, quyền lãnh đạo của Đảng ta - Đảng của giai cấp công nhân - không ngừng củng cố và tăng cường"[1].

Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng đã trở thành sợi chỉ đỏ xuyên suốt cách mạng Việt Nam từ 1930 đến nay. Trên cơ sở đó, Đảng tiến hành tập hợp, tổ chức, động viên toàn thể nhân dân, biến đường lối của Đảng thành hành động cách mạng của quần chúng. Tinh thần cơ bản của bản Cương lĩnh ấy từng bước được phát triển, cụ thể hóa, đáp ứng những nhiệm vụ cách mạng trong từng giai đoạn lịch sử, đưa dân tộc Việt Nam hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ và vững bước quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội, phù hợp với thực tiễn Việt Nam và xu thế phát triển của thời đại. Do vậy, khi viết về Người, Gớt Hôn, Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Mỹ đã nhận xét khách quan: "*Đồng chí Hồ Chí Minh là con người cần thiết xuất hiện đúng lúc, đúng yêu cầu của lịch sử, với những tư tưởng và ý kiến đúng. Chính vì vậy mà đồng chí làm ra lịch sử...*

Đồng chí Hồ Chí Minh là một lãnh tụ thế giới vào lúc lịch sử loài người đang ở bước ngoặt có tính chất cách mạng nhất. Đồng chí là một nhà kiến trúc và tạo hình làm nên quá trình cách mạng thế giới. Người am hiểu một cách vô cùng sáng suốt phương hướng và mục tiêu của quá trình đó. Người biết rõ động lực và sức mạnh của nó."[2]

4. Là một chính đảng vô sản được lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh sáng lập, rèn luyện, lãnh đạo, từ khi ra đời cho đến nay, hơn 8 thập kỷ qua Đảng ta luôn đứng vững trên lập trường, quan điểm của giai cấp công nhân, tuyệt đối trung thành với lợi ích của nhân dân, của dân tộc, coi đó là điểm xuất phát của đường lối, chủ trương của Đảng. Tinh thần cơ bản của bản Cương lĩnh chính trị đầu tiên do Người soạn thảo đó được phát triển, cụ thể

1 Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 10, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, tr. 8.
2 *Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch*, tập 1, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1970, tr. 78.

hóa đáp ứng những nhiệm vụ cách mạng trong từng giai đoạn lịch sử, đưa cách mạng Việt Nam hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ và từng bước xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh, vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội.

Hơn 80 năm qua lãnh đạo nhân dân tiến hành sự nghiệp cách mạng, sức mạnh của Đảng không chỉ thể hiện ở chỗ mọi hoạt động của Đảng phải xuất phát vì lợi ích của nhân dân mà còn thể hiện Đảng luôn luôn gắn bó chặt chẽ với nhân dân, được nhân dân tin tưởng, ủng hộ và che chở. Ngay sau khi giành được chính quyền cách mạng, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ rõ: "*Nước độc lập mà dân không hưởng hạnh phúc tự do, thì độc lập cũng chẳng có nghĩa lí gì*"[1]. Mục tiêu của Đảng là làm cho mọi người dân ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành, được sống ấm no và sung sướng là mang lại quyền làm chủ về kinh tế, xã hội, cũng là thước đo trình độ giải phóng xã hội, sự phát triển của xã hội. Chính vì vậy, sau khi giành được độc lập, Chủ tịch Hồ Chí Minh xác định trọng trách đối với Đảng là: "*Ngày nay, nhiệm vụ của Đảng ta là lãnh đạo quần chúng đánh thắng tình trạng nghèo nàn và lạc hậu, xây dựng đời sống ấm no hạnh phúc cho nhân dân*"[2]. Tiếp tục thực hiện quan điểm ấy trong sự nghiệp đổi mới, mở rộng và tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân, phát huy sức mạnh của cả dân tộc, đổi mới phải dựa vào nhân dân, vì lợi ích của nhân dân, phát huy quyền làm chủ và sức sáng tạo của nhân dân là một bài học thành công của Đảng. Tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân và phát huy quyền làm chủ của nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng là nguồn gốc sức mạnh trong mọi thời kì cách mạng và có ý nghĩa cực kì quan trọng trong sự nghiệp đổi mới hiện nay. Cội nguồn sức mạnh của Đảng không chỉ ở chỗ mọi hoạt động của Đảng phải xuất phát từ lợi ích của nhân dân, mà còn là Đảng luôn luôn gắn bó chặt chẽ với nhân dân, được nhân dân tin tưởng, ủng

1 Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 4, Sđd, tr. 56.
2 Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 2, Sđd, tr. 267.

hộ và che chở. Hồ Chí Minh coi việc hoạch định đường lối chính sách của Đảng không chỉ là công việc của bản thân Đảng, mà còn phải biết phát huy trí tuệ của toàn dân: *"Tin vào dân chúng. Đưa mọi vấn đề cho dân chúng thảo luận và tìm cách giải quyết"*[1]. *"Nghị quyết gì mà dân chúng cho là không hợp thì để họ đề nghị sửa chữa. Dựa vào ý kiến của dân chúng mà sửa chữa cán bộ và tổ chức của ta"*[2].

Trong quá trình cách mạng, nhân dân là nền tảng lực lượng của Đảng, Đảng tồn tại, trưởng thành và phát triển trong phong trào cách mạng của quần chúng. Đó chẳng những là nguyên tắc trong xây dựng Đảng, mà còn là quy luật tồn tại, phát triển của Đảng và phong trào cách mạng của quần chúng. Liên hệ mật thiết với nhân dân đã trở thành một truyền thống tốt đẹp của Đảng và cũng là cội nguồn sức mạnh của Đảng trong hơn 80 năm qua. Chính vì Đảng đã nhận thức sâu sắc: *"Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng, chứ không phải là sự nghiệp của cá nhân anh hùng nào. Thành công của Đảng ta là ở nơi Đảng đã tổ chức và phát huy được lực lượng cách mạng vô tận của nhân dân"*[3] .

Là một Đảng cách mạng vì nhân dân, Đảng không chỉ có đường lối chính trị xuất phát từ lợi ích chính đáng của quảng đại đa số nhân dân, mà còn thể hiện ở trong tổ chức của Đảng. Trong quá trình lãnh đạo cách mạng, Đảng ta luôn đặt lợi ích của nhân dân, của dân tộc lên trên hết, đó cũng chính là nguyên nhân sâu xa làm nên sức mạnh đoàn kết trong Đảng. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ rõ: *"Sở dĩ Đảng ta có thể lãnh đạo giai cấp công nhân và toàn dân tiến lên chủ nghĩa xã hội, là vì Đảng ta có chính sách đúng đắn và lãnh đạo thống nhất. Mà lãnh đạo thống nhất là vì toàn thể đảng viên tư tưởng nhất trí và hành động nhất trí"*[4]. Sự thống nhất của Đảng ta trong quá trình lãnh đạo còn thể hiện ở chỗ Đảng

1 Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 5, Sđd, tr. 297.
2 Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 5, Sđd, tr. 297.
3 Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 10, Sđd, tr. 197.
4 Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 10, Sđd, tr. 287.

luôn đòi hỏi rất cao thái độ dũng cảm và sự thành thật trong tự phê bình, phê bình của cán bộ, đảng viên. Tự phê bình và phê bình đã trở thành nguyên tắc tổ chức sinh hoạt và lãnh đạo của Đảng. Chỉ như vậy, Đảng mới được dân tin, dân phục, dân yêu mến, dân giúp đỡ, ủng hộ và bảo vệ. Trong *Di chúc,* Hồ Chí Minh đã căn dặn Đảng ta phải: "thường xuyên và nghiêm chỉnh *tự phê bình và phê bình* là cách tốt nhất để củng cố và phát triển sự đoàn kết và thống nhất của Đảng"[1]. Trong tiến trình lãnh đạo cách mạng, có những giai đoạn lịch sử, khi có sai lầm, khuyết điểm, Đảng đã thẳng thắn thừa nhận và kiên quyết sửa chữa vì lợi ích của nhân dân. Chính điều đó giúp cho Đảng nhanh chóng lấy lại niềm tin và sự ủng hộ của nhân dân.

Sức mạnh và uy tín của Đảng không chỉ ở đường lối chính trị với mục tiêu vì dân, mà còn thể hiện ở đức hy sinh, sẵn sàng xả thân vì lợi ích của nhân dân, của dân tộc của hàng triệu các thế hệ đảng viên trong sự nghiệp cách mạng, đặc biệt trong đấu tranh giành chính quyền cách mạng và trong đấu tranh giải phóng dân tộc. Chỉ riêng cuộc "khủng bố trắng" của thực dân Pháp trong những năm 1931-1932 đã có hàng vạn cán bộ, đảng viên và những người yêu nước bị giam cầm, tù đày, bị giết. Nhiều đồng chí lãnh đạo xuất sắc của Đảng như Trần Phú, Ngô Gia Tự, Nguyễn Đức Cảnh, Lê Hồng Phong, Nguyễn Thị Minh Khai, Hà Huy Tập, Nguyễn Văn Cừ, Võ Văn Tần... đã bị sát hại. Các nhà tù lớn của địch như Côn Đảo, Sơn La, Hỏa Lò, Lao Bảo,... giam chật ních những người cộng sản; riêng ở nhà tù Côn Đảo có đến 793 đồng chí hi sinh; ở Kon Tum có 339 đồng chí bị thủ tiêu. Mười lăm năm đấu tranh trước Cách mạng tháng Tám và trong tám, chín năm kháng chiến biết bao đảng viên ưu tú và quần chúng cách mạng đã vì dân, vì Đảng mà hy sinh một cách cực kỳ oanh liệt. Chỉ riêng cấp Trung ương của Đảng đã có 14 đồng chí bị đế quốc Pháp bắn,

1 Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 12, Sđd, tr. 510.

chém hoặc đập chết trong nhà tù. Trong 31 đồng chí là Ủy viên Trung ương Đảng khóa II, trước ngày khởi nghĩa phải chịu tới 222 năm trong tù đày thực dân Pháp. Đó là không kể những án tử hình vắng mặt và những cuộc vượt ngục trước khi hết hạn ở tù. Riêng trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mĩ đã có gần 160.000 đảng viên hy sinh... *"Máu đào của các liệt sĩ ấy đã làm cho lá cờ cách mạng thêm đỏ chói. Sự hi sinh anh dũng của các liệt sĩ đã chuẩn bị cho đất nước ta nở hoa độc lập, kết quả tự do"*[1].

Nhìn lại chặng đường dấu tranh đầy khó khăn, thử thách nhưng vô cùng oanh liệt của Đảng trong hơn tám thập kỷ qua, chúng ta càng trân trọng quá khứ, nâng niu giữ gìn những thành quả cách mạng của cách mạng, càng thấm thía và biết ơn vô hạn công lao của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Nguồn gốc sức mạnh của Đảng, chiến công vẻ vang của dân tộc chính là con đường đúng đắn mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã sáng suốt lựa chọn cho dân tộc Việt Nam: *"Dân tộc ta, nhân dân ta, non sông đất nước ta đã sinh ra HỒ CHỦ TỊCH, người anh hùng dân tộc vĩ đại, và chính Người đã làm rạng rỡ dân tộc ta, nhân dân ta và non sông đất nước ta"*[2].

1 Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 10, Sđd, tr. 30, 31.
2 Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 30, Sđd, tr. 275.

NGUYỄN TẤT THÀNH VÀ HÀNH TRÌNH TÌM ĐƯỜNG CỨU NƯỚC, GIẢI PHÓNG DÂN TỘC

ThS. ĐINH NGỌC QUÝ*

Nguyễn Tất Thành - Hồ Chí Minh sinh ra và lớn lên trong bối cảnh nước mất, nhà tan, cả dân tộc đang dưới ách kìm kẹp, thống trị của thực dân Pháp. Nhiều phong trào đấu tranh yêu nước, chống Pháp cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX đã diễn ra như "Cần Vương", "Duy Tân".., nhưng đều thất bại, không có lối thoát. Điều này thể hiện mâu thuẫn giữa sức sống, tinh thần đấu tranh anh dũng, bền bỉ của dân tộc với sự khủng hoảng về đường lối cứu nước, về giai cấp tổ chức, lãnh đạo cuộc đấu tranh.

Nguyễn Tất Thành rất khâm phục ý chí đấu tranh giành độc lập dân tộc của các bậc tiền bối, như Phan Châu Trinh, Phan Bội Châu, Hoàng Hoa Thám..., đã quyết tâm đánh đuổi quân xâm lược ra khỏi bờ cõi, giành lại giang sơn gấm vóc, nhưng không tán thành hoàn toàn đường lối cứu nước của họ. Bởi vì: *"Cụ Phan Châu Trinh chỉ yêu cầu người Pháp thực hiện cải lương...điều đó là sai lầm, chẳng khác nào xin giặc rủ lòng thương. Cụ Phan Bội Châu hi vọng Nhật giúp đỡ để đánh đuổi Pháp. Điều đó rất nguy hiểm, chẳng khác nào "đưa hổ cửa trước, rước beo cửa sau". Cụ Hoàng Hoa Thám thực tế hơn vì trực tiếp đấu tranh chống Pháp. Nhưng...còn nặng cốt cách phong kiến"*[1].

---

* Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh.

1 Trần Dân Tiên: *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1994, tr. 12.

Sinh ra và lớn lên tại Nam Đàn, Nghệ An, một vùng quê giàu truyền thống yêu nước, mảnh đất "địa linh nhân kiệt", được nuôi dưỡng và giáo dục trong một môi trường nề nếp, gia phong. Ngay từ nhỏ, Người đã được cha mẹ và ông ngoại giảng giải cho nghe về đạo lý làm người, về tình làng nghĩa xóm, tình dân tộc, nghĩa đồng bào. Những năm tháng theo cha vào Nam ra Bắc, Người trực tiếp được chứng kiến bao cảnh đau lòng của người dân bị mất nước, bị áp bức, bóc lột, cơ cực bởi sưu cao thuế nặng. Từ lòng yêu thương những người cùng khổ, những người bị đọa đày đã giúp Người có đủ can đảm hòa mình vào cuộc đấu tranh chống thuế của nhân dân Huế năm 1908. Và cũng chính tình yêu quê hương, đất nước, yêu thương con người đã tích tụ dần, trở thành điểm khởi nguồn, thành cơ sở và hành trang để Người ra nước ngoài, tìm đường cứu nước, cứu dân.

Trong bối cảnh của những năm đầu thế kỷ XX, vào tháng 6 năm 1911, người thanh niên yêu nước Nguyễn Tất Thành đã quyết chí ra đi tìm đường cứu nước. Hành trang của Người chính là lòng yêu nước, thương dân vô bờ bến, là vốn kiến thức ban đầu về Hán học, quốc học và những hiểu biết nhất định về lịch sử, văn hóa phương Tây và nước Pháp. Người quyết định đi sang phương Tây, nhưng không phải đi tìm chỗ dựa, hoặc cầu viện các thế lực bên ngoài để cứu nước như một số vị tiền bối, mà là đi xem các nước làm như thế nào rồi về giúp đồng bào mình. Bởi, Người sớm nhận thức được rằng: *"Nguồn gốc những đau khổ và áp bức dân tộc là ở ngay tại "chính quốc", ở nước đế quốc thống trị dân tộc mình"*[1]. Khi trả lời nhà văn Mỹ Anna Louise Strong, Người đã nói rõ động cơ khiến Người rời Tổ quốc sang các nước phương Tây: *"Nhân dân Việt Nam trong đó có ông cụ thân sinh ra tôi, lúc này thường tự hỏi nhau ai là người sẽ giúp mình thoát khỏi ách thống trị của Pháp. Người này nghĩ là Anh, có người lại cho là Mỹ. Tôi thấy phải*

1 *Tìm hiểu một số vấn đề trong tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1982, tr. 14.

đi ra nước ngoài xem cho rõ. Sau khi xem xét họ làm ăn ra sao, tôi sẽ trở về giúp đồng bào tôi"[1].

Cuộc hành trình của Nguyễn Tất Thành qua nhiều nước tư bản, đế quốc, nhiều nước thuộc địa và phụ thuộc đã giúp Người có cái nhìn chân thực về cuộc sống, đặc biệt là cuộc sống của những người lao động nghèo khổ, từ đó đặt ra yêu cầu bức thiết phải giải phóng dân tộc, giải phóng nhân loại cần lao. Sang Pháp, nhưng Nguyễn Tất Thành không dừng chân lâu ở Pháp, dù việc tìm hiểu về đất nước và con người Pháp đã bước đầu đem lại cho Người những "khám phá" lý thú. Người muốn tiếp tục đến nhiều nơi khác để bổ sung cho những kiến thức ban đầu về các nước thuộc địa và phụ thuộc mà mình đã thu nhận được trên đường từ Sài Gòn sang Pháp. Ở những thuộc địa của thực dân Anh, Người được chứng kiến cảnh khốn cùng của những người dân bản xứ. Ở Mỹ, Nguyễn Tất Thành qua nhiều thành phố như Boston, New York, tới khu Harlem nơi người da đen sinh sống. Người đã chứng kiến *"Những cuộc hành hình kiểu Lynse, những hoạt động đầy tội ác của "Đảng 3K""*[2], những cuộc bãi công chống chiến tranh, đòi tăng lương của công nhân Mỹ... Người đã xúc động trước cảnh khổ cực, bị áp bức của nhân dân những nước đi qua; nó giống như đời sống của đồng bào mình ở quê hương. Người nhận thấy, ở đâu nhân dân lao động cũng có mong muốn chung là thoát khỏi ách thống trị, áp bức của chủ nghĩa thực dân, đế quốc. Ở Người đã nảy sinh ý thức về sự cần thiết phải đoàn kết những người bị áp bức để đấu tranh chống một kẻ thù chung, cùng nhau thực hiện một nguyện vọng chung là độc lập, tự do. Ý thức này được hiện thực hóa vào việc đoàn kết các dân tộc thuộc địa trong các tổ chức "Hội Liên hiệp thuộc địa", "Hội Liên hiệp các dân tộc bị áp bức". Đây là những tổ chức quốc tế đầu tiên của nhân dân thuộc địa mà Người tham gia sáng lập.

1 *Hồ Chí Minh - Biên niên tiểu sử*, tập 1, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1993, tr. 46
2 Đảng Klu, Klux, Klan.

Khảo sát các cuộc cách mạng tư sản điển hình là cách mạng Pháp và cách mạng Mỹ, Nguyễn Tất Thành rút ra được các bài học quý, song điều cơ bản định hình trong tư duy của Người là các cuộc cách mạng ấy đều "không đến nơi", bởi như sau này, Người viết: *"Tiếng là cộng hòa và dân chủ, kỳ thực trong thì nó tước lục công nông, ngoài thì nó áp bức thuộc địa"*[1]. Những ý tưởng tốt đẹp trong *Tuyên ngôn nhân quyền và dân quyền* của Pháp, *Tuyên ngôn Độc lập* của Mỹ đã bị giai cấp tư sản dùng để lừa bịp quần chúng lao động. Điều đó càng được khẳng định khi Người thay mặt những người Việt Nam yêu nước tại Pháp gửi *Yêu sách của nhân dân An Nam* đến Hội nghị Vécxây (1919) để đòi các quyền tự do, dân chủ tối thiểu cho nhân dân mình, song không được các nước đế quốc chấp nhận. Qua sự việc này, Người đã tỉnh ngộ và nhận thấy rằng: "Muốn được giải phóng, các dân tộc không thể bị động trông chờ vào sự giúp đỡ bên ngoài, mà trước hết phải dựa vào sức mạnh của chính dân tộc mình".

Tại Paris thủ đô nước Pháp, lúc này được coi là "trung tâm liên minh thế giới của bọn đế quốc", "thành trì của bọn phản động thế giới", Người đã có một bước phát triển mới trong nhận thức về con đường cứu nước, giải phóng dân tộc khi tiếp nhận ảnh hưởng của Cách mạng tháng Mười Nga năm 1917. Mặc dù, chưa hiểu hết ý nghĩa cực kỳ to lớn của Cách mạng tháng Mười, nhưng Người nhận thấy đây là một biến cố to lớn, "có một sức lôi cuốn kỳ diệu vô cùng". Nhận thức "cảm tính tự nhiên" ban đầu ấy đã để lại ấn tượng mạnh mẽ, cho tới 40 năm sau, tháng 11-1957, Người vẫn còn giữ cảm giác *"...tựa như người đi đường đang khát mà có nước uống, đang đói mà có cơm ăn"*[2]. Với sự nhạy bén về chính trị, sự am hiểu thực tiễn các nước thuộc địa, phụ thuộc, các nước tư bản đế quốc, nên Người từ "nhận thức cảm tính" đến tìm hiểu sâu hơn về Cách mạng tháng Mười Nga, thông qua nghiên cứu sách báo, tài liệu về cuộc cách mạng này, về cương lĩnh của Đảng Cộng sản Nga. Hơn nữa, những hoạt động tích cực của Người

1 Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 2, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, tr. 274.
2 Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 8, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1996, tr. 571.

trong phong trào công nhân Pháp, tham gia cuộc đấu tranh ủng hộ nhân dân nước Nga Xô viết...,đã làm cho nhận thức của Người về chính trị, xã hội được nâng cao. Kết quả của hoạt động thực tiễn và việc tiếp nhận lí luận ban đầu đã làm sáng tỏ hơn con đường cứu nước mà Người hướng tới.

Vào khoảng đầu năm 1919, Người gia nhập Đảng Xã hội Pháp, với lí do "đây là tổ chức duy nhất ở Pháp bênh vực nước tôi, là tổ chức duy nhất theo đuổi lý tưởng cao quý của Đại cách mạng Pháp: "Tự do, Bình đẳng, Bác ái"[1]. Gia nhập Đảng Xã hội Pháp trước hết vì lòng yêu nước, mong muốn sự đoàn kết với lực lượng quốc tế để giải phóng dân tộc mình, Người đã tìm thấy những quan điểm tiến bộ, tích cực của Đảng Xã hội Pháp lúc bấy giờ, nhất là về vấn đề thuộc địa. Việc gia nhập Đảng Xã hội Pháp còn tạo điều kiện để Người có dịp gần gũi và hoạt động với các nhà chính trị nổi tiếng của Pháp như Mácxen Casanh (Marcel Cachin), Pôn Vayăng-Cutuyriê (Paul Vaillant-Couturier), Giăng Lôngghê (Jean Longguet)...Từ việc gia nhập Đảng Xã hội Pháp và những hiểu biết ban đầu về đảng này, Người có một cơ sở để rồi sau đó quyết định đứng về phía Quốc tế ba - Quốc tế Cộng sản, rời bỏ những người cơ hội chủ nghĩa.

Mốc lịch sử có tính bước ngoặt trong nhận thức về con đường đấu tranh giải phóng dân tộc của Nguyễn Ái Quốc là khi Người được tiếp xúc với bản *Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và thuộc địa* của Lênin, vào tháng 7-1920. Đây là văn kiện trình bày một cách có hệ thống những vấn đề chiến lược của cuộc đấu tranh giải phóng các dân tộc thuộc địa và lệ thuộc trong tình hình thế giới sau Cách mạng tháng Mười Nga thành công, nước Nga Xô viết được thành lập và đứng vững, phong trào cách mạng nhiều nước lên cao. Tiếp xúc với bản Luận cương, con đường cứu nước, giải phóng dân tộc Việt Nam đã hiển hiện ra trước mắt Người: Như sau này, Người nói: *"Luận cương của*

1 *Hồ Chí Minh - Biên niên tiểu sử*, tập 1, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1993, tr. 60.

Lênin làm tôi rất cảm động, phấn khởi, sáng tỏ, tin tưởng, biết bao! Tôi vui mừng đến phát khóc lên. Ngồi một mình trong buồng mà tôi nói to lên như đang nói trước quần chúng đông đảo: "Hỡi đồng bào bị đọa đày đau khổ! Đây là cái cần thiết cho chúng ta, đây là con đường giải phóng chúng ta!"[1]. Người đã tìm thấy ở *Luận cương* của Lênin những giải đáp về con đường giải phóng cho các dân tộc thuộc địa, trong đó có dân tộc Việt Nam. Từ đó, Người hoàn toàn tin theo Lênin và Quốc tế Cộng sản.

Tháng 12-1920, Nguyễn Ái Quốc tham dự Đại hội XVIII Đảng Xã hội Pháp họp tại thành phố Tours (Tua). Tại Đại hội Tours Nguyễn Ái Quốc đã bỏ phiếu tán thành Đảng Xã hội Pháp gia nhập Quốc tế Cộng sản. Trả lời câu hỏi của nữ đồng chí Rôđơ, thư ký đại hội: "Tại sao đồng chí lại bỏ phiếu cho Đệ tam quốc tế?", Nguyễn Ái Quốc trả lời rằng: *"Quốc tế III rất chú ý đến vấn đề giải phóng thuộc địa... Tự do cho đồng bào tôi, độc lập cho Tổ quốc tôi, đấy là tất cả những điều tôi muốn, đấy là tất cả những điều tôi hiểu"*[2]. Sau khi đã bỏ phiếu quyết định Đảng Xã hội Pháp gia nhập Quốc tế thứ ba, phân bộ Pháp của Quốc tế Cộng sản được thành lập mà Nguyễn Ái Quốc là một thành viên. Như vậy, Nguyễn Ái Quốc đã trở thành người cộng sản Việt Nam đầu tiên, một trong những người sáng lập Đảng Cộng sản Pháp.

Từ việc gia nhập Đảng Xã hội Pháp và sau khi tiếp nhận tư tưởng của Lênin, Người đã tích cực hoạt động để đóng góp vào việc Đảng Xã hội Pháp gia nhập Quốc tế Cộng sản. Người viết thư bằng tiếng Pháp gửi Quốc tế Cộng sản nói về ảnh hưởng to lớn của *"Luận cương về vấn đề dân tộc và thuộc địa đối với sự hình thành thế giới quan của mình và về quyết tâm đi theo Quốc tế thứ ba"*[3]. Người tham gia các cuộc mittinh, hội nghị có liên quan đến việc Đảng Xã hội Pháp gia nhập Quốc tế Cộng sản, đến

1 Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 10, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, tr. 127.
2 *Hồ Chí Minh - Biên niên tiểu sử*, tập 1, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1993, tr. 94.
3 A.B.Rêznhicôp, *Chiến lược và sách lược Quốc tế Cộng sản*, Nxb. Chính trị Mátxcơva, 1978, tr. 197.

dự kỷ niệm 3 năm Cách mạng tháng Mười (1917 - 1920). Người đã cùng các đồng chí phản đối nhà cầm quyền Mỹ vu khống, kết án tử hình hai công nhân Mỹ, Sáccô và Vandétti, đòi trả tự do cho họ. Người có mặt trong cuộc míttinh lớn do Đảng Xã hội Pháp tổ chức tại rạp xiếc Mùa Đông ở Paris để nghe Mácxen Casanh và L.O.Phorôtxa đại biểu của Đảng ở Nga về báo cáo những vấn đề liên quan đến Quốc tế Cộng sản[1]...Những hoạt động sôi nổi của Nguyễn Ái Quốc chứng tỏ Người đã ý thức và quyết tâm gia nhập phong trào công nhân các nước tư bản, liên kết phong trào cách mạng thế giới với cuộc đấu tranh cho việc Đảng Xã hội Pháp gia nhập Quốc tế Cộng sản. Những hoạt động này thể hiện sự trưởng thành của Người về nhận thức chính trị, sự chuyển biến về tư tưởng, nhưng không xa rời mục tiêu độc lập cho dân tộc Việt Nam.

Năm 1911, Nguyễn Tất Thành ra đi với lòng nồng nàn yêu nước, năm 1920 bắt gặp chủ nghĩa Mác - Lênin, trở thành người cộng sản, chiến sĩ quốc tế xuất sắc, Người đã tìm thấy con đường cứu nước, giải phóng dân tộc duy nhất đúng đắn cho dân tộc Việt Nam. Đây là một bước nhảy vọt lớn trong cuộc đời hoạt động cách mạng của Người, một sự chuyển biến về chất, kết hợp nhuần nhuyễn giữa chủ nghĩa yêu nước với chủ nghĩa quốc tế vô sản, độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội. Những giá trị vững bền của con đường cứu nước Hồ Chí Minh đã được thực tiễn lịch sử kiểm chứng là hoàn toàn đúng đắn, được các thế hệ người Việt Nam kế tục và phát huy qua những giai đoạn cách mạng. Tư tưởng Hồ Chí Minh về con đường cách mạng Việt Nam trở thành tài sản tinh thần vô giá, là ngọn đuốc soi đường cho Đảng ta và dân tộc ta trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

1 Giac Duyclo, *Bác Hồ ở Pháp*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1970, tr. 28.

SỰ LỰA CHỌN DUY NHẤT ĐÚNG

ThS. NGUYỄN THÚY ĐỨC*

1. Nguyễn Ái Quốc ra đi tìm đường cứu nước là một lựa chọn sáng suốt và dũng cảm

Từ năm 1858, thực dân Pháp xâm lược và từng bước thiết lập chế độ thống trị rất tàn bạo của chủ nghĩa thực dân trên đất nước Việt Nam, dẫn tới những biến đổi lớn trong xã hội Việt Nam: từ chế độ phong kiến chuyển sang chế độ thuộc địa nửa phong kiến. Trong xã hội, hai mâu thuẫn cơ bản, chủ yếu - mâu thuẫn giữa toàn thể dân tộc ta với thực dân Pháp xâm lược và giữa nhân dân ta (chủ yếu là nông dân) với bọn địa chủ, phong kiến tay sai, chỗ dựa của thực dân Pháp - ngày càng gay gắt. Vì thế, yêu cầu của cách mạng Việt Nam chính là giải quyết hai nhiệm vụ không tách rời nhau: nhiệm vụ chống thực dân Pháp xâm lược và nhiệm vụ chống bọn phong kiến tay sai.

Với truyền thống yêu nước nồng nàn, ngay khi thực dân Pháp xâm lược nước ta, các phong trào yêu nước của nhân dân ta chống thực dân Pháp xâm lược và bọn phong kiến tay sai diễn ra liên tục và vô cùng anh dũng ở khắp mọi nơi, dưới sự lãnh đạo của các sĩ phu và các nhà yêu nước đương thời theo nhiều khuynh hướng khác nhau: từ con đường phong kiến, rồi khuynh hướng tư sản đã từng bước dẫn dắt phong trào cách mạng nước ta đi lên, nhưng

* Phó Giám đốc Bảo tàng Hồ Chí Minh.

cuối cùng các cuộc nổi dậy đều "*trăm thất bại mà không có lấy một thành công*". Phong trào Cần Vương thất bại chấm dứt thời kì đấu tranh chống Pháp giành độc lập dân tộc dưới khẩu hiệu "phò vua cứu nước" thuộc hệ tư tưởng phong kiến. Đoạn tuyệt với con đường cứu nước phong kiến, các sĩ phu yêu nước lúc đó hướng ra nước ngoài tìm đến con đường giải phóng mới. Cụ Phan Bội Châu sang Nhật tìm con đường Duy Tân (1905) và sau cách mạng Trung Quốc lại tìm đến với cách mạng Tân Hợi (1911). Ngược lại, cụ Phan Châu Trinh hướng theo con đường nghị viện tư sản của các nước phương Tây. Tuy có màu sắc khác nhau, nhưng các con đường đó đều là chủ nghĩa dân chủ tư sản. Khi đó, những người yêu nước Việt Nam mới biết đến chủ nghĩa dân chủ tư sản, nhưng với thời đại thì nó lại lỗi thời và phản động (biểu hiện là các nước đế quốc tiến hành xâm lược thuộc địa). Năm 1909, cụ Phan Bội Châu bị trục xuất khỏi nước Nhật và năm 1913, bị quân phiệt Trung Quốc bắt giam theo yêu cầu của thực dân Pháp. Cụ Phan Châu Trinh và Lương Văn Can cũng không còn hy vọng vào con đường cải cách khi Đông Kinh Nghĩa Thục bị giải tán, cả hai đều bị đày đi Côn Đảo. Hoàng Hoa Thám và những người thân tín thì không hiểu vì sao cuộc chiến đấu anh dũng, kiên cường của nghĩa quân lại bị thất bại.

Nguyên nhân sâu xa, chủ yếu của những thất bại trên là chưa có một đường lối đúng đắn để tập hợp đông đảo nhân dân dưới ngọn cờ đại nghĩa; chưa có một lực lượng xã hội, một giai cấp tiên tiến và một tổ chức cách mạng chặt chẽ đủ sức lãnh đạo phong trào. Phong trào đấu tranh chống thực dân Pháp xâm lược của nhân dân ta khi đó như "*trong đêm tối không có đường ra*", hoàn toàn khủng hoảng, bế tắc về đường lối cứu nước giải phóng dân tộc.

Sinh ra và lớn lên trên quê hương "đất văn vật, chốn thi thư", cậu bé Nguyễn Sinh Cung được đắm mình trong những câu ca dao, điệu ví dặm mang đậm dấu ấn bản sắc văn hóa quê hương; trong sự giáo dục và nuôi dưỡng lòng nhân ái và tình yêu thương

của gia đình; trong sự đùm bọc của xóm làng... Nhưng vào lúc nước mất nhà tan, tuổi ấu thơ nơi chôn nhau cắt rốn của Nguyễn Sinh Cung còn là ký ức đâu đâu trên đất Nghệ An người dân cũng lam lũ kiếp ngựa trâu tôi tớ. Hành trình theo cha qua từng vùng đất đến chốn kinh thành Huế, tuổi niên thiếu của Nguyễn Sinh Cung - Nguyễn Tất Thành in sâu hình ảnh những người nông dân rách rưới, những phu khuân vác, trẻ em nghèo khổ lang thang nơi đường phố... Qua đất miền Trung tới Sài Gòn, chàng thanh niên Nguyễn Tất Thành càng thấy rõ hơn sự đối lập giữa hai cảnh sống của kẻ đi xâm lược và người dân mất nước với kiếp nô lệ. Lúc này, những day dứt về sự sống còn của dân tộc, những trăn trở về con đường cứu nước, cứu dân của các bậc cha chú đã thấm sâu trong tâm trí cậu thiếu niên Nguyễn Tất Thành. Sự thống khổ của nhân dân và những cuộc nổi dậy không thành công của dân ta đã khiến Nguyễn Tất Thành băn khoăn, trăn trở rất nhiều với câu hỏi "làm thế nào để cứu nước?".

Sớm đã có chí đánh đuổi thực dân Pháp, giải phóng đồng bào, Nguyễn Tất Thành rất khâm phục tinh thần yêu nước của các chí sĩ Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh... nhưng Người không tán thành con đường cứu nước của các cụ vì nhận thấy những con đường mà các bậc sĩ phu đã đi đều kết thúc bằng những thất bại đau đớn, vì đó là những con đường "xin giặc rủ lòng thương", hoặc "đưa hổ cửa trước, rước beo cửa sau"... Chứng kiến thất bại, không có thành công của các các thế hệ cách mạng tiền bối và cuộc sống nô lệ của người dân mất nước dưới ách thực dân Pháp tàn bạo, Nguyễn Tất Thành quyết tâm tìm con đường cứu nước hữu hiệu hơn. Không đi theo con đường của các bậc tiền bối và khác với thế hệ thanh niên lúc đó hướng về nước Nhật, Nguyễn Tất Thành chọn cho mình hướng đi hoàn toàn mới "*Nhân dân Việt Nam, trong đó có ông cụ thân sinh ra tôi, lúc này thường tự hỏi nhau ai là người sẽ giúp mình thoát khỏi ách thống trị của Pháp. Người này nghĩ là Nhật, người khác nghĩ là Anh, có người lại cho*

là Mỹ. Tôi thấy phải đi ra nước ngoài xem cho rõ. Sau khi xem xét họ làm ăn ra sao, tôi sẽ trở về giúp đồng bào tôi"[1]. Bị cuốn hút bởi các từ "*Tự do*", "*Bình đẳng*", "*Bác ái*" từ cuộc cách mạng tư sản Pháp và trào lưu cách mạng dân chủ tư sản của các nước từ Âu - Mỹ lan truyền sang Việt Nam "*Khi tôi độ mười ba tuổi, lần đầu tiên tôi được nghe ba chữ Pháp: Tự do, Bình đẳng, Bác ái...tôi rất muốn làm quen với nền văn minh Pháp, muốn tìm xem những gì ẩn đằng sau những chữ ấy...*"[2]; qua sách báo khi đó nhận thấy phương Tây là nơi có công nghệ, hàng hóa, thành tựu khoa học kỹ thuật và nguồn văn hóa đại chúng phong phú;... và cùng với nhiều lý do khác, Nguyễn Tất Thành quyết định sang phương Tây, đến với nước Pháp để hiểu xem nước Pháp và các nước khác làm thế nào, rồi trở về giúp đỡ đồng bào mình, với hành trang ban đầu là lòng yêu nước, thương dân sâu sắc, khát vọng độc lập, tự do cho Tổ quốc. Cũng như các thế hệ yêu nước trước đó, xuất phát từ lòng yêu nước, thương dân sâu sắc; từ khát vọng đánh đuổi thực dân giải phóng dân tộc, Nguyễn Tất Thành đã quyết định đi ra nước ngoài để học hỏi kinh nghiệm rồi về giúp dân giúp nước. Nhưng điểm khác và mới chính là Người quyết định chọn con đường sang phương Tây chứ không phải phương Đông; chọn con đường sang chính nước gây ra đau khổ cho dân tộc mình và trong suốt hành trình này Nguyễn Tất Thành đã tự đi trên chính đôi chân của mình.

Đó là "*một quyết định đúng ở vào thời điểm cần quyết định*"[3], là một quyết định táo bạo nhưng rất đúng đắn và sáng tạo, bởi Nguyễn Tất Thành đã dám *phủ định con đường xuất dương truyền thống* của những người đi trước với một nhận thức thực tế là: muốn đánh đuổi kẻ thù phải biết rõ kẻ thù đó, như cha ông vẫn dạy "*biết người biết ta trăm trận trăm thắng*". Điều này có tầm quan trọng lớn để Nguyễn Ái Quốc đến với chủ nghĩa Mác - Lênin sau

1 Nhà báo Mỹ Anna Louise Strong: *Ba lần nói chuyện với Chủ tịch Hồ Chí Minh*, Đăng báo Nhân dân ngày 18-5-1965.

2 Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 1, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2009, tr. 477.

3 Phan Ngọc Liên: *Hồ Chí Minh trong tiến trình lịch sử dân tộc*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội. 2000, tr. 29.

này. Chính với quyết tâm đến Pháp và sang phương Tây, tìm hiểu nước Pháp và các nước khác để biết thực chất về thực dân Pháp và các nước đế quốc, mà Nguyễn Tất Thành đã đi đến nhiều nơi ở châu Á, châu Âu và châu Mỹ, làm nhiều nghề lao động khác nhau vừa để kiếm sống, vừa hoạt động. Với cách thức hoạt động như thế Người có điều kiện tiếp xúc, hòa mình trong phong trào quần chúng và từ đó rút ra bài học quan trọng đầu tiên là: phải phân biệt rõ bạn và thù. Trên thực tế ở đâu cũng chỉ có hai loại người: thiểu số đi áp bức bóc lột, còn đại đa số quần chúng lao động bị áp bức bóc lột. Nguyễn Tất Thành đã thật sự gắn bó và sẻ chia cuộc sống khốn cùng của nhân dân lao động, thuộc nhiều tầng lớp với màu da khác nhau. Qua đó, Người nhìn nhận được vấn đề cấp thiết mà xã hội đang đặt ra, những ý tưởng, cách thức để giải quyết lợi ích và nguyện vọng chính đáng của người lao động không phân biệt sắc tộc, tôn giáo... Từ lòng yêu nước, thương dân, đến sự phân biệt xã hội có "*hai giống người*" và nhận thức chỉ tình "*hữu ái vô sản*" là có thật, ở Nguyễn Tất Thành đã có sự chuyển biến hình thành ý thức giai cấp rõ rệt và sau này, việc Người đến với chủ nghĩa Mác - Lênin sẽ là một tất yếu của lịch sử.

Khi đó, nếu không có lòng dũng cảm, nghị lực và ý thức trách nhiệm với Tổ quốc, với dân tộc, Nguyễn Tất Thành sẽ không dám rời quê hương thực hiện một cuộc trường chinh vĩ đại của mình và của cả dân tộc; nếu chỉ quanh quẩn ở trong nước hay sang Nhật theo trào lưu khi đó chắc chắn Nguyễn Tất Thành cũng sẽ chỉ lại là một chí sĩ hết lòng yêu nước, thương dân nhưng "lực bất tòng tâm"; ... Thật may mắn đã không có chữ "nếu"! Vì Nguyễn Tất Thành - Hồ Chí Minh - xuất phát từ lòng yêu nước, thương dân, có hoài bão cứu nước và thấu hiểu được sức mạnh của ý chí độc lập, tự cường dân tộc, lại có tư chất thông minh hơn người, nhãn quan chính trị sắc sảo, chí lớn tìm đường cứu nước,... đã vượt lên những người cùng thời đại, cùng hoàn cảnh để quyết định ra nước ngoài, tự mình tìm hiểu, nắm bắt và xác định con

đường đúng để giải phóng cho dân tộc, một con đường tự thân chứ không trông chờ vào người khác, như cố Thủ tướng Phạm Văn Đồng viết "*Con đường là đi đến phương Tây đầy bí ẩn với tất cả những triển vọng chưa lường hết được. Sự nghiệp của Hồ Chí Minh bắt đầu từ đây. Vận mệnh lớn của nước, của dân gắn bó mật thiết với một quyết định mà lịch sử đã chứng minh là sáng suốt phi thường*"[1].

2. Nguyễn Ái Quốc chọn con đường cách mạng vô sản là đáp ứng yêu cầu của lịch sử

Hành trình khảo sát, tìm hiểu, hòa mình vào cuộc sống và cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân, nhân dân lao động thế giới đã giúp Nguyễn Ái Quốc nhận thức rõ rằng các cuộc cách mạng dân chủ tư sản đã từng nổ ra ở Anh, Pháp, Mỹ... là những cuộc cách mạng không đến nơi đến chốn, vì không đưa lại cuộc sống với những quyền sống tối thiểu cho người cần lao, những người dân lao động vẫn chịu sự áp bức, bóc lột đến cùng cực. Từ phong kiến sang tư bản chủ nghĩa thì chỉ thay đổi hình thức bóc lột cũ bằng hình thức bóc lột mới chứ chưa giải phóng hoàn toàn con người. Nguyễn Ái Quốc xác định cách mạng Việt Nam không thể đi theo con đường của những cuộc cách mạng dân chủ tư sản đó. Phân tích lịch sử cho thấy: đích của những nhà yêu nước đương thời sau khi đánh đuổi thực dân Pháp, giành độc lập dân tộc là khôi phục lại chế độ phong kiến, hoặc thiết lập chế độ quân chủ lập hiến, hay cao hơn là chế độ cộng hòa tư sản - những chế độ xã hội đều không mang lại tự do và hạnh phúc thật sự cho nhân dân. Mục tiêu nhất quán của Nguyễn Ái Quốc ngay từ buổi đầu và xuyên suốt hành trình khảo sát thế giới của Người là phải tìm con đường để vừa giành được độc lập cho Tổ quốc, vừa mang lại tự do và hạnh phúc cho nhân dân. Đối với Nguyễn Ái Quốc tình cảm yêu nước gắn liền với lòng thương yêu nhân dân sâu sắc "*Không có một*

1 Phạm Văn Đồng, *Những nhận thức cơ bản về tư tưởng Hồ Chí Minh*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1998, tr. 12.

phút nào ông (Nguyễn Ái Quốc) quên Tổ quốc mình đang bị giày xéo và đồng bào mình đang bị áp bức"[1]. Đây là điểm rất đặc biệt của Nguyễn Ái Quốc. Điều đó đã định hướng nhận thức và việc lựa chọn con đường cách mạng Việt Nam của Nguyễn Ái Quốc. Khi đó cũng có nhiều người đã đến Pháp và các nước phương Tây, song họ không có được tầm nhìn và đích đi thiết thực như Nguyễn Ái Quốc.

Sau Chiến tranh thế giới thứ nhất, nhận thấy nước Pháp là nơi có những điều kiện khách quan thuận lợi cho những mục tiêu của mình và muốn "*học tiếng Pháp để hiểu người Pháp, hiểu chủ nghĩa thực dân Pháp*"[2], Nguyễn Tất Thành quyết định trở lại Paris - Pháp (1917). Tại đây, hoạt động đầu tiên của Người là đấu tranh đòi cho binh lính và thợ thuyền Việt Nam được sớm hồi hương trở về với gia đình. Năm 1919, Người gia nhập Đảng Xã hội Pháp, một đảng tiến bộ chủ trương chống lại các chính sách áp bức bóc lột của thực dân Pháp ở các nước thuộc địa. Quyết định trở lại và hoạt động trong lòng nước Pháp với tên gọi Nguyễn Ái Quốc đã giúp Người rút ra bài học vô cùng giá trị là: sự nghiệp giải phóng dân tộc mình chủ yếu phải do dân tộc mình quyết định, phải trông cậy vào lực lượng của chính mình, chứ không phải dựa chủ yếu vào bên ngoài. Bởi, kết thúc Chiến tranh thế giới thứ nhất, các nước đế quốc thắng trận đã họp hội nghị để phân chia lại thế giới ở Versailles - Pháp (6-1919), thay mặt những người Việt Nam yêu nước, Nguyễn Ái Quốc gửi đến hội nghị bản *Yêu sách 8 điểm* đòi quyền lợi cho các dân tộc Đông Dương. Bản yêu sách đó không được chủ nghĩa thực dân chấp nhận, với dư luận của Pháp không có tiếng vang như mong muốn, tuy có làm cho người Pháp hiểu thêm về xứ An Nam xa xôi nhưng chưa có sự ủng hộ cụ thể. Nhưng bản yêu sách đã tác động lớn tới cộng đồng người Việt

1 Thu Trang: *Thời gian đầu tiên khi Nguyễn Tất Thành đến Paris - 1917* / trong cuốn *Di sản Hồ Chí Minh trong thời đại ngày nay*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2010, tr. 469.

2 Trần Dân Tiên: *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch*, Nxb. Sự thật (xuất bản lần 2), Hà Nội, 1976, tr. 39.

Nam ở Pháp và nhân dân ở trong nước. Nguyễn Ái Quốc hiểu rõ rằng những lời tuyên bố của các nước đế quốc về quyền tự do của các dân tộc chỉ là sự lừa bịp.

Nguyễn Ái Quốc trở lại Pháp khi cuộc Cách mạng tháng Mười Nga vĩ đại thành công (1917) và Quốc tế Cộng sản của V.I.Lênin ra đời (1919). Đây là những sự kiện trọng đại, tác động mạnh mẽ tới những người cộng sản của phong trào cách mạng và phong trào công nhân thế giới, trong đó có Nguyễn Ái Quốc. Quan tâm tìm hiểu cuộc Cách mạng tháng Mười, Nguyễn Ái Quốc thấy rõ cuộc cách mạng do Đảng Cộng sản lãnh đạo đã thành lập ra Chính phủ công - nông - binh, đem lại ruộng đất cho dân cày, giao công xưởng cho thợ thuyền, người dân không bị thí mạng cho chủ nghĩa tư bản và đế quốc nữa. So sánh thành quả của cách mạng Nga với đòi hỏi, yêu cầu của cách mạng Việt Nam - một nước nông nghiệp, hơn 90% dân số là nông dân, giai cấp công nhân thật nhỏ bé - Nguyễn Ái Quốc nhận thấy "*Trong thế giới bây giờ chỉ có kách mệnh Nga là đã thành công và thành công đến nơi*"[1]. Đặc biệt *Sơ thảo lần thứ nhất Luận cương về các vấn đề dân tộc và thuộc địa* (1920) của V.I.Lênin đã tác động lớn tới nhận thức và chuyển biến tư tưởng của Nguyễn Ái Quốc. Người đã tìm thấy trong *Luận cương* cơ sở lý luận chắc chắn cho con đường cứu nước mới, giải phóng dân tộc: con đường cách mạng vô sản. Vì thế, tham gia hoạt động trong Đảng Xã hội Pháp, tại Đại hội của Đảng ở thành phố Tours (12-1920) Nguyễn Ái Quốc đã bỏ phiếu tán thành gia nhập Quốc tế Cộng sản (Quốc tế III) và thành lập Đảng Cộng sản Pháp, mặc dù khi đó Người nói "*... Tôi không hiểu ... thế nào là chiến lược, chiến thuật vô sản và nhiều điểm khác. Nhưng tôi hiểu rõ một điều Đệ tam quốc tế rất chú ý đến vấn đề giải phóng dân tộc thuộc địa. Đệ tam quốc tế nói sẽ giúp đỡ các dân tộc bị áp bức giành lại tự do và độc lập của họ. Còn Đệ nhị quốc tế không hề nhắc đến vận mạng các thuộc địa. Vì vậy tôi đã bỏ phiếu tán thành Đệ tam quốc*

1 Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 2, Sđd, tr. 280.

tế. Tự do cho đồng bào tôi, độc lập cho Tổ quốc tôi; đấy là tất cả những điều tôi muốn..."[1]. Với hành động đó, Nguyễn Ái Quốc đã trở thành người cộng sản Việt Nam đầu tiên và là một trong những người sáng lập Đảng Cộng sản Pháp. Sự kiện này cũng đánh dấu bước nhảy vọt trong quá trình chuyển biến tư tưởng của Nguyễn Ái Quốc: từ một người yêu nước chân chính, Người đã trở thành một người cộng sản, đồng thời Người đã tìm ra con đường cách mạng đúng đắn cho nhân dân Việt Nam, mở ra cho cách mạng Việt Nam một giai đoạn phát triển mới - giai đoạn gắn cách mạng Việt Nam với phong trào cộng sản và công nhân quốc tế.

Những năm hoạt động phong trào cộng sản, phong trào công nhân và giải phóng dân tộc, học tập chủ nghĩa Mác - Lênin, nghiên cứu kinh nghiệm của các Đảng Cộng sản, của Liên Xô, Nguyễn Ái Quốc đã tích lũy được những kiến thức và kinh nghiệm thực tiễn phong phú, hình thành dần đường lối cứu nước, Người đi đến kết luận: "*Muốn cứu nước và giải phóng dân tộc không có con đường nào khác con đường cách mạng vô sản*"[2], con đường giải phóng theo học thuyết Mác - Lênin, con đường kết hợp đấu tranh giải phóng dân tộc với giải phóng người lao động.

Tiếp thu chủ nghĩa Mác - Lênin, nhận thức được xu thế phát triển của thời đại, Người không những khẳng định cách mạng giải phóng dân tộc phải đi theo con đường của cách mạng vô sản, phải có đảng cách mạng lãnh đạo, mà còn nhận thức rõ mối quan hệ giữa cách mạng thuộc địa và phong trào cách mạng thế giới. Người đã chỉ ra cách mạng Việt Nam phải là một bộ phận khăng khít của cách mạng thế giới, như là "*hai cánh của một con chim*", là hai dòng thác của trào lưu cách mạng thế giới, phải đoàn kết để chống lại "*con đỉa hai vòi*" là chủ nghĩa đế quốc. Đồng thời, vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện cụ thể của các nước thuộc địa, Hồ Chí Minh đã đi tới một kết luận mới: cách

1 Trần Dân Tiên: *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch*, Sđd, tr. 49.
2 Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 9, Sđd, tr. 314.

mạng thuộc địa không phụ thuộc vào cách mạng ở chính quốc mà có thể chủ động, tự lực đứng lên "*đem sức ta mà tự giải phóng cho ta*", hơn thế còn "*có thể giúp đỡ những anh em mình ở phương Tây trong nhiệm vụ giải phóng hoàn toàn*"[1]. Cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản ở chính quốc sẽ không thể giành được thắng lợi nếu nó không biết liên minh với cuộc đấu tranh của các dân tộc bị áp bức ở thuộc địa. Các dân tộc thuộc địa phải dựa vào sức của chính mình, đồng thời biết tranh thủ dựa vào sự đoàn kết, ủng hộ của giai cấp vô sản và nhân dân lao động thế giới để trước hết phải đấu tranh giành lại độc lập cho dân tộc, rồi từ thắng lợi cách mạng giải phóng dân tộc, tiến lên làm cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Nguyễn Ái Quốc đã quyết định lựa chọn con đường cách mạng vô sản cho sự nghiệp cách mạng của dân tộc, vì nhận thấy đó là con đường duy nhất có thể giải phóng người vô sản nói chung và người nông dân nói riêng khỏi áp bức bóc lột, giành tự do hạnh phúc. Song con đường cách mạng vô sản được thực hiện ở Việt Nam và các nước thuộc địa không giống các nước ở châu Âu, vì ở các nước thuộc địa và nửa thuộc địa, trong đó có Việt Nam, trước hết phải làm cách mạng giải phóng dân tộc chống đế quốc thực dân xâm lược, giành lại độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ cho dân tộc, trên cơ sở đó mới tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa. Độc lập dân tộc là mục tiêu trước mắt, là tiền đề để tiến lên thực hiện mục tiêu xã hội chủ nghĩa.

Sau khi cách mạng dân tộc dân chủ giành được thắng lợi sẽ chuyển sang cách mạng xã hội chủ nghĩa, đó là bước phát triển tất yếu, vì "*Cách mạng giải phóng dân tộc phải phát triển thành cách mạng xã hội chủ nghĩa thì mới giành được thắng lợi hoàn toàn*"[2]. Nhất định phải đi lên chủ nghĩa xã hội, vì chỉ có chủ nghĩa xã hội - chủ nghĩa cộng sản mới triệt để giải phóng giai cấp, giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội, giải phóng con người khỏi ách

1 Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 1, Sđd, tr. 36.
2 Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 12, Sđd, tr. 305.

áp bức bóc lột, đem lại cho người lao động cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc và vị trí làm chủ thực sự. Chủ nghĩa xã hội xóa bỏ triệt để chế độ chiếm hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa về tư liệu sản xuất - nguồn gốc sinh ra tình trạng người bóc lột người, xác lập chế độ công hữu về tư liệu sản xuất chủ yếu, cơ sở kinh tế đảm bảo cho nhân dân lao động thoát khỏi đói nghèo, hướng tới cuộc sống xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, tạo điều kiện cho con người phát triển toàn diện. Độc lập dân tộc là điều kiện tiên quyết để thực hiện chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa xã hội là cơ sở đảm bảo vững chắc cho độc lập dân tộc: "*Chỉ có chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản mới giải phóng được các dân tộc bị áp bức và những người lao động trên toàn thế giới khỏi ách nô lệ*"[1].

Như vậy, lòng yêu nước, thương dân sâu sắc đã đưa Nguyễn Ái Quốc đến với chủ nghĩa Mác - Lênin và quyết định lựa chọn con đường cách mạng vô sản, con đường mang lại độc lập cho Tổ quốc và tự do, hạnh phúc cho nhân dân - con đường *độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội*. Điều này có ý nghĩa to lớn không chỉ đối với bản thân Nguyễn Tất Thành - Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh, mà còn đối với cả dân tộc Việt Nam. Con đường đó đã được Đảng ta khẳng định, được cả dân tộc ta hưởng ứng và đi theo. Đó là sự lựa chọn của lịch sử Việt Nam, của cả dân tộc Việt Nam. Sự lựa chọn đúng ngay từ đầu của Nguyễn Ái Quốc đã đưa cách mạng Việt Nam đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác, mở ra một thời đại rực rỡ nhất trong lịch sử dân tộc Việt Nam. Thắng lợi của cách mạng Việt Nam trong hơn 80 năm qua dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đã khẳng định tính duy nhất đúng của sự lựa chọn đó.

1 Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 10, Sđd, tr. 128.

BƯỚC NGOẶT LỚN TRONG QUÁ TRÌNH TÌM ĐƯỜNG CỨU NƯỚC VÀ GIẢI PHÓNG DÂN TỘC CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH

PHẠM CÔNG KHÁI*

Tìm thấy con đường cứu nước và giải phóng dân tộc là bước ngoặt lớn trong cuộc đời hoạt động cách mạng sôi nổi và phong phú của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Bước ngoặt và con đường ấy đã đưa cách mạng Việt Nam vào thời kỳ phát triển mới, từng bước giành được những thắng lợi vẻ vang trong suốt gần một thế kỷ qua, đồng thời góp phần to lớn vào cuộc đấu tranh chung của nhân loại vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

Với khát vọng tìm thấy con đường cứu nước và giải phóng dân tộc thoát khỏi ách áp bức bóc lột của thực dân, phong kiến, đem lại cuộc sống ấm no hạnh phúc cho mỗi người dân Việt Nam, ngày 5 tháng 6 năm 1911, Bác Hồ đã rời Tổ quốc đi ra nước ngoài để xem nước Pháp và các nước khác đã làm thế nào, rồi sau đó sẽ trở về giúp đồng bào mình tự giải phóng.

Về sự kiện này, trong sách Hồ Chí Minh - *Biên niên tiểu sử*, bên cạnh những dòng ghi vắn tắt rằng: "Nguyễn Tất Thành từ cảng Sài Gòn (nay là Thành phố Hồ Chí Minh) rời Tổ quốc đi sang nước Pháp", các nhà biên soạn còn đặt một câu hỏi mà mỗi ai khi đọc đều không khỏi suy tư, tìm lời giải đáp: "Người thanh

* Bảo tàng Hồ Chí Minh.

niên 21 tuổi ấy ra đi với mục đích gì? Để kiếm kế sinh nhai, hay để thỏa mãn một ước mơ xa lạ nào đó của tuổi trẻ"[1]. Để tìm được lời giải đáp cho câu hỏi này, trước hết phải hiểu được vì sao Người có một quyết định táo bạo, mang tính cách mạng cao như vậy và kết quả của việc "đi sang nước Pháp" ấy như thế nào?

Cũng như bao người Việt Nam khác, Nguyễn Tất Thành - Hồ Chí Minh sinh ra và lớn lên giữa lúc nước nhà đang bị chìm trong bóng đêm nô lệ dưới ách kìm kẹp của bọn thực dân Pháp xâm lược và phong kiến tay sai. Tiếng khóc chào đời của Người lẫn trong tiếng rên xiết của hàng chục triệu đồng bào đang "bị đọa đày đau khổ" và tiếng gọi cứu nước đang vang dậy khắp non sông trong phong trào đấu tranh chống thực dân Pháp xâm lược cuối thế kỷ XIX của nhân dân ta đang diễn ra sôi nổi, liên tục và rộng khắp từ Nam ra Bắc...

Sau thất bại của phong trào Cần Vương cuối thế kỷ XIX, nhiều cuộc đấu tranh yêu nước của nhân dân ta chống thực dân Pháp xâm lược lại tiếp tục nổ ra vào những năm đầu thế kỷ XX. Tiêu biểu lúc bấy giờ là phong trào Đông du của Phan Bội Châu, cuộc vận động Duy tân của Phan Châu Trinh và cuộc khởi nghĩa Yên Thế do Hoàng Hoa Thám lãnh đạo. Các phong trào ấy đã thu hút đông đảo những người Việt Nam yêu nước tham gia và có được một số thắng lợi quan trọng, nhưng do mỗi phong trào một hướng đi, một cách làm, một hạn chế... nên sau một thời kỳ phát triển rầm rộ, đã lần lượt bị kẻ thù dìm trong biển máu. Một lần nữa con đường cứu nước và giải phóng dân tộc của nhân dân ta lại như đi trong đêm tối, không có đường ra!

Là một người thông minh, ham học hỏi, trong những năm tháng ấy, Nguyễn Tất Thành được theo cha đi nhiều nơi, được tận mắt thấy những cảnh đời cơ cực của những người dân lao động nghèo khổ, cảnh bắt bớ phu phen tạp dịch, tù đày ở khắp mọi nơi

1 *Hồ Chí Minh - Biên niên tiểu sử*, tập 1, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2006, tr. 40.

và sự đàn áp dã man của thực dân Pháp đối với các phong trào đấu tranh yêu nước của nhân dân ta; được học và được nghe các nhà nho yêu nước cùng cha mình đàm đạo về thời cuộc, về con đường cứu nước, cứu dân và được tiếp xúc nhiều với sách báo tiến bộ Pháp... Người dần hiểu được những vấn đề quan hệ đến sự sống còn của dân tộc và sức mạnh của đồng bào khi được tập hợp. Tình cảnh nước nhà lúc này đã tác động mạnh đối với Người, thôi thúc Người suy nghĩ, tìm tòi xem phải làm gì và làm như thế nào để có thể giải phóng đồng bào khỏi ách nô lệ?

Kính trọng và khâm phục trước tinh thần yêu nước của các bậc tiền bối, nhưng với trí thông minh và sự nhạy cảm chính trị của mình, Nguyễn Tất Thành đã sớm thấy được phần nào những hạn chế dẫn tới sự thất bại của các xu hướng cứu nước đương thời, Người đã quyết định tìm cho mình một hướng đi riêng. Ngày 5-6-1911, con tàu Amiral Latonche Tréville, một tàu lớn vừa chở hàng vừa chở khách của hãng Năm Sao[1], đã đưa người thành niên Nguyễn Tất Thành rời Tổ quốc sang phương Tây, đến Pháp - nơi có tư tưởng "Tự do, Bình đẳng, Bác ái" đầy bí ẩn đang hấp dẫn, đợi chờ Anh.

Ngày đó đâu có ai biết được rằng, trên chuyến tàu ấy có một người thanh niên Việt Nam đầy lòng yêu nước, thương dân, ôm ấp một hoài bão lớn: đi tìm con đường cứu nước đúng đắn để về giúp đồng bào giành độc lập, tự do. Người thanh niên ấy đang dồn tất cả tâm lực vào mỗi việc làm để thực hiện những ước mơ đó.

Tâm sự về sự lựa chọn con đường đi sang phương Tây, đến nước Pháp tìm đường cứu nước, năm 1923, Hồ Chí Minh kể với một nhà báo Nga rằng: "Khi tôi độ mười ba tuổi, lần đầu tiên tôi đã được nghe ba chữ Pháp: Tự do, Bình đẳng, Bác ái...Và từ thuở ấy, tôi rất muốn làm quen với nền văn minh Pháp, muốn tìm xem

1 Hãng Năm Sao chính là (Charge Réuni) trên ống khói có năm ngôi sau năm cánh nên dân ta gọi nôm na là hãng Năm Sao.

những gì ẩn đằng sau những chữ ấy"[1]; và năm 1965, khi trả lời phỏng vấn của nhà báo Mỹ Ama Louise Strong, Người nói: "Nhân dân Việt Nam trong đó có ông cụ thân sinh ra tôi, lúc này thường tự hỏi, ai là người giúp mình thoát khỏi ách thống trị của Pháp. Người này nghĩ là Nhật, người khác nghĩ là Anh, có người lại cho là Mỹ. Tôi thấy phải đi ra nước ngoài xem cho rõ. Sau khi xem xét họ làm ăn ra sao, tôi sẽ trở về giúp đồng bào tôi"[2].

Đi ra nước ngoài, xem xét cho rõ rồi sau đó sẽ trở về giúp đồng bào là một quyết định đầy khó khăn, táo bạo và mang tính cách mạng của Nguyễn Tất Thành. Khó khăn, táo bạo vì trước đó chưa có một người Việt Nam yêu nước nào nghĩ đến việc đi sang phương Tây, đến nước Pháp bằng con đường lao động để học hỏi, tìm cách đánh đuổi thực dân Pháp xâm lược, giải phóng dân tộc, cứu giúp đồng bào. Cách mạng, vì quyết định ấy đã giúp Người vượt ra khỏi những khuôn khổ hạn chế cùng sự thất bại của các phong trào đấu tranh yêu nước đương thời, đồng thời đặt tiền đề cho những bước phát triển tiếp sau trong quá trình tìm đường cứu nước và giải phóng dân tộc của Người...

Đằng sau quyết định về hướng đi ấy là cả một quyết tâm lớn, một ý chí cao và một cách đi riêng độc đáo. Tự tin vào hai bàn tay lao động và nghị lực của mình, với một định hướng rõ ràng và lòng tràn đầy nhiệt huyết của tuổi trẻ, dù không chút vốn liếng, chưa có người đồng hành, không quản ngại gian khó, hiểm nguy, Nguyễn Tất Thành sẵn sàng làm bất cứ việc gì lương thiện "để sống và để đi", chỉ mong sao sớm tìm được con đường giúp cho đồng bào mình thoát khỏi thân phận của người dân nô lệ mất nước, giúp cho dân tộc mình giành được độc lập, tự do. Người đã dũng cảm tiến bước trên con đường đã chọn.

Tình yêu lớn, quyết tâm lớn đã dẫn dắt, nâng đỡ mỗi bước Người đi. Băng qua mọi sóng gió, vượt hết mọi khó khăn, Người

1 *Hồ Chí Minh - Biên niên tiểu sử*, tập 1, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2006, tr. 40-41.
2 *Hồ Chí Minh - Biên niên tiểu sử*, tập 1, sđd, tr. 41.

đã đến với nhiều quốc gia, dân tộc ở khắp châu Á, châu Âu, châu Phi và châu Mỹ. Nguyễn Tất Thành đã đến tận nước Mỹ "tự do" xa xôi, đến cả nước Anh giàu có, rồi sau đó trở lại nước Pháp sống và hoạt động giữa thủ đô Paris hoa lệ nhưng cũng đầy người nghèo khổ, để tìm xem những gì "ẩn sau" những từ *Tự do, Bình đẳng, Bác ái*?...

Trong thời gian ở Mỹ, Người đã đến nhiều nơi, từ những khu phố của những kẻ giàu sang, quyền quý vốn nổi tiếng thế giới với những ngôi nhà cao chọc trời ở Niu Oóc (New York) tới những ngôi nhà ổ chuột ở khu Háclem nghèo khổ. Ở Mỹ, Người đã có dịp tìm hiểu cuộc đấu tranh giành độc lập của nhân dân Mỹ với bản *Tuyên ngôn độc lập* nổi tiếng trong lịch sử, cũng như tìm hiểu về nguồn gốc lịch sử, cuộc đấu tranh chống áp bức giai cấp và kỳ thị chủng tộc của những người da đen...

Những năm tháng sống ở Anh, Nguyễn Tất Thành dành nhiều thời gian để học tiếng Anh và đã trang bị cho mình vốn kiến thức khá vững vàng về tiếng Anh - một công cụ giao tiếp rất quan trọng trong sinh hoạt và đấu tranh chính trị. Trong thời gian ở đây, Người thường xuyên tham dự những cuộc diễn thuyết ngoài trời của nhiều nhà chính trị và triết học, tham gia *Hội những người lao động hải ngoại* (một tổ chức bí mật của những người châu Á trên đất Anh, có xu hướng tiến bộ, ủng hộ cuộc đấu tranh yêu nước của các nước thuộc địa) và thường xuyên đến bảo tàng, thư viện để đọc sách báo nghiên cứu, tìm hiểu những vấn đề cần quan tâm... Nhờ đó, Người đã tích lũy được những hiểu biết bước đầu về chế độ chính trị của xã hội tư sản, về đấu tranh giữa giai cấp vô sản và giai cấp tư sản, giữa chính quốc và thuộc địa của một nước tư bản chủ nghĩa sớm phát triển; về cuộc Chiến tranh thế giới thứ nhất cùng những tác động sâu sắc của nó đến tình hình thế giới lúc này ...

Sau khi trở lại Pháp (từ cuối năm 1917) với tên gọi Nguyễn Ái Quốc, mặc dù cuộc sống hết sức khó khăn, lại bị thực dân

Pháp cử mật thám ngày đêm theo dõi sát sao mọi hoạt động của mình. Người vẫn hăng say "làm việc hết mình và luôn xông xáo tiến lên" để tìm cách "đòi quyền tự do cho dân An Nam"[1]. Ngoài những giờ lao động để sống, Người dành nhiều thời gian để nghiên cứu, tìm hiểu sâu hơn các vấn đề về chính trị, xã hội; tham gia hoạt động và nói chuyện tại các buổi sinh hoạt trong một số tổ chức xã hội[2]; gặp gỡ, tiếp xúc với nhiều nhà hoạt động chính trị, nhà văn, nhà báo để học hỏi kinh nghiệm và tranh thủ sự giúp đỡ của họ... Đặc biệt là, nhờ lăn lộn trong phong trào công nhân, lao động Pháp, Nguyễn Ái Quốc đã nhanh chóng đến được với phái tả của cuộc cách mạng Pháp và sau đó không lâu, đầu năm 1919, gia nhập Đảng Xã hội Pháp, một "tổ chức duy nhất ở Pháp" lúc bấy giờ theo đuổi lý tưởng cao quý của Đại cách mạng Pháp "tự do, bình đẳng, bác ái" và "bênh vực"[3] các dân tộc thuộc địa, để từ đó có điều kiện đi sâu tìm hiểu kẻ thù đang trực tiếp áp bức, bóc lột dân tộc mình nhằm tìm ra con đường cứu nước, giải phóng dân tộc...

Thế nhưng, trong cuộc "hành trình vạn dặm" đầy gian khó, hiểm nguy ấy, mặc dù đã miệt mài tìm kiếm, song cả ở nước Mỹ tự do và kỳ thị chủng tộc lẫn nước Anh rộng lớn luôn tự hào với hệ thống thuộc địa rộng lớn trải dài khắp các châu lục, hay nước Pháp "giàu lòng bác ái" luôn tự đề cao cái gọi là "khai hóa văn minh" để xâm chiếm, bóc lột các nước thuộc địa và phụ thuộc... đều không có câu trả lời cho điều Người đang ngày đêm trăn trở! Trên mỗi chặng đường Người đi cũng như những nơi Người đến, cả ở thuộc địa lẫn chính quốc, ở đâu Người cũng thấy sự bạo tàn của bọn thực dân, đế quốc và cảm nhận được nỗi cơ cực của những người dân lao động như ở chính quê hương mình và "cảm thấy họ đều là những người nghèo khổ đang mong muốn tự do"[4].

1 *Hồ Chí Minh - Biên niên tiểu sử*, tập 1, sđd, tr. 69.
2 Các hội như, Hội Liên minh Nhân quyền, Hội phổ biến kiến thức, Hội nghệ thuật...
3 Trần Dân Tiên, *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch*, Nxb. Sự thật 1975, tr. 39.
4 Ba lần nói chuyện với Chủ tịch Hồ Chí Minh, Báo Nhân Dân, số ra ngày 18-5-1965.

Phải mãi sau thắng lợi của Cách mạng tháng Mười Nga và ảnh hưởng của nó lan đến nước Pháp, trong Đảng Xã hội Pháp diễn ra các hoạt động ủng hộ Cách mạng tháng Mười, ủng hộ nước Nga Xô viết và các cuộc tranh luận gay gắt chung quanh vấn đề Quốc tế II hay Quốc tế III, thì những điều Người cần tìm mới dần sáng tỏ. Tham dự đều các cuộc họp diễn ra hằng tuần của Đảng Xã hội Pháp và lắng nghe các đại biểu tranh luận, nhưng do lúc đầu không hiểu hết được "tại sao người ta lại bàn cãi hăng như vậy", trong một cuộc họp, Nguyễn Ái Quốc đã nêu câu hỏi "quốc tế nào bênh vực nhân dân các nước thuộc địa"? Khi được biết đó là Quốc tế III và một đồng chí đưa cho Người đọc *Luận cương của Lênin về các vấn đề dân tộc và thuộc địa,* đăng trên báo *Nhân Đạo*, số ra ngày 16 và 17-7-1920, tên bài báo có liên quan đến vấn đề thuộc địa đã lập tức thu hút sự chú ý của Người, vì đây là một vấn đề quan trọng mà Người trăn trở tìm kiếm bấy lâu nhưng lại không được thảo luận trong các cuộc họp.

Trong Luận cương ấy, Lênin phê phán mọi luận điểm sai lầm của những người đứng đầu Quốc tế II về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa, lên án mạnh mẽ tư tưởng sô vanh, tư tưởng dân tộc hẹp hòi, ích kỷ, đồng thời nhấn mạnh chính sách của Quốc tế Cộng sản về vấn đề dân tộc và thuộc địa là phải làm cho vô sản và quần chúng lao động tất cả các dân tộc và tất cả các nước gần gũi nhau để tiến hành cuộc đấu tranh chung nhằm lật đổ bọn địa chủ và giai cấp tư sản; các phong trào giải phóng dân tộc ở thuộc địa phải gắn chặt với cuộc đấu tranh và chiến thắng của chính quyền Xô viết đối với chủ nghĩa đế quốc thế giới; các Đảng Cộng sản phải trực tiếp ủng hộ phong trào cách mạng của các nước thuộc địa và phụ thuộc... Dù có "những chữ chính trị khó hiểu", nhưng đọc đi, đọc lại nhiều lần Nguyễn Ái Quốc cũng "hiểu được phần chính". Phần chính ấy như "cái cẩm nang thần kỳ", như ngọn đèn pha phía trước nhanh chóng soi tỏ con đường giành độc lập cho dân tộc, tự do, cơm áo cho đồng bào mà Người vẫn hằng mong đợi! Sau này, kể về giờ

phút lịch sử ấy, Hồ Chí Minh đã viết: "Luận cương của Lênin làm cho tôi rất cảm động, phấn khởi, sáng tỏ, tin tưởng biết bao! Tôi vui mừng đến phát khóc lên. Ngồi một mình trong buồng mà tôi nói to lên như đang nói trước quần chúng đông đảo: "Hỡi đồng bào bị đọa đày đau khổ! Đây là cái cần thiết cho chúng ta, đây là con đường giải phóng chúng ta!".

Từ đó, tôi hoàn toàn tin theo Lênin, tin theo Quốc tế thứ ba"[1].

Niềm tin ấy là cơ sở tư tưởng để Người vững bước tiến lên trên con đường đã chọn. Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XVIII Đảng Xã hội Pháp, họp từ ngày 25 đến ngày 30-12-1920, tại thành phố Tua (Pháp), Nguyễn Ái Quốc đã cùng với những người cách mạng chân chính bỏ phiếu tán thành Đảng tham gia Quốc tế III, trở thành một trong những người sáng lập Đảng Cộng sản Pháp, và là người cộng sản Việt Nam đầu tiên.

Niềm tin và sự lựa chọn này chính là kết quả của cả một quá trình nỗ lực phấn đấu, vượt mọi hiểm nguy, ngày đêm suy nghĩ về vận mệnh của đất nước, lựa chọn hướng đi và tiến hành khảo sát, rút kinh nghiệm, học tập lý luận, tham gia đấu tranh chính trị, vào Đảng Xã hội Pháp, lăn lộn trong phong trào công nhân và lao động Pháp, sát cánh với các trí thức Pháp, với những đồng bào yêu nước của mình trên đất Pháp... của Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh.

Niềm tin và sự lựa chọn này đã trở thành một sự kiện lịch sử đặc biệt quan trọng trong cuộc đời hoạt động cách mạng của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Nó đánh dấu bước phát triển nhảy vọt về chất trong nhận thức tư tưởng và lập trường chính trị của Người: Từ chủ nghĩa yêu nước đến với chủ nghĩa Lênin và tìm thấy ở đây con đường cứu nước đúng đắn như chính Người đã khẳng định: "Cá nhân tôi, từ lúc đầu nhờ được học tập truyền thống cách mạng oanh liệt và được rèn luyện trong thực tế đấu tranh anh dũng của

1 Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 10, Sđd, tr. 127.

công nhân và của Đảng Cộng sản Pháp, mà tôi đã tìm thấy chân lý của chủ nghĩa Mác - Lênin, đã từ một người yêu nước tiến bộ thành một chiến sĩ xã hội chủ nghĩa..."[1].

Không phải đến hôm nay chúng ta mới thấy được ý nghĩa lớn lao của sự kiện quyết tâm ra đi tìm đường cứu nước của người thanh niên yêu nước Nguyễn Tất Thành năm 1911, cũng như niềm tin đúng đắn và sự lựa chọn sáng suốt của Nguyễn Ái Quốc về con đường cách mạng Việt Nam theo con đường cách mạng vô sản năm 1920, mà từ lâu chúng ta đã hiểu rằng đó chính là sự tiếp nối truyền thống thông minh, sáng tạo, dũng cảm, kiên cường của dân tộc ta từ hàng nghìn năm lịch sử dựng nước và giữ nước, cùng những tinh hoa văn hóa của nhân loại được Bác Hồ tiếp thu, vận dụng sáng tạo và phát triển trong thời đại mới.

Ông G. Xanh-tơ-ni, người đã từng tham gia cuộc đàm phán *Pháp - Việt Nam* năm 1946 và sau đó đã nhiều lần tiếp xúc với Chủ tịch Hồ Chí Minh, ngay sau ngày Sài Gòn được giải phóng, ngày 5-5-1975, trên đài phát thanh châu Âu, đã khẳng định ý nghĩ của mình đã nghiền ngẫm từ lâu về Cụ Hồ, về dân tộc Việt Nam rằng: "Thắng lợi của nhân dân Việt Nam là thắng lợi của tư tưởng chủ đạo đã từng là đường lối chỉ đạo toàn bộ chính sách của Việt Nam từ 30 năm nay, là: trước hết là độc lập, mà ngày hôm nay vừa đạt được, rồi đến thống nhất. Tư tưởng này đã chỉ đạo toàn bộ chính sách của Hồ Chủ tịch là người đã bắt đầu cuộc đấu tranh từ năm 1911"[2].

Ngày 5 tháng 6 năm 2011, tròn 100 năm ngày Bác Hồ ra đi tìm đường cứu nước, giải phóng dân tộc (5-6-1911 – 5-6-2011). Nhìn lại chặng đường dài đầy biến động và những thắng lợi vẻ vang của cách mạng Việt Nam suốt 100 năm qua dưới sự lãnh đạo

1 Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 10, Sđd, tr. 241.
2 Ban Khoa học Xã hội Thành ủy TP Hồ Chí Minh, *Vàng trong lửa*. 1990, tr. 1-57.

của Chủ tịch Hồ Chí Minh, chúng ta càng tự hào về sự lựa chọn sáng suốt con đường cứu nước và giải phóng dân tộc của Người: "Muốn cứu nước và giải phóng dân tộc, không có con đường nào khác con đường cách mạng vô sản". Sự lựa chọn ấy như một cuộc hẹn gặp của lịch sử, tạo nên một bước ngoặt lớn, đưa cách mạng Việt Nam vững bước đi lên.

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH TƯ TƯỞNG CÁCH MẠNG, TIẾN TỚI THỰC HIỆN MỤC TIÊU ĐỘC LẬP DÂN TỘC CỦA NGUYỄN TẤT THÀNH, NGUYỄN ÁI QUỐC, HỒ CHÍ MINH

NGUYỄN THỊ HUYỀN TRANG*

I. Ra đi tìm đường cứu nước - sự lựa chọn lịch sử

Với xuất phát điểm ban đầu là chủ nghĩa yêu nước, anh thanh niên Nguyễn Tất Thành khi chứng kiến cảnh nước mất nhà tan, đồng bào lầm than đau khổ đã hình thành trong mình ý chí đánh đuổi thực dân Pháp.

Ngày 5-6-1911, anh đã rời Tổ quốc trên chiếc tàu L'amiral Latouche Tréville để đi ra nước ngoài tìm đường cứu nước. Việc ra đi này hoàn toàn không phải là sự bột phát của một thanh niên trai trẻ, mà đã có sự suy ngẫm kỹ càng, có sự cân nhắc giữa nhiều chiều hướng. Nguyễn Tất Thành lúc này tuy mới 21 tuổi, nhưng đã có nhận thức của một thanh niên trí thức với nền tảng yêu nước sâu sắc (con một nhà nho yêu nước, thường được hầu cha trong các buổi đàm đạo với bạn bè về tình hình đất nước). Bên cạnh yếu tố Nho học, anh còn được tiếp cận với những yếu tố văn hóa phương Tây khi theo học trường Pháp -Việt, trường Quốc học Huế nên có thể hiểu được phần nào văn hóa phương Tây, cách ứng xử của xã hội phương Tây.

* Bảo tàng Hồ Chí Minh.

Chính vì vậy, anh đã nhận ra hạn chế của các nhà yêu nước đương thời như Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh, Hoàng Hoa Thám... Và dù rất ngưỡng mộ các nhà yêu nước này nhưng anh đã không đi theo con đường của một người nào. Khi Phan Bội Châu có ý định gửi anh sang học ở Nhật nhằm trông chờ vào sự giúp đỡ của Nhật Bản, anh đã từ chối. Anh đã vượt qua sự hạn chế về tầm nhìn của họ. Anh nhận định: Cụ Phan Châu Trinh chỉ yêu cầu người Pháp thực hiện cải lương. Anh nhận điều đó là sai lầm, chẳng khác gì xin giặc rủ lòng thương. Cụ Phan Bội Châu hy vọng Nhật giúp đỡ để đuổi Pháp. Điều đó rất nguy hiểm, chẳng khác gì "đưa hổ cửa trước, rước beo cửa sau"[1]. Cụ Hoàng Hoa Thám còn thực tế hơn, vì trực tiếp đấu tranh chống Pháp. Nhưng theo lời người ta kể thì cụ còn nặng cốt cách phong kiến.

Đây là một xu hướng yêu nước sáng suốt, có tính phê phán, hướng tới việc tìm con đường thật sự cách mạng và khoa học, dẫn tới mục tiêu triệt để giải phóng dân tộc. Sau này, anh đã nói về quyết định ra đi tìm đường cứu nước của mình: "Khi tôi độ mười ba tuổi, lần đầu tiên tôi được nghe ba chữ Pháp: Tự do, Bình đẳng, Bác ái... người Pháp đã nói thế. Và từ thuở ấy, tôi rất muốn làm quen với nền văn minh Pháp, muốn tìm xem những gì ẩn đằng sau những chữ ấy".[2]

Anh còn nhận thấy sự áp bức bóc lột của chủ nghĩa thực dân không chỉ đối với các dân tộc thuộc địa mà cả đối với những dân nghèo ở chính quốc. Vì thế, anh muốn đi ra nước ngoài để xem vì sao lại có hiện tượng như vậy và người Pháp vì sao trước khi khai sáng văn minh các nước thuộc địa lại không tự khai sáng chính quốc gia mình trước như anh đã nói với một người bạn: "Tại sao người Pháp không "khai hóa" đồng bào của họ trước khi đi "khai hóa" chúng ta?[3] . Anh muốn đến tận nơi, tìm hiểu cặn kẽ trên thực

1 Trần Dân Tiên, *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2001, tr. 23.
2 Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 1, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội. 2002, tr. 477.
3 Trần Dân Tiên, *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1975, tr. 18.

tế tư tưởng tiến bộ "Tự do, Bình đẳng, Bác ái" mà giai cấp tư sản đề cao.

Trong chặng đường vào Nam, anh đã dừng chân tại Phan Thiết, làm trợ giáo tại Trường Dục Thanh. Thời gian này anh được tiếp cận với những tư tưởng tiến bộ của các nhà khai sáng Pháp như Rousseau, Voltair, Montesquieu. Những tư tưởng mới đó chính là nguồn động lực thôi thúc anh tìm đường đi ra nước ngoài.

Như vậy, quyết định ra đi tìm đường cứu nước của Nguyễn Tất Thành là kết quả của một quá trình nghiên cứu kỹ lưỡng những bài học lịch sử của các bậc cha, anh và khảo nghiệm trong lý thuyết và thực tiễn để đi đến nhận thức rằng mọi cách thức dù tiến hành ở trong nước, hay đi ra nước ngoài, sang Trung Quốc, hay Nhật Bản đều không thể thành công. Chính vì vậy, cần phải tìm con đường khác, con đường mới; phải đi ra nước ngoài nhưng theo một hướng khác.

Đó là kết luận rất quan trọng của Nguyễn Tất Thành với lòng yêu nước mãnh liệt và một suy nghĩ táo bạo, một trí tuệ hết sức minh mẫn quyết khám phá bằng được con đường đi đến giải phóng cho đồng bào.

II. Quá trình hình thành tư tưởng cách mạng trong anh thanh niên Nguyễn Tất Thành

Ngày 5-6-1911, anh thanh niên Nguyễn Tất Thành (lúc này lấy tên là Văn Ba) đã lên con tàu Amiral Latouche Tréville của hãng Năm Sao rời Bến cảng Sài Gòn sang Pháp. Trên chặng đường này, anh đã bôn ba nhiều nơi, qua nhiều châu lục, đặc biệt là trực tiếp đến với những trung tâm văn minh lúc bấy giờ như: Anh, Pháp, Mỹ... Theo danh mục các quốc gia mà Nguyễn Tất Thành - Nguyễn Ái Quốc đã đi qua do Bảo tàng Hồ Chí Minh nghiên cứu xây dựng bước đầu thì Người đã đi qua 29 quốc gia và vùng lãnh thổ trong thời gian 30 năm từ 1911 đến 1941. Những nơi Người đi qua có những nơi hết sức phồn hoa đô hội như Anh, Pháp, ...

nhưng cũng có những nơi dân chúng sống trong cảnh cực khổ lầm than như Angiêri, Tuynidi, Cônggô, Đahômây, Xênêgan...

Tại Dacar, anh đã chứng kiến một cảnh tượng hết sức đau xót: "Đến Dacar, bể nổi sóng rất dữ. Tàu không thể vào bờ. Cũng không thể thả canô xuống vì sóng rất to. Để liên lạc với tàu, bọn Pháp trên bờ bắt những người da đen phải bơi ra chiếc tàu. Một, hai, ba, bốn người da đen nhảy xuống nước. Người này đến người kia, họ bị sóng bể cuốn đi"[1]. Và anh rút ra một thực tế đau lòng rằng nhân dân các nước thuộc địa đều là nạn nhân của sự hung ác, vô nhân đạo của chủ nghĩa thực dân.

Khi đến Mỹ cuối năm 1912, anh cũng nhận thấy sự khác biệt trong đời sống của chủ nghĩa tư bản với người dân lao động. Người dân ở đâu cũng bị áp bức, bóc lột tàn bạo bởi giai cấp tư sản núp dưới khẩu hiệu "cộng hòa dân chủ". Năm 1913, Nguyễn Tất Thành đến nước Anh. Tại đây, anh hăng hái tham dự những cuộc diễn thuyết ngoài trời của nhiều nhà chính trị và triết học, tham gia Hội những người lao động hải ngoại, ủng hộ cuộc đấu tranh yêu nước của nhân dân Ireland...

Cuối năm 1917, Nguyễn Tất Thành từ Anh trở lại nước Pháp, địa bàn mà Người chọn là Paris - Trung tâm chính trị, văn hóa không chỉ của nước Pháp mà của cả châu Âu. Anh tích cực hoạt động chính trị, cùng với Phan Văn Trường, Phan Châu Trinh lập ra Hội những người yêu nước Việt Nam.

Thời kỳ này, anh đã làm nhiều nghề, tham gia các sinh hoạt của công nhân, thợ thuyền. Do ở ngay trung tâm của chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa thực dân nên anh có điều kiện quan sát trực tiếp tình cảnh của những người lao động dưới ách áp bức, bóc lột tàn bạo của tư bản ở chính quốc đối với các dân tộc thuộc địa. Từ đó, anh đi đến kết luận: "*Dù màu da có khác nhau, trên đời này chỉ có hai giống người: giống người bóc lột và giống người bị bóc lột.*

1 Trần Dân Tiên, *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1975, tr. 23.

Mà cũng chỉ có một mối tình hữu ái là thật mà thôi: tình hữu ái vô sản"[1].

Đồng thời, anh được trực tiếp thu thập kiến thức, lý luận trong mọi điều kiện có thể: các thư viện ở Paris, ở Luân Đôn, tham gia sinh hoạt luận bàn trong các hội thảo, các câu lạc bộ chính trị, văn hóa (câu lạc bộ Phôbua ở Pháp); từ sách báo, từ mối quan hệ, tiếp xúc với những nhà hoạt động chính trị có tiếng lúc bấy giờ. Quá trình này đã nâng tầm hiểu biết và nhận thức chính trị cho Nguyễn Tất Thành.

Điều này dẫn đến việc năm 1919, Nguyễn Tất Thành gia nhập Đảng Xã hội Pháp, một Đảng tiến bộ lúc đó thường lên tiếng chống lại chính sách áp bức bóc lột của thực dân Pháp ở các nước thuộc địa. Theo anh, đây là "tổ chức duy nhất theo đuổi lý tưởng cao quý của Đại cách mạng Pháp: Tự do, Bình đẳng, Bác ái."[2]

Anh tích cực học tập, nghiên cứu lý luận, đồng thời, tham gia các phong trào đấu tranh chính trị của công nhân và nhân dân lao động ở tất cả những nơi mà anh đã đi qua, trực tiếp chứng kiến, trải nghiệm trong ba mươi năm của hành trình tìm đường cứu nước.

Tại Hội nghị Versailles năm 1919 tại Pháp, anh đã thay mặt Hội những người yêu nước Việt Nam tại Pháp, gửi tới Hội nghị bản *Yêu sách của nhân dân An Nam* dưới tên gọi: Nguyễn Ái Quốc (Nguyễn yêu nước). Đây là một tiếng bom giữa hội nghị, bởi lần đầu tiên, người dân của một nước thuộc địa nhỏ bé dám đưa ra ý kiến của mình, đòi hỏi những quyền cơ bản của mình. Tuy không được đáp ứng nhưng nó là dấu hiệu mới của cuộc đấu tranh của nhân dân Việt Nam trên đường đi tới độc lập dân tộc.

Năm 1920, khi được đọc *Sơ thảo lần thứ nhất những Luận cương về các vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa* của Lênin, Người đã thốt lên: "Đây là cái cần thiết cho chúng ta, đây là con đường giải

1 Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 1, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, tr. 266.

2 Trần Dân Tiên, *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1975, tr. 39.

phóng chúng ta"[1]. Con đường đó là con đường cách mạng vô sản. Luận cương đã chỉ ra cho Nguyễn Ái Quốc con đường giành độc lập, tự do cho người dân nước mình. Từ đó, Người tán thành Quốc tế III, trở thành một trong những người sáng lập Đảng Cộng sản Pháp và là người cộng sản Việt Nam đầu tiên. Cũng từ đây, tư tưởng cách mạng theo mục tiêu giải phóng dân tộc bắt đầu hình thành.

Người xác định: muốn có độc lập, tự do thì các dân tộc bị áp bức không thể ngồi yên chờ đợi, càng không thể trông chờ vào sự "ban ơn" của các thế lực đế quốc, thực dân. Muốn có cuộc sống ấm no, hạnh phúc thực sự thì vấn đề quyết định trước hết là phải giành cho được độc lập, tự do. "Muốn cứu nước và giải phóng dân tộc không có con đường nào khác con đường cách mạng vô sản"[2].

Trong thời gian từ năm 1921 đến năm 1930, mọi hoạt động của Người đều nhằm mục tiêu này. Người hoạt động ở Pháp, dự Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ I Đảng Cộng sản Pháp, tập trung lên án chủ nghĩa thực dân, hoạt động trong *Hội Liên hiệp thuộc địa*, xuất bản báo *Người cùng khổ*... Năm 1923, Người sang Liên Xô để hoạt động, học tập và nghiên cứu về chủ nghĩa Mác - Lênin, tham dự Hội nghị lần thứ nhất Quốc tế Nông dân bàn về liên minh công - nông trên phạm vi toàn thế giới. Năm 1924, Người dự Đại hội V Quốc tế Cộng sản, trong đó, Người đặc biệt quan tâm đến vấn đề thuộc địa và thường xuyên nhấn mạnh với Quốc tế Cộng sản rằng "họ còn thiếu tổ chức, thiếu người lãnh đạo. Quốc tế Cộng sản cần phải giúp đỡ họ tổ chức lại, cần phải cung cấp cán bộ lãnh đạo cho họ và chỉ cho họ con đường đi tới cách mạng và giải phóng"[3]. Các bài báo, bài viết của Người trong giai đoạn này đều tập trung về vấn đề dân tộc và thuộc địa, mối quan hệ giữa cách mạng vô sản ở chính quốc và cách mạng thuộc địa. Người tận dụng mọi cơ hội để người cộng sản ở phương Tây có thể hiểu rõ hơn về thuộc địa.

1 Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 12, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2002, tr. 471.
2 Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 9, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2002, tr. 314.
3 Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 2, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2002, tr. 267.

Cuối tháng 10-1924, Nguyễn Ái Quốc rời Liên Xô sang Trung Quốc, xúc tiến việc chuẩn bị thành lập chính đảng vô sản kiểu mới cho giai cấp công nhân và dân tộc Việt Nam. Người đã xác định rõ việc này khi đặt câu hỏi: "Kách mệnh trước hết phải có cái gì?", đó là: "Trước hết phải có Đảng kách mệnh"[1]. Do vậy, trên cơ sở tổ chức của những thanh niên yêu nước Việt Nam đang hoạt động tại Quảng Châu, Người xúc tiến chuẩn bị mọi việc cần thiết để thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam. Để có một tổ chức có tính chất quần chúng rộng hơn và tập hợp được những thanh niên yêu nước trong và ngoài nước, Nguyễn Ái Quốc đã thành lập *Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên* (6-1925). Người đã tổ chức các lớp huấn luyện chính trị để xây dựng đội ngũ nòng cốt, gửi các thanh niên yêu nước đi học ở các Trường cộng sản như Trường Đại học Phương Đông, Trường Quân sự Hoàng Phố... Nguyễn Ái Quốc chủ trương xuất bản báo *Thanh niên*, cơ quan ngôn luận của *Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên*, nhằm giác ngộ, giáo dục, tuyên truyền cách mạng và truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin vào Việt Nam.

Năm 1927, do tình hình không thuận lợi cho việc ở lại Trung Quốc, Người trở lại Mátxcơva, tiếp tục tìm hiểu, nghiên cứu, đấu tranh cho phong trào cách mạng. Năm 1928, Người về Xiêm, tìm đường trở về Tổ quốc nhưng không thành công. Thời gian này, Người tích cực giúp đỡ, gây dựng phong trào cách mạng trong Việt yêu nước ở Xiêm. Nhờ đó, các tổ chức cách mạng được củng cố và phát triển. Những người cách mạng tiên phong đã nhận thức được tình hình và đứng ra thành lập các tổ chức cộng sản đầu tiên vào nửa cuối năm 1929, đầu năm 1930. Lúc này, trong nước song song tồn tại ba tổ chức Đảng: Đông Dương Cộng sản Đảng (17-6-1929), An Nam Cộng sản Đảng (8-1929), Đông Dương Cộng sản Liên Đoàn (9-1929). Sự tồn tại 3 tổ chức cộng sản biệt lập dẫn đến nguy cơ chia rẽ, phân liệt của phong trào cách mạng Việt Nam là rất cao. Quốc tế Cộng sản đã ra chỉ thị, nêu rõ: "Nhiệm vụ

1 Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 1, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1998, tr. 614.

quan trọng nhất và cấp bách nhất của tất cả những người cộng sản Đông Dương là thành lập một đảng cách mạng có tính chất giai cấp vô sản, nghĩa là một Đảng Cộng sản có tính chất quần chúng ở Đông Dương. Đảng đó phải chỉ có một và là tổ chức cộng sản duy nhất ở Đông Dương"[1]. Năm 1924, khi về công tác ở Trung Quốc, Nguyễn Ái Quốc với tư cách là "phái viên của Quốc tế Cộng sản có đầy đủ quyền quyết định mọi vấn đề liên quan đến phong trào cách mạng ở Đông Dương". Với đầy đủ uy tín và thẩm quyền, sau khi tìm hiểu cụ thể tình hình, Nguyễn Ái Quốc đã triệu tập Hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản tại Hồng Kông vào đầu năm 1930. Ba tổ chức cộng sản được hợp nhất thành Đảng Cộng sản Việt Nam với mục tiêu chính là làm cho Việt Nam hoàn toàn độc lập, thực hiện giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội, giải phóng con người đã tạo những điều kiện phát triển mới vì lợi ích của dân tộc và con người Việt Nam.

Như vậy, trải qua một quá trình đầy khó khăn, gian khổ, thử thách, Nguyễn Tất Thành từ một thanh niên yêu nước tiến bộ đã trở thành một chiến sĩ cách mạng đấu tranh cho độc lập, tự do của dân tộc, trở thành người cộng sản kiên trung theo chủ nghĩa Mác - Lênin. Tư tưởng cách mạng được hình thành qua lý luận, được tôi luyện qua thực tiễn đấu tranh và đưa đến một thành công lớn là thành lập được một tổ chức Đảng cách mạng tiên tiến, vì mục tiêu độc lập dân tộc.

* *

*

Trong suốt chặng đường ba mươi năm, qua 29 quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới, nhận thức, quan điểm và tư tưởng cách mạng đã dần hình thành và trở thành mục tiêu sống của anh thanh niên Nguyễn Tất Thành. Sự phát triển mang tính thời đại đó đã đưa người thanh niên yêu nước Nguyễn Tất Thành trở thành một

1 Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 1, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1998, tr. 614.

nhà hoạt động cách mạng vĩ đại. Người đã nỗ lực cả đời mình để thực hiện mục tiêu cao cả: độc lập dân tộc.

Từ sau khi Đảng Cộng sản Việt Nam được thành lập năm 1930, Nguyễn Ái Quốc tham gia lãnh đạo phong trào cách mạng Việt Nam. Năm 1931, Người bị bắt ở Hồng Kông, nhờ sự giúp đỡ của Quốc tế Cộng sản, của Quốc tế Cứu tế đỏ và trực tiếp là luật sư Loseby, Người đã được ra tù. Năm 1933, Nguyễn Ái Quốc đi Thượng Hải, rồi từ Thượng Hải sang Liên Xô. Năm 1934, Người theo học Trường Quốc tế Lênin, nơi bồi dưỡng lý luận dành riêng cho cán bộ Đảng. Người tiếp tục gửi tài liệu, viết sách bồi dưỡng lý luận cho cán bộ, đảng viên trong nước.

Những năm tháng này, Người tích cực tìm đường về nước để nắm được tình hình cách mạng trong nước một cách trực tiếp. Người đã tìm nhiều con đường như qua Xiêm, Lào, về Trung Quốc qua đường Côn Minh, Quế Lâm... nhưng đều không thành công. Đến năm 1941, Người đã về nước theo hướng Cao Bằng (qua Nậm Bo, xuống Nậm Quang sát biên giới Việt - Trung).

Khi trở về nước năm 1941, Người đã đặt mục tiêu giải phóng dân tộc lên trên hết. Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 8 (5-1941) do Người chủ trì đã ra quyết định thay đổi chiến lược, đặt lợi ích dân tộc lên trên hết, tập trung sức người, sức của, mọi lực lượng yêu nước, đoàn kết toàn thể nhân dân để tạo nên sức mạnh cách mạng to lớn. Chỉ trong vòng 5 năm từ năm 1941 đến năm 1945, Người đã lãnh đạo nhân dân đưa con thuyền cách mạng Việt Nam tới bến với mốc son chói lọi là thắng lợi vĩ đại của cuộc Cách mạng tháng Tám 1945. Cũng trong những năm này, Người đã có bốn sáng lập vĩ đại đối với cách mạng Việt Nam là sáng lập Đảng Cộng sản Việt Nam, sáng lập Mặt trận Việt Minh, sáng lập Đội tuyên truyền Giải phóng quân (tiền thân của Quân đội Nhân dân Việt Nam) và sáng lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Là người dẫn dắt, đào tạo, thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam, tư tưởng của Người đã đặt nền móng lý luận cho cách mạng Việt Nam, chấm dứt cuộc khủng hoảng triền miên trong nhiều năm về đường lối cứu nước. Con đường mà Người đã lựa chọn sau nhiều năm trải nghiệm bôn ba nước ngoài, cùng với thời gian, đã tự chứng minh tính đúng đắn, tính khoa học, phù hợp với trào lưu tiến hóa chung của nhân loại và xu thế phát triển của thời đại.

NGUYỄN TẤT THÀNH VÀ NHỮNG QUYẾT ĐỊNH LỊCH SỬ TRÊN HÀNH TRÌNH TÌM ĐƯỜNG CỨU NƯỚC

TS. NGUYỄN THỊ TÌNH*

Cuộc hành trình tìm đường cứu nước của Bác Hồ kéo dài hơn 10 năm, từ 1911 đến khi Người quyết định đi theo con đường của VI. Lênin, theo Cách mạng tháng Mười, quyết định bỏ phiếu để đảng Xã hội Pháp gia nhập Quốc tế III, Quốc tế Cộng sản và trở thành người cộng sản Việt Nam đầu tiên. Trên chặng đường dài đó, Nguyễn Tất Thành đã trải qua nhiều cuộc lên đường, qua nhiều đại dương và châu lục. Mỗi chặng đường đánh dấu sự trưởng thành của một con người từ thân phận nô lệ trở thành người cách mạng đầy năng lực, một thành viên của đại gia đình cách mạng thế giới. Điều có ý nghĩa vô cùng sâu sắc là sự trưởng thành đó của Nguyễn Tất Thành đã đánh dấu sự tiến bộ của tuổi trẻ Việt Nam đã bắt đầu ý thức được trách nhiệm của mình đối với dân tộc, gắn liền với vận mệnh của dân tộc ta..

1 Cuộc lên đường tháng 6-1911 đánh dấu sự lựa chọn đúng đắn, thông minh, một bước quyết định dũng cảm, đầy ý chí quyết tâm của Nguyễn Tất Thành.

"Hữu trí Tất Thành" đó là ý nghĩa của cái tên mà cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Huy đã đặt cho người con trai thứ ba của mình khi

* Nguyên Giám đốc Bảo tàng Hồ Chí Minh.

làm lễ "vào làng" ở xã Kim Liên, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An vào năm 1901. Tuổi trưởng thành của Bác mang cái tên đầy ý nghĩa và Người đã không phụ lòng mong mỏi và niềm hy vọng của người cha kính yêu của mình và của cả thế hệ người đi trước. Được thừa hưởng tri thức và kinh nghiệm của cha anh, Nguyễn Tất Thành đã sáng suốt chọn được con đường đi của mình. Đó trước hết là đi tìm sự thật của "Tự do - Bình đẳng - Bác ái". Như Nguyễn Ái Quốc đã trả lời nhà thơ Xô viết Ôxíp Manđenxtam, rằng: Khi nghe được những từ này đối với người Việt Nam như anh, người da trắng nào cũng là người Pháp. Người Pháp đã nói thế và từ thuở 13 tuổi ấy Nguyễn Tất Thành đã có ý định đi thực tế xem thực sự những từ ấy là như thế nào.

Đi tìm sự thật bằng cách nào? Một câu hỏi lớn đặt ra cho sự lựa chọn cách đi của Nguyễn Tất Thành. Rõ ràng trong hoàn cảnh đất nước bị nô lệ phụ thuộc, người dân không được hưởng quyền tự do bình đẳng thì đương nhiên để tìm hiểu được thực tế đòi hỏi một con người phải có nghị lực và một quyết tâm lớn. Bằng lao động" *làm bất cứ việc gì để sống và để đi*" Nguyễn Tất Thành đã chọn làm việc trên tàu biển. Đó là cách tốt nhất lúc đó để đến được nhiều nơi, để nhận biết và so sánh rút ra những điều cần thiết cho những lựa chọn tiếp theo. Từ tháng 6-1911 đến trước khi rời nước Pháp sang Liên Xô tháng 6-1923 Nguyễn Tất Thành đã đi qua nhiều nước châu Á, châu Âu, châu Phi, châu Mỹ. Thực tế đã đem đến cho Anh những lời giải đáp quý báu. Đúng như sau này Bác nói với thanh niên rằng: Trường đại học Nhân dân đã dạy Người cách yêu, yêu nước, yêu loài người, yêu dân chủ và yêu hòa bình và căm ghét áp bức, ích kỷ. Nguyễn Tất Thành đã khám phá ra thực chất của cái gọi là Tự do - Bình đẳng - Bác ái ở các nước tư bản là chỉ dành cho người giàu mà thôi. Cả nước Pháp cũng vậy. Ở đó cũng có người nghèo như ở bên xứ sở của mình. "*Tôi muốn đi ra nước ngoài, xem nước Pháp và các nước khác. Sau*

khi xem xét họ làm như thế nào tôi sẽ trở về giúp đồng bào ta". Câu nói tự nhiên, giản dị của Nguyễn Tất Thành với người bạn của mình chứa đựng cả hoài bão và lý tưởng lớn của người thanh niên giàu lòng yêu nước, thương đồng bào. Đó cũng là quyết định có ý nghĩa vô cùng lớn lao trong cuộc đời của Nguyễn Tất Thành, quyết định sự lựa chọn một lý tưởng sống và quyết tâm suốt đời sống vì lý tưởng đã chọn.

Sau khi đã đi khảo sát, nghiên cứu nhiều nước thuộc địa, nghiên cứu kinh nghiệm của cuộc cách mạng tư sản Pháp, cuộc cách mạng tư sản Mỹ, Nguyễn Tất Thành đã rút ra kết luận rất quan trọng, đó là cuộc cách mạng giải phóng dân tộc nói chung, cách mạng Việt Nam nói riêng, sẽ không đi theo các cuộc cách mạng đó. Nhưng sẽ theo con đường nào? Đó vẫn còn là câu hỏi lớn. Tuy nhiên một kết quả rất biện chứng đã diễn ra trong quá trình trưởng thành của Nguyễn Tất Thành. Đó là sau nhiều năm sống, lao động ở nhiều nơi trên thế giới, Nguyễn Tất Thành đã trở lại nước Pháp hòa cùng với cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân và nhân dân lao động Pháp. Quyết định đó đã đem đến cho Nguyễn Tất Thành những điều kiện cần thiết để tiếp thu chân lý của thời đại, tiếp thu ánh sáng của Cách mạng tháng Mười và VI. Lênin vĩ đại.

2. Quyết định bỏ phiếu để Đảng Xã hội Pháp gia nhập Quốc tế III - Quốc tế Cộng sản, trở thành người cộng sản Việt Nam đầu tiên, đánh dấu sự trưởng thành về chất trong nhận thức của Nguyễn Ái Quốc và cũng là quyết định có tính chất bước ngoặt trong lịch sử cách mạng Việt Nam

Khi ánh sáng của cuộc Cách mạng tháng Mười xua tan màn đêm đến với các dân tộc thuộc địa thì ở một phương trời xa xôi, Nguyễn Tất Thành đã được nghe về cuộc cách mạng này. Anh quyết định trở lại nước Pháp, nơi có sự ảnh hưởng rất lớn của cuộc cách mạng này và cũng chính là điểm đến trong xác định

ban đầu của Nguyễn Tất Thành. Trong không khí sôi động của nước Pháp dưới ảnh hưởng của Cách mạng tháng Mười, Nguyễn Tất Thành đã sớm tìm được tổ chức chính trị duy nhất ủng hộ nhân dân các thuộc địa, đó là Đảng Xã hội. Trở thành đảng viên của Đảng Xã hội Pháp năm 1919, Nguyễn Ái Quốc đã được tiếp xúc với những nhân vật nổi tiếng như: Macxen Casanh, Pôn Vayăng Cutuyriê, Gaxtông Môngmutxô... Với ý thức khiêm tốn học hỏi và sự kiên trì, say mê nghiên cứu Nguyễn Tất Thành đã từng bước trưởng thành.

Để đi đến quyết định quan trọng của mình Nguyễn Tất Thành đã trải qua một chặng đường đầy gian khổ. Song không có khó khăn nào ngăn cản được quyết tâm của Anh nhằm tiếp tục đúc kết kinh nghiệm thực tiễn, nghiên cứu lý luận để khẳng định con đường cho cách mạng Việt Nam.

Ở Pháp lúc đó đang diễn ra cuộc đấu tranh gay gắt trong nội bộ Đảng Xã hội xung quanh vấn đề ở lại Quốc tế II hay gia nhập Quốc tế III. Vì chưa có được tiếng nói chung trong nội bộ Đảng nên tháng 6-1920 Đảng Xã hội Pháp đã cử đoàn đại biểu sang Mátxcơva đàm phán với Quốc tế III. Trong đoàn đại biểu đó có Macxen Casanh, giám đốc báo "Nhân đạo", đại diện Nghị viện Pháp và là một đồng chí thân thiết của Nguyễn Ái Quốc. Casanh đã được gặp Lênin, làm việc tại Quốc tế Cộng sản và tham dự Đại hội II Quốc tế Cộng sản. Sự đón tiếp nồng nhiệt của nhân dân Xô viết và trực tiếp tiếp xúc với các đại biểu công nhân Nga đã đem lại những ấn tượng sâu sắc đối với Casanh về nước Nga cách mạng. Tình cảm sâu nặng ấy được Casanh truyền lại cho các đồng chí của mình, rằng giai cấp công nhân Nga tin tưởng sâu sắc vào sự tất thắng sự nghiệp của mình và đang vững bước đi tới thắng lợi.

Cùng thời gian đoàn đại biểu Đảng Xã hội Pháp sang Mátxcơva thì ở Pháp báo Nhân đạo ngày 16 và 17-7-1920 đã đăng toàn văn bản "Sơ thảo lần thứ nhất Luận cương về các vấn đề dân tộc và

vấn đề thuộc địa" của Lênin. Đây là bản Luận cương quan trọng VI. Lênin viết xong tháng 6-1920, chuẩn bị trình Đại hội II Quốc tế Cộng sản. Trong khi phần đông các đảng viên Đảng Xã hội ít quan tâm đến vấn đề thuộc địa nhưng đối với Nguyễn Ái Quốc đây chính là vấn đề mà bao năm đi tìm lời giải đáp, cho nên bài báo rất nhanh chóng thu hút sự chú ý của Anh. Nguyễn Ái Quốc đã đọc bản Luận cương và đã khóc.

Chúng ta hãy tìm hiểu những nội dung quan trọng, những lời tuyên ngôn sâu sắc của Lênin đã làm Nguyễn Ái Quốc cảm động rơi nước mắt.

Toàn văn tác phẩm của Lênin gồm có 12 điều, có thể tóm tắt những điểm chính như sau:

Một là: Lênin đã chỉ rõ trong thời kỳ đế quốc chủ nghĩa thì "tuyệt đại đa số nhân dân trên trái đất bị một thiểu số nhỏ bé những nước tư bản rất mực giàu có, nô dịch về mặt thuộc địa và tài chính". Sự khác biệt này - tức là sự phân chia thành các dân tộc đi áp bức và các dân tộc bị áp bức xuyên suốt tất các luận điểm khác của Luận cương.

Hai là: Mỗi dân tộc đều có quyền tự quyết của mình và Quốc tế Cộng sản phải thừa nhận quyền đó không chỉ trên lời nói mà phải bằng việc làm. Tất cả các Đảng Cộng sản phải trực tiếp ủng hộ các phong trào cách mạng của những dân tộc phụ thuộc hoặc không phụ thuộc, hoặc không được hưởng đầy đủ quyền bình đẳng. Nếu không có điều kiện đặc biệt quan trọng này thì cuộc đấu tranh của các dân tộc thuộc địa chống áp bức, cũng như việc thừa nhận quyền phân lập Nhà nước của họ, chỉ là những chiêu bài dối trá như vẫn thường thấy trong các Đảng của Quốc tế II.

Ba là: Lênin đã chỉ rõ các phong trào giải phóng dân tộc ở châu Á nhằm thủ tiêu ách thống trị nước ngoài giành độc lập dân tộc là một bộ phận cấu thành của vấn đề chung về cách mạng vô sản và chuyên chính vô sản. Cuộc cách mạng giải phóng dân tộc

là một bộ phận của quá trình cách mạng thế giới thống nhất và là một hình thức đặc biệt của cuộc đấu tranh giai cấp. Phong trào giải phóng dân tộc là một bước ngoặt xã hội sâu sắc trong đời sống các dân tộc phụ thuộc, thuộc địa và nửa thuộc địa. Cuộc cách mạng giải phóng dân tộc đó nhằm giải phóng khỏi ách thuộc địa và thủ tiêu trong tương lai mọi hình thức áp bức dân tộc.

Hơn nữa VI.Lênin còn chỉ rõ cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc ở các thuộc địa và cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân và nhân dân lao động trong các nước tư bản chủ nghĩa phải đoàn kết chặt chẽ với nhau. Và để giành thắng lợi cho cuộc cách mạng vô sản trên phạm vi toàn thế giới thì đòi hỏi phải chống những thành kiến dân tộc chủ nghĩa tiểu tư sản hẹp hòi và nêu cao chủ nghĩa quốc tế vô sản, tức là phải đặt "lợi ích của cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản trong phạm vi toàn thế giới".

Bốn là: VI.Lênin chỉ rõ trong điều kiện quốc tế hiện tại với sự ra đời của nhà nước Xô viết - một nhà nước chưa từng có trong lịch sử, thì phong trào giải phóng dân tộc cũng phải hướng về nhà nước Xô viết...Tất cả những sự kiện trong đời sống chính trị thế giới đều không tránh khỏi phải quy tụ vào một điểm trung tâm" đó là cuộc đấu tranh của giai cấp tư sản toàn thế giới chống nước Cộng hòa Xô viết Nga... Tất cả các phong trào giải phóng dân tộc trong các thuộc địa và dân tộc bị áp bức mà kinh nghiệm đau đớn đã làm cho họ tin chắc rằng đối với họ không có con đường cứu vãn nào khác ngoài sự chiến thắng của chính quyền Xô viết đối với chủ nghĩa đế quốc.

Năm là: Trong Luận cương, VI. Lênin đã trình bày quan điểm về khả năng các nước lạc hậu về kinh tế có thể bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa mà tiến thẳng lên chế độ xã hội chủ nghĩa với hai điều kiện:

Có sự giúp đỡ của các nước mà ở đó giai cấp vô sản đã nắm chính quyền.

Sự thức tỉnh của quần chúng ở các nước đó về ý thức chính trị của họ, tức là phải có Đảng Cộng sản lãnh đạo.

Đối với Nguyễn Ái Quốc, Luận cương đã đưa đến cho Người bước quyết định cơ bản trên con đường đi tìm chân lý. Đó là bước ngoặt chuyển từ chủ nghĩa yêu nước sang chủ nghĩa cộng sản khoa học. Thêm vào đó khi Casanh từ Mátxcơva trở về có đem theo bức thư của Đoàn chủ tịch Đại hội II Quốc tế Cộng sản. Trong thư có nói đến quan điểm của Lênin về điều kiện gia nhập Quốc tế Cộng sản. Thư có đoạn: "Không thể để cho giai cấp công nhân Pháp, một giai cấp có truyền thống cách mạng kiên cường, sẵn sàng chiến đấu hy sinh lại không thành lập được một chính đảng hùng mạnh của mình". Được sự cổ vũ đó, cùng với nhiều người bạn Pháp, Nguyễn Ái Quốc như được tiếp thêm sức mạnh và càng tham gia tích cực vào cuộc đấu tranh ủng hộ Cách mạng tháng Mười.

Ngày 13-8-1920, Nguyễn Ái Quốc tham gia vào cuộc mít tinh do Ban thư ký của Đảng Xã hội tổ chức. Anh đã cùng với các đồng chí của mình, những người bạn Pháp hát Quốc tế ca và hô vang các khẩu hiệu "Lênin muôn năm", "các Xô viết muôn năm". Tháng 12-1920, tại Đại hội lần thứ 18 của Đảng Xã hội Pháp, một sự kiện lịch sử trọng đại đã diễn ra đối với dân tộc Việt Nam, Nguyễn Ái Quốc đã quyết định bỏ phiếu để Đảng gia nhập Quốc tế III, trở thành một trong những người sáng lập Đảng Cộng sản Pháp và trở thành người cộng sản Việt Nam đầu tiên.

3. Quyết định đến nước Nga, hoàn tất con đường cách mạng giải phóng dân tộc

Tháng 12-1920 tuy vẫn chưa một lần đến nước Nga nhưng chính VI. Lênin và Cách mạng tháng Mười Nga đã đưa Nguyễn Tất Thành tới quyết định gia nhập Quốc tế Cộng sản. Và cũng chính vì những đóng góp tích cực của Nguyễn Ái Quốc vào phong trào Cộng sản Pháp và phong trào giải phóng dân tộc đã đưa Anh đến với quê

hương của Cách mạng tháng Mười và đất nước của VI.Lênin vĩ đại, được gặp gỡ với các nhà hoạt động chính trị có uy tín trong Quốc tế Cộng sản. Năm 1923, Quốc tế Cộng sản dự định sẽ tổ chức Hội nghị Nông dân Quốc tế và Đại hội V Quốc tế Cộng sản vào dịp cuối năm. Nhân dịp này, đại diện của Quốc tế Cộng sản có mặt tại Đại hội lần thứ II Đảng Cộng sản Pháp là đồng chí Đ. Manuinxki đã chính thức mời Nguyễn Ái Quốc sang Nga tham dự và phát biểu về vấn đề thuộc địa.

Nguyễn Ái Quốc quyết định rời nước Pháp, tạm biệt nơi Anh đã sống trong hơi ấm của giai cấp vô sản, rèn luyện Anh trong những trận chiến đấu công khai đầu tiên chống chủ nghĩa thực dân. Nguyễn Ái Quốc biết rằng con đường đi sang Nga lúc đó là rất khó khăn nguy hiểm nhưng Anh vẫn quyết định lên đường. Đảng Cộng sản Pháp cũng tích cực chuẩn bị cho chuyến đi của Nguyễn Ái Quốc và Anh còn có cả một hậu thuẫn vững chắc bảo vệ, đó là các chiến sĩ cách mạng quốc tế, chung một lý tưởng. Với tuổi 33 Nguyễn Ái Quốc đang tràn đầy nghị lực. Anh lên đường với hành lý chỉ có chiếc va li nhỏ, không có một thứ giấy tờ gì ngoài "*Thị thực quá cảnh*" do cảnh sát Đức cấp cho người du lịch qua các đồn biên phòng. Thị thực ghi: Tên: Chen Vang, đi ra nước ngoài, mục đích: Về nhà không thời hạn.

Xuất phát từ Paris ngày 14-6-1923, ngày 23-6-1923 Nguyễn Ái Quốc đã thực hiện thắng lợi cuộc hành trình tới đất nước của VI. Lênin vĩ đại. Cảng Sài Gòn cũng tháng 6 của 12 năm trước Nguyễn Tất Thành xuống tàu làm thuê với khát vọng khám phá được con đường đi mới cho dân tộc thì tháng 6 lần này Nguyễn Tất Thành lên đường với tư cách của một nhà cách mạng dày dạn kinh nghiệm thực tiễn. Với tất cả sự nồng nhiệt, háo hức Nguyễn Ái Quốc đến quê hương cách mạng, nơi sẽ đem lại cho Anh niềm tin chân lý. Pêtorôgrát đêm trắng tháng 6 với không khí thắm đượm của biển cả và khói nhà máy đầy sức sống của cách mạng vô sản đã đón Nguyễn Ái Quốc. Sau khi lưu lại một thời gian ngắn ở Pêtorôgrát,

Nguyễn Ái Quốc được đưa về Mátxcơva, nơi làm việc của Bộ chỉ huy công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và Bộ tham mưu tối cao của phong trào cách mạnh thế giới do VI. Lênin lãnh đạo.

Nguyễn Ái Quốc là người Việt Nam đầu tiên có mặt ở đất nước Lênin, nơi nhân dân đã và đang thực hiện ước mơ tự do và hạnh phúc. Anh tin tưởng rằng đất nước vĩ đại này sẽ giúp Anh hoàn tất con đường cứu nước mà cả dân tộc Việt Nam đang trông chờ, để tới một ngày đồng bào thân yêu của mình cũng sẽ tiến hành sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội. Niềm tin đó đã trở thành nguồn cổ vũ to lớn đối với Nguyễn Ái Quốc trên chặng đường tiếp theo để đi đến thắng lợi vẻ vang của cách mạng Việt Nam.

Hơn một năm sống và làm việc tại Liên Xô, từ tháng 6-1923 đến cuối năm 1924, được lý luận soi sáng thực tiễn, Nguyễn Ái Quốc đã trưởng thành rất nhiều. Tại đây Người đã chứng kiến và tham gia nhiều sự kiện lịch sử quan trọng như: Hội nghị Quốc tế Nông dân lần thứ nhất, Đại hội V Quốc tế Cộng sản, Đại hội III Quốc tế Công đoàn, Đại hội Thanh niên quốc tế, Phụ nữ quốc tế... Thời kỳ này Nguyễn Ái Quốc còn theo học một khóa ngắn hạn tại trường đại học Phương Đông và làm việc tại Bộ Phương Đông của Quốc tế Cộng sản.

Với tư cách người chiến sĩ cộng sản quốc tế Nguyễn Ái Quốc đã kiên trì đấu tranh không mệt mỏi để bảo vệ và vận dụng sáng tạo tư tưởng của Lênin về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa và trở nên nổi tiếng không chỉ trên các diễn đàn hội nghị mà cả trong những hoạt động xã hội khác. Báo «Sự thật» Liên Xô ngày 10-10-1923 đưa tin: "Hôm nay trong tường thành điện Cremli diễn ra Hội nghị Nông dân toàn thế giới đầu tiên...". Ngày 12-10-1923, báo "Sự thật" lại đưa tin: Tại Hội nghị Nông dân toàn thế gới, đồng chí Nguyễn Ái Quốc đã thay mặt Đông Dương thuộc Pháp phát biểu ý kiến. Diễn giả chỉ ra rằng nông dân Đông Dương bị hai tầng áp bức: Một là với tư cách nông dân nói chung, hai là với tư cách nông dân thuộc địa.

Ngay trong bài phát biểu đầu tiên trên diễn đàn quốc tế, Nguyễn Ái Quốc đã tuyên bố: "Quốc tế của các đồng chí chỉ trở thành một quốc tế khi mà không những nông dân phương Tây, mà cả nông dân ở phương Đông, nhất là nông dân ở các nước thuộc địa là những người bị bóc lột và áp bức nhiều hơn các đồng chí, đều tham gia quốc tế của các đồng chí".

Nguyễn Ái Quốc đã nhiều lần phát biểu tại Đại hội V Quốc tế Cộng sản, nêu rõ quan điểm của mình về cách mạng giải phóng dân tộc, về mối quan hệ của cuộc cách mạng đó với cách mạng ở «chính quốc", về nhiệm vụ của các Đảng Cộng sản và Quốc tế Cộng sản đối với việc thực hiện Luận cương của V. I. Lênin về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa. Nguyễn Ái Quốc đã tuyên bố: Vì chúng ta tự coi mình là học trò của Lênin, cho nên chúng ta cần phải tập trung tất cả sức lực và nghị lực để thực hiện trên thực tế những lời di huấn quý báu của Lênin.

Nguyễn Ái Quốc không chỉ nổi tiếng trên các diễn đàn quốc tế mà còn nhiệt tình tham gia các hoạt động chính trị của nhân dân Liên Xô, nhân dân Mátxcơva. Cuộc mít tinh lớn của nhân dân Mátxcơva chào mừng thành công Đại hội V Quốc tế Cộng sản được tổ chức trên đồi Lênin. Tại đây đã chứng kiến tình cảm yêu mến của nhân dân Liên Xô đối với vị lãnh tụ tương lai của nhân dân Việt Nam. Tình cảm đó chính là nguồn gốc của tình hữu nghị đời đời bền vững của hai dân tộc Việt - Nga.

Cuộc sống sôi nổi, sung sướng ở Liên Xô càng giục giã Nguyễn Ái Quốc trở về Tổ quốc giải phóng đồng bào mình. Trả lời phỏng vấn của phóng viên báo "Unita" của Đảng Cộng sản Ý tại Mátxcơva, tháng 3-1924, Nguyễn Ái Quốc nói: Tôi sẽ trở về Tổ quốc để đấu tranh cho sự nghiệp của chúng tôi. Ở bên chúng tôi có nhiều việc phải làm lắm... Chúng tôi hiểu rõ là chúng tôi có trách nhiệm rất nặng nề, và tương lai của các dân tộc thuộc địa tuỳ thuộc vào sự tuyên truyền và tinh thần hy sinh của chúng tôi. Và Nguyễn Ái Quốc đã là vị lãnh tụ đầu tiên của nhân dân các nước

thuộc địa đem ánh sáng của chủ nghĩa Lênin tổ chức và lãnh đạo cách mạng giải phóng dân tộc của nhân dân Việt Nam thắng lợi, góp phần vào sự phát triển của thế giới trong thế kỷ XX với sự vùng lên của nhân dân bị áp bức đấu tranh vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

Như thế, cuộc lên đường của Văn Ba - Nguyễn Tất Thành ngày 5-6-1911 cũng là bắt đầu cuộc hành trình của dân tộc ta đến với chủ nghĩa Mác - Lênin. Một thế kỷ đã trôi qua nhưng những quyết định quan trọng trên con đường đi tìm chân lý của người thanh niên yêu nước mãi mãi sẽ là những dấu son lịch sử trong thắng lợi vĩ đại của dân tộc ta giành được ở thế kỷ XX. Sài Gòn vinh hạnh là thành phố được mang tên Bác. Đó cũng là lòng tri ân của nhân dân cả nước để đời đời ghi nhớ nơi Bác Hồ rời Tổ quốc thân yêu ra đi, khởi đầu cuộc hành trình cứu dân tộc...

BÁC HỒ HỌC NGOẠI NGỮ ĐỂ TÌM ĐƯỜNG CỨU NƯỚC

NGUYỄN VĂN DƯƠNG*

Sinh thời, ngay từ những năm đầu học ở Vinh, Nguyễn Tất Thành đã được nghe thầy giáo tiếng Pháp dạy rằng: *Muốn đánh Tây thì phải hiểu Tây, muốn hiểu Tây thì phải học chữ Tây*[1]. Và cũng chính "*chữ Tây*" đã giúp Nguyễn Tất Thành nhận ra thực chất của nền văn minh Pháp đối với dân tộc mình; thấu hiểu cái gọi là "tự do, bình đẳng, bác ái" của "mẫu quốc", những kẻ luôn đề cao độc lập dân tộc mình nhưng lại đem khẩu hiệu tự do đi xâm lược áp bức dân tộc khác. Niềm mong mỏi *muốn giải phóng đồng bào mình* đã tạo động lực cho Người ham tìm hiểu nhiều nền văn hóa khác, đặc biệt là đã ***học ngoại ngữ*** trong những hoàn cảnh khó khăn nhất trong hành trình bôn ba tìm đường cứu nước với hai bàn tay trắng của mình.

Khao khát hiểu biết và học hỏi: Từ lúc ra đời đến 5 tuổi, Nguyễn Sinh Cung sống ở quê nhà trong sự chăm sóc đầy tình thương yêu của ông bà ngoại và cha mẹ, lớn lên trong truyền thống tốt đẹp của quê hương, hiếu học, cần cù trong lao động, tình nghĩa trong cuộc sống và bất khuất trước kẻ thù. Nguyễn Sinh Cung ham hiểu biết, thích nghe chuyện và hay hỏi những điều mới lạ, từ các

* Khu di tích Hồ Chí Minh tại Phủ Chủ tịch.

1 "*HoChiMinh:* A life", William.J. Duiker Hyperion House NY 2000. Bản dịch của Nguyễn Thành Nam.

hiện tượng thiên nhiên đến những chuyện cổ tích mà bà ngoại và mẹ thường kể. Những năm đầu, Nguyễn Sinh Cung sống cùng gia đình tại Huế, "có lần vua Thành Thái ngự du Xuân. Cậu Cung nấp mình sau gốc cây, nhằm nhìn trộm vua. Nhà vua chít khăn vàng ngồi chễm chệ trên kiệu, trông như pho tượng. Dân chúng đi đường phải phủ phục xuống lạy vua liên hồi. Tối về cậu Cung đến bên khung cửi, hỏi mẹ: Vua đau chân sao, phải khiêng, mẹ?...; Sao cha không chít khăn vàng như vua cho đẹp, mẹ?....; Ngoài đường, sao con lại thấy lính cũng chít khăn vàng dưới chân. Thế, họ không sợ vua hả, mẹ?... Mỗi lần ra phố, thấy có việc gì xảy ra, cậu Cung thường về hỏi mẹ tận tường ngọn nguồn. Bà mừng là các con sớm mở rộng tầm hiểu biết nhanh chóng và luôn có ý thức nhận biết mọi điều"[1]. Trở lại quê nhà, Nguyễn Tất Thành được gửi đến học chữ Hán với các thầy giáo Hoàng Phan Quỳnh, Vương Thúc Quý và sau là thầy Trần Thân. Các thầy đều là những người yêu nước. Nguyễn Tất Thành được nghe nhiều chuyện qua các buổi bàn luận thời cuộc giữa các thầy với các sĩ phu yêu nước, dần dần hiểu được thời cuộc và sự day dứt của các bậc cha chú trước cảnh nước mất, nhà tan. Ngoài thời gian học tập, Nguyễn Tất Thành thường theo cha đến các vùng trong tỉnh như làng Đông Thái, quê hương của Phan Đình Phùng, thăm các di tích thành Lục Niên, miếu thờ La Sơn phu tử Nguyễn Thiếp, v.v... được theo cha đi khắp nơi và gặp gỡ bạn bè trí thức của cha, các sĩ phu yêu nước, cậu Cung đã biết được nhiều chuyện chính sự. Vốn ham hiểu biết, Nguyễn Tất Thành thường tìm đọc những cuốn sách mà các bậc cha chú thường nhắc tới. Có lần: "Cậu đi bộ ra Vinh để mua sách về lịch sử Việt Nam, không đủ tiền, cậu nán lại, học thuộc lòng để có thể về kể lại cho các bạn bè của mình"[2]. Cuối tháng 5-1906, thân phụ vào kinh đô Huế nhậm chức. Nguyễn Tất Thành cùng đi theo cha và cùng với anh trai được cha cho đi học Trường Tiểu học

1 Đỗ Hoàng Linh, *Hồ Chí Minh hành trình 79 mùa Xuân*, Nxb. Văn hóa Thông tin, 2009, tr. 8.
2 "*HoChiMinh: A life*", William.J. Duiker Hyperion House NY 2000, Bản dịch của Nguyễn Thành Nam.

Pháp - Việt tỉnh Thừa Thiên, lớp dự bị và lớp sơ đẳng. Ngoài việc học ở nhà trường, Nguyễn Tất Thành còn nhờ người mượn sách ở Lầu tàng thư (nơi lưu trữ sách và các loại văn thư của triều Nguyễn) về đọc. Nguyễn Tất Thành ham đọc sách, biết tranh thủ thời giờ nên kỳ nghỉ hè đã đọc được nhiều loại sách quý, chứa đựng nhiều kiến thức mới về khoa học tự nhiên và khoa học xã hội. Những loại sách mới đó còn giới thiệu với bạn đọc thân thế, sự nghiệp và tác phẩm của những nhà khai sáng Pháp ở thế kỷ XVIII. Nguyễn Tất Thành lại háo hức tìm đọc những loại sách của các nhà khai sáng Pháp như Môngtetxkiơ, Rutxô, Vônte…

Trong hành trình tìm đường cứu nước của mình, Người đã đến nhiều nước: châu Á, châu Âu, châu Phi, châu Mỹ Latinh. Người đã làm nhiều nghề để kiếm sống, nhưng trước hết, Hồ Chí Minh luôn có ý thức học hỏi. Người đã tự học, tự nghiên cứu để nâng cao trình độ hiểu biết của mình, nhất là học ngôn ngữ mỗi nước mà mình đi qua, dù chỉ đôi ba câu giao tiếp với người dân bản địa. Sau đó là học nghề để kiếm sống. Người đã làm người phục vụ trên tàu, học viết báo, nhiếp ảnh, kỹ thuật làm bếp và học hỏi rất nhiều về lý luận và thực tiễn cách mạng các nước khác. Hồ Chí Minh có ý chí học nhiều kiến thức, tự học một cách kiên trì, chẳng hạn như cách học viết báo. Sau khi viết xong mỗi bài báo tiếng Pháp, Người đều chép thành hai bản, một bản lưu giữ lại, còn bản kia gửi cho tòa soạn. Từ những bài viết đầu tiên còn ngắn, mắc nhiều lỗi sai, Người đã viết được những bài báo dài kỳ trong đó có những tác phẩm nổi tiếng trên tờ báo *Người cùng khổ*. Ngoài ra, Người còn tham gia Hội Nghệ thuật và Khoa học và Hội Những người bạn của nghệ thuật. Các hội này, mỗi tuần tổ chức những cuộc đi thăm viện bảo tàng, nhà máy, phòng thí nghiệm, xưởng nghệ thuật, nhà hát... có những nhà chuyên môn giải thích các vấn đề ấy. Hồ Chí Minh còn vào cả Hội Du lịch đưa khách đi thăm nước Pháp, và những nước lân cận với giá tiền rất rẻ. Nhờ vậy, Người thăm nhiều nơi ở Pháp, Ý, Thụy Sĩ, Đức và cả Tòa thánh

Vatican. Người từng nói với bạn: "*Trong những ngày nghỉ, không nên tiêu phí tiền bạc, mất thì giờ ở bãi bể để nhìn những người đàn bà đi tắm, mà nên đi du lịch, học hỏi được nhiều*"[1].

Phương pháp học ngoại ngữ của Hồ Chí Minh: Chủ tịch Hồ Chí Minh không có thầy dạy ngoại ngữ nhiều, nên Người đã tìm cách học tự học và tự rèn luyện đến khi đọc thông viết thạo và nói giỏi một ngoại ngữ mới. Hồ Chí Minh đã dùng nhiều phương pháp để học nhiều ngoại ngữ khác nhau trong hoàn cảnh vô cùng khó khăn, Người cũng đã dùng những phương pháp học ngoại ngữ cơ bản và hiệu quả nhất đó là: có niềm yêu thích ngôn ngữ mới và không sợ mắc lỗi khi nói cũng như sử dụng văn phạm: "Những năm Nguyễn Tất Thành học tại Quốc học Huế, bạn bè nhớ lại Thành thường ngồi cuối lớp, ít khi để ý đến những gì xảy ra trong lớp.... Cậu rất giỏi ngoại ngữ và được các thầy cô quý. Tuy học rất giỏi, nhưng giọng nói và điệu bộ nhà quê của Thành thường bị các bạn trêu chọc, do có niềm yêu thích nên Thành không nản"[2]; Người đã học từng từ vựng bằng cách hỏi chính người bản xứ, như những người lính giải ngũ trên tàu, về các đồ vật xung quanh, ghi tên và nhớ cách phát âm của chúng. Người đã học từng chút một mà không có sách hướng dẫn; Người phải vận dụng kiến thức đã biết, bằng cách thường xuyên sử dụng nó. Học cách ghi nhớ, luyện tập những từ đã học, viết các câu, bài luận làm sao sử dụng nhiều nhất những từ vựng đã biết, ghép từng câu ngắn, câu dài, thành đoạn, thành bài văn và Người còn dùng một cách vô cùng hữu ích là tập viết báo bằng thứ tiếng mà mình học. Ngoài ra, Người còn học viết truyện ngắn và kịch, trở thành một người giỏi về sử dụng ngôn ngữ Pháp; Người luôn tạo ra cho mình một "môi trường" ngoại ngữ như ghi từ vựng lên những nơi dễ thấy nhất. Người đã bôn ba khắp các nước, đến đâu là học ngay ngoại ngữ đó, dù hàng

1 Hoàng Kỳ, *Học tập ý chí và phương pháp tự học của Bác Hồ*, báo Giáo dục và Thời đại (Online), tháng 2-2010.

2 *"HoChiMinh: A life"*, William.J. Duiker Hyperion House NY 2000, Bản dịch của Nguyễn Thành Nam.

ngày bận rộn kiếm sống bằng những công việc lao lực. Người học thường xuyên, đều đặn, kiên trì: Có lần nói chuyện với thanh niên, Bác cho biết: *Để học được ngoại ngữ Bác phải kiên trì mỗi ngày học thuộc mười từ, học ở mọi nơi, mọi lúc cho kỳ thuộc, có khi viết các từ đó lên cánh tay để vừa làm vừa nhìn vào đó cho nhớ. Hôm sau lại học mười từ khác, cứ thế mà tích lũy dần như ta bỏ tiền tiết kiệm hàng ngày vào ống. Bằng cách đó, dần dần Bác đã học được rất nhiều ngoại ngữ.* Một lần khác, Bác tâm sự với nữ nhà báo Pháp Mađơlen Rípphơ: *"Trước kia, hồi Bác mới trưởng thành, Bác đi làm phụ bếp, nấu bếp trên một chiếc tàu, con có biết Bác đã học tiếng Pháp của con như thế nào không? Bác quyết tâm mỗi ngày phải biết thêm 10 chữ, không cần nhiều hơn, nhưng không được kém. Bác viết 10 chữ ấy lên tay áo, vừa làm Bác vừa học thuộc lòng"*[1]. Tuy Người có biết tiếng Pháp vì đã được học trong thời gian theo học ở trường Quốc học Huế nhưng chưa có đủ vốn để viết sách báo. Người đã phải học viết từng đoạn ngắn, tập viết dài rồi tập rút ngắn lại. Cứ kiên nhẫn vừa viết vừa sửa và rút kinh nghiệm, Hồ Chí Minh đã viết được báo bằng tiếng Pháp.

Sau đó, Nguyễn Tất Thành sang Anh và học thêm tiếng Anh ở Luân Đôn. Người muốn học được nhanh và thuận lợi hơn nên sang Anh để có môi trường tiếng Anh tốt hơn ở Pháp. Trong tờ báo *Phong trào*, Rơnê Đipét có viết rằng: "Trên đường đi tìm hiểu thế giới, ở mỗi nơi tàu dừng lại, đối với anh Ba, đều là một trường đại học, ở đó anh đã trực tiếp thu lượm được những hiểu biết về sự tàn bạo của bọn tư bản. Tuy vậy, anh cảm thấy cần phải mở rộng kiến thức của mình bằng sách vở... Ở Luân Đôn, tại đây anh đã làm nhiều nghề khác nhau để có tiền ăn học. Trong thời gian chiến tranh, anh đã để thì giờ để nghiên cứu lịch sử thế giới, học tiếng Anh và suy nghĩ về tương lai của các dân tộc thuộc địa"[2].

1 Trần Dương, *Ánh mắt Bác Hồ*, Nxb. Thanh niên, 2007, tr. 88.

2 Trung tâm Thông tin công tác tư tưởng (Ban Tuyên giáo Trung ương), *117 Chuyện kể về tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh*, Nxb. Chính trị Quốc gia, 2008, tr. 153.

Lúc sang Đức để đi Liên Xô, Người đã tranh thủ học tiếng Đức. Ngày 16 tháng 1 năm 1964, nói chuyện với cán bộ ngoại giao Bác nói: *"Ở Đức thì điều kiện học hành có khá hơn, biết tiếng Pháp tiếng Anh nên cũng học chóng hơn"*.

Không chỉ ở Pháp, ở Anh hay ở Đức, khi sang Liên Xô, Nguyễn Ái Quốc cũng đã cố gắng học tiếng Nga. Lúc đầu, Người mới nghe và nói được một số câu thông thường dùng trong đời sống hàng ngày. Sau đó, Người tiếp tục vừa làm, vừa học, tranh thủ mọi thời gian để học, Người đã tiến bộ không ngừng. Trong hồi ký của bác sĩ Anna Xtaxia Vaxilépna có viết: "Nguyễn Ái Quốc nói tiếng Nga thoải mái, tự nhiên như người Nga.... Người biết nhiều thứ tiếng mà coi tiếng Nga là tiếng mà người cách mạng nào cũng phải biết"[1]. Người không chỉ nói thông thạo tiếng Nga mà còn viết được bài cho một số tờ báo, Tạp chí Liên Xô như: *Đời sống công nhân Balinsky, Tiếng còi, Tạp chí Đỏ, Thời mới, Sự thật*... bằng tiếng Nga[2]. Thời kỳ Nguyễn Ái Quốc ở Nga, Người làm quen với họa sĩ người Thụy Điển tên là Erich Giôhanxơn. Ngày 26-12-1967, trong tờ báo Buổi chiều, Thụy Điển, ông Giôhanxơn đã viết về Hồ Chí Minh như sau: "Trong thời gian gặp nhau ngắn ngủi khoảng 4 tháng, Người đã học được rất nhiều tiếng Thụy Điển và Người đã có thể làm cho người Thụy Điển hiểu một cách dễ dàng"[3]. Người có thể nói được nhiều thứ tiếng như vậy chính là nhờ tinh thần tự học, cộng với phương pháp học khoa học, Người đã thành công! Về sau này, mỗi khi hoạt động cách mạng ở bất cứ quốc gia nào, Người đều luôn cố gắng để nói được tiếng của quốc gia đó. Đó là tiếng Hán, Pháp, Anh, Nga, Đức, Tây Ban Nha, Thái Lan ...

Khó khăn, khổ cực không cản trở được sự ham học và tự học của Người: Ngay từ khi Nguyễn Tất Thành đang tuổi thanh niên, mang tên là anh Ba, trên con tàu sang Pháp năm 1911, anh Ba đã phải làm việc rất cực khổ, nhưng vẫn có ý chí vượt khó say

1 Trần Đương, *Ánh mắt Bác Hồ*, Sđd, tr. 37.

2 Trung tâm Thông tin công tác tư tưởng (Ban Tuyên giáo Trung ương), *117 Chuyện kể về tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh*, Sđd, tr. 154.

3 40 năm khu di tích Hồ Chí Minh tại Phủ Chủ tịch: Thông tin tư liệu, số đặc biệt, tr. 90 - 91.

sưa tự học: "trên chuyến tàu Amiral Latouche Trevillé sang Pháp, Người lấy tên Văn Ba, xin làm phụ bếp và phải thức dậy từ 4 giờ sáng, làm quần quật đến tận 9 giờ đêm, sau đó, Người còn dành 2 giờ học tiếng Pháp, trong khi những người khác lăn ra ngủ. Người thanh niên giàu nghị lực ấy suy nghĩ, muốn tuyên truyền cho nước mình không thể không viết được chữ Pháp. Vậy nên, mỗi lúc rảnh rỗi, anh Ba đều tìm đến hai người lính trẻ được giải ngũ đi cùng chuyến tàu để học đọc và học viết tiếng Pháp.... Học được chữ nào, anh ghép chúng lại thành câu thực hành ngay. Ban đầu, anh Ba tập ghép một vài từ, sau ghép thành đoạn, dần dần tập viết thành bài dài. Một thời gian sau, Người tìm đến các tờ báo của Pháp để xin được viết bài đăng báo. Từ những bài viết đầu tiên còn ngắn, mắc nhiều lỗi sai, Người đã viết được những bài báo dài trong đó có những tác phẩm nổi tiếng trên tờ báo Người cùng khổ"[1]. Chủ tịch Hồ Chí Minh cho rằng muốn nâng cao kiến thức cần có tinh thần vượt gian khổ để học tập. "Thời gian Bác sống ở Paris, rất cực khổ. Bác thuê phòng trọ nhỏ trong một khách sạn rẻ tiền, mỗi buổi sáng nấu cơm trong một cái sanh nhỏ đặt trên ngọn đèn dầu. Cơm ăn với một con cá mắm hoặc một ít thịt, ăn một nửa còn một nửa dành đến chiều. Có khi, một miếng bánh mì với một miếng phómát là đủ ăn cả ngày. Mùa đông lạnh, buổi sáng trước khi đi làm, Bác để một viên gạch vào lò bếp của khách sạn, chiều về lấy ra, bọc nó vào trong những tờ báo cũ, để xuống nệm cho đỡ rét. Thường thường, Bác chỉ làm việc nửa ngày vào buổi sáng để kiếm tiền, còn buổi chiều đi đến thư viện hoặc dự những buổi nói chuyện. Tối đến, Bác đi dự những cuộc míttinh. Hầu hết những buổi míttinh Bác đều phát biểu ý kiến và khéo lái những vấn đề thảo luận sang vấn đề thuộc địa. Bác làm quen với những nhà chính trị, nhà văn để nâng cao trình độ chính trị và văn học của mình"[2].

1 Tuấn Anh, *Phương pháp học ngoại ngữ của Chủ tịch Hồ Chí Minh*, báo *Bảo vệ Pháp luật*, 2008.

2 Hoàng Kỳ, *Học tập ý chí và phương pháp tự học của Bác Hồ*, báo Giáo dục và Thời đại (Online), tháng 2-2010.

"Thời gian ở nước Anh, lúc đầu anh Ba nhận việc cào tuyết trong một trường học, mình mẩy dẫm mồ hôi mà tay chân thì rét cóng nên lại thay bằng việc đốt lò. Từ 5 giờ sáng cùng một người nữa, chui xuống hầm để nhóm lửa, suốt ngày đổ than, thay than trong lò. Trong hầm rất nóng, ngoài trời rất rét, và không có đủ quần áo, anh Ba bị cảm, phải nghỉ việc. Tuy vậy, anh Ba vẫn không ngừng việc học. Với số tiền để dành, anh Ba trả tiền trọ, tiền ăn, và sáu bài học tiếng Anh. Sau đó, anh Ba xin vào làm phụ bếp trong khách sạn Carlton. Thường ngày, Người phải làm từ 8 đến 12 giờ, chiều từ 5 đến 10 giờ. Phương tiện học là vài quyển sách và một cây bút chì. Sớm chiều, anh Ba đến ngồi ở công viên Hyde Park nơi có nhiều cây to, cột đèn cổ để học. Có lần, khi đến thăm một lớp học, Người nói rằng, học tiếng nước ngoài phải kiên nhẫn, vượt khó, có lúc anh Ba phải ra công viên Haydơ học vì "ở đấy lạnh không buồn ngủ"[1].

Sau này ở các nước khác, để hoạt động cách mạng, Hồ Chí Minh vẫn tự học và sử dụng được tiếng Anh để đọc sách, giao tiếp. Không chỉ đối với tiếng Anh là ngôn ngữ thông dụng quốc tế, ở nước nào, Người cũng chú ý học ngôn ngữ nước đó để có điều kiện hoạt động được tốt. Khi Nguyễn Ái Quốc đến nước Nga, Người học tiếng Nga ngay. Chỉ sau hai ngày Người đã giao tiếp được một số từ bằng tiếng Nga với một người bạn do đồng chí Casanh, lãnh tụ Đảng Cộng sản Pháp đang ở Liên Xô, cử đến gặp. Sau này, ta biết Nguyễn Ái Quốc cũng chỉ ở Nga thời gian không nhiều nhưng đã làm được việc phiên dịch. Thời gian ở Trung Quốc, Người đã tìm đến làm phiên dịch cho ông Bôrôđin, cố vấn chính trị của bác sĩ Tôn Dật Tiên của Chính phủ Quảng Châu. Khi phải lánh sang hoạt động ở Thái Lan, và ở đây Bác lại tự học tiếng Thái. "Khi hoạt động bí mật ở Xiêm (Thái Lan bây giờ), muốn gây thiện cảm với nhân dân địa phương, gần gũi họ để dễ bề hoạt động cho Cách mạng Việt Nam, Bác đã trao đổi với các cán bộ cùng đi là cần phải

1 Trung tâm Thông tin công tác tư tưởng (Ban Tuyên giáo Trung ương), *117 Chuyện kể về tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh*, Nxb. Chính trị Quốc gia, 2008, tr. 153, 154.

học tiếng Thái càng sớm càng tốt. Ai cũng hoan nghênh, và mọi người đều sốt sắng thực hiện chủ trương đó. Có người hăng hái đề ra mỗi ngày phải học 50 từ mới, người này thì 40 từ, người kia thì 30 từ... Bác cười và căn dặn: "Tùy các chú, nhưng phải đều đặn và liên tục thì mới có kết quả". Mọi người vâng vâng, dạ dạ, nhưng chỉ hăng hái được vài ngày đầu, thấy học tiếng nước ngoài khó quá, nản và sau bỏ dần. Với Bác Hồ, mỗi ngày Bác chỉ học 20 từ Thái thôi. Ngày nào bận công tác đoàn thể thì hôm sau Bác quyết học bù cho đủ. Âm thầm, lặng lẽ, kiên trì, đều đặn và liên tục, nên sau 3 tháng kết quả thật khả quan: Bác đã đọc thông, viết thạo tiếng Thái"[1].

Thông thạo nhiều ngoại ngữ là lợi thế đặc biệt của người lãnh đạo: Hồ Chí Minh thông thạo nhiều ngoại ngữ. Trong bản khai lý lịch tham dự Đại hội lần thứ VII Quốc tế Cộng sản họp ở Mátxcơva vào tháng 7 và 8 năm 1935, Bác Hồ với bí danh là Lin đã khai ở mục thứ 18, biết "tiếng Pháp, tiếng Anh, tiếng Quảng Đông, tiếng Ý, tiếng Đức". Nhưng trên thực tế, dựa vào những lần Bác đi thăm nước ngoài, cũng như những lần đón tiếp các phái đoàn ngoại giao tới thăm Việt Nam, chúng ta được biết Người còn có thể sử dụng thông thạo khá nhiều ngoại ngữ khác nữa như: tiếng Thái, tiếng Nga ,....Chính sự khổ công luyện tập đã đem đến cho Người vốn ngoại ngữ đặc biệt giàu có. Nhờ sự đa dạng về ngôn ngữ đã đem đến nhiều tiện lợi trong suốt hành trình cứu nước và lãnh đạo đất nước của Hồ Chí Minh. Thời kỳ còn học trường Quốc Học Huế, *Nguyễn Tất Thành tham gia phong trào chống thuế của nông dân Trung kỳ ở Huế với vai trò là người thông ngôn (phiên dịch) những yêu cầu của nông dân với các quan người Pháp, như Hồi ký của đồng chí Vũ Kỳ (thư ký riêng của Bác) đã ghi lại.* Thời gian hoạt động ở Trung Quốc, Nguyễn Ái Quốc đã dịch một số tờ báo Trung Quốc sang tiếng Anh. Khi sống ở nước ngoài, việc hiểu ngôn ngữ bản xứ như một "phương tiện" để nắm bắt nhanh

1 Phạm Văn Vĩnh, *Bác Hồ học ngoại ngữ*, đăng trên báo Hà Nội mới cuối tuần số đặc biệt Kỷ niệm 110 năm Ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh (19-5-1890 - 19-5-2000).

tình hình, hòa nhập vào xã hội. Năm 1946, Hồ Chí Minh sang thăm chính thức nước Pháp, tại đây Người đã phát biểu trước các phương tiện truyền thông quốc tế bằng tiếng Pháp. Cũng nhờ có vốn ngoại ngữ phong phú và sự hiểu biết của mình mà ngày 12-10-1954, trong một cuộc họp báo ở Sơn Tây. Nhiều nhà báo nước ngoài đã phỏng vấn Chủ tịch Hồ Chí Minh. Khi đó, Người đã ra hiệu cho đồng chí phiên dịch không cần dịch, Người tự nghe phóng viên báo *Sự Thật* (Liên Xô) hỏi bằng tiếng Nga và Người cũng tự trả lời bằng tiếng Nga. Sau đó, Người còn nói chuyện bằng tiếng Ý với phóng viên của Tạp chí *Đoàn Kết* (Ý), nói bằng tiếng Anh với phóng viên báo *Công Nhân* (Anh) và trả lời bằng tiếng Pháp cho phóng viên báo *Nhân Đạo* (L' Humanité, Pháp). Có một tờ báo ở Hồng Kông viết: "Sau thắng lợi lừng lẫy ở Điện Biên Phủ, Chủ tịch Hồ Chí Minh tổ chức một buổi chiêu đãi có khá nhiều khách quốc tế đến dự. Nỗi khổ tâm của khách là sự bất đồng ngôn ngữ... Trước tình hình đó, Chủ tịch Hồ Chí Minh đích thân phiên dịch nhiều thứ tiếng. Và cũng chính vì thế, người ta mới có dịp được biết Cụ thông thạo nhiều ngôn ngữ đến thế. Mọi người có mặt hết sức ngạc nhiên vì đây là một nhà chính trị, nhà quân sự miệt mài nơi núi rừng Việt Bắc lại nói lưu loát các thứ tiếng: Trung, Anh, Pháp, Nga... như vậy. Người nói trôi chảy tự nhiên và rất chuẩn. Tài ngoại giao của Người khôn khéo và linh hoạt. Trong số các vị lãnh tụ trên thế giới, đây là hiện tượng hiếm có. Chính cuộc đời hoạt động sôi nổi ở nhiều nước đã tạo điều kiện để lãnh tụ Hồ Chí Minh tiếp xúc với nhiều ngoại ngữ. Phải thừa nhận rằng Cụ Hồ Chí Minh là một thiên tài về ngoại ngữ. Cụ có thể nói chuyện bằng tiếng Nga với Stalin, thảo luận với Mao Trạch Đông bằng Trung văn, trao đổi ý kiến với các lãnh tụ Đảng Cộng sản Pháp bằng tiếng Pháp, trả lời với các nhà báo bằng tiếng Anh...". Bài báo kết luận: "Quả thật, có thể xếp Hồ Chí Minh vào hàng cự phách trong lĩnh vực ngôn ngữ một cách xứng đáng, đầy tự hào"[1]. Để có được vốn ngoại ngữ nhiều như thế chính là nhờ tự

1 Trần Đương, *Trí nhớ đặc biệt của Bác Hồ*, Nxb. Thanh niên, 2009, tr. 101 - 103.

học. Có lần Bác từng nói: "*Biết tiếng nước người ta dễ gây cảm tình lắm, gặp người dân thường mình cũng nói chuyện được dăm ba câu, nói được thì gây ảnh hưởng tốt lắm!*"[1]. Sau này trên cương vị Chủ tịch một nước, Người đã dẫn đầu nhiều đoàn đàm phán đi nước ngoài và trực tiếp đàm phán bằng ngôn ngữ của nước họ.

Từ thông thạo ngôn ngữ và hiểu biết văn hóa tới bí quyết ngoại giao Hồ Chí Minh: Khi Hồ Chí Minh học ngoại ngữ, nhờ tìm hiểu về ngoại ngữ song song với tìm hiểu văn hóa nên không những học nhanh, Người còn hiểu được phần nào con người và có cách tiếp cận với lãnh đạo và nhân dân nước đó. Khi sống tại Pháp, Bác đã dạy trẻ em hát bài hát vùng Pirênê, khiến cho chính người bạn Pháp cảm thấy bất ngờ. Sống cùng với những người dân bản địa, Bác đã luôn để lại cho họ những ấn tượng tốt về một người thanh niên ham học, ham làm và hòa nhập với văn hóa nước họ. Đặc biệt, người rất trân trọng trẻ em, phụ nữ và người già, nên dễ dàng tạo thiện cảm với những người xung quanh. Đi mỗi nơi, Người đều nghiên cứu, tìm hiểu phong tục tập quán và biết cách "nhập gia tùy tục". "Trong một chuyến đàm phán với quân Tưởng, cho thấy Hồ Chí Minh vô cùng am hiểu người Trung Quốc. Người là Bộ trưởng Ngoại giao khi đó, đã dặn các cán bộ không dùng chữ "ủy viên" mà dùng chức "Tham Nghị" bởi vì "Chức Tham Nghị là chức rất phổ biến trong bộ máy chính quyền của Tưởng. Coi nó to cũng được, nhỏ cũng được, rất quan trọng cũng được, chẳng quan trọng gì cũng được. Anh là Tham Nghị thì anh nói đúng cũng được, anh nói sai thì cũng chẳng ai thèm trách cứ và càng dễ cải chính". Chuyện tưởng đơn giản, đi vào tiểu tiết, câu chữ, mà thật ra cho thấy sự khôn ngoan và thấu hiểu đối phương của Bộ trưởng Ngoại giao Hồ Chí Minh. Người dặn ông Thụy phải khắc con dấu tên mình trong các giấy tờ giao thiệp với quân Tưởng, vì người Trung Quốc chỉ tin vào chữ ký kèm có con dấu, chữ ký không có con dấu thì họ coi là kém hiệu lực[2]. Năm 1958, Bác Hồ sang thăm

1 *40 năm Khu di tích Hồ Chí Minh tại Phủ Chủ tịch: Thông tin Tư liệu*, số đặc biệt, tr. 90 - 91.
2 Theo *Hồi ký của ông Nguyễn Đức Thụy* (1910 - 1990).

Ấn Độ. Theo lời kể của ông Nguyễn Dy Niên - người phiên dịch tiếng Hindu dịp đó kể lại, trong chuyến thăm này, tại một bữa tiệc do Thủ tướng Nehru chiêu đãi Bác Hồ có món thịt gà địa phương rất nổi tiếng. Người Ấn Độ khi ăn cơm không dùng thìa, dĩa mà dùng tay để cầm thức ăn. Lúc đó, Bộ trưởng Ngoại giao Ấn Độ cũng muốn dùng tay để ăn, nhưng tại bữa tiệc quốc tế, người ta phải dùng dao, thìa, dĩa cho lịch sự. Khi món thịt gà được đưa ra, các quan khách Ấn Độ có vẻ không quen dùng dao, dĩa. Bác Hồ rất tinh ý, Người nói với Thủ tướng Nehru: *"Thịt gà phải ăn bằng tay thì mới ngon chứ còn ăn bằng thìa, dĩa thì khác nào nói chuyện với người yêu lại phải qua ông phiên dịch?"*[1]. Nghe Bác Hồ nói vậy, cả bàn tiệc cười ầm cả lên làm cho không khí bữa tiệc hôm đó rất vui vẻ và thân mật. Đó chỉ là một vài bí quyết trong số nhiều bí quyết ngoại giao Hồ Chí Minh mà sách vở chưa ghi chép hết được. Người đã trở thành một "Đại sứ" của đất nước chính nhờ sự tinh ý và ham hiểu biết từ thời trẻ.

Hồ Chí Minh - Tấm gương học đi đôi với hành: Chủ tịch Hồ Chí Minh là một người ham học hỏi không chỉ từ còn nhỏ mà còn cả suốt cuộc đời. Và không khó nhận ra cần phải thực hành để những điều đã học "ngấm" vào mình. Người học trong công việc, cuộc sống nhiều hơn là học sách vở. Năm 1961 khi Bác về thăm quê lần thứ hai, nói chuyện với các cụ già, Bác tâm sự: *"Tôi năm nay 71 tuổi, ngày nào tôi cũng phải học. Công việc cứ tiến mãi, ngày càng nhiều, ngày càng mới, không học thì không theo kịp, công việc sẽ gạt mình lại phía sau"*. Và Bác nhắc nhở các lãnh đạo xã, huyện đang có mặt: *"Một mặt Đảng phải đào tạo, dìu dắt đồng chí trẻ, một mặt đảng viên già phải cố gắng mà học"*[2]. Bác vẫn áp dụng cách học ấy cho đến cuối cuộc đời. Trong những ghi chép cuối cùng của Bác vẫn còn rất nhiều từ ngữ, định nghĩa chuyên môn về khoa học mà Người ghi chép để học, để tìm hiểu và áp dụng trong quản lý và lãnh đạo đất nước.

1 Theo *Kể chuyện tài ngoại giao của Bác Hồ*, website Bộ Ngoại giao.
2 Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 10, Sđd, tr. 465.

Nhận xét về Hồ Chí Minh, tờ báo *Diễn đàn Nhân dân Ba Lan* đã viết: "Mặc dù tuổi cao, Người không những giữ được hình dáng trẻ trung mà còn giữ được sự trong sáng và trí tuệ minh mẫn của người trai trẻ"[1]. Tự học là hoạt động có mục đích của con người, là điều cần thiết trong quá trình tiếp nhận tri thức. Với Chủ tịch Hồ Chí Minh, tự học có vai trò đặc biệt quan trọng, là một trong những yếu tố quyết định tạo nên trí tuệ của Người. Trong lý lịch tự khai tại Đảng Cộng sản Pháp cũng như tại một số đại hội, hội nghị của Quốc tế Cộng sản, Bác thường khiêm tốn ghi ở phần trình độ học vấn là: Tự học. Hay nói chuyện tại hội nghị chuyên đề sinh viên quốc tế họp tại Việt, Chủ tịch Hồ Chí Minh tâm sự: *"Về văn hóa tôi chỉ học hết tiểu học. Về hiểu biết phổ thông: 17 tuổi tôi mới nhìn thấy ngọn đèn điện lần đầu tiên, 20 tuổi mới nghe rađio lần đầu"*[2]. Nhưng chúng ta ai cũng biết, Người có một trình độ học vấn rộng lớn, uyên bác mà cả thế giới phải khâm phục và thừa nhận. Nhà nghiên cứu Vasiliep đã viết: "Hiếm có chính khách nào của thế kỷ XX có thể sánh được với Hồ Chí Minh về trình độ học vấn, tầm hiểu biết rộng lớn và sự thông minh trong cuộc đời..."[3].

Bác Hồ là tấm gương kiên trì, tự học ngoại ngữ suốt cuộc đời, nói đúng hơn là không bao giờ ngừng tự học. Và với Bác, quan niệm: "Học ở trường, học trong sách vở, học lẫn nhau và học dân". Cuộc đời hoạt động cách mạng của Người cũng chính là cuộc đời tự học bền bỉ. Làm cách mạng bằng tự học và tự học để làm cách mạng, hai việc này luôn tương hỗ cho nhau. Chỉ nói riêng việc học ngoại ngữ và học viết báo của Bác là đủ rõ. Ra đi tìm đường cứu nước, vừa bước chân xuống tàu, Người đã tranh thủ học tiếng Pháp ở mọi lúc, mọi nơi có thể, mỗi ngày học mấy từ thật chắc, ngày nào cũng như ngày nào, để đến khi sang Pháp, và sau đó, viết

1 *40 năm Khu di tích Hồ Chí Minh tại Phủ Chủ tịch: Thông tin Tư liệu*, số đặc biệt, tr. 90-91.
2 Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 10, Sđd, tr. 389.
3 Ủy ban Khoa học xã hội, *Về cách mạng Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh*, Nxb. Khoa học Xã hội, 1990.

báo và viết truyện ngắn bằng tiếng Pháp. Mà sau này có một đại sứ nước ngoài công tác tại Việt Nam đã viết: "Chúng tôi rất thấm thía về lời khuyên bảo của Bác, một người đã từng bôn ba cứu nước và trải qua nhiều khó khăn gian khổ, nhng đã tinh thông hàng chục thứ tiếng nước ngoài. Nhiều tiếng, Bác thông thạo đến mức "xuất khẩu thành văn"[1]. Hồ Chí Minh đã tự rút kinh nghiệm trong việc học viết của mình: *"Viết cũng như mọi việc khác, phải có chí, chớ giấu dốt, nhờ tự phê bình và phê bình mà tiến bộ, quyết tâm thì việc gì, khó mấy cũng làm được"*[2]. Người học ngoại ngữ, học viết báo, nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lênin, nghiên cứu và tiếp thu có chọn lọc tinh hoa văn hóa nhân loại, đặc biệt là văn hóa phương Đông và văn hóa phương Tây.

Hồ Chí Minh truyền đạt kiến thức cho mọi người bằng những ngôn từ giản dị nhất: Từ kinh nghiệm tự học suốt đời của mình nên Bác đã truyền dạy tất cả những gì mình biết cho người khác bất cứ khi nào có thể. Và phương pháp truyền thụ của bác vô cùng giản dị, dễ hiểu với một thái độ ôn tồn và khích lệ người học. Vì vậy, Bác đã dạy *"việc học tập phải xuất phát từ yêu cầu thực tế thiết thực, không phô trương, hình thức, phải học cặn kẽ, thấu đáo, cụ thể và sâu sắc đến tận bản chất vấn đề"*[3]. Theo bà Irênê Môđê, một người Đức đã nhiều lần được cử làm phiên dịch tiếng Pháp cho Bác Hồ, viết trong hồi ký của mình rằng, một lần đến thăm Bảo tàng tranh ở thành phố Đrexđen, bà không ngờ Bác Hồ - vị lãnh tụ cách mạng vĩ đại lại có những hiểu biết sâu sắc về hội họa đến thế! "Hôm ấy tôi đã làm việc rất căng thẳng, vì nhiều khái niệm hội họa rất xa lạ với tôi, tôi tỏ ra lúng túng thực sự. Tuy vậy, tôi vẫn hào hứng, vì qua đấy tôi học được nhiều điều quý giá từ kiến thức và ngôn ngữ của Bác Hồ"[4]. Một cán bộ phiên dịch khác là Uadula Bâyrôithơ nhận xét: "Tiếng Pháp của Người rất

1 Trần Đương, *Trí nhớ đặc biệt của Bác Hồ*, Nxb. Thanh niên, 2009, tr. 101-103.
2 Phan Quang, *Ba lần hạnh phúc của Bác Hồ*, Tạp chí *Người làm báo*, 2010.
3 Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, Nxb. Chính trị Quốc gia - Sự thật, 2000.
4 Trần Đương, *Trí nhớ đặc biệt của Bác Hồ*, Nxb. Thanh niên, 2009, tr. 101-103.

chuẩn xác, rõ ràng, dễ hiểu, không hề cầu kỳ, phức tạp. Thật sung sướng được dịch cho một vị lãnh tụ như vậy"[1].

Người biết và sử dụng thông thạo nhiều ngoại ngữ là nhờ tự học chứ không qua một trường đào tạo chính quy nào. Người học ở sách báo, đồng nghiệp, bạn bè, nhân dân. Người học từ thực tiễn sinh động ở các nước đế quốc, nước thuộc địa trên thế giới. Phát biểu với sinh viên trường đại học Băng Đung trong chuyến thăm Indonesia năm 1959, Người nói: "*Khi còn trẻ tôi không có dịp đến trường học. Cuộc sống, du lịch và làm việc là trường đại học của tôi. Trường đại học ấy đã dạy cho tôi khoa học xã hội, khoa học quân sự, lịch sử và chính trị. Nó dạy cho tôi yêu nước, yêu loài người, yêu dân chủ và hòa bình; căm ghét áp bức, ích kỷ...* "[2].

Đó chính là bài học sâu sắc về tấm gương tự học viết văn, viết báo, nhất là tự học ngoại ngữ... của Bác Hồ với một nghị lực vượt khó không mệt mỏi, tinh thần chủ động và một phương pháp học hiệu quả để tìm ra con đường cứu nước, giải phóng dân tộc Việt Nam nói riêng và sự nghiệp đấu tranh của nhân dân tiến bộ trên thế giới nói chung. Ngày nay, công lao to lớn của Chủ tịch Hồ Chí Minh và những bài học về *tự học ngoại ngữ* mà Người để lại trong quá trình 30 năm đi tìm đường cứu nước giải phóng dân tộc, vẫn còn nguyên giá trị nhất là trong giai đoạn đất nước đang bước vào thời kỳ hội nhập quốc tế.

1 Trần Đương, *Trí nhớ đặc biệt của Bác Hồ*, Nxb. Thanh niên, 2009, tr. 101-103.

2 Hoàng Kỳ, *Học tập ý chí và phương pháp tự học của Bác Hồ*, báo *Giáo dục và Thời đại* (Online), tháng 2-2010.

CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH - CHIẾN SĨ TIÊN PHONG CỦA PHONG TRÀO GIẢI PHÓNG DÂN TỘC

NGUYỄN THỊ BÌNH*

Chủ tịch Hồ Chí Minh[1] là vị anh hùng lỗi lạc trong lịch sử đấu tranh giải phóng của dân tộc Việt Nam. Tên tuổi và sự nghiệp của Người gắn liền với lịch sử quang vinh của Đảng Cộng sản Việt Nam. Người sinh ra và lớn lên khi đất nước bị ngoại bang đô hộ, dân tộc bị nô lệ lầm than, phong trào yêu nước theo khuynh hướng phong kiến và dân chủ tư sản, nhằm giành lại nền độc lập và thống nhất của Tổ quốc đều lần lượt thất bại. Với lòng yêu nước, thương dân sâu sắc, vượt qua lối mòn của những người đi trước, ngày 5-6-1911, với tên gọi là Văn Ba, Người đã xin làm phụ bếp trên chiếc tàu Amiran Latusơ Tơrêvin đi ra nước ngoài để tìm con đường cứu nước mới.

Trên hành trình tìm đường cứu nước giải phóng dân tộc, Hồ Chí Minh đã bôn ba qua ba đại dương, bốn châu lục và đặt chân đến nhiều nước trên thế giới, thực hiện một cuộc khảo sát có một không hai trong lịch sử các dân tộc bị áp bức. Người phải vừa lao động để kiếm sống, vừa miệt mài học tập để làm giàu trí tuệ của mình bằng kho tàng văn hóa tiến bộ của nhân loại. Người đã tận mắt chứng kiến những hành động tàn bạo của bọn đế quốc, thực

* Khu di tích Chủ tịch Hồ Chí Minh tại Phủ Chủ tịch.

1 Trong cuộc đời mình, từ thời niên thiếu cho tới khi trở thành Chủ tịch nước, Hồ Chí Minh sử dụng nhiều tên gọi, bút danh khác nhau, trong bài viết này, chúng tôi quy ước chỉ sử dụng một tên thống nhất là Hồ Chí Minh.

dân và nỗi thống khổ của nhân dân lao động bị áp bức, dù là ở các nước thuộc địa đói nghèo hay các nước tư bản giàu có. Qua gần 10 năm nghiên cứu và hoạt động thực tiễn trong phong trào công nhân và cộng sản quốc tế, Hồ Chí Minh đã hiểu rõ hơn về Quốc tế III, đặc biệt bản *Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa* của Lênin đã thật sự đáp ứng nguyện vọng tha thiết của Người là độc lập cho Tổ quốc, tự do cho đồng bào. Từ bản luận cương của Lênin, Người đã tìm thấy phương hướng và con đường cách mạng giải phóng dân tộc Việt Nam - con đường cách mạng vô sản. Đó là một chân lý duy nhất đúng đắn cho dân tộc Việt Nam: "*Bây giờ học thuyết nhiều, chủ nghĩa nhiều, nhưng chủ nghĩa chân chính nhất, chắc chắn nhất, kách mệnh nhất là chủ nghĩa Lênin*"[1] và "*Muốn cứu nước và giải phóng dân tộc không có con đường nào khác con đường cách mạng vô sản*"[2]. Từ đó, Người hoàn toàn tin theo Lênin và Quốc tế III.

Từ khi tìm thấy con đường cứu nước thông qua bản *Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa* của Lênin, từ khi trở thành người chiến sĩ cộng sản bằng việc tán thành Quốc tế III và tham gia sáng lập Đảng Cộng sản Pháp, Hồ Chí Minh đã dành toàn bộ sức lực của mình vào việc nghiên cứu vấn đề cách mạng và thuộc địa để dần dần xác định đường lối đúng đắn cho cách mạng Việt Nam và đóng góp vào sự nghiệp giải phóng của tất cả các dân tộc bị áp bức trên toàn thế giới.

Thế kỷ 19, Mác và Ăngghen đã đề ra khẩu hiệu "Vô sản toàn thế giới liên hiệp lại" và sang thế kỷ 20, Lênin đã mở rộng thành khẩu hiệu "Vô sản tất cả các nước và các dân tộc bị áp bức liên hiệp lại", thì Hồ Chí Minh đã đi sâu vào cách mạng giải phóng dân tộc, khởi xướng cho sự liên hiệp đấu tranh của các dân tộc thuộc địa, từ đó mở rộng sự đoàn kết chiến đấu với giai cấp vô sản ở

1 Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 2, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, tr. 268.
2 Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 9, Sđd, tr. 314.

chính quốc và ở tất cả các nước. Người đã liên kết với nhiều đại biểu của các nước thuộc địa thành lập Hội liên hiệp thuộc địa ở Paris năm 1921 và Hội liên hiệp các dân tộc bị áp bức ở Á Đông năm 1926 tại Quảng Châu. Có thể nói đây là những tổ chức mặt trận thống nhất các dân tộc bị áp bức lần đầu tiên được ra đời trong lịch sử phong trào giải phóng dân tộc. Tất cả những bài viết của Nguyễn Ái Quốc đăng trên báo *Le Paria* (*Người cùng khổ*) - cơ quan ngôn luận của Hội liên hiệp thuộc địa - cũng như hàng loạt bài viết đăng trên nhiều báo và tạp chí ở Pháp, ở Nga và của Quốc tế Cộng sản trong những năm 20 thế kỷ XX, cùng với tác phẩm *Bản án chế độ thực dân Pháp* được xuất bản năm 1925 ở Paris và những tham luận, đề xuất, kiến nghị gửi cho Đảng Cộng sản Pháp và Quốc tế Cộng sản đã thể hiện một sự nghiên cứu sâu sắc của Người về chủ nghĩa thực dân, về tình cảnh các dân tộc thuộc địa và từ đó đề ra con đường giành thắng lợi cho cách mạng dân tộc và thuộc địa. Đi tới đâu Người cũng cất cao tiếng nói đấu tranh cho độc lập, tự do của các dân tộc thuộc địa, sự bình đẳng giữa tất cả các dân tộc và sự giải phóng xã hội, giải phóng con người. Tất cả những công việc ấy đã góp phần quan trọng làm thức tỉnh nhiều dân tộc bị áp bức, hơn nữa còn làm thức tỉnh giai cấp vô sản, nhân dân lao động và kể cả những người cộng sản ở chính quốc. Tố cáo tội ác thực dân, bênh vực các dân tộc thuộc địa, kêu gọi đoàn kết và quyết tâm đấu tranh giải phóng thuộc địa chính là sáng tạo và cống hiến đầu tiên của Hồ Chí Minh trong tiến trình cách mạng giải phóng dân tộc Việt Nam.

Hồ Chí Minh đã xuất hiện như một người học trò trung thành của Lênin, một chiến sĩ ngoan cường đấu tranh để bảo vệ chủ nghĩa Lênin, bảo vệ những luận điểm của Lênin về vấn đề dân tộc và thuộc địa. Hơn nữa, học tập tư duy biện chứng, tư duy sáng tạo của Lênin, Người đã vận dụng sáng tạo những luận điểm ấy, đồng thời còn bổ sung, phát triển làm cho học thuyết về cách mạng dân tộc và thuộc địa được hoàn thiện. Người nhấn mạnh đến ý thức tự lực cánh sinh, tinh thần chủ động tiến công của cách mạng thuộc

địa: "*Vận dụng công thức của Mác, chúng tôi xin nói với anh em rằng, công cuộc giải phóng anh em chỉ có thể thực hiện được bằng sự nỗ lực của bản thân anh em*"[1]. Người khẳng định cách mạng thuộc địa có thể và cần phải tiến hành trước cách mạng vô sản ở chính quốc, từ đó giúp vào việc hoàn thành cách mạng ở chính quốc. Người phân tích: "*Nọc độc và sức sống của chủ nghĩa đế quốc đang tập trung ở thuộc địa chứ không phải tập trung ở chính quốc*". Theo Nguyễn Ái Quốc, cách mạng giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa không hoàn toàn phụ thuộc vào cách mạng vô sản ở chính quốc. Nhân dân các dân tộc thuộc địa và phụ thuộc có thể "chủ động đứng lên, đem sức ta mà giải phóng cho ta", giành thắng lợi trước cách mạng vô sản ở chính quốc. Đến *Đường Kách mệnh* (1927), Người lại chỉ rõ: "Muốn người ta giúp cho, thì trước mình phải tự giúp lấy mình đã" và Người dự báo: Việt Nam dân tộc cách mạng thành công thì tư bản Pháp yếu; tư bản Pháp yếu thì công nông Pháp làm giai cấp cách mạng càng dễ. Đây là những kết luận cực kỳ quan trọng, cũng giống như trước đây Lênin đã nhận định rằng cách mạng vô sản có thể nổ ra ở một số nước, thậm chí là ở một số nước không phải là nước tư bản phát triển cao nhất, nếu đó là mắt xích yếu nhất của chủ nghĩa thực dân là các nước thuộc địa, nơi tập trung các mâu thuẫn lớn của thời đại, vì vậy cần và có thể đánh đổ chủ nghĩa thực dân trước hết là ở mắt xích yếu nhất này, từ một nước thuộc địa rồi tiến đến các nước thuộc địa khác. Nhà sử học Trần Văn Giàu đánh giá: "*Luận điểm của Hồ Chí Minh về cách mạng thuộc địa có thể thành công trước cách mạng vô sản ở chính quốc và có tác dụng thúc đẩy cách mạng ở chính quốc lên. Đó là một tư tưởng chưa từng ai nghĩ tới ngay cả trong số những người lãnh đạo Quốc tế Cộng sản... thế là Nguyễn đã cho cách mạng thuộc địa một thứ độc lập tính và cho đảng cách mạng ở thuộc địa một thế chủ động rộng lớn, một trách nhiệm quốc gia và quốc tế lớn hơn trước*"[2].

1 Hồ Chí Minh - *Những sự kiện*, Nxb. Thông tin lý luận, Hà Nội, 1987, tr. 22.

2 Hồ Chí Minh - *Người chiến sĩ tiên phong của phong trào giải phóng dân tộc, phong trào cộng sản và công nhân quốc tế*, Nxb. Thông tin lý luận, 1990, tr. 134.

Có quan điểm đúng, lại phải có đường lối chiến lược, sách lược đúng đắn và phương pháp cách mạng sáng tạo mới đưa cách mạng đến thành công. Từ luận điểm này, Hồ Chí Minh đã đi đến chỗ xác định một đường lối đúng đắn cho cách mạng Việt Nam, được thể hiện qua cuốn *Đường Kách mệnh*, trong *Chính cương, Sách lược vắn tắt* - cương lĩnh đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam do chính tay Người soạn thảo. Những vấn đề này còn được bổ sung và phát triển về sau này, khi Người trở về Tổ quốc trực tiếp chỉ đạo cách mạng Việt Nam. Ở đây, Nguyễn Ái Quốc đã thể hiện một sự kết hợp tuyệt vời giữa sự vững vàng về lập trường quan điểm, tính kiên định về nguyên tắc với sự mềm dẻo, uyển chuyển về sách lược và phương pháp cách mạng đạt đến một trình độ nghệ thuật để giành thắng lợi từng bước, từ đó đi đến thắng lợi cuối cùng. Đặc biệt nổi bật trong lĩnh vực này là vấn đề xác định rõ ràng những lực lượng cách mạng, vấn đề tập hợp mọi lực lượng quốc gia và quốc tế nhằm đẩy mạnh cách mạng giải phóng dân tộc, nhằm giành cho được độc lập tự do cho đất nước, cho dân tộc. Vận dụng tư tưởng của Lênin, kết hợp với truyền thống yêu nước, chống ngoại xâm của dân tộc, Hồ Chí Minh đã đề ra một sách lược mềm dẻo để ngay từ đầu huy động rộng rãi mọi lực lượng, mọi nhân tố yêu nước, dân chủ và tiến bộ đóng góp vào sự nghiệp giải phóng dân tộc, dưới sự lãnh đạo của Đảng tiên phong. Sự tập hợp ấy đã đưa cả dân tộc vào một mặt trận dân tộc thống nhất, với những hình thức khác nhau tuỳ theo từng giai đoạn cách mạng, nhằm mục tiêu cao cả của sự nghiệp giải phóng dân tộc. Trong quá trình tập hợp lực lượng tiến hành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở thuộc địa, Hồ Chí Minh đã vượt lên trên, khắc phục được những biểu hiện tả khuynh trong đánh giá giai cấp tư sản dân tộc ở thuộc địa. Sau khi Lênin mất, nhất là sau khi giai cấp tư sản Trung Quốc phản bội, đàn áp phong trào cách mạng những năm 1925-1927, Quốc tế Cộng sản đã có những kết luận có tính chỉ đạo, coi giai cấp tư sản dân tộc đã trở thành đối tượng trực tiếp của cách mạng, ở Việt Nam cũng có khuynh hướng tư tưởng đó, thậm chí

trong phong trào 1930-1931 còn chủ trương: "Trí, phú, địa, hào - đào tận gốc trốc tận rễ" khiến cho lực lượng cách mạng bị cô lập. Hồ Chí Minh đã kiên trì đấu tranh với khuynh hướng đó. Theo Người giai cấp tư sản dân tộc ở các nước thuộc địa do địa vị kinh tế, chính trị và xã hội quy định, đương nhiên có nhiều mặt hạn chế, song bên cạnh đó còn có tinh thần chống đế quốc nhất định, mà những người cách mạng phải thu hút họ về phía cách mạng. Người đã coi giai cấp tư sản là một lực lượng của cách mạng giải phóng dân tộc thậm chí còn thu hút cả một bộ phận không nhỏ trong giai cấp địa chủ phong kiến đi theo cách mạng.

Đối với giai cấp nông dân, một mặt Người đấu tranh chống lại quan điểm coi thường vai trò của nông dân, đánh giá thấp khả năng của nông dân trong cách mạng giải phóng dân tộc, mặt khác lại "lừa phỉnh" nông dân, thổi phồng và tuyệt đối hóa vai trò của nông dân và Người đã cảnh cáo trước rằng như vậy chỉ đi đến phiêu lưu, cực đoan và phản bội chủ nghĩa Lênin. Bằng sự nghiên cứu nghiêm túc và phân tích một cách khoa học bản chất giai cấp và thực trạng của nông dân trong các nước thuộc địa, Người đã đi đến những kết luận có tính nguyên tắc rằng nông dân là một trong hai động lực của cách mạng giải phóng dân tộc, rằng chỉ có liên minh với công nhân và chịu sự lãnh đạo của Đảng, của giai cấp công nhân thì giai cấp nông dân mới thực sự được giải phóng. Nhận định đã được sửa đổi của đại hội VII Quốc tế Cộng sản năm 1935 và thực tế phong trào giải phóng dân tộc từ đó đến nay đã chứng minh quan điểm đường lối chiến lược, sách lược và phương pháp cách mạng giải phóng dân tộc của Nguyễn Ái Quốc là hoàn toàn đúng đắn.

Những luận điểm sáng tạo trên đây của Hồ Chí Minh có ý nghĩa chỉ đạo thực tiễn rất quan trọng. Đó là cơ sở để Đảng ta tin tưởng và quyết tâm tổ chức lãnh đạo nhân dân Việt Nam đứng lên làm cách mạng để tự giải phóng khỏi ách đế quốc xâm lược và khỏi nghèo nàn lạc hậu. Đó cũng chính là cơ sở của tinh thần độc

lập tự chủ, tự lực tự cường của nhân dân Việt Nam trong sự nghiệp cách mạng. Nhờ tinh thần đó mà Đảng Cộng sản và nhân dân Việt Nam đã hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân một cách trọn vẹn nhất. Thực tế là sự nghiệp giải phóng dân tộc Việt Nam không giải quyết ở Paris như có lãnh tụ cộng sản Pháp đã khẳng định, mà là ở Việt Nam, là do kết quả của cuộc chiến đấu lâu dài của nhân dân Việt Nam. Cách mạng giải phóng dân tộc Việt Nam đã thành công trước cách mạng vô sản ở Pháp, Mỹ và đã góp phần thúc đẩy phong trào giai cấp công nhân và nhân dân lao động Pháp, Mỹ và các nước khác... Thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945 và của chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1954 đã chặt đứt mắt xích quan trọng nhất của hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa thực dân cũ, cổ vũ hàng trăm dân tộc thuộc địa đấu tranh giành lại nền độc lập của mình. Thắng lợi trong cuộc kháng chiến chống Mỹ của nhân dân Việt Nam kéo dài hơn 20 năm là thắng lợi rực rỡ của tư tưởng Hồ Chí Minh, mở đầu cho sự tan rã không thể tránh khỏi của chủ nghĩa thực dân mới ở thế kỷ XX. Hồ Chí Minh đã được toàn thế giới suy tôn là anh hùng giải phóng dân tộc của Việt Nam. Hơn nữa, Người còn được nhân dân các dân tộc bị áp bức thừa nhận là vị lãnh tụ tinh thần, người khởi xướng và dẫn đường cho cuộc đấu tranh vì độc lập tự do của thế giới thuộc địa. Đúng như Rômetchandra, Chủ tịch Hội đồng Hòa bình thế giới, đã viết trong cuốn *Hồ Chí Minh trong trái tim nhân loại*: "*Bất cứ nơi nào chiến đấu cho độc lập tự do, ở đó có Hồ Chí Minh và ngọn cờ Hồ Chí Minh bay cao. Bất cứ ở đâu chiến đấu cho hòa bình công lý, ở đó có Hồ Chí Minh và ngọn cờ Hồ Chí Minh bay cao; ở bất cứ đâu, nhân dân chiến đấu cho một thế giới mới, chống lại đói nghèo, ở đó có ngọn cờ Hồ Chí Minh bay cao*".

Đối với cách mạng Việt Nam, hơn 80 năm qua dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam và đi theo con đường mà Bác Hồ kính yêu đã lựa chọn, dân tộc ta đã giành được những thắng lợi cực kỳ to lớn, chúng ta đã giành thắng lợi trong cuộc Cách

mạng tháng Tám năm 1945, lập nên nước Việt Nam dân chủ cộng hoà. Chúng ta cũng đã giành được thắng lợi hiển hách trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, thống nhất đất nước, đưa cả nước tiến lên chủ nghĩa xã hội. Đặc biệt là công cuộc đổi mới vừa qua, đất nước ta cũng đã giành được những thành tựu vĩ đại. Có được những thắng lợi trên đây là vì Đảng ta đã lãnh đạo nhân dân ta kiên định mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, dưới sự lãnh đạo của Đảng và đi theo con đường Bác kính yêu đã lựa chọn, chúng ta đã giành thắng lợi trong quá khứ, trong hiện tại và sẽ dẫn dắt dân tộc ta đến những thắng lợi to lớn hơn nữa ở tương lai để thực hiện thắng lợi mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh.

SỰ BỘC LỘ BẢN LĨNH CÁCH MẠNG CỦA MỘT THIÊN TÀI

PGS. TS. NGUYỄN NGỌC DUNG*

1. Đặt vấn đề

Chủ tịch Hồ Chí Minh (1890 - 1969) là người Anh hùng giải phóng dân tộc, Nhà văn hóa kiệt xuất, một vĩ nhân được cả thế giới khâm phục và ngưỡng mộ. Cả cuộc đời Người dành trọn cho Tổ quốc và nhân dân. Người để lại một di sản tinh thần to lớn, tiếp tục soi rọi con đường cách mạng của chúng ta.

Từ trước đến nay, trong giới nghiên cứu ở Việt Nam, hầu hết các bài viết về Chủ tịch Hồ Chí Minh (bắt đầu từ Nguyễn Tất Thành, Nguyễn Ái Quốc) - khi đề cập đến con đường cách mạng mà Người đã trải qua - đều thống nhất rằng: đó là con đường khởi đầu từ chủ nghĩa yêu nước đến chủ nghĩa Mác - Lênin.

Vậy nên vấn đề đặt ra là: cùng xuất phát điểm là chủ nghĩa yêu nước và mục tiêu giải phóng dân tộc, nhưng tại sao những bậc tiền bối hoặc cùng thời với Hồ Chí Minh như Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh, Phan Văn Trường, v.v.. đã không thể sớm tiếp thu chủ nghĩa Mác - Lênin, mà chỉ riêng Hồ Chí Minh (tức Nguyễn Ái Quốc thời đó) mới làm được sứ mệnh này?

* Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.

Và khi đã đến được với chủ nghĩa Mác - Lênin, thì Hồ Chí Minh không bị rơi vào giáo điều sách vở, mà luôn đứng ở tầm cao trí tuệ vận dụng sáng tạo học thuyết này vào hoàn cảnh Việt Nam. Nhờ thế mà cách mạng Việt Nam có một hướng đi đúng, không rơi vào con đường tả khuynh ấu trĩ.

Với mong muốn góp phần làm sáng tỏ thêm vấn đề trên, chúng tôi cho rằng, việc tìm hiểu nguyên nhân vì sao Nguyễn Ái Quốc sớm tiếp thu và lựa chọn chủ nghĩa Mác - Lênin làm con đường cứu nước, không chỉ đơn thuần là dựa trên bối cảnh của xã hội Việt Nam đầu thế kỷ XX, mà còn phải dựa trên chính phẩm chất của Nguyễn Ái Quốc với tư cách là một vĩ nhân ngay từ thời điểm xuất phát ban đầu (năm 1911) và kéo dài chừng hai mươi năm sau đó. Cách tiếp cận này cho phép đề cập đến khả năng "siêu việt" của một vĩ nhân trước hoàn cảnh lịch sử.

2. Nguyễn Tất Thành và sự vượt khỏi ý thức hệ Nho học truyền thống

Nhìn chung, xã hội Việt Nam đầu thế kỷ XX vẫn chịu ảnh hưởng chủ yếu của ý thức hệ phong kiến. Bằng chứng là kỳ thi Hội cuối cùng của nhà Nguyễn được tổ chức vào năm 1919, cho thấy tầng lớp trí thức phong kiến còn hy vọng vào chế độ xã hội này.

Sinh ra và lớn lên trên mảnh đất của nhiều danh Nho, trong một gia đình khoa bảng, bản thân Nguyễn Sinh Cung - Nguyễn Tất Thành tất nhiên được hấp thụ nền Nho học từ bé. Theo *Hồ Chí Minh, Biên niên tiểu sử*, trong những năm 1898-1905, Người được học chữ Hán[1]. Còn thời gian Người học chính thức ở trường Pháp không nhiều, chỉ chừng một năm, sau khi đã tham gia khóa học Dự bị (Preparatoire) 1905-1906 tại Vinh và khóa Sơ đẳng (Elementaire) tại trường tiểu học Đông Ba, 1906 - 1907. Chắc chắn là Nguyễn Sinh Cung - Nguyễn Tất Thành đã chịu ảnh hưởng rất lớn từ Nho học - một hệ tư tưởng đã thống trị xã hội Việt Nam suốt gần mười thế kỷ trước đó, kể từ triều đại Lý.

1 Hồ Chí Minh, *Biên niên tiểu sử*, tập 1, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1993, tr. 23, 336.

Nho giáo đề cao vương quyền. Dưới ảnh hưởng chủ đạo của hệ tư tưởng này, phong trào Cần Vương cuối thế kỷ XIX đã đặt rõ mục tiêu là "phò vua giúp nước". Tầng lớp trí thức phong kiến, nếu biết hy sinh quyền lợi cá nhân mình thì họ vẫn không thể quên vua - biểu tượng trung tâm của chế độ phong kiến. Những cuộc khởi nghĩa của Phan Đình Phùng, Hoàng Hoa Thám dẫu mang tinh thần dân tộc quật khởi, nhưng vẫn nằm trong phạm trù phong kiến và bản chất không khác mấy so với những cuộc khởi nghĩa nông dân trước đó.

Khi phong trào Đông Du, Duy Tân được phát động, những nhà khởi xướng tuy bước đầu rướn qua được ngưỡng cửa của hệ tư tưởng Nho giáo nhưng lại rơi vào sự bất lực của tư tưởng dân chủ tư sản. Các cụ Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh về tư tưởng đều chưa đoạn tuyệt với chủ thuyết của quá khứ, cũng chưa nắm bắt được tinh thần mới của thời đại. Cho nên vào năm 1905, Phan Bội Châu đã lập ra Duy Tân hội theo kiểu quân chủ lập hiến. Sau này, năm 1912 ông còn lập tiếp Việt Nam Quang phục hội theo đường lối quân chủ tư sản[1]. Riêng Phan Châu Trinh thì muốn cải cách chế độ phong kiến - thuộc địa hiện tồn bằng con đường "hưng dân trí, chấn dân khí, hậu dân sinh".

Với mong muốn tìm ra con đường cứu nước hoàn toàn khác, Nguyễn Tất Thành, sau này là Nguyễn Ái Quốc, người được giáo dục chủ yếu bởi nền Nho học đã vượt lên khỏi hệ tư tưởng đó, cũng là vượt lên chính bản thân mình. Năm 1911, trên chiếc tàu Amiran Latusơ Tơrêvin, Người đã ra đi học hỏi thế giới; sau đó là những năm tháng bôn ba để xác định đúng đắn con đường và phương pháp cách mạng giải phóng dân tộc.

Ở góc độ nhận thức luận, việc người thanh niên Nguyễn Tất Thành vượt lên hệ tư tưởng Nho giáo lúc ấy chứng tỏ Anh thấy học thuyết này đã lỗi thời và cạn hết lực thúc đẩy tiến bộ xã hội. Như thế, cái khối nặng tư tưởng truyền thống vốn được xưng tụng

1 Sđd, tr. 286.

bao đời, đã không tha hóa nổi một trí tuệ độc lập, một tinh thần phê phán, một lựa chọn lịch sử của nhà cách mạng trẻ tuổi.

Nhờ sự siêu vượt về tư tưởng, chủ nghĩa yêu nước trong người thanh niên Nguyễn Tất Thành đã mang nội dung mới. Ở đó vương quyền bị phế bỏ, vai trò lịch sử của nhân dân lao động được đề cao. Đây là một tư tưởng nhất quán mà sau này, khi cách mạng đã thành công, Hồ Chí Minh vẫn khẳng định: *"Có lực lượng dân chúng việc to tát mấy, khó khăn mấy cũng làm được. Không có thì việc gì làm cũng không xong. Dân chúng biết giải quyết nhiều vấn đề một cách giản đơn mau chóng, đầy đủ, mà những người tài giỏi, những đoàn thể to lớn nghĩ mãi không ra"*[1].

Riêng những người Việt Nam theo khuynh hướng dân chủ tư sản đầu thế kỷ XX, thì "nhân dân" đối với họ vẫn là một khái niệm trừu tượng hơn các khái niệm 'quốc gia", "dân tộc". Quan niệm giải phóng dân tộc của họ không đồng nhất với giải phóng nhân dân. Chính vì mục tiêu giải phóng dân tộc thuần túy mà Phan Bội Châu đã cho rằng có thể dựa vào đế quốc Nhật để đánh đuổi thực dân Pháp.

Nhưng theo quan niệm của người thanh niên Nguyễn Tất Thành thời bấy giờ, rõ ràng yêu nước là yêu dân, nước với dân là một, giải phóng dân tộc không thể ở ngoài phạm trù giải phóng nhân dân. Phải chăng tư tưởng này khi gặp chủ nghĩa Mác - Lênin đã như được minh triết thêm, để rồi sau đó củng cố và phát triển, trở thành mục tiêu lâu dài của cách mạng Việt Nam: độc lập dân tộc gắn liền với giải phóng con người. Cho nên khi nước nhà đã độc lập thì Người lại nói "đất nước được độc lập mà người dân không có tự do, thì nền độc lập ấy cũng chẳng có ý nghĩa gì".

Cũng nên liên hệ với ý kiến của Mác khi ông đọc tác phẩm *Tình cảnh giai cấp công nhân ở Anh* của Ăngghen. Thiên tài của Ăngghen - theo Mác đánh giá - là nhìn thấy giai cấp vô sản lúc ấy

1 Phương pháp dân chủ Hồ Chí Minh trong công tác lãnh đạo, Báo điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam, ngày 3-1-2008.

không giống một đám rách nát thảm thương, mà là một lực lượng tiềm ẩn sức mạnh của thời đại. Thế thì đối với người thanh niên Nguyễn Tất Thành, trong tâm thức, những đồng bào đau khổ của Anh cũng chính là một sức mạnh vô địch cần được giải phóng[1].

Chúng tôi muốn nhấn mạnh rằng, ở địa vị dân nô lệ mà nhìn thấy Tổ quốc qua đồng bào của mình cũng là một thiên tài. Điều này, không phải ai có nhãn quan chính trị cũng nhìn thấy.

3. Nguyễn Ái Quốc vượt khỏi tư tưởng tả khuynh của Quốc tế Cộng sản, nhằm xác định đường lối đúng đắn cho cách mạng Việt Nam

Với trí tuệ độc lập và quan điểm nhân dân sâu sắc như vậy, trong nhiều năm bôn ba ở châu Âu, châu Phi, châu Mỹ, người thanh niên Nguyễn Tất Thành đã thường xuyên chứng kiến tình cảnh bần hàn khốn khổ của nhân dân lao động trên phạm vi toàn thế giới; hiểu rõ thế nào là chủ nghĩa thực dân Anh, chủ nghĩa phân biệt chủng tộc Mỹ; hiểu rõ giai cấp tư sản từ lâu đã không còn là giai cấp tiến bộ nữa[2]. Đồng thời Nguyễn Tất Thành cũng hiểu bản chất chung của chủ nghĩa đế quốc và số phận chung của các dân tộc bị áp bức bóc lột.

Trong khi đi tìm phương sách cứu nước, nhà cách mạng Nguyễn đã quan tâm nhiều đến nước Nga sau sự kiện Cách mạng tháng Mười bùng nổ năm 1917. Tuy nhiên, trong khi chưa đến được nước Nga thì Anh vẫn tích cực tranh đấu vì mục tiêu giải phóng dân tộc của mình. Tháng 6 năm 1919, thay mặt Hội những người An Nam yêu nước, nhà cách mạng Nguyễn - dưới tên gọi Nguyễn Ái Quốc - đã đem tới Hội nghị Vécxây bản *Yêu sách của nhân dân An Nam* do một nhóm nhà ái quốc Việt Nam tại Pháp soạn thảo. Yêu sách này gồm tám điểm kêu gọi các nước đế quốc thắng trận trong Thế chiến thứ nhất thi hành các ý tưởng trong

1 Trần Dân Tiên, *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch*, Văn nghệ Giải phóng, 1975, tr. 8.

2 *Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam*, tập 1, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1981, tr. 47-48.

Tuyên bố 14 điểm của Tổng thống Mỹ Wilson cho các thuộc địa Pháp ở Đông Dương.

Tháng 7 năm 1920, Nguyễn Ái Quốc đã đọc Luận cương của Lênin về các vấn đề dân tộc và thuộc địa (*Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa*). Ở đó, nhà cách mạng Nguyễn đã tìm thấy luận điểm cho rằng cách mạng giải phóng dân tộc nằm trong phạm trù của cách mạng vô sản. Từ đó Người hoàn toàn tin theo Lênin, tin theo Quốc tế III[1].

Ngày 25 tháng 12 năm 1920, tại Đại hội Tua của Đảng Xã hội Pháp, Nguyễn Ái Quốc đã bỏ phiếu tán thành đảng này gia nhập Quốc tế III và trở thành người cộng sản, một trong những thành viên sáng lập ra Đảng Cộng sản Pháp.

Sở dĩ Nguyễn Ái Quốc tán thành Quốc tế III, là bởi tổ chức này ủng hộ những vấn đề cách mạng ở thuộc địa. Người nói rằng *"Quốc tế III rất chú ý đến vấn đề giải phóng thuộc địa... tự do cho đồng bào tôi, độc lập cho Tổ quốc tôi, đấy là tất cả những gì tôi muốn..."*[2]

Nhưng chúng tôi cho rằng, Nguyễn Ái Quốc không phải là một người cộng sản châu Âu, hoặc cộng sản chính quốc mà là *cộng sản thuộc địa*. Quan điểm của Người rất rõ ràng: *"Đảng xã hội cần phải hoạt động một cách thiết thực để ủng hộ những người bản xứ bị áp bức... việc Đảng xã hội gia nhập Quốc tế III có nghĩa là Đảng hứa một cách cụ thể rằng, từ nay Đảng sẽ đánh giá đúng tầm vóc quan trọng của vấn đề thuộc địa..."*[3]

Nguyễn Ái Quốc là người "*cộng sản thuộc địa*" bởi vì Người thấy rõ vai trò của chủ nghĩa dân tộc trong cách mạng giải phóng thuộc địa: "*Chủ nghĩa dân tộc là động lực lớn của đất nước. Chính nó đã gây nên cuộc nổi dậy chống thuế năm 1908, nó dạy cho những người culi biết phản đối, nó làm cho những người "nhà*

1 *Hồ Chí Minh - Biên niên tiểu sử*, tập 1, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1993, tr. 83.
2 Sđd, tr. 94.
3 Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 1, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội. 2000, tr. 23-24.

quê" phản đối ngầm trước thuế tạp dịch và thuế muối. Cũng chủ nghĩa dân tộc đã luôn thúc đẩy các nhà buôn An Nam cạnh tranh với người Pháp và người Trung Quốc; nó đã thúc giục thanh niên bãi khóa, làm cho những nhà cách mạng trốn sang Nhật Bản và làm vua Duy Tân mưu tính khởi nghĩa năm 1917"[1].

Quan điểm này khác xa với quan điểm của những người cộng sản châu Âu, nhất là lực lượng tả khuynh. Hình như những người cộng sản châu Âu hồi đó không bận tâm lắm về cách mạng giải phóng thuộc địa. Tình trạng này được Nguyễn Ái Quốc đánh giá như sau: *"Phân bộ Pháp, phân bộ Anh và phân bộ những nước thực dân khác đã làm gì cho các thuộc địa của chủ nghĩa tư bản nước họ? Những phân bộ ấy đã có một chính sách thuộc địa và một cương lĩnh rõ rệt vì thuộc địa, chính xác và liên tục chưa? Những chiến sĩ của các bộ phận ấy có hiểu thuộc địa là gì và tầm quan trọng của thuộc địa là như thế nào không? Người ta có thể trả lời là không"*[2].

Vì sao những người cộng sản châu Âu không quan tâm đến vấn đề cách mạng ở thuộc địa? Có phải vì vấn đề này sẽ làm tổn thương đến lợi ích quốc gia - dân tộc họ? Nếu thế thì chính họ đã mang trong đầu thiên kiến về văn minh và quyền lợi dân tộc châu Âu???

Nhưng lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc không như họ, có phải vì Người xuất thân từ một dân tộc nô lệ???

Sự khác nhau trong nhận thức của Nguyễn Ái Quốc với họ đều do chủ nghĩa quốc gia - dân tộc quyết định???

Có phải chính ý thức về quyền lợi dân tộc vốn bị che lấp bởi ý thức hệ cộng sản là nguyên nhân chính dẫn đến sự khác nhau giữa họ về quan điểm tiến hành cách mạng vô sản thế giới???

---

1 Mạch Quang Thắng, *Hồ Chí Minh - con người của sự sống*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2009.

2 Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 1, Sđd, tr. 194-195.

Đó là những câu hỏi còn chưa rõ ngọn ngành, nhưng rất cần được phân luận thỏa đáng!!!

Trong khi hiểu rõ tính chất quốc tế của cách mạng vô sản thế giới, thì về mặt lịch sử, Nguyễn Ái Quốc luôn nhìn thấy mối quan hệ biện chứng giữa cách mạng vô sản với phong trào giải phóng dân tộc. Ở châu Âu bấy giờ, cách mạng vô sản sở dĩ có thể nổ ra là do giai cấp công nhân ở đây đã lớn mạnh, mâu thuẫn giữa tư sản và vô sản đã trở thành mâu thuẫn trung tâm của thời đại.

Còn ở châu Á, chủ nghĩa tư bản phát triển yếu ớt; giai cấp công nhân thì đội ngũ manh mún, ý thức, sự giác ngộ về quyền lợi giai cấp chưa cao; làm sao giai cấp này có đủ tinh thần và lực lượng làm cách mạng vô sản. Vì thế Nguyễn Ái Quốc mới ví cách mạng vô sản thế giới như hai cánh của một con chim; cánh này là cách mạng thuộc địa, cánh kia là cách mạng chính quốc. Cách mạng thuộc địa có nội dung, đặc điểm, tính chất khác nhiều so với cách mạng chính quốc.

Tất cả những nguyên nhân đó đều do lịch sử phát triển của các dân tộc phương Đông diễn ra rất khác so với lịch sử phát triển của các dân tộc phương Tây. Chính Mác cũng nhận ra điều đó khi ông đề xuất khái niệm "phương thức sản xuất châu Á" từ năm 1859.

So sánh về đặc điểm giai cấp, xã hội, Nguyễn Ái Quốc thấy rằng, ở Ấn Độ hay Trung Quốc, cấu trúc kinh tế không giống các xã hội phương Tây thời trung cổ, cũng như thời cận đại và đấu tranh giai cấp ở đó không quyết liệt[1]. Cũng là địa chủ, nhưng địa chủ châu Á "chỉ là những tên lùn tịt bên cạnh những người trùng tên với họ ở châu Âu và châu Mỹ. Không có vốn liếng gì lớn...đời sống của địa chủ cũng chẳng có gì là xa hoa"[2].

Từ quan điểm lịch sử cụ thể này, Nguyễn Ái Quốc đi đến kết luận là ở phương Đông (Việt Nam) *"..cuộc đấu tranh giai cấp*

1 Sđd, tr. 465.
2 Sđd, tr. 464.

không diễn ra giống như ở phương Tây"[1]. Đây là một kết luận khoa học chứ không phải là một nhận thức chính trị thông thường. Như thế, Nguyễn Ái Quốc luôn coi chủ nghĩa Mác - Lênin là một học thuyết chính trị, đồng thời là một khoa học.

Khi đã coi chủ nghĩa Mác - Lênin là khoa học thì cũng giống như bất kỳ khoa học nào khác, luôn cần được phản biện và đối chiếu với thực tiễn lịch sử. Nguyễn Ái Quốc đã xem xét lại chủ nghĩa Mác về cơ sở lịch sử và bổ sung cho nó bằng dân tộc học phương Đông.

Quan điểm của Người cũng rất khác quan điểm của Lênin về vai trò cách mạng giải phóng các nước thuộc địa. Đối với Lênin và Quốc tế III, cách mạng giải phóng dân tộc chỉ có thể thắng lợi khi cách mạng vô sản ở chính quốc đã thành công. Lênin đã đặt cách mạng giải phóng các dân tộc thuộc địa phụ thuộc vào cách mạng vô sản ở chính quốc. Trong Tuyên ngôn thành lập Quốc tế Cộng sản tháng 3 năm 1919 có đoạn nói rằng *"việc giải phóng các thuộc địa chỉ có thể tiến hành với việc giải phóng giai cấp công nhân ở chính quốc"*[2].

Rõ ràng, quan điểm trên không phù hợp với thực tiễn cách mạng Việt Nam, nơi mà bấy giờ chủ nghĩa dân tộc chịu sự thử thách đã ngót nửa thế kỷ dưới ách cai trị của thực dân Pháp. Nguyễn Ái Quốc cho rằng cách mạng Việt Nam có thể nổ ra trước cách mạng vô sản ở chính quốc; khi ấy, sẽ tạo điều kiện cho cách mạng vô sản chính quốc thắng lợi dễ dàng hơn. Người cũng khẳng định, cách mạng Việt Nam phải do nhân dân Việt Nam thực hiện, "mang sức ta mà giải phóng cho ta". Đó là cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân "kiểu mới" dưới sự lãnh đạo của một chính Đảng Cộng sản.

Các tài liệu như *Chính cương vắn tắt, Sách lược tóm tắt, Chương trình tóm tắt* của Nguyễn Ái Quốc phản ánh những quan

1 Sđd, tr. 465.

2 Võ Nguyên Giáp (chủ biên), *Tư tưởng Hồ Chí Minh và con đường cách mạng Việt Nam*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1997, tr. 67.

điểm cách mạng và khoa học của Người, về sau đã bị phe tả khuynh trong Quốc tế Cộng sản (trong đó có một số nhà cách mạng Việt Nam) xem là " dân chủ xã hội", "chủ nghĩa dân tộc", là một thứ cơ hội chủ nghĩa cần loại trừ.

Ngày nay thì không phải tranh cãi gì nữa về sự phụ thuộc hay không phụ thuộc giữa cách mạng chính quốc và cách mạng thuộc địa. Cách mạng giải phóng dân tộc ở Việt Nam đã thành công lâu rồi, còn cách mạng vô sản chính quốc (nước Pháp) thì chưa rõ khi nào mới bùng nổ được. Sự nghiệp giải phóng dân tộc của nhân dân Việt Nam đã chứng minh cho những tư tưởng cách mạng của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc là hoàn toàn đúng đắn.

KẾT LUẬN

Cuộc đời hoạt động cách mạng của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc là một quá trình tìm tòi sáng tạo con đường riêng cho cách mạng Việt Nam, không rập khuôn máy móc, không chấp nhận giáo điều và luôn vượt lên những lý luận đã được chuẩn bị sẵn.

Nắm vững tinh thần khoa học của chủ nghĩa Mác - Lênin, Người luôn lấy thực tiễn làm thước đo chân lý, không coi Mác - Lênin là hoàn hảo như chính Lênin từng căn dặn.

Những người cộng sản châu Âu sinh ra để làm cách mạng giai cấp, còn Hồ Chí Minh - Nguyễn Ái Quốc sinh ra để làm cách mạng giải phóng thuộc địa. Chính Người đã chứng minh thành công luận đề cách mạng giải phóng thuộc địa nằm trong phạm trù của cách mạng vô sản. Đó là một sự sáng tạo - phát triển đầy bản lĩnh của một thiên tài Việt Nam trước học thuyết về cách mạng vô sản thế giới.

NGUYỄN ÁI QUỐC LAO ĐỘNG VÀ TRẢI NGHIỆM: THỰC TIỄN VÀ BÀI HỌC

TS. PHAN THỊ XUÂN YẾN*

Đất nước bị vong quốc nô, có biết bao nhiêu người mang tâm huyết cứu dân cứu nước đã ra đi tìm câu hỏi lớn cứu nước và giải phóng dân tộc. Nhưng cuối cùng chỉ có Nguyễn Ái Quốc là người tìm thấy trong thực tiễn những câu hỏi và cách trả lời, không chỉ cứu nước và giải phóng dân tộc, mà còn định hướng cho dân tộc phát triển, trường tồn.

Đã có nhiều lý giải khá xác đáng về bí quyết ấy. Nhưng phải chăng bí quyết ấy có sẵn trong thực tiễn và cuộc sống bình thường mà bao người đã bỏ qua? Phải chăng bí quyết ấy là một sự tình cờ?

Thực tiễn phong phú

Từ cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, những người yêu nước Việt Nam có vô vàn phương cách để hành động.

Thiết thực nhất là Hoàng Hoa Thám, lãnh đạo khởi nghĩa hàng chục năm trời, kiên quyết chống thực dân Pháp xâm lược và tay sai. Hoàng Hoa Thám sống chết với quân sĩ và quân sĩ sống chết với ông. Hoàng Hoa Thám chỉ sa cơ khi kẻ thù mưu mô và nham hiểm, chứ không thiếu dũng khí của một "Hùm thiêng Yên Thế".

* Trường Đại học Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh.

Mới mẻ hơn và cách mạng hơn là chí sĩ Phan Bội Châu (Sào Nam). Năm 1904 đã thành lập Duy Tân Hội (đầu năm 1904) nhằm mục đích "khôi phục Việt Nam, kiến lập quốc gia quân chủ lập hiến". Ông có hẳn một đội ngũ những người đồng chí tâm đầu ý hợp về con đường cứu nước theo gương của Trung Quốc và Nhật Bản. Chủ trương bạo động của Sào Nam thật thiết thực, khiến cho lớp lớp thanh niên nô nức đi theo và làm dấy lên phong trào Đông Du, Việt Nam Quang phục hội, khiến thực dân Pháp ở Đông Dương phải lo lắng đối phó và cấu kết với Nhật, Trung Hoa dân quốc để dập tắt phong trào.

Lại có cách thức mới lạ và thực dụng là Phan Châu Trinh (Tây Hồ), từng nhiều dịp làm quen với những tác phẩm có tư tưởng cách mạng của Jean-Jacques Rousseau, Montesquieu, Voltaire... kết giao với nhiều sĩ phu cấp tiến cùng chí hướng cứu nước như Huỳnh Thúc Kháng, Phan Bội Châu... quan tâm đến tư tưởng dân chủ. Ông gửi thư cho Toàn quyền Paul Beau, tố cáo chế độ quan trường và sự dung dưỡng của chế độ thuộc địa, đề nghị với Pháp thực tâm khai hóa…

Đầu thế kỷ XX, những trí thức tân học xuất hiện như những nhân tố mới của dân tộc và họ càng có nhiều cách thức hành động yêu nước khá thiết thực và hiệu quả, lôi kéo khá nhiều tầng lớp ngưỡng mộ.

Phan Văn Trường chỉ vài năm sống ở Paris, đã đỗ cả cử nhân luật khoa, cử nhân văn khoa và tham gia nhiều hoạt động yêu nước. Chính Phan Văn Trường là người chấp bút bản yêu sách bằng tiếng Pháp "*Revendications du Peuple Annamite*" (Yêu sách của nhân dân Việt Nam) gửi tới Hội nghị Versailles (Vécxây) ngày 18-6-1919. Phan Văn Trường đi Tây để trở thành luật sư danh giá với sự nỗ lực của chính bản thân. Cả cuộc đời của ông luôn luôn nghĩ về dân, về nước và thể hiện lòng yêu nước, thương dân, căm ghét bọn thực dân áp bức dân lành và đàn áp dân tộc…

Nguyễn Thế Truyền cũng là một học sinh xuất sắc đỗ tú tài Pháp, cùng một lúc học hai trường đại học để cùng lúc có hai bằng kỹ sư hóa học và cử nhân lý hóa, sau đó lấy bằng cử nhân văn chương ban triết và làm luận án tiến sĩ khoa học vật lý thiên văn... Thông minh, học giỏi lại chịu khó đọc sách báo, có kiến thức toàn diện về khoa học kỹ thuật và nhân văn, đồng thời có liên lạc với các nhân vật Pháp nổi tiếng, bênh vực các dân tộc thuộc địa, gia nhập Hội Liên hiệp thuộc địa, viết báo *Le Paria* và báo *Việt Nam Hồn*, từng gia nhập Đảng Cộng sản Pháp...

Những thế hệ trí thức mới như Phan Văn Trường, Nguyễn Thế Truyền..., sau là Nguyễn An Ninh, Phạm Ngọc Thạch... đã vượt qua cái hạn chế của cha anh và vươn lên không ngừng. Họ sống và học tập ở trời Tây, thành người giỏi giang, thành đạt, đã có nhiều hoạt động yêu nước đáng khâm phục. Họ học hỏi và tìm thấy nhiều chủ nghĩa, nhiều con đường làm cứu cánh để hành động, đích thực trở thành người trí thức yêu nước, dám từ bỏ tất cả giàu sang phú quý để hướng về quê hương.

Ở Sài Gòn và cả Nam Kỳ những năm đầu thế kỷ XX, sau lớp thanh niên thuộc gia đình quyền quý được phụ huynh cho đi Nhật tham gia phong trào Đông Du của Phan Bội Châu, còn có nhiều thanh niên khác không có điều kiện như thế. Họ đã sống và lao động, học tập, đã chứng kiến sự chuyển biến của đất nước và thời cuộc; họ ủng hộ *Khuyến du học hội, phong trào Minh Tân* và làm theo Nguyễn Thần Hiến, Trần Chánh Chiếu, Nguyễn An Khương, Đặng Thúc Liêng...; họ ước ao được đi học để có tri thức giúp nước giúp dân... Lớp thanh niên yêu nước ở Nam Kỳ lúc đó như Nguyễn Quang Diêu, Hoàng Hưng, Lý Liễu, Lưu Quang Bật, Lê Văn Sao, Đỗ Văn Y, Nguyễn Truyện... hay bàn chuyện học hành, đi đây đi đó, trong số đó có cả những thanh niên từ Bắc Kỳ, Trung Kỳ mới vào Sài Gòn tìm việc làm, mưu sinh và tìm kiếm con đường sống cho mình, cho đất nước.

Như vậy, thực tế những biểu hiện của lòng ái quốc rất phong phú, bởi người Việt Nam trong hoàn cảnh mất nước, nhà tan, mỗi giai tầng và mỗi con người sẽ có những hoàn cảnh và điều kiện không giống nhau, nhưng đều có trái tim và dòng máu Lạc Hồng, ôm hận mất nước và thù dân tộc, nên ai cũng muốn làm việc gì đó cứu nước, có điều kiện thì đi tìm cách cứu nước ở nước ngoài, không có điều kiện thì tại quê hương, đất nước cũng vẫn có thể cống hiến cho dân, cho nước những hành động thiết thực.

Lao động để kiếm sống hay để vô sản hóa?

Có nhiều cách để lao động và lao động cũng có nhiều mục đích. Lao động chân tay và lao động trí óc đều vinh quang như nhau mặc dù nặng nhọc rất khác nhau. Không phải lao động nào cũng là vô sản và không phải cứ đi vào lao động nào cũng là vô sản hóa.

Thực tế là thời thuộc địa, chỉ có một tỷ lệ nhỏ may mắn trong số hàng triệu người nông dân thất nghiệp bị bần cùng hóa dưới chế độ hà khắc của thực dân phong kiến kia là "được" bán sức lao động cho nhà tư bản để trở thành công nhân vô sản.

Như thế, trở thành người vô sản là một cách lao động kiếm sống khi bán sức lao động cho nhà tư bản và phải lao động cực nhọc, có khi "Bán thân đổi mấy đồng xu; thịt xương vùi gốc cao su mấy tầng"... Vô sản dưới chế độ thuộc địa là có điều kiện, không phải ai ai cũng trở thành người vô sản thực thụ được, bởi đa số là vô sản do thất nghiệp, vô sản do không còn tài sản, vô sản bần cùng. Thực chất người vô sản dưới chế độ thuộc địa là người lao động kiếm sống, hoặc trước hết để kiếm sống, không thể không lấy kiếm sống làm mục đích tối hậu cho lao động, nhất là số lao động nghèo và đông đảo trong dân cư.

Liên hệ đến trường hợp của Văn Ba với nghề phụ bếp trên chiếc tàu buôn Amiran Latutsơ Tơrêvin khởi hành từ Sài Gòn (năm 1911), đi sang châu Âu, châu Phi và châu Mỹ, lại trở về châu

Âu. Nghề phụ bếp làm dưới gầm tàu, bên cạnh là những người đầu bếp và phụ bếp, xung quanh là bếp và chất đốt, thực phẩm và nồi niêu xoong chảo, bát đĩa và phụ kiện…

Người lao động ấy kể rằng: "*Phụ bếp trên tàu, mỗi ngày anh ta phải làm từ bốn giờ sáng, quét dọn sạch sẽ nhà bếp lớn trên tàu, tối đốt lửa trong các lò. Sau đó đi khuân than, rồi xuống hầm lấy rau, thịt cá, nước đá v.v. Công việc khá nặng nhọc vì dưới bếp rất nóng và trong hầm rất rét. Nhất là khi vừa phải vác một bao nặng vừa leo lên những bậc thang trong khi tàu tròng trành. Xong công việc ấy, phải dọn cho bọn chủ bếp Pháp ăn. Sau đấy, nhặt rau, rửa chảo nồi và đun lò lại. Công việc kéo dài suốt ngày. Nhà bếp lo cho bảy, tám trăm người cả nhân viên và hành khách. Có nhiều cái chảo bằng đồng lớn và nặng quá, đến nỗi anh Ba phải kéo lê trên sàn. Và những cái nồi cao quá, anh phải leo lên ghế để chùi nồi*"[1].

Nghề lao động này không chỉ vất vả mà còn nguy hiểm nữa. Hãy nghe thêm chuyện rùng rợn của cái nghề kiếm sống trên tàu buôn: "*Một lần, dọc đường, anh Ba suýt chết đuối. Biển nổi sóng. Làn sóng to như những quả núi chồm lên đổ xuống. Hầu hết mọi người say sóng. Như mọi ngày, anh Ba đi lên đi xuống từ bếp đến hầm. Không thể vác những rổ rau lên vai vì tàu tròng trành, anh phải buộc rổ rau vào dây sắt để kéo đi, chuyến thứ hai một ngọn sóng lớn thình lình phủ lên sàn tàu và cuốn xuống biển mọi vật trên sàn tàu. Cả những rổ rau và anh Ba nữa. Anh bị đẩy vào giữa cột buồm và dây xích, nhờ vậy mà thoát chết*"[2].

Lao động và hiểm nguy, hành trình nghề phụ bếp trên tàu lênh đênh và trôi dạt, Văn Ba cùng bao người lao động "hạng thấp hèn" chẳng quản địa vị và thụ hưởng, chỉ cần có cái ăn để sống và đi. Ở những nơi sống và đi như thế, Văn Ba lao động khổ cực cùng với

1 Trần Dân Tiên, *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch*, Nxb. Văn học, Hà Nội, 2001.

2 Trần Dân Tiên, Sđd.

bao người lao động khổ cực, cảm thông với bao người cảm thông, chứng kiến tất cả những gì người lao khổ khác cùng chứng kiến. Đó là quá trình lao động và đồng cảm, cảm thông và chia sẻ, giúp cho người lao động mưu sinh và hy vọng.

Người lao động Văn Ba ấy đồng cảm và thật xót xa: "*Những người Pháp ở Pháp phần nhiều là tốt. Song những người Pháp thực dân rất hung ác, vô nhân đạo. Ở đâu chúng nó cũng thế. Ở ta, tôi cũng thấy chuyện như thế xảy ra ở Phan Rang. Bọn Pháp cười sặc sụa trong khi đồng bào ta chết đuối vì chúng nó. Đối với bọn thực dân, tính mạng của người thuộc địa, da vàng hay da đen cũng không đáng một xu*"[1].

Đến nước Anh vào lúc Chiến tranh thế giới thứ nhất sắp bùng nổ, người lao động Văn Ba - Nguyễn Ái Quốc tiếp tục làm nghề cào tuyết, đốt lò rồi phụ bếp cho khách sạn. Anh kể rằng: "*Hôm thứ nhất, tôi nhận việc cào tuyết trong một trường học. Một công việc rất mệt nhọc. Mình mẩy tôi đẫm mồ hôi mà tay chân thì rét cóng. Và cuốc được đống tuyết cũng rất khó khăn vì tuyết trơn. Sau tám giờ làm công việc này, tôi mệt lử và đói bụng. Tôi đành phải bỏ việc. Ông hiệu trưởng là một người tốt. Ông ấy trả cho tôi cả ngày làm việc sáu đồng và vừa nói vừa cười: "Chính thế, công việc này quá sức anh". Hai ngày sau tôi tìm được một việc khác. Lần này thì phải đốt lò. Từ năm giờ sáng, một người nữa với tôi chui xuống hầm để nhóm lửa. Suốt ngày chúng tôi đổ than thay than trong lò. Ở đây thật đáng sợ. Luôn luôn ở trong cảnh tranh tối tranh sáng. Tôi không biết người ta làm cái gì ở tầng trên, vì không bao giờ tôi lên đấy. Người bạn tôi là một người âm thầm, có lẽ anh ta câm. Suốt hai ngày làm việc, anh ta không hề nói một tiếng. Anh vừa làm việc vừa hút thuốc. Khi nào anh ta cần tôi làm việc thì anh ta ra hiệu. Nhưng không nói một tiếng. Trong hầm hết sức nóng, ngoài trời hết sức rét, và không có đủ quần áo, tôi luôn bị cảm. Vì vậy, tôi nghỉ việc luôn hai tuần lễ. Với số tiền để dành,*

1 Trần Dân Tiên, Sđd.

tôi trả tiền phòng, tiền bơ và bánh mì, và sáu bài học chữ Anh. Khi chỉ còn sáu hào nữa, tôi đến sở tìm việc ở Sô-hô, và người ta đưa tôi đến đây. Công việc làm từ tám giờ đến mười hai giờ và chiều từ năm giờ đến mười giờ"[1].

Câu chuyện sau đây cho ta biết thêm về người lao động ấy suy nghĩ và hành động thế nào trong công việc. *"Những người phục vụ, sau khi dọn chỗ khách ăn, phải dọn bát đĩa, bỏ tất cả chén bát và thức ăn lẫn lộn vào trong một cái thang điện đưa xuống bếp. Lúc bấy giờ người dọn dẹp phải để đồ đạc riêng một bên, bát đĩa để riêng một bên để người ta đem đi rửa. Khi đến lượt anh Ba, anh làm rất cẩn thận. Đáng lẽ vứt thức ăn thừa vào một cái thùng, đôi khi còn cả phần tư con gà, những miếng bít-tết to tướng v.v. thì anh giữ gìn sạch sẽ và đưa lại cho nhà bếp"*[2]. Thì ra sống với hạng người giàu sang, công việc và tiện nghi đầy đủ ở khách sạn Tây, mà Văn Ba vẫn giữ nguyên phong thái người lao động nghèo Á Đông không phí phạm "của trời". Từ rửa bát sang làm bánh và có thể chuyển nhiều công việc "tầm thường" khác nữa, Văn Ba vẫn giữ đức tính ấy, thương người lao động nghèo khổ.

Trong điều kiện chiến tranh, ở Luân Đôn hay Paris, xã hội phương Tây chắc cũng như phương Đông, đời sống người lao động ở đâu cũng kham khổ và cùng cực; Văn Ba (sau đổi sang tên ông Nguyễn) vẫn kiếm sống bằng chính sức lao động của mình. Sau chiến tranh, sống giữa thủ đô Paris tráng lệ của nước Pháp, vẫn thấy ông Nguyễn đi rửa ảnh, làm tranh trên gốm, làm báo... và ông Nguyễn phải dựa vào sự trợ giúp, chỉ dẫn của Phan Châu Trinh, Phan Văn Trường, Nguyễn Thế Truyền cùng nhiều người khác, để lao động kiếm tiền cho mưu sinh và học tập.

Tuổi thanh niên trôi qua nhưng sức lực làm việc của người lao động Nguyễn Ái Quốc vẫn tràn đầy. Cuộc sống trên đất Pháp

1 Trần Dân Tiên, Sđd.
2 Trần Dân Tiên, Sđd.

của ông để lao động và kiếm sống được kể: "*Mỗi buổi mai, ông Nguyễn nấu cơm trong một cái sanh nhỏ bằng sắt tây đặt trên ngọn đèn dầu. Với một con cá mắm hoặc một tí thịt. Ông ăn một nửa và để dành một nửa đến chiều. Có khi một miếng bánh mì với một miếng pho-mát là đủ ăn cả ngày. Ông trọ ở một phòng nhỏ trong một khách sạn rẻ tiền ở xóm lao động. Phòng chỉ vừa kê một cái giường sắt chật, một cái bàn nhỏ và một cái ghế. Chỉ thế thôi, không có gì khác. Về mùa đông lạnh, mỗi buổi sáng trước khi đi làm, ông để một viên gạch vào lò bếp của khách sạn. Chiều đến, ông lấy viên gạch ra, bọc nó vào trong những tờ báo cũ, để xuống nệm cho đỡ rét*"[1].

Chỉ thế thôi, cũng đủ thấy người lao động Văn Ba - Nguyễn Ái Quốc không có gì khác với hàng triệu, hàng triệu người cần lao trên thế giới và thuộc địa An Nam. Chính vì không có gì cách biệt nên người lao động Văn Ba - Nguyễn Ái Quốc đã thương cảm với số phận của công nông chiếm tuyệt đại đa số trong tỷ lệ dân cư các quốc gia dân tộc bị áp bức trên thế giới cũng như ở trong nước. Chính trong quá trình lao động ấy, Văn Ba - Nguyễn Ái Quốc đã thu phục sự cảm mến, gần gũi, tin cậy của nhiều người, từ giàu sang đến nghèo hèn, cả nhà quyền quý lẫn kẻ mạt hạng.

Tất yếu đến với học thuyết về lao động

Từ khi chủ nghĩa tư bản ra đời đã có bóc lột lao động làm thuê, do đó đã có đấu tranh để giải phóng lao động, giải phóng áp bức dân tộc. Học thuyết Mác - Lênin là học thuyết về giải phóng lao động, giải phóng các dân tộc bị áp bức; học thuyết này chỉ đến với những người lao động, nhất là những người đã hóa thân vào lao động.

Hành trình lao động của Văn Ba - Nguyễn Ái Quốc đã xác lập một cách tự nhiên vị trí người đại diện cho giới cần lao cũng như đại diện cho các dân tộc bị áp bức đang mong muốn giải phóng lao động, giải phóng dân tộc bị áp bức.

1 Trần Dân Tiên, Sđd.

Văn Ba - Nguyễn Ái Quốc lao động để kiếm sống và để đi chính là cách hóa thân vào thế giới cần lao, trở thành một cá thể - một tế bào của thế giới ấy. Dày dặn kinh nghiệm trong khoảng 10 năm lao động kiếm sống đã cho phép Văn Ba - Nguyễn Ái Quốc đi khắp nơi trên thế giới; lại hóa thân vào thế giới cần lao ở khắp nơi như thế, đã giúp cho Nguyễn Ái Quốc tiếp cận học thuyết về lao động và giải phóng thế giới bị áp bức - học thuyết Mác - Lênin.

Cách tiếp cận như thế cùng với sự dẫn dắt của những người hoạt động chính trị, đã đưa ông đến tham gia Đảng Xã hội Pháp. Tại đây, có các đồng chí thân thiện trong Đảng Xã hội Pháp giúp đỡ giảng giải và định hướng. Làm cơ sở - tiền đề trực tiếp cho sự bắt gặp tư tưởng giải phóng dân tộc, giải phóng thuộc địa, giải phóng lao động.

Tháng 7-1920 Nguyễn Ái Quốc đọc bài của Lênin đăng trên báo *Nhân đạo* của Đảng Xã hội Pháp; đó là sự bắt gặp của quá trình tìm kiếm lâu dài trong lao động kiếm sống và hóa thân vào vô sản, với *Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa.*

Nguyễn Ái Quốc đọc và "*vui mừng đến phát khóc lên. Ngồi một mình trong buồng mà tôi nói to lên như đang nói trước quần chúng đông đảo: Hỡi đồng bào bị đọa đày đau khổ ! Đây là cái cần thiết cho chúng ta, đây là con đường giải phóng chúng ta !*"[1].

Lịch sử hành trình lao động kiếm sống suốt 10 năm trên nhiều quốc gia khắp năm châu bốn biển, trở thành lịch sử tìm đường cứu nước của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc. Đó là lịch sử lao động kiếm sống một cách chân chính và đích thực. Chính trong quá trình đó, Người khảo sát, học hỏi và tìm ra chân lý về con đường cứu nước và giải phóng dân tộc.

Không chỉ từ khi có con người và xã hội loài người, mà ngày nay cũng vậy, lao động vẫn là phương cách để con người tồn tại

1 Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 10, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, tr. 127.

và phát triển. Nhưng hiếm có quá trình lao động kiếm sống nào lại phải bôn ba năm châu bố bể như Nguyễn Ái Quốc, và càng hiếm có quá trình lao động của người yêu nước nào lại kết hợp với tìm tòi, khám phá, khảo sát, học hỏi và hóa thân để tìm kiếm và phát hiện chân lý.

Người lao động Văn Ba - Nguyễn Ái Quốc đã trải nghiệm bằng lao động và đã thành công từ thực tế trải nghiệm hóa thân. Đó cũng là minh chứng hùng hồn cho con đường đi đến thành công của lứa tuổi thanh niên biết trải nghiệm bằng lao động . Đó cũng là cách thiết thực nhất để ngày nay mỗi người Việt Nam có thể học tập và làm theo tấm gương đạo đức của Hồ Chí Minh và thực hiện theo phương châm sống mà Bác Hồ đã đúc kết:

"Không có việc gì khó
Chỉ sợ lòng không bền
Đào núi và lấp biển
Quyết chí ắt làm nên"

CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH TÌM ĐƯỜNG CỨU NƯỚC GIẢI PHÓNG DÂN TỘC

NGUYỄN VĂN CÔNG*

1. Bối cảnh Chủ tịch Hồ Chí Minh ra đi tìm đường cứu nước

Cuối thế kỷ XIX, đất nước ta bị rơi vào cảnh nô lệ lầm than dưới ách thuộc địa của thực dân Pháp. Nhân dân Việt Nam đã liên tiếp nổi dậy chống lại ách thống trị của thực dân Pháp dưới ngọn cờ của một số nhà yêu nước tiêu biểu nối tiếp nhau, song đều lần lượt thất bại. Nguyễn Tất Thành (tên thời niên thiếu của Chủ tịch Hồ Chí Minh) sinh ra trong một gia đình nhà Nho nghèo yêu nước, sống gần gũi với những người nông dân trong một vùng đất được coi là "địa linh nhân kiệt". Người đã sớm hiểu biết và rất đau xót trước cảnh thống khổ của đồng bào, sớm có chí đánh đuổi thực dân Pháp, giải phóng cho đồng bào.

Ở tuổi thiếu niên, Nguyễn Tất Thành được cha gửi tới học tiếng Hán với các thầy giáo là các nhà Nho yêu nước, được tiếp xúc với các sĩ phu yêu nước trong vùng tại nhà thầy. Người đã tham gia công tác bí mật, nhận công việc liên lạc. Người khâm phục các cụ Phan Đình Phùng, Hoàng Hoa Thám, Phan Châu Trinh và Phan Bội Châu, nhưng không hoàn toàn tán thành cách làm của một người nào. Vì theo Người, cụ Phan Châu Trinh chỉ yêu cầu người Pháp thực hiện cải lương "chẳng khác gì xin giặc

* Phó Giám đốc Khu di tích Chủ tịch Hồ Chí Minh tại Phủ Chủ tịch.

rủ lòng thương". Cụ Phan Bội Châu hy vọng Nhật giúp đỡ để đuổi Pháp. Điều đó rất nguy hiểm, chẳng khác gì "đưa hổ cửa trước, rước beo cửa sau". Cụ Hoàng Hoa Thám còn thực tế hơn, vì trực tiếp đấu tranh chống Pháp. Nhưng theo lời người ta kể thì cụ còn nặng cốt cách phong kiến.

Từ những bài học lịch sử của các bậc cha, anh và khảo nghiệm trong thực tiễn, Nguyễn Tất Thành thấy rằng mọi cách thức tiến hành ở trong nước, hay đi ra nước ngoài, sang Trung Quốc, hay Nhật Bản đều không thể thành công. Những con đường mà các bậc sĩ phu đã đi đều bị kết thúc bằng những thất bại đau đớn. Phải tìm con đường khác, con đường mới; phải đi ra nước ngoài nhưng theo một hướng khác. Đó là kết luận rất quan trọng của người thanh niên Nguyễn Tất Thành. Với lòng yêu nước mãnh liệt và một cách suy nghĩ táo bạo, một trí tuệ hết sức minh mẫn quyết khám phá bằng được con đường giải phóng dân tộc, tư tưởng quyết hướng sang nước Pháp tìm đường cứu nước sớm nảy sinh ở Người từ đó.

Tháng 5-1909, Nguyễn Tất Thành từ giã Huế theo cha vào huyện Bình Khê thuộc tỉnh Bình Định (nay là huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định) nhân ông Nguyễn Sinh Sắc được cử nhận chức tri huyện ở đó. Để tiếp tục việc học tập, từ tháng 9-1909, Nguyễn Tất Thành được cha gửi đến Quy Nhơn để học thêm tiếng Pháp với thầy giáo Phạm Ngọc Thọ dạy tại Trường tiểu học Pháp - bản xứ Quy Nhơn theo chương trình lớp cao đẳng. Ông Phạm Ngọc Thọ kính trọng quan thừa biện Nguyễn Sinh Huy và rất mến Tất Đạt, Tất Thành. Tất Thành rất yêu quý Phạm Ngọc Thạch, con trai ông Thọ[1].

Đầu tháng 8-1910, Nguyễn Tất Thành tạm biệt Quy Nhơn, đi vào Sài Gòn. Dọc đường đi, Người thấy phong cảnh tươi đẹp, đất

1 Trên đường từ Huế vào Sài Gòn, để đáp tàu ra nước ngoài tìm "con đường giúp đồng bào thoát khỏi ách thống trị của Pháp", Nguyễn Tất Thành, sau này là Nguyễn Ái Quốc, tức là Chủ tịch Hồ Chí Minh muôn vàn kính yêu, đã dừng chân lại tỉnh Bình Định một thời gian đáng kể. Khoảng thời gian đó nếu tính đến đầu tháng 8-1910 là hơn 12 tháng, từ 18-5-1909 đến 30-7-1910.

đai màu mỡ, rừng vàng biển bạc, nhưng đâu đâu cũng có những con người lam lũ, rách rưới. Lần theo ven biển đi đến Phan Rang, Người thấy một cảnh tượng đau lòng mà mấy năm sau, Người còn nhắc lại với một người bạn: "Những người Pháp ở Pháp phần nhiều là tốt. Song những người Pháp thực dân rất hung ác, vô nhân đạo. Ở đâu chúng nó cũng thế. Ở ta, tôi cũng thấy chuyện như thế xảy ra ở Phan Rang. Bọn Pháp cười sặc sụa trong khi đồng bào ta chết đuối vì chúng nó".

Tháng 9-1910 đến trước tháng 2-1911, Nguyễn Tất Thành dạy học ở trường Dục Thanh (Phan Thiết). Thầy giáo Thành được phân công dạy chữ Hán và chữ Quốc ngữ cho học sinh lớp nhì. Thầy dạy rất tận tâm, hết lòng thương yêu, chăm sóc học sinh. Thầy đã trao đổi với các thầy giáo và học sinh những suy nghĩ của mình về thân phận người dân mất nước nhiệm vụ cứu nước của mỗi người dân Việt Nam, trước hết là thanh niên có học thức. Vấn đề thầy Thành đặt ra cũng là nỗi băn khoăn chung của thầy và trò, nên đã có ngay được sự đồng cảm sâu sắc. Họ đã cùng nhau đào sâu chí căm thù và bồi dưỡng lòng tự hào về truyền thống yêu nước của dân tộc, bày mưu tính kế đánh đuổi quân thù. Sau mấy tháng dạy học ở trường Dục Thanh, Nguyễn Tất Thành rời trường đi vào Sài Gòn, thực hiện hoài bão từng nung nấu là tìm cách đi sang Pháp và các nước phương Tây để xem "họ làm như thế nào rồi trở về giúp đồng bào chúng ta". Trước ngày 2-6-1911, Nguyễn Tất Thành bàn với một số người bạn thân về chuyến đi ra nước ngoài. Người nói: tôi muốn đi ra ngoài, xem nước Pháp và các nước khác. Sau khi xem xét họ làm như thế nào, tôi sẽ trở về giúp đồng bào chúng ta. Nhưng nếu đi một mình, thật ra cũng có điều mạo hiểm, ví như khi đau ốm... Anh muốn đi với tôi không? Khi người bạn hỏi lấy đâu ra tiền mà đi, anh Thành vừa nói vừa giơ hai bàn tay: Đây, tiền đây... chúng ta sẽ làm việc. Chúng ta sẽ làm bất cứ việc gì để sống và để đi.

Ngày 2-6-1911, Nguyễn Tất Thành xin làm việc ở tàu Amiral Latouche Tréville (Amiran Latusơ Tơrêvin), một tàu lớn vừa chở

hàng vừa chở khách của hãng Năm Sao đang chuẩn bị rời Cảng Sài Gòn đi Marseille (Mácxây), Pháp. Ngày 3-6-1911, Nguyễn Tất Thành bắt đầu làm việc ở tàu Amiran Latusơ Tơrêvin, nhận thẻ nhân viên của tàu với tên: Văn Ba.

2. Hành trình Chủ tịch Hồ Chí Minh ra nước ngoài tìm đường cứu nước giải phóng dân tộc

Ngày 5-6-1911, trên con tàu Đô đốc Latusơ Tơrêvin, từ bến cảng Sài Gòn, Nguyễn Tất Thành rời Tổ quốc ra đi tìm đường cứu nước. Theo hành trình của tàu, Nguyễn Tất Thành đã dừng chân ở cảng Mácxây, cảng Lơ Havơrơ (Le Havre) của Pháp. Những ngày đầu tiên trên đất Pháp, được chứng kiến ở Pháp cũng có những người nghèo như ở Việt Nam, Người nhận thấy có những người Pháp trên đất Pháp tốt và lịch sự hơn những tên thực dân Pháp ở Đông Dương.

Về mục đích ra đi của mình, năm 1923 Người đã trả lời một nhà báo Nga rằng: *"Khi tôi độ mười ba tuổi, lần đầu tiên tôi được nghe ba chữ Pháp Tự do, Bình đẳng, Bác ái. Đối với chúng tôi, người da trắng nào cũng là người Pháp. Người Pháp đã nói thế. Và từ thuở ấy, tôi rất muốn làm quen với nền văn minh Pháp, muốn tìm xem những gì ẩn giấu đằng sau những chữ ấy"*[1]. Một lần khác trả lời một nhà văn Mỹ, Người nói: *"Nhân dân Việt Nam trong đó có ông cụ thân sinh ra tôi, lúc này thường tự hỏi nhau ai sẽ là người giúp mình thoát khỏi ách thống trị của Pháp. Người này nghĩ là Anh, có người lại cho là Mỹ. Tôi thấy phải đi ra nước ngoài xem cho rõ. Sau khi xem xét họ làm ăn ra sao, tôi sẽ trở về giúp đồng bào tôi"*[2].

Để tiếp tục thực hiện mục đích đó, năm 1912, Nguyễn Tất Thành làm thuê cho một chiếc tàu của hãng Charge Réuni (Sácgiơ Rêuyni) đi vòng quanh châu Phi, đã có dịp dừng lại ở những bến cảng của một số nước như Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha, Angiêri, Tuynidi, Cônggô, Đahômây, Xênêgan, Rêuyniông... Đến đâu

1 Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 1, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, tr. 477.
2 Báo *Nhân dân*, số 4062, ngày 18-5-1965.

Người cũng thấy cảnh khổ cực của người lao động dưới sự áp bức bóc lột dã man, vô nhân đạo của bọn thống trị. Một trong những cảnh ấy Người đã trông thấy ở Đaca (Dacar): "Đến Đaca, bể nổi sóng rất dữ. Tàu không thể vào bờ. Cũng không thể thả canô xuống vì sóng rất to. Để liên lạc với tàu, bọn Pháp trên bờ bắt những người da đen phải bơi ra chiếc tàu. Một, hai, ba, bốn người da đen nhảy xuống nước. Người này đến người kia, họ bị sóng bể cuốn đi"[1]. Cảnh tượng đó làm cho Nguyễn Tất Thành rất đau xót. Người liên tưởng một cách tự nhiên đến số phận của người dân Việt Nam, đồng bào khốn khổ của mình. Họ cũng là nạn nhân của sự hung ác, vô nhân đạo của bọn thực dân. Những sự việc như vậy diễn ra khắp nơi trên đường Người đi qua, tạo nên ở Người mối đồng cảm sâu sắc với số phận chung của nhân dân các nước thuộc địa.

Nguyễn Tất Thành theo con tàu tiếp tục đi qua Mácticích (Martinique) (Trung Mỹ), Urugoay và Áchentina (Nam Mỹ) và dừng lại ở nước Mỹ cuối năm 1912. Tại đây, Người có dịp tìm hiểu cuộc đấu tranh giành độc lập của nhân dân Mỹ với bản *Tuyên ngôn độc lập* nổi tiếng trong lịch sử. Người vừa đi làm thuê để kiếm sống vừa tìm hiểu đời sống của những người lao động Mỹ. Người đã đến thăm quận Brúclin (Brooklin) của thành phố Niu Óoc (New York). Người đi xe điện ngầm đến khu Háclem (Harlem) để tìm hiểu đời sống và cuộc đấu tranh chống phân biệt chủng tộc của những người da đen. Ở nước Mỹ không lâu nhưng Nguyễn Tất Thành đã sớm nhận ra bộ mặt thật của đế quốc Hoa Kỳ. Đằng sau khẩu hiệu "cộng hòa dân chủ" của giai cấp tư sản Mỹ là những thủ đoạn bóc lột rất tàn bạo. Người cảm thông sâu sắc với đời sống của người dân lao động da đen và rất căm giận những kẻ phân biệt chủng tộc, hành hình người da đen một cách man rợ, mà sau này Người đã viết lại trong bài báo *Hành hình kiểu Linsơ*.

Đầu năm 1913, Nguyễn Tất Thành theo tàu rời Mỹ trở về Le Havre (Lơ Havơrơ), sau đó sang Anh. Đến nước Anh, để kiếm tiền

1 Trần Dân Tiên, *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1975, tr. 23.

sinh sống. Người nhận cào tuyết cho một trường học, rồi làm thợ đốt lò. Công việc hết sức nặng nhọc, nhưng Người đã tranh thủ học tiếng Anh. Nguyễn Tất Thành gửi thư liên hệ với cụ Phan Châu Trinh, lúc này đang ở Pháp, thông báo tình hình sinh hoạt, học tập của mình, hỏi thăm tình hình người thân của cụ Phan. Trong thư Nguyễn Tất Thành cũng bày tỏ và thăm dò ý kiến của cụ Phan về tình hình thời cuộc. Cuối năm 1913, Nguyễn Tất Thành đến làm thuê ở khách sạn Đraytơn Cớc, đại lộ Đraytơn, khu Oét Ilinh (Drayton Court, Drayton Av., West Ealing), phía tây Luân Đôn. Một thời gian sau, Nguyễn Tất Thành lại chuyển sang làm phụ bếp ở khách sạn Cáclơtơn (Carlton), phố Hây Makét, một khách sạn sang nổi tiếng ở Luân Đôn. Nguyễn Tất Thành làm việc dưới sự điều khiển của vua bếp Étcốpphie (Escophier), một người Pháp có tư tưởng tiến bộ. Nguyễn Tất Thành được giao nhiệm vụ thu dọn và rửa bát, đĩa, nồi, chảo, v.v.. Những người giàu có khi ăn uống rất lãng phí, bỏ thừa khá nhiều, có khi cả một phần tư con gà. Người gói lại những miếng ngon đưa cho nhà bếp. Ông Étcốpphie chú ý tới việc làm đó và hỏi:

- Tại sao anh không quẳng thức ăn thừa vào thùng như những người kia?

- Không nên vứt đi. Ông có thể cho người nghèo những thứ ấy.

- Ông bạn trẻ của tôi ơi, anh nghe tôi. Ông Étcốpphie vừa nói vừa cười và có vẻ bằng lòng. Tạm thời anh hãy gác ý nghĩ cách mạng của anh lại một bên, và tôi sẽ dạy cho anh cách làm bếp, làm ngon anh sẽ được nhiều tiền. Anh bằng lòng chứ?"[1]. Từ đó, ông chuyển Nguyễn Tất Thành vào chỗ làm bánh với mức lương cao hơn.

Tại Anh, Nguyễn Tất Thành đã hăng hái tham dự những cuộc diễn thuyết ngoài trời của nhiều nhà chính trị và triết học, tham gia Hội những người lao động hải ngoại, ủng hộ cuộc đấu tranh yêu nước của nhân dân Airơlen. Cũng trong thời gian này Người được đọc một tờ báo Anh đưa tin về ông Terence Mac Swiney, Thị trưởng

1 Sđd, tr. 29.

thành phố Coóc (Cork), nhà đại ái quốc Airơlen, đấu tranh chống đế quốc Anh, bị bắt. Trong tù ông đã tuyệt thực. Ông nằm nghiêng một phía, không ăn, không cử động hơn 40 ngày và hy sinh. Hàng ngàn người Airơlen lưu vong nối nhau thành hàng dài trên đường phố Luân Đôn đưa tiễn ông Mac Swiney về yên nghỉ tại Coóc. Nguyễn Tất Thành hết sức xúc động và cảm phục tinh thần bất khuất của ông: *"Can đảm biết bao! Dũng cảm biết bao! Một dân tộc có những người như ông Coóc sẽ không bao giờ đầu hàng"*.[1]

Cuối năm 1917, Nguyễn Tất Thành từ Anh trở lại Pháp để có điều kiện trực tiếp hoạt động trong phong trào Việt kiều và phong trào công nhân Pháp, lúc đầu Nguyễn Tất Thành ở phố Sarôn (Charonne) trong một thời gian ngắn; từ ngày 7 đến 11-6-1919 ở nhà số 10, phố Xtốckhôm (Stockholm); ngày 12-6-1919, chuyển đến ở nhà số 56 phố Mơxiên lơ Pơranhxơ (Monsieur le Prince); tháng 7-1919, ở nhà số 6, phố Vila đê Gôbơlanh (Villa des Gobelins), quận 13; ngày 14-7-1921, chuyển đến ở nhà số 12, phố Buyô. Trong tháng 7-1921, Nguyễn Tất Thành chuyển đến nhà số 9, ngõ Côngpoanh (Compoint), quận 17, một trong những khu lao động nghèo nhất của Thủ đô nước Pháp. Ngày 14-3-1923, Người đến ở nhà số 3, phố Mácsê đê Patơriácsơ.

Đầu năm 1919, Nguyễn Tất Thành gia nhập Đảng Xã hội Pháp - tổ chức duy nhất theo đuổi lý tưởng cao quý của Đại cách mạng Pháp: "Tự do, Bình đẳng, Bác ái". Thay mặt Hội những người yêu nước Việt Nam tại Pháp, Nguyễn Tất Thành cùng Phan Châu Trinh, Phan Văn Trường thảo ra bản *Yêu sách của nhân dân An Nam* gửi tới Hội nghị Vécxây. Dưới bản *Yêu sách* Nguyễn Tất Thành ký tên Nguyễn Ái Quốc. Bản *Yêu sách* gồm tám điểm: *"1. Tổng ân xá cho tất cả những người bản xứ bị án tù chính trị; 2; 3; 4; 5; 6; 7; 8. Đoàn đại biểu thường trực của người bản xứ, do người bản xứ bầu ra, tại Nghị viện Pháp để giúp cho Nghị viện biết được những nguyện vọng của người bản xứ"*[2].

1 Sđd, tr. 29.

2 Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 1, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, tr. 435 - 436.

Thực dân Pháp bắt đầu chú ý tới người có tên Nguyễn Ái Quốc. Trong một lần đến theo dõi buổi nói chuyện ở Hội trường Hooctiquyntơ tại Paris, viên mật thám Pháp Pôn Ácnu (Paul Arnoux) chuyên theo dõi người Việt Nam sống ở Paris, tận mắt chứng kiến Nguyễn Ái Quốc đang phân phát truyền đơn in bản *Yêu sách* cho những người có mặt, đã phải thốt lên dự cảm: *"Con người thanh niên mảnh khảnh và đầy sức sống này có thể là người sẽ đặt chữ thập cáo chung lên nền thống trị của chúng ta ở Đông Dương"*[1].

Qua việc bản *Yêu sách* không được chấp nhận, Nguyễn Ái Quốc nhận thấy, như sau này Người đã viết: *"Chủ nghĩa Uynxơn chỉ là một trò bịp bợm lớn"*[2] và *"Muốn được giải phóng, các dân tộc chỉ có thể trông cậy vào mình, trông cậy vào lực lượng của bản thân mình"*[3].

Cách mạng tháng Mười Nga thành công, phong trào cộng sản và công nhân quốc tế phát triển mạnh mẽ. Quốc tế Cộng sản đã kiên quyết ủng hộ phong trào giải phóng dân tộc ở các nước phương Đông. *Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa* của Lênin được Đại hội lần thứ hai Quốc tế Cộng sản họp năm 1920 thông qua, đã vạch ra đường lối cơ bản cho phong trào cách mạng ở các nước thuộc địa và phụ thuộc. *Luận cương* của Lênin đã chỉ cho Nguyễn Ái Quốc con đường giành độc lập cho dân tộc và tự do cho đồng bào. Sau này, khi kể lại sự kiện quan trọng đó, Người nói: "Luận cương của Lênin làm cho tôi rất cảm động, phấn khởi, sáng tỏ, tin tưởng biết bao! Tôi vui mừng đến phát khóc lên. Ngồi một mình trong buồng mà tôi nói to lên như đang nói trước quần chúng đông đảo: *"'Hỡi đồng bào bị đọa đày đau khổ! Đây là cái cần thiết cho chúng ta,*

1 Hồng Hà, *Thời thanh niên của Bác Hồ*, Nxb. Thanh niên, Hà Nội, 1976, tr. 81.
2 Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 1, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, tr. 416.
3 Trần Dân Tiên, *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1975, tr. 33.

đây là con đường giải phóng chúng ta!' Từ đó, tôi hoàn toàn tin theo Lênin, tin theo Quốc tế thứ ba"[1]. Từ bản *Luận cương* của Lênin, Nguyễn Ái Quốc đã tìm thấy phương hướng và đường lối cơ bản của phong trào cách mạng giải phóng dân tộc, trong đó có cách mạng Việt Nam. Niềm tin ấy là cơ sở tư tưởng để Nguyễn Ái Quốc vững bước đi theo con đường cách mạng triệt để của chủ nghĩa Mác - Lênin.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XVIII Đảng Xã hội Pháp họp từ ngày 25 đến ngày 30-12-1920, tại thành phố Tua (Pháp), Nguyễn Ái Quốc tham dự với tư cách là đại biểu chính thức và được mời phát biểu. Bằng những sự thật, Nguyễn Ái Quốc tố cáo những sự tàn bạo mà bọn thực dân Pháp đã gây ra ở Đông Dương, và cho rằng: *"Đảng Xã hội cần phải hoạt động một cách thiết thực để ủng hộ những người bản xứ bị áp bức"*, rằng *"Đảng phải tuyên truyền chủ nghĩa xã hội trong tất cả các nước thuộc địa... đánh giá đúng tầm quan trọng của vấn đề thuộc địa..."*. Nguyễn Ái Quốc kết thúc bài phát biểu bằng lời kêu gọi thống thiết: *"Nhân danh toàn thể loài người, nhân danh tất cả các đảng viên xã hội, cả phái hữu lẫn phái tả, chúng tôi kêu gọi: Các đồng chí, hãy cứu chúng tôi!"*[2]. Tại đại hội lịch sử này, Nguyễn Ái Quốc đã bỏ phiếu tán thành tham gia Quốc tế III Quốc tế Cộng sản, trở thành một trong những người sáng lập Đảng Cộng sản Pháp, và Người cũng trở thành người cộng sản Việt Nam đầu tiên. Đó là một sự kiện chính trị vô cùng quan trọng trong đời hoạt động cách mạng của Nguyễn Ái Quốc và trong lịch sử cách mạng nước ta. Nếu như cuộc đấu tranh của Nguyễn Ái Quốc tại Hội nghị Versailles (Vécxây) năm 1919 mới là phát pháo hiệu thức tỉnh nhân dân ta trong sự nghiệp đấu tranh chống thực dân Pháp, thì việc Người tham gia sáng lập Đảng Cộng sản Pháp năm 1920 đã đánh dấu một bước chuyển biến quyết định, bước nhảy vọt, thay đổi về chất

1 Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 10, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, tr. 127.
2 Sđd, tập 1, tr. 23 - 24.

trong nhận thức tư tưởng và lập trường chính trị của Người: Từ chủ nghĩa yêu nước đến với chủ nghĩa Lênin. 40 năm sau nhìn lại sự kiện này, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã viết: *"Cá nhân tôi, từ lúc đầu nhờ được học tập truyền thống cách mạng oanh liệt và được rèn luyện trong thực tế đấu tranh anh dũng của công nhân và của Đảng Cộng sản Pháp, mà tôi đã tìm thấy chân lý của chủ nghĩa Mác - Lênin, đã từ một người yêu nước tiến bộ thành một chiến sĩ xã hội chủ nghĩa"*[1].

Thời kỳ Nguyễn Ái Quốc khảo sát, nghiên cứu để lựa chọn con đường giải phóng dân tộc Việt Nam khỏi ách nô lệ của bọn thực dân, phong kiến. Bước đầu Người rút ra kết luận quan trọng là: ở đâu chủ nghĩa tư bản cũng tàn ác và vô nhân đạo, ở đâu nhân dân lao động cũng bị áp bức, bóc lột rất dã man; các dân tộc thuộc địa đều có một kẻ thù chung là bọn đế quốc thực dân. Người nhận rõ giai cấp công nhân và nhân dân lao động các nước đều là bạn, chủ nghĩa đế quốc ở đâu cũng là kẻ thù. Sau này Người đã khái quát thành một chân lý: *"Dù màu da có khác nhau, trên đời này chỉ có hai giống người: giống người bóc lột và giống người bị bóc lột. Mà cũng chỉ có một tình hữu ái là thật mà thôi: tình hữu ái vô sản"*[2]. Từ thực tế lao động, học tập, thâm nhập đời sống những người lao động, phân tích tình hình chính trị thế giới, tiếp cận với chủ nghĩa Mác - Lênin, Nguyễn Ái Quốc đã lựa chọn con đường cứu nước đúng đắn, đó là con đường cách mạng vô sản mà sau này Người đã đúc kết: *"Muốn cứu nước và giải phóng dân tộc không có con đường nào khác con đường cách mạng vô sản"*[3].

Việc Nguyễn Ái Quốc tiếp thu chủ nghĩa Mác - Lênin đi từ chủ nghĩa yêu nước đến với chủ nghĩa Mác - Lênin và sau đó ra sức truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin vào Việt Nam đã thúc đẩy

1 Sđd, tập 10, tr. 241.
2 Sđd, tập 1, tr. 266.
3 Sđd, tập 9, tr. 314.

các phong trào công nhân và phong trào yêu nước Việt Nam, cách mạng Việt Nam phát triển đúng hướng.

3. Chủ tịch Hồ Chí Minh về nước lãnh đạo cách mạng Việt Nam giành thắng lợi

Sau 30 năm bôn ba tìm đường cứu nước, trước yêu cầu mới của tình hình và được Quốc tế Cộng sản chấp nhận, ngày 28-1-1941, Nguyễn Ái Quốc lên đường về nước lãnh đạo cách mạng Việt Nam giải phóng dân tộc. Ngày 8-2-1941, Nguyễn Ái Quốc ở hang Cốc Bó (hang Cốc Bó thuộc địa phận làng Pác Bó, xã Trường Hà, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng, với bí danh Già Thu). Từ đây, Người trực tiếp lãnh đạo cách mạng Việt Nam. Từ ngày 10 đến ngày 19-5-1941, Nguyễn Ái Quốc chủ trì Hội nghị lần thứ VIII của Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương. Trên cơ sở đánh giá tình hình giai cấp và xã hội Việt Nam trong hoàn cảnh chiến tranh thế giới, với quan điểm lý luận gắn với thực tiễn cách mạng, Hồ Chí Minh nêu cao vấn đề giải phóng dân tộc, coi đó là nhiệm vụ hàng đầu của cách mạng. Người kêu gọi: *"Trong lúc này quyền lợi dân tộc giải phóng cao hơn hết thảy. Chúng ta phải đoàn kết lại đánh đổ bọn đế quốc và bọn Việt gian đặng cứu giống nòi ra khỏi nước sôi lửa nóng"*[1].

Tiếp thu tư tưởng chỉ đạo của Người, Nghị quyết Hội nghị lần thứ tám của Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương ghi rõ: "Trong lúc này nếu không giải quyết được vấn đề dân tộc giải phóng, không đòi được độc lập, tự do cho toàn thể dân tộc thì chẳng những toàn thể quốc gia dân tộc còn chịu mãi kiếp ngựa trâu mà quyền lợi của bộ phận, giai cấp đến vạn năm cũng không đòi lại được". Đồng thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh sáng lập ra Mặt trận Việt Nam độc lập đồng minh (gọi tắt là Việt Minh) nhằm đoàn kết mọi lực lượng yêu nước, chống đế quốc, giành độc lập

1 Sđd, tập 3, tr. 198.

dân tộc, không phân biệt dân tộc, giai cấp, đảng phái, tôn giáo... Nhằm phát huy sức mạnh của ba dân tộc Việt, Miên, Lào dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Đông Dương, theo sự chỉ đạo của Hồ Chí Minh, Hội nghị chủ trương: ở Lào và ở Campuchia thành lập mặt trận thống nhất riêng của hai dân tộc: Ái Lão độc lập đồng minh và Cao Miên độc lập đồng minh. Sau khi cách mạng thắng lợi, mỗi quốc gia sẽ thành lập một chính phủ riêng và độc lập. Đối với nước ta, Hội nghị chủ trương thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, lấy cờ đỏ với ngôi sao vàng năm cánh ở giữa làm quốc kỳ.

Để đoàn kết toàn dân một cách rộng rãi, thực hiện chủ trương cứu nước do Hội nghị Trung ương lần thứ tám nêu ra, trong bản Chương trình hành động, Việt Minh đã đề ra những chính sách cụ thể nhằm đoàn kết các tầng lớp nhân dân, tiến lên Tổng khởi nghĩa giành chính quyền trong cả nước. Cùng với Kính cáo đồng bào của Nguyễn Ái Quốc (Hồ Chí Minh), ngày 6-6-1941, những chính sách cụ thể, hợp lòng dân của Việt Minh đã quy tụ toàn dân dưới ngọn cờ của Đảng do Hồ Chí Minh lãnh đạo, đưa Cách mạng tháng Tám 1945 đến thắng lợi. Ngày 2-9-1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt quốc dân đọc bản Tuyên ngôn Độc lập tại Quảng trường Ba Đình (Hà Nội), tuyên bố nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời - Nhà nước dân chủ nhân dân đầu tiên ở Đông Nam Á.

Thắng lợi của Cách mạng tháng Tám là thắng lợi của ý chí độc lập tự chủ, tự lực, tự cường của dân tộc Việt Nam và là thắng lợi vĩ đại đầu tiên của tư tưởng Hồ Chí Minh ở một nước thuộc địa, nửa phong kiến. Cách mạng tháng Tám thành công, nước Việt Nam bước vào kỷ nguyên độc lập tự do và chủ nghĩa xã hội. Hồ Chí Minh được toàn dân bầu làm Chủ tịch của nước Việt Nam mới. Với cương vị cao quý ấy, tư tưởng cách mạng và khoa học của Người được thể chế bằng Hiến pháp và pháp luật hiện hành của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (1946).

Nhưng nhân dân Việt Nam giành được độc lập chưa bao lâu thì thù trong giặc ngoài cấu kết với nhau đẩy nước lâm vào cảnh "nghìn cân treo sợi tóc". Dưới sự lãnh đạo của Hồ Chí Minh, nhân dân Việt Nam bước vào cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp lần thứ hai. Đường lối kháng chiến đúng đắn của Hồ Chí Minh và của Đảng đã dẫn dắt nhân dân ta làm nên chiến thắng Điện Biên Phủ chấn động địa cầu, lập lại hòa bình ở Đông Dương. Hòa bình được lập lại, nhưng đất nước tạm thời bị chia cắt thành hai miền. Hồ Chí Minh cùng Trung ương Đảng đã sớm xác định rõ kẻ thù chính của cách mạng Việt Nam trong giai đoạn mới là đế quốc Mỹ, và vạch ra đường lối cùng một lúc thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược: Miền Nam tiếp tục thực hiện nhiệm vụ cách mạng dân tộc, dân chủ; miền Bắc đã được hoàn toàn giải phóng, từng bước tiến dần lên chủ nghĩa xã hội. Lần đầu tiên trong lịch sử, một nước thuộc địa nửa phong kiến, được một Đảng Cộng sản lãnh đạo đã cùng một lúc tiến hành hai nhiệm vụ chiến lược và quá độ lên chủ nghĩa xã hội không qua chế độ tư bản chủ nghĩa. Trong điều kiện ấy, tư tưởng Hồ Chí Minh ngày càng phát triển và thấm sâu vào thực tiễn cách mạng Việt Nam.

CUỘC HÀNH TRÌNH VĂN HÓA, CHÍNH TRỊ CỦA MỘT TƯ DUY ĐỘC LẬP, TỰ CHỦ, SÁNG TẠO

PGS. TS. BÙI ĐÌNH PHONG*

Bác Hồ ra đi tìm đường cứu nước cách đây 100 năm là sự kiện có ý nghĩa lịch sử và giá trị thời đại sâu sắc bởi hành động của Người không chỉ xuất phát từ yêu cầu của lịch sử dân tộc mà còn đáp ứng xu thế của thời đại. Sự kiện đó chứa đựng những giá trị văn hóa và chính trị to lớn, để lại dấu ấn trí tuệ, bản lĩnh của một nhân cách. Sau 10 năm (1911 - 1920), Nguyễn Ái Quốc đến với chủ nghĩa Mác - Lênin, tìm được con đường cứu nước đúng đắn: giải phóng dân tộc theo con đường cách mạng vô sản. Xét đến cùng, đó là thành quả cuộc hành trình văn hóa, chính trị của một tư duy độc lập, tự chủ, sáng tạo.

1. Hành trình văn hóa: Sự tích hợp văn hóa Đông phương và Tây phương trên nền văn hóa dân tộc vững chắc

Theo các tài liệu được công bố chính thức hiện nay, Hồ Chí Minh lúc còn nhỏ, vào trạc 8 tuổi mới bắt đầu học chữ Hán. Thầy dạy đầu tiên của Người là thân phụ Nguyễn Sinh Sắc. Vào trạc tuổi 13, Nguyễn Tất Thành vào học lớp dự bị (préparatoire) Trường Tiểu học Pháp - bản xứ ở thành phố Vinh. Đây là loại trường đặt ở các thành phố và các tỉnh lớn để dạy tiếng Pháp kèm thêm quốc ngữ và chữ Hán theo nghị định năm 1905 của toàn quyền Đông Dương

* Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh.

Paul Doumer (Pôn Đume). Khi đang học tại Trường Quốc học Huế, Nguyễn Tất Thành đã tham gia cuộc biểu tình chống thuế của nông dân Thừa Thiên, sau đó theo cha vào huyện Bình Khê thuộc tỉnh Bình Định (nay là huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định). Tại Quy Nhơn (Bình Định), Anh học thêm tiếng Pháp, sau đó trở thành thầy giáo tại trường Dục Thanh (Phan Thiết). Khoảng tháng 2-1911, sau mấy tháng dạy học ở trường Dục Thanh, Nguyễn Tất Thành rời trường đi vào Sài Gòn, thực hiện hoài bão cứu nước, cứu dân từng nung nấu lúc trạc tuổi 13 là *"đi sang Pháp và các nước phương Tây xem họ làm như thế nào rồi trở về giúp đồng bào chúng ta"*. Từ đây, trên nền tảng văn hóa dân tộc khá vững chắc, Nguyễn Tất Thành bắt đầu thực hiện một cuộc hành trình mười năm, tích hợp văn hóa Đông - Tây để đến năm 1920 bắt gặp chủ nghĩa Mác - Lênin, một trong những giá trị văn hóa đỉnh cao của nhân loại.

Nửa đầu thế kỷ XX, chủ nghĩa đế quốc thực hiện cuộc bành trướng xâm lược, khai thác thuộc địa, cùng với quá trình đó là quan điểm thấm nhuần huyền thoại về "gánh nặng trách nhiệm của người da trắng" đối với người da màu trên trái đất; là bổn phận "khai hóa văn minh" của các nước lớn đối với các quốc gia nhược tiểu. Người phương Tây cho rằng "Ôi! Đông là Đông mà Tây là Tây, hai bên sẽ không bao giờ gặp nhau!". Chủ nghĩa đế quốc làm mưa làm gió và tưởng rằng những người dân thuộc địa *"cứ mãi mãi bị dùng làm đồ để tế cái ông thần tư bản, rằng bầy người đó không sống nữa, không suy nghĩ nữa và là vô dụng trong việc cải tạo xã hội"*[1]. Nhưng chính *"sự đối đầu với những vấn đề sống còn của nhân loại đã tăng cường sự giao tiếp giữa các quốc gia, xích các dân tộc lại gần nhau, và làm nảy nở những mối tương tác văn hóa (acculturation) đầy hứa hẹn. Những nhân vật đại diện cho tinh hoa thế giới, những con người mà bà Indira Gandhi (Inđira Găngđi) gọi là những hỗn hợp Đông Tây đã xuất hiện. Hồ Chí Minh có thể được xếp vào dòng tinh thần ấy"*[2].

1 Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 1, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, tr. 28.
2 Hữu Ngọc, *Phác thảo chân dung văn hóa Pháp*, Nxb. Ngoại văn Việt Nam, Hà Nội, 1991, tr. 16.

Để có cuộc hành trình gần mười năm (1911 - 1920) đến với chủ nghĩa Mác - Lênin, Hồ Chí Minh đã được trang bị một vốn văn hóa dân tộc thấm đượm tư tưởng nhân văn: kính già, yêu trẻ, trọng nghĩa, khinh tài, ý thức cộng đồng, tình cảm quê hương gia tộc, gần gũi thiên nhiên, cần cù, hài hước, văn nghệ dân gian,... Đó là một vốn văn hóa - lịch sử dân tộc khá vững chắc làm nền tảng để tiếp thu cái mới mà không mất gốc, để luôn luôn sẽ vẫn là con người Việt Nam đẹp nhất, nhuần nhuyễn giữa truyền thống và hiện đại, dân tộc và quốc tế.

Hơn mười năm học chữ Hán, Khổng học đã đem lại cho Nguyễn Tất Thành một số yếu tố sau này phù hợp với sự lựa chọn mácxít, "cho phép chủ nghĩa cộng sản thâm nhập dễ dàng vào châu Á hơn là ở châu Âu" như chế độ tỉnh điền, chế độ lao động bắt buộc, thuyết đại đồng và sự bình đẳng về tài sản, chủ nghĩa duy lý, niềm tin vào giáo dục, cải tạo con người, sự đề cao đạo đức xã hội và thực tiễn...

Từ khi thực dân Pháp xâm lược nước ta và mở trường Pháp - bản xứ, nhân dân Việt Nam có nhiều suy nghĩ khác nhau. Một bộ phận sợ văn minh Pháp với suy nghĩ "thấy việc Âu châu phải giật mình". Bộ phận khác thì ghét Pháp và ghét luôn chữ Pháp, cho đó là chữ Tây, chữ của giặc. Không loại trừ một lực lượng đánh đồng thực dân Pháp ở Việt Nam cũng như người Pháp ở Pháp, đều là kẻ thù xâm lược. Một lực lượng cho rằng người Tây câu kết với triều đình hại dân nên "phen này quyết đánh cả Triều lẫn Tây". Nhìn chung, như chính Hồ Chí Minh nhớ lại: *"Nhân dân Việt Nam, trong đó có ông cụ thân sinh ra tôi lúc này thường tự hỏi nhau ai là người sẽ giúp mình thoát khỏi ách thống trị của Pháp. Người này nghĩ là Nhật, người khác nghĩ là Anh, có người lại cho là Mỹ"*[1].

Học sinh vào học trường Pháp - bản xứ cũng có những ý định khác nhau. Có những thanh niên học chữ Pháp với mục đích tìm

1 Anna Louise Strong, *Ba lần nói chuyện với Chủ tịch Hồ Chí Minh*, Báo *Nhân Dân*, số ra ngày 18-5-1965.

chỗ đứng chân trong chính quyền thuộc địa. Một số khác học chữ Pháp để biết dăm ba tiếng Tây, dần dần quên luôn văn hóa dân tộc. Ở Nam Đàn, số người cổ súy cho việc học tiếng Pháp không nhiều, lại càng hiếm trường hợp như ông nghè Nguyễn Quý Song với nhận thức "muốn đánh Pháp thì phải hiểu Pháp, muốn hiểu Pháp thì phải học chữ Pháp". Ngay cả Phan Bội Châu cũng không ưa gì tiếng Pháp. Hồi ấy, việc nên học thứ chữ nào là vấn đề bàn luận không kém phần sôi nổi, vấn đề là nên dựa vào nước nào để đánh Tây.

Điều hiếm thấy đến mức kỳ lạ là Hồ Chí Minh, từ lúc ra đi tìm đường cứu nước cho đến tận cuối đời, luôn luôn là hiện thân của cuộc đấu tranh quyết liệt chống thực dân phương Tây xâm lược, lại sớm đến một cách tự nhiên với văn hóa, văn minh phương Tây. Người say mê học chữ Pháp với tinh thần "thực học thực nghiệp", tìm đọc sách của các tác giả J. J. Rousseau (Rútxô), Ch.de Montesquieu (Môngtexkiơ), Fr. Voltaire (Vônterơ), tìm hiểu văn hóa Pháp, tìm xem những gì ẩn giấu đằng sau các chữ Pháp "LIBERTÉ - ÉGALITÉ - FRATERNITÉ " (Tự do - Bình đẳng - Bác ái). *Người sang Pháp không phải để chống nước Pháp* bởi vì đó là một nước thực dân đô hộ mà để làm quen, khám phá nền văn minh Pháp, lấy đó làm vũ khí để xóa bỏ sự xâm lược thực dân và bác bỏ mối quan hệ bất bình đẳng và bất công.

Là người Việt Nam và đại diện cho triết lý Á Đông, tư duy Hồ Chí Minh mang dấu ấn của tư duy phương Đông, được đánh dấu bởi hoài bão tìm kiếm tính thống nhất "cầu đồng tồn dị", sự hài hòa giữa những mâu thuẫn, trực giác và tính tổng hợp. Đó là cơ sở để Hồ Chí Minh thâm nhập phương Tây, tiếp nhận lý tưởng cách mạng, tiến bộ, tự do, dân chủ và phương pháp phân tích, nhất là phân tích duy vật biện chứng mácxít. Hồ Chí Minh đã kết hợp chặt chẽ đạo lý, văn hóa trọng tình, đề cao tính cộng đồng phương Đông với chủ nghĩa nhân văn cổ Hy Lạp - La Mã, tư tưởng phương

Tây lấy lý tính và khoa học làm tiêu chuẩn chân lý. Theo Hồ Chí Minh, tuy Khổng giáo, Thiên Chúa giáo, chủ nghĩa Tam dân, chủ nghĩa Mác có những điểm riêng nổi bật như tu dưỡng đạo đức cá nhân (Khổng Tử), lòng nhân ái cao cả (Đức chúa Giêxu), phép biện chứng (chủ nghĩa Mác)... nhưng lại có điểm chung "mưu cầu hạnh phúc cho loài người, mưu cầu phúc lợi cho xã hội". Hồ Chí Minh tiếp cận vấn đề một cách có ý thức "Tây phương hay Đông phương có cái gì tốt, cái gì hay thì ta phải học lấy để làm giàu cho văn hóa Việt Nam". Người coi "văn hóa Việt Nam là ảnh hưởng lẫn nhau của văn hóa Đông phương và Tây phương chung đúc lại". Theo Phó Tổng Giám đốc UNESCO, ông Hans d'Orville, *"được giáo dục theo truyền thống Khổng giáo, cũng như chịu ảnh hưởng của nền giáo dục phương Tây, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã xây dựng hệ tư tưởng của mình trên cơ sở dung hòa những sự khác biệt"*[1]. Trên cơ sở tôn trọng lẫn nhau giữa các nền văn hóa, xóa bỏ những rào cản giữa các nền văn hóa khác nhau thường xuất phát từ sự định kiến và thói bất chấp mọi thứ, Nguyễn Tất Thành - Nguyễn Ái Quốc đã *"giải quyết mâu thuẫn giữa phương Đông và phương Tây, quốc gia và quốc tế, truyền thống và cách mạng một cách biện chứng tuyệt vời. Đúng như triết gia Pháp Pascal (Patxcan) đã viết, người ta không vĩ đại khi chỉ đứng ở một cực, mà phải nối liền hai cực và đắp đầy khoảng giữa"*[2].

2. Hành trình chính trị: Từ chủ nghĩa yêu nước đến với chủ nghĩa Lênin

Vào trạc tuổi mười bốn, mười lăm, từ môi trường văn hóa - yêu nước của gia đình, quê hương, dân tộc, Nguyễn Tất Thành bước đầu tiếp thu tư tưởng yêu nước của các bậc cha chú thông qua mối quan hệ giữa cha với các sĩ phu trong vùng. Với những hiểu biết ban đầu về phong trào kháng Pháp hay duy tân của Phan Đình Phùng, Hoàng Hoa Thám, Phan Châu Trinh, Phan Bội Châu,

1 Hans d'Orville, *Tư tưởng Hồ Chí Minh vẫn giữ nguyên giá trị thời đại*, www.tuanvietnam.net, ngày 20-5-2010.

2 Hữu Ngọc, *Phác thảo chân dung văn hóa Pháp*, Sdd, tr. 23.

Nguyễn Tất Thành đã sớm hiểu biết và rất đau xót trước cảnh thống khổ của đồng bào. Lúc bấy giờ anh đã có chí đuổi thực dân Pháp, giải phóng đồng bào. Anh khâm phục các bậc cha chú nhưng không hoàn toàn tán thành cách làm của một người nào. Anh có một tầm nhìn, cách nhìn và cách làm độc lập, tự chủ, sáng tạo, cách mạng và khoa học trên con đường từ chủ nghĩa yêu nước đến với chủ nghĩa Mác - Lênin.

Từ khi ra nước ngoài, mối quan tâm của Nguyễn Tất Thành đối với vấn đề giải phóng dân tộc càng lớn hơn, nhất là sau Đại chiến thế giới thứ nhất, khi Anh nhận ra rằng Hiệp ước Versailles (Vécxây) không đề cập đến quyền tự quyết của các dân tộc thuộc địa, "chủ nghĩa Wilson (Uynxơn) chỉ là một trò bịp lớn"[1]. Khi đến Pháp, Anh đã đổi tên là Nguyễn Ái Quốc, tức là người yêu nước. *"Lúc bấy giờ ông Nguyễn là một người yêu nước quyết tâm hy sinh tất cả vì Tổ quốc; nhưng ông Nguyễn lúc đó rất ít hiểu biết về chính trị, không biết thế nào là Công hội, thế nào là bãi công và thế nào là chính đảng"*[2]. Lòng yêu nước và quyết tâm giải phóng đồng bào là động lực lớn thúc giục Nguyễn Ái Quốc tìm mọi cơ hội tiếp nhận vốn văn hóa, vốn chính trị ở ngay sào huyệt của kẻ thù. Anh học làm báo và vào làng báo; đọc sách của các tác giả nổi tiếng bằng tiếng Anh, tiếng Trung Hoa, tiếng Pháp, tiếng Nga... Anh đi nhiều nơi, đến thư viện, dự những buổi nói chuyện chính trị, tới Câu lạc bộ ngoại ô Paris - Câu lạc bộ Faubourg (Phôbua). Anh cũng tham gia vào Hội Nghệ thuật và Khoa học, Hội du lịch... Ở những địa điểm trên, được tiếp xúc với nhiều hạng người: bác học, cựu bộ trưởng, nghị viên, nhà văn, thợ thuyền, người đi buôn, người già, người trẻ..., Anh được trang bị một vốn văn hóa, chính trị và vốn sống thực tiễn vô cùng phong phú: *"Ở đây có một không khí thân mật và dân chủ, giống như ở những câu lạc bộ Jacobins (Giacôbanh) thời Đại cách mạng Pháp. Ở đây người ta có thể*

1 Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 1, Sđd, tr. 416.

2 Trần Dân Tiên, *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch*, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1975, tr. 34.

học nhiều chuyện và nhận xét mọi người. Thật là bổ ích"[1]. Anh đi du lịch không phải chỉ vì thích du lịch. *"Điều ấy cũng có, nhưng nhất là ông muốn biết những nước ấy tổ chức và cai trị như thế nào. Ông Nguyễn bắt đầu tổ chức, hoặc đúng hơn là bắt đầu học tổ chức"*[2].

Nhưng điều quan trọng nhất là Nguyễn Ái Quốc *tiếp nhận những tri thức ấy qua lăng kính đoàn kết các dân tộc thuộc địa và giải phóng dân tộc*. Anh vào Đảng Xã hội Pháp vì đó là tổ chức duy nhất theo đuổi lý tưởng cao quý của Đại cách mạng Pháp: Tự do, bình đẳng, bác ái. Và từ đó Anh chứng kiến những cuộc tranh luận sôi nổi, kịch liệt vấn đề nên ở lại trong Đệ nhị Quốc tế, hay là theo Đệ tam Quốc tế, hay là tổ chức một Quốc tế Đệ nhị rưỡi. Lắng nghe tất cả nhưng không hiểu rõ lắm, Anh nêu vấn đề: "Tại sao tranh luận nhiều thế. Trong khi các bạn tranh luận ở đây, thì đồng bào chúng tôi đang rên xiết ở Việt Nam". Trả lời phỏng vấn của Charles Fourniaux (Sáclơ Phuốcniô), phóng viên báo *L'Humanité* (Nhân đạo) (15-7-1969), Chủ tịch Hồ Chí Minh nói rằng "lúc bấy giờ tôi càng lúng túng vì trong cuộc bàn cãi, người ta rất ít nói đến sự đoàn kết với các dân tộc thuộc địa. Nhưng đó lại là vấn đề mà tôi quan tâm hơn hết và do đó mà tôi đã tìm ra được con đường đúng". Ngay cả đến khi bỏ phiếu cho Đệ tam Quốc tế, Nguyễn Ái Quốc vẫn trả lời một cách rất đơn giản: *"Tôi không hiểu thế nào là chiến lược, chiến thuật vô sản và nhiều điểm khác. Nhưng tôi hiểu rõ một điều Đệ tam Quốc tế rất chú ý đến vấn đề giải phóng thuộc địa. Đệ tam Quốc tế nói sẽ giúp đỡ các dân tộc bị áp bức giành lại tự do và độc lập... Tự do cho đồng bào tôi, độc lập cho Tổ quốc tôi, đấy là tất cả những điều tôi muốn; đấy là tất cả những điều tôi hiểu"*[3]. Hồi tưởng lại con đường đến với chủ nghĩa Lênin, Người viết: *"Lúc bấy giờ tôi ủng hộ Cách mạng tháng Mười chỉ là theo cảm tính tự nhiên. Tôi chưa hiểu hết tầm quan trọng lịch sử của*

1 Trần Dân Tiên, *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch*, Sđd, tr. 40.
2 Trần Dân Tiên, *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch*, Sđd, tr. 43.
3 Trần Dân Tiên, *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch*, Sđd, tr. 49.

nó. Tôi kính yêu Lênin vì Lênin là một người yêu nước vĩ đại đã giải phóng đồng bào mình. Tôi tham gia Đảng Xã hội Pháp chẳng qua là vì các 'ông bà' ấy - (hồi đó tôi gọi các đồng chí của tôi như thế) - đã tỏ đồng tình với tôi, với cuộc đấu tranh của các dân tộc bị áp bức. Còn như Đảng là gì, công đoàn là gì, chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản là gì thì tôi chưa hiểu"[1].

Tuy lúc đó là một đảng viên Đảng Xã hội, nhưng căn bản Nguyễn Ái Quốc vẫn là một người dân thuộc địa mất nước, đứng trên lập trường của một người yêu nước, khát khao đi tìm đường cứu nước, giành độc lập, tự do cho dân tộc mình và các dân tộc khác. Điều Người trăn trở và muốn biết hơn cả lúc bấy giờ là "cái quốc tế nào bênh vực nhân dân các nước thuộc địa?". *Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương của Lênin về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa* đã chỉ ra mối quan hệ gắn bó mật thiết giữa sự nghiệp giải phóng giai cấp vô sản với sự nghiệp giải phóng các dân tộc thuộc địa. Điều đó làm cho Người "rất cảm động, phấn khởi, sáng tỏ, tin tưởng". Với lòng yêu nước và khát vọng giải phóng dân tộc, cộng với vốn tích lũy kiến thức và hoạt động thực tiễn mười năm, được *Luận cương* của Lênin soi sáng, Nguyễn Ái Quốc đã tìm được "cái cần thiết cho chúng ta, con đường giải phóng chúng ta", đó là giải phóng dân tộc theo con đường cách mạng vô sản.

Xuất phát từ nhu cầu thực tiễn của cách mạng Việt Nam, được trang bị một vốn văn hóa, vốn chính trị và vốn sống thực tiễn, một tầm nhìn rộng mở, một tinh thần độc lập, tự chủ, sáng tạo, suy nghĩ, trăn trở trong khoảng mười năm, cuối cùng Hồ Chí Minh rút ra được kết luận bổ ích: *"Bây giờ học thuyết nhiều, chủ nghĩa nhiều, nhưng chủ nghĩa chân chính nhất, chắc chắn nhất, cách mạng nhất là chủ nghĩa Lênin"*[2]. Rút ra được kết luận đó lúc bấy giờ hoàn toàn không đơn giản. Đó là sự kết tinh của lòng yêu nước và tư chất khoa học, trí tuệ và bản lĩnh, tầm nhìn và cách nhìn, nhưng trên hết,

1 Trần Dân Tiên, *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch*, Sđd, tr.126.
2 Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 2, Sđd, tr. 268.

trước hết là hoài bão cứu nước cứu dân, xác định mục đích giúp đồng bào thoát khỏi gông cùm nô lệ. Hồ Chí Minh đã viết: Lúc đầu, chính là chủ nghĩa yêu nước, chứ chưa phải chủ nghĩa cộng sản đưa tôi tin theo Lênin, tin theo Quốc tế thứ ba. Đó chính là con đường dẫn Nguyễn Tất Thành - Nguyễn Ái Quốc đến với chủ nghĩa Mác - Lênin, tìm được con đường cứu nước đúng đắn, khoa học, cách mạng, vừa đáp ứng nhu cầu lịch sử dân tộc, hợp lòng dân, vừa phù hợp xu thế của thời đại mới được mở ra từ thắng lợi của Cách mạng tháng Mười 1917.

Là người quyết tâm giải phóng dân tộc và đấu tranh cho tự do, con người của sự đối thoại, luôn lo lắng phấn đấu cho một tương lai được xây dựng trên nền tảng của sự công bằng, bình đẳng, biết truyền thụ và chia sẻ sự đa dạng văn hóa và để các nền văn hóa xích lại gần nhau, Chủ tịch Hồ Chí Minh - với tư duy độc lập, tự chủ, sáng tạo - đã thực hiện một cuộc hành trình văn hóa, chính trị từ dân tộc tới quốc tế, phương Đông đến phương Tây, truyền thống đến hiện đại và cách mạng. Ông Hans d'Orville nhận xét: *"Các chuyến bôn ba nước ngoài mà Người đã trải qua, những trào lưu tư tưởng mà ông đã tiếp nhận và đặc biệt là khả năng giao hòa những sự đa dạng mà Người tiếp thu, đã khiến Hồ Chí Minh trở thành một người thầy về cuộc sống tiếp thu trong một thế giới có xu hướng toàn cầu hóa hiện nay"*[1].

1 Hans d'Orville, *Tư tưởng Hồ Chí Minh vẫn giữ nguyên giá trị thời đại*, tài liệu đã dẫn.

SÁNG TẠO LÝ LUẬN - MỘT NĂNG LỰC CỦA THIÊN TÀI HỒ CHÍ MINH TRONG HÀNH TRÌNH TÌM ĐƯỜNG CỨU NƯỚC, GIẢI PHÓNG DÂN TỘC

PGS. TS. PHẠM NGỌC ANH[1]
TS. NGUYỄN THỊ THÚY ANH

Trong tiến trình vận động lịch sử đã diễn ra một hiện tượng mang tính phổ quát: nhân loại thời nào cũng có nhân tài và nhân tài thời nào cũng có vai trò to lớn đối với sự phát triển xã hội. Sự xuất hiện của người tài thường gắn với nhu cầu của xã hội và thúc đẩy nhanh sự phát triển của xã hội. Công cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân của nhân dân Việt Nam đã sản sinh ra anh hùng giải phóng dân tộc, thiên tài Hồ Chí Minh - người mở đường, chỉ đường, làm thay đổi cả một thời đại và ghi những dấu son đậm nét trong lịch sử phát triển của dân tộc. Người đã mang lại những giá trị to lớn cho dân tộc Việt Nam, đảm đương được những sứ mệnh do lịch sử giao phó, bởi Chủ tịch Hồ Chí Minh có những phẩm chất và năng lực của một thiên tài.

Sáng tạo là biểu hiện đậm nét của thiên tài Hồ Chí Minh. Cách mạng Việt Nam, dưới sự lãnh đạo của Người, đã giành được những thắng lợi to lớn nhờ việc sử dụng, phát triển một cách sáng tạo thứ vũ khí không gì thay thế được là chủ nghĩa Mác - Lênin. Trả lời

---

1 Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh.

một nhà báo nước ngoài nhân dịp kỉ niệm ngày sinh V.I.Lênin, sau khi nhắc lại lời kêu gọi của V. I. Lênin đối với các nhà cách mạng phương Đông, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói: *"Về phần chúng tôi, chính là do cố gắng vận dụng những lời dạy của Lênin, nhưng vận dụng một cách sáng tạo, phù hợp với thực tế Việt Nam"*. Người cũng chỉ ra những yêu cầu cơ bản nhất đối với việc học tập lý luận Mác - Lênin một cách khoa học, sáng tạo: *"Học tập chủ nghĩa Mác - Lênin là học tập cái tinh thần xử trí mọi việc, đối với mọi người và đối với bản thân mình. Là học tập những chân lí phổ biến của chủ nghĩa Mác - Lênin để áp dụng một cách sáng tạo vào hoàn cảnh nước ta."*

Kết quả hoạt động trong lĩnh vực lý luận cũng như trong thực tiễn của thiên tài Hồ Chí Minh phản ánh sắc nét khả năng trực giác, tính nhạy cảm và khả năng cảm nhận tinh tế của Người về nhiều lĩnh vực, đặc biệt là trong hoạt động chính trị.

Vào những năm 20 của thế kỷ XX, khi phong trào cách mạng ở các nước thuộc địa chưa phát triển, khi nhiều nhà yêu nước ở các thuộc địa còn đang bế tắc về đường lối, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định một cách đanh thép và dứt khoát: *"Chỉ có chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản mới giải phóng được các dân tộc bị áp bức và những người lao động trên toàn thế giới khỏi ách nô lệ"*. Những khẳng định ấy chứng tỏ tầm hiểu biết sâu rộng và nhãn quan chính trị nhạy bén của Người.

Khả năng sáng tạo đã giúp Chủ tịch Hồ Chí Minh tìm thấy vấn đề mới mẻ trong những điều kiện quen thuộc, lựa chọn được cách giải quyết tối ưu trong điều kiện, hoàn cảnh cụ thể, sử dụng có kết quả tri thức sâu rộng vào hoàn cảnh mới. Hơn thế, Người còn là một mẫu mực trong việc tìm kiếm và quyết định nhanh chóng phương pháp giải quyết độc đáo, không phụ thuộc vào những phương pháp đã biết, những phương pháp truyền thống. Chính những đặc điểm trên trong năng lực sáng tạo của Người đã dẫn đến một quyết định có ảnh hưởng sâu sắc tới tiến trình phát triển

của dân tộc Việt Nam. Vượt qua tầm nhìn của các tiền bối như Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tiếp cận và nắm bắt được tinh hoa của tri thức nhân loại - lý luận chủ nghĩa Mác - Lênin. Ngay trong lúc chủ nghĩa Mác - Lênin còn xa lạ với nhiều dân tộc, Người đã quyết định đi theo V. I. Lênin, theo Quốc tế III, đưa cách mạng Việt Nam nhịp bước với trào lưu cách mạng của thời đại.

Những chủ trương, đường lối và quyết định sáng suốt của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong quá trình hoạt động cách mạng và lãnh đạo cách mạng là kết quả của năng lực tư duy sáng tạo của Người. Tiếp cận với những sản phẩm trí tuệ của Người, ta bị chinh phục bởi một trí tuệ vĩ đại, một tư duy nhuần nhuyễn, rất nhạy bén và độc đáo.

Nhạy bén trong tư duy, linh hoạt trong thực tiễn, Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng ta đã tìm ra những biện pháp rất hiệu quả để dẫn dắt cách mạng Việt Nam. Ngay từ những ngày đầu khi chính quyền dân chủ nhân dân vừa mới được thành lập, đứng trước mối đe dọa của thù trong giặc ngoài, vận mệnh dân tộc như ngàn cân treo sợi tóc, Chủ tịch Hồ Chí Minh, với đường lối chính trị sáng suốt, vừa cứng rắn về nguyên tắc, vừa mềm dẻo về sách lược, đã đưa cách mạng nước ta vượt qua bao thử thách. Lúc thì hòa hoãn với Tưởng để rảnh tay đối phó với Pháp. Lúc thì hòa hoãn với Pháp để dẹp Tưởng, giành thời gian chuẩn bị lực lượng cho toàn quốc kháng chiến v.v.. Có thể khẳng định rằng: với thiên tài Hồ Chí Minh không có sự xơ cứng trong tư duy, không cứng nhắc trong một sơ đồ (chiến lược) tư duy có sẵn. Người luôn luôn biết xây dựng những chiến lược tư duy mới, biết chủ động tạo ra những sự vật mới trong những quan hệ mới, tình thế mới và nhờ đó có khả năng thay đổi một cách dễ dàng thái độ cố hữu trong hoạt động tinh thần, trí tuệ. Các nhà nghiên cứu lý luận cho rằng, những khía cạnh trên là thuộc tính mềm dẻo, một trong những thuộc tính rất cơ bản của sáng tạo. Thuộc tính này thể hiện năng

lực thay đổi một cách dễ dàng, nhanh chóng trật tự của hệ thống tri thức, chuyển từ góc độ quan niệm này sang góc độ quan niệm khác, biết nhìn nhận vấn đề từ góc độ mới để từ đó thay đổi cách xem xét sự vật, hoàn cảnh dưới góc độ mới v.v..

Khả năng trực giác cũng là một vấn đề liên quan chặt chẽ với năng lực sáng tạo của con người, và không thể thiếu đối với một thiên tài. Những bài thơ chúc tết, những dự đoán về thành công của cách mạng, và bản *Di chúc* được Chủ tịch Hồ Chí Minh chuẩn bị kĩ lưỡng trước lúc đi xa v.v.. đều chứa đựng những yếu tố tiên đoán diệu kì. Người như biết trước điều phải đến và sẽ đến: phải chăng chính vì thế mà Người luôn biết làm chủ tình thế, luôn có một phong thái ung dung đĩnh đạc.

Một nhà nghiên cứu lý luận có tên tuổi đã khẳng định: Bác Hồ - với một linh khiếu chính trị đặc biệt, với linh khiếu đó, khi bắt gặp chủ nghĩa Mác - Lênin, Người đã sớm khẳng định: *"Hỡi đồng bào bị đọa đày đau khổ! Đây là cái cần thiết cho chúng ta, đây là con đường giải phóng chúng ta"*. Cũng với linh khiếu này, ngay từ năm 1923, trên diễn đàn Đại hội Quốc tế Nông dân, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói: *"Trong thời đại hiện nay, giai cấp công nhân là giai cấp độc nhất và duy nhất có sứ mệnh lịch sử là lãnh đạo cách mạng đến thắng lợi cuối cùng bằng cách liên minh với nông dân. Những trào lưu cơ hội chủ nghĩa, coi nông dân là một lực lượng chủ yếu, là động lực duy nhất của cách mạng, là đội ngũ cách mạng nhất, đều chỉ đi tới chủ nghĩa phiêu lưu, chủ nghĩa cực đoan vô chính phủ và đi tới chỗ phản bội chủ nghĩa Mác - Lênin mà thôi"*. Thực tiễn của phong trào công nhân quốc tế đã có những bài học xương máu, minh chứng hùng hồn cho lời cảnh tỉnh sắc bén của Người.

Những nội dung vừa trình bày trên đây không nhằm giải quyết một vấn đề vốn rất phức tạp - vấn đề sáng tạo lý luận - đối với một con người vĩ đại - thiên tài Hồ Chí Minh. Bài viết chỉ hi vọng được nêu một vấn đề vốn được nhiều người quan tâm trong một

nhân cách mẫu mực - thiên tài Hồ Chí Minh để vận dụng vào khảo sát những sáng tạo lý luận cụ thể của Người trong hành trình tìm đường cứu nước, giải phóng dân tộc.

Hồ Chí Minh là một nhà tư tưởng lỗi lạc, có nhiều cống hiến kiệt xuất vào kho tàng tư tưởng - lý luận của dân tộc và nhân loại. Thế nhưng, nhận thức được những giá trị và tầm vóc thời đại của chúng là cả một quá trình và cho đến nay không phải không còn những ý kiến hồ nghi, thậm chí là còn phủ nhận và cố ý xuyên tạc.

Trên thế giới, ngay sau khi qua đời, Hồ Chí Minh đã được một số chính khách, nhà nghiên cứu đề cập đến với tư cách một nhà tư tưởng, nhà Mác - xít sáng tạo, đầy bản lĩnh. Khái niệm "nhà tư tưởng" ở đây được hiểu đúng với tinh thần của V.I.Lênin: một người xứng đáng là "nhà tư tưởng" khi nào giải quyết trước người khác tất cả những vấn chính trị - sách lược, các vấn đề về tổ chức, về những yếu tố vật chất của phong trào không phải một cách tự phát.

Ở Việt Nam, vấn đề Hồ Chí Minh - nhà tư tưởng và tư tưởng Hồ Chí Minh mới được nói đến chính thức trong vòng hơn hai mươi năm trở lại đây. Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng (6-1991), cùng với việc nêu cao tư tưởng Hồ Chí Minh, bước đầu Đảng ta đã đưa ra khái niệm tư tưởng Hồ Chí Minh: *"Tư tưởng Hồ Chí Minh chính là kết quả của sự vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin trong điều kiện cụ thể của nước ta"*. Nghị quyết của Bộ Chính trị (Khóa VII) về một số định hướng lớn trong công tác tư tưởng (số 09/NQ/TƯ) ngày 18-2-1995 khẳng định: *"Trong khi giải quyết những vấn đề của cách mạng Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã góp phần phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin trên nhiều vấn đề quan trọng, đặc biệt là lý luận về cách mạng giải phóng dân tộc và tiến lên chủ nghĩa xã hội ở các nước thuộc địa và phụ thuộc"*. Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ XI (1-2011) viết: *"Tư tưởng Hồ Chí Minh là một hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc về những vấn đề cơ bản của cách*

mạng Việt Nam, kết quả của sự vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện cụ thể của nước ta...".

Trên bình diện khái quát, mang tính chính thống, ba văn kiện nêu trên có liên quan đến cụm từ: "Vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin"; "Phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin"; "Vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin". Như vậy, sự phát triển hay phát triển sáng tạo lý luận của Hồ Chí Minh được xem xét trong mối quan hệ với chủ nghĩa Mác - Lênin. Ở đây, có mấy thuật ngữ cần thống nhất về mặt nhận thức.

Trước hết là thuật ngữ *"phát triển"*. Theo *Từ điển từ và ngữ Hán - Việt*, "Phát triển là mở ra, làm cho mạnh hơn lên, tốt hơn lên". Còn theo *Từ điển tiếng Việt*, "Phát triển là biến đổi hoặc làm cho biến đổi từ ít đến nhiều, hẹp đến rộng, thấp đến cao, đơn giản đến phức tạp".

Thứ hai là thuật ngữ *"sáng tạo"*. Theo *Từ điển từ và ngữ Hán - Việt*, "Sáng tạo là làm ra lần đầu tiên; là làm ra cái mới và thực hiện cái mới". Còn theo *Từ điển tiếng Việt*, "Sáng tạo là tạo ra những giá trị mới về vật chất và tinh thần; là tìm ra cái mới, cách giải quyết mới, không bị gò ép, phụ thuộc và cái đã có".

Vì thế, khi nói đến Hồ Chí Minh - nhà tư tưởng, nhà mácxít sáng tạo cần được hiểu vừa có những tư tưởng mới, cách làm mới chưa hề có trong học thuyết Mác - Lênin, vừa có những quan điểm dựa trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin, nhưng không phụ thuộc, không rập khuôn theo nền tảng đó, mà có những cách nhận thức, giải quyết mới. Theo cách hiểu đó, rõ ràng Hồ Chí Minh có nhiều sáng tạo lý luận có giá trị về cách mạng Việt Nam.

Xuất phát từ thực tiễn của Việt Nam và thế giới, Hồ Chí Minh đã vận dụng và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin, vạch ra con đường cách mạng đầy sáng tạo của Việt Nam. Hồ Chí Minh một mặt khẳng định tính chất thật của chủ nghĩa Mác - Lênnin, cho đó là *"Chủ nghĩa chắc chắn nhất, chân chính nhất, cách mệnh nhất"*

và *"Chủ nghĩa Mác - Lênin là kim chỉ nam cho hành động"* của toàn Đảng, toàn dân ta. Nhưng mặt khác, trong khi tìm hiểu và vận dụng những nguyên lý phổ biến của chủ nghĩa Mác - Lênin vào thực tiễn xã hội Việt Nam, của các nước phương Đông, Hồ Chí Minh đã phát hiện ra ở phương Đông có những đặc điểm khác với các nước phương Tây mà thời Mác chưa có điều kiện nghiên cứu. Hồ Chí Minh đã bổ sung và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin bằng những điểm rất quan trọng.

Trong một bản báo cáo gửi Quốc tế cộng sản năm 1924, Hồ Chí Minh viết: *"Cuộc đấu tranh giai cấp ở phương Đông không giống như ở phương Tây... Dù sao thì cũng không thể cấm bổ sung "cơ sở lịch sử" của chủ nghĩa Mác bằng cách đưa thêm vào đó những tư liệu mà thời Mác không thể có được.*

Mác đã xây dựng học thuyết của mình trên một triết lý nhất định của lịch sử, nhưng lịch sử nào? Lịch sử châu Âu. Mà châu Âu là gì? Đó chưa phải là toàn thể nhân loại...". Từ đó, Người đặt ra nhiệm vụ: *"Xem xét lại chủ nghĩa Mác về cơ sở lịch sử của nó, củng cố nó bằng dân tộc học phương Đông. Đó chính là nhiệm vụ mà các Xô viết đảm nhiệm"*[1].

Khác với nhiều trí thức tư sản phương Tây đến với chủ nghĩa Mác - Lênin chủ yếu như đến với một học thuyết, nhằm giải quyết những vấn đề về tư duy hơn là hành động, Hồ Chí Minh đến với chủ nghĩa Mác - Lênin là để tìm kim chỉ nam cho sự nghiệp cứu nước, giải phóng dân tộc, tức là từ nhu cầu thực tiễn của cách mạng Việt Nam. Người đã tiếp thu lý luận Mác - Lênin theo phương pháp nhận thức mácxít, đồng thời theo lối "đắc ý, vong ngôn" của phương Đông, cốt nắm lấy cái tinh thần, cái bản chất chứ không chịu trói buộc trong cái vỏ ngôn từ. Hồ Chí Minh vận dụng lập trường, quan điểm và phương pháp của chủ nghĩa Mác - Lênin để tự tìm ra những chủ trương, giải pháp, đối sách phù hợp với từng

1 Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 1, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, tr. 464 - 465.

hoàn cảnh cụ thể, từng thời kỳ cụ thể của cách mạng Việt Nam chứ không đi tìm những kết luận có sẵn trong sách vở kinh điển. Hồ Chí Minh yêu cầu cán bộ, đảng viên phải biết vận dụng và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin một cách sáng tạo. Người viết: *"Chúng ta phải nâng cao sự tu dưỡng về chủ nghĩa Mác - Lênin để dùng lập trường, quan điểm, phương pháp chủ nghĩa Mác - Lênin mà tổng kết những kinh nghiệm của Đảng ta, phân tích một cách đúng đắn những đặc điểm của nước ta. Có như thế, chúng ta mới có thể dần dần hiểu được quy luật phát triển của cách mạng Việt Nam, định ra được những đường lối, phương châm, bước đi cụ thể của cách mạng xã hội chủ nghĩa thích hợp với tình hình nước ta"*[1].

Từ phương pháp tiếp cận đúng đắn, mạnh dạn, khoa học trong kế thừa và phát triển học thuyết Mác - Lênin, đồng thời bám sát thực tiễn Việt Nam và thế giới, trên bình diện nhà tư tưởng, Hồ Chí Minh có những đóng góp sáng tạo lớn về nhiều lĩnh vực, mà ở lĩnh vực nào chúng ta cũng đều nhận được ở Người những lời chỉ huấn và không một lời chỉ bảo nào của Người lại tỏ ra tầm thường hoặc thiển cận. Đặc biệt, Hồ Chí Minh đã có những luận điểm sáng tạo góp phần làm phong phú thêm chủ nghĩa Mác - Lênin trong vấn đề cách mạng giải phóng dân tộc, xây dựng chế độ dân chủ mới và con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở một phương Đông thuộc địa nửa phong kiến, kinh tế nghèo nàn, lạc hậu. Những luận điểm ấy của Hồ Chí Minh rất phong phú, đa dạng, bao quát nhiều mặt, nhiều lĩnh vực. Đó cũng chính là những giá trị tiềm ẩn trong tư tưởng Hồ Chí Minh cần được nghiên cứu sâu hơn nữa ở mức độ học thuyết.

Tổng kết các công trình nghiên cứu gần đây, chúng tôi xin nêu khái quát những luận điểm sáng tạo lớn của Hồ Chí Minh trong hành trình tìm đường cứu nước, giải phóng dân tộc.

1 Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 9, Sđd, tr. 494.

- Đến với chủ nghĩa Mác - Lênin, Hồ Chí Minh trở thành người cộng sản Việt Nam đầu tiên, tìm thấy con đường duy nhất đúng đắn cho dân tộc: đó là *"Làm tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản"*. Bởi lẽ, *"Chỉ có chủ nghĩa cộng sản mới cứu nhân loại, đem lại cho mọi người không phân biệt chủng tộc và nguồn gốc sự tự do, bình đẳng, bác ái, đoàn kết, ấm no trên quả đất, việc làm cho mọi người và vì mọi người, niềm vui, hòa bình, hạnh phúc"*. Người đi đến một nhận thức tổng quát có tính chân lý: *"Muốn cứu nước và giải phóng dân tộc, không có con đường nào khác con đường cách mạng vô sản"*.

Con đường cách mạng vô sản là sự lựa chọn của Hồ Chí Minh, đồng thời cũng là sự lựa chọn của bản thân lịch sử dân tộc. Xét về thực chất, đây là con đường độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, vừa đáp ứng được các nhu cầu phát triển của dân tộc Việt Nam, vừa phù hợp với xu thế phát triển của thời đại ngày nay. Tìm ra con đường đó, Hồ Chí Minh đã khắc phục được sự khủng hoảng về đường lối cứu nước, dẫn dắt dân tộc ta vững bước tiến về phía trước.

Ở đây, Hồ Chí Minh đã giải quyết thành công mối quan hệ giữa vấn đề dân tộc và vấn đề giai cấp, dân tộc và quốc tế. Người khẳng định: *"Chủ nghĩa dân tộc là một động lực lớn của sự phát triển đất nước"*; gắn cách mạng Việt Nam với cách mạng thế giới, đặt cách mạng Việt Nam vào quỹ đạo cách mạng vô sản thế giới, nghĩa là Người đã quốc tế hóa những vấn đề căn cốt nhất của cách mạng nước ta.

- Hồ Chí Minh là người dân thuộc địa và là người cộng sản đầu tiên có cống hiến to lớn về nghiên cứu chủ nghĩa thực dân và vấn đề giải phóng dân tộc. Người đã chỉ rõ bản chất, quy luật vận động, địa vị lịch sử của chủ nghĩa thực dân và sự diệt vong tất yếu của nó trong quá trình vận động, phát triển của nhân loại tiến bộ. Những nghiên cứu tư tưởng của Hồ Chí Minh đã vạch ra cho nhân loại con đường thoát khỏi chế độ thực dân. Trong cách mạng giải

phóng thuộc địa, Hồ Chí Minh đã nêu một luận điểm đặc biệt sáng tạo: cách mạng ở các nước thuộc địa cần được tiến hành một cách độc lập, chủ động, sáng tạo, có khả năng giành được thắng lợi trước cách mạng vô sản chính quốc và tác động trở lại, thúc đẩy cách mạng chính quốc. Luận điểm mới mẻ, sáng tạo này có căn cứ khoa học, dựa trên sự nghiên cứu thấu đáo vị trí, vai trò của thuộc địa trong hệ thống chủ nghĩa tư bản thế giới, tiềm năng cách mạng của nhân dân thuộc địa, và được thực tiễn cách mạng Việt Nam chứng minh là hoàn toàn đúng đắn.

- Hồ Chí Minh có những sáng tạo trong nhận thức về chủ nghĩa xã hội và con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở một nước nông nghiệp lạc hậu, bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa, thể hiện tập trung ở các nội dung: chủ nghĩa cộng sản thích ứng ở châu Á, dễ hơn ở châu Âu; tiếp cận tổng hợp các các nhân tố kinh tế, chính trị, xã hội, đạo đức, văn hóa về tính tất yếu và bản chất đặc trưng của chủ nghĩa xã hội; quan điểm xác định mục tiêu, động lực, các lực cản trong quá trình phát triển của chủ nghĩa xã hội; xác định loại hình quá độ, nội dung, bước đi và hệ thống các biện pháp tiến hành xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

- Hồ Chí Minh đã nêu những luận điểm mới mẻ, đầy sáng tạo về Đảng và xây dựng Đảng, thể hiện tập trung ở ba nội dung quan trọng nhất: quy luật hình thành Đảng Cộng sản; bản chất của Đảng trong điều kiện một nước nông nghiệp lạc hậu; xây dựng Đảng Cộng sản cầm quyền. Ở mỗi nội dung này, Hồ Chí Minh đều có các phát kiến lý luận, làm phong phú và phát triển học thuyết Mác - Lênin về Đảng vô sản, hoàn toàn phù hợp với điều kiện thực tế của đất nước, có giá trị sâu sắc cho nhận thức về Đảng và công tác xây dựng Đảng hiện nay.

- Trong tổ chức, tập hợp lực lượng, Hồ Chí Minh đã có những quan điểm sáng tạo về chiến lược đại đoàn kết dân tộc theo phương châm: *"Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết; thành công, thành công, đại thành công"*. Với Hồ Chí Minh, đại đoàn

kết dân tộc đã được nâng lên một tầm cao mới về chất: đại đoàn kết có tổ chức có lãnh đạo. Chiến lược đại đoàn kết dân tộc của Hồ Chí Minh là một cống hiến to lớn vào kho tàng kinh nghiệm của cách mạng thế giới.

- Hồ Chí Minh đã có những cống hiến sáng tạo về tư tưởng quân sự, đặt nền móng cho sự hình thành học thuyết quân sự cách mạng Việt Nam hiện đại. Đó là tư tưởng dùng bạo lực cách mạng chống lại bạo lực phản cách mạng; về khởi nghĩa vũ trang toàn dân; về xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân; về kháng chiến toàn dân, toàn diện, trường kỳ, dựa vào sức mình là chính; về quốc phòng toàn dân và chiến lược bảo vệ Tổ quốc; về nghệ thuật quân sự chủ động tiến công, kết hợp chặt chẽ lực, thế, thời, mưu, đánh địch bằng mọi lực lượng, mọi quy mô, mọi cách, mọi địa hình, đánh vào lòng người, kết hợp tác chiến với binh vận, địch vận.

- Ở Hồ Chí Minh hình thành và phát triển một hệ thống các quan điểm sáng tạo về nhà nước kiểu mới ở Việt Nam. Đó là quan niệm về nhà nước của dân, do dân, vì dân; về sự thống nhất bản chất giai cấp công nhân với tính nhân dân rộng rãi và tính dân tộc sâu sắc; về nhà nước pháp quyền, kết hợp cả "đức trị" và "pháp trị" trong quản lý xã hội, lãnh đạo đất nước.

- Hồ Chí Minh có những luận điểm mới, đầy sáng tạo về vai trò, sức mạnh của văn hóa, đạo đức, coi đạo đức, văn hóa vừa là mục tiêu, vừa là động lực của sự nghiệp cách mạng; đặc biệt chú ý đến vấn đề con người, tất cả vì con người, do con người. Luôn luôn coi trọng vai trò của nhân tố con người, coi sự nghiệp "trồng người" là nhiệm vụ chiến lược, vấn đề có tính quy luật, quyết định sự thành bại của cách mạng...

Những luận điểm khái quát của Hồ Chí Minh nêu trên là những sáng tạo nổi bật và là những đóng góp không những đối với lý luận cách mạng Việt Nam mà còn đóng góp vào kho tàng

lý luận cách mạng thế giới. Nghiên cứu theo chiều sâu để vận dụng tốt các sáng tạo lý luận lớn của Hồ Chí Minh là góp phần làm sáng tỏ có căn cứ khoa học khẳng định của Đảng Cộng sản việt Nam: cùng với chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam hành động của Đảng; là tài sản tinh thần vô cùng to lớn, quý giá của Đảng và dân tộc, mãi mãi soi đường cho sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta giành thắng lợi.

XU HƯỚNG XUẤT DƯƠNG CỨU NƯỚC ĐẦU THẾ KỶ XX VÀ NHỮNG BÀI HỌC TỪ CHẶNG ĐƯỜNG HỘI NHẬP ĐẦU TIÊN CỦA VIỆT NAM RA THẾ GIỚI

PGS. TS. TRẦN THỊ THU LƯƠNG*

Trong suốt nửa cuối thế kỷ XIX từ khi bị thực dân xâm lược đến khi chúng chiếm xong đất nước, lịch sử Việt Nam đã chứng minh một sự quật khởi oanh liệt của những cuộc khởi nghĩa chống Pháp trên toàn lãnh thổ. Lòng căm thù và máu của những người dân mất nước đã nung đỏ gông xiềng nô lệ nhưng vẫn không đủ sức bẻ gãy nó. Với kẻ thù mới, dường như mọi nỗ lực kháng cự theo kiểu cũ dù đã đạt đến sự anh dũng tuyệt vời vẫn không giành được thắng lợi. Đầu thế kỷ XX, thực dân Pháp không chỉ mau chóng chiếm lĩnh lãnh thổ mà còn thống trị tuyệt đối về chính trị, áp đặt về văn hóa và triển khai việc khai thác thuộc địa ở Việt Nam với quy mô ngày một tăng.

Tình hình đó khiến cho bầu trời Việt Nam vần vũ với những biến động của xã hội thuộc địa và cũng vần vũ với những câu hỏi tìm lối thoát cho tự do độc lập. Đó cũng là lúc những ảnh hưởng của tư tưởng duy tân đổi mới từ Nhật Bản, Trung Quốc dội vào Việt Nam, do đó cũng làm dấy lên một đường hướng muốn cứu nước bằng con đường đổi mới để tự cường. Những phong trào duy

* Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn - Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh.

tân đầu thế kỷ XX tại Việt Nam như phong trào cắt tóc ngắn, lập trường học theo kiểu mới, phê phán những sự hủ lậu của phong kiến, muốn chấn hưng đất nước theo tấm gương Nhật Bản, v.v.. đã phản ánh xu hướng mới đó. Tuy nhiên có một thực tế là cho đến đầu thế kỷ XX, sự vận động nội tại của Việt Nam chưa đủ điều kiện tạo tiền đề nội sinh cho phong trào duy tân theo kiểu dân chủ tư sản. Phong trào duy tân đầu thế kỷ XX ở Việt Nam chủ yếu xuất phát từ nhiệt huyết cứu nước. Vì vậy tuy khá sôi nổi và đã thể hiện sự thay đổi nhưng những cuộc vận động duy tân đó vẫn thiếu một nội lực căn bản để phát triển tới mức có thể đảo ngược được thế cờ.

Trong khi đó, những cuộc khai thác thuộc địa được triển khai ngày một mạnh mẽ và người dân Việt Nam đã phải đứng nhìn một cách tuyệt vọng sự lệ thuộc ngày càng trở nên toàn diện của đất nước mình vào thực dân Pháp. Bối cảnh đó đã bộc lộ một yêu cầu quan trọng của lịch sử Việt Nam - yêu cầu phải thoát ra khỏi hệ thống cũ, phải vượt ra khỏi biên giới để học hỏi, để tìm kiếm phương thức cứu nước mới, *yêu cầu đó làm nảy sinh ở Việt Nam một xu hướng mới: xu hướng xuất dương cứu nước.*

Tiên phong của xu hướng này chính là phong trào Đông Du của Duy Tân hội do Phan Bội Châu lãnh đạo. Với phong trào Đông Du, lần đầu tiên hàng trăm thanh niên ưu tú của Việt Nam đã bí mật xuất dương sang Nhật với hy vọng dựa vào Nhật để huấn luyện một lực lượng kháng Pháp từ hải ngoại. Tuy nhiên kinh nghiệm lịch sử lúc đó chưa đủ để nhìn thấy một vấn đề quan trọng khác, đó là vấn đề hệ thống của sự xâm lược thực dân.

Việt Nam một khi đã bị Pháp xâm lược và thống trị là đã bị xếp vào hệ thống thuộc địa như một mắt xích phụ thuộc vào sự phân chia thế giới của chủ nghĩa đế quốc. Do đó lời giải chống thực dân của Việt Nam dù nhất định phải là một lời giải ở bình diện thế giới nhưng lại không thể là lời giải từ sự giúp đỡ của hệ thống thực dân.

Bài học thất bại cay đắng của phong trào Đông Du chính là bài học về vấn đề này. Tuy nhiên đó là một sự trả giá khó tránh khỏi bởi vì không phải chỉ Việt Nam mà cả châu Á bị nhấn chìm trong họa mất nước và nô lệ dưới ách thực dân phương Tây chưa tìm được lối ra lúc đó cũng đã hướng hy vọng của mình một cách ảo tưởng vào *anh cả da vàng* Nhật Bản.

Mặt khác, mặc dù thất bại, phong trào Đông Du vẫn có những đóng góp quan trọng cho sự nghiệp cứu nước của Việt Nam bởi vì với Đông Du, lần đầu tiên phong trào chống Pháp của Việt Nam đã vượt ra ngoài biên giới "trời Nam" để hướng tới sự đổi mới trong một thế giới rộng lớn hơn. Những ảnh hưởng, những kinh nghiệm tổ chức xuất dương của Đông Du là hết sức quý báu cho những người Việt Nam yêu nước sau đó tiếp tục ra đi dưới sự thôi thúc của yêu cầu cứu nước. Tuy nhiên hướng xuất dương và địa bàn hoạt động hải ngoại của họ không phải là Nhật Bản.

Trước tiên tất nhiên phải kể đến cuộc ra đi lịch sử từ cảng Sài Gòn năm 1911 nhắm theo hướng phương Tây của Nguyễn Tất Thành. Chuyến ra đi đó cũng như sự nghiệp tìm đường cứu nước của Nguyễn Tất Thành, sau này là lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc, Hồ Chí Minh, đã trở thành một bộ phận quan trọng của lịch sử cách mạng Việt Nam. Do đó nó đã được giới thiệu một cách khá phổ biến và đầy đủ trong nhiều công trình nghiên cứu. Điều chúng tôi muốn nhấn mạnh ở đây là: cuộc ra đi đó không phải là một hiện tượng ngẫu nhiên và đơn độc. Nó nằm trong một xu hướng yêu nước xuất dương mưu cầu độc lập cho dân tộc, đáp ứng yêu cầu cứu nước cấp thiết của Việt Nam đầu thế kỷ XX.

Thật vậy, trong hai thập niên sau Đông Du, ở Việt Nam, việc xuất dương cứu nước đã trở thành một phong trào có hàng trăm người tham gia. Lịch sử đấu tranh chống thực dân của Việt Nam dường như còn được viết một cách bí mật ở những không gian ngoài đất nước với sự dũng cảm dấn thân bôn ba của nhiều con người yêu nước Việt Nam.

Chúng ta đã biết sự kiện Nguyễn Ái Quốc gặp nhóm Tâm tâm xã ở Quảng Châu, Trung Quốc năm 1924. Sau đó Người đã giác ngộ và lãnh đạo họ xây dựng những tổ chức hạt nhân cộng sản đầu tiên như Cộng sản Đoàn và Hội cách mạng Thanh niên. Công lao truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin, thành lập và huấn luyện các tổ chức tiền thân của Đảng Cộng sản Việt Nam của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc qua sự kiện này đã rất rõ nhưng công lao xuất tìm đường cứu nước của nhóm Tâm tâm xã thì cũng rất nên được giới thiệu đầy đủ và xác đáng hơn.

Rõ ràng là không phải ngẫu nhiên có sự có mặt của nhóm Tâm tâm xã ở Quảng Châu vào thời điểm đó; cũng không phải ngẫu nhiên nhóm này có thể hầu như ngay lập tức tiếp nhận và giác ngộ được chủ nghĩa Mác - Lênin mà Nguyễn Ái Quốc đã truyền cho họ. Càng không phải ngẫu nhiên mà ngay sau đó dù chưa thể có điều kiện để được huấn luyện, được nghiên cứu thấu đáo học thuyết Mác - Lênin nhưng họ vẫn trở thành những chiến sĩ cộng sản trung kiên tiên phong nhất của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Không thể là ngẫu nhiên bởi vì Tâm tâm xã là kết quả của một quá trình vận động cách mạng của một thế hệ thanh niên yêu nước không cam phận nô lệ đã dấn thân vào con đường xuất dương hoạt động cứu nước trong một phong trào xuất dương từ Nghệ Tĩnh qua Xiêm rồi từ Xiêm qua Trung Quốc trong giai đoạn từ 1919 đến 1925. Phong trào đã lôi cuốn hàng trăm thanh niên trên khắp các huyện Nam Đàn, Nghi Lộc, Thanh Chương, Đức Thọ, v.v.. của Nghệ Tĩnh tham gia, trong đó có thể kể đến một số thanh niên tiêu biểu như: Lê Tản Anh (Lê Hồng Sơn), Phạm Thành Tích (Phạm Hồng Thái), Lê Huy Hoãn (Lê Hồng Phong), Trương Vân Lĩnh, Đặng Thái Thuyến, Ngô Tuân (Lê Ba Đốc), v.v..[1]

Phong trào nảy sinh từ Nghệ Tĩnh, một vùng quê giàu truyền thống đấu tranh yêu nước. Những người con của Nghệ Tĩnh sinh

1 Trần Thị Thu Lương, *Phong trào xuất dương Nghệ Tĩnh 1919 - 1925*, Luận văn tốt nghiệp đại học, Phòng tư liệu Khoa Sử, trường Đại học Tổng hợp, Hà Nội, 1977.

ra và lớn lên trong bầu không khí đậm đặc khí phách đấu tranh oanh liệt của cha ông. Truyền thống ấy, khí phách ấy đã thôi thúc những người con ưu tú của Nghệ Tĩnh xuất dương hoạt động. Họ chọn Xiêm làm địa bàn tụ hợp và chuẩn bị lực lượng tương đối an toàn hơn, do chỗ Xiêm là nước duy nhất lúc đó ở Đông Nam Á còn giữ được chủ quyền độc lập. Mặt khác, do Nghệ Tĩnh là một vùng đất có cự ly ngắn nhất và dễ dàng nhất để xuất dương sang Xiêm. Bởi vì ở đầu thế kỷ XX, thực dân Pháp chưa thể thực hiện được một sự kiểm soát gắt gao với các cửa ngõ biên giới của vùng núi Nghệ Tĩnh. Hơn nữa, tại Xiêm từ 1913 đã có trại cày của Đặng Thúc Hứa[1], một chỗ dựa tốt để các thanh niên xuất dương ẩn náu chuẩn bị tìm cách sang Trung Quốc, nơi đang diễn ra những biến cố cách mạng sôi động đầu thế kỷ XX.

Các thanh niên yêu nước này sau một thời gian chuẩn bị đã từ Xiêm tới Quảng Châu (Trung Quốc) cùng hoạt động với nhiều thanh niên khác cũng xuất dương từ Việt Nam như Hồ Tùng Mậu, Nguyễn Giản Khanh, Đặng Xung Hồng, Trương Quốc Huy, Lê Cầu, Nguyễn Công Viễn, v.v.. Mùa xuân năm 1923, nhóm các thanh niên yêu nước này đã lập ra tổ chức Tâm tâm xã và nêu rõ chí hướng của họ: "*Thử nghĩ sống làm thân nô lệ sao bằng chết làm thân tự do, sống một cách lay lắt cho qua ngày đâu có phải là kẻ trượng phu, chi cho bằng quyết tâm phấn đấu để mưu cầu cái lợi ích cho con cháu về sau. Vì lý do trên mà Đoàn hôm nay được tổ chức*".[2]

Sau khi thành lập, Tâm tâm xã đã chủ trương bắt liên lạc với các cơ sở cách mạng ở trong nước. Thực hiện chủ trương đó, Lê Hồng Sơn đã về Hà Nội gặp Lương Văn Can và Đinh Chương Dương với mục đích thông báo cho các nhà cách mạng trong

1 Đặng Thúc Hứa quê ở Thanh Chương (Nghệ An), em ruột của Phó bảng Đặng Nguyên Cẩn. Cả hai là bạn chiến đấu thân thiết của Phan Bội Châu. Sau khi phong trào Đông Du thất bại, Đặng Thúc Hứa sang Xiêm lập lại trại cày ở Phi Chịt và Udon (Đông bắc Xiêm).

2 Nguyễn Thành (chủ biên), *Việt Nam Thanh niên Cách mạng Đồng chí hội*, Nxb. Thông tin lý luận, Hà Nội, 1985, trang 67.

nước về tổ chức cách mạng mới thành lập ở Quảng Châu và xây dựng cơ sở cách mạng trong nước. Sau khi Lê Hồng Sơn trở lại Quảng Châu, Hồ Tùng Mậu về Xiêm rồi từ Xiêm về Nghệ Tĩnh phân phát tài liệu. Cùng với việc cử người về nước gây cơ sở, Tâm tâm xã còn dùng tiếng nổ để thức tỉnh đồng bào trong ngoài nước. Tiếng bom của Phạm Hồng Thái nổ ở khách sạn Victoria mưu sát toàn quyền Méclanh là kết quả của chủ trương gây tiếng vang đó. Vụ mưu sát không thành nhưng tiếng bom và tấm gương hy sinh liệt oanh của Phạm Hồng Thái đã "*báo hiệu bắt đầu thời đại đấu tranh dân tộc, như chim én nhỏ báo hiệu mùa xuân*".[1]

Nói một cách khác, Tâm tâm xã là một tổ chức của những người yêu nước Việt Nam thành lập ở hải ngoại có xu hướng hướng tới những tư tưởng cách mạng mới trong một hoàn cảnh có rất nhiều đổi mới của tình hình cách mạng thế giới đầu thế kỷ XX. Một tài liệu của Quốc tế Cộng sản thời kỳ đó đã xác nhận: "*Tân Việt Thanh niên đoàn hay là Tâm tâm xã là do một nhóm 7 người trí thức Việt Nam xuất dương sang Trung Quốc lập ra năm 1923. Đây là nhóm đầu tiên cho thấy tương lai sẽ có nhóm cộng sản Đông Dương xuất hiện*".[2]

Chính nhờ đó, năm 1924 khi Nguyễn Ái Quốc đem chủ nghĩa Mác - Lênin tới thì như một bó đuốc đã sẵn sàng bùng cháy, những thanh niên yêu nước của Tâm tâm xã đã lập tức tiếp nhận được chân lý cứu nước và Tâm tâm xã đã nhanh chóng trở thành một tổ chức hạt nhân cộng sản tiên phong ở hải ngoại. Kể từ đó, sự nghiệp tìm đường cứu nước của những người yêu nước Việt Nam bước sang một bước ngoặt mới, không còn chủ yếu là tìm chân lý mà chuyển sang thời kỳ tổ chức, huấn luyện, truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin về Việt Nam. Năm 1930 Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời đánh dấu sự thắng lợi hoàn toàn của sự nghiệp tìm đường

1 Trần Dân Tiên, *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch*, Nxb. Văn học, Hà Nội, 1969.

2 *Tài liệu về Quốc tế Cộng sản*, bản sao tại Phòng lưu trữ của Bảo tàng cách mạng Việt Nam tại Hà Nội.

cứu nước ở hải ngoại để chuyển sang giai đoạn lãnh đạo nhân dân trong nước theo con đường mới đấu tranh giành lại tự do độc lập.

Nhìn lại một cách tổng quát vấn đề xuất dương tìm đường cứu nước trong 30 năm đầu thế kỷ XX của cách mạng Việt Nam, chúng ta có thể rút ra một số nhận xét như sau:

1. Do tính chất toàn cầu của hệ thống thực dân và thuộc địa mà cuộc đấu tranh giành lại tự do độc lập của Việt Nam và các dân tộc châu Á khác đang bị chủ nghĩa thực dân xâm lược và thống trị đã buộc phải tìm câu trả lời ở ngoài biên giới. Sự bế tắc của con đường đấu tranh cũ, sự biến động đổi mới của tình hình thế giới và sự thôi thúc của yêu cầu lịch sử đã khiến ở Việt Nam đầu thế kỷ XX xuất hiện phong trào xuất dương tìm đường cứu nước, trong đó tiêu biểu nhất là sự nghiệp xuất dương tìm đường cứu nước của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc. Như những nguồn mạch nhỏ ngấm ngầm lan tỏa tại những trung tâm cách mạng thế giới ở châu Âu (Pháp), ở châu Á (Trung Quốc), lịch sử cách mạng Việt Nam đầu thế kỷ XX không chỉ có những trang đấu tranh trong đất nước mà còn có những trang được viết một cách bí mật ở hải ngoại. Sự vĩ đại của sự nghiệp tìm đường cứu nước của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc là ở chỗ đã tìm được con đường đúng và hơn thế nữa đã hội tụ được những dòng chảy xuất dương đang tản mát, đang mò mẫm trong khát khao của nhiều người yêu nước khác để truyền bá chân lý cho họ, để huấn luyện, xây dựng thành những tổ chức cách mạng tiên phong, đủ sức thực hiện sứ mệnh lãnh đạo toàn dân tộc giành lại được độc lập dân tộc ở giai đoạn tiếp theo.

2. Những chiến sĩ xuất dương tìm đường cứu nước đầu thế kỷ XX của Việt Nam là những người tiên phong mở đầu một thời kỳ mới - thời kỳ hội nhập của cách mạng Việt Nam vào cách mạng thế giới.

Chủ nghĩa thực dân là chủ nghĩa xâm lược có tính toàn cầu do vậy để chống chủ nghĩa thực dân thì cần phải có chiến lược đấu tranh ở hệ thống toàn cầu. Chính chủ nghĩa Mác - Lênin và chỉ

có chủ nghĩa Mác - Lênin mới có thể khiến cho cuộc đấu tranh của các dân tộc bị áp bức trở thành một bộ phận của cách mạng thế giới. Lênin và Cách mạng tháng Mười Nga đã phát triển được khẩu hiệu *Giai cấp vô sản toàn thế giới liên hiệp lại* của chủ nghĩa Mác thành khẩu hiệu *Giai cấp vô sản và các dân tộc bị áp bức trên toàn thế giới liên hiệp lại.*

Điều đó có thể thấy qua minh chứng tiêu biểu là *Luận cương về vấn đề dân tộc và thuộc địa* của Lênin. Tuy nhiên chân lý đó chỉ có thể đến được với những con người đã bôn ba trăn trở đi tìm nó. Nguyễn Ái Quốc trong cuộc hành trình gần 10 năm khắp năm châu (1911 - 1920) với sự nung nấu tìm kiếm đã không ngừng quan sát, nhận xét và Người đã phát hiện ra một vấn đề: Ở đâu cũng có hai hạng người bóc lột và bị bóc lột bất kể màu da nào. Trải nghiệm sâu sắc của người dân mất nước cùng với phát hiện quan trọng nói trên là cơ sở để Nguyễn Ái Quốc gặp chủ nghĩa Mác - Lênin khi tiếp cận được với Luận cương của Lênin.

Không phải đơn giản chỉ từ sự kiện đọc được luận cương mà Nguyễn Ái Quốc đã ngay lập tức trở thành một chiến sĩ cộng sản lỗi lạc của cách mạng thế giới. Luận cương đó đã có mặt ở Pháp, chắc chắn sẽ không phải chỉ có một mình Nguyễn Ái Quốc là người Việt Nam duy nhất tiếp cận được. Nhưng lịch sử chỉ ghi nhận có một Nguyễn Ái Quốc, chỉ có một lãnh tụ Hồ Chí Minh bởi vì đó là kết quả lôgic của cả một sự nghiệp tìm đường cứu nước vĩ đại của Người. Lôgic đó cũng rất đúng với sự nghiệp tìm đường cứu nước của nhiều chiến sĩ cách mạng tiên phong khác của Việt Nam trên các địa bàn hải ngoại đầu thế kỷ XX.

3. Với phong trào xuất dương yêu nước đầu thế kỷ XX, Việt Nam đã thể hiện sự cố gắng thoát khỏi hệ thống cũ để bước vào chặng đường hội nhập thế giới đầu tiên. Nhưng đó mới chỉ là sự hội nhập vào hệ thống đấu tranh chống sự xâm lược của chủ nghĩa thực dân để trở thành một bộ phận quan trọng của cách mạng thế giới.

Chúng ta thấy tên Việt Nam vang lên từ hội nghị Tua là tên của một nước thuộc địa. Với Cách mạng tháng Tám năm 1945, Việt Nam được biết đến trên toàn thế giới với tư cách là ngọn cờ đầu của phong trào giải phóng dân tộc ở Đông Nam Á và thế giới. Sau đó, thắng lợi của hai cuộc kháng chiến thần thánh chống Pháp và chống Mỹ đã đưa dân tộc Việt Nam lên đỉnh cao của sự ngưỡng mộ của cả thế giới vì đã đánh bại được hai đế quốc lớn trong hệ thống đế quốc thực dân mới và cũ, đặc biệt là đế quốc đầu sỏ, đế quốc Mỹ.

Như vậy, cho đến 1975, bệ phóng chủ yếu của Việt Nam hội nhập vào thế giới là bệ phóng đấu tranh cách mạng và hệ thống thế giới mà chúng ta hội nhập là hệ thống cách mạng thế giới. Chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa Mác - Lênin cho đến 1975 đã đưa được Việt Nam từ một nước thuộc địa bị xóa tên trên bản đồ thế giới trở thành một đất nước tiêu điểm của lương tri nhân loại.

Nhưng sự nghiệp hội nhập của Việt Nam vẫn còn một thách đố to lớn đó là: Một Việt Nam nghèo đói với lực lượng sản xuất thấp kém và đổ nát sau bao nhiêu tàn phá của chiến tranh có thể trở thành một cường quốc kinh tế để hội nhập toàn diện vào thế giới hay không? Đó là thách đố của Việt Nam hiện đại, một thách đố nhất định phải vượt qua để đưa dân tộc lên đỉnh cao hạnh phúc, no ấm. Nếu đầu thế kỷ XX, yêu cầu giải phóng dân tộc đã buộc Việt Nam phải hội nhập vào cách mạng thế giới và Việt Nam đã trở thành được một bộ phận sáng chói của cách mạng thế giới thì đầu thế kỷ XXI, yêu cầu đưa kinh tế Việt Nam cất cánh và hội nhập cũng sẽ nhất định phải được đáp ứng.

Đó là sứ mệnh của chúng ta hiện nay. Sứ mệnh đó cũng gian nan như sứ mệnh tìm đường cứu nước đầu thế kỷ XX và cũng như thế, câu trả lời sẽ không thể đến nếu không có đủ một tấm lòng yêu nước cháy bỏng thiết tha, không có được sự nung nấu tâm huyết tìm đường ra như tấm gương sáng chói của cả một thế hệ cha ông tìm đường cứu nước của chúng ta ở đầu thế kỷ XX.

NHỮNG QUYẾT ĐỊNH QUAN TRỌNG CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH Ở CAO BẰNG ĐỐI VỚI CÁCH MẠNG VIỆT NAM (1941 - 1945)

HÀ NGỌC CHIẾN*

I. CHỌN CAO BẰNG VỀ NƯỚC - MỘT QUYẾT ĐỊNH SÁNG SUỐT CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH

Trải qua nhiều năm bôn ba hải ngoại tìm đường cứu nước, cứu dân, sau khi nắm chắc con đường giải phóng dân tộc, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc luôn khát khao trở về Tổ quốc lãnh đạo cách mạng. Người đã tìm cách về nước nhiều lần tại những thời điểm khác nhau nhưng không thành. Trong báo cáo gửi Quốc tế Cộng sản ngày 18-2-1930, Người đã viết: "Hai lần tôi thử về Việt Nam nhưng phải quay trở lại. Mật thám và cảnh sát ở biên giới rất cảnh giác, đặc biệt là từ khi có vụ Việt Nam Quốc dân Đảng". Tháng 9-1935, Người lại nói: "Tôi chỉ có một mong ước là sớm trở về Tổ quốc". Có thể nói, trở về Tổ quốc luôn là khát vọng cháy bỏng của Người. Tháng 10-1938, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc lại rời Mátxcơva, tìm cơ hội về nước. Năm 1940, chiến tranh thế giới đã tạo ra những điều kiện cho Bác. Người khẳng định: "Việc Pháp mất nước là một cơ hội rất thuận lợi cho cách mạng Việt Nam. Ta phải tìm mọi cách về nước ngay để tranh thủ thời cơ, chậm trễ lúc này là có tội với cách mạng".

* Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng Nhân dân tỉnh Cao Bằng.

Cuối năm 1940, Người đã về hoạt động ở gần biên giới Việt Nam - Trung Quốc, tìm cách về nước. Nhưng việc lựa chọn địa điểm, tức chỗ "đứng chân" trong nước là hết sức quan trọng, nó có ý nghĩa quyết định toàn bộ sự phát triển về sau của cách mạng. Với tầm nhìn chiến lược của một vị lãnh tụ thiên tài, Người đã phát hiện Cao Bằng là nơi hội tụ đủ cả "Thiên thời, địa lợi, nhân hòa" nên Bác chọn Cao Bằng để về nước.

Thứ nhất, Cao Bằng có đường biên giới với Trung Quốc dài hơn 332 km, núi cao hiểm trở, vừa có nhiều đường bộ, đường thủy sang Trung Quốc nên thuận lợi cho giao thông liên lạc quốc tế. Cao Bằng còn có các tuyến đường bộ đi xuống Lạng Sơn, Thái Nguyên... Khi phong trào cách mạng phát triển, cơ sở Việt Minh mở rộng có thể nhanh chóng "Đông tiến" xuống Lạng Sơn, "Nam tiến" xuống Thái Nguyên và "Tây tiến" sang Hà Giang, Tuyên Quang...đến các tỉnh vùng trung du, đồng bằng Bắc Bộ.

Thứ hai, yếu tố quan trọng góp phần đi đến quyết định lựa chọn Cao Bằng trở về nước của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc là "Cao Bằng có phong trào tốt từ trước", là nơi sinh sống của hàng chục vạn đồng bào các dân tộc Tày, Nùng, Dao, Mông trình độ giác ngộ cách mạng tương đối cao, luôn đoàn kết gắn bó cùng đồng bào cả nước anh dũng đấu tranh trong công cuộc dựng nước và giữ nước. Từ ngày có Đảng, các dân tộc một lòng theo Đảng đấu tranh chống thực dân, phong kiến. Đảng Cộng sản Việt Nam vừa ra đời ngày 3-2-1930, thì ngày 1-4-1930, chi bộ Đảng Cộng sản đầu tiên ở Cao Bằng và cũng là chi bộ đầu tiên ở vùng Việt Bắc được thành lập. Dưới sự lãnh đạo của Chi bộ Cộng sản, đến năm 1933 tại Cao Bằng nhiều chi bộ Cộng sản mới được thành lập. Năm 1933, Ban chỉ huy Hải ngoại của Đảng công nhận Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Cao Bằng do đồng chí Hoàng Như làm Bí thư. Đến năm 1935, nhiều tổ chức như "Cộng sản đoàn", "Công hội đỏ", "Nông hội đỏ", "Hội bản", "Hội làng"...được hình thành ở nhiều địa phương trong tỉnh.Trong những năm 1938 - 1939, Tỉnh ủy Cao

Bằng chỉ đạo xây dựng căn cứ cách mạng ở vùng cao Lục Khu - Pác Bó (Hà Quảng) gồm các xã ở sát biên giới Việt Nam - Trung Quốc, vận động đồng bào tham gia tổ chức "Hội đánh Tây", "Hội phòng phỉ"...đã gây dựng nên cơ sở cách mạng vững ở đây. So với các tỉnh giáp với Trung Quốc, Cao Bằng có phong trào cách mạng sớm nhất và vững chắc nhất.

Thứ ba, Cao Bằng có các đảng viên Cộng sản ưu tú, có đội ngũ cán bộ cốt cán yêu nước trung kiên, một lòng sắt son với Đảng, với dân tộc và có đội ngũ cán bộ trẻ đã qua đào tạo ở Trung Quốc về nước như 40 thanh niên yêu nước, phần đông là người Cao Bằng đã được chính Người mở lớp huấn luyện để làm nòng cốt cho cuộc trở về nước của Người. Tiêu biểu cho đội ngũ cán bộ đó là: Anh hùng - Liệt sĩ Hoàng Đình Giong - người học trò xuất sắc của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc, đã hăng hái tham gia hoạt động cách mạng từ năm 1926 - 1927, năm 1928 được kết nạp vào Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên, năm 1929 tham gia thành lập Chi bộ Hải ngoại ở Long Châu (Trung Quốc) và làm Bí thư. Đồng chí Hoàng Như, Bí thư Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Cao Bằng, tham gia đoàn đại biểu Đảng Cộng sản Đông Dương dự Đại hội VII Quốc tế Cộng sản họp ở Mátxcơva (tháng 7-1935). Thay mặt Đảng ta, đồng chí Hoàng Như có bản tham luận về: "Công tác vận động các dân tộc thiểu số ở Đông Dương tham gia cách mạng" và dự Đại hội VI Quốc tế Thanh niên. Sau Đại hội, đồng chí Hoàng Như được ở lại dự lớp học ngắn hạn tại trường Đại học Phương Đông. Trong thời gian lưu lại Mátxcơva, đồng chí Hoàng Như đã được Nguyễn Ái Quốc giúp đỡ tận tình, đồng thời qua đồng chí Hoàng Như, Nguyễn Ái Quốc hiểu thêm về con người và phong trào cách mạng ở Cao Bằng.

Thứ tư, giáp Cao Bằng là huyện Long Châu, Tĩnh Tây (thuộc Quảng Tây, Trung Quốc) là nơi an toàn, có cơ sở cách mạng của Bác. Từ khi mới nhen nhóm phong trào cách mạng, lực lượng cán bộ, đảng viên của Cao Bằng đều có quan hệ mật thiết, gắn bó với các cơ sở cách mạng ở biên giới Cao Bằng (Việt Nam) - Quảng

Tây (Trung Quốc) như Chi bộ làng Cốc Coóc (Quảng Uyên) giữ đường dây liên lạc từ Cao Bằng ra Long Châu (Trung Quốc); có nhiều quần chúng tốt hết lòng giúp đỡ, làm cơ sở cho cách mạng Việt Nam liên lạc ra quốc tế thuận lợi; nhân dân ở vùng biên giới hai nước có mối quan hệ gắn bó lâu đời, nhiều người đã tổ chức ăn thề, kết "bạn tổng" một lòng gìn giữ tình cảm gắn bó, bền chặt. Trong thời điểm lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc quyết định lựa chọn con đường về nước, Trung ương Đảng ta cử đồng chí Hoàng Văn Thụ ra nước ngoài gặp lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc tại Tĩnh Tây (Trung Quốc). Đồng chí Hoàng Văn Thụ đã báo cáo với Người tình hình trong nước, việc chuẩn bị cho Hội nghị Trung ương lần thứ 8 và đề nghị Người về nước theo hướng Cao Bằng. Đề nghị của đồng chí Hoàng Văn Thụ đúng với nhận định của Người, bởi trước đó một tháng, Người đã cử đồng chí Vũ Anh về nước để tìm một địa điểm thật bí mật, có hàng rào quần chúng bảo vệ và có đường rút lui. Sau khi tìm hiểu tình hình trong nước và phong trào cách mạng ở Cao Bằng, đồng chí Vũ Anh cũng đã khuyên lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc về nước qua hướng Cao Bằng.

Với những yếu tố "Thiên thời, địa lợi, nhân hòa" đó, Cao Bằng có đủ điều kiện trở thành chỗ "đứng chân" trong nước, trở thành căn cứ địa cách mạng, trở thành một trong những bàn đạp chiến lược cho khởi nghĩa vũ trang giải phóng dân tộc. Ngày 28-1-1941 (tức ngày mùng hai tết Tân Tỵ), lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc qua mốc 108 (cũ) biên giới Việt Nam - Trung Quốc về đến Pác Bó, xã Trường Hà, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng. Đồng bào Pác Bó - Cao Bằng vinh dự, tự hào thay mặt nhân dân cả nước đón Người trở về Tổ quốc, trực tiếp lãnh đạo cách mạng Việt Nam.

II. NHỮNG QUYẾT ĐỊNH QUAN TRỌNG CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH Ở CAO BẰNG (28-1-1941 ĐẾN 04-5-1945) ĐỐI VỚI CÁCH MẠNG VIỆT NAM

Tại Pác Bó, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc đã triệu tập và chủ trì **Hội nghị Trung ương lần thứ tám** (họp tại lán Khuổi Nặm - Pác

Bó vào tháng 5-1941), **hoàn chỉnh sự chuyển hướng chỉ đạo chiến lược** đối với cách mạng Việt Nam, tập trung sức mạnh toàn dân cho cách mạng giải phóng dân tộc, từ đó có Cách mạng tháng Tám năm 1945 thành công. Hội nghị Trung ương lần thứ Tám xác định: *"Trong lúc này nếu không giải quyết được vấn đề dân tộc giải phóng, không đòi được độc lập, tự do cho toàn thể dân tộc, thì chẳng những toàn thể quốc gia dân tộc còn chịu mãi kiếp ngựa trâu, mà quyền lợi của bộ phận, giai cấp đến vạn năm cũng không đòi lại được"*[1].

Quyết định thành lập Mặt trận Việt Nam độc lập đồng minh (tháng 5-1941, gọi tắt là Mặt trận Việt Minh) nhằm tập hợp tất cả những lực lượng yêu nước, cách mạng trong mặt trận dân tộc thống nhất rộng rãi, trên cơ sở công - nông liên minh, dưới sự lãnh đạo của Đảng, đó là một trong những nhân tố bảo đảm sự thắng lợi cho cách mạng giải phóng dân tộc. Các tổ chức quần chúng sau đó đều lấy tên là Hội cứu quốc (Thanh niên cứu quốc, Hội nhi đồng cứu quốc, Hội công nhân cứu quốc, Hội phụ nữ cứu quốc, Hội nông dân cứu quốc, Hội phụ lão cứu quốc...). Quyết định khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền và quyết định quan trọng đó đã tạo ra bước nhảy vọt của phong trào cách mạng Việt Nam.

Tại Pác Bó, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc quyết định xuất bản **Báo Việt Nam Độc Lập (VNĐL).** Người đã nói: "Năm 1941, bí mật về nước. Theo lời dạy của Lênin: tờ báo là công cụ tuyên truyền, cổ động, tổ chức và lãnh đạo, cho nên mình cố gắng ra một tờ báo ngay". Báo VNĐL số đầu tiên ra ngày 1-8-1941; mỗi tháng báo ra 3 kỳ vào các ngày mùng 1, 11, 21. Tờ báo trở thành tài liệu tuyên truyền của Đảng. Quần chúng quý trọng Báo VNĐL vì báo đã thiết thực giúp cho cuộc sống và đấu tranh của quần chúng, giải đáp những vấn đề đang cần, nên rất nhiều người học bằng thuộc những bài mà họ thích. Sau này họ mới biết những bài đó là của

1 Văn kiện Đảng - *Toàn tập*, tập 7, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, tr. 113.

Bác Hồ viết nên quần chúng càng yêu quý tờ báo. Thời kỳ đầu, báo VNĐL phát hành trong nội bộ Tỉnh bộ Việt Minh tỉnh Cao Bằng, sau đó phát hành rộng sang tỉnh Bắc Cạn, báo VNĐL trở thành cơ quan Liên tỉnh bộ Việt Minh Cao Bằng - Bắc Kạn. Khi phong trào cách mạng lên cao, nối liền ba tỉnh Cao Bằng - Bắc Cạn - Lạng Sơn, báo trở thành cơ quan Liên tỉnh bộ Việt Minh ba tỉnh, đến Cách mạng tháng Tám năm 1945 thành công.

Quyết định thành lập lực lượng vũ trang cách mạng: Đây là một trong những cống hiến vĩ đại của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc đối với cách mạng Việt Nam. Ngay từ khi mới về nước ở Pác Bó, Người đã chọn một số cán bộ gửi ra nước ngoài học tập quân sự. Người chủ trương Việt Minh phát triển đến đâu thì gây dựng lực lượng vũ trang đến đó: "Ở đâu có Việt Minh thì ở đó phải có tự vệ và các đội tự vệ chiến đấu". Sau Hội nghị Trung ương lần thứ tám, việc xây dựng lực lượng vũ trang càng được xúc tiến khẩn trương, Người chỉ đạo: cần chọn những đồng chí cốt cán tốt nhất trong các đoàn thể cứu quốc: "để tổ chức các đội tự vệ và tự vệ chiến đấu, phải xây dựng được một lực lượng vũ trang sẵn sàng"[1]. Người giao đồng chí Cao Hồng Lĩnh lập trạm liên lạc ở Trung Quốc để đưa đón các bộ sang học tập quân sự. Từ 1941 - 1944 đã có gần 400 thanh niên Cao Bằng sang học tại các lớp quân sự ở Điền Đông, Liễu Châu (Trung Quốc). Từ cuối năm 1941, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc giao các đồng chí Lê Quảng Ba, Lê Thiết Hùng, Hoàng Sâm mở lớp học tập quân sự tập trung đầu tiên tại Pác Bó. Tháng 10-1941, Người quyết định thành lập đội du kích tập trung đầu tiên ở Pác Bó. Năm 1942, các đội tự vệ xuất hiện ở nhiều địa phương trong tỉnh Cao Bằng, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc quyết định xây dựng, tổ chức lực lượng vũ trang lên một bước mới. Trước khí thế của phong trào cách mạng ngày càng lên cao, thực dân Pháp thẳng tay đàn áp, giết hại cán bộ, đốt phá tài sản của nhân dân... Nhưng đồng bào vẫn tin tưởng, ủng hộ phong trào cách mạng,

1 *Đầu Nguồn - Hồi ký về Bác Hồ*, Nxb Văn học, Hà Nội, 1975, tr. 225.

nên phong trào cách mạng ngày càng phát triển mạnh đã xuất hiện nhiều xã, nhiều tổng toàn dân tham gia Việt Minh gọi là "xã hoàn toàn", "tổng hoàn toàn" thực hiện 10 chính sách của Việt Minh, **hoạt động như một mô hình chính quyền mới trong tương lai**. Tháng 8-1944, Liên Tỉnh ủy Cao - Bắc - Lạng quyết định khởi nghĩa vũ trang. Nhưng khi lãnh tụ Hồ Chí Minh từ Trung Quốc trở lại Pác Bó (*tháng 8-1942, Người sang Trung Quốc làm việc với Quốc tế bị Tưởng Giới Thạch bắt giam),* sau khi nắm lại tình hình, Người quyết định hoãn cuộc khởi nghĩa và nhấn mạnh: "Cuộc đấu tranh bây giờ phải từ hình thức chính trị tiến lên hình thức quân sự, song hiện nay chính trị trọng hơn quân sự, phải tìm ra hình thức thích hợp thì mới có thể đẩy phong trào tiến lên". Để thực hiện phương châm hoạt động mới, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc đã chỉ thị cho đồng chí Võ Nguyên Giáp cùng đồng chí Hoàng Đức Thạc (Bí thư Liên Tỉnh ủy Cao - Bắc - Lạng), nghiên cứu thành lập **Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân** (VNTTGPQ). Chấp hành chỉ thị của Người, với sự chuẩn bị khẩn trương, chặt chẽ, chu đáo về mọi mặt của Đảng bộ và nhân dân các dân tộc Cao Bằng, Đội VNTTGPQ đã được thành lập ngày 22-12-1944 tại khu rừng Trần Hưng Đạo, châu Nguyên Bình, Cao Bằng, Đội gồm 34 chiến sĩ do đồng chí Võ Nguyên Giáp chỉ huy, trong đó có 25 đồng chí là con em các dân tộc Cao Bằng.

Cống hiến của Chủ tịch Hồ Chí Minh đối với sự nghiệp cách mạng của Đảng và dân tộc Việt Nam vô cùng to lớn. Trong bốn sáng lập lớn của Người: Sáng lập Đảng Cộng sản Việt Nam, Sáng lập Mặt trận Việt Minh, sáng lập Quân đội Nhân dân Việt Nam và sáng lập Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (nay là Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam) có hai sáng lập ở Cao Bằng, đó là sáng lập Mặt trận Việt Minh, sáng lập Quân đội Nhân dân Việt Nam và sáng lập nước được thai nghén, chủ trương tại Cao Bằng.

NHÌN NHẬN CỦA HỌC GIẢ NƯỚC NGOÀI VỀ TƯ TƯỞNG CÁCH MẠNG GIẢI PHÓNG DÂN TỘC CỦA HỒ CHÍ MINH

PGS. TS. TRẦN MINH TRƯỞNG*

Đánh giá về những cống hiến của Hồ Chí Minh đối với phong trào cách mạng giải phóng dân tộc, phong trào đấu tranh vì hòa bình và tiến bộ nhân loại, Tổ chức giáo dục, khoa học và văn hóa của Liên hợp quốc (UNESCO) đã khẳng định: "*Chủ tịch Hồ Chí Minh là một biểu tượng kiệt xuất về quyết tâm của cả dân tộc, đã cống hiến trọn đời mình cho sự nghiệp giải phóng dân tộc của nhân dân Việt Nam, góp phần vào cuộc đấu tranh chung của các dân tộc vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội*"[1]. Với những đóng góp đặc biệt xuất sắc đối với dân tộc và thế giới, nhân dịp kỷ niệm 100 năm ngày sinh của Người (1990), UNESCO đã tôn vinh Hồ Chí Minh là "Anh hùng giải phóng dân tộc, nhà văn hóa kiệt xuất".

Thế giới đánh giá cao những cống hiến của Hồ Chí Minh, bởi con đường mà Người lựa chọn đã đưa dân tộc Việt Nam đến thắng lợi vĩ đại: đập tan xiềng xích nô lệ của chủ nghĩa thực dân, lập lên chính thể cộng hòa dân chủ, đưa nước ta bước lên đài vinh quang sánh vai cùng các cường quốc năm châu. Đồng thời, với tư cách là người đi tiên phong trong phong trào giải phóng dân tộc

* Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh.

1 Trích Nghị quyết 24c/18.65 của Đại hội đồng UNESCO khóa 24-1987

Việt Nam, Hồ Chí Minh đã góp phần quan trọng vào quá trình "phi thực dân hóa", làm sụp đổ hoàn toàn chủ nghĩa thực dân cũ trên phạm vi toàn thế giới, xóa đi "vết nhơ của nhân loại trong thế kỷ XX".

Hồ Chí Minh *"Người đặt cây thập tự trên mồ của chủ nghĩa thực dân"*[1]; *"Người là hiện thân của những khát vọng của các dân tộc trong việc khẳng định bản sắc dân tộc của mình và tiêu biểu cho việc thúc đẩy sự hiểu biết lẫn nhau"*[2]. Chính vì vậy, đã có rất nhiều các chính khách, các nhà báo, các học giả nước ngoài nghiên cứu về thân thế, sự nghiệp và tư tưởng của Người. Trong phạm vi chủ đề hội thảo này, chúng tôi xin chỉ đề cập đến ý kiến của một số học giả phương Tây nói về tư tưởng cách mạng giải phóng dân tộc của Hồ Chí Minh.

Lần theo hoạt động của Hồ Chí Minh và từ những sự kiện lịch sử, khi nghiên cứu về tư tưởng cách mạng giải phóng dân tộc của Người, ông David Halberstam trong tác phẩm: *Hồ* đã đi đến kết luận, Hồ Chí Minh một người yêu nước, một người đi tiên phong trong phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc trên thế giới. Ông viết: *"Lúc sinh thời, ông Hồ Chí Minh không những đã giải phóng đất nước của ông mà thay đổi chiều hướng của chế độ thuộc địa ở cả châu Phi lẫn châu Á"*[3].

Hồ Chí Minh là người Việt Nam tiêu biểu cho ý chí kiên cường trong cuộc đấu tranh đòi tự do và độc lập dân tộc. Sự thể hiện khát vọng tự do, đấu tranh đòi tự do độc lập của Hồ Chí Minh, của dân tộc Việt Nam, đã khích lệ các dân tộc thuộc địa đứng lên đấu tranh giành độc lập. Giáo sư Pôn Muýt (Paul Mus) - Trưởng đoàn đàm phán của Chính phủ Pháp với Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa thời kỳ kháng chiến chống Pháp (1947), trong tác phẩm: *Hồ Chí Minh - Việt Nam và châu Á* đã viết: *"Cụ Hồ nổi lên như là*

1 Nhận định của Acnu, mật thám Paris (Pháp), người được phân công theo dõi Nguyễn Ái Quốc trong những năm 1919-1922 (Xem tài liệu ĐM/HC 24 lưu tại Viện Hồ Chí Minh) TG.

2 Hội thảo quốc tế về Chủ tịch Hồ Chí Minh, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1990, tr. 10.

3 David Halberstam, *Hồ*, Nxb. Răngđôm Haosơ, NiuYoók 1971, tr. 116.

người Á châu nhất của châu Á nhưng lại là người dễ dàng tiếp xúc nhất với tinh thần của châu Âu. Cụ là một trong những người đã đem lại sự kiêu hãnh và sức mạnh cho lục địa này"[1].

Cùng thống nhất quan điểm với các học giả nói trên, Trung tá A. Patty - sĩ quan tình báo Mỹ chỉ huy nhóm tình báo quân đội Mỹ (OSS) ở Hoa Nam (Trung Quốc) và Bắc Việt Nam, trong cuốn sách *Why Vietnam*, ông đã nhận định: "*...Hơn một phần tư thế kỷ nay, chỉ có Hồ Chí Minh mới giữ được cho ngọn đuốc độc lập bập bùng cháy trong trái tim, khối óc của những người Việt Nam cộng sản cũng như không cộng sản, và duy nhất chỉ có ông đã trở thành hiện thân của chủ nghĩa quốc gia Việt Nam, một Gioócgiơ Oasinhtơn của Việt Nam... Từ lâu ông đã trở thành Bác Hồ của người nghèo và tầm thường với một ánh hào quang trên đầu mà tất cả các chế độ bù nhìn liên tiếp đã không bao giờ có khả năng đánh đổ được*"[2].

Ví Chủ tịch Hồ Chí Minh như G.Oasinhtơn - Tổng thống của Hợp chủng quốc Hoa Kỳ, người đã đi vào huyền thoại trong lịch sử đấu tranh giành độc lập dân tộc của nước Mỹ, A. Patty muốn khẳng định giá trị tư tưởng cách mạng giải phóng dân tộc, tư tưởng về quyền con người và quyền bình đẳng các dân tộc của Hồ Chí Minh sánh ngang tầm với những nhân vật vĩ đại nhất trong lịch sử thế giới cận - hiện đại. G.Oasinhtơn và Hồ Chí Minh, hai con người ở hai thời đại, xa cách nhau hàng vạn dặm, nhưng lại rất gần nhau ở một ý tưởng: Kiên quyết đấu tranh cho nền độc lập của dân tộc mình. Có thể nhận thấy hai tư tưởng lớn đó gặp nhau ở cùng một điểm, thể hiện qua hai bản Tuyên ngôn: *Tuyên ngôn Độc lập* năm 1776 của nước Mỹ và *Tuyên ngôn Độc lập* của Việt Nam năm 1945. Tư tưởng vì độc lập, tự do và quyền bình đẳng dân tộc của hai bản Tuyên ngôn do G.Oasinhtơn và Hồ Chí Minh soạn thảo,

1 Paul Mus, *Ho Chi Minh, Le Vietnam, L'Asie*. (*Hồ Chí Minh, Việt Nam và châu Á*). Paris, Seuil, 1971, tr. 123.

2 A. Patty, *Why Vietnam*, Trường đại học Caliphoocnia Bécclây. Lốt Angiơlét, 1986. (Theo bản dịch của Cao Nham Viện Lịch sử quân sự), lưu tại Viện Hồ Chí Minh, tr. 284-290.

chính là sự kết tinh tiếng nói, ước vọng của nhân loại tiến bộ, là hằng số giá trị văn hóa của mọi thời đại.

Trên cơ sở nghiên cứu về tư tưởng cách mạng giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng con người của Hồ Chí Minh, nhà sử học Pháp G.Lacutuya đã đánh giá và so sánh: "*Trên góc độ Việt Nam, đó là một Lênin đã sống khá lâu để chiến thắng chủ nghĩa đế quốc xã, một Găngđi đã rời bỏ guồng kéo sợi để xây dựng nhà máy và lãnh đạo phong trào phản kháng*"[1]. G.Lacutuya cho rằng, trong tư tưởng, hành động và con người của Hồ Chí Minh, có đầy đủ đức tính sáng tạo, hành động kiên quyết như V.I. Lênin, cùng với khả năng hòa đồng, cảm hóa quần chúng như Găngđi, chính vì vậy Người trở thành Bác Hồ của những người nghèo, của giai cấp cần lao không chỉ ở Việt Nam, mà còn là Bác Hồ của nhân dân lao động và nhân loại tiến bộ trên khắp hành tinh.

Tư tưởng cách mạng giải phóng dân tộc của Hồ Chí Minh không chỉ có ý nghĩa đối với cách mạng Việt Nam, mà còn có ý nghĩa thời đại sâu sắc. Từ chủ nghĩa yêu nước chân chính, Hồ Chí Minh đã đến với chủ nghĩa Mác - Lênin, vũ khí tư tưởng sắc bén của giai cấp công nhân và các dân tộc bị áp bức trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng con người. Giương cao ngọn cờ giải phóng dân tộc, Việt Nam - Hồ Chí Minh trở thành tấm gương tiêu biểu, là động lực thôi thúc các dân tộc thuộc địa đứng lên đấu tranh lật đổ ách áp bức của chủ nghĩa thực dân, mang lại công lý và quyền tự do hạnh phúc của nhân dân mỗi nước. Sự nghiệp cách mạng giải phóng dân tộc, tiến tới giải phóng con người khỏi mọi sự trói buộc mà Hồ Chí Minh theo đuổi, được các học giả phương Tây đánh giá là một cống hiến lớn lao của Người, nhằm bảo vệ và phát triển các giá trị văn hóa chung của nhân loại.

Trong thời đại mới, từ chủ nghĩa yêu nước, Hồ Chí Minh đã tiếp cận chủ nghĩa Mác - Lênin, tìm ra con đường giải phóng dân

[1] Giăng Lacutuya, *Hồ Chí Minh*, Nxb. Sơi, Paris, 1967. tr. 75.

tộc và giải phóng nhân loại. Người đã kết hợp hài hòa giữa chủ nghĩa yêu nước truyền thống Việt Nam và tinh hoa văn hóa thế giới, trở thành chủ nghĩa yêu nước chân chính. Đồng thời với tình yêu Tổ quốc, trong con người Hồ Chí Minh còn chứa đựng tình yêu nhân loại bao la. Bởi cùng với khát khao giải phóng đồng bào mình, dân tộc mình thoát khỏi áp bức bất công, Người muốn giải phóng tất cả những "Người cùng khổ", giải phóng tất cả các dân tộc khác trên thế giới đang rên xiết, lầm than dưới chế độ thực dân. Tiến sĩ Átmét (Ahmed) - Nguyên Giám đốc UNESCO khu vực Châu Á - Thái Bình Dương đã nhận xét: "*Chỉ có ít nhân vật lịch sử trở thành một bộ phận của huyền thoại khi còn sống và rõ ràng Cụ Hồ Chí Minh là một trong số đó; Người sẽ được ghi nhớ không phải chỉ là người giải phóng cho Tổ quốc và nhân dân bị đô hộ, mà còn là một nhà hiền triết hiện đại đã mang lại một viễn cảnh và hy vọng mới cho những người đấu tranh không khoan nhượng để loại bỏ bất công, bất bình đẳng khỏi trái đất này*"[1].

Như vậy, sự vĩ đại của Hồ Chí Minh được thừa nhận, trước nhất và trên hết là tinh thần yêu nước và tư tưởng cách mạng giải phóng dân tộc, giải phóng nhân loại. Giá trị tư tưởng cách mạng giải phóng dân tộc của Hồ Chí Minh, được mở rộng và nâng tầm, trở thành giá trị văn hóa của con người, hòa quyện giữa dân tộc và nhân loại.

Về vấn đề này, học giả C.Pácken Ragiô đã nói: "*Chủ nghĩa yêu nước của Hồ Chí Minh trước hết là biểu hiện ý chí của con người mong muốn được đối xử và thừa nhận đúng với danh nghĩa con người được sống trong công lý và được hưởng mọi quyền lợi của con người*"[2].

Đối với Hồ Chí Minh, chủ nghĩa yêu nước luôn gắn liền với chủ nghĩa quốc tế trong sáng. Ông C.Pácken Ragiô khẳng định:

1 Dẫn theo Trần Văn Giàu, *Nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh*, tập 2, Viện Hồ Chí Minh xuất bản, Hà Nội, 1993, tr. 42.

2 C.Pácken Ragiô, *Hồ Chí Minh*, Nxb. Đại học Paris, 1970. (Bản dịch của Thế Phong lưu tại Viện Hồ Chí Minh tr. 190).

"Trong thế giới ngày nay, có những dân tộc này thống trị các dân tộc khác, cho nên cuộc kháng chiến của dân tộc này cũng là một cuộc kháng chiến của các dân tộc bị áp bức khác". Và: *"Cụ Hồ vừa là người quốc gia nhất, đồng thời là người quốc tế nhất trong các lãnh tụ cộng sản"*[1].

Tuy nhiên, cũng cần phải nói rằng, khi nghiên cứu, nhận định về tư tưởng cách mạng giải phóng dân tộc của Chủ tịch Hồ Chí Minh, một số học giả phương Tây còn có những đánh giá sai lệch. Nguyên nhân trước nhất có lẽ họ còn thiếu nhiều thông tin tư liệu. Bởi không gian hoạt động của Người quá rộng, thời gian hoạt động bí mật kéo dài, đã làm cho nhiều khoảng trống về tư liệu không dễ tìm kiếm. Ông Bécna Fôn, một học giả người Pháp, tác giả cuốn: *Hồ Chí Minh* xuất bản ở Paris thừa nhận: *"Về những chi tiết về đời tư của Cụ, đúng là chúng ta chưa nắm được nhiều lắm. Trước hết là vì Cụ Hồ Chí Minh đã hoạt động lâu trong bí mật. Hai là, ngay sau khi nắm được chính quyền năm 1945, Quốc dân đảng tìm cách xuyên tạc chính phủ mà Cụ Hồ làm chủ tịch, các cuộc đàm phán với nước Pháp cũng đang tiến hành, cho nên phải thận trọng không thể tiết lộ rõ nguồn gốc của mình"*[2].

Một lý do khác khiến giới nghiên cứu thiếu thông tin xác thực về Hồ Chí Minh là: với đức tính khiêm tốn, không bao giờ Hồ Chí Minh muốn kể về mình. Song, hoàn toàn không phải hiểu theo cái nghĩa: *"Ai nói về chính mình là không hiển hách"*[3] như học giả người Pháp Daniel Hémery đã lầm tưởng. Ngoài ra, còn phải kể đến những trường hợp cố tình đưa thông tin sai lệch về Hồ Chí Minh, nhằm hạ thấp uy tín, xuyên tạc, thậm chí bôi nhọ Người để phục vụ cho mục tiêu chính trị của một số đảng phái phản động. Mặt khác, một số học giả còn mang nặng tính chủ

1 C.Packen Ragiô, Tài liệu đã dẫn, tr. 191-192.

2 Bécna Fôn, *Hồ Chí Minh*, Nxb. Đại học, Paris 1970. (Bản dịch của Thế Phong, tr. 91).

3 Xem Daniel Hémery, *Tuổi trẻ của một công dân thuộc địa. Hình thành một sự lưu vong - Hồ Chí Minh cho đến năm 1991*, Tạp chí Approcher số 11-1992.

quan tư sản, không tin vào những điều mà đôi khi họ cho là sùng bái cá nhân, "thần thánh hóa" về con người và sự nghiệp vĩ đại, sự hy sinh, cống hiến trọn đời cho Tổ quốc và cho nhân loại như Hồ Chí Minh.

Ông William J. Duiker - tác giả cuốn sách nhan đề: *HoChiMinh: A life*, người có rất nhiều thiện cảm và sự mến phục đối với Chủ tịch Hồ Chí Minh. Ông đã dành một thời gian dài để hoàn thành công trình nghiên cứu về Hồ Chí Minh, sau khi cuốn sách được xuất bản, trong *Lời tựa* ông đã viết: "*Hôm nay, sau hơn hai thập kỷ trăn trở, tôi muốn cám ơn các con gái tôi Laura và Claire đã không phàn nàn kêu ca, lắng nghe cha chúng thuyết giảng hàng giờ về Việt Nam. Tôi vô cùng biết ơn vợ tôi Yvone, người đầu tiên đọc bản thảo, người đã kiên nhẫn chấp nhận Hồ Chí Minh như một thành viên của gia đình chúng tôi*"[1]. Tuy nhiên, trong cuốn sách của mình, tác giả lại có những nhận định sai lầm, William J. Duiker viết: "*Ngày nay, ba thập kỷ sau khi ông qua đời, tệ sùng bái cá nhân Hồ Chí Minh vẫn tồn tại ở Hà Nội. Tệ sùng bái này chủ yếu làm chỗ dựa cho một chế độ tuyệt vọng tìm cách duy trì tính chính đáng của mình khi tình hình đã thay đổi theo thời gian...*

Thậm chí trong số những người thấy được giá trị của sự sùng bái ông Hồ, nhiều người xem đó như là một thứ thuốc phiện đối với nhân dân"[2].

Đối với nhà sử học người Pháp Daniel Hémery, người đã gần như dành toàn bộ thời gian và công sức của mình để nghiên cứu về Việt Nam, nghiên cứu Hồ Chí Minh. Các công trình nghiên cứu của ông cho thấy rằng, ông là người rất kính phục, đánh giá cao tài năng đức độ của Hồ Chí Minh, nhưng ông cũng có nhận định sai lầm khi cho rằng, động cơ ra đi tìm đường cứu nước của Nguyễn Tất Thành chỉ là huyền thoại: "*Hình ảnh chàng trai yêu*

1 Wiliam J. Duiker, *HoChiMinh, A life* (Dịch giả: Nguyễn Thành Nam).

2 Wiliam J. Duiker, *HoChiMinh, A life*, Nxb. Hyperion, New York 2000, Bản dịch tiếng Việt tr. 388.

nước của Nghệ An bỏ quê ra đi tìm con đường giải phóng Tổ quốc chỉ thuộc về điều tưởng tượng huyền thoại sau năm 1945 hoặc sau 1920...Sự ra đi năm 1911 không phải là dứt khoát như người ta tưởng"[1].

Phải chăng những nhận định sai lầm của một số học giả nói trên mang tính hạn chế lịch sử?

Mặc dầu vậy, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã và sẽ mãi mãi được nhân dân ta và nhân dân tiến bộ trên thế giới tưởng nhớ và tôn vinh: "Anh hùng giải phóng dân tộc, nhà văn hóa kiệt xuất"; tên tuổi và sự nghiệp của Người mãi mãi trường tồn cùng lịch sử dân tộc và nhân loại.

1 Daniel Hémery, *Tuổi trẻ của một người dân thuộc địa...*, Tạp chí Approcher. Bản dịch tiếng Việt tr. 39.

NGUYỄN TẤT THÀNH VÀ HÀNH TRÌNH TÌM ĐƯỜNG CỨU NƯỚC QUA NHẬN ĐỊNH CỦA CÁC HỌC GIẢ NƯỚC NGOÀI

ĐỖ HOÀNG LINH*

Loài người tiến bộ đánh giá rất cao và ngợi ca chủ nghĩa nhân văn đích thực, phong cách sống chuẩn mực, phẩm chất đạo đức cao đẹp Hồ Chí Minh, khi: "Cần phải nhìn nhận thế giới như một quá trình phát triển mà sự thay đổi là cội nguồn của giàu có, tiến bộ và nhằm tìm kiếm ước muốn nhân đạo trong lĩnh vực đạo đức. Vì thế mà những con người như Hồ Chí Minh ngày càng trở nên vĩ đại, vì họ đã cho chúng ta lý do để sống và khả năng để thực hiện những giấc mơ của chính mình"[1]. Hơn thế nữa, sự kiện UNESCO tôn vinh Người với danh hiệu cao quý: *Anh hùng giải phóng dân tộc, Danh nhân văn hóa kiệt xuất* đó khẳng định: "Hồ Chí Minh là một trong những người hiếm có của thời đại chúng ta. Có thể nói rằng: không có Người, lịch sử có thể đã đi theo một con đường khác. Nhưng lịch sử đã đặt Người vào đúng chỗ của mình mà trong quá trình phát triển đó, Người là nhân vật sáng tạo quyết định"[2].

---

* Phó Giám đốc Khu di tích Hồ Chí Minh tại Phủ Chủ tịch.

1 *Giá trị tư tưởng của Hồ Chí Minh trong thời đại hiện nay.* Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội,1990, tr. 104.

2 *Chủ tịch Hồ Chí Minh, Anh hùng giải phóng dân tộc - nhà văn hóa lớn.* Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1990, tr. 152.

Bối cảnh lịch sử xã hội Việt Nam cuối thế kỷ XIX có nhiều thay đổi cơ bản. Từ một nước phong kiến độc lập, sau khi bị thực dân Pháp xâm lược, Việt Nam đã trở thành nước thuộc địa, nửa phong kiến. Trong lúc phong trào chống Pháp đang diễn ra mạnh mẽ ở nhiều nơi thì triều đình nhà Nguyễn tuyên bố đầu hàng, chấp nhận sự bảo hộ hoàn toàn của Pháp. Giai cấp phong kiến đã mất vai trò lịch sử, giai cấp công nhân Việt Nam tuy hình thành nhưng chưa trở thành một lực lượng chính trị độc lập. Phong trào yêu nước do các sĩ phu tiến bộ lãnh đạo tiếp thu những luồng tư tưởng mới từ bên ngoài, đi theo hai xu hướng: bạo động và cải cách nhưng đều thất bại trước sự đàn áp của thực dân Pháp. Vấn đề đặt ra: làm thế nào tìm một con đường cách mạng đúng đắn để lãnh đạo nhân dân ta đánh đuổi thực dân, lật đổ phong kiến? Là một thanh niên sớm có nhận thức xã hội sâu sắc và rất đau xót trước nỗi thống khổ của đồng bào, Nguyễn Tất Thành tuy khâm phục các lãnh tụ cách mạng tiền bối nhưng không hoàn toàn tán thành cách làm của họ vì: Cụ Phan Châu Trinh yêu cầu người Pháp thực hiện cải lương khác gì xin giặc rủ lòng thương; Cụ Phan Bội Châu hy vọng Nhật giúp đỡ để đuổi Pháp, khác gì "đưa hổ cửa trước, rước beo cửa sau"; Cụ Hoàng Hoa Thám đấu tranh quân sự chống Pháp, nhưng mang tư tưởng phong kiến. Nguyễn Tất Thành thấy rằng mọi cách thức tiến hành ở trong nước, hay đi ra nước ngoài, sang Trung Quốc, hay Nhật Bản đều không thể thành công. Những lối mòn các bậc sĩ phu đã đi đều kết thúc thất bại. Phải tìm con đường mới, phải đi ra nước ngoài nhưng theo một hướng khác để cứu nước, giải phóng dân tộc. Thời điểm lịch sử, diễn biến sự kiện và kết quả thực tế đã lý giải chính xác quyết định quan trọng, táo bạo và trí tuệ sáng suốt của anh thanh niên yêu nước Nguyễn Tất Thành lúc đó, nhưng phân tích về sự kiện *xuất ngoại* kéo dài ba thập kỷ này, không chỉ có những nhà nghiên cứu, sử gia, học giả trong nước mà rất nhiều tác giả nước ngoài, các nhà nghiên cứu quốc tế đã đưa ra quan điểm, nhận định, suy nghĩ riêng của mình.

William J. Duiker - nhà ngoại giao, giáo sư sử học Đại học Penn State đã viết: "Chỗ ở của Thành ở gần bến Nhà Rồng nơi các con tàu xuyên đại dương thường xuyên lui tới. Thành quyết định tìm việc làm trên một trong những con tàu đó để ra nước ngoài. Ngày 2-6-1911, một anh thanh niên tên là Ba xuất hiện ở cầu tàu Đô đốc Latouche Trevillé. Thuyền trưởng Louis Eduard Maisen e ngại nhìn khuôn mặt thông minh nhưng thân hình khá mảnh khảnh của anh. Ba quả quyết là việc gì anh cũng làm được và đã thuyết phục được Maisen cho một chân phụ bếp. Ngày hôm sau, anh bắt tay ngay vào công việc rửa bát, giặt quần áo, lau sàn, nhặt rau và đốt lò. Ngày 5-6, tàu Đô đốc Latouche Trevillé rời Sài Gòn ra biển Đông, thẳng tiến tới Singaporere lúc đó đang thuộc Anh. Tại sao Nguyễn Tất Thành lại quyết định rời đất nước? Các nhà viết sử ở Hà Nội cũng thường nhắc đến những hồi ức của Hồ Chí Minh về việc rời đất nước như một sứ mệnh cứu nước. Tuy nhiên, không nghi ngờ gì, khi rời Sài Gòn tháng 6-1911, anh thanh niên Nguyễn Tất Thành đã hoàn toàn nhận thức được những bất công mà đất nước mình đang phải gánh chịu và trong nước không có lời giải. Biết đâu, anh có thể tìm kiếm được những lời giải ở nước ngoài"[1].

Bernard Fall, nhà văn, nhà báo, giáo sư khoa Quan hệ quốc tế trường Đại học Howard, Washington D.C, người đã hoàn thành luận văn tiến sĩ về Chủ tịch Hồ Chí Minh nhận xét rằng: " Là một nhà hoạt động chính trị hơn là một lý thuyết gia, ông Hồ nhanh chóng bỏ nghề dạy học. Năm 1911, ông đi Sài Gòn theo một vài khóa dạy nghề rồi trở thành phụ bếp trên chiếc tàu buôn của người Pháp. Lúc này ông đổi tên là Ba, có lẽ vì ông là người con thứ ba trong gia đình, nhưng đây chưa phải là lần đổi tên cuối cùng. Bằng việc chọn một tàu biển của Pháp trên tuyến đường châu Âu, ông Hồ đã có một quyết định chính trị cơ bản: ông đã

1 Ho Chi Minh, *A life*. Hyperion House, New York 2000.

hướng về phương Tây chứ không phải phương Đông. Bởi vì, vào thời kỳ này có một số người Việt Nam nhất là những người dân tộc chủ nghĩa bảo thủ thường nhìn về phía Trung Quốc của Quốc dân đảng để tìm thấy gợi ý, một sự dẫn dắt hoặc hướng về Nhật Bản đang mở rộng bành trướng, những nhà lãnh đạo dân tộc chủ nghĩa như Phan Bội Châu đã thành lập phong trào Đông Du, tức là đi về phía Đông - một phong trào có nhiều người Việt Nam trẻ tuổi noi theo trong vòng hơn 20 năm"[1].

David Halberstam, phóng viên chiến trường, nhà văn, nhà báo Mỹ suy nghĩ về bản chất sự kiện Nguyễn Tất Thành sang phương Tây năm 1911 như sau: "Ông Hồ không theo Phan Bội Châu sang Nhật, nhưng ông đã nghe rất kỹ một lời khuyên của người ái quốc lão thành: để chống Pháp thành công cần phải có một đảng phái vững mạnh, một tổ chức theo đúng nghĩa của nó... Ông nghĩ có thể học được rất nhiều điều qua những cuộc viễn du ở thế giới bên ngoài hơn là ngồi học trong khuôn khổ do người Pháp tạo ra. Sau khi dừng chân tại làng chài Phan Thiết, ông quyết định rời Việt Nam đi sang phương Tây để nghiên cứu thế giới của người châu Âu. Sau này, những người Pháp, Mỹ khá bối rối không hiểu tại sao ông Hồ sau khi trải qua nhiều năm tháng ở nước ngoài lại có thể quay về và ngay lập tức nắm quyền lực chính trị tại Việt Nam? Nguyên nhân bởi thời điểm rời Việt Nam lúc đó rất thích hợp vì hai từ *tự do* không chỉ một người ra đi mong muốn mà tất cả đồng bào của ông đều đang khao khát"[2].

Sử gia người Đức Hellmut Kapfenberger có cách lý giải riêng; "Trên bến cảng có con tàu Amiral Latouche Treville của công ty Chargeurs Reunis. Một chàng thanh niên gầy gò bước lên con tàu hơi nước này tự giới thiệu tên mình là Ba với những người Việt ở trên tàu. Nguyễn Tất Thành đã bắt đầu dùng bí danh lần đầu tiên

1 *Những suy nghĩ cuối cùng về một cuộc chiến tranh.* Nxb. Công an nhân dân 2004, tr. 87- 88.
2 *Ho.* Random House, New York 1971, tr. 24-25.

mà sau này trở thành tên anh trong một vài năm. Bởi bộ máy của cơ quan an ninh Pháp ở Đông Dương biết rõ ràng không chỉ về Nguyễn Sinh Sắc mà còn về các con ông, nên ta có thể giải thích cho chuyện này: đi sang Pháp, chàng thanh niên muốn đánh lạc hướng của các cảnh sát mật, để có thể có một khoảng thời gian tự do không bị sách nhiễu. Một trong ý nghĩa của việc đổi tên theo đạo Nho có thể hiểu anh chọn tên đơn giản để không làm tổn hại đến thanh danh của gia đình, do phải làm công việc thấp kém trên một con tàu. Vài năm sau đó, người ta biết rằng quả thật anh thanh niên Nguyễn Tất Thành đã từng là đối tượng theo dõi của mật thám Pháp tại quê hương mình"[1].

Phóng viên tạp chí Người New York, nhà nghiên cứu chuyên về châu Á Robert Sharplen phân tích theo khía cạnh khá đơn giản: "Ông Hồ là một người trung thành với lý thuyết của Đảng, một người tuân thủ kỷ luật nhưng cũng là người quốc gia chủ nghĩa, nhiệt thành và tự tin... Năm 1911, sau khi theo học trường trung học Huế, Hồ Chí Minh đã rời bỏ quê hương, xuống làm bồi bếp trên một chiếc tàu thủy đi sang Pháp. Trong ba năm tiếp theo, ông đi vòng quanh thế giới, làm nhiệm vụ của người phụ bếp và dành thời gian rảnh rỗi để đọc bất cứ cuốn sách nào có trong tay, từ Shakespeare, Tolstol cho tới Mác. Thời gian đi ngao du khắp nơi đã giúp ông phát triển tài năng ngôn ngữ đặc biệt của mình. Ông nói được tiếng Pháp, Anh, Nga, Đức, Thái và ba thổ ngữ Trung Quốc"[2]. Tổng biên tập tạp chí *Triển vọng Việt Nam* của Pháp Dominique de Miscault liên tưởng và so sánh: "Vào năm 1911, Nguyễn Tất Thành rời khỏi Sài Gòn. Nước mất nhà tan, Người chọn cuộc sống lưu vong, bôn ba nơi xứ người để tìm con đường cứu nước. Nguyễn Tất Thành lên tàu sang Pháp, mang theo bức thư xin vào học ở các trường thuộc địa, gửi tới Tổng thống cộng hòa và Bộ thuộc địa. Đối với người

1 *Hồ Chí Minh - Biên niên tiểu sử.* Nxb. Thế Giới 2010, tr. 28.
2 *Anatomy of a conflict,* Peacock Publisher Itasca, Illinois 1968.

dân Pháp chúng tôi, cử chỉ này phản ánh một chủ nghĩa lý tưởng và sự mạo hiểm ngoài sức tưởng tượng!"[1]

Nhà nghiên cứu người Pháp Daniel Hémery lại cho rằng tình cảm gia đình chiếm phần chủ đạo trong lý do xuất ngoại: "Về phần mình, Nguyễn Tất Thành dường như đã bị lôi cuốn bởi chủ nghĩa cải lương của Phan Châu Trinh hơn là sự bạo động được thể hiện một cách kiềm chế trong Đông Du. Việc tham gia vào các hoạt động của trường Dục Thanh mà Phan Châu Trinh lập ra khi qua Phan Thiết và nhất là ở quyết định sang Pháp của anh theo gương nhà nho lớn này...Việc lên đường sang Pháp hẳn có một lý do kép: tình cảm của lòng hiếu thảo, niềm hy vọng rằng ở đó có thể thực hiện được sự *phục quyền* cho cha mình. Chẳng phải ông Phan Châu Trinh đã thoát khỏi Côn Đảo nhờ hành động của Hội nhân quyền Đông Dương đó sao? Và cũng là kiên trì với ước muốn được hòa nhập vào tầng lớp tinh hoa mới, tận dụng điều kiện tốt bên ngoài mà người chịu trách nhiệm công cuộc khai thác thuộc địa như Albert Sarraut đã bộc lộ với những người theo cải cách"[2]. Epghenhi Kobelep, nhà sử học người Nga lại tìm cách giải đoán bằng chiều sâu tri thức thông qua một nhân vật trung gian khác: "Nếu nhiều thanh niên cùng tuổi với Thành được Phan Bội Châu hướng về phương Đông, về nước Nhật, coi nước Nhật là hình mẫu của nước Việt Nam độc lập trong tương lai thì Thành lại hướng về một thế giới khác... Chắc hẳn ý tưởng đó lần đầu tiên nảy sinh ở Thành khi anh đọc các tác phẩm của Russo. Qua tác phẩm của ông, Thành được biết chàng thanh niên Russo trước khi trở thành nhà khai sáng vĩ đại đã có tới 10 năm lưu lạc trên các nẻo đường châu Âu. Vậy là ông đã học được nhiều ở một ngành khoa học quan trọng và cũng khó khăn nhất: *khoa học cuộc sống*. Rồi chính cuộc sống cũng như thế giới bất bình đẳng, đau

1 Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc tế: *Di sản Hồ Chí Minh trong thời đại ngày nay*. Nxb. Chính trị - Hành chính 2010, tr. 718.

2 *Hồ Chí Minh - từ Đông Dương đến Việt Nam*. Nxb. Phụ nữ 2004, tr. 23- 96.

khổ, nghèo đói xung quanh đã giúp ông sau này trở thành người đề xướng những tư tưởng cao quý về tự do, bình đẳng, bác ái và trở thành sứ giả của đại cách mạng Pháp"[1]. Còn Lady Borton, nữ tác giả chuyên viết về Việt Nam của Đại học Ohio nói ngắn gọn: "Thế hệ những nhà yêu nước điển hình như Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh đã tìm sự phản kháng thông qua học bổng và quản lý nhà nước. Thế hệ kế cận tiêu biểu là Hồ Chí Minh nhận thấy rằng muốn lật đổ người Pháp cần phải tổ chức lực lượng vững mạnh. Mặc dù Phan Bội Châu đã mời Hồ Chí Minh tham gia phong trào Đông Du nhưng Hồ Chí Minh đã chọn Tây Du để thâm nhập vào trung tâm quyền lực của chủ nghĩa thực dân. Và năm 21 tuổi, Người rời Việt Nam"[2].

Giáo sư sử học Josephine Stenson trường Đại học Florida Atlantis, người đã tự bỏ kinh phí đi khắp thế giới theo dấu chân hành trình của Nguyễn Ái Quốc để kiểm chứng lại lịch sử thì nhận định: "Chính từ việc biết đến câu châm ngôn của cách mạng Pháp: tự do, bình đẳng, bác ái mà Hồ Chí Minh quyết định rời Việt Nam đi tìm hiểu những thực tế khác và nguồn gốc triết học của câu châm ngôn đó. Bởi vậy, tháng 6-1911, Hồ Chí Minh xin vào làm thủy thủ trên con tàu biển Amiral Latouche Trevillé như một người phục vụ trên tàu"[3]. Miguel De Stephano, giáo sư Viện nghiên cứu châu Á của Cuba viết: "Khi còn là một thanh niên rất trẻ, Nguyễn Tất Thành đã phải rời Tổ quốc, hòa nhập vào thế giới để tìm hiểu con quỷ thực dân ngay trong sào huyệt của nó. Người tin tưởng sâu sắc là sẽ tìm thấy con đường xoá bỏ nghèo đói mà dân tộc mình đang phải chịu đựng"[4]. Cốc Nguyên Dương, chuyên viên Viện khoa học xã hội Trung Quốc đưa ra một góc nhìn rộng hơn: "Chủ tịch Hồ Chí Minh đã quyết tâm rời Tổ quốc thân yêu,

1 *Đồng chí Hồ Chí Minh*, Nxb. Thanh Niên 2000, tr. 49.
2 *Ho Chi Minh - a journey*, Nxb. Thế Giới 2010, tr. 21.
3 *Hội thảo quốc tế về Chủ tịch Hồ Chí Minh của UNESCO và ủy ban khoa học xã hội Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội Hà Nội 1990, tr. 184.
4 Sđd nt, tr. 49.

bôn ba khắp năm châu, bốn bể để đi tìm chân lý cách mạng và con đường cứu nước cứu dân. Hình bóng và dấu chân Người đã lưu lại từ châu Âu, châu Phi đến châu Á và châu Mỹ Latinh. Dù đi tới đâu, Người đều cùng sống với quần chúng lao khổ, nhóm lên ngọn lửa cách mạng ở đó"[1].

Không chỉ những nhà nghiên cứu lịch sử, nhà văn, nhà báo hay phóng viên chuyên nghiệp bày tỏ nhận định, hiểu biết của mình về cuộc đời, sự nghiệp và những mốc thời gian quan trọng trong quá trình hoạt động của Hồ Chí Minh mà ngay cả những người lính, cựu chiến binh từng đến Việt Nam cũng dành một phần ghi chép từ cuộc chiến tranh một số suy nghĩ về một *đối thủ lớn đáng kính,* người lãnh đạo cuộc kháng chiến của Việt Nam, Ngài Hồ Chí Minh. Nếu như Jean Sainteny, sĩ quan tình báo, đại diện Chính phủ Pháp đàm phán với Việt Nam giai đoạn 1945- 1946 nói lướt qua sự kiện này trong hồi ký: "Nguyễn Văn Thành, tức Nguyễn Ái Quốc, Nguyễn Tất Thành, Nguyễn Sinh Cung, Lý Thụy rồi từ 1944 là Hồ Chí Minh sinh năm 1892[2] tại tỉnh Nghệ An. Năm 19 tuổi, Hồ Chí Minh từ biệt gia đình xuống tàu Latouche Trevillé làm bồi bếp khởi đầu một cuộc hành trình dài đến Mỹ, Anh, Đức rồi Paris là nơi ông định cư ở đó. Ông làm rất nhiều nghề, đặc biệt là nghề thợ ảnh. Đó là những cách để ông kiếm sống và để có điều kiện say sưa tham gia các vấn đề chính trị"[3]. Dixee Batholomew Feis, chỉ huy cao nhất của tổ chức tình báo chiến lược OSS năm 1945 (tiền thân của CIA) đặt vấn đề một cách thẳng thắn: "Sinh năm 1890 tại Nghệ An, một tỉnh có truyền thống cách mạng, phần lớn thời trai trẻ Hồ Chí Minh bôn ba năm châu bốn biển, phải làm đủ nghề lặt vặt và thử nghiệm một loạt triết lý chính trị. Ngày 5-6-1911, Thành rời Việt Nam với mục đích khám phá thế giới

1 Sđd nt, tr. 141.

2 Tác giả nhầm năm sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh - Hồ Chí Minh sinh ngày 19-5-1890 (Ban Biên tập Kỷ yếu).

3 *Câu chuyện về một nền hòa bình bị bỏ lỡ,* Nxb. Công an Nhân dân, 2003, tr. 221.

bên ngoài sự thống trị của thực dân Pháp bằng cách nhận việc làm trên một con tàu Pháp"[1]. Tuy có sai sót về lịch sử, nhầm lẫn về cả không gian, thời gian nhưng viên sĩ quan tình báo Mỹ Archimedes Patty vẫn mạnh dạn cho rằng: "Trong những năm sau khi *mẹ ông mất vào khoảng 1900*, ông Hồ không chịu đựng nổi sự kiêu ngạo của người Pháp cũng như thái độ thụ động của người Việt nên đã quyết định sang Pháp, đất nước của tự do, bình đẳng, bác ái. *Mùa đông năm 1911- 1912*, ông đã xin làm nhân viên trên một tàu buôn Pháp ở bến Sài Gòn"[2].

Như vậy, qua một số ý kiến, nhận định của các học giả, tác giả nước ngoài, chúng ta có thể thấy với nhiều nguyên nhân khác nhau được phân tích, sự kiện xuất ngoại của anh thanh niên Nguyễn Tất Thành chỉ hướng tới một mục đích duy nhất: *vì đất nước, vì dân tộc*. Và chính Nguyễn Tất Thành hay Chủ tịch Hồ Chí Minh sau này trong những lần tiếp các nhà báo nước ngoài cũng đã nói rõ về quyết định ra đi này của mình. Trả lời những câu hỏi của phóng viên Mỹ Koei Tche năm 1919: "Anh đến Pháp với mục đích gì?" "Để đòi quyền tự do cho dân An Nam!". "Bằng cách nào?". "Bằng cách làm việc hết mình và luôn xông xáo tiến lên!"[3]. Trả lời nhà báo Liên Xô Oxip Mandenstam năm 1923, Người nói: "Khi tôi độ 13 tuổi, lần đầu tiên tôi được nghe ba chữ Pháp: Tự do - Bình đẳng- Bác ái. Đối với chúng tôi, người da trắng nào cũng là người Pháp. Người Pháp đã nói thế. Và từ thủa ấy, tôi rất muốn làm quen với nền văn minh Pháp, muốn tìm xem những gì ẩn đằng sau những chữ ấy. Vậy thì phải làm thế nào bây giờ? Tôi quyết định tìm cách đi ra nước ngoài"[4]. Trả lời phỏng vấn của phóng viên Italy Giovani Germaneto năm 1924, Người nói: "Trước đây tôi có đọc một số tờ báo phát hành

1 *OSS và Hồ Chí Minh - đồng minh bất ngờ trong cuộc chiến chống phát xít Nhật*, Nxb. Thế giới, 2007, tr. 15 - 33.

2 *Tại sao Việt Nam*, Nxb. Đà Nẵng, 2000, tr. 705.

3 *Hồ Chí Minh - Biên niên tiểu sử*, tập 1, Nxb. Chính trị Quốc gia, 2006, tr. 69

4 *Bác Hồ sống mãi với chúng ta*, tập 2, Nxb. Chính trị Quốc gia, 2005, tr. 1147.

sang nước tôi, một vài tờ có tính chống đối ở An Nam, có những người lính lê dương do Poincare gửi sang để cải huấn. Những người lính lê dương này đọc đủ thứ. Họ là những kẻ chống đối về bản chất. Họ cho tôi đọc các báo Pháp. Vì thế tôi nảy ra ý muốn sang xem *mẫu quốc* ra sao và tôi đã tới Paris"[1]. Trả lời nhà văn Mỹ Anna Louise Strong năm 1965, Người nói: "Nhân dân Việt Nam trong đó có ông cụ thân sinh ra tôi, lúc này thường tự hỏi nhau ai sẽ là người giúp mình thoát khỏi ách thống trị của Pháp. Người này nghĩ là Anh, có người lại cho là Mỹ. Tôi thấy phải đi ra nước ngoài xem cho rõ. Sau khi xem xét họ làm ăn ra sao, tôi sẽ trở về giúp đồng bào tôi"[2].

Nhà văn Australia Allan Asbolt nhận định: "Một trong những nét nổi bật về cuộc đời Chủ tịch Hồ Chí Minh là Người đã sống nhiều năm ở nước ngoài - ở châu Âu, Anh, Liên Xô, Mỹ và Trung Quốc. Người không bao giờ có tham vọng cá nhân, phù phiếm; Người không cố công để trở thành một nhân vật xuất chúng, theo ngôn ngữ của các xã hội tư bản. Người dành thời gian chủ yếu cho việc nghiên cứu và học hỏi, nghiên cứu chủ nghĩa tư bản trong thực tế có phần dựa vào kinh nghiệm hằng ngày của bản thân trong giai cấp công nhân. Người luôn luôn suy nghĩ làm thế nào để giải phóng nhân dân nước mình khỏi ách đô hộ và bóc lột thực dân. Người cũng nhận thức sâu sắc rằng cần phải kết hợp sức chiến đấu của ý thức dân tộc Việt Nam đang trỗi dậy với những mục tiêu đồng cảm về cơ bản là hòa bình và nhân đạo của chủ nghĩa xã hội. Trong gần ba thập kỷ, Người đã sống và làm việc ở nước ngoài nhưng về ý thức, Người không hề xa Tổ quốc"[3].

1 Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 1, Nxb. Chính trị Quốc gia 2000, tr. 480.
2 *Hồ Chí Minh - Biên niên tiểu sử*, tập 1, Nxb. Chính trị Quốc gia, 2006, tr. 41.
3 Trung tâm Khoa học xã hội và Nhân văn quốc gia, Ủy ban Quốc gia UNESCO của Việt Nam, Hội thảo quốc tế Chủ tịch Hồ Chí Minh, anh hùng giải phóng dân tộc, nhà văn hóa lớn, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1995, tr. 177-183.

Sự thật là Chân lý. Trong cuộc viễn du 30 năm qua 28 quốc gia và vùng lãnh thổ, Nguyễn Tất Thành - Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh đã tìm thấy con đường cứu nước, giải phóng dân tộc phù hợp với tiến bộ lịch sử, theo đúng xu thế vận động của cách mạng thế giới. Và sự kiện này đã thêm một lần nữa khẳng định: "Hiếm người châu Á nào lại đóng một vai trò quan trọng như vậy trong việc tạo dựng một dân tộc mới như Chủ tịch Hồ Chí Minh. Khó có thể có được một người châu Á khác như Người ở thời đại của chúng ta cũng như trong các thế hệ mai sau. Người thực sự là một người châu Á của tất cả các thời đại với ý nghĩa đầy đủ nhất"[1].

1 *Hồ Chí Minh sống mãi trong trái tim nhân loại*, Nxb. Lao Động, 2001, tr. 90.

NHẬN THỨC VỀ HỒ CHÍ MINH CỦA GIỚI TRÍ THỨC NHẬT BẢN
- Từ Shibata Shingo đến Furuta Motoo -

NGUYỄN TIẾN LỰC*

Trong những năm 1960, khi cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của nhân dân Việt Nam bước vào thời kỳ ác liệt thì việc nghiên cứu về chiến tranh Việt Nam, về cách mạng Việt Nam, về Chủ tịch Hồ Chí Minh đã "bùng nổ" ở Nhật. Các nhà nghiên cứu đã dịch và xuất bản nhiều tác phẩm về cách mạng Việt Nam, về Đảng Lao động Việt Nam (sau này là Đảng Cộng sản Việt Nam), về Hồ Chí Minh. Tuy nhiên, ở Nhật Bản, việc nghiên cứu về Hồ Chí Minh thường gắn liền với nghiên cứu về cách mạng Việt Nam, về các cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam, còn việc nghiên cứu về cuộc đời và sự nghiệp của Hồ Chí Minh không nhiều. Trong số những nhà nghiên cứu về Hồ Chí Minh ở Nhật, người để lại nhiều dấu ấn nhất có lẽ là Shibata Shingo và Furuta Motoo. Shibata Shingo thuộc thế hệ các nhà khoa học sau chiến tranh còn Furuta Motoo thuộc thế hệ các nhà nghiên cứu thời chiến tranh Việt Nam. Shibata Singo là giáo sư triết học còn Furuta Motoo là giáo sư sử học. Trong việc nghiên cứu về Hồ Chí Minh, đặc biệt là tư tưởng Hồ Chí Minh, bằng những cách tiếp cận khác nhau, hai ông đều đưa ra những cách đánh giá sắc sảo, phản ánh những nhận

* Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn - Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh.

thức về tư tưởng Hồ Chí Minh của giới trí thức Nhật Bản đương thời. Những nhận thức của hai ông không chỉ có ảnh hưởng tới nhận thức của một bộ phận trí thức ở Nhật mà còn ảnh hưởng tới các nhà nghiên cứu ở Việt Nam, quê hương Hồ Chí Minh.

Trong bài viết này, tôi muốn giới thiệu về hai nhà nghiên cứu này và những những nhận thức của họ về Hồ Chí Minh.

1. Shibata Shingo với *Hồ Chí Minh - Nhà tư tưởng*

Shibata Shingo sinh năm 1930 tại Kanazawa, Ishikawa-ken, trong một gia đình làm bánh có truyền thống. Lúc nhỏ, ông vào học trường Thiếu sinh quân và sau chiến tranh trở về quê học phổ thông. Cùng với sự phê phán chủ nghĩa bảo hoàng, chủ nghĩa quân phiệt, ông đã nhanh chóng tiếp thu chủ nghĩa Mác. Năm 1949, ông vào học khoa Triết học, Trường Đại học Tokyo. Ở đó, ông đã say mê nghiên cứu không chỉ các tác phẩm của Các Mác mà cả các tác phẩm của G.W.F.Hegel, Georgy Lukacs, Max Weber.

Năm 1953, sau khi ra trường, ông về làm trợ giảng ở Trường Đại học Hosei, từ đó ông bắt đầu cho công bố các bài viết phê phán chiến tranh, bảo vệ hòa bình trên các tạp chí *Tư tưởng (Shiso), Trung ương Công luận (Chuo Koron)*. Năm 1960, ông tham gia vào phong trào đấu tranh của giới trí thức và sinh viên Nhật Bản chống lại Hiệp ước an ninh Nhật-Mỹ. Năm 1961, ông xuất bản nhiều công trình nghiên cứu về quan hệ giữa chủ nghĩa Mác với cách mạng khoa học - kỹ thuật. Năm 1965, khi Mỹ trực tiếp đưa quân vào Việt Nam, chiến tranh Việt Nam trở nên ác liệt, phong trào phản đối chiến tranh của Mỹ ở Việt Nam diễn ra mạnh mẽ trên khắp thế giới. Những phong trào đó, đặc biệt là phong trào phản chiến của giới trí thức và sinh viên thế giới có tác động rất lớn đối với Shingo Shibata và ảnh hưởng tới các công trình nghiên cứu của ông. Ông tích cực hoạt động trong phong trào chống chiến tranh ở Nhật Bản và đi đầu trong mặt trận lý luận.

Năm 1967, ông được bổ nhiệm làm giáo sư của Đại học Hosei. Cùng năm đó, ông đã sang thăm Việt Nam để điều tra về tội ác của đế quốc Mỹ ở Việt Nam. Từ chuyến đi này, ông bắt đầu chú tâm nghiên cứu về chiến tranh và cách mạng Việt Nam. Ông tham gia vào các phiên toà ở Toà án Russell xét xử tội ác chiến tranh. Năm 1968, ông cho xuất bản cuốn sách *Việt Nam và vấn đề tư tưởng (Betonamu to Shiso no Mondai)*, trong đó, ông phân tích cuộc Cách mạng tháng Tám và các cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ đương thời đã có ảnh hưởng như thế nào về nhận thức, về tư tưởng của thế giới. Năm 1969, ông tập hợp những ghi chép trong chuyến đi thăm Việt Nam và những suy nghĩ của ông từ cuộc chiến tranh ở Việt Nam, xuất bản cuốn *Nhật ký Việt Nam (Betonamu Nikki)*. Khi Chủ tịch Hồ Chí Minh từ trần vào tháng 9-1969, ông viết bài *Hồ Chí Minh - Nhà tư tưởng (Ho Chi Min-Shisoka)*, đăng trên tạp chí *Bình luận lịch sử (Rekishi Hyoron)*, lý giải sâu sắc tư tưởng Hồ Chí Minh[1].

Năm 1970, ông sang nghiên cứu triết học ở Cộng hòa dân chủ Đức (Đông Đức), tham gia vào Hội nghị Triết học Quốc tế, gặp gỡ các nhà triết học nổi tiếng lúc bấy giờ. Trong thời gian này ông cho công bố hàng loạt các bài viết luận về mối quan hệ giữa cách mạng khoa học kỹ thuật với chủ nghĩa Mác. Năm 1971, ông cho xuất bản cuốn *Lý luận về cách mạng khoa học - kỹ thuật (Kagaku-Gijutsu Kakumei Riron)*.

Năm 1975, cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của nhân dân Việt Nam kết thúc thắng lợi, ông cho công bố tác phẩm quan trọng *Việt Nam và tư tưởng giải phóng nhân loại (Betonamu to Jinrui Kaiho Shiso)* trong đó phân tích hết sức sâu sắc ý nghĩa chiến thắng của cuộc kháng chiến chống Mỹ của Việt Nam[2]. Năm

1 Bản dịch tiếng Việt: *Hồ Chí Minh - Nhà tư tưởng, Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1971 và *Giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh trong thời đại ngày nay*, Viện Thông tin Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1992.

2 Nguyễn Tiến Lực, GS. Shibata Shingo và những bài viết về cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam, *Cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của nhân dân Việt Nam - Vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nxb. Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, 2005.

1976, ông nhận chức Giáo sư của Đại học Hiroshima, hoạt động tích cực trong hoạt động kỷ niệm 200 năm ngày ra đời *Tuyên ngôn độc lập* của Mỹ. Trong các bài viết về *Tuyên ngôn độc lập* của Mỹ, ông đã so sánh và đưa ra những nhận xét hết sức sắc sảo về *Tuyên ngôn độc lập* của Việt Nam.

Năm 1979, ông đi thăm Việt Nam lần thứ hai. Từ đó về sau ông hoạt động trong phong trào hòa bình, chống chiến tranh, chống sử dụng hạt nhân. Ông viết rất nhiều sách lý luận quan trọng như *Chủ nghĩa dân chủ và chủ nghĩa xã hội hiện đại, Vấn đề tư tưởng 40 năm sau chiến tranh, Lịch sử là gì?, Lý luận về chiến tranh và hòa bình...*

Ông mất ngày 14 tháng 3 năm 2001. Di thảo cuối cùng của ông cũng đã được xuất bản dưới nhan đề *Con đường đến với chủ nghĩa duy vật thực tiễn - Những đòi hỏi của triết học vì sự sống còn của nhân loại.*

Ông không xuất bản riêng một cuốn sách nào về Chủ tịch Hồ Chí Minh. Những nhận thức về tư tưởng của ông được đề cập trong các tác phẩm *Việt Nam và vấn đề tư tưởng (Betonamu to Shiso no Mondai), Việt Nam và tư tưởng giải phóng nhân loại (Betonamu to Jinrui Kaiho Shiso)* và trong bài *Hồ Chí Minh - Nhà tư tưởng (Ho Chi Min-Shisoka).*

Có lẽ Shibata Shingo là nhà nghiên cứu nước ngoài đầu tiên sớm lên tiếng phê phán các nhà nghiên cứu coi Hồ Chí Minh chỉ là nhà hoạt động cách mạng thực tiễn mà nhấn mạnh rằng Hồ Chí Minh là nhà tư tưởng - tư tưởng giải phóng dân tộc và tư tưởng về chủ nghĩa xã hội. Ông cho rằng Hồ Chí Minh là nhà lý luận cách mạng. Lý luận Hồ Chí Minh về chính trị, quân sự, kinh tế, văn hóa, tư tưởng... là sự phát triển của chủ nghĩa Mác - Lênin ở một nước thuộc địa, một nước đang phải tiến hành một lúc hai nhiệm vụ chiến lược là cách mạng dân tộc dân chủ và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Ông viết: *"Trước hết chúng ta phải thấy rằng những*

cống hiến của Hồ Chí Minh đã góp phần đào sâu và phát triển lý luận chủ nghĩa Mác - Lênin đối với các vấn đề dân tộc và thuộc địa". Và nhấn mạnh: *"Một trong những cống hiến quan trọng của cụ Hồ Chí Minh và của Đảng Lao động Việt Nam là đã đề ra lý luận về xây dựng chủ nghĩa xã hội trong khi vẫn tiến hành cuộc chiến tranh nhân dân, chứ không phải như lâu nay nhiều người vẫn quan niệm là phải xây dựng chủ nghĩa xã hội sau khi chiến tranh chấm dứt"*[1].

Shibata Shingo coi Hồ Chí Minh là một trong ít các nhà cách mạng thế giới có nhận thức sâu sắc và cụ thể về chủ nghĩa thực dân, chủ nghĩa đế quốc, chủ nghĩa xã hội... vì bản thân Hồ Chí Minh sinh ra ở một nước thuộc địa, sống và hoạt động ở nhiều nước đế quốc, thuộc địa và phụ thuộc.

Shibata Shingo đặc biệt ngưỡng mộ Hồ Chí Minh khi ông phân tích so sánh hai bản *Tuyên ngôn độc lập* nổi tiếng của Mỹ (Thomas Jefferson) và Việt Nam (Hồ Chí Minh). Shibata Shingo khẳng định: *"Cống hiến nổi tiếng của Hồ Chí Minh là ở chỗ Người đã phát triển quyền lợi con người thành quyền lợi của dân tộc. Như vậy, tất cả mọi dân tộc đều có quyền tự quyết định lấy vận mệnh của mình và tất cả mọi dân tộc có thể và phải thực hiện nền độc lập, tự chủ"*.[2]

Những luận điểm của Shibata nêu trên gợi ý cho chúng ta tiếp tục nghiên cứu sâu sắc, toàn diện hơn trong xu thế toàn cầu hóa hiện nay, các dân tộc cần hội nhập quốc tế và khu vực cần phải giữ vững chủ quyền quốc gia, bản sắc văn hóa dân tộc.

Shibata Shingo còn đánh giá cao tư tưởng đoàn kết, nguyên tắc dân chủ, tránh sùng bái cá nhân trong công tác xây dựng Đảng Lao động Việt Nam (nay là Đảng Cộng sản Việt Nam). Theo ông,

1 *Giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh trong thời đại ngày nay*, Sđd, tr. 82.

2 Xem thêm: Shingo Shibata, 1976, *Ý nghĩa hiện đại của Tuyên ngôn độc lập của Mỹ - "Quyền sống và vấn đề tự do*, Quang Viễn dịch, *Thế giới bàn về Việt Nam*, Sưu tập chuyên đề, Tập II, Viện Thông tin KHXH.

đây là một vấn đề rất quan trọng và cấp thiết khi Đảng lãnh đạo sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ cứu nước và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

Những lý luận của Shibata Shingo có ảnh hưởng đến một bộ phận trí thức Nhật Bản thời kỳ sau chiến tranh, thế hệ trí thức có cảm tình đặc biệt và tôn kính đối với Chủ tịch Hồ Chí Minh[1]. Ông mất năm 2001, nhưng hẳn ông sẽ hài lòng khi thấy ở Việt Nam đang dấy lên phong trào mang ý nghĩa chính trị và xã hội sâu sắc "Học tập tư tưởng và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh".

2. Furuta Motoo và *Hồ Chí Minh giải phóng dân tộc và đổi mới*

GS. Furuta Motoo sinh năm 1948 ở Tokyo. Năm 1974, ông tốt nghiệp khoa Giáo dưỡng tại Đại học Tokyo. Từ năm 1974-1978, ông học sau đại học ở Đại học Tokyo, chuyên ngành Quan hệ quốc tế. Trong thời kỳ học sau đại học, ông đã say mê dịch *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh và từ đó ông xác định nghiên cứu về Việt Nam, về cách mạng Việt Nam và Đảng Cộng sản Việt Nam là lẽ sống của mình. Ông xúc động sâu sắc với câu thơ :

Còn non, còn nước, còn người
Thắng giặc Mỹ, ta sẽ xây lại hơn mười ngày nay[2]

Sau đó ông được cử sang Hà Nội du học, vừa học tập, thu thập tài liệu cho luận án tiến sĩ, vừa giảng dạy tiếng Nhật cho sinh viên Đại học Ngoại thương Hà Nội. Năm 1989, ông bảo vệ luận án tiến sĩ tại Đại học Tokyo với công trình *Lịch sử chính sách dân tộc của những người cộng sản Việt Nam (Betonamujin Kyosanshugisha no Mminzoku Seisaku-shi)*, về sau được Nxb. Osuki Shoten xuất bản vào năm 1991. Ông còn nhiều công trình

1 GS. Uemura Yasuo, người hướng dẫn khoa học của tôi thời nghiên cứu ở Nhật có kể rằng, phần lớn trí thức thời kỳ đó có cảm tình đặc biệt với Chủ tịch Hồ Chí Minh và cuộc kháng chiến chống Mỹ của nhân dân Việt Nam. Bản thân giáo sư khi đó là sinh viên của Đại học Kyoto đã tìm lốp xe và làm những đôi dép cao su giống như dép Bác Hồ để xuống đường trong các cuộc biểu tình tuần hành chống chiến tranh Việt Nam.

2 Furuta Motoo, *Hồ Chí Minh: Giải phóng dân tộc và Đổi mới (Ho Chi Min: Minzoku Kaiho to Doimoi)*, Iwanami Shoten, 1996, tr. iii (bản tiếng Nhật).

có tiếng vang lớn khi nghiên cứu về chiến tranh và cách mạng của Việt Nam khi tiếp cận từ cách nhìn bên ngoài như *Trung Quốc - Nhìn từ Việt Nam (Betonamu kara mita Chugoku)*, Chunichi Shuppan, 1979; *Lịch sử chiến tranh Việt Nam (Rekishi toshite no Betonamu Senso)* năm 1991; *Việt Nam trong lịch sử thế giới - Từ thế giới Trung Hoa đến thế giới Đông Nam Á (Betonamu no sekai-shi: Chuka sekai kara Tonan Ajia sekai e)*, Tokyo Daigaku Shuppankai, 1995[1]; *Việt Nam hiện tại (Betonamu no genzai)*, Gendai Shinsho, 1996. Đặc biệt, ông có công trình chuyên về cuộc đời và sự nghiệp của Chủ tịch Hồ Chí Minh nằm trong bộ sách giới thiệu các nhân vật nổi tiếng của châu Á hiện đại mang tên *Hồ Chí Minh: Giải phóng dân tộc và Đổi mới (Ho Chi Min: Minzoku Kaiho to Doimoi)*, Iwanami Shoten, 1996[2]. Cuốn sách này đánh dấu một bước tiến mới trong việc nghiên cứu về Hồ Chí Minh ở Nhật Bản, có đóng góp lớn trong việc nghiên cứu Hồ Chí Minh ở nước ngoài. Ngoài ra ông còn viết nhiều công trình khác nhau về châu Á như *Chủ nghĩa dân tộc ở châu Á (Ajia Nashionarrizumu)*, Yamakawa Shuppansha, 1996 và đồng chủ biên với GS. Văn Tạo trong công trình khảo sát bằng tiếng Việt: *Nạn đói 1945 ở Việt Nam*, Viện Sử học Việt Nam, 1995.[3]

Trong cuốn *Hồ Chí Minh: Giải phóng dân tộc và Đổi mới*, Furuta Motoo đã nhấn mạnh rằng sự nghiệp Đổi mới mà Việt Nam đang tiến hành ngày nay gắn liền với tư tưởng Hồ Chí Minh và chính tư tưởng Hồ Chí Minh là tư tưởng đấu tranh giải phóng dân tộc và đặt cơ sở cho quá trình thực hiện công cuộc Đổi mới ở Việt Nam. Furuta Motoo cũng có quan điểm gần giống với Shibata Shingo khi cho rằng, giải phóng dân tộc và đổi mới đất nước trong

1 Được xuất bản bằng tiếng Việt: *Việt Nam trong lịch sử thế giới*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1998.

2 Bản dịch tiếng Việt, *Hồ Chí Minh: Giải phóng dân tộc và Đổi mới*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2002.

3 Xem thêm Nguyễn Tiến Lực, 2011, Nghiên cứu lịch sử Việt Nam ở Nhật Bản: Trường phái, thành quả và đặc điểm của nó, *Sử học Việt Nam trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế - những vấn đề lý luận và phương pháp tiếp cận*, ĐHQG Hà Nội.

xây dựng chủ nghĩa xã hội đối với Hồ Chí Minh không phải là hai giai đoạn nối tiếp nhau, khi hoàn thành nhiệm vụ giải phóng dân tộc mới tiến hành xây dựng chủ nghĩa xã hội mà những nhiệm vụ và dân tộc dân chủ và chủ nghĩa xã hội phải đan xen nhau và ở mỗi giai đoạn mà có vị trí trọng tâm trong nhiệm vụ cách mạng. Đây là điều xuyên suốt trong hoạt động của Hồ Chí Minh, khi thống nhất về mục tiêu, phương hướng đấu tranh từ cách mạng giải phóng dân tộc lên cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Theo Furuta Motoo, khi *nghiên cứu Hồ Chí Minh là chúng ta đã đề cập đến vấn đề trung tâm, vấn đề hạt nhân của lịch sử Việt Nam hiện đại*[1], và khi nghiên cứu về lịch sử cách mạng hay lịch sử hiện đại của nước Việt Nam không thể không nói đến vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam mà người đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh, lại càng không thể tránh né việc Hồ Chí Minh là một người đến với chủ nghĩa cộng sản bằng lòng yêu nước và hoài bão đem lại độc lập dân tộc. Nói khác đi, Bác Hồ vừa là biểu tượng của độc lập, tự do, vừa là một người cộng sản luôn tìm mọi cách để thêm bạn bớt thù trên trường quốc tế cũng như trong nước, luôn áp dụng đường lối đại đoàn kết rộng rãi để chiến đấu chống ngoại xâm và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Hồ Chí Minh không chỉ là một vị lãnh tụ có lòng yêu nước thương dân vô biên, hy sinh và tận tụy suốt cuộc đời cho dân tộc mình, mà còn là một nhà tư tưởng, người có khả năng biến triết lý thành hành động và thành công.[2]

Furuta Motoo đặc biệt quan tâm đến vấn đề khẳng định tư tưởng Hồ Chí Minh trong Cương lĩnh của Đảng Cộng sản Việt Nam năm 1991. Ông nói: "*Điểm tôi rất quan tâm là việc Đảng Cộng sản Việt Nam chính thức công khai đưa ra ý nghĩa trọng đại của "Tư tưởng Hồ Chí Minh" trong Nghị quyết của Đảng vào năm 1991*"[3]. Trong cuốn sách này, ông dành hẳn cả chương 1 " Hồ Chí Minh trong thời

1 Furuta Motoo, Sđd, tr. v (bản tiếng Nhật).

2 Hồng Lê Thọ, Tiến sĩ Furuta Motoo với cuốn sách viết về Bác Hồ và tư tưởng Hồ Chí Minh trong sự nghiệp Đổi mới, *Nhân Dân cuối tuần*, 2-1998.

3 Hồng Lê Thọ, Bài đã dẫn.

kỳ Đổi mới" để luận bàn về tư tưởng Hồ Chí Minh và quá trình công khai đưa tư tưởng Hồ Chí Minh vào trong Cương lĩnh và Nghị quyết của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Nhiều nhà sử học nước ngoài có xu hướng coi Hồ Chí Minh chỉ là nhà "thực tiễn cách mạng", Furuta Moto khẳng định Hồ Chí Minh là một nhà tư tưởng, tư tưởng của Hồ Chí Minh là kim chỉ nam cho công cuộc xây dựng đất nước. Cũng vì thế mà chủ nghĩa xã hội vẫn đứng vững ở Việt Nam trong khi Liên Xô cũ và các nước thuộc khối Đông Âu đã sụp đổ[1].

Trong tác phẩm của mình, Furuta Motoo luận bàn sâu về quan hệ giữa tư tưởng Hồ Chí Minh với sự nghiệp Đổi mới. Ông nhấn mạnh: "*Có thể kết luận được rằng, không thể tách rời Bác Hồ với đổi mới, và càng không thể lấy đổi mới để quên đi những tư tưởng cao quí của ông. Đối với thế giới thì Hồ Chí Minh không chỉ là một vị lãnh tụ được nhân dân Việt Nam kính yêu mà còn là tấm gương, một vĩ nhân giúp các dân tộc khác khẳng định giá trị thiêng liêng của độc lập, tự do và sự tồn tại của từng quốc gia trong cộng đồng nhân loại. Những giá trị của nó mà cốt lõi nằm ở tư tưởng Hồ Chí Minh cần phải được nâng lên, vượt tầm của một quốc gia. Tôi nghĩ rằng đây là thành tựu của cả một tiến trình phát triển không ngừng của loài người trong hơn 100 năm qua từ khi chủ nghĩa thực dân cũ và mới ra đời và thất bại.*"[2]

Trong cuốn cách, Furuta Motoo khẳng định rằng, *tư tưởng Hồ Chí Minh là tư tưởng bắt nguồn từ truyền thống văn hóa Việt Nam, mang hơi thở của văn minh nhân loại, là biểu tượng của sự đoàn kết, thống nhất của Việt Nam, một "quốc gia khu vực" ở Đông Nam Á.*[3] Ở phần cuối cuốn sách, Furuta Motoo rất tâm đắc với câu: "Chủ tịch Hồ Chí Minh sống mãi trong sự nghiệp của chúng ta" để nói lên rằng không thể tách rời ông và tư tưởng Hồ

1 Hồng Lê Thọ, Bài đã dẫn.
2 Hồng Lê Thọ, Bài đã dẫn.
3 Furuta Motoo, Sđd. tr. 198 (bản tiếng Nhật)

Chí Minh với lịch sử của dân tộc Việt Nam - nơi đã sinh ra Người, đồng thời bày tỏ một niềm hi vọng là tư tưởng ấy sẽ giúp ích cho nhân loại, góp phần giải quyết những vấn đề của thế kỷ XXI.[1]

Shibata Shingo và Furuta Motoo là hai nhà nghiên cứu nổi tiếng ở Nhật Bản, có nghiên cứu sâu về Hồ Chí Minh. Shibata Shingo thuộc thế hệ trí thức Nhật Bản hình thành sau Chiến tranh thế giới thứ hai. Furuta Motoo thuộc thế hệ trí thức Nhật Bản hình thành trong thời kỳ chiến tranh Việt Nam. Cả hai ông đều có nhiều công trình nghiên cứu về cách mạng Việt Nam, về chiến tranh Việt Nam và về Hồ Chí Minh. Những công trình nghiên cứu của hai ông đều có ảnh hưởng lớn đến các nhà nghiên cứu Việt Nam thế hệ mình và thế hệ sau, ở cả Nhật Bản lẫn Việt Nam.

Cả hai ông đều đánh giá cao vai trò của Chủ tịch Hồ Chí Minh đối với cách mạng Việt Nam và cách mạng giải phóng dân tộc trên thế giới. Hai ông đều khẳng định Hồ Chí Minh là nhà tư tưởng, có những lý luận đặc sắc và xuất sắc về dân tộc, về cách mạng, về xây dựng chủ nghĩa xã hội. Tư tưởng của Hồ Chí Minh là kim chỉ nam cho cách mạng Việt Nam và cả sự nghiệp Đổi mới ngày nay. Không thể tách rời Hồ Chí Minh ra khỏi cách mạng Việt Nam và sự nghiệp Đổi mới.

1 Furuta Motoo, Sđd, tr. 200 (bản tiếng Nhật).

UNESCO VỚI VIỆC TÔN VINH CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH: ANH HÙNG GIẢI PHÓNG DÂN TỘC VIỆT NAM VÀ NHÀ VĂN HÓA KIỆT XUẤT CỦA NHÂN LOẠI

TIẾN LINH*

Khóa họp lần thứ 18 Đại Hội đồng tổ chức ***Giáo dục, Khoa học và Văn hóa*** của Liên Hợp Quốc (gọi tắt là UNESCO), từ ngày 17 tháng 10 đến 23 tháng 11 năm 1974, tại Paris, đã thông qua Nghị quyết **18 C/4.351** về việc UNESCO sẽ tiến hành kỷ niệm các nhân vật kiệt xuất và sự kiện lịch sử lớn đã để lại dấu ấn trong sự phát triển của nhân loại.

Tại Nghị quyết này, Đại hội đồng cho phép ông Tổng Giám đốc UNESCO:

a) Yêu cầu các Ủy ban quốc gia đệ trình danh sách đã lựa chọn các ngày lễ kỷ niệm (một trăm năm chẵn hoặc nhiều trăm năm) của các nhân vật kiệt xuất và các sự kiện lớn trong lĩnh vực giáo dục, khoa học, văn hóa và truyền thống mà các Ủy ban quốc gia sẽ tổ chức kỷ niệm vào các năm 1977 và 1978,

b) Xuất bản danh sách các ngày lễ kỷ niệm này dưới hình thức một danh mục 2 năm và phân phát một cách rộng rãi cho các Ủy ban quốc gia, các tổ chức phi chính phủ và các tổ chức khác,

* Bảo tàng Hồ Chí Minh.

c) Sử dụng danh mục này như một bản hướng dẫn cho việc xuất bản các bài báo và việc chuẩn bị các chương trình trên đài phát thanh và truyền hình...

Sau đó, Đại Hội đồng UNESCO Khóa họp lần thứ 19 nhắc lại với việc: Đề nghị các Ủy ban quốc gia gửi vào đầu năm 1978 một danh sách được lựa chọn các lễ kỷ niệm... mà các nước này đang chuẩn bị để tổ chức kỷ niệm vào năm 1979 và 1980.

Hưởng ứng lời mời này, 35 Quốc gia thành viên đã gửi danh sách các lễ kỷ niệm mà họ đề nghị tổ chức trong các năm 1979 - 1980. Cùng với nhiều danh nhân khác, trên cơ sở đề xuất của Cộng hòa Dân chủ Đức và Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Nguyễn Trãi được UNESCO tôn vinh kỷ niệm với danh nghĩa là **Nhà thơ, người sáng lập nền văn học cổ điển và anh hùng dân tộc của Việt Nam**, vào năm 1980, nhân dịp 600 năm ngày sinh của ông...

Vào đầu những năm 80 của thế kỷ XX, trong quá trình chuẩn bị cho việc tổ chức các hoạt động nhân dịp kỷ niệm 100 năm Ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Ủy ban Quốc gia UNESCO của Việt Nam đã từng bước thúc đẩy vấn đề có ý nghĩa quan trọng này. Tại Khóa họp Đại hội đồng lần thứ 23, năm 1985, khi đoàn Việt Nam đề xuất tôn vinh Hồ Chí Minh, "*các nước đều tỏ ý ủng hộ, không có nước nào nói phải xin ý kiến trong nước mà đều bảo là Hồ Chí Minh xứng đáng*"[1]...

Tiếp đó, ngày 14 tháng 4 năm 1987, thay mặt Nhà nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao kiêm Chủ tịch Ủy ban Quốc gia UNESCO của Việt Nam Võ Đông Giang đã đệ trình lên ngài Amadou Mahtar M'Bow, Tổng Giám đốc UNESCO, bản văn thư số 67/BTK/87, đề nghị Đại Hội đồng

1 Bài nói chuyện của Thứ trưởng Bộ Ngoại giao Nguyễn Dy Niên tại Nghệ An, tháng 6-1990, về việc UNESCO ra Nghị quyết về danh nhân văn hóa kiệt xuất Hồ Chí Minh. Lưu Bảo tàng Hồ Chí Minh.

khóa 24 thông qua nghị quyết kỷ niệm lần thứ 100 Ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh....

Tuy nhiên, vấn đề này được quyết định bởi Đại hội đồng. Vì thế, tại phiên họp lần thứ 126 của Hội đồng Chấp hành (cơ quan thay mặt Đại hội đồng giải quyết những công việc cần thiết trong thời gian giữa hai kỳ họp của Đại hội đồng) tại Paris, ngày 24-5-1987, ông Tổng Giám đốc UNESCO đã đề nghị đưa vào chương trình nghị sự tạm thời của khóa họp lần thứ 24 của Đại hội đồng khoản mục với nội dung như sau:

"Kỷ niệm 100 năm ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh vào năm 1990"[1]...

Căn cứ vào đề nghị của Hội đồng Chấp hành, của Ủy ban Quốc gia UNESCO của Việt Nam cùng nhiều ủy ban quốc gia khác, Khóa họp Đại Hội đồng UNESCO lần thứ 24 tại Paris, từ ngày 20 tháng 10 đến 20 tháng 11 năm 1987, đã thông qua các nghị quyết về việc tổ chức lễ kỷ niệm các nhân vật kiệt xuất và các sự kiện lịch sử, trong đó có ***Nghị quyết 24C/18.65*** về việc Kỷ niệm 100 năm Ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh với tư cách là ***Anh hùng giải phóng dân tộc Việt Nam và Nhà văn hóa kiệt xuất của nhân loại***, vào năm 1990.

Theo ông Nguyễn Dy Niên (khi đó là Thứ trưởng Bộ Ngoại giao kiêm Chủ tịch Ủy ban quốc gia UNESCO của Việt Nam), trong quá trình thảo luận tại Khóa họp lần thứ 24 này, các ý kiến phát biểu của các đại biểu quốc tế về Chủ tịch Hồ Chí Minh rất hay và xúc động, không chỉ hạn hẹp trong khuôn khổ "danh nhân", mà còn chứa đựng những ý nghĩa lớn lao hơn, bao trùm hơn vượt ra khỏi phạm vi nội dung diễn đạt vốn đã rất sâu sắc trong Nghị quyết. Các đại biểu quốc tế đã biểu thị tình cảm chân thật và sự ngưỡng mộ đến cảm động đối với Chủ tịch Hồ Chí Minh. Các đại

1 Tài liệu 126 EX/25, phụ lục số 3, Phiên họp lần thứ 126 của Hội đồng chấp hành tại Paris, ngày 24-5-1987. Lưu Bảo tàng Hồ Chí Minh.

biểu đều bày tỏ một quan điểm chung coi tư tưởng Hồ Chí Minh là tài sản chung của nhân loại, của mọi thời đại và khẳng định sự ủng hộ đối với Nghị quyết về việc Kỷ niệm 100 năm ngày sinh của Người là niềm vinh dự. Gần 30 nước đã ký tên đồng tác giả Nghị quyết về Chủ tịch Hồ Chí Minh và nhắc đi nhắc lại nhiều lần vì sợ Ban Thư ký ghi sót tên nước mình...

Vì thế, "Ủy ban I (Ủy ban về các vấn đề chính trị), và sau đó, phiên họp toàn thể của Đại hội đồng đã thông qua Nghị quyết bằng nguyên tắc nhất trí tuyệt đối, là nguyên tắc thể hiện sự nhất trí tập trung nhất của diễn đàn quốc tế quan trọng này". Cả Hội nghị cùng chúc mừng Việt Nam và coi "*đây là Nghị quyết hay nhất của UNESCO về Danh nhân*"[1].

Tại Nghị quyết quan trọng này, cùng với việc khẳng định Chủ tịch Hồ Chí Minh, một biểu tượng xuất sắc về sự tự khẳng định dân tộc, đã cống hiến trọn đời mình cho sự nghiệp giải phóng dân tộc của nhân dân Việt Nam, góp phần vào cuộc đấu tranh chung của các dân tộc vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội... Đại hội đồng UNESCO đã khuyến nghị các nước thành viên "*cùng tham gia kỷ niệm 100 năm Ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh, bằng việc tổ chức các hoạt động cụ thể để tưởng niệm Người, qua đó làm cho mọi người hiểu rõ tầm vóc vĩ đại của những tư tưởng và những cống hiến cho sự nghiệp giải phóng dân tộc của Người*", đồng thời đề nghị ông Tổng giám đốc UNESCO "*triển khai các biện pháp thích hợp để kỷ niệm 100 năm Ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh và hỗ trợ các hoạt động kỷ niệm được tổ chức nhân dịp này, đặc biệt là những hoạt động sẽ diễn ra ở Việt Nam*"[2].

1 Xem Nguyễn Dy Niên: *Việc thông qua Nghị quyết của UNESCO về Kỷ niệm 100 năm ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh*, (UNESCO và UBKHXHVN: *Hội thảo quốc tế "Chủ tịch Hồ Chí Minh - Anh hùng giải phóng dân tộc, Nhà văn hóa lớn"*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội,1990, tr. 37-38) và Bài nói chuyện của Thứ trưởng Bộ Ngoại giao Nguyễn Dy Niên tại Nghệ An, tháng 6-1990, về việc UNESCO ra Nghị quyết về danh nhân văn hóa kiệt xuất Hồ Chí Minh.

2 *Nghị quyết 24C/18.65* của UNESCO về Kỷ niệm 100 năm Ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh, dẫn theo bản dịch mới của Ủy ban quốc gia UNESCO Việt Nam, 7-2009.

Thực hiện Nghị quyết của UNESCO về kỷ niệm 100 năm Ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh, nhiều hoạt động cụ thể (gắn biển lưu niệm, bảo tồn và phát huy tác dụng của các di tích lưu niệm Hồ Chí Minh; dựng tượng Hồ Chí Minh và đặt tên đường phố, trường học; xuất bản sách, phát hành và tổ chức triển lãm tem, triển lãm ảnh về cuộc đời và sự nghiệp của Chủ tịch Hồ Chí Minh; tổ chức các cuộc mít tinh kỷ niệm và hội thảo quốc tế về Người...) đã được tổ chức ở nhiều nơi trên thế giới, như: Trung Quốc, Liên Xô, Lào, Cămpuchia, Cu Ba, Ấn Độ, Pháp, Xlôvakia, Hunggari, Italy, Bỉ, Thụy Sĩ, Mỹ, Mêhico, Angiêri, Yêmen, Luanda, Palétxtin, Inđônêxia...

Trên tất cả các diễn đàn quốc tế, các chính khách, các nhà hoạt động xã hội và các nhà khoa học đều đánh giá cao những đóng góp quan trọng và nhiều mặt của Chủ tịch Hồ Chí Minh đối với tiến trình phát triển chung của nhân loại. Phát biểu tại Hội thảo quốc tế "***Chủ tịch Hồ Chí Minh - Anh hùng giải phóng dân tộc Việt Nam, Nhà văn hóa lớn***", tổ chức tại Hà Nội, tháng 3 năm 1990, Tiến sĩ Modagat Ahmet, Giám đốc UNESCO khu vực Châu Á - Thái Bình Dương, Đại diện đặc biệt của Tổng Giám đốc UNESCO, đã coi việc được tham dự hội thảo này "là một niềm vinh dự" và khẳng định "*Hội nghị UNESCO phiên thứ 24, đã quyết định kỷ niệm 100 năm ngày sinh của Người vào năm 1990. Đây là một cử chỉ tôn kính đối với một nhân vật vĩ đại đã cống hiến trọn đời mình cho sứ mệnh tự do và độc lập. UNESCO rất vui sướng được tham gia vào sự kiện đáng ghi nhớ này. Điều đó biểu hiện sự cam kết sâu sắc của tổ chức này trong việc duy trì các giá trị và công lao của các nhân vật vĩ đại được nhân loại công nhận và kính trọng*". Và ông đã xúc động nhấn mạnh rằng: "*Chỉ có ít nhân vật trong lịch sử trở thành một bộ phận của huyền thoại ngay từ khi còn sống và rõ ràng Hồ Chí Minh là một trong số đó. Người sẽ được ghi nhớ không phải chỉ là người giải phóng cho Tổ quốc và nhân dân bị đô hộ, mà còn là một nhà hiền triết hiện đại đã mang lại một viễn cảnh và hy vọng mới cho*

những người đang đấu tranh không khoan nhượng để loại bỏ bất công, bất bình đẳng khỏi trái đất này"[1]...

Hai mươi năm sau ngày UNESCO tôn vinh kỷ niệm 100 ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh, tại Lễ kỷ niệm 120 năm ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh (19-5-1890 - 19-5-2010), do Đại sứ quán Việt Nam tại Pháp tổ chức, ngày 14-5-2010, ông Hans D'Orville, Phó Tổng Giám đốc UNESCO, đã có bài tham luận quan trọng về những đóng góp to lớn của Chủ tịch Hồ Chí Minh đối với sự phát triển của nhân loại và khẳng định rằng: "*Chính tầm vóc vĩ đại của con người Hồ Chí Minh, mà chúng ta đã vinh danh Người ở UNESCO và trên thế giới*"[2].

Ngày 12-5-2010, phát biểu tại Hội thảo quốc tế "***Di sản Hồ Chí Minh trong thời đại ngày nay***" nhân kỷ niệm lần thứ 120 ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh (19-5-1890 - 19-5-2010), bà Katherine Muller Marin - Trưởng Đại diện Văn phòng UNESCO Hà Nội, khẳng định lại việc hơn hai mươi năm trước Đại hội đồng UNESCO đã thông qua Nghị quyết 24C/18.65 về việc kỷ niệm 100 ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh và nhấn mạnh: "*Tôi có mặt tại đây ngày hôm nay để hoàn thành sứ mệnh của nghị quyết được Đại hội đồng UNESCO thông qua tại khóa họp lần thứ 24 của cơ quan này tại Paris năm 1987, về việc kỷ niệm ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh, vị anh hùng dân tộc và nhà văn hóa lớn. Đại hội đồng cho rằng việc thế giới kỷ niệm ngày sinh của những nhà văn hóa và trí thức kiệt xuất sẽ góp phần đạt được những mục tiêu của UNESCO và thúc đẩy sự hiểu biết giữa các quốc gia*"[3]...

1 UNESCO và UBKHXHVN: *Hội thảo quốc tế "Chủ tịch Hồ Chí Minh - Anh hùng giải phóng dân tộc, Nhà văn hóa lớn"*. Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội,1990, tr. 20, 22.

2 Phát biểu của ông Hans D'Orville, Phó Tổng Giám đốc UNESCO, tại Lễ kỷ niệm 120 năm ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh (19-5-1890 - 19-5-1990), do Đại sứ quán Việt Nam tại Pháp tổ chức, ngày 14-5-2010. Dẫn theo Tuanvietnam.net, ngày 20-5-2010.

3 Phát biểu của Bà Katherine Muller Marin, Trưởng Đại diện Văn phòng UNESCO Hà Nội tại Hội thảo quốc tế *"Di sản Hồ Chí Minh trong thời đại ngày nay"* nhân kỷ niệm lần thứ 120 ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh (19-5-1890 - 19-5-2010), ngày 12-5-2010. Lưu Bảo tàng Hồ Chí Minh.

Nghị quyết 24C/18.65 về Kỷ niệm 100 năm Ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh với tư cách là ***Anh hùng giải phóng dân tộc Việt Nam và Nhà văn hóa kiệt xuất của nhân loại*** là một văn kiện quan trọng của UNESCO, ghi nhận những đóng góp to lớn của Người trong cuộc đấu tranh chung của các dân tộc vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội, là niềm tự hào chung của dân tộc Việt Nam và của cả bầu bạn quốc tế.

Ngày 2 tháng 10 năm 2010, nhân chuyến thăm và làm việc tại Việt Nam, bà Tổng giám đốc UNESCO Irina Bocova đã trân trọng trao tặng Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch Việt Nam Hoàng Tuấn Anh bản in Nghị quyết của phiên họp Đại hội đồng khóa 24, năm 1987. Đó là "*Tập biên bản của Đại Hội đồng khóa họp lần thứ 24 tại Paris, từ ngày 20-10 đến 20-11 năm l987, Quyển 1: NGHỊ QUYẾT*" bằng tiếng Pháp. Đây là một trong số các tập biên bản báo cáo của Đại hội UNESCO, khóa họp lần thứ 24, được UNESCO xuất bản đồng thời bằng 6 thứ tiếng (Pháp, Anh, Ả rập, Trung Quốc, Tây Ban Nha và Nga), được in và đóng quyển tại xưởng in của UNESCO, Paris, năm 1988. Theo đó, **Nghị quyết 24C/18.65**[1] về việc Kỷ niệm 100 năm Ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh ở trang 144.

Qua nghiên cứu, đối chiếu các bản dịch tiếng Việt về Nghị quyết quan trọng này đã in trong một số sách, báo, tài liệu, website..., Bảo tàng Hồ Chí Minh thấy có những câu chữ khác nhau, như: Đại hội đồng = Phiên họp toàn thể; Nhìn lại = nhắc lại; Nhà văn hóa kiệt xuất = Nhà văn hóa lớn; Biểu tượng kiệt xuất của sự khẳng định quyền dân tộc = Biểu tượng kiệt xuất về quyết tâm của cả một dân tộc;

---

1 Cùng trong Khóa họp lần thứ 24 này, UNESCO còn 5 Nghị quyết khác về tổ chức lễ kỷ niệm các nhân vật kiệt xuất và các sự kiện lịch sử. Đó là các nghị quyết: *18.62 Kỷ niệm 100 năm ngày sinh Phya Anuma Rajadhon, nhà văn người Thái Lan; 18.63 Kỷ niệm 500 năm ngày sinh Thomas Munzer, nhà Cải cách ở Đức và của cuộc cách mạng tư sản đầu tiên ở châu Âu; 18.64 Kỷ niệm 100 năm ngày sinh Anton Semionovitch Makarenko, nhà văn và nhà giáo dục lớn của Liên Xô; 18.66 Kỷ niệm 100 năm ngày sinh Jawaharlai Nehru, nguyên Thu tướng Ấn Độ; 18.67 Kỷ niệm 400 năm ngày sinh Sinan, kiến trúc sư người Thổ Nhĩ Kỳ.*

Yêu cầu = Đề nghị...

Nghiên cứu cả 6 ngôn ngữ của UNESCO tại ***Nghị quyết 24C/18.65*** chúng ta thấy rằng, dù văn phong, cách diễn đạt của các ngôn ngữ có chỗ khác nhau, song điều quan trọng nhất là phải bám sát các mục tiêu, tiêu chí của UNESCO, tại ***Nghị quyết 18C/4.351 năm 1974,*** trong việc tôn vinh, tổ chức kỷ niệm ở quy mô quốc tế các nhân vật kiệt xuất và các sự kiện lịch sử đã để lại dấu ấn trong quá trình phát triển của nhân loại là một hoạt động quan trọng, nhằm: *Ghi nhận sự đóng góp quan trọng của các danh nhân trong sự phát triển của nhân loại; Làm cho mọi người hiểu được tầm vóc lớn lao của những tư tưởng và sự nghiệp của danh nhân; Thúc đẩy sự hiểu biết, thông cảm lẫn nhau giữa các quốc gia - dân tộc và tăng cường sự hợp tác quốc tế*...tức là những người đã được UNESCO ra Nghị quyết tôn vinh đều phải có ý nghĩa và tầm cỡ quốc tế.

Với ý nghĩa đó, dù cách dịch, cách nói có khác nhau, khi thì "danh nhân văn hóa", khi thì "nhà văn hóa lớn", khi thì "nhà văn hóa kiệt xuất của Việt Nam", hoặc "Danh nhân văn hóa thế giới" khi nói về Hồ Chí Minh, song nội dung Nghị quyết của UNESCO (nhất là ở phần diễn giải trong Nghị quyết) đã chỉ rõ UNESCO tôn vinh Hồ Chí Minh với hai danh nghĩa: ***Anh hùng giải phóng dân tộc*** và ***Danh nhân văn hóa thế giới***. Còn chữ Việt Nam đặt ở trước hoặc sau chỉ có ý nghĩa chỉ quốc tịch, quốc gia của Hồ Chí Minh chứ không với nghĩa chỉ tầm cỡ hay phạm vi ảnh hưởng.

Đây là niềm tự hào chung của cả dân tộc Việt Nam cùng nhân loại tiến bộ về một CON NGƯỜI đã có những cống hiến quan trọng và nhiều mặt, đã để lại những dấu ấn đặc biệt trong quá trình phát triển của nhân loại: Nguyễn Tất Thành - Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh - Bác Hồ.

Phần 4

VỮNG BƯỚC TRÊN CON ĐƯỜNG NGƯỜI ĐÃ CHỌN

XÂY DỰNG QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN, PHÁT HUY BẢN CHẤT, TRUYỀN THỐNG "BỘ ĐỘI CỤ HỒ" TRONG SỰ NGHIỆP XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ TỔ QUỐC XÃ HỘI CHỦ NGHĨA HIỆN NAY

Đại tướng PHÙNG QUANG THANH*

Trong quá trình tìm đường cứu nước, người thanh niên yêu nước Nguyễn Tất Thành đã đến với Chủ nghĩa Mác - Lênin. Người đã tiếp thu và vận dụng sáng tạo Chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện cụ thể của Việt Nam, Người tiếp thu có chọn lọc tinh hoa văn hóa của nhân loại để hình thành nên một hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam, trong đó, *tư tưởng về quân sự và quân đội nhân dân* là một bộ phận hợp thành quan trọng. Trong tác phẩm *Đường Kách mệnh* (1927), Người đã chỉ rõ cách mạng là sự nghiệp của quần chúng, bạo lực của quần chúng tuyệt đối không phải là việc manh động, phiêu lưu của một số người. Bạo lực cách mạng phải dựa trên cơ sở của lực lượng vũ trang.

Năm 1941, Người về nước, cùng với Trung ương Đảng trực tiếp lãnh đạo cách mạng, xúc tiến việc xây dựng lực lượng vũ trang cách mạng, ra Chỉ thị thành lập Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân; trực tiếp tổ chức, lãnh đạo, giáo dục và rèn luyện quân đội ta. Người đã chăm lo xây dựng, giáo dục, rèn luyện quân

* Ủy viên Bộ Chính trị, Phó Bí thư Quân ủy Trung ương, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng.

đội về chính trị, tư tưởng và tổ chức chức theo quan điểm xây dựng quân đội kiểu mới của chủ nghĩa Mác - Lênin. Người đặc biệt quan tâm đến những vấn đề cơ bản trong xây dựng quân đội cách mạng như: giáo dục bản chất giai cấp công nhân, tính nhân dân và tính dân tộc cho quân đội; giáo dục, bồi dưỡng mục tiêu, lý tưởng chiến đấu vì độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; lòng trung thành với Đảng, với Tổ quốc và nhân dân, truyền thống anh hùng của dân tộc, của Đảng cho quân đội; tiến hành công tác chính trị, tăng cường giáo dục chính trị tư tưởng; phát huy dân chủ, tăng cường kỷ luật; xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên, đội ngũ chính ủy, chính trị viên; xây dựng quân đội tiến lên chính quy và hiện đại, phát triển nghệ thuật quân sự...; chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho bộ đội; tăng cường mối quan hệ máu thịt với nhân dân. Người đặc biệt quan tâm xây dựng quân đội về chính trị, coi đó là "gốc", là cơ sở để xây dựng quân đội vững mạnh toàn diện; đồng thời, quan tâm xây dựng các yếu tố khác như vũ khí trang bị, khoa học kỹ thuật, nghệ thuật quân sự nhằm nâng cao chất lượng tổng hợp và sức mạnh chiến đấu của quân đội.

Dưới sự lãnh đạo, giáo dục và rèn luyện của Đảng ta và của Chủ tịch Hồ Chí Minh, trong suốt quá trình xây dựng, chiến đấu và trưởng thành, Quân đội nhân dân Việt Nam luôn kiên định mục tiêu, lý tưởng chiến đấu vì độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; đã cùng với nhân dân làm nên những chiến thắng huy hoàng, xứng đáng là công cụ bạo lực sắc bén, lực lượng chính trị tin cậy của Đảng, Nhà nước và nhân dân, làm nòng cốt cho toàn dân trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc và bảo vệ Tổ quốc.

Gần bảy thập kỷ qua, các thế hệ cán bộ, chiến sĩ quân đội ta đã xây dựng nên bản chất, truyền thống tốt đẹp *"Trung với Đảng, hiếu với dân, sẵn sàng chiến đấu hy sinh vì độc lập, tự do của Tổ quốc, vì chủ nghĩa xã hội. Nhiệm vụ nào cũng hoàn thành, khó khăn nào cũng vượt qua, kẻ thù nào cũng đánh thắng"* như lời tuyên dương của Chủ tịch Hồ Chí Minh, làm sáng danh hình ảnh

"Bộ đội Cụ Hồ", xứng đáng được Đảng, Nhà nước và nhân dân tin cậy, yêu mến.

Trong những năm tới, hòa bình, hợp tác và phát triển vẫn là xu thế lớn, phản ánh đòi hỏi bức xúc của các quốc gia, dân tộc. Tuy nhiên, tình hình thế giới, khu vực tiếp tục có những diễn biến phức tạp, tiềm ẩn những nhân tố khó lường. Các thế lực thù địch vẫn tiếp tục đẩy mạnh thực hiện "Diễn biến hòa bình", thúc đẩy "tự diễn biến" để chống phá cách mạng nước ta trên tất cả các lĩnh vực. Thực tế đó, đặt ra cho toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta trong khi đặt lên hàng đầu nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng đất nước, phải thường xuyên chăm lo củng cố quốc phòng, tăng cường sức mạnh bảo vệ Tổ quốc, bảo đảm cho đất nước luôn chủ động về chiến lược trong mọi tình huống, đủ sức đập tan mọi âm mưu, thủ đoạn chống phá của các thế lực thù địch, giữ vững ổn định chính trị, môi trường hòa bình để tập trung phát triển kinh tế - xã hội đất nước.

Cương lĩnh "Xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ chủ nghĩa xã hội" (Bổ sung, phát triển năm 2011) được thông qua tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng đã xác định rõ mục tiêu, nhiệm vụ của quốc phòng, an ninh là: *"Bảo vệ vững chắc độc lập chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, giữ vững hòa bình, ổn định chính trị, bảo đảm an ninh quốc gia và trật tự, an toàn xã hội; chủ động ngăn chặn, làm thất bại mọi âm mưu và hành động phá hoại của các thế lực thù địch đối với sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta"*[1]. *"Tăng cường quốc phòng, giữ vững an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội là nhiệm vụ trọng yếu, thường xuyên của Đảng, Nhà nước và toàn dân, trong đó Quân đội nhân dân và Công an nhân dân là lực lượng nòng cốt"*[2].

1 Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, tr. 81 - 82.

2 Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, tr. 81.

Trong tình hình hiện nay, quân đội có nhiệm vụ quan trọng cùng toàn Đảng, toàn dân giữ vững môi trường hòa bình, định hướng xã hội chủ nghĩa, ổn định chính trị, tạo điều kiện thuận lợi để phát triển kinh tế, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; là một lực lượng nòng cốt đấu tranh chống "Diễn biến hòa bình", bạo loạn lật đổ, làm thất bại âm mưu, thủ đoạn chống phá cách mạng nước ta của các thế lực thù địch; là lực lượng nòng cốt trong xây dựng nền quốc phòng toàn dân vững mạnh, thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân vững chắc; sẵn sàng chiến đấu, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa, đánh bại các cuộc chiến tranh xâm lược trong mọi tình huống.

Trước yêu cầu, nhiệm vụ của cách mạng, của quân đội hiện nay, vững bước theo con đường Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chọn, chúng ta phải thấm nhuần sâu sắc và vận dụng sáng tạo tư tưởng của Người về xây dựng quân đội nhân dân, trong đó, cần quan tâm ***thực hiện tốt một số vấn đề*** sau:

Quán triệt sâu sắc mục tiêu, nội dung, nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa theo tinh thần Nghị quyết Đại hội lần thứ XI của Đảng, làm cho mọi quân nhân nhận thức sâu sắc tình hình, nhiệm vụ của quân đội, của đơn vị, quyết tâm thực hiện tốt các nhiệm vụ huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu, công tác lao động sản xuất, xây dựng đơn vị vững mạnh toàn diện, xây dựng quân đội vững mạnh.

Thực hiện tốt phương hướng xây dựng quân đội nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, tạo sự đột phá quan trọng về điều chỉnh tổ chức biên chế, huấn luyện và đào tạo, xây dựng chính quy, chấp hành kỷ luật của bộ đội và cải cách hành chính, không ngừng nâng cao chất lượng tổng hợp và sức mạnh chiến đấu, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới.

Chú trọng nâng cao bản chất cách mạng của quân đội, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Chăm lo xây dựng quân đội vững mạnh về chính trị, làm cơ sở để xây dựng quân đội vững mạnh toàn diện, nâng cao chất lượng tổng hợp và sức mạnh chiến đấu của quân đội, làm cho quân đội thật sự là lực lượng chính trị tuyệt đối trung thành với Đảng, Nhà nước, với Tổ quốc và nhân dân, một lòng, một dạ chiến đấu, hy sinh vì độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, vì hạnh phúc của nhân dân.

Nâng cao trình độ và khả năng sẵn sàng chiến đấu của quân đội, đủ sức bảo vệ vững chắc Tổ quốc xã hội chủ nghĩa trong mọi tình huống. Xây dựng quân đội nhân dân với số quân thường trực hợp lý, có sức chiến đấu cao. Thực hiện tốt nhiệm vụ chính quy hóa quân đội theo yêu cầu mới, gắn với xây dựng các đơn vị quân đội, xây dựng quân đội vững mạnh toàn diện. Tăng cường giáo dục pháp luật nhà nước, điều lệnh, điều lệ, quy định của quân đội, thực hiện nghiêm các nội dung, yêu cầu chính quy hóa quân đội.

Tập trung đổi mới nội dung, chương trình, phương pháp tổ chức điều hành huấn luyện; nâng cao chất lượng huấn luyện chiến đấu theo phương châm "cơ bản, thiết thực, vững chắc", coi trọng huấn luyện đồng bộ và chuyên sâu, sát với thực tế chiến đấu, yêu cầu nhiệm vụ đối tượng tác chiến, địa bàn hoạt động và từng lực lượng, đơn vị; phù hợp với tổ chức, biên chế, trang bị, sự phát triển của nghệ thuật quân sự, cách đánh truyền thống Việt Nam và yêu cầu tác chiến trong điều kiện địch sử dụng vũ khí công nghệ cao.

Đẩy mạnh công tác nghiên cứu khoa học; phát triển khoa học, công nghệ quân sự, nghệ thuật quân sự Việt Nam, đặc biệt là nghệ thuật chiến tranh nhân dân phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ xây dựng quân đội, bảo vệ Tổ quốc. Đẩy mạnh phát triển công nghiệp quốc phòng; tăng cường cơ sở vật chất - kỹ thuật cho quân đội, thực hiện tốt từng bước hiện đại hóa quân đội, trước hết là hiện đại lực lượng hải quân, phòng không, không quân, tác chiến điện tử,

thông tin và trinh sát kỹ thuật đáp ứng yêu cầu đánh thắng chiến tranh bằng vũ khí công nghệ cao của các lực lượng thù địch.

Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác Đảng, công tác chính trị trong quân đội. Đẩy mạnh công tác giáo dục chính trị tư tưởng, nâng cao bản lĩnh chính trị, tăng cường bản chất giai cấp công nhân, giác ngộ mục tiêu, lý tưởng chiến đấu, xây dựng ý chí quyết tâm, rèn luyện phẩm chất đạo đức cách mạng cho mọi quân nhân, ngăn chặn, loại trừ sự xâm nhập của các tư tưởng sai trái, thù địch vào quân đội. Nâng cao hiệu quả giáo dục Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, quan điểm của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, nhiệm vụ của cách mạng, nhiệm vụ của quân đội. Quan tâm xây dựng đội ngũ cán bộ quân đội vững mạnh, đặc biệt là đội ngũ cán bộ chủ trì các cấp, có cơ cấu hợp lý, có đủ số lượng, có phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống tốt, có năng lực, phương pháp, tác phong công tác tốt hoàn thành mọi nhiệm vụ được giao. Tổ chức phong trào thi đua quyết thắng, tập trung vào nhiệm vụ trọng tâm, trọng điểm, khắc phục khâu yếu, mặt yếu trong xây dựng chính quy, rèn luyện kỷ luật, ngăn chặn các biểu hiện tiêu cực, lạc hậu, chống suy thoái về tư tưởng, chính trị, đạo đức, lối sống trong cán bộ, chiến sĩ. Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác bảo vệ chính trị nội bộ, thường xuyên nắm chắc tình hình, chủ động dự báo, phát hiện và đấu tranh phòng chống có hiệu quả âm mưu, thủ đoạn "Diễn biến hòa bình" và quá trình "tự diễn biến", "tự chuyển hóa".

Tăng cường mối quan hệ mật thiết giữa quân đội với nhân dân, trước hết và trực tiếp với nhân dân ở địa phương nơi các đơn vị quân đội đóng quân, thực hiện "quân với dân một ý chí". Phối hợp chặt chẽ với cấp ủy, chính quyền, các tổ chức chính trị xã hội ở trung ương và địa phương làm tốt công tác dân vận, tích cực tham gia xây dựng cơ sở chính trị địa phương vững mạnh, giúp đỡ nhân dân phát triển kinh tế, xã hội, ổn định đời sống, xóa đói, giảm nghèo, thực hiện tốt vai trò là lực lượng chủ lực trong phòng tránh,

khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa, cứu hộ, cứu nạn. Nâng cao hiệu quả thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở tăng cường đoàn kết, giữ nghiêm kỷ luật quan hệ nhân dân, giữ vững và phát huy bản chất, truyền thống của "Bộ đội Cụ Hồ".

Hiện nay, các thế lực thù địch đang ra sức chống phá quân đội ta toàn diện cả về chính trị, tư tưởng và tổ chức. Chúng ra sức tuyên truyền, xuyên tạc tư tưởng Hồ Chí Minh, phủ nhận công lao to lớn của Người đối với sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta, đòi từ bỏ con đường độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội mà Chủ tịch Hồ Chí Minh và nhân dân ta đã lựa chọn; phủ nhận công lao của Người đối với sự trưởng thành và chiến thắng của quân đội ta. Chúng tập trung phủ nhận sự lãnh đạo của Đảng đối với quân đội, gây chia rẽ giữa Đảng, Nhà nước, nhân dân với quân đội, giữa quân đội với công an; xuyên tạc và phủ nhận mục tiêu, lý tưởng chiến đấu, bản chất và truyền thống cách mạng của quân đội ta. Vì vậy, quân đội ta phải: *Tích cực, chủ động tham gia đấu tranh trên mặt trận tư tưởng - lý luận,* bảo vệ chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, quan điểm của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước, làm thất bại mọi âm mưu, thủ đoạn "Diễn biến hòa bình", "phi chính trị hóa" quân đội ta của các thế lực thù địch. Phát huy vai trò của các cơ quan chỉ đạo chiến lược, các học viện, nhà trường, các viện nghiên cứu, các cơ quan báo chí và truyền thông, đội ngũ cán bộ khoa học, cán bộ lý luận, đội ngũ giảng viên, báo cáo viên, tuyên truyền viên của quân đội trong cuộc đấu tranh tư tưởng - lý luận.

Giữ vững và tăng cường sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng đối với quân đội, đảm bảo cho quân đội tuyệt đối trung thành với Đảng, Nhà nước, với Tổ quốc và nhân dân; kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; giữ vững và phát huy bản chất, truyền thống của "Bộ đội Cụ Hồ", hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao trong mọi tình huống.

Giữ vững và thực hiện đúng nguyên tắc Đảng lãnh đạo quân đội, thực hiện nghiêm cơ chế lãnh đạo của Đảng đối với quân đội theo Nghị quyết 51 của Bộ Chính trị khóa IX phù hợp với tình hình nhiệm vụ mới. Quan tâm chăm lo xây dựng hệ thống tổ chức đảng trong Đảng bộ Quân đội trong sạch, vững mạnh, nâng cao năng lực lãnh đạo toàn diện và sức chiến đấu. Chấp hành nghiêm nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt Đảng, chú trọng đổi mới phong cách lãnh đạo của các cấp ủy, tổ chức đảng và cán bộ, đảng viên; thực hiện tốt việc kết hợp chặt chẽ giữa giáo dục, bồi dưỡng nâng cao trình độ trí tuệ, năng lực thực tiễn với rèn luyện phẩm chất đạo đức cách mạng cho đội ngũ cán bộ, đảng viên theo tư tưởng Hồ Chí Minh.

Nâng cao hiệu quả quản lý của Nhà nước đối với quân đội. Tiếp tục thể chế hóa sự quản lý của Nhà nước đối với quân đội và hậu phương quân đội bằng hệ thống pháp luật, chính sách và tổ chức thực hiện có hiệu quả. Bổ sung, hoàn thiện chiến lược quốc phòng và hệ thống luật pháp, chính sách về quốc phòng trong điều kiện mới. Quan tâm chăm lo cải thiện và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho cán bộ, chiến sĩ quân đội, nhất là những cán bộ, chiến sĩ công tác ở vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo. Thực hiện đồng bộ Chương trình Cải cách hành chính Nhà nước giai đoạn 2011 - 2020 trong lĩnh vực quân sự, quốc phòng; tập trung hoàn thiện thể chế quản lý ở tất cả các khâu, các bước. Đề cao trách nhiệm của lãnh đạo, chỉ huy các cấp và đội ngũ cán bộ trong chỉ đạo và thực hiện công tác cải cách hành chính.

Phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị của các cấp, các ngành và toàn xã hội trong xây dựng quân đội, củng cố quốc phòng, bảo vệ Tổ quốc. Với vai trò là lực lượng nòng cốt trong thực hiện nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc, quân đội nhân dân cần có sự phối kết hợp chặt chẽ của các cấp, các ngành. Các đoàn thể chính trị xã hội trong việc củng cố xây dựng lực lượng, chăm lo giáo dục, bồi dưỡng cũng như công tác bảo đảm mọi mặt cho quân

đội không ngừng phát triển, hoàn thành chức năng của đội quân chiến đấu, lao động sản xuất và đội quân công tác.

Kỷ niệm 100 năm Ngày Chủ tịch Hồ Chí Minh ra đi tìm đường cứu nước, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, kiên định con đường cách mạng mà Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đảng ta và nhân dân ta đã lựa chọn, chúng ta cần tiếp tục nghiên cứu sâu sắc tư tưởng của Người; bảo vệ, vận dụng đúng đắn, phát triển sáng tạo trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, trong công cuộc xây dựng quân đội nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại; giữ vững và phát huy bản chất, truyền thống "Bộ đội Cụ Hồ", thực hiện tốt vai trò là lực lượng nòng cốt trong bảo vệ độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa trong mọi tình huống.

CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH HÀNH TRÌNH TÌM ĐƯỜNG CỨU NƯỚC VÀ SÁU ĐIỀU NGƯỜI DẠY LỰC LƯỢNG CÔNG AN NHÂN DÂN

Trung tướng GS. TS. TRẦN ĐẠI QUANG*

Ngày 5 tháng 6 cách đây 100 năm, từ Bến cảng Sài Gòn, với thẻ làm việc mang tên Nguyễn Văn Ba, người thanh niên yêu nước Nguyễn Tất Thành rời Tổ quốc trên con tàu Amiral Latuche Tréville đi Pháp với một quyết tâm cháy bỏng: "*Tự do cho đồng bào tôi, độc lập cho Tổ quốc tôi, đấy là tất cả những điều tôi muốn, đấy là tất cả những điều tôi hiểu*"[1].

Ra đi trong cảnh nước mất, nhà tan, nhân dân chìm trong đau khổ, Nguyễn Tất Thành đến với phương trời xa lạ mang mỹ từ: "*Tự do - Bình đẳng - Bác ái*" để tìm hiểu những gì ẩn giấu đằng sau vẻ mỹ miều của cụm từ đó và cả tận cùng của sự thật với mong muốn: "*Sau khi xem xét họ làm thế nào, tôi sẽ trở về giúp đồng bào ta*"[2]. Cuộc hành trình lênh đênh qua 3 đại dương, 4 châu lục và gần 30 quốc gia với đủ mọi nghề để vừa kiếm sống, vừa thâm nhập đời sống của những người cần lao, hòa mình trong cuộc đấu

---

* Ủy viên Bộ Chính trị, Bộ trưởng Bộ Công an.

1 *Hồ Chí Minh - Biên niên tiểu sử*, tập 1, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1993, tr. 94.

2 Trần Dân Tiên, *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch*, Nxb. Thanh niên, Hà Nội, 1994. tr. 13.

tranh của giai cấp vô sản ở chính quốc đã giúp người thanh niên Nguyễn Tất Thành thấu hiểu: Chủ nghĩa đế quốc, thực dân là cội nguồn của mọi đau khổ cho giai cấp công nhân và nhân dân ở chính quốc cũng như các nước thuộc địa. Cũng chính cuộc hành trình đó đã giúp Nguyễn Tất Thành - Nguyễn Ái Quốc đến được với Luận cương của V.I. Lênin về vấn đề dân tộc và thuộc địa trong bối cảnh mới của cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc trên toàn thế giới, để từ đó hoàn toàn tin tưởng theo Lênin và quyết định "*bỏ phiếu tán thành và trở thành một trong những sáng lập viên của Đảng Cộng sản Pháp, tham gia Quốc tế III*"[1] (ngày 30-12-1920). Sự gặp gỡ tư tưởng Nguyễn Ái Quốc - Lênin đã đưa Người trở thành một chiến sĩ cách mạng tiên phong, người cộng sản chân chính tìm ra con đường cứu nước đúng đắn cho dân tộc mình theo con đường cách mạng của Lênin.

Tiếp thu thế giới quan, phương pháp luận khoa học và bản chất cách mạng của chủ nghĩa Mác - Lênin, Nguyễn Ái Quốc khẳng định, đó là chủ nghĩa "*cách mạng nhất, chân chính nhất*". Đi sâu nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lênin và Cách mạng tháng Mười Nga, Người khẳng định: muốn cứu nước và giải phóng dân tộc không có con đường nào khác con đường cách mạng vô sản, bởi độc lập, tự do không thể cầu xin mà có...; trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân cần phải dùng bạo lực cách mạng chống lại bạo lực phản cách mạng, giành lấy chính quyền và bảo vệ chính quyền; một cuộc cách mạng chỉ có giá trị khi nào nó biết tự vệ. Quan điểm đó xuyên suốt trong cả quá trình hoạt động, lãnh đạo cách mạng của Người và hình thành nên tư tưởng Hồ Chí Minh về bảo vệ Đảng, bảo vệ chế độ và an ninh quốc gia.

Ngày 3-2-1930, tại Hương Cảng (Trung Quốc), Nguyễn Ái Quốc chủ trì Hội nghị hợp nhất 3 tổ chức cộng sản thành một đảng thống nhất là Đảng Cộng sản Việt Nam. Đây là kết quả của sự kết hợp chặt chẽ lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin với phong trào

1 *Hồ Chí Minh - Biên niên tiểu sử*, tập 1, Sđd, tr. 94.

công nhân và phong trào yêu nước ở Việt Nam, đánh dấu chuyển biến về chất của cách mạng nước ta, chấm dứt sự khủng hoảng về đường lối chính trị, xác định rõ con đường cứu nước, cứu dân, thể hiện tính quy luật lịch sử của xã hội Việt Nam trong thế kỷ XX: "*Cách mạng giải phóng dân tộc phải phát triển thành cách mạng xã hội chủ nghĩa thì mới giành được thắng lợi hoàn toàn*"[1].

Xây dựng lực lượng Công an Nhân dân - công cụ bảo vệ Đảng, bảo vệ chính quyền cách mạng

Ngay khi Đảng ta mới thành lập, bằng kinh nghiệm và hoạt động thực tiễn đã được trải nghiệm, ngày 23-4-1931, Người viết thư gửi Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương lưu ý nhiệm vụ đề cao cảnh giác và giữ gìn bí mật để bảo vệ lực lượng cách mạng. Người căn dặn: *"Các cơ quan không đặt bí hiệu hay sao? Sao mà nhiều lần cơ quan lộ rồi mà đồng chí cứ chui vào cho lộ. Hoặc có đứa phản chăng? Tài liệu bí mật, nhất là về giao thông có lộ không?... Nên tìm mi thuật gì mà giữ gìn lấy đồng chí trọng yếu chứ nếu nó cứ túm mòn những vắt khá đi thì hại cho công việc quá! Thái Bình, Phủ Lý thì nó lại cứ giờ sổ mà đi bắt người! Xem những việc đó thì có thể nói rằng Đảng còn kém đường bí mật công tác..."*[2]. Thực hiện sự chỉ đạo của Người, Đảng ta đã kịp thời đối phó với âm mưu khủng bố của địch, bảo vệ lực lượng cách mạng và phong trào đấu tranh của quần chúng. Đầu năm 1931, Thường vụ Trung ương Đảng đã thông báo cho các Xứ ủy chủ trương tổ chức Đội tự vệ công nông. Tháng 3 năm 1931, Đảng ra Nghị quyết về tổ chức Đội tự vệ; đó là lực lượng nòng cốt đầu tiên bảo vệ Đảng, bảo vệ cách mạng. Tháng 3 năm 1935, tại Đại hội lần thứ Nhất của Đảng, qua tổng kết công tác đấu tranh chống phản cách mạng, công tác giữ gìn bí mật được Đảng ta coi là một nguyên tắc không thể thiếu trong hoạt động của Đảng. Đại hội còn có riêng một nghị quyết về Đội tự vệ để lực

1 Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 1, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2001, tr. 10.
2 Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 3, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr. 78.

lượng đó làm nhiệm vụ *"hộ vệ quần chúng hàng ngày trong các cuộc tranh đấu"*[1].

Qua các cao trào cách mạng 1930 - 1931, 1936 - 1939 và 1939 - 1945, những nguyên tắc hoạt động bí mật mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đúc rút được từ thời kỳ hoạt động bí mật ở nước ngoài, đã được quán triệt sâu sắc trong việc phát triển lực lượng, các cuộc hội họp và phát triển tổ chức của Đảng và các tổ chức tiền thân của lực lượng Công an Nhân dân. Năm 1943, Trung ương Đảng ra Chỉ thị *"về công tác giữ bí mật"* nêu rõ: *"Nguy cơ bại vong của giặc Nhật mỗi ngày một gần; vì vậy, chúng ra tay khủng bố bừa bãi để phá hoại phong trào cách mạng và làm hậu thuẫn cho chính sách bóc lột tàng tận của chúng. Do vậy, công việc của chúng ta khó khăn vô cùng. Một vô ý là đã làm tan vỡ một tổ chức và nguy hại cho bao nhiêu quần chúng ở chung quanh. Cho nên, các đồng chí phải biết áp dụng nguyên tắc bí mật cho triệt để mới mong tránh được gươm súng của quân thù"*[2].

Chính vì thực hiện tốt nguyên tắc hoạt động bí mật theo chỉ thị của Người nên lực lượng cách mạng trong thời kỳ tiền khởi nghĩa được bảo vệ an toàn và phát triển mạnh mẽ, mặc dù kẻ địch ráo riết thực hiện các chiến dịch săn lùng, khủng bố.

Tháng 8 năm 1945, với thắng lợi của cuộc tổng khởi nghĩa, chính quyền cách mạng đã được thành lập trong cả nước. Lực lượng Công an Nhân dân ra đời trong những ngày tháng sục sôi cách mạng đó, triển khai ngay nhiệm vụ bảo vệ thành quả mà cách mạng vừa mới giành được. Trên cương vị là Chủ tịch nước, Chủ tịch Đảng, Bác Hồ đã ý thức sâu sắc về tính chất quyết liệt của cuộc đấu tranh giữa cách mạng và phản cách mạng, bảo vệ độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội là một cuộc đấu tranh lâu dài, cam go, phức tạp. Bác nhấn mạnh rằng, để bảo vệ lực lượng

1 Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 5, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2002, tr. 91.

2 *Văn kiện Đảng*, tập 1, BNCTKLS Bộ Công an xuất bản, 1967, tr. 314 - 315.

và thành quả cách mạng, lực lượng Công an Nhân dân có vai trò đặc biệt quan trọng. Người đặc biệt quan tâm vấn đề xây dựng lực lượng Công an Nhân dân làm lực lượng nòng cốt bảo vệ an ninh quốc gia, bảo vệ Đảng, bảo vệ chính quyền cách mạng. Người đã dày công nghiên cứu, vận dụng tư tưởng của Lênin *"giành chính quyền đã khó, giữ chính quyền còn khó hơn"* để đưa ra phương hướng và biện pháp thích hợp trong các hoàn cảnh lịch sử cụ thể nhằm giữ vững chính quyền cách mạng. Theo tư tưởng của Người, cuộc đấu tranh bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội là cuộc đấu tranh thường xuyên, lâu dài. Tại Hội nghị Công an toàn quốc lần thứ 10 (tháng 1 năm 1956), Người nói: *"Nhân dân ta có hai lực lượng, một là Quân đội, để đánh thắng ngoại xâm, để bảo vệ Tổ quốc, giữ gìn hòa bình. Một lực lượng nữa là Công an, để chống kẻ địch trong nước, chống bọn phá hoại. Có lúc chiến tranh, có lúc hòa bình. Lúc chiến tranh thì Quân đội đánh giặc, lúc hòa bình thì luyện tập. Còn Công an thì phải đánh địch thường xuyên, lúc chiến tranh có việc, lúc hòa bình lại càng nhiều việc. Còn chủ nghĩa đế quốc, còn giai cấp bóc lột là còn bọn phá hoại. Chúng nhằm phá hoại các nước xã hội chủ nghĩa (...) Nhiệm vụ của Công an là phải chặn tay bọn phá hoại (...). Địch không phải tài tình gì đâu. Nó phá hoại được vì ta sơ hở, chủ quan. Nếu Công an ta biết giữ gìn và biết dựa vào nhân dân, làm cho nhân dân cũng biết cách giữ gìn, không để sơ hở thì nhất định địch không làm gì được"*[1].

Nhưng để làm được việc đó, theo Chủ tịch Hồ Chí Minh, Công an Nhân dân phải chịu sự lãnh đạo trực tiếp, tuyệt đối của Đảng. Tại buổi lễ thành lập Công an Nhân dân vũ trang (tháng 3 năm 1959), Người nói: *"Công an Nhân dân vũ trang, hay là Quân đội cũng thế, phải phục tùng sự lãnh đạo của Đảng từ trên xuống dưới. Nhất định phải như thế"*[2]. Quan điểm này của Người

1, 2 Hồ Chí Minh, *Về an ninh - trật tự*, Viện Chiến lược và Khoa học Công an, Nxb. Công an Nhân dân, Hà Nội, 2005, tr. 81, 82.

tiếp tục được khẳng định trong bài phát biểu tại Hội nghị Công an toàn quốc lần thứ 14: *"Công tác công an rất cần, rất quan trọng nhưng đồng thời cũng rất khó. Tình báo, gián điệp đế quốc rất nguy hiểm. Cơ quan CIA cũng muốn chui vào để làm hại. Công tác công an phải gắn chặt với đường lối chính trị của Đảng; nếu thoát ly đường lối chính trị của Đảng thì dù khéo mấy cũng không kết quả"*[1].

Nội dung tư tưởng, quan điểm Hồ Chí Minh về an ninh, trật tự còn thể hiện rõ tư tưởng đoàn kết toàn dân, dựa vào sức mạnh quần chúng nhân dân để bảo vệ thành quả cách mạng. Trong rất nhiều bài viết, bài nói chuyện của Người, tư tưởng đó được nhắc đi nhắc lại nhiều lần, thể hiện một quan điểm nhất quán và sâu sắc. Trong lớp chỉnh huấn khóa 2 (ngày 16-5-1959) của Bộ Công an, Người chỉ ra rằng: *"Làm công an thì phải làm cho dân tin, dân yêu, dân ủng hộ. Có dựa vào nhân dân thì công an mới hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình. Nhân dân có hàng triệu tai mắt thì kẻ địch khó mà che giấu được. Nếu trong công tác, các cô, các chú được dân ủng hộ, làm cho dân tin, dân phục, dân yêu thì nhất định các cô, các chú thành công"*. Đây chính là vấn đề căn bản nhất trong tư tưởng Hồ Chí Minh về an ninh, trật tự mà nội dung cốt lõi được Người đặc biệt nhấn mạnh là tư tưởng về xây dựng tư cách người công an cách mạng. Người khẳng định: nếu không dựa vào dân, không được dân tin yêu thì lực lượng công an sẽ không thể hoàn thành nhiệm vụ. Nhưng để được dân tin, dân yêu và giúp đỡ công an thì mỗi cán bộ, chiến sĩ công an phải *"trau dồi đạo đức cách mạng, chống chủ nghĩa cá nhân"*, phải nêu cao tinh thần trách nhiệm, có như vậy *"mới xứng đáng là người cán bộ được Đảng và nhân dân tín nhiệm"*.

Ngày 11-3-1948, trong thư gửi đồng chí Giám đốc Công an khu XII, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ rõ những phẩm chất đạo đức và tư cách người công an cách mạng phải có, đó là:

1 Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 12, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, tr. 117.

Đối với tự mình phải cần, kiệm, liêm, chính;

Đối với đồng sự phải thân ái, giúp đỡ;

Đối với Chính phủ phải tuyệt đối trung thành;

Đối với nhân dân phải kính trọng, lễ phép;

Đối với công việc phải tận tụy;

Đối với địch phải cương quyết, khôn khéo.

Sáu điều Bác Hồ dạy người công an cách mạng là đạo lý, nguyên tắc, phương châm, thái độ đối nhân xử thế, là chuẩn mực về nhân cách mà mỗi cán bộ, chiến sĩ công an dù ở bất kỳ cương vị nào, hoàn cảnh công tác nào đều phải thường xuyên rèn luyện, phấn đấu. Sáu điều Bác Hồ dạy là di sản quý báu thể hiện đậm nét nhất tư tưởng, quan điểm của Bác về xây dựng người công an cách mạng suốt đời vì nước, vì dân.

Sống, chiến đấu, công tác và học tập theo lời Bác dạy

Là lực lượng nòng cốt trong sự nghiệp bảo vệ an ninh, trật tự, được Chủ tịch Hồ Chí Minh quan tâm, chăm lo, xây dựng và dìu dắt, hơn 65 năm qua, lực lượng Công an Nhân dân luôn tuyệt đối trung thành với sự nghiệp cách mạng của Đảng, vì nhân dân phục vụ. Suốt chặng đường xây dựng, chiến đấu và trưởng thành, các thế hệ cán bộ, chiến sĩ công an luôn tích cực hưởng ứng và tự giác thực hiện sáu lời dạy của Bác với những nội dung sáng tạo, thiết thực, hình thức phong phú, bám sát yêu cầu công tác, chiến đấu và xây dựng lực lượng.

Việc học tập, thực hiện sáu điều Bác dạy không chỉ dừng lại ở chỗ nghiên cứu, thấm sâu nhận thức mà còn biến thành hành động, thể hiện ở những việc làm cụ thể, thiết thực hàng ngày của từng người. Trong suy nghĩ và việc làm, mỗi cán bộ, chiến sĩ công an dù là lãnh đạo, chỉ huy hay cán bộ, chiến sĩ đều lấy sáu điều dạy của Bác, tấm gương đạo đức của Bác để tự soi mình, tự sửa mình, phấn đấu để không ngừng hoàn thiện bản thân. Qua đó, nêu

cao vai trò nòng cốt trong bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự an toàn xã hội, đóng góp xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng vẻ vang của dân tộc, được Đảng, Nhà nước và nhân dân ghi nhận, đánh giá cao.

Cũng từ việc học tập, thực hiện sáu lời dạy của Bác, lực lượng Công an Nhân dân đã góp phần xây dựng mối quan hệ gắn bó máu thịt với nhân dân, nêu cao tinh thần phục vụ nhân dân; dựa vào dân để công tác, chiến đấu và xây dựng lực lượng, được nhân dân tin yêu, giúp đỡ, tích cực tham gia công tác bảo vệ an ninh, trật tự, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Trong quá trình công tác và chiến đấu, mỗi cán bộ, chiến sĩ công an luôn ghi nhớ lời dạy của Bác Hồ kính yêu: "*Dễ trăm lần không dân cũng chịu, khó vạn lần dân liệu cũng xong*"; ra sức phấn đấu, học tập, rèn luyện, quán triệt sâu sắc và thực hiện nghiêm túc, sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh, lấy 6 điều Bác dạy Công an Nhân dân làm tiêu chuẩn rèn luyện phẩm chất, tư cách đạo đức và nâng cao năng lực của mình.

Việc thấm nhuần sâu sắc lời của Bác và tích cực tham gia phong trào học tập, thực hiện sáu điều Bác Hồ dạy Công an Nhân dân đã góp phần xây dựng đội ngũ cán bộ, chiến sĩ có bản lĩnh chính trị vững vàng, tuyệt đối trung thành với Đảng, Tổ quốc và nhân dân; có phẩm chất đạo đức trong sáng; kỷ cương, kỷ luật chặt chẽ; đoàn kết, thống nhất ý chí và hành động. Phong trào luôn được duy trì và liên tục phát triển, thực sự là động lực quan trọng thúc đẩy, động viên, cổ vũ cán bộ, chiến sĩ vượt qua mọi khó khăn, gian khổ, hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ.

Mỗi giai đoạn cách mạng, phong trào học tập, thực hiện sáu điều Bác Hồ dạy Công an Nhân dân được triển khai một cách thiết thực, hiệu quả bằng những nội dung và phương thức cụ thể, song mục đích hướng tới không nằm ngoài tư tưởng chỉ đạo của Người. Bởi vậy, thời kỳ nào lực lượng Công an Nhân dân cũng hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, hình thành nhiều tập thể, cá nhân công tác tận tụy, chiến đấu dũng cảm ngoan cường, lập

công xuất sắc, tô thắm thêm truyền thống vẻ vang của lực lượng Công an Nhân dân Việt Nam.

Đất nước ta đang bước vào thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa - hiện đại hóa, tăng cường hội nhập quốc tế, bên cạnh những thuận lợi rất cơ bản, công tác đảm bảo an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự an toàn xã hội đã và đang phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức mới không thể xem thường. Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng chỉ rõ những nhiệm vụ hết sức nặng nề trong sự nghiệp bảo vệ và xây dựng Tổ quốc, đó là: "*Tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh; giữ vững ổn định chính trị - xã hội, độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, trật tự an toàn xã hội; ngăn chặn, làm thất bại mọi âm mưu, thủ đoạn chống phá của các thế lực thù địch...*"[1], trong đó giữ vững an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội là nhiệm vụ trọng yếu thường xuyên của Đảng, Nhà nước và của toàn dân mà lực lượng Công an Nhân dân là lực lượng nòng cốt.

Để triển khai có hiệu quả nhiệm vụ vẻ vang đó, cùng với việc quán triệt sâu sắc yêu cầu, nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong thời kỳ mới, lực lượng Công an Nhân dân càng phải nỗ lực phấn đấu, đề cao tinh thần trách nhiệm trước Đảng, trước nhân dân, với ý chí vượt lên mọi khó khăn, thử thách; coi trọng hơn nữa công tác xây dựng Đảng, xây dựng lực lượng Công an Nhân dân; cải tiến, đổi mới nội dung, phương thức công tác chính trị, tư tưởng, bồi dưỡng lòng yêu nước, lý tưởng cách mạng cho cán bộ, chiến sĩ tổng kết và nhân rộng các điển hình tiên tiến trong phong trào *"Học tập, thực hiện sáu điều Bác Hồ dạy Công an Nhân dân"* gắn với việc thực hiện cuộc vận động *"Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh - Công an Nhân dân vì nước quên thân, vì dân phục vụ"*. Thực hiện tốt sự vận dụng mang tính đặc sắc này sẽ góp phần làm cho cuộc vận động và phong trào *"Học*

1 Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng.

tập, thực hiện sáu điều Bác Hồ dạy Công an Nhân dân" được nâng lên tầm cao mới.

* * *

Kỷ niệm 100 năm Ngày Bác Hồ ra đi tìm đường cứu nước và 121 năm Ngày sinh của Người, lực lượng Công an Nhân dân ngày càng nhận thức sâu sắc ***đường lối cách mạng*** mà lãnh tụ Hồ Chí Minh đã chỉ ra cho dân tộc Việt Nam là giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, kết hợp chủ nghĩa yêu nước với chủ nghĩa quốc tế của giai cấp công nhân, kết hợp sức mạnh dân tộc và sức mạnh thời đại để giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội và giải phóng con người; ***phương pháp bảo vệ chính quyền*** được Người chỉ đạo áp dụng là dựa trên tư tưởng "*Giành chính quyền đã khó, bảo vệ chính quyền càng khó hơn*"; ***phương pháp công tác công an*** theo Người là: "*phải dựa vào dân, không được xa rời dân*" và ***phẩm chất đạo đức*** mà người công an cần có chính là 6 lời dạy của Người.

Lực lượng Công an Nhân dân nguyện tiếp tục đi theo lý tưởng cách mạng cao đẹp của Người, trung thành tuyệt đối với sự nghiệp cách mạng của Đảng và của dân tộc, thường xuyên nâng cao ý thức tự phê bình và phê bình gắn bó máu thịt với nhân dân, bồi đắp ý chí quyết tâm xây dựng lực lượng Công an Nhân dân trong sạch, vững mạnh, xứng đáng với sự tin cậy của Bác Hồ lúc sinh thời, đáp ứng tình cảm và mong muốn của Đảng, Nhà nước và nhân dân đã và đang dành cho lực lượng Công an Nhân dân Việt Nam.

PHẤN ĐẤU XÂY DỰNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TRỞ THÀNH THÀNH PHỐ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA, VĂN MINH, HIỆN ĐẠI, XỨNG ĐÁNG LÀ THÀNH PHỐ MANG TÊN BÁC HỒ KÍNH YÊU

LÊ HOÀNG QUÂN*

Thành phố thân yêu của chúng ta rất vinh dự và tự hào tổ chức kỷ niệm 100 năm Ngày Bác Hồ ra đi tìm đường cứu nước (5-6-1911 – 5-6-2011); một sự kiện có ý nghĩa lịch sử to lớn đối với toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ta. Cuộc hành trình qua 3 đại dương, 4 châu lục và gần 30 quốc gia đã đưa Nguyễn Ái Quốc đến với chủ nghĩa Mác - Lênin, học thuyết cách mạng tiên phong của thời đại. Từ đây con đường giải phóng dân tộc, thoát khỏi ách đô hộ của thực dân phong kiến của đất nước ta bước sang trang mới. Dưới sự lãnh đạo tài tình của Đảng, của Bác Hồ kính yêu, đã đưa cách mạng Việt Nam đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác và đã giành được độc lập, thống nhất đất nước bằng chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử (30-4-1975).

36 năm qua, từ sau khi miền Nam hoàn toàn giải phóng thống nhất Tổ quốc, được sự quan tâm của Trung ương, Đảng bộ và nhân dân thành phố đã kế thừa, phát huy truyền thống yêu nước, ý chí

* Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Bí thư Thành ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

đấu tranh cách mạng kiên cường, tinh thần năng động, sáng tạo, tự lực tự cường, đã nỗ lực vượt qua nhiều khó khăn thử thách trên con đường phát triển và đã giành được những thành tựu rất to lớn và toàn diện.

Đến cuối năm 2010, kinh tế được khôi phục và không ngừng tăng trưởng qua các năm. Nhiều năm liền thành phố đều đạt và vượt chỉ tiêu kinh tế - xã hội và giữ mức tăng trưởng GDP bình quân từ 10% - 12%. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo đúng định hướng, dịch vụ chiếm tỷ trọng cao, công nghiệp có giá trị gia tăng lớn, ít thâm dụng lao động, ngành nông nghiệp phát triển theo hướng hình thành một nền nông nghiệp đô thị sinh thái. Các thành phần kinh tế tiếp tục phát triển. Thành phố đã đóng góp 1/3 giá trị sản xuất công nghiệp, 1/3 giá trị xuất khẩu, 1/3 tổng thu ngân sách quốc gia và 1/4 GDP cả nước, thu nhập bình quân đầu người đạt 2.680 USD, gấp 2,4 lần so với cả nước.

Công tác quản lý và phát triển đô thị tiếp tục có chuyển biến tích cực; cơ sở hạ tầng được cải thiện, phục vụ tốt hơn cho phát triển kinh tế và đời sống nhân dân. Thành phố đã tập trung các nguồn lực triển khai thực hiện công tác quy hoạch đô thị, quy hoạch các khu công nghiệp, khu chế xuất, quy hoạch phát triển hệ thống hạ tầng giao thông hình thành các trục xuyên tâm, trục Bắc Nam, đường vành đai, các tuyến Metro, đường trên cao... Các khu công nghiệp kỹ thuật cao, Khu công viên phần mềm Quang Trung; các khu đô thị mới Phú Mỹ Hưng, Thủ Thiêm, Tây Bắc,... được đầu tư xây dựng, phát triển hiện đại hài hòa với tổ chức không gian của thành phố; các loại dịch vụ đô thị như cấp điện, nước, thoát nước, vệ sinh môi trường, xử lý nước thải được quan tâm đầu tư, môi trường sản xuất được cải thiện, công nghệ sản xuất sạch hơn được triển khai áp dụng.

Sự nghiệp giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ có nhiều tiến bộ. Thành phố là địa phương đi đầu cả nước trong công tác phổ cập giáo dục, đến nay đã hoàn thành mục tiêu phổ cập giáo

dục bậc trung học. Mỗi năm thành phố đều dành khoảng 20% vốn đầu tư xây dựng cơ bản và ưu tiên các nguồn vốn kích cầu để đầu tư xây dựng trường lớp; công tác xã hội hóa giáo dục ngày càng phát triển, đạt hiệu quả tốt và được sự đồng tình của xã hội. Khoa học và công nghệ đã tập trung đi sâu nghiên cứu, ứng dụng tạo ra nhiều sản phẩm, dịch vụ có chất lượng và sức cạnh tranh cao, phục vụ sản xuất và từng bước thay thế nhập khẩu.

Chính sách đền ơn đáp nghĩa, an sinh xã hội luôn được quan tâm, đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân ngày được nâng lên. Công tác chăm sóc sức khỏe cho nhân dân có nhiều tiến bộ, mạng lưới y tế cơ sở tiếp tục được củng cố và phát triển. Các chương trình an sinh xã hội đạt nhiều kết quả tích cực. Thành phố đã hoàn thành công tác xóa nghèo theo tiêu chí thu nhập dưới 6 triệu đồng/người/năm; đang thực hiện chương trình giảm hộ nghèo, tăng hộ khá với tiêu chí mới (thu nhập dưới 12 triệu đồng/người/năm); chương trình mục tiêu "3 giảm", việc quản lý, dạy nghề và giải quyết việc làm cho người sau cai nghiện, cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa" được thực hiện có kết quả.

Có thể nói, chặng đường 36 năm phấn đấu xây dựng, bảo vệ và phát triển thành phố theo con đường xã hội chủ nghĩa mà Đảng và Bác Hồ đã chọn, Đảng bộ, chính quyền và nhân dân thành phố đã luôn phát huy truyền thống đại đoàn kết, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, nỗ lực phấn đấu không ngừng vượt qua nhiều khó khăn, thử thách, phát huy các nhân tố tích cực, trở thành các mô hình được nhân rộng cả nước. Thành phố luôn đi đầu và có những đóng góp tích cực cho việc hình thành và phát triển đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, về mở cửa hội nhập kinh tế quốc tế, về quản lý và phát triển đô thị, về giải quyết các vấn đề an sinh xã hội, xóa đói giảm nghèo, thực hiện chương

trình mục tiêu 3 giảm, xây dựng nhà tình nghĩa,... Diện mạo thành phố đã có sự "thay da đổi thịt", ngày càng văn minh, hiện đại. Đảng bộ, chính quyền và nhân dân thành phố luôn vững vàng về chính trị, chủ động, tích cực đấu tranh có hiệu quả với các âm mưu phá hoại của các thế lực thù địch, giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội, tạo môi trường thuận lợi để thành phố phát triển, góp phần giữ vững ổn định chính trị - xã hội của đất nước.

Ngày nay, Thành phố Hồ Chí Minh đang trong quá trình đô thị hóa với tốc độ cao, có những thuận lợi cơ bản nhưng cũng có nhiều thách thức mới. Kinh tế tăng trưởng nhanh nhưng chưa bền vững; năng lực cạnh tranh thấp; các ngành dịch vụ cao cấp có tăng trưởng nhưng chưa thể hiện hết tiềm năng và thế mạnh hiện có. Cơ sở hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội phát triển thiếu đồng bộ, chất lượng sống phát triển chưa hài hòa với yêu cầu phát triển bền vững.

Trong những năm tới, xác định mục tiêu xây dựng thành phố trở thành thành phố xã hội chủ nghĩa, văn minh, hiện đại, phấn đấu tiếp tục giữ vững vai trò trung tâm về nhiều mặt của khu vực và cả nước, là "hạt nhân" phát triển của vùng kinh tế trọng điểm phía Nam; đi đầu trong sự nghiệp công nghiệp hóa theo hướng hiện đại; tăng trưởng kinh tế nhanh đồng thời với nâng cao chất lượng và phát triển bền vững, trở thành một trung tâm đa chức năng, nổi bật là một trung tâm kinh tế tài chính và dịch vụ chất lượng cao của cả nước; cơ cấu kinh tế của thành phố chuyển dịch mạnh mẽ theo chiều sâu, với khu vực dịch vụ chiếm tỷ trọng chi phối. Đến năm 2020, thành phố phấn đấu xây dựng thật sự là một trong những thành phố phát triển năng động và ổn định của khu vực Đông Nam Á và Châu Á - Thái Bình Dương.

Để thực hiện thắng lợi mục tiêu chiến lược như đã nêu trên, Đảng bộ, chính quyền và nhân dân thành phố quyết tâm nỗ lực phấn đấu thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm sau:

Thứ nhất, tập trung triển khai thực hiện Chiến lược Phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2011 - 2020 và Kế hoạch Phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2011 - 2015 với mục tiêu, chỉ tiêu, chất lượng, hiệu quả và cạnh tranh tốt hơn, tiếp tục giữ vững và phát huy vai trò đầu tàu kinh tế đối với cả nước. Tập trung giải quyết nhanh "3 điểm nghẽn" hiện nay để tạo điều kiện cho thành phố phát triển trong tương lai, đó là góp phần hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; đào tạo nguồn nhân lực, đặc biệt chú trọng nguồn nhân lực chất lượng cao; đầu tư phát triển nhanh kết cấu hạ tầng giao thông đô thị. Thông qua việc triển khai thực hiện có hiệu quả 6 Chương trình đột phá thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thành phố lần thứ IX, đó là: Chương trình nâng cao chất lượng nguồn nhân lực phục vụ yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa; Chương trình đẩy mạnh cải cách hành chính gắn với xây dựng chính quyền đô thị; Chương trình hỗ trợ chuyển dịch cơ cấu kinh tế, chuyển đổi mô hình tăng trưởng kinh tế thành phố; Chương trình giảm ùn tắc giao thông; Chương trình giảm ngập nước và Chương trình giảm ô nhiễm môi trường, ứng phó có hiệu quả với tình hình biến đổi khí hậu.

Thứ hai, tập trung xây dựng, tạo bước đột phá về hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, nâng cao chất lượng, hiệu lực, hiệu quả công tác quy hoạch; thiết kế đô thị; quản lý quy hoạch - kiến trúc; quy hoạch xây dựng nông thôn mới; quản lý đô thị gắn với quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội theo hướng bền vững.

Trong 5 năm tới, thành phố tập trung thực hiện tốt quy hoạch chung xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2025 đã được Chính phủ phê duyệt; tập trung thực hiện các công trình hạ tầng kỹ thuật, có ý nghĩa quyết định đến sự phát triển kinh tế xã hội bền vững của thành phố. Phấn đấu đến năm 2015, mật độ đường giao thông trên toàn thành phố là 1,86km/km^2, trong đó khu vực nội thành là 3,99km/km^2. Diện tích đường tăng thêm là 13.380.000 m^2, số km đường tăng thêm: 210 km, số cây cầu được xây dựng

mới: 50 cầu, đất dành cho giao thông tĩnh tăng thêm: 1.202.600 m^2, tỷ lệ đất dành cho giao thông 7,82% diện tích đất tự nhiên toàn thành phố, diện tích nhà ở bình quân 17m^2/đầu người.

Thứ ba, phát triển sự nghiệp văn hóa, y tế, giáo dục, giải quyết tốt các vấn đề an sinh xã hội. Tập trung nâng cao nhận thức và tạo sự chuyển biến rõ nét trong toàn xã hội về vị trí, vai trò của văn hóa, làm cho văn hóa thực sự là nền tảng tập trung mọi hoạt động thuộc đời sống xã hội. Phấn đấu xây dựng con người thành phố sống có lý tưởng, yêu nước, có trách nhiệm với cộng đồng. Xây dựng xã hội đồng thuận, dân chủ, kỷ cương, công bằng, văn minh; thực hiện tốt các chính sách về tôn giáo, dân tộc. Đẩy mạnh công tác giải quyết việc làm, khuyến khích nỗ lực vươn lên làm giàu, tiếp tục thực hiện có hiệu quả các chính sách an sinh xã hội, giảm nghèo tăng hộ khá; ưu tiên hỗ trợ phát triển các vùng khó khăn; ngăn chặn và đẩy lùi các tệ nạn xã hội; cân đối hài hòa giữa phát triển dân số với tăng trưởng kinh tế và bảo đảm an sinh xã hội; tạo bước chuyển biến mạnh mẽ về chất lượng chăm sóc sức khỏe nhân dân, chăm lo và thực hiện tốt chính sách đền ơn đáp nghĩa, hậu phương quân đội, đặc biệt là gia đình chính sách khó khăn.

Thứ tư, tiếp tục giữ vững ổn định chính trị, tăng cường quốc phòng an ninh, bảo đảm trật tự an toàn xã hội. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả các chương trình quốc gia phòng chống tội phạm; nâng cao hiệu lực và hiệu quả quản lý nhà nước trên các lĩnh vực, tạo bước chuyển biến mạnh mẽ về cải cách hành chính, tăng cường chất lượng và hoạt động của các cơ quan tư pháp; đẩy lùi tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí...

Thứ năm, tập trung thực hiện có hiệu quả chương trình cải cách hành chính, xây dựng tổ chức bộ máy gắn với mục tiêu xây dựng mô hình "Chính quyền đô thị", xây dựng nền hành chính thực sự trong sạch vững mạnh, chuyên nghiệp, hiện đại, có hiệu lực cao,... Bộ máy quản lý nhà nước tinh gọn, hiệu quả; đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức phải vừa hồng vừa chuyên, có phẩm

chất và năng lực đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước, có tinh thần trách nhiệm phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân.

Tư tưởng, nhân cách, phẩm chất, đạo đức và sự nghiệp cao cả thiêng liêng, tinh thần "không có gì quý hơn độc lập tự do" của Bác Hồ kính yêu mãi mãi là tấm gương sáng cho chúng ta và các thế hệ mai sau noi theo. Học tập và làm theo tấm gương đạo đức của Người, chúng ta càng phải phát huy cao độ truyền thống cách mạng vẻ vang của Đảng ta, của dân tộc ta trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước; mỗi người dân thành phố với lòng tự hào và niềm tin sâu sắc, với lòng biết ơn vô hạn với Bác Hồ kính yêu, càng tăng cường đoàn kết, đồng tâm hiệp lực, vượt qua những khó khăn, thách thức, xây dựng thành phố "đi trước về đích trước", thực hiện thành công sự nghiệp đổi mới, chung sức chung lòng, tiếp tục đóng góp trí tuệ, công sức xây dựng và phát triển Thành phố Hồ Chí Minh là thành phố xã hội chủ nghĩa, văn minh, hiện đại, mãi mãi xứng đáng là thành phố mang tên Bác Hồ kính yêu, thành phố Anh hùng.

TỪ SỰ NGHIỆP RA ĐI TÌM ĐƯỜNG CỨU NƯỚC CỦA NGUYỄN ÁI QUỐC CÁCH ĐÂY 100 NĂM, NGHĨ VỀ ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA NGÀY NAY

GS. NGUYỄN CÔNG BÌNH*

Hồi đầu thế kỷ XX, để đánh đuổi bọn thực dân phương Tây, các nhà yêu nước và cách mạng Việt Nam thường chỉ đặt niềm tin và hy vọng vào thắng lợi của phương Đông từ những người cùng máu đỏ da vàng. Đôi câu đối của Phan Bội Châu viếng đồng chí Tăng Bạt Hổ:

"Bác sống có phải để chơi đâu! Dùng binh 5 năm, rời nước 20 năm. Đã khóc[1] ở Xiêm, đã khóc ở Thanh, đã khóc ở Nga, đùng đùng lại khóc ở Đông. Ai ngờ gió thổi mây thu kiếm cũ chôn vùi nơi đất nước.

Tôi không biết chết là gì cả! Đọc sách 5 châu, kết bạn vài mươi đám. Đã đánh bằng óc, đã đánh bằng lưỡi, đã đánh bằng bút, hầm hầm quyết đánh bằng kiếm. Mong sao máu lầy giải ấm cờ hồng rực rỡ họ da vàng".

Phan Bội Châu hoài bão *"cờ hồng rực rỡ họ da vàng"*. Nhưng trong cuốn *Tự phê phán* chính ông đã cay đắng nhận ra: *"Đời tôi một trăm lần thất bại mà không một thành công"*.

---

* Nguyên Viện trưởng Viện Khoa học Xã hội tại Thành phố Hồ Chí Minh, nguyên Hiệu trưởng Trường Đại học Cửu Long.

1 Khóc: Cầu viện.

Thực tế lúc ấy chỉ có một người thanh niên yêu nước là Nguyễn Ái Quốc quyết chí xuất phát từ phương Đông đi về phương Tây, dũng cảm "vào hang bắt cọp", từ Cảng Sài Gòn đi khắp năm châu bốn biển xem người ta làm thế nào để về giúp đồng bào giành lấy tự do độc lập. Mười năm bôn ba hải ngoại, Người đã lĩnh hội được cái tinh hoa của văn minh phương Tây, trước hết từ cách mạng giành độc lập của nước Mỹ (1778), Cách mạng tư sản Pháp (1789) và Người đã nhắc tới trong bản *Tuyên ngôn độc lập* sau Cách mạng tháng Tám (1945). Tuy nhiên, Người cũng nhận xét rằng cách mạng Pháp và cách mạng Mỹ là *"Cách mạng không đến nơi" (Đường Kách mệnh 1927).* Cũng trong những năm bôn ba hải ngoại, Người đã bắt kịp những tư tưởng tiên tiến nhất của loài người, là chủ nghĩa Mác - Lênin, đặc biệt là lý luận của C. Mác về chủ nghĩa xã hội - giai đoạn đầu của chủ nghĩa cộng sản. Luôn luôn nóng lòng về độc lập tự do của dân tộc, Người mạnh mẽ khẳng định: *"Chủ nghĩa Mác sẽ đúng cả ở phương Đông. Dù sao thì cũng không thể cấm bổ sung 'cơ sở lịch sử' của chủ nghĩa Mác bằng cách đưa thêm vào đó những tư liệu mà Mác ở thời đại mình không thể có được"*[1]. Lời nhận xét đầy trí tuệ của Nguyễn Ái Quốc ở tuổi thanh xuân đã khiến dân tộc ta hiểu sâu thêm chủ nghĩa Mác, kiên trì con đường cứu nước mới của Người "muốn cứu nước và giải phóng dân tộc không có con đường nào khác con đường cách mạng vô sản", và nhất là để ngày nay chúng ta càng thấm nhuần **định hướng xã hội chủ nghĩa của Đảng Cộng sản Việt Nam trong thời kỳ Đổi mới.**

C.Mác đã tổng kết 5 hình thái kinh tế - xã hội trong lịch sử loài người: công xã nguyên thủy, chiếm hữu nô lệ, phong kiến, tư bản chủ nghĩa và cộng sản văn minh mà giai đoạn đầu của nó là chủ nghĩa xã hội. Những thành tựu của khoa học lịch sử Việt Nam trong khoảng 50 năm qua đã khắc họa được những đường nét của các hình thái kinh tế - xã hội kế tiếp ở Việt Nam - một quốc gia

1 Hồ Chí Minh, *Toàn tập,* tập 1, Nxb. Chính trị Quốc gia. Hà Nội, 1994, tr. 465.

phương Đông, nhưng không có một hình thái nào được thể hiện một cách rõ ràng, trọn vẹn, điển hình như ở châu Âu. Sau thời kỳ tiền sử công xã nguyên thủy dài dằng dặc, Việt Nam không qua một chế độ chiếm hữu nô lệ, dù rằng cũng có nô tỳ, nô lệ gia đình. Cuộc tranh luận khoa học trong nhiều năm trên Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử (NCLS) những năm 1958 - 1960 đã kết luận như vậy (xem 33 bài Tạp chí từ Văn Sử Địa (VSĐ) 1958 đến NCLS 1960). Chế độ phong kiến ở Việt Nam cũng đã được thiết lập, nhưng không giống phong kiến châu Âu mà là một trạng thái của "phương thức sản xuất châu Á" mà đặc điểm cơ bản của nó là chế độ sở hữu ruộng đất công, công xã nông nghiệp và nhà nước chuyên chế. Chủ nghĩa tư bản ở Việt Nam cũng chỉ hiện ra là một quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa kiểu tư bản thực dân gọi là chế độ thuộc địa nửa phong kiến. Còn chủ nghĩa xã hội? C.Mác đã đề ra chủ nghĩa xã hội là một tất yếu lịch sử trên con đường diệt vong của hình thái tư bản chủ nghĩa, nhưng chưa diễn tả chân dung cụ thể của chủ nghĩa xã hội. Tính đa dạng của các hình thái kinh tế - xã hội ở Việt Nam không đưa tới quan điểm khác biệt với chủ nghĩa Mác về phát triển lịch sử khi Nguyễn Ái Quốc vẫn chủ trương "Muốn cứu nước và giải phóng dân tộc không có con đường nào khác con đường cách mạng vô sản", tức là một đường lối cứu nước mới có **định hướng xã hội chủ nghĩa cho cách mạng giải phóng dân tộc.** Theo định hướng đó dân tộc ta làm Tổng khởi nghĩa tháng Tám, thiết lập chế độ dân chủ nhân dân, đánh thắng Pháp, thắng Mỹ, giành độc lập, thống nhất, đưa Việt Nam bước vào thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội. Nhưng Người cũng chỉ ra: *"Cách mạng xã hội chủ nghĩa là một cuộc biến đổi khó khăn nhất và sâu sắc nhất. Chúng ta phải xây dựng một xã hội hoàn toàn mới xưa nay chưa từng có trong lịch sử dân tộc ta"*[1].

Từ khi Liên bang Xô Viết sụp đổ, hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới tan rã, ở Việt Nam chủ trương "tiến ngay lên chủ nghĩa

1 Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 8, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1996, tr. 493.

xã hội" bị thất bại, kéo theo một cuộc khủng hoảng kinh tế - xã hội toàn diện, Việt Nam đứng trước tình thế "có đổi mới thì sống, không đổi mới thì chết". Kế thừa con đường Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh định hướng xã hội chủ nghĩa cho cách mạng giải phóng dân tộc, Đảng Cộng sản Việt Nam định hướng xã hội chủ nghĩa cho công cuộc Đổi mới từ năm 1986: Thiết lập một nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của nhà nước, theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Tri thức lịch sử giúp chúng ta hiểu rõ quá khứ, nhận ra hiện tại vốn có gốc gác từ quá khứ và quan trọng hơn là vì sao ngày nay nó lại trở thành vấn đề bức thiết cho tương lai.

Định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta ngày nay là một định hướng đã được nhận thức. Dân tộc Việt Nam đã từng trải qua nhiều thời kỳ quá độ từ hình thái kinh tế - xã hội này sang hình thái kinh tế - xã hội khác trong đó có nhiều quan hệ sản xuất khác nhau cùng tồn tại lâu dài, làm lu mờ bước quá độ từ hình thái này chuyển sang hình thái khác mà mọi người trong thời đó không hề hay biết. Trái lại, thời kỳ quá độ ngày nay đi lên xã hội chủ nghĩa, tuy cũng lâu dài, cũng xen kẽ nhiều quan hệ sản xuất khác nhau, nhưng là một định hướng đã được nhận thức: *"Chủ trương thực hiện nhất quán và lâu dài chính sách phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa, đó chính là nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa"*[1]. Xã hội Việt Nam, dân tộc Việt Nam, trong đó có các tầng lớp doanh nhân doanh nghiệp tư nhân, bước vào chặng đường mới xây dựng đất nước dường như chứa đầy nghịch lý: đi lên chủ nghĩa xã hội trong chính sách và cơ chế khuyến khích phát triển lâu dài kinh tế tư nhân, kể cả tư bản tư nhân. Nhưng chính cái nghịch lý đó mới tái tạo được một bước phát triển mới cho dân tộc và cho cả các giới doanh nghiệp tư nhân, kể cả tư bản tư nhân. Huống chi nhà nước còn có

1 Báo cáo chính trị "Đại hội lần thứ IX Đảng Cộng sản Việt Nam".

một thực lực kinh tế nhà nước mạnh của mình làm chỗ dựa cho mình trong điều kiện vừa quản lý nền kinh tế thị trường vừa đảm bảo các mục tiêu tiến bộ xã hội. Cho nên phát triển nền kinh tế thị trường nhiều thành phần là để phát triển khoa học công nghệ, phát triển lực lượng sản xuất, tăng trưởng kinh tế, giữ vững độc lập, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Vì vậy, vấn đề cơ bản trong định hướng xã hội chủ nghĩa, không phải là thủ tiêu sở hữu, lợi nhuận của tư bản tư nhân mà vấn đề còn cơ bản hơn là thành công của công nghiệp hóa, hiện đại hóa đưa nước Việt Nam thành một nước công nghiệp hiện đại. Đó là mục tiêu của cả dân tộc và là thành quả của trí tuệ, tài năng của cả dân tộc.

Định hướng xã hội chủ nghĩa ngày nay là mở ra những điều kiện thuận lợi cho dân làm giàu, chấp nhận có sự phân tầng xã hội, nhưng ngăn chặn sự phân hóa xã hội thành những giai cấp đối nghịch nhau. C. Mác trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* đã chỉ ra trong sự phân hóa giai cấp có sự phân tầng xã hội. Nhà nước tư sản cầm quyền và nền kinh tế thị trường là động lực của sự phân hóa phân tầng đó. Nhà nước Việt Nam ngày nay tận dụng những mặt tích cực, đồng thời ngăn ngừa những mặt tiêu cực của kinh tế thị trường. Đó cũng là **một phương diện thực hiện công bằng xã hội**. Bình đẳng trong kinh doanh, xóa bỏ bao cấp, chống tham nhũng, đầu cơ tích trữ. Thu hút đầu tư nước ngoài, nguồn vốn và khoa học công nghệ của các công ty đa quốc gia chiếm một vị trí quan trọng trong chính sách hội nhập và phát triển. Phát triển ở Việt Nam còn là một nước nông nghiệp là phải khuyến khích người nông dân biết làm giàu trong nền kinh tế thị trường bằng cách thay đổi cơ cấu trong nông nghiệp, mở mang công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ, giáo dục trong nông thôn, xây dựng mối liên kết giữa nông dân, nhà doanh nghiệp với người trí thức trong sự quản lý chung của nhà nước. Sự phát triển của nền kinh tế thị trường tất nhiên dẫn đến sự phân tầng xã hội. Nhà nước và xã hội chấp nhận còn có người giàu kẻ nghèo và để đi tới mục tiêu

dân giàu, nước mạnh, Đảng Cộng sản chủ trương *"việc một bộ phận dân cư giàu trước là cần thiết cho sự phát triển"*[1]. Đó cũng là tư tưởng Hồ Chí Minh khi Người nói năm 1946:

"Làm cho người nghèo thì đủ ăn
Người đủ ăn thì khá giàu
Người khá giàu thì giàu hơn"[2].

"Trong thời kỳ quá độ có nhiều hình thức sở hữu về tư liệu sản xuất, nhiều thành phần kinh tế, giai cấp, tầng lớp xã hội khác nhau, nhưng cơ cấu, tính chất, vị trí của các giai cấp trong xã hội đã thay đổi nhiều cùng với những biến đổi to lớn về mặt kinh tế xã hội. Mối quan hệ giữa các giai cấp, các tầng lớp xã hội là quan hệ hợp tác và đấu tranh trong nội bộ nhân dân, đoàn kết và hợp tác lâu dài trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc dưới sự lãnh đạo của Đảng"[3].

Định hướng xã hội chủ nghĩa ngày nay là sự tập trung tính năng động của xã hội để tích lũy những thành tựu cụ thể, thiết thực, hiệu quả ngày càng to lớn cho sự vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội. Ngày xưa trong *Đường Kách mệnh* (1927), Nguyễn Ái Quốc đã chỉ ra: *"Cách mạng là việc chung của dân chúng chứ không phải việc một hai người, ai ai cũng phải ghé vai gánh vác"*. Người đã đặt nền móng **một nền dân chủ thật sự cách mạng cho toàn dân tộc**. Ngày nay trong Đổi mới, Nhà nước phải quản lý trên mọi mặt đời sống xã hội. Nhà nước không để xã hội "phân hóa hai đầu" người giàu càng nhiều người nghèo càng lắm, nhưng cũng không né tránh các mâu thuẫn xã hội, mà phải hóa giải các mâu thuẫn đó bằng các chính sách **khơi dậy được sức mạnh thống nhất của tất cả các tầng lớp xã hội** để dồn sức vào công cuộc đi tới trong định hướng xã hội chủ nghĩa. Đây là thời kỳ mà tính năng động của xã hội được phát huy rất cao trong tính đồng

1 *Văn kiện Hội nghị Đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ khóa VII*, Hà Nội, 1994, tr. 147.
2 Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 5, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, tr. 65.
3 Báo cáo chính trị của Đại hội Đảng lần thứ IX.

thuận của dân tộc trong một thế giới vừa hợp tác mạnh mẽ, vừa cạnh tranh quyết liệt. Một đường lối có tính chất chiến lược là tăng trưởng kinh tế đồng thời xóa đói giảm nghèo. Xóa đói giảm nghèo không phải là lấy của người giàu chia cho người nghèo mà là huy động năng lực của các tầng lớp xã hội trong đó có cả những người giàu, tạo ra những điều kiện thuận lợi cho người nghèo có công ăn việc làm, vốn liếng, học vấn, nghề nghiệp, tức là một "vốn xã hội" khả dĩ tự mình thoát nghèo và hội nhập xã hội. Từ đầu Đổi mới cộng đồng thế giới đã đồng tình ca ngợi Việt Nam là một nước đi đầu trên thế giới nỗ lực giảm nghèo có hiệu quả. Đường lối tăng trưởng và giảm nghèo cũng đồng nghĩa tăng trưởng kinh tế đồng thời giải quyết an sinh xã hội. An sinh không chỉ nhắm vào đối tượng nghèo mà bao trùm mọi đối tượng xã hội để cùng giúp đỡ nhau giảm nghèo, thực hiện các quyền cơ bản của con người: ăn, mặc, ở, có việc làm, sức khỏe và cùng nhau đối phó với thiên tai, biến đổi khí hậu. Hiện nay, trong lúc thế giới đang khủng hoảng tài chính, suy thoái kinh tế, nhưng nước Việt Nam vẫn cố gắng ổn định kinh tế vĩ mô và bảo đảm an sinh xã hội.

Thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội là lâu dài, nhưng không phải là vô tận. Một thời kỳ quá độ đã được dân tộc Việt Nam nhận thức, có ý thức hành động chung, hiện thực hóa nó, tức là tìm kiếm ở chính hiện thực Việt Nam những lời giải cho những vấn đề xã hội mà dân tộc Việt Nam đã từng đặt ra để vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội. Đại hội X của Đảng (2006): "Sớm đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển", Đại hội XI (2011): "Nước ta đã ra khỏi tình trạng kém phát triển" và "từ nay đến giữa thế kỷ XXI, toàn dân ta phải ra sức phấn đấu xây dựng nước ta trở thành một nước công nghiệp hiện đại theo định hướng xã hội chủ nghĩa". Từ xưa, C. Mác đã nói về chủ nghĩa xã hội - giai đoạn đầu của chủ nghĩa cộng sản: *"Chúng ta coi như chủ nghĩa cộng sản là một phong trào hiện thực, nó xóa bỏ trạng thái hiện nay. Những điều kiện của phong trào ấy là kết quả của những tiền đề hiện*

đang tồn tại"[1]. Trái tim và khối óc chúng ta ngày nay vẫn vang vọng lời Nguyễn Ái Quốc từ năm 1924: *"Chủ nghĩa Mác sẽ đúng cả ở phương Đông"*[2].

Một trăm năm qua từ khi Nguyễn Ái Quốc ra đi tìm đường cứu nước, dân tộc Việt Nam đã trải qua nhiều thác ghềnh lịch sử: vượt qua chế độ thực dân, đánh thắng chiến tranh thực dân và đưa nước Việt Nam tiến lên theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Xuyên suốt những khúc quanh lịch sử đó là sự kết hợp một lý tưởng xã hội cao cả, một ý chí phát triển xã hội mạnh mẽ với một mô hình xã hội tốt đẹp, thể hiện khát vọng của dân tộc Việt Nam đã nung nấu từ khi tư tưởng yêu nước và cách mạng của Nguyễn Ái Quốc đâm chồi nảy lộc trong nhân dân Việt Nam. Đại đoàn kết cả dân tộc là cốt lõi của tư tưởng Hồ Chí Minh, là nguồn gốc thắng lợi của dân tộc Việt Nam thực hiện định hướng xã hội chủ nghĩa trong cách mạng giải phóng dân tộc trước đây và sẽ thành công trong định hướng xã hội chủ nghĩa Đổi mới toàn diện xã hội Việt Nam ngày nay để dân tộc ta tự mình xây đắp một xã hội văn minh vững chắc đi lên chủ nghĩa xã hội.

1 Mác - Ăngghen, *Tuyển tập,* tập 1, Nxb. Sự thật, Hà Nội, tr. 297.

2 Hồ Chí Minh, *Toàn tập,* tập 1, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr. 465.

TÌM HIỂU HỌC TẬP TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH QUA QUÁ TRÌNH TÌM VÀ THỰC HIỆN CON ĐƯỜNG CỨU NƯỚC CỦA NGƯỜI

PHẠM QUANG*

Những năm đầu thế kỷ XX, Việt Nam lâm vào tình trạng khủng hoảng về đường lối chống Pháp xâm lược. Phong trào Cần Vương thất bại. Chủ trương "Pháp - Việt đề huề" của cụ Phan Châu Trinh, con đường bạo lực dựa vào Nhật để chống Pháp của cụ Phan Bội Châu ít được hấp dẫn. Bác Hồ (lúc bấy giờ với tên Nguyễn Tất Thành) đã vào Sài Gòn và sau đó rời cảng Sài Gòn qua đất Pháp để tìm đường cứu nước vào ngày 5-6-1911, cách nay vừa tròn 100 năm. Vì sao Bác vào Sài Gòn và qua Pháp? Phải chăng Bác muốn tìm hiểu con người và vùng đất mới (Sài Gòn - Gia Định), nơi mà sĩ phu và nhân dân đã "không tuân lệnh vua", chống trả quyết liệt với thực dân Pháp (1859...) dưới ngọn cờ bất khuất của Trương Định, Võ Duy Dương, Nguyễn Trung Trực, v.v.. Nơi đây lại là Thủ phủ của chế độ thuộc địa Nam Kỳ, nơi gặp gỡ của hai nền văn hóa Đông - Tây sớm nhất ở Việt Nam, nơi mà bọn thực dân vừa đàn áp, khủng bố ác liệt vừa thi thố nhiều trò lừa mị "khai hóa, văn minh". Người qua Pháp để tìm hiểu phía sau những khẩu hiệu "Tự do, bình đẳng, bác ái" của Pháp là những gì mà Pháp lại xâm chiếm nước ta?

---

* Nguyên Phó Trưởng Ban Nghiên cứu Lịch sử Đảng Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh.

Nhiều năm ở Pháp, sang Anh, qua Mỹ và nhiều nước khác, với rất nhiều nghề: phụ bếp, quét tuyết, thợ chụp hình, viết báo,... lăn lộn cùng quần chúng lao động cùng khổ đủ mọi màu da, Bác càng hiểu thế nào là chủ nghĩa thực dân đế quốc, cùng giác ngộ sâu sắc về quyền lợi dân tộc và quyền lợi giai cấp.

Từ đó, Bác viết *Bản án chế độ thực dân Pháp*, một tác phẩm gây chấn động trong dư luận thế giới và Người trở thành *Người Cộng sản*, một trong những sáng lập viên của Đảng Cộng sản Pháp. Tháng 7 năm 1920, lúc đang ở Pháp, Bác đọc được bản *Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa* của Lênin, ngồi trong phòng kín, Bác sung sướng đến rơi nước mắt, nói lớn lên như trước đông đảo đồng bào: "Hỡi đồng bào bị đày đọa đau khổ! Đây là cái cần thiết cho chúng ta! Con đường giải phóng chúng ta". Đó là con đường *Cách mạng vô sản* - con đường *độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội*.

Sau đó, Bác qua Liên Xô với tên *Nguyễn Ái Quốc*. Người học trường *Đông phương đại học* tiếp thu đầy đủ nền văn minh tiên tiến của nhân loại là *chủ nghĩa Mác - Lênin*.

Ở chặng đường này của Bác, ta thấy rõ hai quan điểm tư tưởng đầu tiên và cơ bản của Bác: Một là, *"Lý luận phải gắn liền với thực tiễn"*, tức là *lý luận Mác - Lênin phải được vận dụng và phát triển phù hợp với thực tế khách quan của tình hình đất nước và thế giới* thì mới đề ra được cương lĩnh, đường lối chiến lược và sách lược đúng đắn trong mỗi bước đi của sự nghiệp cách mạng.

Hai là, đối với sự nghiệp cách mạng ở nước ta, phải biết *kết hợp hài hòa lợi ích của dân tộc và lợi ích giai cấp trên mỗi chặng đường cách mạng. Phải giải phóng dân tộc thì mới giải phóng được giai cấp lao động nghèo khổ.*

Kiểm nghiệm trong suốt quá trình cách mạng đã qua cũng như ngay trong tình cảm bước đầu đi làm cách mạng của mỗi chúng ta, ta đều thấy quan điểm tư tưởng nói trên của Bác là hoàn toàn đúng

đắn. Bởi trong lòng mỗi người Việt Nam, ai cũng có ít nhiều tình yêu nước, lòng tự hào dân tộc. Mình là người Việt Nam, điều đó theo mình suốt đời. Mai sau, con cháu của mình cũng tự hào cha ông tôi, nội tổ tôi là người Việt Nam.

Có thể nói đến cuối năm 1920, tư tưởng Hồ Chí Minh có bước chuyển căn bản từ lập trường yêu nước truyền thống sang lập trường giai cấp vô sản, gắn sự nghiệp giải phóng dân tộc với giải phóng giai cấp, gắn lợi ích dân tộc và lợi ích quốc tế, xác lập cơ bản những tiền đề cần thiết cho việc khẳng định hệ thống nội dung tư tưởng của Người vào các thời kỳ tiếp sau.

Có thời gian Bác Hồ hoạt động ở Đông phương bộ của Quốc tế Cộng sản, có một số người trong Quốc tế Cộng sản đã cho Bác là "Cộng sản quốc gia", là phần tử "dân tộc chủ nghĩa", không giao cho Bác một chức trách gì quan trọng. Bác đã cam lòng chịu tiếng oan, vẫn kiên định một cách tuyệt vời lập trường tư tưởng của mình trong suốt một thời gian dài.

Suốt 30 năm bôn ba khắp năm châu bốn biển, tháng 2 năm 1941 Bác về nước ở Pắc Bó, Cao Bằng, trực tiếp lãnh đạo cách mạng Việt Nam. Người chủ trì Hội nghị Trung ương lần thứ 8, đề ra đường lối cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân. Chiến tranh thế giới thứ hai diễn ra, Nhật nhảy vào Đông Dương, thực dân Pháp đầu hàng, dân ta chịu ba tầng áp bức (thực dân, phát xít và phong kiến). Bác chủ trương đưa lực lượng cách mạng Việt Nam vào hàng ngũ Đồng minh chống phát xít, thành lập Mặt trận Việt Nam độc lập đồng minh, gọi tắt là Mặt trận Việt Minh và các đoàn thể cứu quốc, tập hợp rộng rãi mọi tầng lớp nhân dân yêu nước đấu tranh cho sự nghiệp giải phóng dân tộc. Ở Hội nghị Tân Trào[1], thành lập Ủy ban Giải phóng dân tộc, Bác đã nói một câu bất hủ: "Dù phải đốt cháy cả dãy Trường Sơn, cũng phải kiên quyết giành cho được độc lập". Thời cơ ngàn năm có một đã đến. Ngày 15-8-1945, Nhật Hoàng chính thức đầu hàng Đồng minh. Câu nói

1 Tân Trào: căn cứ cách mạng ở Việt Bắc.

của Bác Hồ đã cổ vũ tinh thần khẩn trương của toàn Đảng, toàn dân giành cho bằng được độc lập dân tộc. Tổng khởi nghĩa tháng 8 năm 1945 bùng nổ. Từ 19-8 đến 25, 26-8-1945, cả nước ta đã giành được chính quyền từ tay Nhật. Ngày 2-9-1945, tại vườn hoa Ba Đình - Hà Nội, Bác với tên gọi Hồ Chí Minh đã long trọng đọc bản *Tuyên ngôn Độc lập* mở đầu thời đại mới chưa từng có ở nước ta, thời đại "nhân dân làm chủ đất nước".

Chặng đường vinh quang này đã chứng tỏ quan điểm tư tưởng thứ ba của Người Cộng sản Hồ Chí Minh là: kết hợp hài hòa lợi ích dân tộc và lợi ích quốc tế. Lợi ích dân tộc là giành được độc lập cho dân tộc và thống nhất đất nước. Lợi ích quốc tế là góp phần diệt phát xít, đem lại hòa bình cho nhân dân các nước trên thế giới. Tất nhiên trong sự kết hợp đó phải luôn giữ vững quyền độc lập tự chủ của mình, không lệ thuộc vào nước ngoài. Quan điểm tư tưởng này càng sáng tỏ khi thực dân Pháp trở lại xâm lược nước ta. Nhân dân ta đã kháng chiến quyết liệt. Cuộc kháng chiến đã từng bước thắng lợi. Đến tháng 2 năm 1951, Đảng ta mở Đại hội Đảng lần II quyết định đổi tên từ Đảng Cộng sản Đông Dương sang Đảng Lao động Việt Nam. Tổ chức Đảng ở Lào, ở Campuchia sẽ tách riêng thành Đảng của mỗi nước, độc lập chiến đấu và xây dựng sát với tình hình và điều kiện cụ thể của nước bạn với sự giúp đỡ chí tình chí nghĩa của Đảng ta. Rõ ràng, kết hợp lợi ích dân tộc với lợi ích quốc tế nhưng không bắt nước bạn phải phụ thuộc vào mình, luôn tôn trọng sự độc lập của bạn, không làm thay cho bạn.

Quan điểm tư tưởng thứ tư của Bác Hồ là từ bước đầu cách mạng, phải xây dựng cho được một Đảng chân chính của giai cấp vô sản, đại biểu đầy đủ cho quyền lợi của giai cấp vô sản, tức giai cấp công nhân, đồng thời là đại biểu quyền lợi cho nhân dân lao động và cả dân tộc.

Ngày 3-2-1930, Bác đặt tên Đảng là Đảng Cộng sản Việt Nam. Sau đó theo ý kiến của Quốc tế cộng sản đổi tên lại là Đảng Cộng

sản Đông Dương. Năm 1951, Đảng lấy tên là Đảng Lao động Việt Nam và hiện nay là Đảng Cộng sản Việt Nam như thuở ban đầu 1930. Suốt 81 năm qua (3-2-1930 – 3-2-2011) Đảng đã từng bước quán triệt những tư tưởng của Bác, đưa sự nghiệp cách mạng Việt Nam qua những bước thăng trầm để đi đến thắng lợi như ngày nay. Thực tế đó đã chứng minh theo chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, Đảng ta - Đảng Cộng sản Việt Nam đã luôn có cương lĩnh, đường lối, chủ trương đúng với từng thời kỳ cách mạng, đồng thời có một đội ngũ đảng viên ngày càng đông đảo, càng tiên phong trong tư tưởng và hành động, đã tập hợp được sức mạnh của toàn dân.

Để được như vậy, Đảng đã có nguyên tắc tổ chức cơ bản là tập trung dân chủ, tức là tập trung trên cơ sở dân chủ và dân chủ dưới sự lãnh đạo của tập trung. Tập trung không trên cơ sở dân chủ thì sẽ dẫn đến độc quyền, độc đoán. Dân chủ mà không có tập trung thì mạnh ai nấy nói, mạnh ai nấy làm, không thống nhất được ý chí và hành động của toàn Đảng hay của từng đảng bộ. Nguyên tắc tập trung dân chủ là thiểu số phục tùng đa số, cấp dưới phục tùng cấp trên, toàn Đảng phục tùng Trung ương.

Tất nhiên trên đường dài cách mạng không phải lúc nào đường lối, chủ trương của Đảng cũng đều đúng, có lúc cũng có phạm sai lầm, không phù hợp với thực tế khách quan. Ví như: việc chậm sửa đổi đường lối đấu tranh chính trị đơn thuần sau Hiệp định Genève 1954 sang đường lối đấu tranh chính trị kết hợp với vũ trang tạo thành bạo lực cách mạng chống trả với chính quyền độc tài, phát xít Ngô Đình Diệm. Việc nữa là chủ quan, nôn nóng tiến hành cải tạo xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc hay cải tạo xã hội chủ nghĩa ở miền Nam sau khi giải phóng miền Nam thống nhất Tổ quốc... Cũng tất nhiên, trong cuộc đời cách mạng của mỗi cán bộ, đảng viên, không phải ai cũng như nấy, lúc nào, thời nào cũng đều có tư tưởng và hành động đúng đắn. Có người có lúc cũng có khuyết điểm, phạm sai lầm về tư tưởng, tác phong và hành động.

Nhưng nhờ có tự phê bình và phê bình, ra sức tu dưỡng và rèn luyện mà Đảng ta được nhân dân thương mến tín nhiệm là người lãnh đạo và là người đầy tớ trung thành của nhân dân.

Quan điểm tư tưởng thứ năm của Bác Hồ là *"Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết; Thành công, thành công, đại thành công"*. Tư tưởng của Bác là thương người, tin vào sự giác ngộ của con người nên Bác luôn qui tụ tập hợp mọi người, mọi tầng lớp theo chính nghĩa để đấu tranh cách mạng, loại trừ đối với Bác chỉ là bất đắc dĩ đối với những kẻ không còn có thể thuyết phục được. Dưới sự lãnh đạo của Bác và Đảng, đoàn kết được xem là khẩu hiệu hàng đầu để tạo nên sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, đưa sự nghiệp cách mạng từng bước đi đến thắng lợi và thành công. "Ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành".

Để thực hiện được đoàn kết - đại đoàn kết dân tộc, cán bộ, đảng viên phải sâu sát quần chúng, lắng nghe tiếng nói của quần chúng, hiểu rõ tâm tư, nguyện vọng của quần chúng, kết hợp được ý Đảng và lòng dân trong quá trình xây dựng đường lối, chủ trương, chính sách cũng như quá trình thực hiện đường lối, chủ trương, chính sách, tạo nên sự đồng thuận của xã hội, tạo nên sức mạnh của toàn dân tộc để chiến thắng kẻ thù và xây dựng đất nước. Điều cực kỳ quan trọng nữa là đảng viên phải gương mẫu trong hành động, nói đi đôi với làm, tư tưởng gắn liền với hành động thì quần chúng nhân dân mới tin tưởng, tín nhiệm và làm theo, đưa lên thành những phong trào từ thấp đến cao để đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác, theo đúng lời dạy của Bác là: *"Đảng viên đi trước, làng nước theo sau"*.

Tóm lại, tư tưởng Hồ Chí Minh là tổng hợp những quan điểm, tư tưởng của Người trong suốt cuộc đời hoạt động cách mạng "vì nước vì dân". Trên đây, trong phạm vi kiến thức còn hạn hẹp, tôi chỉ xin trình bày năm quan điểm, tư tưởng cơ bản và chủ yếu của Bác Hồ. Năm quan điểm, tư tưởng này có thể vận dụng bằng hai chữ "hài hòa", tức là hài hòa giữa lý luận và thực tiễn hay giữa

đường lối và cuộc sống, hài hòa giữa lợi ích dân tộc và lợi ích giai cấp, hài hòa giữa lợi ích quốc gia và lợi ích quốc tế, hài hòa giữa tập trung dân chủ (trong tổ chức đảng và tổ chức cách mạng), hài hòa giữa tư tưởng và hành động, nói và làm, hài hòa giữa ý Đảng và lòng dân...

Tất nhiên, muốn hài hòa tốt đẹp là phải đấu tranh. Trước tiên là đấu tranh đối với những sai lầm của những người đấu tranh cho quyền lợi dân tộc là lâu dài nhưng không quên quyền lợi chính đáng của từng giai cấp. Ví dụ như trong thời kỳ kháng chiến Đảng ta kêu gọi đoàn kết toàn dân để chống Pháp nhưng vẫn chủ trương tạm cấp ruộng đất cho dân cày, giảm tô, giảm tức. Đối với công nhân thì Đảng vẫn lãnh đạo công nhân đấu tranh đòi tăng lương, đòi có chế độ lao động hợp lý; đối với nữ giới thì vẫn chủ trương đấu tranh bình đẳng nam, nữ trong đời sống xã hội...

Tuy nhiên, đấu tranh với ai, phải tùy theo đối tượng. Đấu tranh với kẻ thù cướp nước thì phải sinh tử quyết liệt đến cùng, còn đấu tranh trong nội bộ Đảng thì phải trên tinh thần thương yêu, đoàn kết, trong nội bộ các lực lượng cách mạng cũng như trong nhân dân với nhau thì phải ôn hòa, nhã nhặn, thuyết phục bằng lẽ phải và sự công bằng là chính. Để có cơ sở đảm bảo cho hình thức đấu tranh, mức độ đấu tranh nói trên là cần có sự hài hòa giữa dân chủ và kỷ luật - giữa đạo đức con người và pháp luật của Nhà nước.

Năm nay, kỷ niệm 100 năm Ngày Bác Hồ ra đi tìm đường cứu nước, chúng ta học tập và làm theo tư tưởng đạo đức của Bác gắn liền với việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội Đảng lần thứ XI và Nghị quyết của Đại hội Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh lần thứ IX, thiết nghĩ chúng ta cần tập trung vào ba khâu chủ yếu:

Một là: Phát triển kinh tế là nhiệm vụ trung tâm và trước mắt là hạn chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, đảm bảo an sinh xã hội; phấn đấu đến năm 2020 nước ta trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Bởi công nghiệp hóa, hiện đại hóa là cơ sở vật chất để quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội.

Hai là: Gắn liền với phát triển kinh tế là phải xây dựng một nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, khắc phục bằng được tình trạng suy thoái đạo đức trong tình hình xã hội hiện nay, trước hết là trong nội bộ Đảng, nhằm xây dựng đời sống tinh thần của xã hội, tạo nên những con người xã hội chủ nghĩa như Bác Hồ từng nói: "Muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội, phải có con người mới xã hội chủ nghĩa".

Ba là: Xây dựng Đảng là khâu then chốt, khắc phục bằng được những suy thoái, biến chất trong Đảng, đặc biệt là bệnh quan liêu, xa dân, ức hiếp dân và tham ô, hủ hóa... Bởi *"Đảng là người lãnh đạo và là người đầy tớ thật sự trung thành của nhân dân. Đảng ta là đạo đức, là văn minh"* như Bác Hồ đã từng nhấn mạnh.

Thành phố Hồ Chí Minh vinh dự là nơi Bác Hồ chọn để ra đi tìm đường cứu nước, nơi mở đầu cuộc kháng chiến chống Pháp, mở đầu cuộc kháng chiến chống Mỹ, giành toàn thắng cho sự nghiệp giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước, cũng là nơi đã phát huy năng lực sáng tạo, góp phần tìm ra cái mới để Đảng xây dựng nên đường lối đổi mới (1986), từ đổi mới tư duy đến đổi mới về kinh tế và tiến lên đổi mới toàn diện để ngày nay Đảng ta có cương lĩnh và cương lĩnh bổ sung phát triển cho thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội một cách đúng đắn, vững vàng.

Kỷ niệm 100 năm ngày lịch sử (5-6-1911 – 5-6-2011), toàn Đảng, quân và dân thành phố có vinh dự mang tên Bác, nhất định phải đi trước trên con đường quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội, xây dựng thành phố thành một thành phố xã hội chủ nghĩa văn minh, hiện đại trong thời gian không xa.

ĐỒNG BÀO NAM BỘ THỰC HIỆN LỜI CĂN DẶN CỦA BÁC: "THÀ CHẾT TỰ DO CÒN HƠN SỐNG NÔ LỆ"

PGS. TS. NGÔ MINH OANH*

1. Với khát vọng giành độc lập cho dân tộc, tự do cho nhân dân, tiếp nối truyền thống chống ngoại xâm quật cường của dân tộc Việt Nam cùng với lẽ sống "thà chết vinh còn hơn sống nhục", cách nay 100 năm người thanh niên yêu nước Nguyễn Tất Thành đã ra đi từ Cảng Sài Gòn để tìm đường cứu nước.

Bằng nhãn quan sáng suốt, một trí tuệ thông minh hơn người và một bản lĩnh phi thường, Nguyễn Tất Thành đã đi và tìm thấy con đường cứu nước đúng đắn theo khuynh hướng vô sản. Người đã truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin về Việt Nam, sáng lập ra Đảng Cộng sản Việt Nam và đến năm 1941, Người về nước trực tiếp lãnh đạo nhân dân chuẩn bị lực lượng để giành chính quyền. Ngày 15-8-1945, Nhật Bản buộc phải đầu hàng Đồng minh, mở ra thời cơ giành độc lập cho các nước bị Nhật chiếm đóng. Dưới sự lãnh đạo của Đảng và Hồ Chí Minh, nhân dân ta đã chớp thời cơ giành thắng lợi mau chóng trong cả nước.

Hòa cùng dòng chảy sôi động của những ngày tháng Tám năm 1945, nhân dân Sài Gòn - Chợ Lớn đã giành được chính quyền

* Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh.

ngày 25 tháng 8 năm 1945. Nhưng trong chiều ngày mồng 2 tháng 9, thực dân Pháp đã cho lính bắn vào quần chúng nhân dân đang tham gia buổi mít tinh mừng độc lập làm cho nhiều người chết và bị thương. Chưa dừng lại ở đó, với bản chất xâm lược và mưu đồ xâm chiếm lâu dài đất nước ta, ngày 23 tháng 9 năm 1945, Pháp đã "công nhiên chiếm trụ sở Ủy ban Hành chính Nam Bộ và Quốc gia tự vệ cuộc". Như vậy, với sự kiện này, thực dâp Pháp đã quay trở lại xâm lược nước ta lần thứ hai.

Trước tình hình đó, sáng ngày 23-9-1945, Xứ ủy và Ủy ban Hành chính Nam Bộ đã họp khẩn cấp và đến chiều 23 tháng 9, Ủy ban kháng chiến Nam Bộ ra tuyên cáo: *"Sáng 23-9, quân Pháp chiếm trụ sở Ủy ban Hành chính Nam Bộ và Quốc gia tự vệ cuộc. Chúng đã gây nhiều cuộc đổ máu ở đường phố Sài Gòn... Không lẽ chịu nhục hoài; vì danh dự của dân tộc, chúng ta coi trọng quyền lợi của quốc gia, nên chúng tôi phải đánh điện ra Trung ương xin phép cho kháng chiến"*[1].

Ngay ngày hôm sau, Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã ra Huấn lệnh gửi cho quân và dân Nam Bộ nhất trí với quyết tâm kháng chiến của Xứ ủy và yêu cầu Nam Bộ *"tranh thủ hoàn toàn độc lập của chính phủ và điều kiện thực tế của Nam Bộ mà định phương châm hành động cho đúng"*[2]. Đặc biệt là với sự quan tâm sâu sắc với đồng bào và vùng đất Nam Bộ, nơi Người đã từng lưu luyến ra đi tìm đường cứu nước trước đó hơn 30 năm, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã gửi thư biểu dương tinh thần yêu nước của nhân dân Nam Bộ và kêu gọi nhân dân Nam Bộ kháng chiến. Trong thư người đã đặt niềm tin vào nhân dân Nam Bộ: *"Tôi chắc và đồng bào cả nước đều chắc vào lòng kiên quyết ái quốc của đồng bào Nam Bộ"*; *"Tôi chắc và đồng bào Nam Bộ đều chắc rằng Chính phủ và toàn quốc đồng bào sẽ hết sức giúp những chiến sĩ và nhân dân hiện đang hy sinh tranh đấu để giữ vững nền*

1 Sđd, tr.34.

2 Báo *Cứu quốc*, số 50, ngày 24-9-1945. Dẫn theo Lê Mậu Hãn (Chủ biên), *Đại cương Lịch sử Việt Nam*, tập 3, Nxb. Giáo dục, tr. 35.

độc lập của nước nhà"; "Tôi chắc và tất cả đồng bào đều chắc rằng những người và những dân tộc yêu chuộng bình đẳng, tự do trên thế giới đều đồng tình với chúng ta". Và trong thời điểm hiểm nghèo của nước ta sau Cách mạng tháng Tám, Người đã căn dặn: Chúng ta nên nhớ lời nói oanh liệt của nhà đại cách mạng Pháp *"Thà chết tự do còn hơn sống nô lệ"*[1].

Đây là lời căn dặn của một lãnh tụ, người đứng đầu chính phủ công nông đầu tiên ở Đông Nam Á, một chiến sĩ giải phóng dân tộc kiên cường. Một lời dặn được chắt lọc từ sự trải nghiệm của chính Người về nỗi nhục mất nước và là sự đúc kết của quãng đường ngàn vạn dặm suốt hơn ba thập kỷ bôn ba khắp chân trời góc biển, mà Nam Bộ là điểm khởi đầu, với nhiều công việc khổ cực khác nhau, với những nhận thức ngày càng đúng đắn và phù hợp với thời cuộc.

Lời căn dặn của Người là đã đặt một niềm tin hoàn toàn có cơ sở. Nam Bộ tuy là vùng đất mới sáp nhập vào Tổ quốc nhưng đã mang truyền thống của những người lưu dân can trường đầy nghĩa khí. Con người Nam Bộ "trọng nghĩa, khinh tài", không chịu được nỗi nhục mất nước đã đứng lên chống lại thực dân Pháp từ những ngày đầu Pháp xâm lược Nam Kỳ.

Ngay từ khi bị thực dân Pháp xâm chiếm, nhân dân Nam Kỳ đã đứng lên chống lại thực dân Pháp dưới ngọn cờ của các lãnh tụ Trương Định, Nguyễn Trung Trực, Thủ Khoa Huân. Cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX nhân dân Nam Kỳ cũng đã hưởng ứng sôi nổi các phong trào Cần Vương, phong trào Hội kín ở Nam Kỳ, phong trào Duy Tân, phong trào Đông Du của Phan Bội Châu... Đặc biệt là các phong trào yêu nước ở Nam Bộ từ khi có Đảng của giai cấp công nhân. Nhân dân Nam Bộ dưới sự lãnh đạo của Đảng đã làm nên một cuộc Cách mạng tháng Tám vĩ đại, cùng với nhân dân cả nước "đưa nước ta từ một nước thuộc địa nửa phong kiến thành một nước độc lập, đưa nhân dân ta từ địa vị người nô lệ thành người tự do".

---

1 Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, tr. 27 - 28.

Với sự kiện ngày 23 tháng 9 năm 1945, thực dân Pháp đã ngang nhiên cướp đi độc lập tự do của nhân dân Nam Bộ, đặt đồng bào Nam Bộ trước sự lựa chọn lịch sử: Hoặc đầu hàng, cam tâm làm nô lệ hoặc đứng lên chống lại thực dân Pháp xâm lược. Có thể nói, trong suốt tiến trình lịch sử chống ngoại xâm của vùng đất này, kẻ thù luôn đặt nhân dân Nam Bộ trước sự lựa chọn. Đây là lựa chọn đầu tiên của nhân dân Nam Bộ sau Cách mạng tháng Tám nhưng chưa phải là lần lựa chọn cuối cùng. Và trong tất cả các trường hợp, nhân dân Nam Bộ đã dứt khoát chọn con đường *"chết tự do còn hơn sống nô lệ"*. Chúng ta lại phải tiếp tục một cuộc kháng chiến lâu dài để bảo vệ và phát huy những thành quả của cách mạng đã giành được. Đồng bào Nam Bộ đã "đi trước" và "về sau" nhưng không bao giờ quên thực hiện lời căn dặn của Hồ Chủ tịch.

Như là một lẽ sống, ngay từ khi thực dân Pháp nổ súng tái chiếm Nam Bộ, nhân dân Sài Gòn - Chợ Lớn đã kiên quyết đứng lên chiến đấu quyết liệt với quân thù, mở đầu cho Nam Bộ kháng chiến. Tại đây các lực lượng vũ trang, bao gồm các lực lượng xung phong công đoàn, các đơn vị tự vệ chiến đấu, các đơn vị vũ trang Bình Xuyên, lực lượng cộng hòa vệ binh - Đệ nhất sư đoàn dân quân cách mạng... đã chiến đấu dũng cảm bằng mọi thứ vũ khí có sẵn trong tay như gậy tầm vông, giáo mác... cầm chân quân địch trong thành phố hơn một tháng, tạo điều kiện để sơ tán các lực lượng cách mạng ra ngoại thành. Các Ủy ban kháng chiến Nam Bộ và Ủy ban kháng chiến Sài Gòn - Chợ Lớn được thành lập để trực tiếp chỉ huy cuộc kháng chiến. Tại địa phương, các Đảng bộ tích cực chuẩn bị xây dựng và củng cố lực lượng vũ trang, chuẩn bị mọi mặt để chiến đấu ngăn chặn quân Pháp tái chiếm. Giữa tháng 10 năm 1945, trước nguy cơ viện binh Pháp được tăng cường, cuộc kháng chiến của nhân dân Nam Bộ càng thêm khó khăn và ác liệt, Hội nghị cán bộ toàn Xứ được triệu tập đã thống nhất thành lập một Xứ ủy Nam Bộ thống nhất và đến Hội nghị Xứ ủy mở rộng ngày 25-10-1945, Xứ ủy đã đề ra các nhiệm

vụ để đẩy mạnh cuộc kháng chiến như kiện toàn hệ thống tổ chức Đảng, chính quyền các cấp; củng cố và xây dựng lực lượng chính trị, lực lượng vũ trang; thành lập ủy ban kháng chiến và tổ chức các quân khu; phát triển chiến tranh nhân dân rộng khắp...

Để chi viện cho miền Nam, Chính phủ đã phát động phong trào ủng hộ, chi viện cho nhân dân Nam Bộ. Các chi đội Vệ quốc đoàn được thành lập và lần lượt lên đường "Nam tiến" tham gia trực tiếp chiến đấu ở các chiến trường ở miền Nam. Được sự giúp đỡ cả tinh thần và vật chất của nhân dân cả nước, đồng bào Nam Bộ đã tiến hành một cuộc kháng chiến không cân sức trước một đội quân nhà nghề như thực dân Pháp. Không chùn bước trước kẻ thù, trong những tháng đầu của cuộc kháng chiến, nhân dân Nam Bộ đã làm thất bại âm mưu đánh nhanh thắng nhanh của thực dân Pháp, chủ động thực hiện lời căn dặn của Bác.

Sau khi thực dân Pháp bội ước các Hiệp định sơ bộ 6-3 và Tạm ước 14-9, Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã phát động toàn quốc kháng chiến, tinh thần *"thà chết tự do còn hơn sống nô lệ"* của nhân dân Nam Bộ lại được thể hiện một cách sinh động. Thực hiện đường lối kháng chiến của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh vạch ra, Xứ ủy Nam Bộ đã lãnh đạo nhân dân tổ chức kháng chiến cùng với quân và dân cả nước. Tranh thủ thời gian hòa hoãn, Nam Bộ đã tích cực xây dựng lực lượng quân sự chuẩn bị cho kháng chiến lâu dài. Tính đến cuối năm 1946, về mặt tổ chức, trên toàn Nam Bộ đã có tổng cộng trên 30 đơn vị lực lượng vũ trang tập trung cấp chi đội và tiểu đoàn với khoảng 15.000 người, chưa kể 3 đơn vị hải ngoại tại 3 khu 7, 8, 9 và các ban công tác tại thành phố Sài Gòn - Chợ Lớn[1]. Cùng với việc lớn mạnh của lực lượng vũ trang, hàng loạt các căn cứ địa ở Nam Bộ cũng được xây dựng làm bàn đạp đẩy lùi các đợt càn quét của địch và tấn công lại chúng như các căn cứ An Phú Đông (Gia Định), Rừng Sác (Gia Định - Chợ Lớn), Tân Uyên (Thủ Dầu Một), Đồng Tháp Mười...

1 Hồ Sơn Đài, *Cuộc kháng chiến 1945 - 1975 nhìn từ Nam Bộ*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2008, tr. 76.

Sau ngày 19 tháng 12 năm 1946, ngày Toàn quốc kháng chiến, chiến trường Nam Bộ gặp rất nhiều khó khăn. Từ cuối tháng 10 năm 1945, Pháp đã tăng cường lực lượng viện binh, phá vỡ vòng vây xung quanh Sài Gòn - Chợ Lớn, mở rộng đánh chiếm Nam Bộ và Nam Trung Bộ, kể cả trong thời gian ký Hiệp định sơ bộ 6-3 và Tạm ước 14-9. Pháp đã ngang nhiên lần lượt lập ra các chính phủ bù nhìn Nguyễn Văn Thinh (6-1946), Chính phủ Lê Văn Hoạch (12-1946), Chính phủ Bảo Đại (1949)... nhằm thông qua các chính quyền đó để kiểm soát lâu dài Nam Bộ. Bước vào những năm 1950, với tất cả các thủ đoạn, thực dân Pháp đã biến Nam Bộ thành "hậu phương" của chúng, để rảnh tay đối phó với chiến trường Bắc Bộ. Phần lớn đất đai Nam Bộ đã bị thực dân Pháp chiếm đóng. Pháp đã kiểm soát gần như hoàn toàn chỉ một số nơi còn lại là vùng du kích, nơi ta và địch giằng co nhau hết sức ác liệt. Nam Bộ trở thành vùng chiến trường sau lưng địch mà nhiệm vụ chủ yếu là tiêu hao sinh lực địch, kìm chân địch, làm thất bại chiến lược "dùng người Việt đánh người Việt, lấy chiến tranh nuôi chiến tranh" của Pháp, phát triển lực lượng để phối hợp, hỗ trợ với chiến trường chính Bắc Bộ. Trong những năm trường kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp, là một chiến trường sau lưng địch, chiến trường phối hợp nhưng là một chiến trường không kém phần ác liệt, đồng bào Nam Bộ đã anh dũng hoàn thành sứ mệnh lịch sử của mình là kiềm chế, tiêu hao sinh lực địch, xây dựng căn cứ địa cách mạng, thực hiện công tác binh vận một cách xuất sắc.

Vì vậy, trong thư gửi cán bộ, chiến sĩ và đồng bào Nam Bộ tháng 9-1953, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã viết: *"Suốt tám năm trường kỳ kháng chiến anh dũng, Nam Bộ thật xứng đáng là bức tường đồng của Tổ quốc, bền bỉ chống cự bọn thực dân Pháp, can thiệp Mỹ và bè lũ Việt gian buôn dân, bán nước. Càng đấu tranh gian khổ, cán bộ chiến sĩ và đồng bào Nam Bộ lại càng hăng hái kiên quyết, càng bị thử thách lại càng tỏ ra đức tính kiên cường bất khuất của mình"*[1]. Trong chiến cuộc Đông Xuân 1953 - 1954,

1 Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 7, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, tr. 143 - 144.

nhân dân Nam Bộ đã phối hợp một cách xuất sắc với chiến trường chính Bắc Bộ, đặc biệt là trong chiến dịch Điện Biên Phủ làm nên chiến thắng vĩ đại của dân tộc, buộc thực dân Pháp phải ký Hiệp định Genève, chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Đông Dương, mở ra một thời kỳ mới cho cách mạng Việt Nam.

2. Hiệp định Genève đã công nhận độc lập chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam, tuy nhiên để thống nhất đất nước còn phải thông qua một cuộc tổng tuyển cử tự do vào tháng 7 năm 1956. Trước mắt hai bên tập kết chuyển quân về khu vực quy định, lấy giới tuyến 17 làm giới tuyến tạm thời. Tuy nhiên như mọi người đều biết, Đế quốc Mỹ đã nhảy vào miền Nam Việt Nam, dựng nên chính quyền tay sai Ngô Đình Diệm (10-1955), chia cắt lâu dài đất nước ta, làm bàn đạp ngăn chặn phong trào cách mạng ở Đông Nam Á. Chính quyền tay sai Ngô Đình Diệm đã nuôi tham vọng xây dựng miền Nam thành "một quốc gia mạnh" của "thế giới tự do". Với một bộ máy quân đội, cảnh sát mạnh, được Mỹ trang bị đến tận răng, chính quyền Ngô Đình Diệm đã ngang nhiên phá hoại Hiệp định Genève, thực hiện chính sách "tố cộng, diệt cộng" thẳng tay trả thù, đàn áp những người cách mạng, mở các chiến dịch càn quét xóa bỏ lực lượng của ta. Trong một chuyến thăm Mỹ, Ngô Đình Diệm đã từng tuyên bố "Biên giới Hoa Kỳ kéo dài đến vĩ tuyến 17".

Với những chính sách đàn áp của Mỹ - Diệm ở miền Nam Việt Nam trong cuối những năm năm mươi đã gây cho cách mạng miền Nam nhiều tổn thất. Các vụ thảm sát ở Hướng Điền, Chợ Được, Duy Xuyên, Phú Lợi, Mỏ Cày... địch đã bắn giết nhiều người, trong đó có những người dân vô tội. Số đảng viên và quần chúng cách mạng phần lớn đều bị giết và bị bắt. Các chi bộ Đảng gần như bị phá vỡ hoàn toàn. Tình hình cách mạng miền Nam *"bị đẩy vào thời kì khó khăn chưa từng thấy, thời kì thoái trào, nguy ngập tưởng chừng không thể gượng dậy nổi"*[1].

1 *Chiến tranh cách mạng Việt Nam 1945 - 1975: Thắng lợi và bài học*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr. 143.

Nhân dân miền Nam lại đứng trước thử thách và một sự lựa chọn mới khi phải đương đầu với một đội quân nhà nghề mạnh hơn chúng ta nhiều lần. Đã có lời khuyên chúng ta "không nên cưỡi lên lưng hổ" với một ngụ ý rằng chúng ta sẽ không thể đương đầu với một nước giàu mạnh nhất thế giới. Cũng không phải không có những dao động trước việc phải đương đầu với một kẻ thù lớn mạnh như đế quốc Mỹ, thậm chí có suy nghĩ về một sự lựa chọn con đường Triều Tiên!

Thực ra sự lo lắng cũng không phải không có cơ sở. Chúng ta tiến hành chống Mỹ cứu nước trong bối cảnh cách mạng nước ta vừa trải qua một cuộc kháng chiến trường kì với thực dân Pháp. Miền Bắc được giải phóng đang trong trong thời kỳ khôi phục và phát triển kinh tế trên nền tảng một nền sản xuất nhỏ, lạc hậu chưa thể ngay lập tức là một hậu phương hùng mạnh cho miền Nam. Nhưng với vai trò là người "quyết định trực tiếp" cho cách mạng cả nước việc nhân dân miền Nam có những hành động và quyết định đúng đắn trong tình hình đen tối của miền Nam lúc bấy giờ có ý nghĩa vô cùng quan trọng đối với cách mạng cả nước.

Và trước yêu cầu của lịch sử nhân dân miền Nam đã có một sự lựa chọn sáng suốt, đầy bản lĩnh: Đứng lên đấu tranh giành quyền sống, quyền tự do, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước. Ngay trong những ngày đen tối của cách mạng sau Hiệp định Genève, phong trào đấu tranh chính trị của quần chúng nhân dân đã nổ ra và lan rộng khắp nơi. Mở đầu cho phong trào đấu tranh chính trị là Phong trào hòa bình Sài Gòn - Chợ Lớn (8-1954), thu hút nhiều nhân sĩ, trí thức tôn giáo và đông đảo quần chúng đô thị tham gia. Các phong trào đấu tranh đòi thi hành Hiệp định Genève, phong trào đấu tranh đòi tự do dân chủ của các tầng lớp nhân dân lao động, đặc biệt là phong trào chống "tố cộng, diệt cộng" gắn liền với cuộc đấu tranh đòi dân sinh, dân chủ, đòi thống nhất đất nước lan rộng khắp miền Nam. Nhân dân Nam Bộ không chịu ngồi yên nhìn kẻ thù dày xéo quê hương và cam tâm làm nô

lệ, mà đỉnh cao của phong trào đấu tranh trong giai đoạn này là phong trào Đồng Khởi.

Phong trào Đồng Khởi của nhân dân miền Nam là kết quả của sự dồn nén căm hờn mà chế độ Mỹ - ngụy đã trút lên đầu nhân dân miền Nam. Với giáo mác, gậy gộc và những vũ khí sẵn có, phong trào Đồng Khởi ở Nam Bộ nổ ra lúc đầu ở Bến Tre, sau đó lan rộng ra phần lớn các địa phương ở Nam Bộ, lật đổ ách kìm kẹp của kẻ thù, giành quyền làm chủ cho nhân dân. Thắng lợi của phong trào Đồng Khởi đã giáng một đòn nặng nề vào chế độ thống trị của Mỹ - ngụy, làm lung lay chính quyền Ngô Đình Diệm, đưa cách mạng miền Nam từ thế giữ gìn lực lượng sang thế phản công. Nhưng quan trọng hơn hết, đó là thắng lợi của lòng tự trọng, tự tôn dân tộc, thắng lợi của sức mạnh quật khởi của một vùng đất, của những con người dám chết cho tự do, độc lập trước một kẻ thù mạnh gấp bội lần. Là thắng lợi của tinh thần "thà chết tự do còn hơn sống nô lệ ".

Trong suốt 21 năm kháng chiến chống Mỹ cứu nước, tinh thần đó càng được khẳng định một cách chắc chắn trong những tình thế khó khăn hiểm nghèo trên chiến trường.

Sau thất bại của Mỹ - ngụy trong phong trào Đồng Khởi cũng như để đối phó với phong trào cách mạng thế giới, Mỹ đã áp dụng chiến lược Chiến tranh đặc biệt ở miền Nam Việt Nam. Nhưng chiến lược Chiến tranh đặc biệt được áp dụng chưa đầy năm năm thì đã bị phá sản. Để cứu vãn tình thế, Mỹ đã chuyển sang chiến lược Chiến tranh cục bộ với việc ồ ạt đưa quân viễn chinh và chư hầu với những trang bị vũ khí tối tân, hiện đại vào vào miền Nam Việt Nam, đồng thời gây chiến tranh phá hoại ở miền Bắc. Chiến tranh cục bộ đã chuyển từ lực lượng tác chiến trên chiến trường chủ yếu là quân ngụy và hệ thống cố vấn Mỹ sang việc sử dụng lực lượng quân Mỹ trực tiếp tiến hành tác chiến trên chiến trường. Số lượng quân Mỹ trên chiến trường miền Nam nếu như cuối năm 1964 chỉ có 26.000 thì đến cuối năm 1965 đã lên tới 180.000 cùng

với 20.000 lính đánh thuê, chưa kể 70.000 lính hải quân và không quân trên các căn cứ quân sự của Mỹ ở Đông Nam Á cùng với nửa triệu quân của chính quyền Sài Gòn[1].

Lại một thử thách lớn nữa đối với nhân dân miền Nam, nhưng với ý chí kiên cường "quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược", quân và dân miền Nam đã đánh bại các cuộc hành quân tìm diệt và các chiến dịch mùa khô 1965 - 1966, 1966 - 1967 của địch, đặc biệt là cuộc tổng tiến công và nổi dậy Mậu Thân năm 1968 đã vượt qua được "thử thách hiểm nghèo", đánh bại đạo quân viễn chinh nhà nghề của Mỹ, buộc chúng phải ngồi vào bàn đàm phán ở Hội nghị Paris.

Sau Mậu Thân 1968, mặc dù Mỹ đã chấp nhận ngồi vào bàn đàm phán ở Hội nghị Paris, nhưng với bản chất nham hiểm của một tên xâm lược, một mặt Mỹ tuyên bố sẽ giải quyết chiến tranh bằng thương lượng, mặt khác Mỹ - ngụy tăng cường o ép nhân dân miền Nam bằng đủ mọi thủ đoạn, đặt nhân dân miền Nam trước những thử thách mới đòi hỏi phải vượt qua. Chuyển qua thực hiện chiến lược Việt Nam hóa chiến tranh, lợi dụng những khó khăn của ta sau Mậu Thân, đế quốc Mỹ và lực lượng ngụy quân lúc này đã lên đến một triệu quân, đã tập trung tổng lực tấn công ồ ạt vào lực lượng của ta, thực hiện bình định cấp tốc ở vùng nông thôn nhằm giành dân, chiếm đất. Lực lượng của chúng ta bị đẩy ra khỏi các đô thị, quyền kiểm soát ở nông thôn bị thu hẹp. Trong những vùng địch kiểm soát, chúng thực hiện nhiều biện pháp tinh vi xảo quyệt từ kinh tế đến tâm lý chiến để nhằm xóa bỏ triệt để cơ sở của cách mạng. Trong lúc đó, Mỹ thực hiện các chiến dịch tấn công ở Đường 9 - Nam Lào nhằm cắt đứt con đường huyết mạch ngăn chặn nguồn viện trợ vật chất và con người của miền Bắc cho nhân dân miền Nam. Có thể nói, từ sau phong trào Đồng Khởi, đây là

1 Lê Mậu Hãn, *Đại cương lịch sử Việt Nam*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 1997, tr. 200 - 201.

thời kỳ khó khăn nhất của chúng ta. Thế bất lợi cho cuộc kháng chiến đã xuất hiện do không giữ được đất và bám trụ được dân.

Khắc phục từng bước khó khăn với tinh thần "không có gì quý hơn độc lập tự do", quân và dân miền Nam phối hợp trên nhiều mặt trận, giành những thắng lợi quyết định trên chiến trường. Các chiến thắng ở Đường 9 - Nam Lào, Đông Bắc Campuchia và trên khắp các chiến trường, đặc biệt là cuộc tập kích chiến lược Xuân Hè 1972 đã làm phá sản chiến lược Việt Nam hóa chiến tranh của Mỹ, buộc chúng phải "Mỹ hóa" trở lại cuộc chiến tranh.

Vượt qua được những thử thách sau Mậu Thân của thời kỳ 1969 - 1971, giành được những thắng lợi quyết định cho bước phát triển mới của cách mạng miền Nam. Thắng lợi của nhân dân miền Nam trước chiến lược Việt Nam hóa chiến tranh của Mỹ, buộc chúng phải kí Hiệp định Paris, Mỹ phải rút quân, tạo điều kiện cho nhân dân miền Nam đánh đổ quân ngụy trong cuộc tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975, thu non sông về một mối. Thắng lợi đã thể hiện sinh động ý chí quật cường của nhân dân miền Nam vượt qua muôn vàn khó khăn, thử thách để giành lại độc lập tự do, thống nhất đất nước.

Như vậy, trong lịch sử 30 năm nhân dân Nam Bộ cùng cả nước tiến hành cuộc chiến tranh giải phóng chống lại hai kẻ thù lớn là thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, thực tế đã cho thấy có những thời điểm khó khăn buộc nhân dân Nam Bộ phải vượt qua bằng một ý chí sắt đá với tinh thần *"thà chết tự do còn hơn sống nô lệ"*. Đó là truyền thống, là lẽ sống của dân tộc Việt Nam nói chung và Nam Bộ nói riêng. Đó là sự tin tưởng và sự kỳ vọng của Chủ tịch Hồ Chí Minh vào đồng bào Nam Bộ. Và nhân dân Nam Bộ thành đồng đã sống và chiến đấu xứng đáng với niềm tin tưởng đó để giành lại độc lập tự do cho dân tộc như ước nguyện đầu tiên của người thanh niên yêu nước Nguyễn Tất Thành khi ra đi tìm đường cứu nước năm 1911.

NHỮNG BỨC THƯ VÀ LỜI KÊU GỌI CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH GỬI ĐỒNG BÀO MIỀN NAM TRONG NHỮNG NGÀY ĐẦU NAM BỘ KHÁNG CHIẾN

PGS. TS. TRẦN THỊ MAI*

1. Chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc. Tình hình thế giới thay đổi hoàn toàn với nhịp độ cực kỳ nhanh chóng. Các nước lớn trong phe Đồng minh điều chỉnh chiến lược đối ngoại từ hợp tác trong chiến tranh sang đấu tranh gay gắt trong hòa bình. Trật tự thế giới mới bắt đầu hình thành, chuyển dần sang thế hai cực.

Sau khi chiến tranh kết thúc ở châu Âu, chính phủ De Gaulle đã phát hiện ra cuộc đấu tranh về mặt quốc gia và ý thức hệ giữa hai cường quốc nổi lên từ cuộc chiến tranh là Mỹ và Liên Xô, sự chuyển hướng các ưu tiên chiến lược của hai nước này, cũng như vị trí mới của nước Pháp trong tập hợp lực lượng ở châu Âu và trật tự thế giới mới đang hình thành. Pháp không thể ngăn ngừa được những quyết định bất lợi cho Pháp mà ba nước lớn trong phe Đồng minh đã đưa ra tại Postdam. Vì thế Pháp đã tìm mọi cách khai thác các nhân tố quốc tế có lợi cho Pháp sau chiến tranh để đẩy mạnh hoạt động nhằm khôi phục lại quyền kiểm soát của Pháp ở Đông Dương.

---

* Hội Khoa học Lịch sử Thành phố Hồ Chí Minh.

Thông qua những xúc tiến ngoại giao, ngày 9-10-1945, Pháp đã đạt được một thắng lợi ngoại giao quan trọng là chính phủ Anh đã ký với Pháp hiệp định chính thức công nhận chính quyền dân sự của Pháp tại Đông Dương và ngày 1-6-1946, Anh đã ký hiệp định trao quyền cho Pháp giải giáp quân đội Nhật ở phía Nam vĩ tuyến 16. Để đổi lại, Pháp nhân nhượng cho Anh một số quyền lợi ở Xyri, Libăng.

Sau cuộc gây hấn ở Sài Gòn vào ngày 2 tháng 9 và ngày 23 tháng 9 năm 1945, Pháp nôn nóng mở rộng đánh chiếm Nam Bộ và Nam Trung Bộ Việt Nam, từ đó phát triển ra miền Bắc. Song, để có thể thực hiện được ý đồ xâm lược đó, Pháp phải tìm kiếm sự ủng hộ của chính quyền Tưởng Giới Thạch. Vì thế, Pháp đã tiến hành ký kết với chính quyền Tưởng Giới Thạch một thỏa hiệp về thay thế quân đội Trung Hoa dân quốc. Ngày 19 tháng 9 năm 1945, tại Paris, cuộc hội đàm đầu tiên giữa De Gaulle và Tống Tử Văn (Thủ tướng chính phủ Trung Hoa dân quốc) đã diễn ra, mở đầu cho các thỏa hiệp giữa hai bên. Ngày 28 tháng 2 năm 1946, tại Trùng Khánh, bản Hiệp ước Hoa - Pháp đã được ký kết, mở đường cho quân Pháp tiến ra miền Bắc Việt Nam.

Như vậy, bằng mọi cách, thực dân Pháp quyết tâm quay trở lại xâm lược Việt Nam. Những thỏa thuận giữa Pháp với các nước lớn buộc nhân dân Việt Nam một lần nữa lại phải đương đầu với một cuộc chiến tranh xâm lược do các nước lớn áp đặt.

Thực hiện mưu đồ xâm lược Việt Nam lần thứ hai, ngay sau khi phát xít Nhật vừa đầu hàng đồng minh, Chính phủ De Gaulle đã quyết định thành lập ngay một đạo quân viễn chinh dưới quyền chỉ huy của tướng Leclerc, đồng thời cử đô đốc D'Argenlieu làm Cao ủy Pháp ở Đông Dương.

Ngày 2 tháng 9 năm 1945, khi nhân dân Sài Gòn - Chợ Lớn đang tổ chức mít tinh chào mừng Ngày Độc lập, thực dân Pháp đã xả súng vào dân chúng, làm 47 người chết và nhiều người bị thương.

Ngày 6 tháng 9 năm 1945, quân Anh với danh nghĩa đồng minh vào giải giáp phát xít Nhật, đến Sài Gòn, kéo theo một đại đội quân Pháp. Vừa đến Sài Gòn, quân Anh yêu cầu ta giải tán lực lượng vũ trang, thả hết tù binh Pháp do Nhật giam giữ sau ngày 9 tháng 3 năm 1945, trang bị vũ khí cho số tù binh này và cho quân Pháp chiếm đóng những nơi quan trọng trong thành phố.

Đêm 22 rạng sáng ngày 23 tháng 9 năm 1945, được sự giúp đỡ của quân Anh, thực dân Pháp cho quân đánh úp trụ sở Ủy ban nhân dân Nam Bộ và cơ quan tự vệ thành phố Sài Gòn, mở đầu cho cuộc chiến tranh xâm lược nước ta lần thứ hai.

Quân dân Sài Gòn - Chợ Lớn cùng với quân dân Nam Bộ đã nhất tề đứng lên chiến đấu chống quân xâm lược. Thế trận chiến tranh nhân dân được triển khai trên từng đường phố, công sở, trường học, nhà máy... Quân Pháp trong thành phố bị bao vây và luôn bị tấn công.

Ngày 5 tháng 10 năm 1945, tướng Leclerc đến Sài Gòn cùng với nhiều đơn vị bộ binh và xe bọc thép mới từ Pháp sang tăng viện. Bằng lực lượng được tăng cường lại có quân Anh và quân Nhật hỗ trợ, quân Pháp phá vòng vây Sài Gòn - Chợ Lớn rồi mở rộng đánh chiếm Nam Bộ và cực Nam Trung Bộ.

2. Với niềm đau đáu hướng về Nam Bộ, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn theo dõi sát sao diễn biến tình hình ở Nam Bộ, kịp thời đề ra chủ trương, sách lược chỉ đạo cuộc kháng chiến của nhân dân Nam Bộ.

Chỉ trong một thời gian ngắn, từ tháng 10 năm 1945 đến tháng 6 năm 1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã gửi tới đồng bào Nam Bộ hai bức thư và hai lời kêu gọi khẳng định niềm tin tưởng tuyệt đối của Người và của đồng bào cả nước vào tinh thần chiến đấu dũng cảm, ngoan cường, tinh thần yêu nước, xả thân vì độc lập, tự do của nhân dân Nam Bộ. Đồng thời, qua những bức thư và lời kêu gọi, người đã khẳng định một chân lý trường tồn: Vì công lý, cuộc kháng chiến tự vệ của dân tộc Việt Nam phải toàn thắng!

Bức thư thứ nhất Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi đồng bào Nam Bộ đề tên ***"Gửi đồng bào Nam Bộ"*** được Người viết tại Hà Nội ngày 26 tháng 9 năm 1945, tức chỉ ba ngày sau khi thực dân Pháp chính thức nổ súng mở đầu cuộc chiến tranh xâm lược nước ta lần thứ hai. Trong thư, Chủ tịch vạch rõ bản chất và dã tâm của thực dân Pháp *"Khi còn chiến tranh với Nhật, thì bọn thực dân Pháp hoặc đầu hàng hoặc chạy trốn. Nay vừa hết chiến tranh thì bọn thực dân Pháp hoặc bí mật hoặc công khai mò lại. Trong 4 năm, họ đã bán nước ta hai lần. Nay họ lại muốn thống trị dân ta lần nữa"*[1]. Trong bối cảnh nước ta vừa giành được quyền độc lập, nhân dân Nam Bộ chưa được hưởng không khí tự do bao nhiêu ngày, đã lại phải bước ngay vào cuộc chiến đấu bảo vệ thành quả cách mạng, Chủ tịch Hồ Chí Minh hơn ai hết hiểu rõ thách thức lớn lao ở vị trí "tuyến đầu", "đi trước" của nhân dân Nam Bộ. Vì thế, Người đã kịp thời động viên tinh thần chiến đấu của nhân dân Nam Bộ bằng sự khẳng định niềm tin vững chắc vào tinh thần chiến đấu *"Thà chết tự do còn hơn sống nô lệ"*, bằng sự khẳng định mạnh mẽ sức mạnh đoàn kết của cả dân tộc, của nhân loại trong cuộc đấu tranh vì chính nghĩa:

"Tôi chắc và đồng bào cả nước đều chắc vào lòng kiên quyết ái quốc của đồng bào Nam Bộ."[2]

"Tôi chắc và đồng bào Nam Bộ cũng chắc rằng Chính phủ và toàn quốc đồng bào sẽ hết sức giúp những chiến sĩ và nhân dân hiện đang hy sinh tranh đấu để giữ vững nền độc lập của nước nhà."[3]

"Tôi chắc và tất cả đồng bào đều chắc rằng những người và những dân tộc yêu chuộng bình đẳng tự do trên thế giới đều đồng tình với chúng ta."[4]

---

1 Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 4, *Gửi đồng bào Nam Bộ*, tr. 27.
2 Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 4, *Gửi đồng bào Nam Bộ*, tr. 27.
3 Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 4, *Gửi đồng bào Nam Bộ*, tr. 27.
4 Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 4, *Gửi đồng bào Nam Bộ*, tr. 27.

Thực tế đã chứng minh, ngay từ những ngày đầu Nam Bộ kháng chiến, Trung ương Đảng, Chính phủ và Hồ Chủ tịch quyết tâm lãnh đạo kháng chiến, huy động lực lượng cả nước chi viện cho Nam Bộ và Nam Trung Bộ. Hàng vạn thanh niên hăng hái gia nhập quân đội, sung vào các đoàn quân "Nam tiến" sát cánh chiến đấu cùng nhân dân Nam Bộ và Nam Trung Bộ. Nhân dân Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ thường xuyên tổ chức quyên góp tiền, lương thực, thuốc men,... ủng hộ Nam Bộ và Nam Trung Bộ kháng chiến.

Cuộc kháng chiến của nhân dân Nam Bộ trong những ngày đầu gặp vô vàn khó khăn: tài chính không có, lương thực thiếu thốn, vũ khí hầu như không có gì. Tình cảnh của Nam Bộ nói riêng và Việt Nam nói chung khi ấy đúng như nhận định của Pignon, cố vấn chính trị của Cao ủy Pháp: Chính quyền cách mạng Việt Nam ra đời "*không đồng minh, không tiền, hầu như không vũ khí*"[1].

Mặc dù vậy, Chủ tịch Hồ Chí Minh vẫn tin tưởng chắc chắn *"Chúng ta nhất định thắng lợi vì chúng ta có lực lượng đoàn kết của cả quốc dân"*, *"Chúng ta nhất định thắng lợi vì cuộc tranh đấu của chúng ta là chính đáng"*[2].

Cũng ngay từ bức thư đầu tiên gửi đồng bào Nam Bộ, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ân cần căn dặn đồng bào "*Đối với những người Pháp bị bắt trong chiến tranh, ta phải canh phòng cẩn thận, nhưng phải đối đãi với họ cho khoan hồng. Phải làm cho thế giới trước hết là cho nhân dân Pháp biết rằng: chúng ta quang minh chính đại. Chúng ta chỉ đòi quyền độc lập tự do, chứ chúng ta không vì tư thù tư oán, làm cho thế giới biết rằng chúng ta là một dân tộc văn minh, văn minh hơn bọn đi giết người cướp nước*"[3].

Chỉ có những dân tộc phải trải qua nhiều chiến tranh, mất mát, phải giành độc lập tự do bằng chính xương máu của mình

1 Bộ Ngoại giao, *Ngoại giao Việt Nam 1945 - 2000*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2002, tr. 47.

2 Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 4, *Gửi đồng bào Nam Bộ*, tr. 27.

3 Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 4, *Gửi đồng bào Nam Bộ*, tr. 28

mới thấu hiểu sâu sắc đạo lý "*đem đại nghĩa thắng hung tàn, lấy chí nhân thay cường bạo*" như thế. Tư tưởng khoan dung Hồ Chí Minh luôn thể hiện với bất cứ ai, trong bất cứ hoàn cảnh nào một cách dung dị mà thấm đẫm tính nhân văn như thế.

Tháng 10 năm 1945, Pháp tăng cường bộ binh và thiết giáp từ chính quốc sang, núp bóng quân Anh mở rộng chiến tranh ra các tỉnh Nam Bộ. Chủ tịch Hồ Chí Minh ngày đêm hướng về Nam Bộ "*Tâm trí tôi luôn luôn bên cạnh mấy triệu đồng bào quyết chiến đến giọt máu cuối cùng để bảo vệ cho nền độc lập Việt Nam, để tỏ rõ cho hoàn cầu biết rằng dân tộc Việt Nam đầy đủ tinh thần hy sinh chiến đấu*"[1].

Ngày 29 tháng 10 năm 1945, Người viết ***Lời kêu gọi đồng bào Nam Bộ.*** Với tình cảm sâu nặng hướng về đồng bào Nam Bộ, ***Lời kêu gọi*** của Người là tiếng gọi thiêng liêng của cả dân tộc nhất tề đứng lên đánh thực dân Pháp "*Mặc dầu quân Pháp có đủ khí giới tối tân, tôi biết chắc không bao giờ chúng cướp được nước ta đâu. Từ Nam chí Bắc đồng bào ta luôn sẵn sàng. Mấy triệu người như một, quyết tâm đánh tan quân cướp nước. Không quân đội nào, không khí giới nào có thể đánh ngã được tinh thần hy sinh của toàn thể một dân tộc*"[2].

Trong ***Lời kêu gọi*** một lần nữa, Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định "*Vì công lý, cuộc kháng chiến tự vệ của dân tộc ta phải toàn thắng. Quân Pháp đi đến đâu sẽ gặp cảnh đồng không nhà vắng, không người không lương thực. Chúng ta quyết không cộng tác với chúng, không chịu sống chung với lũ thực dân Pháp*"[3]. Trong lịch sử chống ngoại xâm anh dũng của dân tộc, không ít kẻ thù mạnh hơn ta gấp bội nhưng đã phải thất bại nhục nhã trước thế trận chiến tranh nhân dân, cả nước đánh giặc, toàn dân là lính.

1 Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 4, *Lời kêu gọi đồng bào Nam Bộ*, tr. 77.
2 Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 4, *Lời kêu gọi đồng bào Nam Bộ*, tr. 77.
3 Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 4, *Lời kêu gọi đồng bào Nam Bộ*, tr. 77.

Bài học lịch sử ấy đã được Chủ tịch Hồ Chí Minh đúc kết và phát thành ***Lời kêu gọi đồng bào Nam Bộ*** phát huy truyền thống, đánh bại thực dân Pháp xâm lược.

Cũng trong ***Lời kêu gọi,*** Chủ tịch Hồ Chí Minh không quên biểu dương tinh thần chiến đấu anh dũng kiên cường của nhân dân Nam Bộ. Người viết: "*Đồng bào trong Nam, trong một tháng nay, đã tỏ rõ tinh thần vững chắc, hùng dũng, đáng làm gương cho lịch sử thế giới. Ngày nay, trước tình trạng khó khăn, toàn thể quốc dân Việt Nam hồi hộp theo cuộc chiến đấu ở Nam Bộ. Nhưng thời cuộc càng khó khăn chừng nào, tôi chắc rằng tinh thần anh chị em càng cương quyết hơn chừng ấy. Trước nạn ngoại xâm, toàn thể quốc dân đã đoàn kết chặt chẽ thành một khối kiên cố, thành một lực lượng thống nhất mà không đội quân xâm lăng nào đánh tan được*"[1].

Toàn văn ***Lời kêu gọi*** của Chủ tịch Hồ Chí Minh được đăng trên báo *Cứu quốc*, số 77, ngày 29 tháng 10 năm 1945 đã trở thành hồi kèn xung trận, cổ vũ đồng bào Nam Bộ tiếp tục xốc tới chiến đấu với kẻ thù, đồng thời là lời hiệu triệu hàng vạn thanh niên miền Bắc và Bắc Trung Bộ hăng hái gia nhập vào đoàn quân "Nam tiến" cùng đánh đuổi kẻ thù chung là thực dân Pháp xâm lược.

Tiếp sau ***Lời kêu gọi đồng bào Nam Bộ,*** ngày 30 tháng 10 năm 1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh viết ***Lời kêu gọi thanh niên Nam Bộ.*** Người khẳng định thanh niên là trụ cột, là bức Vạn Lý Trường Thành vững chắc trong cuộc chống xâm lăng này. Người kêu gọi thanh niên Nam Bộ kết thành một mặt trận rộng rãi, vững chắc để phát huy sức mạnh của dân tộc. Người cũng khẳng định Hồ Chí Minh luôn sát cánh bên lực lượng thanh niên Nam Bộ trong cuộc chiến đấu vì độc lập, tự do:

1 Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 4, *Lời kêu gọi đồng bào Nam Bộ*, tr. 77, 78.

"Hỡi anh chị em thanh niên Nam Bộ!

Đã hơn một tháng nay, anh chị em đã phấn đấu cực kỳ anh dũng. Toàn thể đồng bào Việt Nam đều cảm động. Tuy máu đã đổ nhiều, nhưng tôi chắc và toàn thể đồng bào cũng chắc rằng anh chị em thanh niên Nam Bộ quyết hy sinh kháng chiến để giữ vững nền độc lập của nước nhà.

Trong cuộc chống xâm lăng này, các bạn đã là bức Vạn Lý Trường Thành vững chắc. Các bạn phải thống nhất mặt trận thanh niên, đoàn kết, nêu cao tinh thần tin tưởng ở sức mạnh của dân tộc. Những gương hy sinh anh dũng của các bạn đã sáng dọi khắp nước. Những chiến công oanh liệt của các bạn đã làm cho toàn thể đồng bào thêm kiên quyết.

Hỡi anh chị em thanh niên Nam Bộ!

Tôi thề cùng các bạn giữ vững nền độc lập tự do của nước Việt Nam. Dẫu có phải hy sinh đến nửa số dân tộc, ta cũng quyết hy sinh. Cuộc kháng chiến tự vệ chính nghĩa của dân tộc Việt Nam phải toàn thắng.

Tinh thần kháng chiến anh dũng của thanh niên Nam Bộ muôn năm!

Việt Nam độc lập muôn năm!"[1].

Sau ngày 28 tháng 2 năm 1946, Pháp - Tưởng thỏa hiệp, đổi chác quyền lợi cho nhau. Cuộc kháng chiến của dân tộc càng gặp nhiều khó khăn, thử thách. Theo dõi sát sao tình hình thế giới, phân tích sát thực tương quan thế và lực của kẻ thù, đồng thời nắm vững diễn biến thỏa hiệp Pháp - Hoa trong vấn đề Đông Dương; mặt khác để tránh cùng lúc phải đương đầu với nhiều kẻ thù và tranh thủ thêm thời gian hòa hoãn quý báu nhằm tích cực chuẩn bị lực lượng về mọi mặt cho một cuộc chiến đấu lâu dài chống thực dân Pháp, Trung ương Đảng, Chính phủ và Hồ Chí Minh đã

1 Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 4, *Lời kêu gọi thanh niên Nam Bộ*, tr. 79.

quyết định chọn sách lược ngoại giao "hòa để tiến" với thực dân Pháp. Chủ trương thương lượng của chính phủ Việt Nam với Pháp thể hiện qua ba chỉ thị: "*Kháng chiến kiến quốc*", của Ban chấp hành trung ương ngày 25 tháng 11 năm 1945, "*Tình hình và chủ trương*" ngày 3 tháng 3 năm 1946 và "*Hòa để tiến*" ngày 9 tháng 3 năm 1946. Sợi chỉ đỏ xuyên suốt trong toàn bộ cuộc đấu tranh ngoại giao của ta với Pháp trong thời gian này là "*Đối với Pháp, độc lập về chính trị, nhân nhượng về kinh tế*"[1]. Từ chủ trương này, Chính phủ đã chủ động nắm bắt thời cơ, ký với đại diện chính phủ Pháp bản Hiệp định sơ bộ ngày 6 tháng 3 năm 1946. Hiệp định sơ bộ ngày 6 tháng 3 là văn bản pháp lý quốc tế đầu tiên mà Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ký với nước ngoài. Các thỏa thuận trong Hiệp định đã mở rộng khuôn khổ tiếp xúc và thương lượng Việt - Pháp, tạo cơ sở pháp lý cho cuộc đấu tranh ngoại giao của Việt Nam.

Tuy nhiên, khi ký Hiệp định ngày 6 tháng 3, Việt Nam đã có một số nhân nhượng quan trọng đối với Pháp. Mặc dù muốn ký một Hiệp định đầy đủ, nhưng Chính phủ Việt Nam đã phải chấp nhận ký kết một thỏa thuận giải quyết bộ phận các vấn đề của quan hệ hai nước. Việt Nam nhận là "quốc gia tự do", nằm trong Liên bang Đông Dương và Liên hiệp Pháp; chấp nhận trưng cầu dân ý ở Nam Bộ thay cho việc đòi Pháp phải thừa nhận sự thống nhất của Việt Nam. Và nặng nề nhất là Việt Nam phải chấp nhận để 15.000 quân Pháp vào miền Bắc giải giáp quân đội Nhật và sẽ rút dần trong vòng 5 năm. Những nhân nhượng mang tính sách lược này của Chính phủ Việt Nam đã bị các thế lực thù nghịch triệt để lợi dụng để gây chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc, tuyên truyền bôi nhọ chủ trương của Đảng, Chính phủ và Hồ Chí Minh, gây hoang mang nghi ngại trong lòng nhân dân Nam Bộ.

Để củng cố niềm tin của đồng bào Nam Bộ vào sự lãnh đạo của Đảng, Chính phủ và Hồ Chủ tịch, để đánh tan mọi nghi ngại

1 Đảng Cộng sản Việt Nam, *Chỉ thị của Ban chấp hành Trung ương về kháng chiến kiến quốc*, Văn kiện Đảng toàn tập, tập 8, tr. 27.

về chủ trương *"Hòa để tiến"* và để khẳng định khối đoàn kết, thống nhất không gì lay chuyển của toàn thể dân tộc Việt Nam, ngày 1 tháng 6 năm 1946, trước khi lên đường sang Pháp tiếp tục cuộc đấu tranh ngoại giao với Pháp, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã viết tiếp bức thư thứ hai gửi đồng bào Nam Bộ. Trong bức thư, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã trải bày gan ruột cùng đồng bào Nam Bộ:

"Cùng đồng bào yêu quý Nam Bộ

Được tin tôi cùng đoàn đại biểu qua Pháp để mở cuộc đàm phán chính thức, đồng bào cả nước, nhất là đồng bào Nam Bộ đều lấy làm bâng khuâng. Bâng khuâng là vì chưa biết tương lai của Nam Bộ sẽ ra thế nào?

Tôi xin đồng bào hiểu rằng nước Pháp mới không phải là đế quốc chủ nghĩa, đi áp bức, đi chia rẽ dân tộc và nước nhà người ta.

Tôi xin đồng bào cứ bình tĩnh. Tôi xin hứa với đồng bào rằng Hồ Chí Minh không phải là người bán nước.

Đồng bào Nam Bộ đã hy sinh tranh đấu mấy tháng trường, để giữ gìn non sông cho toàn nước Việt Nam. Cho nên đồng bào cả nước đều phải nhớ ơn đồng bào Nam Bộ.

Đồng bào Nam Bộ là dân nước Việt Nam.

Sông có thể cạn, núi có thể mòn, song chân lý đó không bao giờ thay đổi!"[1]

Bức thư gửi đồng bào Nam Bộ được đăng trên báo *Cứu quốc*, số 255, ngày 1 tháng 6 năm 1946 đã chấn động sâu sắc lòng người Việt Nam, đặc biệt là lòng dân Nam Bộ. Tâm huyết của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đánh động lương tri, thức tỉnh những ai còn hoang mang, nghi ngại vào con đường kháng chiến giành độc lập tự do của Đảng, Chính phủ và Hồ Chủ tịch. Nhân dân cả nước, nhân dân Nam Bộ khi đọc thư của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã vô cùng kính

1 Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 4, *Thư gửi đồng bào Nam Bộ*, tr. 246.

phục và hoàn toàn tin tưởng vững chắc vào sự sáng suốt chèo lái con thuyền cách mạng của Hồ Chủ tịch.

3. Trong bối cảnh lịch sử đầy biến động và thử thách của dân tộc, mà trước hết là ở Nam Bộ, những bức thư và lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã thắp sáng niềm tin cho đồng bào cả nước, đồng bào Nam Bộ bước vào cuộc chiến đấu đầy hy sinh anh dũng vì nền độc lập tự do của dân tộc.

Bằng tư duy sắc bén, bản lĩnh kiên cường và tinh thần nhân văn sâu sắc, những bức thư và lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã kết tinh cả truyền thống lịch sử hào hùng của dân tộc, khơi dậy niềm tự hào dân tộc, ý chí thống nhất không gì lay chuyển của khối đại đoàn kết Việt Nam. Khi viết những bức thư và lời kêu gọi gửi đến đồng bào Nam Bộ, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đặt mình trong trọng trách và nghĩa vụ cao cả của mấy triệu người Việt Nam đang đấu tranh vì độc lập tự do. Chính vì thế, những dòng thư, lời hiệu triệu của Hồ Chủ tịch đã đi sâu vào lòng người, trở thành hồi kèn xung trận, thành sức mạnh, niềm tin quyết chiến và quyết thắng.

VANG VỌNG TÊN GỌI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TỪ NGÀY ĐẦU KHÁNG CHIẾN

TS. NGUYỄN ĐÌNH THỐNG*

Ngày 2-7-1976, Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam chính thức đổi tên thành phố Sài Gòn - Gia Định thành Thành phố Hồ Chí Minh, nhưng từ lâu, trong lòng dân, thành phố này đã mang tên Bác. Khởi đầu từ khi quân và dân Nam Bộ mở màn cuộc kháng chiến chống Pháp.

Đêm 22 rạng ngày 23 tháng 9 năm 1945, thực dân Pháp đánh chiếm Sài Gòn. Các lực lượng vũ trang với trang bị vũ khí thô sơ đã anh dũng đánh trả quân xâm lược Pháp.

Hội nghị liên tịch giữa Xứ ủy, Ủy ban Nhân dân, Ủy ban kháng chiến thành phố Sài Gòn và Tổng bộ Việt Minh họp tại ngôi nhà số 629 đường Cây Mai (nay là đường Nguyễn Trãi) rạng sáng 23-9-1945 có các đồng chí Ung Văn Khiêm, Nguyễn Văn Nguyễn trong Xứ ủy, Phạm Ngọc Thạch, Ngô Tấn Nhơn đại diện Ủy ban Nhân dân, Huỳnh Văn Tiểng, Trần Văn Giàu trong Ủy ban Kháng chiến và Hoàng Quốc Việt đại diện Tổng bộ Việt Minh,...

Chủ tịch Ủy ban Kháng chiến Trần Văn Giàu báo cáo tình hình: quân Pháp với sự đồng tình và hỗ trợ của quân Anh đã xua

* Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn - Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.

quân đánh chiếm trụ sở Ủy ban Nhân dân Nam Bộ, trụ sở Quốc gia tự vệ cuộc, Bưu điện, Đài phát thanh, Nhà đèn và một số vị trí quân sự quan trọng trong thành phố, mở đầu cuộc chiến tranh xâm lược nước ta một lần nữa.

Trần Văn Giàu đề nghị hội nghị quyết định phát động kháng chiến và yêu cầu hội nghị thông qua lời kêu gọi kháng chiến đã được dự thảo. Cuộc tranh luận sôi nổi và gay gắt, nhất là vấn đề chờ xin ý kiến Trung ương hay kêu gọi kháng chiến.

Quan điểm của Hoàng Quốc Việt là kêu gọi kháng chiến - dù chỉ kêu gọi đồng bào Sài Gòn và Nam Bộ thôi, cũng là một điều hệ trọng. "*Không được tự tiện ra lệnh kêu gọi kháng chiến, hãy chờ chỉ thị của Hồ Chủ tịch. Không được nóng vội; hãy chờ chỉ thị của Trung ương Đảng*"[1]. Lý lẽ là chúng ta mới nắm chính quyền, tổ chức còn bề bộn, lực lượng còn ít ỏi, thế bị cô lập, thì ta nên hòa hoãn thương lượng, không nên đối đầu bằng súng đạn, bằng vũ khí. Nếu nay ta kêu gọi kháng chiến, máu sẽ đổ thêm nhiều, thì sẽ càng khó thương lượng. Cũng có thể là không thể thương lượng, buộc phải hô hào kháng chiến, nhưng phải chờ lệnh của Hồ Chủ tịch, của Trung ương Đảng mới được; ta không được tự mình kêu gọi kháng chiến. Bây giờ chỉ nên kêu gọi tổng bãi công phản đối xâm lược mà thôi, phải để cửa mở cho sự thương lượng. Chúng ta báo cáo và thỉnh thị với Hồ Chủ tịch, với Trung ương Đảng. Đồng thời phát lời kêu gọi đồng bào sẵn sàng đợi lệnh của Chính phủ Trung ương và sẵn sàng chiến đấu để bảo vệ độc lập tự do.

Cuối cùng, đồng chí Trần Văn Giàu quyết định đánh với lý lẽ: "Tướng ở biên cương, cũng như tướng ở nội địa và ở kinh thành đều phải theo lệnh vua, nguyên tắc là như vậy. Song, tướng ở biên cương có khi không chờ lệnh vua". Phương án được lựa chọn là vừa gửi điện xin ý kiến của Trung ương Đảng, Chính phủ, đồng thời phát động ngay cuộc kháng chiến, bảo vệ nền độc lập.

1 *Hồi ký Trần Văn Giàu,* Bản lưu tại Tạp chí *Xưa & Nay.*

Lời kêu kháng chiến do đồng chí Trần Văn Giàu đọc được đa số đại biểu hội nghị tán thành và được đem đi in ngay với số lượng lớn. Mười giờ sáng ngày 23, hàng chục xe hơi, hàng trăm xe đạp, hàng ngàn đồng bào đua nhau phát lời kêu gọi kháng chiến khổ nhỏ, chữ nhỏ, dán lời kêu gọi kháng chiến chữ đậm, khổ lớn, kêu gọi của Ủy ban kháng chiến.

Lời kêu gọi nhắc lại lời thề: *"Quyết hy sinh đến giọt máu cuối cùng để bảo vệ độc lập của Tổ quốc: 'Độc lập hay là chết!'".*

Lời kêu gọi xác định nhiệm vụ kháng chiến của quân và dân Nam Bộ: *Từ giờ phút này, nhiệm vụ hàng đầu của chúng ta là tiêu diệt giặc Pháp và tiêu diệt tay sai của chúng.* ***Lời kêu gọi*** *kết thúc bằng một mệnh lệnh: "Cuộc kháng chiến bắt đầu!"*[1]

Nhận được điện báo cáo của Nam Bộ, Chính phủ lâm thời nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã ra ngay Huấn lệnh: "Hỡi đồng bào Nam Bộ! Lòng cương quyết dũng cảm của nhân dân Nam Bộ chống lại quân đội xâm lăng của Pháp chẳng những đã làm cho đồng bào toàn quốc cảm phục, mà lại đã chứng tỏ cho thế giới đều biết cái quyết tâm độc lập của nhân dân Việt Nam... Đồng bào phải kiên quyết, phải giữ vững sự tin ở tương lai và lập tức thi hành triệt để những lời thề quả quyết trong ngày độc lập[2].

Ngày 26-9-1945, qua *Đài phát thanh tiếng nói Việt Nam*, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã gửi thư ngợi khen "lòng kiên quyết ái quốc của đồng bào Nam Bộ" và khẳng định quyết tâm kháng chiến của Trung ương Đảng, Chính phủ và nhân dân cả nước ta đối với cuộc kháng chiến anh dũng của đồng bào Nam Bộ:

"Tôi chắc và đồng bào cả nước đều chắc vào lòng kiên quyết ái quốc của đồng bào Nam Bộ. Chúng ta nên nhớ lời nói oanh liệt của nhà đại cách mạng Pháp: 'Thà chết tự do hơn sống nô lệ'.

---

1 Xem toàn văn đăng trong *Lịch sử Nam Bộ kháng chiến*, tập 1 (1945-1954), Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, tr. 721 - 722.

2 *Lịch sử Nam Bộ kháng chiến*, tập 1 (1945-1954), Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, tr. 237 - 238.

Tôi chắc và đồng bào Nam Bộ cũng chắc rằng Chính phủ và toàn quốc đồng bào sẽ hết sức giúp những chiến sĩ và nhân dân hiện đang hy sinh tranh đấu để giữ vững nền độc lập của nước nhà.

Tôi chắc và tất cả đồng bào đều chắc rằng những người và những dân tộc yêu chuộng bình đẳng tự do trên thế giới đều đồng tình với chúng ta.

Chúng ta nhất định thắng lợi vì chúng ta có lực lượng đoàn kết của cả quốc dân.

Chúng ta nhất định thắng lợi vì cuộc tranh đấu của chúng ta là chính đáng"[1].

Lời động viên của Chính phủ và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã cổ vũ kịp thời quân và dân Nam bộ. Cuộc kháng chiến bùng lên khắp Sài Gòn và lan rộng ra toàn Nam bộ. Cả nước chi viện cho Nam bộ. Bắt đầu từ thời điểm này, trên các đường phố và trong các đơn vị tự vệ xung kích xuất hiện khẩu hiệu "Chiến đấu vì Thành phố Hồ Chí Minh". Cái tên Thành phố Hồ Chí Minh đã xuất hiện từ những ngày đầu kháng chiến ở Nam bộ.

Ngày 2-3-1946, kỳ họp thứ nhất Quốc hội khóa I đã long trọng khai mạc tại Thủ đô Hà Nội. Các đại biểu ở Nam bộ vì tình hình khẩn trương kháng chiến chưa ra kịp. Khi thảo luận thành phần, nhân sự cho tân Chính phủ, nhiều đại biểu đã yêu cầu có một Bộ trưởng Lao động tâm huyết chăm lo đời sống công nhân và người lao động. Trước các vị đại biểu Quốc hội, Hồ Chủ tịch đã hứa sẽ lựa chọn một người xứng đáng với sự mong đợi của quốc dân đồng bào.

Từ ngày 28-10 đến ngày 9-11-1946, Quốc hội khóa I họp kỳ thứ hai tại Nhà hát Lớn thành phố Hà Nội, với 290 đại biểu. Đoàn đại biểu Quốc hội của Nam bộ vừa ra kịp. Đồng chí Nguyễn Văn

1 Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 4, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, tr. 27.

Tạo, Trưởng đoàn Đại biểu của Rạch Giá, được cử thay mặt Đoàn Đại biểu miền Nam chào mừng Quốc hội và Bác Hồ. Bác ôm hôn đồng chí Nguyễn Văn Tạo và nói câu bất hủ: *"Miền Nam luôn trong tim tôi", "Miền Nam là máu của máu Việt Nam, là thịt của thịt Việt Nam, sông có thể cạn, núi có thể mòn, song chân lý ấy không bao giờ thay đổi"*...

Cũng tại phiên họp này, đồng chí Nguyễn Văn Tạo, Trưởng đoàn Đại biểu của Rạch Giá, đã báo cáo trước Quốc hội về tình hình Nam bộ kháng chiến; Bác Hồ và nhiều đại biểu đã không cầm được nước mắt trước sự hy sinh to lớn và tinh thần quật khởi của đồng bào Nam bộ. Đồng chí Nguyễn Văn Tạo nói lên tâm nguyện của các cử tri Nam bộ, đề nghị đặt tên mới cho Sài Gòn là Thành phố Hồ Chí Minh. Bác Hồ bước tới ôm hôn vị đại biểu của Nam bộ thành đồng. Quốc hội đã bày tỏ sự tán thành với những tràng pháo tay liên tiếp.

Công việc kháng chiến đặt lên hàng đầu, Nghị quyết Quốc hội khóa I không ghi mục đổi tên thành phố Sài Gòn là Thành phố Hồ Chí Minh, nhưng cái tên Thành phố Hồ Chí Minh đã vang vọng trong lòng người dân Nam bộ cũng như nhân dân cả nước từ khi ấy. Cái tên Thành phố Hồ Chí Minh xuất hiện trên báo chí, thơ ca ngày càng phổ biến.

Ngay từ khi hòa bình mới lập lại, cái tên Nam bộ thành đồng và Thành phố Hồ Chí Minh đã xuất hiện trên thi đàn : *"Ai vô Nam bộ, Tiền Giang, Hậu Giang/ Ai vô Thành phố Hồ Chí Minh rực rỡ tên vàng"*[1].

Tháng 3-1975, khi chiến dịch Tây Nguyên mở màn, nhạc sĩ Xuân Hồng đang công tác ở chiến trường B2. Trong niềm hân hoan, ông rạo rực nghĩ về một ngày giải phóng hoàn toàn đất nước không còn xa nữa, và kí âm những giai điệu và lời nhạc với cái tên Thành phố Hồ Chí Minh được nhắc đi nhắc lại nhiều lần. Xuân Hồng có mặt ở Sài Gòn ngay trong ngày 30-4 lịch sử, chứng kiến

1 Thơ Tố Hữu: *Ta đi tới.*

bao cảnh đoàn tụ xúc động, niềm vui vỡ òa "*vui sao nước mắt lại trào!*". Và những nốt nhạc cuối cùng của bài *"Mùa xuân trên thành phố Hồ Chí Minh"* được hoàn thành và vang trên làn sóng Đài Tiếng nói Việt Nam.

Cũng vào thời điểm lịch sử ấy, ngay trong ngày 30-4-1975, cái tên Thành phố Hồ Chí Minh đã chính thức xuất hiện trên buổi phát sóng đầu tiên của Đài phát thanh Sài Gòn vừa giải phóng, cùng thời điểm phát đi lời tuyên bố đầu hàng của Tổng thống Dương Văn Minh. Người phát ngôn bản thông điệp ấy là cựu Chủ tịch Tổng hội Sinh viên Sài Gòn Nguyễn Hữu Thái. Anh là một trong những người đầu tiên có mặt tại Dinh Độc Lập trong vai trò người dẫn đường cho Quân Giải phóng. Anh cùng một số sinh viên đưa đường cho Quân Giải phóng dẫn Tướng Dương Văn Minh sang Đài Phát thanh. Trong buổi phát thanh đặc biệt đó, anh phát đi bản thông báo kêu gọi anh em công chức, nhân viên các cơ quan hãy trở lại nhiệm sở để giúp cho sinh hoạt ở Sài Gòn trở lại bình thường... Nguyễn Hữu Thái lúc đó nói: *"Đời sống bình thường đã trở lại Sài Gòn - Thành phố Hồ Chí Minh, thành phố mà Bác Hồ đã mong đợi, nay đã được giải phóng..."*[1].

Ba ngày sau, *"Tiếng hát từ thành phố mang tên Người"* - nhạc Cao Việt Bách, lời Đăng Trung được phát sóng: *"Thành phố Hồ Chí Minh/ Ngời ngời rực sáng tương lai/ Trong mỗi trái tim, trong mỗi ước mơ, trong mỗi cuộc đời ta luôn có Bác..."*. Thành phố Hồ Chí Minh đã trở thành cái tên chính thức trong lòng người dân thành phố Sài Gòn giải phóng.

Ngày 25-4-1976, cử tri thành phố Sài Gòn - Hồ Chí Minh cùng cử tri cả nước nô nức đi bầu Quốc hội thống nhất. Ngày 2-7-1976, kỳ họp đầu tiên Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, các đại biểu Nam bộ một lần nữa đề nghị chính thức đổi tên thành phố Sài Gòn - Gia Định thành Thành phố Hồ Chí Minh. 100% đại biểu giơ tay biểu quyết. Nghị quyết về việc

1 Báo *Tuổi Trẻ* ngày 29-4-2005.

đổi tên Sài Gòn thành Thành phố Hồ Chí Minh chính thức thông qua. Thành phố Sài Gòn chính thức mang tên mới: Thành phố Hồ Chí Minh. Tròn 30 năm, suốt hai cuộc trường chinh kháng chiến, cái tên Thành phố Hồ Chí Minh được Quốc hội biểu quyết hai lần, lần nào cũng 100% số phiếu, như là tấm lòng trọn vẹn của đồng bào miền Nam với Bác - như là tấm lòng của Bác đối với đồng bào miền Nam.

HỒ CHỦ TỊCH
QUA LĂNG KÍNH PHẬT GIÁO

Hòa thượng THÍCH TRÍ QUẢNG*

Hồ Chủ tịch là một nhân vật rất thân thương gần gũi với dân tộc chúng ta. Người thể hiện trí tuệ ngời sáng, đã thấy được quy luật phát triển tất yếu của lịch sử và vận dụng được quy luật đó để tạo thành sự đoàn kết toàn dân, đưa đất nước Việt Nam đến độc lập, thống nhất, tự do.

Để tưởng nhớ công ơn vĩ đại của Người và kỷ niệm 100 năm ngày Bác Hồ ra đi tìm đường cứu nước, tôi đại diện Giáo hội Phật giáo Việt Nam ôn lại vài nét tiêu biểu về Chủ tịch Hồ Chí Minh, vị lãnh tụ kính yêu của dân tộc.

* * *

Cuộc đời của Hồ Chủ tịch ghi đậm nét son sắt của một vị lãnh tụ sáng suốt, luôn mang nặng tình thương yêu đất nước, dân tộc. Nhất là Người đã cảm nhận nỗi đau đớn, nhục nhã của người dân Việt phải sống dưới ách cai trị tàn khốc của thực dân Pháp.

Có thể nói ngay từ khi thực dân Pháp đặt chân lên đất nước ta, các cuộc khởi nghĩa chống Pháp đã liên tục bùng nổ; nhưng các hoạt động kháng chiến đều lần lượt bị Pháp dẹp tan.

---

* Phó Chủ tịch Hội đồng Trị sự Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Trưởng Ban Trị sự Thành hội Phật giáo Thành phố Hồ Chí Minh.

21 tuổi, với nỗi đau của người thanh niên trước cảnh tang thương của nước nhà bị đô hộ, Hồ Chủ tịch đã suy ngẫm rất nhiều về phương cách giải phóng dân tộc, về những điểm yếu kém của các phong trào khởi nghĩa trong nước. Từ đó, Người đã quyết tâm ra đi, để mong tìm được con đường cứu dân cứu nước một cách hữu hiệu.

Trong suốt mười năm (1911 - 1920), Người đã sinh hoạt trong các phong trào công nhân và nhân dân lao động các nước tư bản chủ nghĩa, các nước thuộc địa ở khắp các châu lục. Vì vậy, Người có được nhận thức đúng đắn ai là bạn bè trên chính trường thế giới để xây dựng một lực lượng vững mạnh có thể chống lại ách đô hộ của thực dân trên phạm vi quốc tế.

Và đến năm 1920, Hồ Chủ tịch đã tìm thấy đáp án tốt nhất cho vấn đề giải phóng các dân tộc thuộc địa bằng lực lượng cách mạng thế giới qua Luận cương của Lênin. Tác phẩm này của Lênin đã tác động sâu sắc đến quan điểm chính trị của Người. Vì vậy, ở Đại hội Tours của Đảng Xã hội Pháp, Nguyễn Ái Quốc đã tán thành sự gia nhập Quốc tế thứ III.[1]

Tiếp theo, Người sang Liên Xô làm việc trong Ban phương Đông của Quốc tế Cộng sản[2]. Những sự kiện quan trọng như: cuộc cách mạng 1917 ở Nga và những thành tựu của Liên Xô trong những năm đầu của cách mạng, những thắng lợi của chính sách kinh tế mới của Lênin, v.v.. đã làm cho Người rất phấn khởi về con đường cách mạng vô sản mà Người đã đặt trọn niềm tin.

Với tầm nhìn sáng suốt và ý chí sắt đá, trải qua suốt mười năm không ngừng nghỉ (1920 - 1930), Hồ Chủ tịch đã liên tục hoạt động cách mạng từ Tây Âu đến Đông Á với nhiều chức vụ quan trọng. Và đặc biệt, với tư cách là một trong những người sáng lập

1 GS. TS. Phùng Hữu Phú, *Bí quyết thành công Hồ Chí Minh*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2010, tr. 60.

2 GS. Trần Văn Giàu, *Hồ Chí Minh - Chân dung một tâm hồn và trí tuệ vĩ đại*, Nxb. Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, 2011, tr. 170.

Đảng Cộng sản Pháp, vừa là phái viên của Ban Chấp hành Quốc tế Cộng sản, Hồ Chủ tịch đã là người Cộng sản Việt Nam đầu tiên trở thành nhân vật quốc tế khéo léo nương vào thế mạnh của khối Vô sản quốc tế để đánh bật được hai cường quốc của khối tư bản một cách thần kỳ.

Chúng ta hãy nghe nhà báo Pháp Lacouture nhận định về tầm cỡ và sự nghiệp vĩ đại của Hồ Chủ tịch như sau: *"Trong ngót nửa thế kỷ, ông Hồ lãnh đạo một cuộc chiến đấu chưa từng có về chuyển biến của chiến thuật và tình huống, về tính đa dạng của cách xử trí, về những hy sinh phải chấp nhận, về những sức mạnh yếu khác nhau một trời một vực ở mặt vũ khí. Bị tòa án thực dân xử tử hình, 10 lần thoát khỏi lưu đày và máy chém, khi thì mặc áo vàng như nhà sư Thái Lan, khi thì mặc quân phục đệ bát lộ quân Trung Quốc. Và giành chính quyền được rồi, ông Hồ phải liên tiếp đương đầu với hai đế quốc phương Tây. Thời nay có nhà cách mạng nào đủ gan lớn mật đầy để chống đối trật tự của liệt cường với một quyết tâm bền bỉ đến thế? Ông Hồ đã hồi sinh một dân tộc, tái tạo một quốc gia, lãnh đạo hai cuộc chiến tranh về cơ bản là chiến tranh của những người bị áp bức. Cuộc chiến đấu của ông chống Pháp đã dẫn đến sự giải tán một đế quốc thuộc địa lớn. Cuộc chiến đấu của ông chống Mỹ tỏ ra cái giới hạn của sức mạnh kỹ thuật khi đương đầu với Con người"*[1].

Chẳng những Hồ Chủ tịch được tôn vinh là danh nhân của dân tộc Việt Nam, mà còn của thế giới. UNESCO đã tôn vinh Hồ Chủ tịch là "Anh hùng giải phóng dân tộc, danh nhân văn hóa"[2].

Tuần báo *Times* của Hoa Kỳ đã bình chọn Chủ tịch Hồ Chí Minh là một trong 100 nhân vật có ảnh hưởng lớn nhất trong thế kỷ XX, với nhận định rằng Hồ Chủ tịch là người đã góp phần "làm thay đổi diện mạo hành tinh của chúng ta trong thế kỷ XX"[3].

1 GS. Trần Văn Giàu, *Hồ Chí Minh - Chân dung một tâm hồn và trí tuệ vĩ đại*, Nxb. Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, 2011, tr. 74.

2 UNESCO Records of the General Conference, 20-10 – 20-11-1987, tr. 135.

3 Times 100: Hồ Chí Minh, 13-1-2007.

Ngày 3-2-1930 là ngày diễn ra sự kiện quan trọng mang tính quyết định cho sự nghiệp cách mạng ở đất nước ta, Hồ Chủ tịch đã thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam. Dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Người, không phải chỉ có lực lượng công nông mà Đảng đã mở rộng sự liên kết với các giai tầng xã hội khác để tập hợp được lực lượng đoàn kết dân tộc Việt Nam và đoàn kết các dân tộc Đông Dương ngày càng lớn mạnh. Điều này chứng minh sự nhìn xa thấy rộng của Hồ Chủ tịch, Người đã thể hiện sự vận dụng sáng tạo một cách hoàn hảo chủ nghĩa Mác - Lênin vào tình hình thực tiễn Việt Nam.

Thật vậy, Hồ Chủ tịch đã nhấn mạnh việc xây dựng chủ nghĩa xã hội bằng con đường của Việt Nam, mà đại đoàn kết là một trong những tư tưởng ngời sáng của Hồ Chủ tịch đề ra. Thực tế cho thấy trong những thập kỷ qua, nếu không có sự đoàn kết, thì rõ ràng đất nước ta sẽ không có được độc lập - tự do - hạnh phúc như ngày hôm nay. Đối với một đất nước đa tôn giáo, đa sắc tộc và chịu nhiều hy sinh, mất mát để giành lại quyền tự chủ từ tay các đế quốc hùng mạnh như Việt Nam ta, vấn đề đoàn kết - đặc biệt là đoàn kết theo tư tưởng Hồ Chí Minh - chính là kim chỉ nam để xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc, tạo nên nguồn sức mạnh vĩ đại, chiến thắng và đem đến nền hòa bình, hạnh phúc, thịnh trị cho dân tộc.

Đặc biệt đối với tôn giáo, Hồ Chủ tịch luôn quan tâm đến mối đoàn kết tôn giáo, bởi đây cũng là một bộ phận cấu thành khối đại đoàn kết dân tộc. Người luôn coi trọng tất cả những đồng bào theo tôn gáo cũng như không theo tôn giáo, vận dụng tư tưởng đoàn kết của chính những tôn giáo này thành khối đại đoàn kết phục vụ cho lợi ích chung. Người nói: *"Phải đoàn kết chặt chẽ giữa đồng bào lương và đồng bào tôn giáo, cùng nhau xây dựng đời sống hòa thuận ấm no, xây dựng Tổ quốc. Phải chấp hành đúng chính sách tôn trọng tự do tín ngưỡng đối với tất cả các tôn giáo"*[1].

* * *

[1] Bài nói chuyện tại lớp bồi dưỡng cán bộ về công tác mặt trận, tháng 8-1962.

Cuộc đời của Hồ Chủ tịch là những trang sử sống động của một nhà lãnh tụ sáng suốt giàu tình thương dân thương nước. Nhịp sống của Hồ Chủ tịch đã gắn liền với đất nước, hòa với dân tộc, chung với mọi người, tạo nên sự đoàn kết thống nhất sâu sắc, lưu đậm nét cảm tình trong sáng nơi mọi người.

Người đã tâm sự rằng: *"Tôi tuyệt nhiên không ham muốn công danh phú quý chút nào. Bây giờ phải gánh chức Chủ tịch là vì đồng bào ủy thác thì tôi phải gắng sức làm, cũng như một người lính vâng mệnh lệnh của quốc dân ra trước mặt trận. Bao giờ đồng bào cho tôi lui thì tôi rất vui lòng lui. Tôi chỉ có một sự ham muốn, ham muốn tột bậc là làm sao cho nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành. Riêng phần tôi thì làm một cái nhà nho nhỏ, nơi có non xanh, nước biếc để câu cá trồng hoa, sớm chiều làm bạn với các cụ già hái củi, em trẻ chăn trâu, không dính líu gì với vòng danh lợi"*[1].

Cảm nghĩ chân tình trên của Hồ Chủ tịch trong thời kỳ đầu Cách mạng tháng Tám vẫn còn âm vang trong lòng người Phật tử, bởi lẽ tưởng niệm Hồ Chủ tịch là gợi nhắc đến biểu tượng quý báu sinh động cho những gì tốt đẹp nhất của dân tộc và cũng thật gần gũi với tinh thần vô ngã vị tha của Phật giáo mà Đức Phật thường căn dặn các đệ tử hãy hành động vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho mọi người.

Nhân kỷ niệm 100 năm Ngày Hồ Chủ tịch ra đi tìm đường cứu nước, chúng tôi xin nêu lại một vài nét son thể hiện những tư tưởng minh triết và những việc làm vì nước vì dân của Người, để tưởng nhớ đến một vị lãnh tụ suốt đời hy sinh vì độc lập - tự do - hạnh phúc của dân tộc. Tư tưởng đoàn kết và đức hy sinh cho dân cho nước của Hồ Chủ tịch, như chúng ta đã thấy, vốn rất gần với tư tưởng hòa hợp của đạo Phật vậy.

1 Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 4, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr. 161 - 162.

TUỔI TRẺ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH MÃI MÃI ĐI THEO CON ĐƯỜNG BÁC HỒ ĐÃ CHỌN

BAN THƯỜNG VỤ THÀNH ĐOÀN

Chủ tịch Hồ Chí Minh là lãnh tụ vĩ đại, là người sáng lập và rèn luyện Đảng Cộng sản Việt Nam, đồng thời sáng lập và rèn luyện Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh. Tư tưởng và tấm gương đạo đức của Chủ tịch Hồ Chí Minh là tài sản vô giá, mãi mãi là ngọn đuốc soi đường cho Đảng trong sự nghiệp đấu tranh vì độc lập tự do, vì chủ nghĩa xã hội của nhân dân ta. Đối với tuổi trẻ, lịch sử công tác Đoàn và các phong trào thanh thiếu nhi Việt Nam gắn liền với cuộc đời, sự nghiệp và tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Đối với mỗi đoàn viên, đội viên, thanh thiếu nhi, năm 2011 có ý nghĩa vô cùng quan trọng vì là năm đánh dấu kỷ niệm 80 năm Ngày thành lập Đoàn, 70 năm Ngày thành lập Đội, và đặc biệt là kỷ niệm 100 năm Ngày Bác Hồ ra đi tìm đường cứu nước. Đây là cột mốc quan trọng để tuổi trẻ tìm về cội nguồn lý tưởng cách mạng của Đảng và Bác Hồ, để tự xác định cho mình nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới, chung sức cùng toàn Đảng, toàn dân thực hiện thành công sự nghiệp "dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh", thực hiện mong muốn của Bác Hồ là xây dựng đất nước ta "đàng hoàng hơn, to đẹp hơn".

* * *

Trong tiến trình lịch sử, mỗi đất nước, dân tộc đều cần phải xác định cho mình một lý tưởng để phấn đấu, tự xác định con đường, mục tiêu để hướng tới. Điều đó lại càng quan trọng đối với các nước chịu sự áp bức, thống trị của ngoại bang. Từ năm 1858 đến những năm đầu thế kỷ XX, thực dân Pháp xâm lược và áp đặt sự cai trị hà khắc lên nước ta. Không cam chịu nhân dân ta phải sống trong cảnh một cổ hai tròng của thực dân và phong kiến, từ cuối thế kỷ XIX, các phong trào kháng chiến chống Pháp liên tục nổi lên, dâng cao và lan rộng trong cả nước: Trương Định, Nguyễn Trung Trực ở Nam bộ; Trần Tấn, Đặng Như Mai, Nguyễn Xuân Ôn, Phan Đình Phùng ở miền Trung đến Nguyễn Thiện Thuật, Nguyễn Quang Bích ở miền Bắc nhưng đều thất bại. Bước sang đầu thế kỷ XX, các phong trào chống Pháp của nhân dân ta chuyển dần sang xu hướng dân chủ tư sản với sự xuất hiện của các phong trào Đông Du, Đông Kinh Nghĩa Thục, Duy Tân, Việt Nam Quang phục hội... do các sĩ phu phong kiến có tư tưởng duy tân truyền bá và dẫn dắt, nhưng do bất cập trước lịch sử, nên không tránh khỏi thất bại, bị thực dân Pháp đàn áp dã man. Bối cảnh lịch sử những năm cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX cho thấy, các phong trào cứu nước của nhân dân ta muốn giành được thắng lợi phải đi theo một con đường cách mạng mới. Chính trong bối cảnh đó, sự xuất hiện của người thanh niên yêu nước Nguyễn Tất Thành với con đường cứu nước dẫn đến sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam ngày 3-2-1930 đã chấm dứt sự khủng hoảng đường lối cách mạng của các bậc sĩ phu đương thời, thiết lập một đường lối cách mạng mới: cách mạng vô sản.

Lý tưởng và con đường cách mạng của người thanh niên Nguyễn Tất Thành ra đời do hai điều kiện khách quan và chủ quan. Về điều kiện khách quan, yêu cầu của cách mạng nước ta trong những năm đầu thế kỷ XX là phải có đường lối cách mạng đúng đắn, tránh khỏi sự thất bại của các sĩ phu yêu nước do đi theo đường lối phong kiến hoặc tư sản. Về điều kiện chủ quan,

đó là do người thanh niên yêu nước Nguyễn Tất Thành có lòng yêu nước nồng nàn, ý chí cách mạng mãnh liệt, sự tìm tòi học hỏi không ngừng và một nhãn quan chính trị nhạy bén với tầm nhìn xa trông rộng hiếm có. Tìm về cội nguồn tư tưởng Hồ Chí Minh, chúng ta có thể khẳng định rằng lý tưởng cách mạng của người thanh niên yêu nước trẻ tuổi không hình thành ngay một lúc mà đã trải qua một quá trình tìm tòi, xác lập, không ngừng phát triển và hoàn thiện, gắn liền với một quá trình hoạt động cách mạng phong phú, lâu dài. Căn cứ vào sự nghiệp cách mạng của Chủ tịch Hồ Chí Minh, các nhà nghiên cứu đã khái quát quá trình hình thành và phát triển của tư tưởng Hồ Chí Minh thành 5 giai đoạn: giai đoạn hình thành tư tưởng yêu nước và chí hướng cách mạng (1890 - 1911); giai đoạn tìm tòi, khảo nghiệm (1911 - 1920); giai đoạn hình thành cơ bản tư tưởng về con đường cách mạng Việt Nam (1921 - 1930); giai đoạn vượt qua thử thách, kiên trì con đường đã xác định của cách mạng Việt Nam (1930 - 1941); giai đoạn phát triển và hiện thực hóa tư tưởng Hồ Chí Minh (1941 - 1969).

Có thể nói trong mỗi giai đoạn đều có đặc thù riêng nhưng không thể tách rời, làm nên tổng thể cuộc đời phong phú, tư tưởng lớn lao và sự nghiệp vĩ đại của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Trong hành trình đó, giai đoạn tìm tòi, khảo nghiệm tư tưởng yêu nước và ý chí cách mạng của người thanh niên trẻ tuổi có ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Tầm quan trọng của giai đoạn này thể hiện ở nhiều mặt, trước hết là suy nghĩ và hành động chín chắn, trưởng thành của một người thanh niên 21 tuổi. Nhưng quan trọng hơn, nội dung tư tưởng do người thanh niên yêu nước Nguyễn Tất Thành xác lập trong giai đoạn này đóng vai trò nền tảng cho các giai đoạn sau, là động lực để Người tìm đến với đường lối cách mạng vô sản, dẫn đến việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam và tiến hành thành công Cách mạng tháng Tám năm 1945, khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, nhà nước công nông đầu tiên

ở Đông Nam Á. Đặt trong bối cảnh cuộc khủng hoảng đường lối cứu nước của các bậc sĩ phu yêu nước cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX, cũng như yêu cầu đánh đuổi ngoại xâm, giải phóng dân tộc, của nhân dân mới thấy hết ý nghĩa to lớn của giai đoạn tìm tòi, khảo nghiệm trong quá trình hình thành và phát triển của tư tưởng Hồ Chí Minh.

Giai đoạn tìm tòi, khảo nghiệm là giai đoạn Chủ tịch Hồ Chí Minh, lúc này mang tên Nguyễn Ái Quốc, phải trải qua một hành trình vạn dặm. Trong bước đường bôn ba tìm đường cứu nước, Nguyễn Ái Quốc đã thể hiện một nỗ lực vượt khó phi thường, một ý chí cách mạng không gì lay chuyển nổi. Nhà thơ Chế Lan Viên đã viết rất hay về quá trình tìm tòi, khảo nghiệm con đường cách mạng của Nguyễn Ái Quốc qua những câu thơ lay động lòng người:

"Đời bồi tàu lênh đênh theo sóng bể.
Người đi hỏi khắp bóng cờ châu Mỹ, châu Phi.
Những đất tự do, những trời nô lệ.
Những con đường cách mạng đang tìm đi"....

Và: *"Ngày mai dân ta sẽ sống sao đây?*
Sông Hồng chảy về đâu? Và lịch sử?
Bao giờ dải Trường Sơn bừng giấc ngủ.
Cánh tay thần Phù Đổng sẽ vươn mây?".

Trong giai đoạn tìm tòi, khảo nghiệm này, Nguyễn Ái Quốc đã tìm hiểu các cuộc cách mạng lớn trên thế giới và khảo sát cuộc sống của nhân dân các dân tộc bị áp bức. Người đã được tiếp xúc với "Luận cương của Lênin về các vấn đề dân tộc và thuộc địa", và đã tìm thấy con đường chân chính cho sự nghiệp cứu nước, giải phóng dân tộc. Cũng trong giai đoạn này, Người đã tham gia Quốc tế thứ III, tham gia thành lập Đảng Cộng sản Pháp. Những sự kiện đó đánh dấu bước chuyển biến về chất trong tư tưởng Hồ Chí Minh, từ chủ nghĩa yêu nước đến chủ nghĩa Lênin, từ giác ngộ

dân tộc đến giác ngộ giai cấp, từ người yêu nước thành người cộng sản. Sự kiện đến với chủ nghĩa Lênin là sự kiện có ý nghĩa quyết định trong đường lối cách mạng và tư tưởng Hồ Chí Minh. Về thời khắc này, nhà thơ Chế Lan Viên đã viết:

"Bác reo lên một mình như nói cùng dân tộc:
Cơm áo là đây! Hạnh phúc đây rồi!
Hình của Đảng lồng trong hình của Nước.
Phút khóc đầu tiên là phút Bác Hồ cười".

Với việc vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Lênin và cách mạng vô sản vào thực tiễn nước ta, Nguyễn Ái Quốc chuyển qua giai đoạn hoạt động cách mạng mới, giai đoạn hình thành cơ bản tư tưởng về con đường cách mạng Việt Nam (1921-1930). Trong giai đoạn này, Người đã từng bước tập hợp lực lượng, gây dựng phong trào, về Quảng Châu (Trung Quốc) tổ chức Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên, ra báo Thanh niên, mở các lớp huấn luyện chính trị, đào tạo cán bộ, đưa họ về nước hoạt động. Tháng 2 năm 1930, Người chủ trì Hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản trong nước, sáng lập Đảng Cộng sản Việt Nam và trực tiếp thảo ra các văn kiện "Chánh cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt, Chương trình và Điều lệ vắn tắt" của Đảng. Các văn kiện này, cùng với hai tác phẩm Người hoàn thành và xuất bản trước đó là "Bản án chế độ thực dân Pháp" (1925) và "Đường Kách mệnh" (1927), đã đánh dấu sự hình thành cơ bản tư tưởng Hồ Chí Minh về con đường cách mạng Việt Nam. Hai giai đoạn tiếp theo là giai đoạn vượt qua thử thách, kiên trì con đường đã xác định của cách mạng Việt Nam (1930 - 1941), và giai đoạn phát triển và hiện thực hóa tư tưởng Hồ Chí Minh (1941 - 1969). Ở hai giai đoạn này, tư tưởng Hồ Chí Minh đã phát triển, hoàn thiện và được hiện thực hóa, áp dụng thành công vào thực tiễn, đưa đến thắng lợi của cuộc cách mạng giành độc lập, thực hiện sự nghiệp đổi mới và mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

Tìm hiểu cuộc đời, sự nghiệp của Chủ tịch Hồ Chí Minh, chúng ta có thể khẳng định sự kiện Nguyễn Ái Quốc ra đi tìm đường cứu nước ngày 5-6-1911 là một sự kiện vĩ đại, có ý nghĩa bước ngoặt, đặt nền tảng cho việc hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh, từ đó dẫn đến việc tìm ra con đường cứu nước của dân tộc Việt Nam, cũng như việc ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam và toàn bộ sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta. Nguyên nhân nào, động lực nào thúc đẩy một thanh niên mới 21 tuổi quyết định ra đi tìm đường cứu nước với một ý chí và quyết tâm mãnh liệt như vậy? Câu trả lời không gì khác chính là lòng yêu nước, ý chí cách mạng và mong muốn đem độc lập, tự do, ấm no cho nhân dân. Động lực đó, như chính Người sau này đã nói: *"Tôi chỉ có một sự ham muốn, ham muốn tột bậc, là làm sao cho nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành"*.

* * *

Chọn chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam hành động, Đảng Cộng sản Việt Nam và nhân dân ta ngày càng nhận thức đầy đủ và sâu sắc hơn di sản tinh thần vô giá mà Chủ tịch Hồ Chí Minh để lại. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng Cộng sản Việt Nam khẳng định: Đảng lấy chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động. Tư tưởng Hồ Chí Minh đã thực sự là nguồn trí tuệ, động lực soi sáng và thúc đẩy công cuộc đổi mới, phát triển của nước ta. Dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, toàn thể nhân dân Việt Nam tiếp tục kiên định chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, đang ra sức phát huy di sản Hồ Chí Minh, đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hội nhập quốc tế, đưa đất nước phát triển theo mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội.

Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh - hai tổ chức của thanh thiếu nhi Việt Nam do Chủ tịch Hồ Chí Minh sáng lập và rèn luyện, được tổ chức và hoạt động trên cơ sở nền tảng tư tưởng Hồ Chí Minh, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam. Hình ảnh Bác Hồ và tư tưởng của Người đã đi vào suy nghĩ, tình cảm, nhận thức và hành động của mỗi đoàn viên, thanh thiếu nhi. Học tập và làm theo tư tưởng, tấm gương đạo đức của Chủ tịch Hồ Chí Minh là niềm vinh dự, là lẽ sống của tuổi trẻ. Trong suốt 80 năm qua, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và các thế hệ thanh niên Việt Nam đã nối tiếp nhau theo Đảng làm cách mạng, xây dựng và phát triển đất nước, ra sức bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Các thế hệ đoàn viên, thanh niên đã tiếp bước viết nên những truyền thống vẻ vang của tuổi trẻ Việt Nam. Đó là truyền thống yêu nước nồng nàn, trung thành tuyệt đối với Đảng, gắn bó chặt chẽ với lợi ích dân tộc, với nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa; truyền thống xung kích cách mạng, xung phong tình nguyện, sẵn sàng đón nhận và hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ được giao; truyền thống hiếu học, cần cù, sáng tạo; truyền thống đoàn kết, yêu thương, giúp đỡ lẫn nhau. Nối tiếp truyền thống, tuổi trẻ Việt Nam hôm nay vững bước dưới ngọn cờ vinh quang của Đảng, với hoài bão cách mạng đang ngày đêm phấn đấu, đem sức trẻ, nhiệt tình ra sức cống hiến cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Tự hào là đoàn viên, thanh thiếu nhi thành phố mang tên Bác Hồ kính yêu, cùng với tuổi trẻ cả nước, tuổi trẻ Thành phố Hồ Chí Minh quyết đi theo con đường Bác Hồ đã chọn, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, xung kích, tình nguyện thực hiện sự nghiệp dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh. Cùng với Đảng bộ, chính quyền và các tầng lớp nhân dân thành phố, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh Thành phố Hồ Chí Minh và tuổi trẻ thành phố vinh dự, tự hào là những công

dân trẻ thành phố mang tên Bác Hồ kính yêu, đồng thời cũng tự xác định cho mình nhiệm vụ của thế hệ trẻ, lực lượng được Đảng xác định là một trong những nhân tố quyết định tương lai, vận mệnh dân tộc - xung kích xây dựng và phát triển thành phố, xây dựng và phát triển đất nước. Trong suốt chặng đường lịch sử của Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Đoàn Thanh niên Cộng sản thành phố có những đóng góp to lớn trong sự nghiệp đấu tranh giành độc lập, cũng như sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, vinh dự được Đảng và Nhà nước phong tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân và danh hiệu Anh hùng Lao động. Được thành lập, tổ chức và hoạt động trên nền tảng tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh, với sự dìu dắt và lãnh đạo của Đảng bộ thành phố - một Đảng bộ kiên cường, giàu truyền thống trong kháng chiến chống thực dân, đế quốc và rất năng động, sáng tạo trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ thành phố, điều đó càng làm cho các thế hệ cán bộ, đoàn viên, thanh thiếu nhi thành phố ý thức sâu sắc vai trò, trách nhiệm của mình trong việc thống nhất trong ý chí, chung sức trong hành động để xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh thành thành phố xã hội chủ nghĩa, văn minh, hiện đại, nghĩa tình; xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Đối với mỗi đoàn viên, thanh thiếu nhi thành phố, học tập và làm theo tư tưởng và tấm gương đạo đức của Chủ tịch Hồ Chí Minh là mệnh lệnh của trái tim, xét từ hai góc độ quan trọng: góc độ hình thành và trau dồi lòng yêu nước, ý chí cách mạng qua việc học tập tư tưởng của Người, và góc độ trau dồi phẩm chất đạo đức, rèn luyện nhân cách để trở thành những công dân ưu tú, những thanh thiếu nhi có lối sống đẹp. Đây cũng là hai yếu tố cốt lõi, cũng là hai yếu tố có quan hệ biện chứng tạo nên cơ sở lý luận trong tổ chức và cơ sở thực tiễn trong hoạt động của Đoàn. Trong những năm qua, Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Thành Đoàn đã tập trung chỉ đạo các cấp bộ Đoàn trên địa bàn thành phố đã thường xuyên, kiên trì tổ chức các hoạt động học tập tư tưởng Hồ

Chí Minh, cụ thể là 10 chuyên đề tư tưởng Hồ Chí Minh, tìm tòi, sáng tạo nhiều mô hình, giải pháp đạt hiệu quả cao nhằm chuyển tải tư tưởng Hồ Chí Minh đến với thanh niên, điển hình là hội thi Olympic các môn khoa học Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong sinh viên các trường đại học, cao đẳng và học sinh trung cấp chuyên nghiệp. Thực hiện cuộc vận động "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh" trong gần 5 năm qua, Ban Thường vụ Thành Đoàn đã phát động phong trào "Học tập và làm theo lời Bác" thường xuyên, liên tục và sâu rộng trong đoàn viên, thanh thiếu nhi, tổ chức nhiều hoạt động gắn với nhiệm vụ học tập, lao động của đoàn viên, thanh thiếu nhi, điển hình là hội thi "Tuổi trẻ làm theo lời Bác" với hàng ngàn công trình, sản phẩm, phần việc làm theo lời Bác từ cấp thành đến cơ sở.

Thực hiện chỉ thị số 03-CT/TW ngày 14-5-2011 của Bộ Chính trị về việc tiếp tục đẩy mạnh cuộc vận động "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh", trong thời gian tới, Ban Thường vụ Thành Đoàn sẽ tiếp tục phát động mạnh mẽ trong toàn Đoàn phong trào thi đua sáng tạo, tìm tòi những mô hình hay, giải pháp tốt, thực hiện những công trình thanh niên, sản phẩm thanh niên làm theo lời Bác. Mục tiêu công tác Đoàn và phong trào thanh niên thành phố là tập trung chăm lo, bồi dưỡng, giáo dục thanh niên phát triển toàn diện. Định hướng, trang bị cho thanh thiếu nhi tính tích cực chính trị - xã hội để nâng cao phẩm chất, năng lực, trở thành những công dân sống đẹp, sống có ích, có ước mơ và hoài bão lớn, có lý tưởng cách mạng, lòng yêu nước, tinh thần tự tôn dân tộc; xung kích trong quá trình tham gia phát triển kinh tế - xã hội, hội nhập kinh tế quốc tế. Trong quá trình tư duy và tổ chức phong trào, những người làm công tác thanh niên nhận thức rằng Đoàn là người bạn đồng hành với thanh niên trên con đường học tập, rèn luyện và phấn đấu trưởng thành. Những băn khoăn, trăn trở, thậm chí là những hạn chế yếu kém của thanh niên trong quá trình hoàn thiện mình cũng là trăn trở của cán bộ Đoàn, được

cán bộ Đoàn lắng nghe và cùng với thanh niên tìm giải pháp khắc phục. Thông qua việc tiếp tục đổi mới và nâng cao chất lượng hoạt động phong trào, mục tiêu công tác Đoàn và phong trào thanh thiếu nhi thành phố trong những năm tới là tạo môi trường và điều kiện rèn luyện cho các bạn trẻ, giúp các bạn trau dồi kiến thức chuyên môn, tay nghề, năng động, sáng tạo, rèn luyện tác phong công nghiệp, bản lĩnh vững vàng để tự tin hội nhập quốc tế.

Kỷ niệm 100 năm Ngày Bác Hồ ra đi tìm đường cứu nước là một dịp đặc biệt quan trọng để mỗi đoàn viên, thanh niên hướng về Bác, hướng về tư tưởng và tấm gương đạo đức của Người để học tập, rèn luyện, phấn đấu, cống hiến và trưởng thành. Đối với mỗi đoàn viên, thanh thiếu nhi, đặc biệt là đoàn viên, thanh thiếu nhi thành phố mang tên Bác, học tập, làm theo tư tưởng, tấm gương đạo đức của Chủ tịch Hồ Chí Minh không chỉ xuất phát từ đòi hỏi, yêu cầu của cuộc sống, của bản thân, mà còn xuất phát từ tình cảm cao đẹp của tuổi trẻ dâng lên Người.

TRUYỀN HOÀI BÃO TỪ TRÁI TIM CỦA BÁC

LÊ QUANG TRANG*

I. Ngọn lửa yêu thương và khát vọng giải phóng

Trong một lần đến nói chuyện với hội nghị cán bộ công tác vận động quần chúng ở các vùng tranh chấp miền Đông Nam Bộ, vào năm 1974, đồng chí Nguyễn Văn Linh, khi đó là Phó Bí thư Trung ương Cục, phụ trách tuyên huấn, có hỏi chúng tôi rằng "Chuyến công tác này các đồng chí tuyên truyền vận động được bao nhiêu người đến với cách mạng, truyền được bao nhiêu lửa tới người khác để giác ngộ họ". Thấy mấy chúng tôi còn hơi lúng túng, đồng chí nói luôn: "Trước đây, việc tuyên truyền cách mạng là việc làm bất kỳ ở đâu, bất kỳ lúc nào. Có cơ hội là tuyên truyền. Bây giờ nhiều thuận lợi hơn, mà nhiều đồng chí không làm, cứ coi là việc của người khác. Để trống trận địa là kẻ thù có mặt liền đấy, các đồng chí ạ!". Lời tâm sự đầy nhiệt huyết cách mạng của đồng chí khiến tôi nhớ mãi. Việc truyền lửa lý tưởng cho đời sau là nhiệm vụ hàng đầu của người cách mạng, người cộng sản. Đó là hành động cần thiết, là nhiệt tình và trí tuệ của người cách mạng, bởi lẽ, cùng với truyền đi bao giờ cũng bao hàm một nhận thức đánh giá. Phải thấy đúng, thấy tin mới truyền sang người khác được. Nhưng trước hết và trên hết là cần có nhiệt tình truyền lửa.

* Phó Chủ tịch Hội Nhà văn Việt Nam, Chủ tịch Hội Nhà văn Thành phố Hồ Chí Minh

Với tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh, sự vĩ đại ta có thể nhận ra từ nhiều khía cạnh, nhiều sự việc. Năm nay, Đảng và Nhà nước ta kỷ niệm 100 năm Ngày Bác ra đi tìm đường cứu nước, gợi cho chúng ta nhiều suy nghĩ và thấy ở sự kiện này nhiều bài học sâu sắc và sinh động truyền lại cho đời sau.

Đầu năm, vào Tiết Nguyên tiêu, nhân Ngày thơ Việt Nam được tổ chức tại Bến Nhà Rồng, một bạn thơ trẻ hỏi tôi: "Anh nghĩ gì khi tổ chức Ngày thơ tại đây?". Chưa thể trả lời đầy đủ cho người bạn thơ trẻ, nhưng trước sông nước và trời xanh kia, tôi vẫn muốn gợi ra hình ảnh người thanh niên 21 tuổi đời, thân hình mảnh mai, bước lên chiếc tàu buôn kềnh càng với đôi bàn tay trắng, nhưng hoài bão và nghị lực để tìm một con đường giải phóng cho dân tộc thì thật mãnh liệt. Câu chuyện ấy được đề cập đến trong tập *"Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch"* của Trần Dân Tiên. Sách cho biết: Một trí thức ở Sài Gòn tên là Lê, có kể lại: *"Một hôm, anh (người thanh niên Trung Bộ vào Sài Gòn, về sau tôi biết người thanh niên yêu nước đầy nhiệt huyết ấy là Nguyễn Ái Quốc, là Hồ Chủ tịch của chúng ta ngày nay) đột nhiên hỏi tôi: "Anh Lê, anh có yêu nước không?" và khi biết tấm lòng yêu nước của bạn, người thanh niên ấy bộc bạch: "Tôi muốn đi ra ngoài, xem nước Pháp và các nước khác. Sau khi xem xét họ làm như thế nào tôi sẽ trở về giúp đồng bào chúng ta" và khi người bạn băn khoăn lấy đâu ra tiền để đi thì anh giơ hai bàn tay nói: "Đây tiền đây! Chúng ta sẽ làm việc. Chúng ta sẽ làm bất cứ việc gì để sống và để đi"*[1]. Hình dung ra và hiểu khát vọng ấy, hoài bão ấy, niềm tự tin ấy chính là niềm mong ước của chúng tôi với các em, nhìn rộng ra cũng là mong ước của dân tộc với chúng ta. Nếu hôm qua là khát vọng độc lập dân tộc, thì hôm nay, với chúng ta, là dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh. Làm sao truyền được ngọn lửa ấy cho các thế hệ sau, hôm nay, ngày mai và mãi mãi. Có lẽ đó cũng là tâm nguyện của Bác.

1 Trần Dân Tiên, *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1975, tr. 13 - 14.

Nhưng tại sao Bác của chúng ta lại phải rời Tổ quốc ra đi. Cuộc trò chuyện của người bạn tên Lê trong cuốn sách nói trên chỉ mới hé ra một phần rất nhỏ. Trong suy nghĩ của người thanh niên mang khát vọng thay đổi trật tự xã hội, mà anh nhận thấy ở đó quá nhiều bất công, quá nhiều tủi nhục mà người lương thiện phải gánh chịu. Nhưng phương thức nào giải quyết được tình trạng ấy thì anh đang nung nấu. Khâm phục tinh thần anh dũng của lãnh tụ và nghĩa quân Phan Đình Phùng, Hoàng Hoa Thám nhưng đường lối và khuôn mẫu chưa thoát khỏi phạm trù phong kiến; Kính trọng tinh thần yêu nước nhiệt thành của Phong trào Đông du, dựa vào người Nhật để đánh Pháp, của Phan Bội Châu; cải cách đòi dân chủ với hình thái bất bạo động của Phan Châu Trinh; hay phong trào mở mang dân trí, canh tân đất nước của Đông Kinh Nghĩa Thục, nhưng anh vẫn thấy ở tất cả các phong trào yêu nước ấy những mặt hạn chế và anh không đi theo con đường của các cụ. Xót xa trước cảnh thống khổ của đồng bào và hừng hực ý chí muốn đánh đuổi thực dân, giải phóng đồng bào lao khổ, trong nhận thức của người thanh niên mới trưởng thành và giàu hiểu biết ấy, dứt khoát phải tìm một con đường mới. Nhưng con đường nào và bằng cách nào? Và anh muốn ra thế giới, trước hết là các nước phương Tây, xem những kinh nghiệm gì có thể vận dụng cho cuộc đấu tranh của đất nước mình. Khát vọng và hoài bão cao cả ấy là một cuộc lên đường có lý tưởng, với ý thức rõ rệt về sứ mệnh kiếm tìm một con đường mới mà mục tiêu là giải phóng con người, đập tan nô lệ, chứ không phải là một cuộc ra đi tìm việc vu vơ hay những chuyến xuất ngoại bình thường. Và Bác ra đi, dù chỉ với hai bàn tay trắng, nhưng trong lòng mang một khát vọng lớn, một quyết tâm phi thường nhằm thực hiện cho được mục đích đã chọn.

Sau này, qua nhiều nguồn tài liệu, chúng ta càng ngày càng hiểu thêm suy nghĩ của Bác trong những ngày tháng Sáu năm 1911 ấy. Sự lựa chọn mang tính lịch sử của Bác đã mở ra cho dân tộc một hướng đi mới trên con đường tìm kiếm độc lập, tự do, ở

thời buổi đen tối đầu thế kỷ trước. Và Bác đã thành công, vì con đường mà Bác tiếp cận, tiếp thu đã đem lại thành công bằng việc ra đời nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa vào năm 1945.

Mục đích hoạt động cách mạng của Bác, về sau, Bác đã thổ lộ trong buổi gặp các nhà báo năm 1946: *"Tôi chỉ có một ham muốn, ham muốn tột bậc, là làm sao cho nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn, áo mặc, ai cũng được học hành"*. Thật giản dị mà vô cùng vĩ đại. Hoài bão ấy ở những thời điểm khắc nghiệt như vậy chỉ có thể có trong những trái tim vĩ đại hết lòng vì nước vì dân.

Năm 1969, khi Bác từ trần, một nhà thơ lớn của Cuba nhận xét: Hồ Chí Minh là một vĩ nhân, Người mất đi càng cho ta nhận ra phần vĩ đại của Người. Quả đúng như vậy. Bây giờ, đã hơn 40 năm Người từ biệt cõi đời, ta càng hiểu thêm nhiều phẩm chất mà lúc Người sống ta nhận biết chưa hết. Chỉ riêng hình ảnh và suy nghĩ của một thanh niên với vóc dáng thư sinh, dám từ biệt tất cả, với hai bàn tay trắng lên tàu làm phụ bếp để ra nước ngoài tìm con đường cứu nước, cứu dân khỏi cuộc đời nô lệ, đã là một tấm gương, một nghị lực còn phải tìm hiểu lâu dài. Hoài bão và nghị lực ấy, xứng đáng cho chúng ta và các thế hệ sau học tập, làm theo. Điều đó như ngọn lửa ấm sáng cần truyền cho các thế hệ sau, để thành quả hôm nay trường tồn và ngày càng lan tỏa, phát triển.

II. Lắng đọng mà bền sâu

Tất nhiên, có nhiều cách để truyền ngọn lửa kia. Với nhận thức sâu sắc rằng *"Văn học, nghệ thuật là bộ phận đặc biệt nhạy cảm của văn hóa, thể hiện khát vọng của con người về chân - thiện - mỹ, có tác dụng bồi dưỡng tình cảm, tâm hồn, nhân cách, bản lĩnh các thế hệ công dân, xây dựng môi trường đạo đức trong xã hội, xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa"*[1], có sức mạnh to lớn trong việc cảm hóa trái tim con người, tạo ra sự giáo dục sâu sắc

1 Nghị quyết 05 của Bộ Chính trị (Khóa VI), ngày 28-11-1987

mà bền lâu, bởi vậy, bằng nghề nghiệp của mình, tôi thường nghĩ tới những trang văn thơ, mà từ ngàn xưa, nhân loại đã nhận thức và sử dụng như một phương tiện truyền tải cực kỳ hiệu quả. Thơ ca, không chỉ tạo cảm xúc thẩm mỹ cho con người mà còn là một phương tiện quan trọng, tinh tế và uyển chuyển, truyền đi những thông điệp mang tính chính trị và đạo đức, không phải phương tiện nào cũng có thể có được.

Và trong không khí của những ngày này, trong tôi và nhiều đồng nghiệp, thường vang lên câu thơ *"Đất nước đẹp vô cùng, nhưng Bác phải ra đi"*[1], lời mở đầu trong bài *Người đi tìm hình của nước* của nhà thơ lớn Chế Lan Viên. Có điều gì đó vừa tha thiết vừa xót xa. Tha thiết vì đó là tình yêu Tổ quốc được giãi bày. Đất nước mình đẹp không chỉ là những phong cảnh của sông núi biển trời mà ai được đến, được qua đây cũng đều ca ngợi, nhưng với mỗi người con dân nước Việt, Tổ quốc mình còn đẹp bởi đó là máu thịt, là quê hương, trong đó chất chứa biết bao sợi dây tình cảm thiêng liêng và sâu sắc. Bác của chúng ta cũng vậy. Nhưng Bác phải ra đi... vì đất nước đang nô lệ, dân tộc đang lầm than. Nhà thơ thương cảm bày tỏ lòng mình *"Cho tôi làm sóng dưới con tầu đưa tiễn Bác/ Khi bờ bãi dần lui, làng xóm khuất / Bốn phía nhìn không bóng một hàng tre"*. (Chế Lan Viên)

Từ một góc nhìn khác, khi viết về sự kiện này, nhà thơ Tố Hữu cũng đề cập tới sự cực khổ của Bác trong những tháng ngày gian lao ấy: *"Từ đó Người đi những bước đầu/ Lênh đênh bốn biển một con tàu/ Cuộc đời sóng gió. Trong than bụi/ Tay đốt lò, lau chảo, thái rau"*. Khó có thể nói hết những ngày khổ cực của Bác trong cuộc tìm kiếm lịch sử ấy, có khi phải chịu cả đói rét ngay chính giữa những đô thị giàu sang bậc nhất của thế giới, như Paris, Luân Đôn mà câu chuyện về viên gạch dùng sưởi ấm những đêm đông nhiều thế hệ đã nghe, bây giờ Chế Lan Viên gợi lại : *"Có nhớ chăng hỡi gió rét thành Ba Lê?/ Một viên gạch hồng, Bác chống*

1 Từ đây, những câu trích in nghiêng trong ngoặc kép là thơ của các nhà thơ, trích từ tập *Người đi tìm hình của nước*, Nxb. Hội nhà văn, Hà Nội, 2011.

lại cả một mùa băng giá/ Và sương mù thành Luân Đôn, ngươi có nhớ/ Giọt mồ hôi Người nhỏ giữa đêm khuya".

Bác đến nhiều nơi, bàn chân Người đặt lên nhiều xứ sở. Câu thơ của Chế Lan Viên khái quát: *"Người đi hỏi khắp bóng cờ châu Mỹ, châu Phi/ Những đất tự do những trời nô lệ/ Những con đường cách mạng đang tìm đi".* Và bằng sự sáng suốt của người trí thức yêu nước yêu dân, người thanh niên Nguyễn Ái Quốc nhận thấy bóc lột và bị bóc lột là bản chất của xã hội có giai cấp, Đông phương hay Tây phương cũng đều diễn ra như vậy: *"Á, Âu đâu cũng lòng trong đục/ Vàng máu chia hai cảnh khổ giàu".* (Tố Hữu)

Đến khi gặp được *Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa* của Lênin, Người đã thấy trong ánh sáng của chủ nghĩa Mác - Lênin sự tương đồng về lý tưởng kiếm tìm: *"Mác - Lênin đến từng trang đỏ/ Chân lý đây rồi lẽ tử sinh".* (Tố Hữu)

Chế Lan Viên diễn đạt cụ thể hơn tâm trạng phấn khởi của Người trong sự kiện này: *"Luận cương đến Bác Hồ. Và Người đã khóc/ Lệ Bác Hồ rơi trên chữ Lênin"* và *"Bác reo lên một mình như nói cùng dân tộc/ Cơm áo là đây! Hạnh phúc đây rồi!/ Hình của Đảng lồng trong hình của nước/ Phút khóc đầu tiên là phút Bác Hồ cười".*

Từ cuộc ra đi ấy, Người đã đến với chủ nghĩa Mác - Lênin, đến với các phong trào cách mạng trên thế giới, giác ngộ và vận dụng vào tình hình thực tiễn cách mạng Việt Nam, để trở thành người có công đầu trong việc kết hợp chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa cộng sản, kết hợp độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, đem đến tương lai cho đất nước ngày hôm nay.

Đấy là giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh, và chúng tôi nghĩ, đấy cũng chính là ngọn lửa cần truyền lại cho các thế hệ sau, không chỉ để tiếp tục trên con đường lớn, mà còn là vũ khí sắc bén

chống lại những quan điểm sai trái, những luận điệu thù địch, nảy sinh trên bước đường đi tới của cách mạng.

Chúng ta đã có nhiều tác phẩm văn thơ nói về cuộc đời của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Nhưng các tác phẩm viết về sự kiện Bác ra đi tìm đường cứu nước vào tháng 6 năm 1911 vẫn có giá trị riêng. Bởi đây là một bước ngoặt cực kỳ quan trọng trong cuộc đời hoạt động của Bác. Vẫn biết, sau sự kiện này, bao chân trời mở ra, nhưng bao nhiêu khó khăn đang rình rập Người, và tương lai đường đi của đất nước ra sao chưa thể hình dung nổi. Trong tâm hồn người nghệ sĩ, thì càng thương Bác lại càng tự trách mình: *"Lũ chúng ta ngủ trong giường chiếu hẹp/ Giấc mơ con đè nát cuộc đời con/ Hạnh phúc đựng trong một tà áo đẹp/ Một mái nhà yên rủ bóng xuống tâm hồn"*. (Chế Lan Viên)

Nhưng có lẽ cao hơn tất thảy chính là hình ảnh Bác, tình yêu thương bao la của Bác có sức lay động, khích lệ mỗi số phận trên bước đường đời, trong đó, những người con quê ở miền Nam, có dịp hoặc chưa có dịp được gặp Người, đều tìm thấy trong trái tim đầy yêu thương của Bác, hình bóng người cha thân thương, người mẹ dịu hiền, người thầy vĩ đại, và hình ảnh đó có sức cổ vũ rất lớn trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng miền Nam thống nhất đất nước. Tình cảm của đồng bào miền Nam với Bác và Bác với miền Nam được nhà thơ Tố Hữu đề cập: *"Bác nhớ miền Nam, nỗi nhớ nhà/ Miền Nam mong Bác, nỗi mong cha/ Bác nghe từng bước trên tiền tuyến/ Lắng mỗi tin mừng tiếng súng xa"*.

Khi Bác mất, nhà thơ Việt Phương nhận ra thêm những phẩm chất mà có khi ngày thường chưa thấy: *"Cả dân tộc khóc người thương mình nhất/ Người được thương trên tất cả người thương/ Người suốt đời quên mình cho Tổ quốc/ Khi ra đi chỉ dép lốp chiến trường/ Nguồn ánh sáng đến muôn đời chẳng tắt/ Vượt cao hơn cái chết, vẫn soi đường"*.

Và Tố Hữu thì khái quát sự tinh khiết vĩ đại của tâm hồn, con người Bác: *"Bác để tình thương cho chúng con /Một đời thanh bạch chẳng vàng son / Mong manh áo vải hồn muôn trượng/ Hơn tượng đồng phơi những lối mòn"*.

Sau này trong bài thơ dài *Theo chân Bác*, khắc họa sâu hơn cuộc đời Bác, nhà thơ cũng nhắc lại phẩm chất này nhưng dưới một góc nhìn khác, hình ảnh khác: *"Chỉ biết quên mình cho hết thảy/ Như dòng sông chảy, nặng phù sa"*. Hoặc *"Như đỉnh non cao tự giấu mình/ Trong rừng xanh lá, ghét hư vinh"*.

Và khi khói lửa đang còn nóng bỏng nơi chiến trường miền Nam thì tấm lòng của chiến sĩ, nhà thơ nơi tiền tuyến với Bác cũng là tình nghĩa thủy chung son sắt với lý tưởng của Đảng, của Bác Hồ, và chắc niềm tin vào chiến thắng của cách mạng.

Nhà thơ Xuân Miễn, trong ngày tập kết, cầm gói đất của bà má miền Nam gửi ra miền Bắc, dâng lên Bác, với lời dặn giản dị, nghĩa tình mà ẩn chứa một niềm tin không gì lay chuyển nổi:

"Kính dâng lên Cụ đất này/ Sạm dòng máu đỏ những ngày đau thương/ Đất này mảnh đất quê hương/ Cùng chung máu thịt giang sơn Lạc Hồng/ Xin dâng Cụ cả tấm lòng/ Cụ tin ở bức Thành đồng miền Nam".

Nhà thơ Thanh Hải, người gắn bó với mảnh đất Trị - Thiên khắc khổ cũng giãi bày lòng thủy chung của những người con đầu giới tuyến: *"Giặc kia muốn cắt sơn hà/ Mà miền Nam vẫn hướng ra Bác Hồ/ Hướng về sắc đỏ ngọn cờ/ Về ngày Nam Bắc cõi bờ liền nhau"*.

Nhà thơ Chim Trắng, viết bài thơ *Khi nghĩ về Bác Hồ*, lúc còn khá trẻ, cũng có cách diễn đạt hàm chứa nhiều hình ảnh chân thành và sâu sắc: *"Ở miền Nam khi ta nghĩ đến Người/ Là tất cả những gì ta yêu, ta quý/ Là hiện tại, tương lai, quá khứ/ Cứ hiện về trong mỗi phút giây/ Cứ bên ta trong từng trận đánh/ Cứ bên ta trong mỗi chén cơm đầy"*.

Nhà thơ Thu Bồn nghe tin Bác mất, giữa những ngày mưa lũ, nước sông Hồng dâng cao, từ chiến trường ông chia sẻ niềm đau và xin hứa: *"Cho con làm nắm đất nồng/ Chắn đê giữ nước sông Hồng đang lên/ Cho con làm một mũi tên/ Xòe năm cánh nhọn giương tên Thành đồng"*.

Còn Viễn Phương, sau ngày miền Nam giải phóng, đất nước thống nhất mới được ra viếng Bác, trong không khí trang nghiêm của nơi Bác yên nghỉ ngàn thu và trước nỗi lòng yêu thương tha thiết, ông mong được hóa thân làm cỏ cây hoa lá để luôn luôn được gần gũi bên Bác: *"Muốn làm con chim hót quanh lăng Bác/ Muốn làm đóa hoa tỏa hương đâu đây/ Muốn làm cây tre trung hiếu chốn này"*.

III. Những việc làm cụ thể và thiết thực

Kỷ niệm 100 năm Ngày Bác Hồ ra đi tìm đường cứu nước, Hội Nhà văn Thành phố Hồ Chí Minh, trong chức năng và nhiệm vụ của mình, cũng đề ra những hoạt động thiết thực. Vào đúng Nguyên tiêu Rằm tháng Giêng (Âm lịch) vừa qua, tại Bến Nhà Rồng, Ngày thơ Việt Nam lần thứ IX, với chủ đề *Từ thành phố này Người đã ra đi,* được tổ chức trọng thể và thành công, thu hút sự quan tâm đặc biệt của đông đảo các nhà thơ và công chúng, được xem như một sự kiện văn hóa văn nghệ gây tiếng vang tốt mở đầu năm mới. Trong ngày thơ sôi nổi ấy, từ các sân thơ khác nhau, các nhà thơ, nghệ sĩ nổi tiếng của thành phố và của cả nước, cũng như các nhà thơ trẻ, đã bày tỏ cảm xúc qua những bài thơ, bài hát viết về Chủ tịch Hồ Chí Minh; các câu lạc bộ thơ gắn với phong trào, với nhiều sáng tạo đã đem đến cho công chúng thành phố những cách tiếp cận hấp dẫn với thơ ca, với cuộc đời của Bác, tạo nên những ấn tượng và nhận thức mới về con người cũng như cuộc đời phong phú của Bác kính yêu. Trong dịp Ngày thơ này, Hội Nhà văn Việt Nam, phối hợp Hội Nhà văn Thành phố Hồ Chí Minh, cho ra mắt bạn đọc tập thơ *Người đi tìm hình của nước,* bao gồm

những thi phẩm hay nhất viết về Chủ tịch Hồ Chí Minh của các nhà thơ trong nước và thế giới, nói như Chủ tịch Hội Nhà văn Việt Nam thì đây là "một bản giao hưởng xúc động và thiêng liêng, là tiếng nói đại diện của hàng triệu trái tim dâng lên Người". Và cũng nhân dịp Kỷ niệm Ngày sinh của Bác, một đêm thơ với chủ đề *Theo chân Bác*, hội tụ những bài thơ, bài hát hay nhất về Bác của những thi sĩ, nhạc sĩ lớn của đất nước và của thành phố chúng ta, vang lên tại nhà hát trung tâm của thành phố mang tên Bác, không chỉ nhắc nhớ những hình ảnh, những kỷ niệm gắn bó với một thời đoạn đã qua của lịch sử, mà còn gợi cho chúng ta những bài học quý giá cho tình hình hiện nay. Và vào cuối tháng 5, Hội nghị những người viết văn trẻ được tổ chức, với mục tiêu nâng cao nhận thức về truyền thống yêu nước, lịch sử cách mạng, tư tưởng và tấm gương đạo đức của Bác, khơi gợi niềm tự hào, hoài bão và trách nhiệm của tuổi trẻ nói chung, và người cầm bút trẻ nói riêng, trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hôm nay. Chúng tôi tin, hình ảnh và bài học từ người thanh niên 21 tuổi, cách đây tròn một thế kỷ lên đường tìm đường cứu nước, giành độc lập cho dân tộc, đem lại tự do, hạnh phúc cho nhân dân, sẽ tác động tích cực và mạnh mẽ vào tâm hồn những cây bút viết văn trẻ của thành phố. Nhìn rộng hơn, chúng tôi cũng được biết, trong thời gian qua, nhiều nhà văn nhà thơ của thành phố đã có những sáng tác, những công trình nghiên cứu, bình luận về cuộc đời của Bác, văn thơ của Bác, và bây giờ vẫn đang tiếp tục sáng tạo những trước tác mới, nhân sự kiện lịch sử giàu ý nghĩa này. Và chúng tôi nghĩ, đó không chỉ là tình yêu, lòng kính trọng mà còn là một cách truyền lửa thiết thực và cụ thể, để những hoài bão cao cả của Bác, phẩm chất cao đẹp từ tấm gương của Bác, lan tỏa đến với mọi người, đặc biệt là những thế hệ trẻ.

BÁC HỒ - NGƯỜI THẦY VĨ ĐẠI CỦA BÁO CHÍ CÁCH MẠNG VIỆT NAM

HUỲNH DŨNG NHÂN*

Bác Hồ - Người gắn liền hoạt động báo chí với hoạt động cách mạng

Trong cuộc đời bôn ba hải ngoại tìm đường cứu nước của Bác Hồ, một trong những công việc Người làm đầu tiên là học viết báo và làm báo. Suốt 79 năm đời mình, Người cũng đã có 50 năm liên tục cầm bút viết báo. Cuộc đời hoạt động cách mạng của Người luôn gắn chặt với hoạt động viết báo viết văn. Ba lần Người cảm thấy hạnh phúc nhất trong công việc cầm bút là lần đầu tiên được đăng một bài báo, lần đầu tiên được đăng một truyện ngắn và là lần viết xong *Tuyên ngôn Độc lập* năm 1945, một tác phẩm được coi là "thiên cổ hùng văn".

Ngoài tầm cỡ một lãnh tụ vĩ đại, một danh nhân văn hóa, có thể nói Bác Hồ còn là một nhà báo tài ba, uyên bác và có tay nghề xuất sắc. Bác đã sử dụng ngòi bút tinh luyện xuất chúng của mình như một vũ khí sắc bén, trở thành "đòn xoay chế độ", vì Bác quan niệm rằng *"cán bộ báo chí cũng là chiến sĩ cách mạng. Trang giấy cây bút là vũ khí sắc bén của họ"*. Sinh thời Bác không nhận mình là nhà báo, mà chỉ là "người có duyên nợ với báo chí". Những bài

* Phó Chủ tịch Hội Nhà báo Thành phố Hồ Chí Minh, Tổng Biên tập Tạp chí *Nghề báo*.

viết của Bác không đơn giản chỉ là viết tuyên truyền mà là những bài viết nêu rõ quan điểm sự chỉ đạo của Đảng, Chính phủ về những vấn đề to lớn của đất nước. Đặc biệt trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, những bài viết của Bác có tính chất như một lời kêu gọi, có tác dụng vô cùng to lớn, trở thành sức mạnh tinh thần mạnh mẽ cổ vũ toàn dân tham gia kháng chiến giành độc lập, thống nhất đất nước. Bác từng nhấn mạnh: *"Cây bút là vũ khí sắc bén, bài báo là tờ hịch cách mạng động viên quần chúng đoàn kết đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân cũ và mới, là vũ khí sắc bén trong sự nghiệp phò chính trừ tà..."*. Và hơn thế nữa, sau khi nhận rõ vai trò và tác động to lớn của báo chí trong đấu tranh tìm đường giải phóng dân tộc, giành độc lập tự do cho Tổ quốc, Bác rất tâm đắc với câu nói của Lênin: "Không có tờ báo chính trị thì không thể có phong trào chính trị". Điều này có thể thấy rõ bằng hành động của Bác, trong mỗi giai đoạn cách mạng, phong trào cách mạng, Bác đều thành lập ra những tờ báo phù hợp để tuyên truyền kịp thời cho giai đoạn ấy, phong trào ấy. Ngay sau Cách mạng tháng Tám thành công, Bác đã quyết định thành lập Đài Phát thanh tiếng nói Việt Nam, góp phần tạo thêm sức mạnh vũ khí tuyên truyền rất sắc bén và hữu hiệu lúc bấy giờ. Bác viết báo say mê thế nào thì cũng đọc báo say mê thế ấy. Điều đáng chú ý là Bác luôn tự đọc báo, dậy sớm để đọc báo, vừa đọc vừa lấy ngón tay dò theo từng dòng chữ để không bỏ sót, chú ý điều gì Bác đều đánh dấu ngay bên lề, chỉ đạo ngay việc cần làm. Sau này khi Bác đã yếu, đã suy giảm thị lực thì Bác mới nhờ các đồng chí thư ký đọc báo cho nghe. Người làm báo Việt Nam tự hào biết bao khi có một Độc Giả Số Một là Chủ tịch Hồ Chí Minh từng đam mê đọc báo và coi báo chí sẽ đem lại hiệu ứng xã hội thiết thực, như một món ăn tinh thần không thể thiếu được trong cuộc đời hoạt động cách mạng của mình.

Cái "duyên nợ với báo chí" kéo dài suốt đời hoạt động cách mạng của Bác đã cho thấy Bác không chỉ là một nhà báo mà còn

là người sáng lập ra Báo chí Cách mạng Việt Nam. Bác từng viết nhiều thể loại báo chí, từ những tin ngắn đến những bài chính luận phóng sự. Bác từng tham gia hầu hết các công đoạn làm báo như làm chủ bút, chụp ảnh viết bài, biên tập, vẽ minh họa, sửa bản in, và thậm chí cả đi bán báo. Bác từng nói kinh nghiệm làm báo của Bác là kinh nghiệm ngược. Bác từng làm báo ở nước ngoài trước rồi mới làm báo trong nước. Đầu tiên Bác làm báo ở Pháp, Bác trở lại Pháp năm 1918, 4 năm sau, vào năm 1922 Bác đã sáng lập ra tờ *Le Paria* xuất bản tại Paris. Khi về nước Bác mới lập ra, chỉ đạo và trực tiếp viết 9 tờ báo ở Việt Nam, như các báo *Người cùng khổ* năm 1922, *Quốc tế nông dân* năm 1924, *Thanh niên* năm 1925, *Công nông* năm 1925, *Lính Kách mệnh* năm 1925, *Thân ái* năm 1928, *Đỏ* năm 1929, *Việt Nam độc lập* năm 1941, *Cứu Quốc* năm 1942. Đặc biệt bằng việc sáng lập tờ báo *Thanh niên*, tờ báo của Thanh niên Cách mạng đồng chí hội, ra số đầu tiên vào 21-6-1925, Bác đã khai sinh ra nền Báo chí Cách mạng Việt Nam, chính Bác đã trực tiếp chỉ đạo 88 số báo *Thanh niên* trong thời kỳ này. Và ngày 21 tháng 6 hàng năm đã được chọn là ngày Báo chí Cách mạng Việt Nam. Ngoài ra Bác còn là người chỉ đạo, cộng tác thân thiết với các báo của Đảng như *Búa liềm*, *Tranh đấu*, *Tiếng nói của chúng ta*... Sau Cách mạng tháng Tám Bác tiếp tục cộng tác, tổ chức và cho ra đời nhiều tờ báo mới, nhưng đặc biệt Bác dành nhiều công sức và tình cảm nhất cho báo *Nhân dân* (tiền thân là báo *Sự thật*) từ số đầu tiên của báo 1951 đến số báo 5526 ngày 1-6-1969 Bác đã viết và đăng tổng cộng 1.205 bài báo với khoảng 20 bút danh khác nhau trên báo *Nhân dân*.

Bác Hồ - một nhà báo lớn để lại nhiều bài học lớn cho Báo chí Cách mạng Việt Nam

Bác là người nói và viết được bằng nhiều thứ tiếng Pháp, Nga, Trung Quốc, đầu tiên là nhờ Bác có một chút vốn tiếng Pháp khi còn học ở Quốc học Huế. Sau đó là có thời gian bôn ba ở nước ngoài. Đến nước nào Bác cũng bắt tay vào tự học tiếng nước đó,

rảnh tay là học, mỗi ngày cố gắng thuộc 10 từ, vừa học vừa hành. Vì thế Bác có những bước tiến rất nhanh, có khi sau hai tháng đã có thể giao tiếp được bằng tiếng nước ngoài, sau vài tháng nữa Bác đã viết tin bằng tiếng nước ngoài. Viết rồi sửa, rồi đối chiếu với bài người ta sửa giúp, cứ thế Bác rất mau chóng nắm được tiếng nước ngoài để phục vụ cho công việc viết báo cũng như hoạt động cách mạng. Bác quan tâm đến báo chí cho đến những năm cuối cùng của cuộc đời. Bài báo thực sự đầu tiên của Bác là vào năm 1919 (đó là bài *Vấn đề dân bản xứ*, đăng trên báo L'Humanité (Nhân đạo) của Pháp, bài báo cuối cùng là bài viết về thiếu nhi vào ngày 1 tháng 6 năm 1969. Theo Giáo sư - Tiến sĩ Tạ Ngọc Tấn, trong khoảng 50 năm cầm bút, Bác đã viết hơn 2.000 bài báo, 276 bài thơ, gần 500 trang truyện và ký, Bác có gần 200 bút danh, Bác cũng từng chỉ đạo mở lớp đào tạo hơn 300 cán bộ báo chí... Con số đó cho thấy khối lượng công việc của một người cầm bút như Bác rất lớn, rất chuyên nghiệp. Bác khuyên "nhà báo phải biết ít nhất một ngoại ngữ" và Bác đã là một tấm gương lớn về việc này, vì Bác có thể viết và sử dụng thành thạo 3 thứ tiếng là Pháp, Nga, Trung. Bây giờ đã hết thập niên đầu của thế kỷ XXI, soi rọi lại mới thấy yêu cầu "mỗi nhà báo phải biết ít nhất một ngoại ngữ" của chúng ta chưa phải là phổ cập. Một học giả cho rằng khối lượng công việc của một người tự cho rằng "chỉ có duyên nợ với báo chí" mà như thế thì đến nay vẫn chưa nhà báo, nhà văn chuyên nghiệp nào của chúng ta vượt qua được. Một nhà sử học của Pháp đã thốt lên đầy ngạc nhiên sau khi nghiên cứu về các tác phẩm của Bác Hồ: "*Nếu Nguyễn Ái Quốc không phải bận việc lớn là lãnh đạo Cách mạng Việt Nam mà chuyên tâm theo con đường cầm bút thì chắc chắn ông đã là một trong những nhà văn lớn nhất thế giới thế kỷ XX*".

Bác là người khiêm tốn nên thường chỉ tự nhận mình là người "có ít nhiều kinh nghiệm làm báo", nhưng cái ít nhiều kinh nghiệm ấy là cả một kho tàng kinh nghiệm và không bao giờ cũ. Bác cũng

rất chú ý đến sự đính chính, xin lỗi bạn đọc, điều mà nhiều tờ báo hiện nay còn tránh né. Vào thời của Bác không biết đã có công thức 5W (Ai, Cái gì, Ở đâu? Khi nào? Tại sao?) chưa? Nhưng những kinh nghiệm của Bác truyền lại chính là những công thức đấy, được Bác nêu ra dưới một hình thức giản dị, dễ hiểu và ngắn gọn. Chúng tôi nhận thấy trong tất cả những bài báo, những bài phát biểu đến ngôn phong nói chuyện, Bác đều chú ý đến tính mục đích và đối tượng, đến mục tiêu và ý nghĩa, đến sự truyền đạt nhanh, ngắn gọn, lý thuyết đi đôi với thực tiễn, dễ tiếp thu, dễ hiểu. Tư tưởng của Bác là báo chí chính là công cụ để hoạt động cách mạng, để phục vụ nhân dân, để đấu tranh với cái xấu, và tuyên truyền cho cái tốt, cái mới... Chính vì thế mà các thế hệ nhà báo học Bác ở chỗ: phải trả lời được ba câu hỏi trước khi viết, đó là viết cho ai? Viết để làm gì và viết như thế nào? Trả lời được ba câu hỏi này, ý tưởng của mỗi nhà báo chúng ta sẽ dứt khoát, phương pháp thể hiện bài báo sẽ hiện ra, mục đích của bài báo sẽ rõ ràng...

Với Bác - Quan điểm phục vụ là một phần của đạo đức báo chí

Một nhà nghiên cứu đã nói rất đúng: "*Trong tư duy của Người đối tượng của báo chí không chỉ dành riêng cho một số tầng lớp nào đó mà nhất thiết phải hướng về 'đại đa số dân chúng'. Tính chất báo chí, theo Bác, chính là tinh thần quần chúng và tính chiến đấu...*" Bác dạy: Nhà báo phải là người chí công vô tư, hiểu biết rộng và có cái tâm trong sáng. Đạo đức báo chí trước hết thể hiện ở những mặt ấy. Người hết sức chú trọng về mặt đạo đức báo chí, hễ có dịp gặp gỡ các nhà báo là người đề cập đến vấn đề này. Chính Bác cũng là một tấm gương về đạo đức cao cả của báo chí, mà thể hiện rõ rệt nhất là người làm báo để phục vụ cách mạng, cho nhân dân, không viết để lưu danh thiên cổ, mà viết để tuyên truyền giáo dục lý tưởng cách mạng. Bác đã để lại tấm gương sáng về mục đích viết báo của mình. Bác viết cho cả những tờ báo nhỏ,

Bác viết cho cả các em thiếu nhi, Bác viết tiết kiệm trên một mặt giấy của tờ giấy đã dùng. Bác bao giờ cũng nhờ người phục vụ có văn hóa thấp đọc trước xem có dễ hiểu không rồi mới cho đăng. Bác viết lỡ có chi tiết sai là tự đính chính. Bác là lãnh tụ của đất nước mà cầm bút viết bài khen ngợi hai anh hùng ngành quân giới là Trần Đại Nghĩa và Ngô Gia Khảm. Sau Cách mạng tháng Tám có một tờ báo tư nhân đến xin bài Bác cũng sẵn sàng viết tặng một bài thơ chúc Tết. Là một người có trình độ, chữ nghĩa uyên thâm song Bác luôn viết bằng tất cả ngôn ngữ giản dị trong sáng dễ hiểu nhất. Nhuận bút của Bác mà tòa soạn "quên trả" là Bác... đòi, nhưng Bác dùng nhuận bút ấy để gửi cho các nhà trẻ. Quan điểm viết cho dân chúng đọc đã xuyên suốt các hoạt động và suy nghĩ của Người khi cầm bút viết báo, và Người cũng luôn dặn người viết báo phải xác định được động cơ viết báo. Bác cho rằng: Báo chí "cũng là một ngành kinh tế" và cũng phải biết bán báo vì "muốn nấu cơm phải có gạo", nhưng không vì thế mà quên đi tính chiến đấu, tính tập thể của nghề báo, không vì thế mà buông lỏng ngòi bút vì mục đích cá nhân riêng tư. Bác luôn là người kỹ càng thận trọng trong viết báo, viết văn. Bác đặt ra tiêu chí với các nhà báo: *"Viết phải đúng sự thật, không được bịa ra, không nên nói ẩu. Chưa điều tra, chưa nghiên cứu, chưa biết rõ, chớ viết"*.

Báo chí Việt Nam học tập tấm gương đạo đức Bác Hồ trong nghề báo

Báo chí Cách mạng Việt Nam tự hào đã có một lãnh tụ của đất nước rất quan tâm đến công việc làm báo, hơn thế nữa, Người lại là một nhà báo xuất chúng, là người sáng lập ra Báo chí Cách mạng Việt Nam. Học tập tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh đối với các nhà báo Việt Nam còn là học tập tấm gương làm báo vì dân, vì nước của Người.

Viết cho ai? Câu hỏi này nhằm xác định đối tượng phục vụ của tờ báo. Mỗi tờ báo có một đối tượng độc giả riêng nên sẽ chọn đề tài phục vụ mục đích tôn chỉ của báo mình. Có thể với một đề tài

này báo này sẽ đăng nhưng báo khác sẽ không đăng, vì đối tượng độc giả của họ khác nhau. Viết cho ai còn là câu hỏi để xác định đối tượng bạn đọc cụ thể của từng bài báo cụ thể. Mỗi tác giả khi bắt đầu viết một bài báo cần thiết phải hình dung ra bạn đọc của mình là ai? Họ sẽ phản ứng thế nào? Họ sẽ tìm thấy điều gì trong bài viết của mình? Cũng từ câu hỏi này mà tác giả hiểu được rằng phải viết cái bạn đọc cần chứ không chỉ viết cái nhà báo cần.

Kèm theo lời khuyên "viết cho ai" này, Bác còn dạy: *"Một tờ báo không được đại đa số quần chúng ham chuộng thì không xứng đáng là một tờ báo"*. Nhìn thực tế báo chí hiện nay, có một số tờ báo sống được là nhờ quảng cáo, hoặc được bao tiêu đầu ra, chứ không phải do tiền túi của bạn đọc hâm mộ bỏ ra mua. Làm một tờ báo ngành mà chính bạn đọc của ngành ấy không biết đến và không mua tờ báo đó thì báo chưa xác định đúng đối tượng của mình. Làm báo không có độc giả là một điều cần suy nghĩ khi đối chiếu với lời dạy " viết cho ai" của Bác.

Câu thứ hai Bác dạy nhà báo chúng ta là "viết để làm gì?" câu hỏi này cũng không khó trả lời, nhưng làm theo không phải dễ. Đây là câu hỏi để xác định tính mục đích của bài báo. Trong vô vàn đề tài, ta chọn đề tài nào cho thỏa mãn cả ba điều: ý nghĩa chính trị xã hội, cơ quan chủ quản và bạn đọc. Có những đề tài hay, rất thu hút người đọc nhưng viết ra không có lợi cho đất nước thì ta có nên viết không? Có những đề tài không hay nhưng viết ra đem lại hiệu quả thiết thực cho người dân, cho xã hội thì nên viết thế nào? Viết về những người thầm lặng đi cắm cột mốc biên giới chắc khó hơn viết về một cuộc thi hoa hậu nhưng rất cần viết vì đây là vấn đề lãnh thổ chủ quyền của đất nước. Mở một diễn đàn về nhà vệ sinh cũng cần thiết không kém một diễn đàn về văn hóa môi trường. Viết về một em gái 13 năm bị hành hạ trong một quán phở đã tạo ra một làn sóng dư luận bảo vệ thân phận con người. Câu chuyện hào hùng cách đây gần 40 năm của anh hùng liệt sĩ Đặng Thùy Trâm bây giờ mới viết lại vẫn tươi nguyên ngọn lửa

truyền thống và rất đời của một thế hệ xẻ dọc Trường Sơn đi cứu nước... Bác dạy: Viết để làm gì? và Bác đã khuyên rằng "viết để giáo dục, giải thích, cổ động, phê bình, để phục vụ quần chúng". Đồng ý là tờ báo nào cũng có những loại tin bài để phục vụ việc bán báo, nhưng dừng ở mức độ vừa phải, chừng mực. Trước khi đăng những bài về vấn đề này, nếu đặt câu hỏi "viết để làm gì?" chắc bài viết sẽ có liều lượng khách quan hơn.

Cuối cùng, câu hỏi thứ 3 của Bác đề ra là viết "như thế nào?" Câu này nêu lên yêu cầu của bài viết, đi sâu vào kỹ thuật thể hiện của bài viết, đồng thời cũng nêu lên sự tôn trọng bạn đọc của người viết. Và Bác đã trả lời luôn, viết phải ngắn gọn, dễ hiểu, cho người dân lẫn bác học đều hiểu. Đừng sính chữ ngoại, đừng ví von so sánh cao siêu, đừng dẫn giải dài dòng tràng giang đại hải... dây cà ra dây muống... Bác luôn luôn nói: *"Viết báo mà quần chúng hiểu, quần chúng ham đọc, quần chúng khen hay, thế là các bạn tiến bộ. Trái lại, là các bạn chưa thành công"*. Đối với đài phát thanh (chúng ta quen gọi là báo nói), Bác cũng dặn là phải nói ngắn gọn, dễ hiểu, cái gì cần mới nói. Trong các bài phát biểu, chính Bác là một tấm gương về diễn đạt ngắn gọn dễ hiểu, ngôn ngữ giàu hình ảnh và luôn kèm chi tiết có thực để chứng minh. Điều đó tạo nên sự hùng biện, lôi cuốn. Nhìn lại vấn đề "nói dài nói dai " hiện nay, có thể thấy nhà báo nói riêng và xã hội nói chung còn phải sửa đổi và học tập ở Bác nhiều lắm.

Đã bao nhiêu năm qua, lời Bác dạy trong nghề báo vẫn là những yếu tố mà các thế hệ nhà báo nhớ nằm lòng. Những nhà báo giữ vững được niềm tin không ngừng phấn đấu để cống hiến, những tờ báo giữ vững được mục đích tôn chỉ của mình, rất ít khi có những sai sót không đáng có, hơn nữa, luôn ổn định và trung thành với nền báo chí cách mạng, rất gần gũi với đối tượng bạn đọc của mình... là nhờ có được câu trả lời đúng cho ba câu hỏi nghiệp vụ của nhà báo Hồ Chí Minh nêu ra.

MÃI MÃI KHẮC GHI NGÀY BÁC HỒ RA ĐI TÌM ĐƯỜNG CỨU NƯỚC

TS. NGUYỄN VIỆT HÙNG*

Ngày 05 tháng 06 năm 1911, tại Bến cảng Sài Gòn, một người thanh niên với tên gọi Văn Ba đã xuống con tàu Amiral Latouche Tréville (Amiran Latusơ Tơrêvin), mở đầu cho một cuộc hải trình 40 ngày sang nước Pháp và cũng là mở đầu cho một hành trình 30 năm đi tìm đường cứu nước. Người thanh niên đó sau này là lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc, Chủ tịch Hồ Chí Minh kính yêu của chúng ta.

Vì sao Hồ Chí Minh chọn Sài Gòn làm nơi mở đầu cho chuyến ra đi của mình? Sau khi đã hoàn thành công cuộc xâm lược Việt Nam, thực dân Pháp đã chia nước ta làm 3 kỳ để thực hiện mưu đồ thâm độc về chính trị - chia để trị. Miền Bắc là xứ nửa thuộc địa, nửa bảo hộ. Miền Trung là xứ bảo hộ. Miền Nam là xứ thuộc địa, trực thuộc Phủ Tổng thống Pháp, pháp luật của nước Pháp được áp dụng ở đây. Sài Gòn là thủ phủ chính trị của Nam Kỳ, đồng thời là thủ đô của Đông Dương thuộc Pháp, là cửa ngõ duy nhất mà những người Việt Nam có thể đi ra nước ngoài một cách dễ dàng so với những nơi còn lại trên mảnh đất Việt Nam và điều quan trọng là từ đây có thể đi thẳng sang nước Pháp. Người thanh niên

* Trưởng Khoa Xây dựng Đảng, Trường Cán bộ Thành phố Hồ Chí Minh.

yêu nước Nguyễn Tất Thành đã đi từ Bắc vào Nam, từng dừng chân ở Huế, Quy Nhơn, Phan Thiết... và chắc hẳn Người hiểu rằng chỉ có đến Sài Gòn, Người mới có cơ hội để đi ra nước ngoài và sự lựa chọn đó của Người là đúng đắn vì khi đó, con đường đến với nước Pháp chính là con đường để những người Việt Nam yêu nước có thể chống lại sự đô hộ và thống trị của đế quốc Pháp.

Hồ Chí Minh chọn Sài Gòn bởi vì đây là chiếc nôi của phong trào yêu nước Việt Nam chống Pháp; cũng là nơi sớm xuất hiện và hình thành giai cấp công nhân, phong trào công nhân Việt Nam. Tại đây Nguyễn Tất Thành đã được sự cưu mang, giúp đỡ của những tổ chức yêu nước như Hội Minh tân Sài Gòn với những nhân vật nổi tiếng lúc đó trong những người Việt Nam yêu nước như các ông Trương Gia Mô, Hồ Tá Bang, Trần Lê Chất. Nguyễn Tất Thành đã được những người dân Sài Gòn nghèo khó nhưng giàu lòng nghĩa hiệp đùm bọc, che chở như các ông Lê Văn Đạt ở xóm Rạch Bần (nay là số nhà 185/1 Cô Bắc, quận 1), Lê Văn Hùm, Bùi Văn Viên ở Hãng tàu Năm Sao... Chính họ đã chỉ bảo, hướng dẫn những hiểu biết ban đầu để Nguyễn Tất Thành củng cố thêm quyết tâm ra đi tìm đường cứu nước bằng con đường xuất dương. Một trong những việc thể hiện quyết tâm này là Nguyễn Tất Thành đã xin vào học ở Trường thợ máy thủy (Ecole des Mecaniciens) tại Sài Gòn và sau này khi có cơ hội để xin việc, giấy chứng nhận của trường này đã giúp cho Người xin được một công việc trên con tàu buôn của Pháp mà chúng ta đã đề cập ở trên.

Chuyến đi của Nguyễn Tất Thành phải chăng là sự ngẫu nhiên? Cùng thời với Người, hàng trăm người Việt Nam yêu nước đang hướng về phương Đông có mặt trời rực rỡ của một Nhật Bản "đồng chủng, đồng văn" và thuyết Đại Đông Á vô cùng hấp dẫn; một học thuyết Tam dân đang bùng lên sôi nổi tại đại lục Trung Hoa với nhà cách mạng Tôn Dật Tiên của nước láng giềng gần gũi, có sự tương đồng hàng nghìn năm cùng chịu ảnh hưởng của Nho giáo. Phải chăng Nguyễn Tất Thành đứng ngoài thời cuộc sôi

động đó? Nhớ lại 5 năm, trước khi Người rời bến cảng Sài Gòn, cụ Nguyễn Sinh Sắc và các đồng chí của mình đã từng mong muốn Nguyễn Tất Thành tham gia Đông Du. Sự từ chối của Nguyễn Tất Thành lúc đó và chuyến đi vào ngày 5 tháng 6 năm 1911 là câu trả lời minh triết sự lựa chọn của Người. Điều đáng quan tâm là khi đó Người mới 21 tuổi.

Hải trình 40 ngày trên biển, con tàu Văn Ba sống và làm việc chính là mảnh đất đầu tiên của nước Pháp ở hải ngoại mà Người đặt chân lên. Trên con tàu này, Người đã gặp gỡ, tiếp xúc với nhiều tầng lớp người khác nhau, như một xã hội thu nhỏ của nước Pháp. Trên khoang thượng hạng, Người đã gặp kỹ sư canh nông Bùi Quang Chiêu, một người Việt Nam học ở Pháp về có quốc tịch Pháp. Kỹ sư Bùi Quang Chiêu đã khuyên Người nên bỏ công việc vất vả ở trên tàu và ngỏ ý muốn giúp Người ăn học ở nước Pháp. Đối với nhiều người đây là một cơ hội bằng vàng nhưng Nguyễn Tất Thành đã cảm ơn và từ chối vì động cơ của Người ra đi không phải cho bản thân, mà Người ra đi để muốn xem các nước họ làm như thế nào, học hỏi họ và sau đó đem những điều mình đã học hỏi được trở về trong nước để cứu giúp đồng bào ta đang bị đọa đày, đau khổ. Nỗi khổ của một người làm sao có thể sánh nổi với nỗi thống khổ của cả một dân tộc, một nhân dân bị nước mất nhà tan, bị xóa tên trên bản đồ thế giới. Thật cảm phục chí khí vĩ đại của Người, ra biển lớn để làm sự nghiệp lớn cho nước, cho dân, tài không đợi tuổi, đức tỏa sáng người.

Trên con tàu lênh đênh giữa biển, Nguyễn Tất Thành đã được học những bài học đầu tiên về tình hữu ái nhân loại khi Người đồng cảm với thân phận của những người làm thuê khốn khổ, những người phải sống ở khoang đen (hầm để hàng hóa và chở súc vật trên tàu) nhưng giàu lòng nhân ái. Nguyễn Tất Thành đã đau đớn khi chứng kiến những người da đen bị chủ tàu bắt nhảy xuống cơn sóng dữ tại cảng ĐắcKa để bơi vào bờ tìm cách liên lạc và họ bị nhấn chìm xuống lòng đại dương. Điều này giải thích vì sao sau

này khi trở thành nhà cách mạng Nguyễn Ái Quốc, Chủ tịch Hồ Chí Minh. Người luôn nhắc mình và nhân dân mình tình cảm quốc tế vô sản trong sáng "Quan san muôn dặm một nhà. Bốn phương vô sản đều là anh em".

Những ngày đầu tiên đến với nước Pháp, Nguyễn Tất Thành có hai nhận xét mà cho đến nay ngay cả khi thế giới đã rất "phẳng"; toàn cầu hóa đã trở thành tất yếu tự nhiên trong đời sống của nhân loại, có nhiều người tự nhận mình là "có trí tuệ hơn người" vẫn lầm lẫn giữa bản chất và hiện tượng về xã hội tư bản chủ nghĩa, thì người thanh niên trẻ tuổi Văn Ba đã cho rằng người Pháp ở nước Pháp văn minh, lịch sự hơn người Pháp ở Đông Dương và đặc biệt ngay ở "chính quốc" vẫn có người ăn xin, mù chữ, thất nghiệp... và Người tự đặt ra câu hỏi tại sao Chính phủ Pháp không khai hóa cho dân họ, cớ làm sao phải sang nước ta để "khai hóa" cho dân ta làm gì?

Một trăm năm đã qua kể từ ngày Nguyễn Tất Thành ra đi tìm đường cứu nước. Ngày 05 tháng 6 năm 1911 có lẽ cũng chỉ là một ngày bình thường như bao nhiêu ngày khác với một tờ lịch được gỡ ra khỏi bloc. Nhưng mười năm sau, ngày 5 tháng 6 năm 1911 tại Thủ đô Paris của nước Pháp, người thanh niên với tên gọi Văn Ba trước đó nay là Nguyễn Ái Quốc đã tìm ra chân lý của thời đại và đây cũng là con đường cứu nước, cứu dân. Gần 20 năm sau sự kiện ngày 5 tháng 6 năm 1911, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc đã "dựng Đảng để cứu quốc", mở đầu cho việc đấu tranh giành chính quyền ở Việt Nam với sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam. Hơn 1/3 thế kỷ sau ngày 5 tháng 6 năm 1911, khát vọng của Nguyễn Ái Quốc về cứu nước cứu dân đã trở thành hiện thực với thắng lợi vĩ đại của cuộc Cách mạng tháng Tám năm 1945. Hơn nửa thế kỷ sau ngày 5 tháng 6 năm 1911, sau chiến thắng Điện Biên Phủ "lừng lẫy năm châu, chấn động địa cầu" miền Bắc đi lên chủ nghĩa xã hội mở ra trang mới cho cách mạng Việt Nam, trực tiếp bắt tay xây dựng chế độ mới - chế độ xã hội chủ nghĩa. Hai phần ba thế kỷ

sau ngày 5 tháng 6 năm 1911, với Đại thắng mùa xuân năm 1975, toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ta đã thực hiện được Di chúc của Người "đánh cho Mỹ cút, đánh cho ngụy nhào", thu giang sơn về một mối và đưa cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội. Ngày 7 tháng 11 năm 2006, gần 100 năm sau sự kiện ngày 5 tháng 6 năm 1911 Việt Nam trở thành thành viên thứ 150 của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) và hội nhập sâu rộng vào quá trình toàn cầu hóa. Với những gì Hồ Chí Minh đã làm, một trăm năm sau là một khoảng lùi đủ để chúng ta khẳng định rằng không có ngày 5 tháng 6 năm 1911 sẽ không có những ngày chói lọi trong lịch sử của Đảng ta, của dân tộc Việt Nam, nhất là hơn 80 năm qua, kể từ khi Đảng ra đời. Đây chính là ý nghĩa vô cùng to lớn, không bao giờ phai mờ của ngày 5 tháng 6 năm 1911 trong lịch sử của Đảng ta, lịch sử của một nước Việt Nam độc lập, thống nhất và đi lên chủ nghĩa xã hội.

Một trăm năm trước đây trên Bến cảng Sài Gòn, Nguyễn Tất Thành đã rời Đất Mẹ để đi ra biển lớn. Mảnh đất Sài Gòn lưu luyến tiễn chân Người. Sóng nước Sài Gòn, Lòng Tàu vỗ về đưa tiễn Người. Những cây dừa ven sông, những hàng đước ven bờ, những mái nhà ẩn hiện xa xa và những con người cần lao, nhân ái in đậm vào tâm khảm của Người trong suốt hành trình 30 năm xa Tổ quốc. Ngay cả sau này khi đã trở về trực tiếp lãnh đạo cách mạng Việt Nam, trong sâu thẳm trái tim Người, Người luôn nhớ về miền Nam yêu dấu - như Người đã từng nói : "Miền Nam trong trái tim tôi". Những năm tháng cuối đời, tuổi cao sức yếu, Người vẫn khôn nguôi nhớ về mảnh đất, con người Nam Bộ, về Thành phố Sài Gòn mà Người đã chia xa, Người đã viết thư cho đồng chí lãnh đạo cao nhất của Ban Bí thư Đảng lúc đó bày tỏ nguyện vọng muốn trực tiếp vào chiến trường miền Nam thăm đồng bào, chiến sĩ đang anh dũng đứng trên tuyến đầu chống kẻ thù hung bạo là đế quốc Mỹ và tay sai.

Thấu hiểu tình cảm yêu thương Bác Hồ dành cho mình, đồng bào và chiến sĩ miền Nam, trong đó có Đảng bộ và nhân dân Sài

Gòn - Chợ Lớn - Gia Định anh dũng, không quản hy sinh gian khổ, dù "núi sông xương máu" cũng quyết chiến đấu và chiến thắng kẻ thù để giải phóng miền Nam thống nhất Tổ quốc, đón Bác Hồ vào thăm. Ngày 30 tháng 4 năm 1975, trong niềm vui đại thắng mỗi người trong chúng ta không khỏi bùi ngùi, càng thương nhớ Bác và ngay từ lúc đó, ai ai cũng tự nhủ trong lòng phải xây dựng đất nước ta "đàng hoàng hơn, to đẹp hơn" như lời Người đã dặn. 36 năm qua, Đảng bộ, nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã vượt qua muôn ngàn thử thách để giữ vững ổn định chính trị, xây dựng thành phố trở thành đầu tàu kinh tế của cả nước, làm cho đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân không ngừng được cải thiện. Thành phố luôn đi đầu trong sự nghiệp đổi mới, đóng góp xứng đáng vào sự nghiệp chung, làm cho Thành phố Hồ Chí Minh ngày nay rực rỡ tên vàng. Bác Hồ hẳn là rất hài lòng với những gì Đảng bộ và nhân dân Thành phố đã làm được trong thời gian qua. Người vẫn đứng đó, tươi cười vẫy gọi Thành phố Hồ Chí Minh hãy như một con tàu đi ra biển lớn trong một thời đại hội nhập, mở cửa nhưng không bao giờ xa rời lý tưởng của Người - xây dựng một nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh; góp phần xứng đáng vào sự nghiệp chung của cách mạng thế giới, của nhân loại tiến bộ.

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH SOI SÁNG CON ĐƯỜNG XÂY DỰNG XÃ HỘI HỌC TẬP

TS. HỒ THIỆU HÙNG*

Trong cuộc hành trình vĩ đại tìm đường giải phóng con người bị áp bức và giải phóng các dân tộc thuộc địa, Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh đã ý thức sâu sắc vai trò vô cùng quan trọng của dân trí đối với sức mạnh nội tại của một dân tộc và từng đúc kết nên chân lý "Một dân tộc dốt là một dân tộc yếu"[1]. Người luôn đặt nhiệm vụ nâng cao dân trí gắn liền hữu cơ với nhiệm vụ giải phóng dân tộc và xây dựng nước mạnh, dân giàu. Trong "ham muốn tột bậc" của vị lãnh tụ tối cao của Đảng và dân tộc, bên cạnh ham muốn "làm cho nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn, áo mặc" là ham muốn "ai cũng được học hành"[2]. Trong cuộc đời cách mạng của mình, Người còn nêu cao tấm gương sáng về học suốt đời và đã để lại di sản tư tưởng quý báu cho chúng ta vận dụng hiện nay trong sự nghiệp nâng cao dân trí, xây dựng xã hội học tập. Trong tham luận này chúng ta sẽ phân tích những điều Bác đã đúc kết về mục đích học, đối tượng học, nội dung học và cách học.

---

* Nguyên Phó Trưởng Ban Tuyên giáo Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh.

1 Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 4, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, tr. 8.

2 Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 4, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, tr. 161.

1. Mục đích học: Học là để biết phải trái, học để hành, để làm người, để phụng sự nhân dân và nhân loại

Con người bao giờ cũng rất coi trọng tính mục đích trong hoạt động của mình, chỉ hết mình lo liệu công việc khi nào nhận thức rõ mục đích của công việc, thấy được lợi ích mà công việc đem lại. Học lại càng đòi hỏi tính mục đích phải được nhận thức rõ ràng. Không thể kêu gọi chung chung, càng không thể chỉ đề ra các quy định hành chánh mà thành công trong việc kêu gọi dân chúng ra sức học tập. Hồ Chí Minh ý thức rất rõ điều này nên khi kêu gọi, động viên mọi người hăng hái học tập, Người luôn chú trọng giải thích tại sao phải học, học để làm gì cho mỗi tầng lớp thông suốt.

Với học sinh, Người khuyên phải học để sau này làm tròn nhiệm vụ người chủ của nước nhà, học để yêu Tổ quốc, yêu nhân dân, yêu lao động, yêu khoa học, yêu đạo đức và triệt để chống lại những gì trái với quyền lợi của Tổ quốc và lợi ích chung của nhân dân, trái với khoa học, trái với đạo đức; học để phụng sự Tổ quốc, phụng sự nhân dân, làm cho dân giàu, nước mạnh[1]. Trong Thư gởi học sinh nhân ngày khai trường tháng 9-1945, Người phân tích 80 năm nô lệ đã khiến nước nhà bị yếu hèn nên "ngày nay chúng ta cần phải xây dựng lại cơ đồ mà tổ tiên để lại cho chúng ta, làm sao cho chúng ta theo kịp các nước khác trên hoàn cầu"[2]. Với thanh niên, Người lý giải phải học để biết phải trái, làm việc phải, tránh việc trái, nhận rõ bạn thù ở ngoài và ở trong mình ta[3]. Trong nỗ lực siêng năng học tập của thế hệ trẻ, Bác nhìn thấy giải pháp quan trọng để xây dựng cơ đồ, đưa dân tộc và đất nước từ chỗ yếu hèn "trở nên vẻ vang sánh vai cùng cường quốc năm châu"[4].

Với người lớn, Hồ Chí Minh có cách giải thích khác. Ngày 3-9-1945, trong khí thế hừng hực yêu nước của cả dân tộc mới

1 Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 7, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, tr. 398 - 399.
2 Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 4, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, tr. 32 - 33.
3 Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 7, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, tr. 454.
4 Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 4, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, tr. 33.

giành được độc lập mà phải đối phó với thù trong giặc ngoài và nạn đói, Hồ Chí Minh phân tích "một dân tộc dốt là một dân tộc yếu" để phát động một chiến dịch chống nạn mù chữ, xem đây là nhiệm vụ thứ hai, sau nhiệm vụ chống đói. Nhân dịp kỷ niệm 10 năm Bình dân học vụ 8-9-1955, Người chỉ rõ quy luật nghiệt ngã: "Dốt thì dại, dại thì hèn" và giải thích "vì không chịu dại, không chịu hèn nên thanh toán mù chữ là một trong những việc cấp bách và quan trọng của nhân dân các nước dân chủ mới"[1]. Người luôn nhắc nhở công dân nước Việt Nam độc lập ai cũng phải học để hiểu biết quyền lợi và bổn phận công dân của mình, "phải có kiến thức mới để có thể tham gia vào công cuộc xây dựng nước nhà"[2].

Với mỗi thành phần lao động, người đều dùng những lý lẽ riêng mà thuyết phục, làm cho họ hiểu tại sao phải học. Với công nhân, Người phân tích "máy móc ngày một thêm tinh xảo... công nhân cũng phải có trình độ kỹ thuật rất cao không kém gì kỹ sư, phải biết tính toán nhiều". Với nông dân sau cải cách ruộng đất, Người chỉ rõ: "Trước kia ruộng là của địa chủ, nông dân cứ cúi đầu làm lụng..., gặt bao nhiêu thì nộp cho địa chủ hết, nên không cần văn hóa mà cũng không thể mong có văn hóa được. Bây giờ khác, nông dân có ruộng đất, lại có tổ đổi công cho nên nông dân phải có văn hóa..., phải ghi tổ có mấy người..., phải biết chia công chấm điểm...". Từ đó Người dẫn đến kết luận đầy sức thuyết phục là nông dân phải học[3]. Với giáo viên, Người chỉ rõ "các cô, các chú phải ngày càng tiến bộ để dạy cho con em ngày càng tiến bộ... phải cố gắng học tập để tự cải tạo mình, cải tạo tư tưởng của mình, cải tạo con em và giúp vào việc cải tạo xã hội"[4]. Đối với cán bộ, Người chỉ rõ học là "để làm việc, làm người, làm cán bộ, để phụng sự đoàn thể, giai cấp, nhân dân, Tổ quốc và nhân loại"[5].

1 Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 8, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, tr. 64.
2 Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 4, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, tr. 36.
3 Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 8, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, tr. 224.
4 Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 9, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, tr. 489.
5 Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 5, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, tr. 684.

Người cụ thể hóa mục đích học tập của cán bộ là học để sửa chữa tư tưởng, để tu dưỡng đạo đức cách mạng; để tin tưởng vào đoàn thể, nhân dân, vào tương lai của dân tộc và cách mạng và học để hành[1]. Người còn giải thích rằng việc học tập nâng cao tu dưỡng về chủ nghĩa Mác - Lênin là nhằm để dùng lập trường, quan điểm, phương pháp của chủ nghĩa Mác - Lênin mà tổng kết thực tiễn Việt Nam, học tập kinh nghiệm các nước anh em và vận dụng một cách sáng tạo thích hợp với đặc điểm nước ta[2]. Người còn dạy phải học từ thành công để lấy kinh nghiệm và học từ thất bại để tránh lặp lại sai lầm[3].

Có thể tóm tắt tư tưởng Hồ Chí Minh về mục đích học tập mang hai nội dung: thứ nhất là học để làm người biết làm điều phải, tránh điều trái, học để tiến bộ và làm việc tốt hơn; thứ hai là học để làm tròn trách nhiệm công dân với xã hội, để phụng sự đoàn thể, nhân dân, Tổ quốc và nhân loại. Nội dung đầu tiên chỉ ra lợi ích riêng thiết thân của người học, nội dung thứ hai chỉ ra lợi ích chung giữa người học với cộng đồng.

Về phương pháp tư tưởng, Hồ Chí Minh đã để lại một bài học kinh nghiệm quý báu nhằm lôi kéo người dân đi học, đó là phải làm cho người học nhận rõ lợi ích của việc học tập để hình thành động cơ. Ngày nay làm cho ai cũng nhận rõ lợi ích của việc học chính là điều kiện tiên quyết để hình thành xã hội học tập.

2. Đối tượng đi học: Ai cũng phải học

Hồ Chí Minh xác định thực dân Pháp đã dùng nạn dốt như một phương pháp độc ác để cai trị Việt Nam khiến cho 95% đồng bào bị mù chữ. Vì vậy ngay sau khi Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa non trẻ ra đời, Người đã xác định trong những nhiệm vụ cấp bách của Chính phủ thì chống dốt là nhiệm vụ thứ hai sau

1 Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 6, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, tr. 50.
2 Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 8, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, tr. 494.
3 Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 4, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, tr. 100.

chống đói. Người đã kêu gọi mở một chiến dịch để chống nạn mù chữ, chống nạn thất học. Để đạt được mục tiêu "đồng bào ai cũng có học"[1] thì mọi người đều phải đi học, dù là đàn ông đàn bà, người già người trẻ, thanh niên, thiếu nhi, nhi đồng; dù là người tá điền, người làm công cho gia đình, công nhân trong hầm mỏ, nhà máy, hay cán bộ, đảng viên, quân nhân, hội viên các đoàn thể, giáo viên, người làm công tác huấn luyện... Để có đủ người dạy học, Người kêu gọi mỗi người biết chữ đều phải tham gia dạy cho người mù chữ thoát dốt. "Vợ chưa biết thì chồng bảo, em chưa biết thì anh bảo, cha mẹ không biết thì con bảo, người ăn người làm không biết thì chủ nhà bảo, các người giàu có thì mở lớp ở tư gia dạy cho người không biết chữ ở hàng xóm láng giềng, các chủ ấp, chủ tá điền, chủ hầm mỏ, nhà máy thì mở lớp học cho những tá điền, những người làm của mình. Phụ nữ lại càng phải học..."[2]. Cách làm trên là gợi ý tốt trong việc huy động mọi lực lượng trong xã hội tích cực tham gia xây dựng xã hội học tập ở Việt Nam hiện nay, một xã hội trong đó ai cũng học và phải giúp người khác học.

3. Nội dung học: Học những điều cơ bản, thiết thực

Hồ Chí Minh luôn xác định phải có nội dung học tập phù hợp, thiết thực cho từng thành phần dân cư, nội dung học phải gắn với "chính sách chung"[3] tức là nhiệm vụ chính trị, theo nhu cầu của dân tộc, của Nhà nước[4] và theo mức độ từ thấp đến cao tuỳ theo trình độ của người học. Điều mà Người hay nhắc nhở là học cái cơ bản, học điều thiết thực gắn với trình độ, với hoàn cảnh, với nhu cầu của cá nhân và cộng đồng, học gắn với hành, với xây dựng nếp sống văn hóa. Với đồng bào mù chữ thì Hồ Chí Minh thiết tha kêu gọi đi học cho biết chữ, biết đọc, biết viết; với đồng bào đã thoát nạn mù chữ thì Hồ Chí Minh động viên tiếp tục học thêm vì thanh toán nạn mù chữ mới chỉ là "bước đầu nâng cao trình độ văn

1 Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 4, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, tr. 220.
2 Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 4, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, tr. 37.
3 Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 8, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, tr. 65.
4 Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 8, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, tr. 138.

hóa"[1]. Nhà nước phải "tiến lên bước nữa bằng cách dạy cho đồng bào thường thức vệ sinh để dân bớt ốm đau, thường thức khoa học để dân bớt mê tín nhảm, bốn phép tính để làm ăn ngăn nắp, lịch sử và địa dư (vắn tắt bằng thơ hoặc ca) để nâng cao lòng yêu nước, đạo đức công dân để thành người công dân đứng đắn"[2].

Người xác định nội dung học của học sinh trung học là học những tri thức phổ thông "chắc chắn, thiết thực, thích hợp với nhu cầu và tiền đồ xây dựng nước nhà"[3], bỏ những phần nào không cần thiết cho đời sống thực tế; sinh viên thì phải "kết hợp lý luận với thực hành, ra sức học tập lý luận và khoa học tiên tiến của các nước bạn kết hợp với thực tiễn nước nhà..."[4]. Với người đang đi làm thì Người khuyên hãy tùy từng trình độ và việc làm của mình mà học. Người chỉ rõ công nhân phải được giáo dục về đạo đức công dân, đạo đức vô sản, cán bộ công đoàn phải học khoa học[5]. Với từng loại cán bộ quản lý văn hóa, người quản lý xí nghiệp thì học quản lý xí nghiệp [6]; cán bộ văn hóa thì học nghệ thuật, nghiệp vụ, văn hóa[7]. Đảng viên mới được kết nạp thì phải học tập lý luận, "học chủ nghĩa cộng sản... học đường lối của Đảng,... học văn hóa, kỹ thuật, nghiệp vụ, học để hành ngày càng tốt hơn... học nhiệm vụ quyền hạn và phương pháp công tác của đảng viên"[8]. Kể cả đối với cán bộ trung cao cấp đã có trình độ văn hóa khá, Người vẫn khuyên "ngoài việc học tập chính trị và nghề nghiệp đều cần học thêm lý luận"[9]. Lời dạy của Người xứng đáng làm kim chỉ nam để xây dựng các loại chương trình học văn hóa, học nghề, học chính trị - nghiệp vụ ở mọi trình độ nhằm chuẩn hóa cán bộ, công chức viên chức hiện nay.

1 Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 8, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, tr. 281.
2 Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 5, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, tr. 489.
3 Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 8, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, tr. 81 - 82.
4 Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 8, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, tr. 82.
5 Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 8, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, tr. 295 - 299.
6 Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 8, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, tr. 85.
7 Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 9, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, tr. 249.
8 Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 12, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, tr. 93 - 94.
9 Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 5, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, tr. 271.

4. Cách học: Ham học, học suốt đời, học ở mọi nơi, lấy tự học làm cốt

Hồ Chí Minh ý thức rất rõ sự học là vô biên, vô cùng vì "thế giới tiến bộ không ngừng, ai không học là lùi"[1]. Nói chuyện tại Hội nghị chuyên đề sinh viên quốc tế tại Việt Nam tháng 9-1961[2], Người thẳng thắn nhận định là thế hệ người già ở Việt Nam - trong đó có mình - ít được học do bị thực dân kìm hãm, bản thân Người cũng chỉ học hết tiểu học. Để nâng cao hiểu biết, Người đã ra sức học tập, chủ yếu là tự học, "học ở trường, học ở sách vở, học lẫn nhau và học ở nhân dân"[3]. Thời còn trẻ, do hoàn cảnh phải đi làm thuê cực nhọc để kiếm miếng ăn, có tiền mà hoạt động cách mạng bí mật, Người đã không được đến trường để học nhưng vẫn tranh thủ học mọi nơi, mọi lúc, "học trong đời sống của mình,... học ở giai cấp công nhân"[4]. Người kể với thanh niên trong buổi gặp gỡ tại Phủ Chủ tịch[5] về cách học tiếng nước ngoài của mình lúc phải đi ra nước ngoài để sống bằng nghề bồi tàu, làm phu quét tuyết, phụ bếp. Hồi đó cậu thanh niên Văn Ba phải làm việc từ sáng đến tối thì làm gì có thời gian cầm tờ báo mà xem. Thế là cậu chỉ có mỗi một cách là viết mấy chữ lên mảnh da tay để vừa cọ sàn tàu, đánh nồi, rửa bát, thái thịt, băm rau vừa nhìn vào da bàn tay mà học. Hết ngày thì mồ hôi đầm đìa, chữ cũng mờ đi... thì coi như đã thuộc. Sáng hôm sau lại ghi chữ mới.

Những người từng sống với Nguyễn Ái Quốc ở Thái Lan kể lại rằng "Thầu Chín" - tên của Nguyễn Ái Quốc dùng khi hoạt động bí mật tại Thái Lan - đi đâu hay mặc một cái áo có rất nhiều túi, trong mỗi túi bỏ một cuốn tự điển tiếng nước ngoài. Trên đường đi, Thầu Chín vừa đi vừa học. Nhờ vậy và nhờ thường xuyên tiếp

1 Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 9, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, tr. 489.
2 Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 10, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, tr. 389.
3 Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 6, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, tr. 50.
4 Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 9, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, tr. 416.
5 *Một số lời dạy và mẩu chuyện về tấm gương đạo đức của Chủ tịch Hồ Chí Minh*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2007, tr. 209.

xúc với người nước ngoài mà Nguyễn Ái Quốc có thể sử dụng rất nhiều ngoại ngữ phổ biến trên thế giới.

Sau này, khi đã lớn tuổi, thành người đứng đầu một nhà nước độc lập, dù thời bình hay thời chiến, Người vẫn tích cực học, học trong thực tế, học suốt đời. Người còn nhắc nhở cán bộ cơ quan "mỗi ngày ít nhất phải học tập một tiếng đồng hồ"[1] và xem việc cán bộ đảng viên vì bận việc hành chính hoặc quân sự mà xao nhãng chuyện học tập là "một khuyết điểm rất to"[2]. Thiết nghĩ lời dạy của Bác "mỗi ngày ít nhất phải học tập một tiếng đồng hồ" cần trở thành quy định cho mọi cán bộ, đảng viên, công chức và viên chức chúng ta hiện nay.

Người còn dặn phải "biết ham học"[3]. Rõ ràng là từ mức giác ngộ về mục đích học tiến đến mức "ham học" là một sự thay đổi về chất. Khi người ta ham học thì người ta sẽ học một cách tự giác, hăm hở, thích thú và khi đó việc học chắc chắn sẽ có hiệu quả cao.

Nói chuyện tại trường Đại học Nhân dân Việt Nam, Người nhắc nhở là "học hỏi là một việc phải tiếp tục suốt đời", những điều được học, được nghiên cứu tại trường chỉ có thể ví như một "hạt nhân bé nhỏ" mà người học "sẽ tiếp tục săn sóc, vun xới, làm cho mọc thành cây và dần dần nở hoa, kết quả"[4]. Người khẳng định là trong cách học thì "lấy tự học làm cốt"[5]. Lời dặn này hoàn toàn phù hợp với quy luật học tập 25/75 mới được đúc kết gần đây trên thế giới, theo đó thì con người chỉ thu được 25% kiến thức cần cho hoạt động của mình từ trong nhà trường, còn 75% còn lại phải tự học ngoài đời. Hồ Chí Minh rất coi trọng trách nhiệm tự học của chính người học, vì vậy mà Người nhắc nhở phải "nâng cao và hướng dẫn việc tự học"[6]. Điều lưu ý rất quan trọng này của

1 Hồ Chí Minh. *Toàn tập*, tập 5, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, tr. 273.
2 Hồ Chí Minh. *Toàn tập*, tập 5, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, tr. 231.
3 Hồ Chí Minh. *Toàn tập*, tập 5, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, tr. 99.
4 Hồ Chí Minh. *Toàn tập*, tập 8, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, tr. 215.
5 Hồ Chí Minh. *Toàn tập*, tập5, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, tr. 273.
6 Hồ Chí Minh. *Toàn tập*, tập 6, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, tr. 50.

Người hiện mang tính thời sự cao trong thời kỳ xây dựng xã hội học tập bởi kỹ năng tự học, thói quen tự học là những thứ mà hiện nay nhiều người chưa có được, đặc biệt là ai đã quen học thuộc lòng để trả bài lấy điểm cao hay quen học giả mà có bằng thật.

Người khẳng định "còn sống thì còn phải học"[1] nên nhắc nhở người đã biết đọc biết viết rồi thì phải gắng sức học thêm, "chớ... tự mãn, cho là giỏi rồi thì dừng lại. Mà dừng lại là lùi bước, là lạc hậu, mình tự đào thải trước"[2]. Bác phê phán đảng viên mới 40 tuổi mà đã cho là mình già nên ít chịu học tập và nói rõ là mình 76 tuổi nhưng vẫn cố gắng học. Người cảnh báo cho cán bộ thấy là "không học thì không theo kịp, công việc nó sẽ gạt mình lại phía sau"[3]. Người nói với cán bộ vừa kết thúc một khóa huấn luyện là "anh em sẽ còn phải học nữa, học mãi khi ra làm việc"[4]. Với thanh niên, Người khẳng định "không phải chỉ tại nhà trường, có lên lớp, mới học tập, tu dưỡng rèn luyện và tự cải tạo được" mà trong mọi hoạt động cách mạng, ta đều có thể và đều phải học tập, tự cải tạo dù là trong thời kỳ hoạt động bí mật hay khởi nghĩa, thời kỳ kháng chiến hay xây dựng miền Bắc[5]. Quan niệm này rất phù hợp với quan niệm hiện nay về cách học trong xã hội học tập, đó là tranh thủ mọi điều kiện để học suốt đời theo các hình thức chính quy, bán chính quy và phi chính quy. Ham học, học suốt đời là yêu cầu không thể thiếu của công dân một xã hội học tập, vậy mà đáng buồn là hiện ở Thành phố Hồ Chí Minh cứ trong 5 người dân ở tuổi trưởng thành thì 1 người cho biết mình không cần học, đáng lo hơn nữa là cứ trong 5 người có trình độ từ thạc sĩ trở lên thì cũng có 1 người cho rằng mình không cần học nữa[6].

1 Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 12, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, tr. 92.
2 Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 9, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, tr. 489.
3 Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 10, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, tr. 465.
4 Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 4, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, tr. 101.
5 Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 9, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, tr. 284.
6 Đề tài khoa học nghiên cứu về mô hình xã hội học tập tại Thành phố Hồ Chí Minh do Hội Khuyến học thực hiện, được nghiệm thu 18-8-2010.

Hồ Chí Minh - Nguyễn Ái Quốc - Nguyễn Tất Thành sống trong một thời đại mà khái niệm xã hội học tập còn chưa ra đời. Tuy nhiên, di sản tư tưởng về học suốt đời mà Người để lại là một cẩm nang quý báu để những ai muốn xây dựng xã hội học tập vận dụng và phát triển cho phù hợp với giai đoạn mà nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đã trở thành một mục tiêu mang tính chiến lược và sống còn của mọi quốc gia. Nhiều quan điểm của UNESCO ngày nay về học suốt đời và về 4 trụ cột của giáo dục (học để biết, học để làm, học để chung sống, học để làm người) cũng mang nhiều nội dung không xa lạ với tư tưởng của Hồ Chí Minh về học suốt đời. Vượt trước thời đại, tư tưởng Hồ Chí Minh về học suốt đời đang soi sáng con đường nâng cao dân trí, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và xây dựng xã hội học tập tại Việt Nam trong thế kỷ XXI.

VỮNG BƯỚC TRÊN CON ĐƯỜNG NGƯỜI ĐÃ CHỌN

LÊ BÁ CẦN*

1. Ra đi tìm đường cứu nước

Nguyễn Trãi đã từng khẳng khái viết: "*Như nước Đại Việt ta từ trước, vốn xưng nền văn hiến đã lâu... Núi sông bờ cõi đã chia, phong tục Bắc - Nam cũng khác và tuy mạnh yếu có lúc khác nhau, song hào kiệt đời nào cũng có...*"

Đầu thế kỷ XX, người thiếu niên 15 tuổi Nguyễn Tất Thành đã sớm hiểu biết và rất đau xót trước cảnh thống khổ của đồng bào. Anh đã tham gia công tác bí mật, nhận công việc liên lạc. Anh khâm phục các cụ Phan Đình Phùng, Hoàng Hoa Thám, Phan Châu Trinh và Phan Bội Châu, nhưng không hoàn toàn tán thành cách làm của các vị ấy. Cụ Phan Châu Trinh chỉ yêu cầu người Pháp thực hiện cải lương, chẳng khác gì xin giặc "*rủ lòng thương*". Cụ Phan Bội Châu hy vọng Nhật giúp đỡ để đuổi Pháp, chẳng khác gì "*đưa hổ cửa trước, rước beo cửa sau*". Cụ Hoàng Hoa Thám tuy trực tiếp đấu tranh chống Pháp nhưng còn nặng "*cốt cách phong kiến*".

Từ những bài học lịch sử đó, Nguyễn Tất Thành nhận thấy rằng mọi cách thức tiến hành ở trong nước, đi Trung Quốc hay

* Bí thư Quận ủy Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Nhật Bản đều không thể thành công. Những con đường mà các bậc sĩ phu đi qua đều bị thất bại. Phải đi tìm con đường mới và theo một hướng khác. Với lòng yêu nước mãnh liệt, suy nghĩ táo bạo, trí tuệ mẫn tiệp, Nguyễn Tất Thành quyết khám phá bằng được con đường giải phóng cho đồng bào mình.

Ngày 2 tháng 6 năm 1911, Nguyễn Tất Thành xin làm việc trên tàu Amiral Latouche Tréville (Amiran Latusơ Tơrêvin), với tên Văn Ba. Ngày 5 tháng 6 năm 1911, từ cảng Sài Gòn, người thanh niên 21 tuổi ấy ra đi với mục đích mà sau này Người nói với nhà văn Mỹ Anna Louise Strong: *"Nhân dân Việt Nam, trong đó có ông cụ thân sinh ra tôi, lúc này thường hỏi nhau ai là người giúp mình thoát khỏi ách thống trị của Pháp. Người này nghĩ là Nhật, người khác nghĩ là Anh, có người lại cho là Mỹ. Tôi thấy phải đi ra nước ngoài xem cho rõ. Sau khi xem xét họ làm ăn ra sao, tôi sẽ trở về giúp đồng bào tôi"*.

Từ lúc đó, khi thì ở Mỹ (1913), khi sang Anh làm nghề đốt lò, cào tuyết, phụ bếp rồi quay lại Pháp (1917) làm thợ ảnh, học hỏi và hoạt động. Năm 1923, Người sang Liên Xô, về Trung Quốc (1924), lại sang châu Âu rồi về Thái Lan (1928), trở lại Trung Quốc (1929). Cuộc đời hoạt động của Người chẳng những tìm đường cứu nước cho dân tộc Việt Nam mà còn đóng góp cho phong trào Cộng sản và Công nhân quốc tế.

Nguyễn Ái Quốc là người cộng sản đầu tiên của Việt Nam, dù bị tù dày trong các nhà giam của Tưởng Giới Thạch, dù bị thực dân Pháp kết án tử hình vắng mặt nhưng không làm lay chuyển ý chí kiên cường của Người. *"Thân thể ở trong lao/ Tinh thần ở ngoài lao/ Muốn nên sự nghiệp lớn/ Tinh thần cần phải cao"*. Dù tù dày nhưng không sao mất đi chất lãng mạn của nhà thơ: *"Trong tù không rượu cũng không hoa/ Cảnh đẹp đêm nay khó hững hờ/ Người ngắm trăng soi ngoài cửa sổ/ Trăng nhòm khe cửa ngắm nhà thơ"* và đêm đêm trằn trọc lo toan cho vận mệnh nước nhà *"Một canh, hai canh, lại ba canh/ Trằn trọc băn khoăn giấc chẳng*

thành/ Canh bốn, canh năm vừa chợp mắt/ Sao vàng năm cánh mộng hồn quanh".

2. Giành lại độc lập tự do, xây dựng chủ nghĩa xã hội

Sau 30 năm bôn ba hải ngoại, ngày 28 tháng 1 năm 1941, Văn Ba lúc này là Nguyễn Ái Quốc trở về nước. Khi bước tới cột mốc 108 trên biên giới Việt - Trung (thuộc xã Trường Hà, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng), Người đứng lặng hồi lâu, dạt dào xúc động, nắm đất lên hôn.

Ngày 8-2-1941, Nguyễn Ái Quốc với bí danh là Già Thu ở hang Cốc Bó (Cao Bằng) trực tiếp lãnh đạo cách mạng Việt Nam. Người căn dặn: *"Dù phải đốt cháy cả dãy Trường Sơn, cũng phải kiên quyết giành cho được độc lập".*

Từ ngày 10 đến ngày 19 tháng 5 năm 1941, Nguyễn Ái Quốc chủ trì Hội nghị lần thứ VIII của Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương. Nghị quyết ghi rõ: *"Trong lúc này nếu không giải quyết được vấn đề dân tộc giải phóng, không đòi được độc lập, tự do cho toàn thể dân tộc thì chẳng những toàn thể quốc gia dân tộc còn chịu mãi kiếp ngựa trâu mà quyền lợi của bộ phận, giai cấp đến vạn năm cũng không đòi lại được".* Đồng thời, Hồ Chí Minh sáng lập ra Mặt trận Việt Nam độc lập đồng minh gọi tắt là Mặt trận Việt Minh, nhằm đoàn kết mọi lực lượng yêu nước, chống đế quốc, giành độc lập dân tộc, không phân biệt dân tộc, giai cấp, đảng phái, tôn giáo...

Ngày 19-8-1945, Tổng khởi nghĩa toàn quốc lật đổ ách thống trị của thực dân Pháp và phát xít Nhật.

Ngày 2-9-1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc Tuyên ngôn độc lập tại Quảng trường Ba Đình (Hà Nội), tuyên bố nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời - Nhà nước dân chủ nhân dân đầu tiên ở Đông Nam Á. Thắng lợi của Cách mạng tháng Tám là thắng lợi của ý chí độc lập tự chủ, tự lực, tự cường của dân tộc Việt Nam và

là thắng lợi vĩ đại đầu tiên của tư tưởng Hồ Chí Minh ở một nước thuộc địa, nửa phong kiến.

Ngày 6-1-1946, Tổng tuyển cử toàn quốc, mốc son lịch sử về thể chế dân chủ của Việt Nam.

Thù trong (*đảng phái phản động*), giặc ngoài (*Tưởng Giới Thạch, thực dân Pháp, quân Anh - Ấn*) cấu kết với nhau chống phá Nhà nước non trẻ, nhưng dưới sự lãnh đạo tài tình, khéo léo, mềm mỏng nhưng kiên quyết *"Dĩ bất biến, ứng vạn biến"* của Chủ tịch Hồ Chí Minh nên đã vượt qua cảnh lâm nguy tưởng chừng *"nghìn cân treo sợi tóc"*.

Ngày 19-12-1946, toàn quốc bước vào cuộc kháng chiến trường kỳ. Lúc này, vị tổng chỉ huy, linh hồn của cuộc kháng chiến: *"Chống gậy lên non xem trận địa/ Vạn trùng núi đỡ vạn trùng mây/ Quân ta thế mạnh nuốt Ngưu Đầu/ Thề diệt xâm lăng lũ sói cầy"*. Tuy bận trăm công ngàn việc nhưng Bác vẫn ung dung đĩnh đạc: *"Trăng vào cửa sổ đòi thơ/ Việc quân đang bận xin chờ hôm sau/ Chuông lầu chợt tỉnh giấc thu/ Ấy tin thắng trận liên khu báo về"*. Nhờ đường lối kháng chiến đúng đắn của Chủ tịch Hồ Chí Minh và của Đảng đã dẫn dắt nhân dân ta đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác, làm nên chiến thắng kỳ tích Điện Biên Phủ chấn động địa cầu, lập lại hòa bình ở Đông Dương.

Năm 1954, hòa bình được lập lại, nhưng đất nước ta tạm thời bị chia cắt thành hai miền. Chủ tịch Hồ Chí Minh cùng Trung ương Đảng đã sớm xác định rõ kẻ thù chính của cách mạng Việt Nam lúc này là đế quốc Mỹ, đồng thời vạch ra đường lối cùng một lúc thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược: Miền Nam tiếp tục thực hiện nhiệm vụ cách mạng dân tộc, dân chủ; miền Bắc xây dựng hậu phương, từng bước tiến dần lên chủ nghĩa xã hội.

Thế là, lần đầu tiên trong lịch sử, một nước thuộc địa, nửa phong kiến, do Đảng Cộng sản lãnh đạo đã cùng một lúc tiến hành hai nhiệm vụ chiến lược. Trong điều kiện ấy, tư tưởng Hồ Chí

Minh ngày càng phát triển và thấm sâu vào thực tiễn cách mạng Việt Nam.

Trước khi qua đời, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã để lại cho toàn Đảng, toàn quân và toàn dân ta Bản Di chúc thiêng liêng. Người đặt niềm tin tất thắng vào sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước; tổng kết sâu sắc những bài học đấu tranh và thắng lợi của cách mạng Việt Nam; đề ra những chiến lược lớn xây dựng lại đất nước sau chiến tranh nhằm thực hiện mục tiêu: *"Xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh, và góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng thế giới"*. Nhớ ơn Người, chúng ta nguyện sẽ tiếp tục sự nghiệp của Người: *"... Bác đã lên đường theo tổ tiên/ Mác - Lênin, thế giới người hiền/ Ánh hào quang đỏ thêm sông núi/ Dắt chúng con cùng nhau tiến lên!/ Nhớ đôi dép cũ nặng công ơn/ Yêu Bác lòng ta trong sáng hơn/ Xin nguyện cùng Người vươn tới mãi/ Vững như muôn ngọn dài Trường Sơn"* (Trích bài thơ *Nhớ Bác* của Tố Hữu). Người còn được thế giới vinh danh là "Danh nhân văn hóa", trong thế giới đầy biến động như hiện nay thì nhân cách trong sáng, thanh tao của Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn ở tầm cao của nhân loại.

3. Tư tưởng Hồ Chí Minh

Tư tưởng Hồ Chí Minh là giải phóng dân tộc bằng con đường cách mạng vô sản, cách mạng giải phóng dân tộc phải phát triển thành cách mạng xã hội chủ nghĩa. Người đã nói rõ "ham muốn" tột bậc của mình làm sao cho đất nước được hoàn toàn độc lập, dân tộc được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành. Tư tưởng của Bác trở thành tư tưởng hướng đích cho cách mạng Việt Nam.

Hơn 80 năm chiến đấu và trưởng thành, Đảng ta đã hoàn thành được một phần sứ mệnh lịch sử: đất nước độc lập, thống nhất, đi lên chủ nghĩa xã hội. Song con đường phía trước còn nhiều chông gai, thách thức, đòi hỏi mỗi người Việt Nam, mỗi cán bộ, đảng

viên, đặc biệt là thế hệ trẻ phải là người kế nghiệp xứng đáng, trung thành với Tổ quốc, với lý tưởng của Đảng và của nhân dân, kiên định lập trường cách mạng, thấm nhuần chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh để bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền đất nước và xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội.

4. Tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã sáng tạo ra một thời đại mới, một nền văn hóa mới, đạo đức mới trong lịch sử dân tộc. Người nói: *"Đảng ta là đạo đức, là văn minh"* và chính Người là hiện thân của sự thống nhất đạo đức, văn minh đó. Người đã để lại cho chúng ta một di sản vĩ đại, đó là tấm gương sáng ngời về phẩm chất đạo đức, tượng trưng cho những gì cao đẹp nhất, trong sáng nhất và nhân cách nhất của dân tộc ta và của loài người. Đạo đức của Người là đạo đức của một vĩ nhân - một lãnh tụ cách mạng và một người cộng sản vĩ đại, nhưng đó đồng thời cũng là tấm gương đạo đức của một người bình thường, khiến ai cũng có thể học theo, làm theo để trở thành người cách mạng, người công dân tốt hơn.

Đạo đức của Người là đạo đức của một bậc đại trí, đại trượng phu hy sinh chẳng quản, gian nguy không sờn như lời Mạnh Tử nói *"... Uy vũ bất năng khuất"*. Ở những thời điểm then chốt của lịch sử, với tầm nhìn xa trông rộng Người chỉ thị: *"Dù phải đốt cháy cả dãy Trường Sơn, cũng phải cương quyết giành cho được độc lập"*.

Đạo đức của Người là đạo đức của một lãnh tụ hết lòng thương yêu, quý trọng nhân dân, luôn luôn tin tưởng vào trí tuệ và sức mạnh của nhân dân, cho nên mọi chủ trương, chính sách đều *"lấy dân làm gốc"*. Người nói: *"Nếu nước được độc lập mà dân không được hưởng hạnh phúc, tự do thì độc lập cũng không có ý nghĩa gì"*.

Đạo đức của Người là đạo đức nhân ái, vị tha, khoan dung, nhân hậu hết mực. Bác Hồ là *"muôn vàn tình thân yêu"* đối với

đồng chí, đồng bào; không quên, không bỏ sót một ai. Tặng áo lụa cho cụ già, bánh kẹo cho trẻ thơ, thăm gia đình chị công nhân quét rác vào đêm 30 tết, ...trái tim mênh mông của Người ôm trọn mọi nỗi đau khổ của nhân dân *"Mỗi người, mỗi gia đình đều có một nỗi đau khổ riêng; gộp những nỗi đau khổ riêng của mỗi người, mỗi gia đình lại thì thành nỗi đau khổ của tôi"*. Ngay với kẻ thù xâm lược Người cũng thể hiện khoan dung, độ lượng hiếm có. Người luôn luôn nhắc nhở chúng ta phải đối xử khoan hồng, phải làm *"cho thế giới biết rằng ta là một dân tộc văn minh, văn minh hơn bọn đi giết người, cướp nước"*.

Đạo đức của Người là đạo đức chí công vô tư, đời riêng trong sáng, nếp sống giản dị và đức khiêm tốn phi thường.

Theo Bác, chuẩn mực chung nhất của nền đạo đức cách mạng Việt Nam gồm những điểm sau:

Một là, trung với nước hiếu với dân. Đây là phẩm chất quan trọng nhất, bao trùm nhất và chi phối các phẩm chất khác.

Hai là, yêu thương con người. Người căn dặn: *"Mỗi con người đều có thiện và ác ở trong lòng, phải biết làm cho phần tốt ở trong mỗi con người nảy nở như hoa mùa xuân và phần xấu bị mất dần đi, đó là thái độ của người cách mạng. Đối với những người có thói hư tật xấu, từ hạng người phản lại Tổ quốc và nhân dân, ta cũng phải giúp họ tiến bộ bằng cách làm cho cái phần thiện trong con người nảy nở để đẩy lùi phần ác, chứ không phải đập cho tơi bời"*.

Ba là, cần kiệm liêm chính, chí công vô tư. Người nói: *"Đem lòng chí công vô tư mà đối với người, với việc"*. *"Khi làm bất cứ việc gì cũng đừng nghĩ tới mình trước, khi hưởng thụ thì mình nên đi sau"*; phải *"Lo trước thiên hạ, vui sau thiên hạ"*.

Bốn là, tinh thần quốc tế trong sáng. Đó là tinh thần đoàn kết quốc tế vô sản mà Bác Hồ đã nêu lên bằng mệnh đề *"Bốn phương*

vô sản đều là anh em". Theo Bác, chủ nghĩa quốc tế vô sản trong sáng phải gắn liền với chủ nghĩa yêu nước chân chính.

Cần kiệm, giản dị, ít ham muốn về vật chất, đó là *"tư cách của người cách mạng"*. Người đề ra và tự mình gương mẫu thực hiện. Cuộc đời của Người, từ khi còn là anh thợ ảnh ở ngõ hẻm Công-poanh đến khi làm Chủ tịch nước, sống giữa thủ đô Hà Nội, vẫn là một cuộc đời thanh bạch, giản dị, tao nhã. Khách nước ngoài vào thăm nhà sàn của Bác Hồ đều xúc động khi được biết Người không hề có một chút của riêng. Đó là một cuộc đời trong sạch, cần kiệm, liêm chính. Người nói: *"Trời có bốn mùa: Xuân, Hạ, Thu, Đông/ Đất có bốn phương: Đông, Tây, Nam, Bắc/ Người có bốn đức: Cần, Kiệm, Liêm, Chính/ Thiếu một mùa, thì không thành trời/ Thiếu một phương, thì không thành đất/ Thiếu một đức, thì không thành người"*.

Nét nổi bật trong đạo đức Hồ Chí Minh là sự khiêm tốn phi thường. Mặc dù có công lao rất lớn, Người không hề để ai sùng bái mình, luôn luôn nêu cao sự nghiệp anh hùng là của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân. Khi Quốc hội tặng Bác Huân chương Sao Vàng, Bác cảm ơn Quốc hội và đề nghị khi nào đất nước thống nhất thì nhân dân miền Nam trao cho Bác.

Bấy nhiêu đức tính cao cả chung đúc lại trong một con người đã làm cho tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh trở nên siêu việt, vô song, *"khó ai có thể hơn được"*. Bác đã để lại cho dân tộc ta và nhân dân thế giới một tấm gương đạo đức thống nhất giữa lời nói và việc làm, giữa đời công và đời tư, giữa đạo đức cách mạng và đạo đức đời thường. Do đó, Người đã trở thành *"tinh hoa và khí phách, lương tâm và vinh dự"*, như bạn bè quốc tế đã đánh giá: *"Giữa lúc vàng thau lẫn lộn, đồng chí Hồ Chí Minh trở thành trung tâm và tượng trưng cho cuộc xung đột lớn lao đang diễn ra giữa cái cũ và cái mới, giữa chủ nghĩa đế quốc và chủ nghĩa xã hội. Sở dĩ bản anh hùng ca Việt Nam thu hút được lòng yêu mến*

của hàng trăm triệu người trên thế giới, chính là vì nó được tiêu biểu bởi nhân vật phi thường đó".

5. Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh học tập tư tưởng và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh

Tư tưởng, tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh là di sản vô giá của Đảng và dân tộc ta. Ý thức trách nhiệm và nhận thức sâu sắc về ý nghĩa của việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức của Bác vừa là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu để xây dựng Đảng, xây dựng nền tảng đạo đức xã hội, vừa là nhiệm vụ, giải pháp cơ bản, lâu dài để thực hiện nhiệm vụ chính trị của quận, ngay từ tháng 5-2006, Quận 1 đã chủ động tổ chức các buổi hội thảo, tọa đàm để nghiên cứu, thảo luận về những giá trị về tư tưởng, đạo đức Hồ Chí Minh. Qua đó, tư tưởng "***Vì dân***" đã được xem là giải pháp, hướng đi để tập trung thực hiện tại Quận 1.

Quan điểm Nhà nước ta là Nhà nước của dân, do dân, vì dân đã được Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định từ những ngày đầu xây dựng chính quyền dân chủ nhân dân, đó là tư tưởng, ý chí nhất quán của Người. Người xác định phương châm hành động "*Việc gì lợi cho dân ta hết sức làm, việc gì hại cho dân ta phải hết sức tránh*". Trong tác phẩm "*Sửa đổi lối làm việc*" tư tưởng trọng dân, vì dân của Bác được thể hiện rất đa dạng và phong phú, "*... chúng ta phải ghi tạc vào đầu cái chân lý này: dân rất tốt. Lúc họ đã hiểu thì việc khó khăn mấy họ cũng làm được, hi sinh mấy họ cũng không sợ*"; "*phải luôn luôn xem xét lại tất cả công tác của Đảng, mọi công tác của Đảng luôn luôn phải đứng về phía quần chúng*";

Tư tưởng "*Vì dân*" của Bác đã được Quận 1 xem là kim chỉ nam để vận dụng trong quá trình lãnh đạo và điều hành nhằm thực hiện tốt các nhiệm vụ hướng đến quyền và lợi ích của nhân dân; Ủy ban nhân dân quận là đơn vị được chọn làm điểm, nhằm xây dựng hình ảnh đội ngũ cán bộ công chức khối chính quyền vui vẻ, thân thiện, gần với dân, bởi lẽ, hoạt động

xử lý, điều hành công việc hàng ngày của chính quyền đều liên quan trực tiếp đến quyền và lợi ích của người dân. Tháng 11-2006 Chỉ thị 06 của Bộ Chính trị về tổ chức Cuộc vận động *Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh* được triển khai rộng khắp trong toàn Đảng, toàn quân, toàn dân đã tiếp thêm sức mạnh cho Đảng bộ Quận trong việc triển khai cuộc vận động học tập tư tưởng và làm theo tấm gương đạo đức của Bác Hồ kính yêu.

Học Bác, ngoài việc học tập các chuyên đề theo từng năm, cuộc vận động luôn gắn chặt với các phong trào thi đua ở địa phương và từng đơn vị đã có tác động tích cực đến tư tưởng, nhận thức của cán bộ, đảng viên và nhân dân, Quận 1 còn chú trọng gắn liền cuộc vận động với "*sửa đổi lối làm việc*". Kế hoạch 50/KH-QU của Quận ủy chính là điểm nhấn đầu tiên trong việc đổi mới phương pháp và tư duy làm việc, với việc mô tả công việc và hệ thống hóa các mảng công việc trong cơ quan Quận ủy đã từng bước cụ thể các chức năng, nhiệm vụ, đồng thời xác định rõ ràng trách nhiệm, quyền hạn của từng cán bộ, công chức. Trước kết quả đạt được và sự cần thiết phải đổi mới, Quận tiếp tục xây dựng Kế hoạch số 62-KH/QU về nâng cao chất lượng công tác trong hệ thống chính trị của quận, với mục tiêu nâng chất đội ngũ cán bộ, đảng viên, tập trung bồi dưỡng kỹ năng làm việc. Kết quả bước đầu cho thấy, chất lượng và hiệu quả giải quyết công việc đã có sự chuyển biến tích cực, rõ nét hơn, đội ngũ cán bộ có sự chuyển đổi mạnh mẽ về chất, sự phối hợp trong công tác giữa các ngành, các cấp có chuyển biến tốt, tinh thần đoàn kết được nâng cao. Kết quả của việc nâng cao năng lực và kỹ năng làm việc của cán bộ, đặc biệt là cán bộ chủ chốt đã tạo niềm tin để Quận ủy tiếp tục đổi mới. Đó là, tiếp tục mở rộng nâng chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức chuyên môn tại các phường, các phòng ban Ủy ban nhân dân, các đơn vị trực thuộc; thành lập các câu lạc bộ theo chuyên môn, tạo sự chủ động và điều kiện để các câu lạc bộ tổ chức các hoạt

động về nguồn, sinh hoạt chuyên đề nhằm phát huy trí tuệ tập thể, rèn luyện kỹ năng tạo nên môi trường làm việc năng động, đoàn kết, thân thiện có chất lượng và hiệu quả đáp ứng theo yêu cầu thực tiễn.

"*Hồ Chí Minh - cả một đời vì nước, vì dân*". Đảng bộ và nhân dân Quận 1 nguyện "*Vững bước trên con đường Người đã chọn*", kiên trì học tập và làm theo tấm gương đạo đức Bác Hồ; tiếp tục xây dựng quan điểm quần chúng, "*vì dân*", nêu cao tinh thần trách nhiệm của cán bộ, đảng viên trong thực hiện nhiệm vụ chính trị, chuyên môn, củng cố lòng tin của nhân dân với Đảng; nâng cao hiệu lực quản lý và điều hành của các cấp chính quyền, tích cực đổi mới phương pháp làm việc, tư duy tích cực, xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức có đức, có tài, hết lòng, hết sức phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân. Thực hiện tốt bài học "*Đoàn kết*" mà Người đã dạy, chú trọng xây dựng môi trường làm việc thân thiện, hiệu quả trong hệ thống chính trị, xây dựng tập thể đoàn kết, ý thức trách nhiệm trong công việc, nâng cao trình độ tham mưu, khả năng làm việc của đội ngũ cán bộ công chức; xây dựng mối quan hệ gần gũi, hỗ trợ cho doanh nghiệp, tận tình với nhân dân, từ môi trường làm việc thân thiện, hiệu quả sẽ góp phần tạo ra sự chuyển biến tích cực về tư tưởng chính trị, ý thức tu dưỡng rèn luyện phẩm chất đạo đức và tinh thần tự giác "*làm theo*" tấm gương đạo đức của Bác của cán bộ, công chức trong hệ thống chính trị Quận 1.

Cuộc đời của Chủ tịch Hồ Chí Minh là tấm gương mẫu mực về đạo đức, phong cách mà chúng ta mãi mãi học tập, noi theo. Bây giờ học lại và nhất là thực hiện cho tốt những bài học ấy là trách nhiệm, là đạo đức, là báo đáp công ơn đối với Đảng, với Tổ quốc Việt Nam thân yêu của chúng ta và chúng ta phải luôn kiên định "***Vững bước trên con đường Người đã chọn***".

QUẬN 4 VỮNG BƯỚC TRÊN CON ĐƯỜNG NGƯỜI ĐÃ CHỌN

BAN THƯỜNG VỤ QUẬN ỦY QUẬN 4,
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Cách đây vừa tròn 100 năm, khi đất nước còn trong cảnh "nước mất, nhà tan", người dân vùng Khánh Hội lúc bấy giờ còn phải sống trong cảnh cơ cực, lầm than. Vào ngày 5-6-1911, Bác Hồ kính yêu của chúng ta đã lên tàu Amiral Latouche Tréville (Amiran Latusơ Tơrêvin) với tên gọi Văn Ba rời bến Cảng Sài Gòn, mở đầu cho cuộc hành trình đi tìm con đường cứu nước. Người đã bôn ba khắp các châu lục, tham gia các tổ chức hoạt động cách mạng ở các nước tư bản và thuộc địa, tìm hiểu các cuộc cách mạng Mỹ (1776) và cách mạng Pháp (1789). Năm 1917, sự kiện Cách mạng tháng Mười Nga do Đảng Bônsêvich, đứng đầu là Lênin, lãnh đạo đã nổ ra và giành thắng lợi đã thu hút sự quan tâm của Người về Lênin, về Quốc tế Cộng sản. Bản *Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa* của Lênin đã chỉ ra cho Người "*Muốn cứu nước và giải phóng dân tộc không có con đường nào khác ngoài con đường cách mạng vô sản*"[1]. Thực hiện xuyên suốt con đường Người đã chọn, bằng việc giương cao hai ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, Đảng Cộng sản Việt Nam đã lãnh đạo nhân dân ta tiến hành hai cuộc

1 *Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng Đảng*, Nxb. Lao Động, 2004, tr. 358.

kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ giành lại độc lập dân tộc để đi lên chủ nghĩa xã hội; thực hiện đường lối đổi mới, công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước, đạt được những thành tựu to lớn trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

1. Theo chân Người, Quận 4 kiên trì, bám sát mục tiêu trong cuộc đấu tranh đánh đuổi thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược giành độc lập dân tộc và xây dựng chính quyền, bước vào cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa

Thực hiện nhiệm vụ của Đảng Lao động Việt Nam mà Người đã vạch ra là kiên quyết đi đến "*kháng chiến thắng lợi, kiến quốc thành công*"[1], từ khi những chi bộ cộng sản đầu tiên được thành lập ở bến cảng Sài Gòn và Khánh Hội và lãnh đạo cách mạng, những phong trào đấu tranh cách mạng của công nhân và nhân dân lao động Quận 4 phát triển một cách liên tục và bền bỉ. Khánh Hội, Bến Cảng luôn là nơi diễn ra những cuộc biểu tình, đấu tranh của công nhân đã tạo nên phong trào mạnh mẽ chống thực dân, đế quốc cùng tay sai. Cùng với truyền thống yêu nước nồng nàn của nhân dân Sài Gòn - Gia Định, nhân dân Quận 4 dưới sự lãnh đạo của Hộ ủy và các chi bộ Đảng Cộng sản, đã tổ chức nhiều phong trào đấu tranh cách mạng sôi nổi từ những anh em công nhân Khánh Hội, Sài Gòn.

Thời kỳ chống Pháp, Khánh Hội vẫn là địa bàn xung yếu vì cảng Sài Gòn trở thành đầu cầu giao thông, có những cơ sở công nghiệp quan trọng cả về kinh tế và quân sự. Do đó, thực dân Pháp dùng nhiều phương thức để ổn định địa bàn, song trên thực tế các cuộc đấu tranh của công nhân và nhân dân lao động vẫn thường xuyên xảy ra dưới nhiều hình thức từ đòi quyền lợi kinh tế đến chống đàn áp, bắt lính... các cuộc đấu tranh đã lôi kéo cả tầng lớp trí thức, học sinh, sinh viên, đã diễn ra liên tục và sôi nổi. Các hoạt động phá hoại kinh tế địch cũng diễn ra thầm lặng nhưng liên tục

1 Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 3, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, tr. 3.

và hiệu quả, gây cho thực dân Pháp nhiều thiệt hại về vật chất và mất ổn định về xã hội. Hộ ủy 3 đã đảm bảo vai trò hạt nhân lãnh đạo, thực hiện các chủ trương, chiến lược chính trị quân sự của Trung ương và Khu ủy, Thành ủy. Những cuộc đấu tranh đều có sự chỉ đạo của Hộ ủy và sự lãnh đạo trực tiếp của các chi bộ hoặc đảng viên ở cơ sở. Vừa chiến đấu vừa xây dựng lực lượng quần chúng để trụ vững trong suốt 9 năm kháng chiến trường kỳ.

Bước sang thời kỳ kháng chiến chống Mỹ, địa bàn Bến Cảng, Khánh Hội bị địch kiểm soát chặt chẽ hơn, cuộc kháng chiến càng trở nên gay go, ác liệt. Hộ ủy 3 phải hoạt động trong điều kiện khó khăn, tổ chức chỉ đạo, chỉ huy luôn thay đổi: phần lớn thời gian của cuộc kháng chiến, thực tế mang hình thức "liên quận" đã nhập vào, tách ra rất nhiều lần theo chỉ đạo của Khu ủy Sài Gòn. Trong điều kiện khó khăn chồng chất ấy, Quận 4 không những vẫn duy trì được phong trào đấu tranh chính trị của công nhân và nhân dân lao động, phong trào đấu tranh còn lan rộng sang các tầng lớp, nhất là học sinh, sinh viên, trí thức...

Ngoài nhiệm vụ lãnh đạo phong trào đấu tranh chính trị ngay trong hậu phương địch, Đảng bộ Quận 4 còn lãnh đạo xây dựng các lực lượng như biệt động, du kích, tự vệ công nhân..., lực lượng này đã gây cho địch nhiều thiệt hại về sinh lực và phương tiện chiến tranh, đồng thời đã phối hợp với các lực lượng khác của thành phố để dũng cảm chiến đấu, tạo tiếng vang lớn trong cuộc tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân, góp phần làm nên thắng lợi vang dội trong chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử. Bên cạnh lực lượng chính quy, các cơ sở chính trị và đoàn thể cách mạng quần chúng đã tích cực tham gia xây dựng những căn cứ ngay trong lòng địch như nhiều hầm bí mật che giấu cán bộ và hầm chứa vũ khí được các cơ sở cách mạng xây dựng ngay trong những xóm thợ, ngay trong nhà những người dân lao động.

Ngày 30-4-1975, Quận 4 được giải phóng toàn vẹn về cơ sở vật chất, trong đó có nhiều xí nghiệp công nghiệp và Cảng Sài

Gòn: thành tích ấy có phần đóng góp to lớn của nhân dân Quận 4, một bộ phận không thể thiếu, không thể tách rời trong lịch sử đấu tranh cách mạng của nhân dân thành phố nói chung và của phong trào công nhân Sài Gòn nói riêng.

Thực hiện theo lời dạy của Bác: "*Ngay sau khi cuộc chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta đã hoàn toàn thắng lợi, công việc toàn Đảng, toàn quân và toàn dân phải ra sức làm là mau chóng hàn gắn vết thương nghiêm trọng do đế quốc Mỹ gây ra trong cuộc chiến tranh xâm lược dã man. Đó là một công việc vô cùng to lớn, phức tạp và khó khăn... Chúng ta phải có kế hoạch, sẵn sàng, rõ ràng, chu đáo để tránh khỏi bị động, thiếu sót, sai lầm*"[1]. Đảng bộ, nhân dân Quận 4 và Bến Cảng Sài Gòn - nơi Bác ra đi tìm đường cứu nước năm xưa hân hoan đón mừng thành quả vĩ đại của sự nghiệp giải phóng dân tộc, đồng thời tiến hành cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa theo con đường mà Bác đã vạch ra trong bối cảnh có nhiều khó khăn và thách thức: số người bị thất nghiệp thời gian sau giải phóng lên đến 6 vạn, nạn đói đe dọa nghiêm trọng; nhiều nhà máy, xưởng sản xuất phải đóng cửa vì thiếu nguyên vật liệu; hàng hóa khan hiếm, giá cả tăng vọt; cơ sở hạ tầng của quận vẫn còn thấp kém. Trong khi đó, đội ngũ cán bộ Đảng và chính quyền cách mạng còn thiếu và chưa có kinh nghiệm quản lý, hạn chế về trình độ văn hóa, chuyên môn nghiệp vụ, đặc biệt là cán bộ cơ sở cấp phường, khóm.

Bước vào cách mạng xã hội chủ nghĩa, Đảng bộ Quận 4 luôn quán triệt quan điểm của Nghị quyết Đại hội và các Nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương, Nghị quyết của Thành ủy, vận dụng sáng tạo vào hoàn cảnh thực tiễn của địa phương, xác định những mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của quận, phát huy tinh thần cách mạng sáng tạo, ý thức tự lực tự cường của Đảng bộ, các

1 *40 năm thực hiện Di chúc của Hồ Chủ tịch*, Nxb. Chính trị - Hành chính, Hà Nội, 2009, tr. 39.

tầng lớp nhân dân trong lao động, sản xuất, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Từ những ngày đầu sau giải phóng, với một quận có hơn 20 vạn dân như Quận 4, trong đó 80% là dân lao động với truyền thống yêu nước đang phấn khởi, hồ hởi trong niềm vui thống nhất, thì việc khôi phục kinh tế - xã hội trên địa bàn quận đã cuốn hút sự quan tâm, hưởng ứng của cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân. Thuận lợi cơ bản là trên địa bàn Quận 4 có thương cảng lớn, nhiều kho tàng, bến bãi, lại có 35 xí nghiệp công nghiệp, gần 300 cơ sở tiểu thủ công... nên việc khôi phục hoạt động của những cơ sở kinh tế ấy đã góp phần vào sự chuyển động chung của nền kinh tế Thành phố sau giải phóng.

Mười năm đầu sau giải phóng (1975 - 1986), trong thế kìm tỏa và cấm vận về kinh tế của đế quốc Mỹ, tình hình kinh tế còn nhiều khó khăn, Đảng bộ và nhân dân Quận 4 đã nỗ lực vươn lên với tinh thần chủ động, từng bước khắc phục khó khăn, tìm tòi cách làm sáng tạo để giữ vững sản xuất và đảm bảo phân phối lưu thông, đồng thời tổ chức lại các nhà máy, xí nghiệp công nghiệp, phát huy tinh thần làm chủ, đẩy mạnh các phong trào thi đua sản xuất tạo ra của cải xã hội nhằm đáp ứng những yêu cầu cấp bách và thiết yếu nhất, cải thiện từng bước đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân. Cơ sở vật chất kỹ thuật được tăng cường, sự phối hợp giữa các cơ sở tiểu thủ công nghiệp với các loại hình cơ sở kinh tế khác bước đầu mang lại hiệu quả. Giáo dục, y tế, văn hóa có chuyển biến, bộ mặt xã hội thay đổi với nhiều công trình phúc lợi xã hội được hoàn thành.

2. Quận 4 trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phấn đấu đạt được mục tiêu xây dựng Quận "giàu đẹp, văn minh, hiện đại, nghĩa tình"

Bước vào thời kỳ đổi mới, công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước, Đảng bộ và nhân dân Quận 4 luôn vững bước đi theo con

đường "độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội", từng bước khắc phục khó khăn và đạt được một số thành tựu: nền kinh tế - xã hội địa phương dần thích nghi với cơ chế mới; việc thực hiện chính sách xã hội được đẩy mạnh, các công trình phúc lợi công cộng được chú trọng, tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ngày càng ổn định; phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, tăng cường hiệu lực quản lý của Nhà nước; tiếp tục thực hiện nhiệm vụ xây dựng và chỉnh đốn Đảng; đổi mới các hoạt động đoàn thể, xây dựng mối quan hệ mật thiết với nhân dân.

Những kết quả đạt được trong thời kỳ đổi mới, công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước của Đảng bộ và nhân dân Quận 4 đang tiếp tục khẳng định chân lý mà người thanh niên yêu nước Nguyễn Tất Thành đã lựa chọn. *"Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội"* luôn là bài học lớn, là sợi chỉ đỏ xuyên suốt quá trình cách mạng Việt Nam; là sự lựa chọn của Đảng, Bác Hồ và cũng chính là sự lựa chọn của nhân dân, của lịch sử.

Tiếp nối truyền thống vẻ vang, Đảng bộ Quận 4 đã vận dụng sáng tạo đường lối đổi mới của Đảng bằng những biện pháp cụ thể, thiết thực, toàn diện và mang lại những thành quả tốt đẹp, tạo cơ sở vững chắc cho sự phát triển bền vững trong những năm tiếp theo. Như bao giai đoạn khác trong tiến trình lịch sử, quá trình thực hiện đường lối đổi mới, công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước của Đảng vẫn có những giai đoạn khó khăn nhất định. Tuy nhiên, Đảng bộ, chính quyền và nhân dân Quận 4 vẫn chung sức, chung lòng, nỗ lực vượt qua mọi khó khăn, thách thức, từng bước ổn định cuộc sống người dân, phát triển kinh tế - xã hội ngày càng vững chắc. Những thành quả đó ngày càng khẳng định đường lối đổi mới của Đảng là đúng đắn, sáng tạo, phù hợp với yêu cầu thực tiễn cuộc sống, đồng thời khẳng định ý chí tự lực, tự cường, vượt qua khó khăn, thử thách của Đảng bộ và nhân dân Quận 4.

3. Những bài học kinh nghiệm được rút ra trong quá trình phát triển Quận 4 theo lời di huấn của Chủ tịch Hồ Chí Minh

Qua hơn 40 năm thực hiện *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh (1969 - 2011), 36 năm xây dựng và phát triển Quận 4 sau ngày thống nhất đất nước (1975 - 2011), Đảng bộ Quận 4 đã rút ra những bài học kinh nghiệm sâu sắc trong quá trình vận dụng những lời di huấn của Chủ tịch Hồ Chí Minh vào công tác lãnh đạo của Đảng bộ với vai trò lãnh đạo toàn diện như sau:

Một là, trong quá trình xây dựng và phát triển địa phương phải luôn vận dụng phương châm "Dĩ bất biến, ứng vạn biến" trong đó cái bất biến chính là mục tiêu "Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội" và mục tiêu "Xây dựng Quận 4 giàu đẹp, văn minh, hiện đại, nghĩa tình" góp phần xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh trở thành thành phố xã hội chủ nghĩa, văn minh, hiện đại là những mục tiêu chiến lược cần phải được bám sát và kiên trì xuyên suốt quá trình lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị của Đảng bộ quận. Cái vạn biến là phải chủ động, sáng tạo và đổi mới trong khi thực hiện các nhiệm vụ chính trị với tinh thần bám sát thực tế, lấy thực tế kiểm nghiệm chân lý và bổ sung lý luận, tích cực đổi mới tư duy, dám nghĩ, biết làm và dám chịu trách nhiệm; thực hiện tốt nguyên tắc tập trung dân chủ để tạo sự đoàn kết, thống nhất trong nội bộ Đảng, không ngừng kiện toàn củng cố bộ máy chính quyền từ quận đến cơ sở sao cho đáp ứng tốt yêu cầu nhiệm vụ chính trị trong từng thời kỳ; luôn đổi mới phương thức tập hợp lực lượng, xây dựng lực lượng chính trị nòng cốt, nâng cao chất lượng hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội để làm tốt công tác vận động quần chúng, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc; tìm tòi các giải pháp sáng tạo, hiệu quả để thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội; tranh thủ và tận dụng mọi nguồn lực xã hội trong quá trình xây dựng và phát triển quận nhà.

Hai là, xem công tác xây dựng Đảng là then chốt. Trước hết, phải xây dựng nội bộ Đảng đoàn kết, chung sức, chung lòng,

thống nhất cả về ý chí và hành động để củng cố niềm tin cho cán bộ, đảng viên và quần chúng; đẩy mạnh các phong trào thi đua yêu nước cùng với việc triển khai thực hiện thường xuyên Cuộc vận động "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh" để nâng cao chất lượng, hiệu quả lãnh đạo và phục vụ quần chúng nhân dân. Đồng thời, cần chú trọng xây dựng các tổ chức đảng và hệ thống chính trị trong sạch vững mạnh cần phải tập trung đầu tư đúng mức về cả công tác tư tưởng và công tác tổ chức, cán bộ. Kịp thời xây dựng đội ngũ cán bộ kế thừa, xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức theo yêu cầu nhiệm vụ chính trị, vừa hồng vừa chuyên là trách nhiệm hàng đầu, là nhân tố quyết định thắng lợi của sự nghiệp xây dựng và phát triển địa phương.

Ba là, không ngừng đổi mới nội dung và phương thức lãnh đạo của Đảng bộ đối với hệ thống chính trị và các lĩnh vực đời sống xã hội. "Lấy dân làm gốc", chúng ta phải lấy sự nâng cao chất lượng đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân làm thước đo hiệu quả công tác lãnh đạo và phát huy vai trò lãnh đạo toàn diện của tổ chức Đảng ở địa phương, đơn vị.

Bốn là, phải tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân, phát huy và mở rộng dân chủ cơ sở làm tiền đề tiến đến mục tiêu "Xây dựng quận 4 giàu đẹp, văn minh, hiện đại, nghĩa tình". Phải biết khơi dậy và phát huy các nguồn lực xã hội, tranh thủ tối đa ngoại lực cùng với việc xây dựng, phát huy nội lực để phát triển kinh tế - xã hội địa phương, trong đó xây dựng và phát huy sức mạnh của nhân dân là vấn đề trọng tâm.

Năm là, cả hệ thống chính trị, trong khi thực hiện nhiệm vụ, phải vận dụng đúng đắn khoa học lý luận vào thực tiễn; đồng thời phải căn cứ vào tình hình thực tế của địa phương, đơn vị, vào nghị quyết của Đảng, vào yêu cầu thực tiễn trong từng giai đoạn, thời kỳ cách mạng đặt ra để xác định đúng trọng tâm, trọng điểm, có lộ trình, bước đi thích hợp, không nóng vội, chủ quan, duy ý chí mà cũng không buông tay chờ thời cơ.

Những bài học kinh nghiệm được Đảng bộ và cả hệ thống chính trị Quận rút ra từ thực tiễn là sự tổng hợp từ những thành quả đạt được trong 36 năm qua, qua 10 kỳ Đại hội Đảng bộ, từ những đóng góp của cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân đối với sự nghiệp cách mạng của địa phương trải qua nhiều thời kỳ, nhiều giai đoạn và những gian nan, thử thách mà Đảng bộ và nhân dân Quận 4 phải đương đầu nhưng vẫn kiên định bám sát mục tiêu, vững bước theo Người, học tập và làm theo tấm gương đạo đức của Người.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ rõ rằng: "*Chỉ có sự lãnh đạo của một đảng biết vận dụng một cách sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện cụ thể của nước mình thì mới có thể đưa cách mạng giải phóng dân tộc đến thắng lợi và cách mạng xã hội chủ nghĩa đến thành công*"[1]. Đảng bộ Quận 4 luôn lấy sự kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, luôn vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh vào thực tiễn để có hướng đi đúng, cách làm sáng tạo, năng động, hiệu quả trong suốt quá trình lãnh đạo hoạt động chính trị, lãnh đạo xã hội để đáp ứng yêu cầu, xứng đáng là chỗ dựa đáng tin cậy của quần chúng nhân dân. Những bài học kinh nghiệm được trình bày trên đây sẽ tiếp tục được tổng kết, bổ sung; hệ thống chính trị Quận 4 cũng sẽ căn cứ vào những bài học kinh nghiệm này mà không ngừng nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của mình trong những chặng đường tiếp theo của sự nghiệp công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước. Bên cạnh việc xác định đúng hướng đi, chọn đúng những trọng tâm, trọng điểm làm khâu đột phá thì việc xây dựng tổ chức đảng, hệ thống chính trị cần chú trọng xây dựng đội ngũ cán bộ có đủ phẩm chất đạo đức, bản lĩnh chính trị, năng lực công tác, tinh thần trách nhiệm trước Đảng, trước dân; cần tập trung phát huy, khơi dậy tính năng động, sáng tạo trong hoạt động tham mưu của

1 Quận 4 - Kỷ yếu Hội thảo khoa học: *Di sản Văn hóa Hồ Chí Minh với sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trên địa bàn quận 4*, Lưu hành nội bộ, tháng 6-2003, tr. 246.

cán bộ, đảng viên. Đồng thời, việc tập hợp và phát huy đúng mức sức mạnh của nhân dân, tạo nội lực mạnh mẽ, kiên trì đeo bám mục tiêu, vượt qua những thách thức của thời đại để phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững quốc phòng - an ninh là yêu cầu không thể thiếu trong nội dung và phương thức lãnh đạo của Đảng.

Kinh nghiệm lịch sử, tư duy và phong cách làm việc của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ rõ rằng, cách mạng chỉ giành được thắng lợi khi chúng ta kiên định mục tiêu, nêu cao tinh thần tự chủ, tự lực tự cường, đổi mới và sáng tạo. Phải biết tranh thủ thời cơ và vận hội, sáng suốt nhìn thẳng vào thực tế để thật bình tĩnh ứng phó tình hình và chủ động vượt qua. Đảng bộ Quận 4 luôn vững bước tiến lên để hoàn thành sự nghiệp cách mạng vô cùng to lớn mà cũng đầy vinh quang. Quyết tâm vững bước theo con đường của Người, Quận 4 có niềm tin vững chắc đối với tiền đồ xán lạn của đất nước; trong đó, có sự đóng góp của Đảng bộ, nhân dân Quận 4 nói riêng và Đảng bộ, nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh nói chung.

TUỔI TRẺ CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH VỚI QUÁ TRÌNH TÌM ĐƯỜNG CỨU NƯỚC

LÊ VĂN SƠN*

Đất Sài Gòn - Gia Định từ rất sớm đã có truyền thống chống phong kiến và ngoại xâm. Sài Gòn là cửa ngõ của xứ Nam Kỳ, đầu mối giao thương với các nước, có Cảng Sài Gòn là cửa ngõ thông ra đường hàng hải quốc tế, có nhiều tàu bè các nước ra vào thường xuyên, đặc biệt có nhiều hãng tàu lớn chạy tuyến Pháp - Đông Dương nên thuận lợi cho việc đi sang Pháp bằng tàu biển.

Trong quá trình xâm lược Nam Kỳ, ngay từ đầu thực dân Pháp đã chọn Sài Gòn làm trung tâm kinh tế, chính trị, quân sự để làm bàn đạp tiến chiếm các tỉnh, từ đó Sài Gòn có mối thông thương mật thiết với chính quốc, vào được Sài Gòn có thể coi như đã vào nước Pháp. Để phục vụ cho cuộc chiến xâm lược và đô hộ Việt Nam cùng việc khai thác tối đa thuộc địa, Pháp đã xây dựng cảng và nhiều nhà máy ở Sài Gòn nên ở đây có nhiều công nhân, thợ thuyền tập trung rất thuận lợi cho hoạt động cách mạng. Vì vậy, nhiều nhà cách mạng đã chọn Sài Gòn để làm địa bàn hoạt động.

Từ thành phố này Người đã ra đi...

Câu hát này làm cho chúng ta nhớ lại những ngày lịch sử tháng 6 năm 1911 ở bến Cảng Sài Gòn nơi Nguyễn Tất Thành người

* Phó Bí thư Đảng ủy Cảng Sài Gòn.

thanh niên 21 tuổi yêu nước, thương đồng bào đã ra đi tìm đường cứu nước giải phóng dân tộc.

Ngày 3 tháng 6 năm 1911, tàu Amiral Latouche Tréville (Amiran Latusơ Torêvin) đã đón nhận một thanh niên Việt Nam 21 tuổi xuống làm phụ bếp và con tàu này đã trở thành con tàu lịch sử đưa người thanh niên Nguyễn Tất Thành với tên Văn Ba ra đi tìm đường cứu nước vào ngày 5 tháng 6 năm 1911. Ngày 5 tháng 6 năm 1911 là một ngày lịch sử vô cùng quan trọng đối với cách mạng của dân tộc ta. Bởi vì, nó là tiền đề cho những biến đổi lớn lao của đất nước sau này. Sài Gòn ngày ấy, Thành phố Hồ Chí Minh bây giờ đã được Bác Hồ chọn làm nơi để ra đi tìm đường cứu nước. Sài Gòn - Thành phố Hồ Chí Minh nói chung, Cảng Sài Gòn nói riêng, vinh dự là nơi đã tiễn Bác đi tìm đường cứu nước, giải phóng dân tộc. Và Sài Gòn cũng là nơi Nguyễn Ái Quốc từ nước ngoài truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin và chuyển các tài liệu cách mạng về nước.

Dù ta hiểu cách mạng là sự nghiệp của quần chúng, song vai trò cá nhân lãnh tụ cực kỳ quan trọng, nhất là từ bến Cảng Sài Gòn đi sang phương Tây và từ phương Tây truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin về nước, chuyển hẳn nội dung yêu nước, gắn cách mạng Việt Nam vào cách mạng thế giới, thì rất có thể một nhân vật khác thay cho Nguyễn Tất Thành, đồng thời cũng rất có thể chẳng có ai thay cả, và vận mệnh Việt Nam sẽ mai một... Tất cả đều là giả định trong khi sự thật hiển nhiên là nước Việt Nam có một Hồ Chí Minh, một anh hùng giải phóng dân tộc kiệt xuất, biểu tượng sức mạnh chẳng những của nhân dân Việt Nam mà của cả các dân tộc bị áp bức khắp thế giới.

Có người đã phân tích bốn điểm về cuộc ra đi của Nguyễn Tất Thành như sau:

1. Đi đúng hướng: chọn hướng Tây Âu, dừng lại ở Pháp.

2. Đi đúng cách: đi bằng con đường tự rèn luyện qua lao động, nhờ đó giác ngộ được ý thức giai cấp vô sản.

3. Mục đích đúng đắn, rõ ràng, nhất quán: "Yêu nước, tinh thần xả thân vì nước, thủy chung như một".

4. Với sự phấn đấu cao độ và một nghị lực phi thường.

Chống đế quốc phương Tây, chống thực dân châu Âu sao lại đi hướng đó mà tìm đường cứu nước? Có ngược đời không? Có người bảo Nguyễn "đi ngược". Có người lại hỏi: có thật Nguyễn Tất Thành ra đi năm 1911 là để tìm đường cứu nước, hay ra đi cũng như bao thanh niên khác, để kiếm sống, để thỏa tính hiếu kỳ, cốt học văn hóa, cho biết đó đây, rồi ngẫu nhiên bị thời cuộc xô đẩy vào việc chính trị như nhiều người khác, để đến sau chiến tranh thế giới khi ngôi sao Nguyễn Ái Quốc mọc lên ngày càng thêm sáng, thì người đời mới bày ra chuyện Nguyễn từ bến Cảng Sài Gòn ra đi nhằm tìm đường cứu nước, để cho câu chuyện ra đi trở thành ly kỳ, đầy ý nghĩa chính trị tương xứng với lịch sử của Nguyễn Ái Quốc.

Năm 1969, ở Sài Gòn, Linh mục Trương Bá Cần đã từng đặt ra và giải quyết vấn đề một cách hợp lý, khoa học. Và ông Trương Bá Cần đã kết luận: "Nguyễn Ái Quốc ra đi là để tìm một giải pháp cho quê hương". *"Chúng ta đồng ý với vị linh mục, nhà báo, nhà sử học"*[1].

Nói về một trong những nguyên nhân thúc đẩy Nguyễn Tất Thành đi sang Pháp và các nước khác để tìm đường cứu nước, trong bài phỏng vấn của nhà báo Xô viết ÔXip Manđenxtan với đầu đề "Nguyễn Ái Quốc, thăm một chiến sĩ quốc tế cộng sản" đăng trên tạp chí Ogoniok số 39 ngày 23 tháng 12 năm 1923, Nguyễn Ái Quốc đã trả lời "vào trạc 13 tuổi, lần đầu tiên tôi đã được nghe ba từ Pháp: Tự do, Bình đẳng, Bác ái... Thế là tôi

1 GS. Trần Văn Giàu, *Bác Hồ ra đi tìm đường cứu nước"*, tr. 1 - 53, *Vàng trong lửa*, Ban Khoa học Xã hội Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh xuất bản năm 1990.

muốn làm quen với nền văn minh Pháp, tìm xem những gì ẩn náu đằng sau những từ ấy".

Suy nghĩ về sự lựa chọn con đường ra đi tìm đường cứu nước của mình, trả lời phỏng vấn của nhà báo Mỹ Anna Louise Strong đăng trên báo *Nhân dân* số ra ngày 18 tháng 5 năm 1965 trong bài *Ba lần nói chuyện với Chủ tịch Hồ Chí Minh* Bác Hồ đã nói như sau: "Nhân dân Việt Nam trong đó có cụ thân sinh ra tôi lúc này thường hỏi nhau rằng: Ai sẽ là người giúp mình thoát khỏi ách thống trị của Pháp. Người này nói là Nhật, người khác nói là Anh, có người khác nữa nói là Mỹ. Tôi thì thấy phải đi ra nước ngoài để xem cho rõ".

Ngay sau khi giải phóng Sài Gòn, đài phát thanh châu Âu ngày 15 tháng 5 năm 1975 phát đi lời của ông Saintany, người đã từng tham gia cuộc đàm phán Việt - Pháp năm 1946: "Thắng lợi của nhân dân Việt Nam là thắng lợi của tư tưởng chủ đạo, đã từng là đường lối chỉ đạo toàn bộ chính sách của Việt Nam từ ba mươi năm nay, trước hết là độc lập, mà hôm nay vừa đạt được, rồi đến thống nhất. Tư tưởng này, đã chỉ đạo toàn bộ chính sách của Hồ Chủ tịch là người bắt đầu cuộc đấu tranh từ năm 1911".

Cuộc hành trình 30 năm

Về hành trình ba mươi năm bôn ba nước ngoài của Bác Hồ kể từ tháng 6 năm 1911 đến năm 1941, có thể chia cuộc hành trình làm ba chặng lớn: chặng thứ nhất từ 1911 - 1919, chặng thứ hai từ 1919 - 1924 và chặng thứ ba từ 1924 - 1941.

Chặng đường thứ nhất từ 1911 - 1919: Kể từ ngày 5 tháng 6 năm 1911 cùng tàu Amiral Latouche Tréville (Amiran Latusơ Tơrêvin) rời bến cảng Sài Gòn ra đi tìm đường cứu nước, Người đã bôn ba qua nhiều nước thuộc châu Á, châu Âu, châu Mỹ, châu Phi. Trong chiến tranh thế giới lần thứ nhất Người tới Anh rồi trở lại Paris khoảng 1917 - 1918. Suốt chặng đường này, cái tên từ quê hương - Nguyễn Tất Thành được dùng phổ biến trong các

giấy tờ, thư tín của Bác, cho nên có thể gọi đây là "chặng đường Nguyễn Tất Thành". Về nội dung hoạt động của Bác thì đây là "chặng đường tìm tòi". Trong đầu óc Người đã có mục tiêu "giải phóng dân tộc" được xác định từ đầu, nhưng phương thức hành động thì chưa, chưa có ý niệm đi theo học thuyết nào, làm thế nào để cứu đất nước khỏi vòng nô lệ.

Chặng đường thứ hai từ tháng 6 năm 1919 - 1924: Khi Người nhân danh "Nhóm người Việt Nam yêu nước" ký tên Nguyễn Ái Quốc vào bản "Yêu sách của nhân dân Việt Nam" gửi các đoàn đại biểu dự Hội nghị Versailles (Vécxây), yêu cầu các nước đồng minh vừa thắng trận trong chiến tranh thế giới thứ nhất, trong đó có nước Pháp, hãy tôn trọng quyền tự do, bình đẳng của nhân dân Việt Nam. Từ đây cái tên Nguyễn Ái Quốc trở thành mối lo ngại rất lớn của thực dân Pháp ở Pháp cũng như ở Đông Dương. Trái lại, ba tiếng Nguyễn Ái Quốc trở thành niềm hy vọng thầm kín, sâu xa và lớn lao của nhân dân Việt Nam, về một anh tài kiệt xuất Nguyễn Ái Quốc đang bôn ba hải ngoại, sẽ có một ngày trở về dìu dắt nhân dân đấu tranh thoát khỏi ách thống trị ngoại xâm.

Trên chặng đường này, trong điều kiện lịch sử mới, sau Cách mạng tháng Mười Nga, Nguyễn Ái Quốc đã tìm ra đường đi nước bước của mình. Qua việc tiếp thu và học tập chủ nghĩa Mác - Lênin, Bác trở thành đảng viên Đảng Cộng sản Pháp, rồi trở thành một cán bộ trung kiên, xuất sắc của Quốc tế Cộng sản, luôn luôn yêu cầu các đảng cộng sản ở các nước đế quốc hãy quan tâm đến cuộc đấu tranh của các dân tộc thuộc địa. Từ năm 1919 đến năm 1924, trên đất Pháp cũng như trên đất Nga, Nguyễn Ái Quốc đã trở thành tên họ công khai, chính thức của Bác Hồ. Trong phong trào cộng sản thế giới cũng như trong các nhóm người hoạt động yêu nước Việt Nam, tên tuổi Nguyễn Ái Quốc được nhắc đến một cách thân yêu và kỳ vọng. Cho nên chặng đường này có thể gọi là "chặng đường Nguyễn Ái Quốc". Về địa bàn hoạt động có thể gọi

đây là "chặng đường Pháp - Liên Xô". Về nội dung hoạt động có thể gọi là "chặng đường hoạt động quốc tế".

Chặng đường thứ ba từ năm 1924 - 1941: Sau khi đọc "Sơ thảo lần thứ nhất luận cương về các vấn đề dân tộc và thuộc địa" của Lênin, Bác Hồ của chúng ta luôn tìm cách sớm về nước để chuẩn bị cho việc đánh đuổi thực dân Pháp, cứu nước giải phóng dân tộc. Chặng đường này, Bác vừa làm nhiệm vụ quốc tế vừa lo toan sự nghiệp cách mạng Việt Nam. Bác đã bắt tay vào những công việc cụ thể như: vạch ra đường lối, phương châm cho cách mạng Việt Nam, tập hợp lực lượng, xây dựng tổ chức, đào tạo cán bộ, sáng lập Đảng, lãnh đạo cách mạng Việt Nam... Rồi khi về Tổ quốc, xây dựng căn cứ địa Việt Bắc, thực hiện thành công mục tiêu cao cả giành lại độc lập chủ quyền cho đất nước.

Đây là chặng đường vô cùng quan trọng, mang ý nghĩa quyết định và cũng là chặng đường hết sức nguy hiểm, khúc khuỷu, quanh co đối với Bác. Suốt chặng đường này Người sử dụng rất nhiều tên như: Lý Thụy, đồng chí Vương, Hồ Quang... và cuối cùng là Hồ Chí Minh, tên gọi sáng ngời lịch sử, vang danh cả thế giới, gắn với cuộc đời của Bác cho đến giờ phút cuối cùng. Vì vậy, chặng đường này không thể gọi theo một tên họ duy nhất của Người như hai chặng đường trước, về địa bàn hoạt động có thể gọi là "chặng đường Hoa Nam", có lẽ đúng hơn hết là gọi theo nội dung hoạt động của Bác "chặng đường về nước".

Như vậy, với sự phân tích 4 điểm về việc Nguyễn Tất Thành ra đi tìm đường cứu nước ở phần trên, ngoài việc: đi đúng hướng; đi đúng cách; mục đích đúng đắn, rõ ràng, nhất quán; với sự phấn đấu cao độ và một nghị lực phi thường; chúng ta còn thấy ở Nguyễn Tất Thành - Nguyễn Ái Quốc một tư chất thông minh khác thường, có bản lĩnh hoạt động cách mạng, gan dạ hoạt động ngay trong lòng kẻ thù, để đấu tranh trực diện với thực dân Pháp, đòi xóa bỏ áp bức và xiềng xích nô lệ cho dân tộc. Bằng các yêu sách, bằng cách lên tiếng ở các hội nghị và các bài viết đấu tranh

trên các báo: *Người cùng khổ* (do Người làm chủ bút), *Nhân đạo, Đời sống Công nhân,...* Người còn viết tác phẩm *Bản án chế độ thực dân Pháp* với rất nhiều tư liệu phong phú, để đấu tranh và tố cáo tội ác của thực dân Pháp và chủ nghĩa đế quốc thực dân, đòi quyền tự do, bình đẳng cho dân tộc mình và các dân tộc bị áp bức trên toàn thế giới. Chính vì vậy, Thomas Hodkin một nhà sử học người Anh đã viết "Một khía cạnh trong thiên tài của cụ Hồ Chí Minh là ngay từ năm 1922, khi cụ xuất bản tờ *Le Paria* và cuốn *Bản án chế độ thực dân Pháp* ở Paris, cụ đã có khả năng trình bày chủ nghĩa Mác - Lênin không phải như một tín điều ngoại lai, mà như là một cách suy nghĩ đặc biệt Việt Nam về con người và xã hội được nảy sinh từ kinh nghiệm cách mạng và thực tiễn của chính dân tộc cụ". Singo Shibata một nhà triết học và xã hội học Nhật Bản thì nói "trong Bản án chế độ thực dân Pháp, Hồ Chủ tịch đã nắm tính phổ biến và tính đặc thù của nó" (tức chủ nghĩa thực dân).

Ý nghĩa của sự nghiệp tìm đường cứu nước của Bác Hồ đối với cách mạng Việt Nam, đối với dân tộc Việt Nam ngày nay

Sau nhiều năm với bao khổ cực bôn ba các nước tìm tòi và học hỏi, Nguyễn Tất Thành - Nguyễn Ái Quốc đã hy sinh cả tuổi trẻ, không sợ hiểm nguy, hết lòng tìm đường cứu nước, cứu dân tộc. Người đã xác định dứt khoát phải đi theo con đường của học thuyết Mác - Lênin, tham gia phong trào cộng sản và công nhân thế giới, bằng mọi cách làm cho nhân dân Việt Nam vùng lên giải phóng Tổ quốc mình, góp phần vào sự nghiệp cách mạng thế giới. Chính Đảng Cộng sản Pháp, chính Cách mạng tháng Mười Nga, chính Quốc tế Cộng sản và chủ nghĩa Mác - Lênin là chỗ dựa cho dân tộc Việt Nam trong cuộc đấu tranh giành độc lập, và chỉ có theo con đường của chủ nghĩa Mác - Lênin mới thắng lợi. Cách mạng muốn thành công phải có đảng cách mạng chân chính lãnh đạo. Đảng phải có hệ tư tưởng tiên tiến, cách mạng và khoa học dẫn đường. Đảng không có lý luận cũng giống như người không có trí khôn, tàu không bàn chỉ nam. Lý luận chân chính nhất, cách

mạng nhất là chủ nghĩa Mác - Lênin. Trong đảng ai cũng phải hiểu, ai cũng phải theo lý luận ấy. Với xác định đúng đắn này, Người đã vận dụng một cách sáng tạo vào tình hình cách mạng ở Việt Nam với phong trào cách mạng thế giới, dẫn đến lãnh đạo thành công cuộc cách mạng giải phóng dân tộc, giành độc lập tự do cho dân tộc, lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Sự kiện người thanh niên yêu nước Nguyễn Tất Thành sau này là Chủ tịch Hồ Chí Minh ra đi tìm đường cứu nước từ Bến cảng Sài Gòn ngày 5 tháng 6 năm 1911, không những tạo ra bước ngoặt lịch sử cho cách mạng Việt Nam, một sự kiện lịch sử của dân tộc mà còn là một di sản văn hóa vô giá để lại cho dân tộc Việt Nam nói chung và Thành phố Hồ Chí Minh nói riêng.

Là những người hôm nay được sống trong hòa bình độc lập, thành quả của cuộc đấu tranh cách mạng đầy gian khổ nhưng rất hào hùng do Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo giành thắng lợi. Để có được thành quả này là nhờ có Chủ tịch Hồ Chí Minh vị lãnh tụ tài ba và vĩ đại, Người cùng Đảng lãnh đạo cách mạng Việt Nam đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác, cùng với biết bao xương máu của các thế hệ đi trước đã hy sinh cho thành quả hôm nay.

Là người dân Thành phố Hồ Chí Minh - thành phố Anh hùng có Cảng Sài Gòn nơi 100 năm trước Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ra đi tìm đường cứu nước, giải phóng dân tộc là niềm vinh dự và đầy tự hào đối với mỗi chúng ta. Tự hào, đồng thời ý thức được trách nhiệm của mình, từ nhiều năm qua, Đảng bộ Cảng Sài Gòn đã luôn ra sức phấn đấu mọi mặt để hoàn thành nhiệm vụ chính trị, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh thành khu vực phía Nam, đóng góp tích cực cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Nhìn lại Cảng Sài Gòn sau ngày giải phóng miền Nam, năm 1976 Cảng Sài Gòn bốc xếp được 1.089.439 tấn hàng hóa, năm

2000 bốc xếp được 9.700.968 tấn hàng đến năm 2009 đã bốc xếp được 14.008.122 tấn hàng, tăng 12,7 lần so với năm 1976. Về doanh thu năm 2000 Cảng Sài Gòn đạt 414,587 tỷ đồng đến năm 2009 đạt 1.097 tỷ đồng tăng 2,6 lần so với năm 2000. Để tiếp tục phát triển, nâng cao hơn nữa năng lực sản xuất kinh doanh và hội nhập sâu rộng nền kinh tế thế giới, Cảng Sài Gòn có các dự án cảng biển tại Hiệp Phước huyện Nhà Bè và Bà Rịa -Vũng Tàu đến năm 2012 sẽ hoàn thành và đưa vào khai thác giai đoạn 1, các cảng biển này được trang bị các máy móc thiết bị hiện đại với năng lực bốc xếp đạt khoảng 60 triệu tấn/năm, tăng 4 lần so với hiện nay. Cảng Sài Gòn sẽ trở thành một trong những cảng biển hàng đầu của quốc gia mang tầm cỡ quốc tế.

Với sự phấn đấu nhiều năm liền, năm 1996 Cảng Sài Gòn được phong tặng danh hiệu Anh hùng lao động trong thời kỳ đổi mới, kết quả và thành tích này thể hiện sự trân trọng, biết ơn của cán bộ, công nhân viên Cảng Sài Gòn đối với Chủ tịch Hồ Chí Minh - Anh hùng giải phóng dân tộc và danh nhân văn hóa thế giới. Cảng Sài Gòn sẽ luôn cùng với Thành phố Hồ Chí Minh tiếp tục giữ gìn và phát huy truyền thống bến cảng lịch sử của dân tộc nơi Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ra đi tìm đường cứu nước.

NGUYỄN TẤT THÀNH - TẤM GƯƠNG VỀ TÌNH YÊU NƯỚC, THƯƠNG DÂN, VỀ TRÁCH NHIỆM CỦA THẾ HỆ TRẺ ĐỐI VỚI VẬN MỆNH CỦA DÂN TỘC

PGS. TS. TRẦN VĂN PHÒNG*

Mỗi lần nhắc tới Chủ tịch Hồ Chí Minh, từ sâu thẳm lòng mình, mỗi người dân Việt Nam, dù là người dân tộc thiểu số hay đa số, dù sống ở miền xuôi hay miền ngược, dù ở nước ngoài hay trong nước, dù theo tín ngưỡng, tôn giáo nào... luôn luôn nhớ tới hình ảnh một con người cống hiến cả đời mình cho sự nghiệp giải phóng dân tộc, giải phóng nhân dân lao động. Người chính là tấm gương tiêu biểu về tình yêu nước, thương dân, về trách nhiệm của thế hệ trẻ đối với vận mệnh của dân tộc. Điều này được minh chứng bằng cả cuộc đời hoạt động cách mạng của Hồ Chí Minh từ lúc còn là chàng thanh niên Nguyễn Tất Thành cho đến lúc trở thành lãnh tụ Hồ Chí Minh vĩ đại của toàn thể dân tộc Việt Nam.

Nguyễn Tất Thành (tên thật là Nguyễn Sinh Cung) sinh ngày 19-5-1890 ở làng Kim Liên, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An. Sinh ra trong một gia đình nhà Nho yêu nước, lớn lên trên mảnh đất có truyền thống bất khuất, lại chứng kiến cảnh thực dân Pháp xâm lược đất nước, cả dân tộc đang bị giày xéo dưới gót giày quân xâm

* Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh.

lược, từ nhỏ Nguyễn Tất Thành đã nuôi *"chí đuổi thực dân Pháp, giải phóng đồng bào"*[1]. Chàng thanh niên Nguyễn Tất Thành rất khâm phục tinh thần đấu tranh cứu nước của các bậc tiền bối lúc bấy giờ như cụ Phan Châu Trinh, cụ Phan Bội Châu, cụ Hoàng Hoa Thám... nhưng không đồng tình với cách làm của một người nào.

Với cách làm của cụ Phan Châu Trinh, yêu cầu người Pháp thực hiện cải cách, theo Nguyễn Tất Thành đó là phong trào mang tính cải lương. Nó chẳng khác gì việc đến xin giặc rủ lòng thương và đó cũng là điều không tưởng.

Với cách làm của cụ Phan Bội Châu là hy vọng nhờ vào sự giúp đỡ của Nhật để đánh đuổi Pháp. Đây là việc làm rất nguy hiểm vì nó chẳng khác gì việc "đưa hổ cửa trước, rước beo cửa sau".

Với cụ Hoàng Hoa Thám và cuộc khởi nghĩa nông dân Yên Thế, mặc dù có tiến bộ hơn vì trực tiếp tổ chức vũ trang để đấu tranh chống Pháp nhưng lại mang nặng cốt cách phong kiến nên vẫn không tránh khỏi sai lầm.

Thực tế đã chứng minh, tất cả các phong trào đấu tranh chống Pháp xâm lược của nhân dân ta cuối thế kỷ XIX đều thất bại và bị thực dân Pháp dìm trong bể máu. Trăn trở trước vận nước lâm nguy, với sự nghiệp cứu nước không thành của các bậc tiền bối, đứng trên đỉnh cao của lòng yêu nước, thương nòi, trước trách nhiệm của thế hệ trẻ đối với vận mệnh của quốc gia, dân tộc, ngày 5-6-1911, từ bến cảng Sài Gòn chàng thanh niên Nguyễn Tất Thành đã quyết định ra đi tìm con đường cứu nước mới cho dân tộc. Nhưng khác với các thế hệ thanh niên đầu thế kỷ hướng về Nhật Bản, Nguyễn Tất Thành quyết định sang phương Tây, đến nước Pháp để tìm hiểu xem *"nước Pháp và các nước khác làm thế nào, rồi sẽ trở về giúp đồng bào mình"*[2].

1 Trần Dân Tiên, *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1975, tr. 12.

2 Trần Dân Tiên, *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch*, Sđd, tr. 11.

Ban đầu, Nguyễn Tất Thành có ý định đến thẳng nước Pháp nhưng do làm việc dưới tàu nên Người buộc phải tuân theo hành trình của nó. Trong nhiều năm sau đó, Người đã đi qua nhiều nước khác nhau ở khắp các châu lục Á, Âu, Phi, Mĩ, đã phải làm nhiều nghề khác nhau từ rửa bát, dọn tàu, quét tuyết... để sống và học tập. Cũng nhờ đó, Người hiểu rằng, ở bất cứ đâu bọn đế quốc, thực dân cũng tàn bạo, độc ác và ở đâu những người lao động cũng bị áp bức và bị bóc lột vô cùng dã man.

Vào cuối cuộc Chiến tranh thế giới thứ nhất (khoảng cuối năm 1917), Nguyễn Tất Thành từ Anh trở lại Pháp và bắt đầu những hoạt động trên hành trình tìm đường cứu nước. Người luôn nhận thức một cách sâu sắc rằng, muốn giải phóng dân tộc phải trông cậy vào chính lực lượng của dân tộc mình nhưng không vì thế mà Người tự cô lập mình. Trái lại, Người luôn mở rộng và tích cực tham gia mọi hoạt động, mọi phong trào đấu tranh cách mạng của giai cấp vô sản Pháp tại Pari. Năm 1919, mang tên là Nguyễn Ái Quốc, Người gia nhập Đảng Xã hội Pháp, một đảng tiến bộ chủ trương chống lại các chính sách áp bức bóc lột của thực dân Pháp ở thuộc địa. Tháng 6-1919, Nguyễn Ái Quốc thay mặt nhóm người Việt Nam yêu nước tại Pháp gửi tới Hội nghị Versailles (Vécxây) *Bản yêu sách của nhân dân Việt Nam* để tố cáo chính sách thực dân Pháp và đòi hỏi chính phủ Pháp phải thực hiện các quyền tự do, dân chủ và quyền bình đẳng của dân tộc Việt Nam. Vào giữa năm 1920, Nguyễn Ái Quốc đọc được bản *Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa* của Lênin đăng trên báo *Nhân đạo* - cơ quan Trung ương của Đảng Xã hội Pháp. Sau giờ phút ấy, Người vỡ òa trong sung sướng và muốn hét to như đang nói trước đông đảo quần chúng: *"Hỡi đồng bào bị đọa đày đau khổ! Đây là cái cần thiết cho chúng ta, đây là con đường giải phóng chúng ta"*[1]. Chính ở cột mốc năm 1920, Nguyễn Ái Quốc đã tìm thấy một điểm tất yếu tuy không hẹn trước giữa con

1 Hồ Chí Minh. *Toàn tập*. tập 10 Nxb. Chính trị Quốc gia. Hà Nội. 1996. tr. 127.

đường giải phóng dân tộc và con đường giải phóng giai cấp. Và, không một chút do dự, Người đã khẳng định: *"Chỉ có chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản mới giải phóng được các dân tộc bị áp bức và những người lao động trên thế giới khỏi ách nô lệ"*[1].

Như vậy là trong hành trình đi tìm đường cứu nước của chàng thanh niên Nguyễn Tất Thành đã có bước chuyển biến quan trọng. Xuất phát từ tình yêu tha thiết quê hương, đất nước, đau xót trước cảnh nước mất, nhà tan, nhân dân bị đọa đầy đau khổ và trước ý thức về trách nhiệm của thế hệ trẻ đối với vận mệnh dân tộc, Người đã cất bước ra đi để tìm đường cứu nước. Trải qua muôn vàn khó khăn, gian khổ, năm 1920 đã đánh dấu mốc quan trọng, từ đỉnh cao của chủ nghĩa yêu nước Người đã đến với lập trường của người cộng sản chân chính và tìm thấy con đường cứu nước đúng đắn cho dân tộc. Cũng từ đây người hoàn toàn tin theo Lênin và Quốc tế III. Sau này Người kể lại: *"Lúc đầu chính là chủ nghĩa yêu nước, chứ không phải chủ nghĩa cộng sản đã làm tôi tin theo Lênin, tin theo Quốc tế III. Từng bước một trong cuộc đấu tranh, vừa nghiên cứu lý luận Mác - Lênin vừa làm công tác thực tế, dần dần tôi hiểu rằng chỉ có chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản mới giải phóng được các dân tộc bị áp bức và những người lao động trên thế giới khỏi ách nô lệ"*[2].

Sau khi xác định được con đường đúng đắn để cứu nước, giải phóng dân tộc, Nguyễn Ái Quốc đã tích cực chuẩn bị những hoạt động cho Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam để lãnh đạo phong trào cách mạng trong nước. Nguyễn Ái Quốc cũng nhanh chóng trở về nước để cùng Đảng Cộng sản đưa phong trào giải phóng dân tộc đi đến thắng lợi cuối cùng. Trải qua chặng đường dài 30 năm, dấu chân Người đã in trên 28 quốc gia của thế giới đầy những biến động trong những năm đầu thế kỷ XX, ngày 28-1-1941, Người trở về Tổ quốc. Từ giây phút lịch sử đó, Người đã

1 Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 10, Sđd, tr. 127.
2 Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, Sđd, tr. 127.

cùng toàn thể dân tộc Việt Nam hướng về tương lai với một ý chí mãnh liệt là quyết tâm đánh đuổi thực dân, đánh đổ phong kiến, xây dựng đất nước để mang lại cuộc sống thật sự tự do, ấm no, hạnh phúc cho toàn thể nhân dân Việt Nam.

Dưới sự lãnh đạo của Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản Việt Nam, cách mạng giải phóng dân tộc Việt Nam từng bước đạt được những thắng lợi to lớn. Đặc biệt, với thắng lợi của cuộc Cách mạng tháng Tám năm 1945, đã phá tan hai tầng xiềng xích nô lệ của thực dân Pháp kéo dài hơn 80 năm và của phát xít Nhật, đồng thời lật nhào chế độ quân chủ chuyên chế tồn tại ngót ngàn năm. Cùng với thắng lợi này, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa độc lập tự do ra đời, nước ta từ một nước thuộc địa đã trở thành nước độc lập, nhân dân ta từ thân phận nô lệ đã trở thành người làm chủ đất nước. Thắng lợi này cũng chứng tỏ đường lối cứu nước mà người thanh niên Nguyễn Tất Thành đã đi tìm những năm đầu thế kỷ XX là hoàn toàn đúng đắn. Ngay sau khi nước nhà độc lập, Người được bầu làm Chủ tịch nước và tiếp tục lãnh đạo nhân dân bước vào cuộc kháng chiến trường kỳ vừa xây dựng, vừa bảo vệ Tổ quốc khi thực dân Pháp quay trở lại xâm lược nước ta một lần nữa.

Trong những năm gian khổ của cuộc kháng chiến, ngay khi đã trở thành lãnh tụ của cả dân tộc, cuộc sống của Người vẫn rất giản dị, đời thường gắn bó với nhân dân, đồng cam, cộng khổ với anh em, đồng chí và Người vẫn luôn tỏa sáng như một tấm gương lớn về tình yêu nước, thương dân bằng chính những hành động và lời nói thiết thực của mình.

Trọn cuộc đời, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã hy sinh cho hạnh phúc của toàn dân tộc. Người luôn luôn quan tâm, chăm lo đến hạnh phúc của nhân dân nhưng không phải là nhân dân theo nghĩa chung chung, trừu tượng. Người quan tâm đến từng đối tượng, tầng lớp cụ thể. Tình yêu thương con người bao la, rộng lớn ở Hồ Chí Minh không dừng ở lời nói, lý thuyết mà là sự quan tâm, chăm sóc, yêu thương rất đỗi chân tình, cụ thể đến từng con người

mà Chủ tịch Hồ Chí Minh có thể quan tâm. Người quan tâm từ các em bé đến các cụ già, từ các cháu thiếu niên, nhi đồng đến các chiến sĩ, các đồng chí thương, bệnh binh; từ một Việt kiều yêu nước đến những người là nạn nhân của chế độ xã hội cũ, v.v... Khi giữ cương vị Chủ tịch nước, bận trăm công nghìn việc nhưng Người vẫn dành thời gian quan tâm tới mọi tầng lớp nhân dân. Ngay trước lúc đi xa, trong *Di chúc*, Người vẫn dành nhiều trang thể hiện sự chú ý, tình yêu thương, sự quan tâm đến từng tầng lớp nhân dân sau chiến tranh. Người căn dặn Đảng và Chính phủ: "Việc đầu tiên là công việc đối với con người".

Như trong bài hát *Bác Hồ một tình yêu bao la*, Nhạc sĩ Thuận Yến cũng đã thốt lên những lời hát rằng: "Bác Hồ, Người là tình yêu thiết tha nhất trong lòng dân và trong trái tim nhân loại. Cả cuộc đời Bác chăm lo cho hạnh phúc nhân dân, cả cuộc đời Bác hi sinh cho dân tộc Việt Nam. Bác thương các cụ già, xuân về gửi biếu lụa, Bác yêu đàn cháu nhỏ, trung thu gửi cho quà. Bác thương đoàn dân công đêm nay ngủ ngoài rừng, Bác thương người chiến sĩ đứng gác ngoài biên cương. Bác viết thư thăm hỏi gửi muôn vàn yêu thương". Hay như trong bài thơ *Bác ơi* của nhà thơ Tố Hữu, tấm lòng yêu nước, thương dân của Người cũng được khắc họa rất rõ nét:

"Bác sống như trời đất của ta,
Yêu từng ngọn cỏ mỗi nhành hoa.
Tự do cho mỗi đời nô lệ,
Sữa để em thơ, lụa tặng già".

Đó chỉ là hai trong số vô vàn những tác phẩm văn học, nghệ thuật, vô vàn những mẩu chuyện ghi lại tấm lòng sắc son của Người với dân, với nước. Người quan tâm đến cuộc sống của mỗi con người nhưng không đòi hỏi gì cho riêng mình, không muốn nghe mọi người ca tụng mình, đề cao mình. Cả cuộc đời, Người sống thanh cao không gợn chút nào riêng tư...

Cuộc kháng chiến chống Pháp xâm lược lần thứ hai của nhân dân ta kéo dài 9 năm, đến năm 1954 với chiến thắng Điện Biên Phủ lừng lẫy năm châu, chấn động địa cầu đã khiến thực dân Pháp thất bại thảm hại trên chiến trường. Sau thất bại đó buộc Pháp phải ngồi vào bàn đàm phán ký kết Hiệp định Genève với nội dung chính là chấm dứt chiến sự và lập lại nền hòa bình ở Đông Dương, trong đó có Việt Nam. Sau năm 1954, cách mạng nước ta có nhiều diễn biến mới, miền Bắc hoàn toàn giải phóng, miền Nam bị đế quốc Mỹ xâm lược. Trước tình hình đó, Chủ tịch Hồ Chí Minh lại tiếp tục lãnh đạo cuộc cách mạng Việt Nam với những bước đi riêng cho cả hai miền. Miền Bắc sẽ bắt tay vào công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, trở thành hậu phương vững chắc chi viện cho chiến trường miền Nam đánh thắng giặc Mỹ, thống nhất đất nước.

Những năm 1967, 1968 sức khỏe của Người đã suy giảm nhanh chóng, mặc dù vậy, Người vẫn không ngừng theo sát, chỉ đạo những diễn biến mới trong cuộc cách mạng ở cả hai miền đặc biệt là cuộc kháng chiến chống Mỹ xâm lược của nhân dân miền Nam. Lúc nào, trong lòng Người cũng đau đáu một nỗi niềm mong sao cho miền Nam nhanh chóng được giải phóng, đất nước hoàn toàn độc lập và cả nước vững bước tiến lên xây dựng chủ nghĩa xã hội - một xã hội thực sự đem lại sự tự do, ấm no, hạnh phúc cho nhân dân. Hơn ai hết, Người hiểu được giá trị của độc lập, tự do. Với Người, độc lập dân tộc luôn gắn liền với giải phóng xã hội, với tự do và hạnh phúc của nhân dân nói chung và của từng người Việt Nam nói riêng.

Năm 1969, giữa lúc cuộc đấu tranh chống Mỹ ở nước ta bước vào giai đoạn cam go, mang tính chất quyết định, Bác Hồ của chúng ta đã vĩnh viễn ra đi để lại một tổn thất lớn lao không gì có thể bù đắp được cho toàn thể dân tộc Việt Nam, cách mạng Việt Nam, nhân dân Việt Nam. Điều này đã được nhắc đến trong bản *Điếu văn của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam* do đồng chí Lê Duẩn đọc tại Lễ truy điệu Chủ tịch Hồ Chí Minh ngày 9-9-1969: *"Hồ Chủ tịch kính yêu của chúng ta không*

còn nữa! Tổn thất này vô cùng lớn lao! Đau thương này thật là vô hạn! Dân tộc và Đảng ta mất một vị lãnh tụ thiên tài và một người thầy vĩ đại. Phong trào cộng sản quốc tế, phong trào giải phóng dân tộc và cả loài người tiến bộ mất một chiến sĩ lỗi lạc, một người bạn chiến đấu kiên cường và thân thiết"[1].

Từ buổi thiếu niên cho đến những phút giây cuối cùng của cuộc đời, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã cống hiến trọn đời cho sự nghiệp cách mạng của dân tộc Việt Nam, cho cuộc sống ấm no, hạnh phúc của nhân dân Việt Nam. Với tấm lòng nồng nàn yêu nước, với niềm đau xót trước sự thống khổ của nhân dân dưới gót giày quân xâm lược, với việc ý thức một cách sâu sắc trách nhiệm của thế hệ trẻ trước vận mệnh dân tộc, Người đã ra đi tìm đường cứu nước những năm đầu thế kỷ XX khi còn là cậu thanh niên lấy tên Nguyễn Tất Thành. Trải qua muôn vàn khó khăn, gian khổ, Người đã sớm đến với chủ nghĩa Mác - Lênin, tìm thấy ở chủ nghĩa Mác - Lênin ánh sáng soi đường cho cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc. Sau khi tìm được con đường cứu nước đúng đắn, Người đã nhanh chóng trở về nước để lãnh đạo cách mạng và Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng là người Việt Nam đầu tiên đã vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào hoàn cảnh nước ta, vạch đường, chỉ lối cho cách mạng Việt Nam từng bước tiến lên, đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác.

Cả cuộc đời Người là một tấm gương lớn về tình yêu nước, thương dân cho tất cả các thế hệ người Việt Nam. Người đã hy sinh hạnh phúc riêng tư của mình để lo cho hạnh phúc của trăm họ. Sự tự do, hạnh phúc của nhân dân, của mỗi người dân Việt Nam, với Người là hạnh phúc, là phần thưởng lớn nhất. Cho đến lúc nhắm mắt, xuôi tay, Bản *Di chúc* mà Người để lại cũng không có một lời nào nhắc đến công lao, quyền lợi của mình, nói về bản thân mình, Người chỉ tiếc là không được phục vụ dân, phục vụ nước nhiều hơn nữa. Người viết: *"**Về việc riêng** - suốt đời tôi hết lòng hết sức phục vụ Tổ quốc, phục vụ cách mạng, phục vụ nhân*

1 Ban quản lý lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh, *Hồ Chí Minh sống mãi với dân tộc Việt Nam và bầu bạn quốc tế*, Nxb. Quân đội Nhân dân, Hà Nội, 2001, tr. 17.

dân. Nay dù phải từ biệt thế giới này, tôi không có điều gì phải hối hận, chỉ tiếc là tiếc rằng không được phục vụ lâu hơn nữa, nhiều hơn nữa"[1]. *Di chúc* là những lời dặn dò ân cần của Người với Đảng, với nhân dân, với thế hệ mai sau cùng niềm tin mãnh liệt vào thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, đất nước độc lập, cả nước thống nhất xây dựng chủ nghĩa xã hội thật sự đem lại cuộc sống ấm no, hạnh phúc cho nhân dân. Trong *Di chúc*, Người viết: "Cuối cùng, tôi để lại muôn vàn tình thân yêu cho toàn dân, toàn Đảng, cho toàn thể bộ đội, cho các cháu thanh niên và nhi đồng". Tấm lòng của Người thật vĩ đại, trái tim của Người thật bao la như nhà thơ Tố Hữu đã từng viết:

"Bác ơi tim Bác mênh mông thế,
Ôm trọn non sông, mọi kiếp người".

Có thể khẳng định, Chủ tịch Hồ Chí Minh là một biểu tượng kiệt xuất cho truyền thống yêu nước, cho tinh thần bất khuất, kiên cường của cả một dân tộc. Trong suốt cuộc đời hoạt động cách mạng của mình, dù ở đâu hay trên bất cứ cương vị nào, lời nói và hành động của Người luôn toát lên tình cảm chân thành giản dị của một người hết lòng vì dân, vì nước. Người luôn chỉ có một ham muốn, một ham muốn tột bậc là làm sao cho nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ta ai cũng có cơm ăn, áo mặc, ai cũng được học hành. Và hoài bão lớn của Người là giành độc lập, thống nhất cho Tổ quốc, tiến lên chủ nghĩa xã hội, xây dựng một xã hội mới tốt đẹp, trong đó mọi người đều được ấm no, tự do, hạnh phúc, bình đẳng.

Cuộc đời đấu tranh cách mạng của Chủ tịch Hồ Chí Minh, từ lúc còn là người thanh niên Nguyễn Tất Thành cất bước ra đi tìm đường cứu nước cho đến khi nhắm mắt xuôi tay chính là tấm gương vĩ đại cho mọi thế hệ người Việt Nam về tình yêu nước, thương dân, về trách nhiệm của thế hệ trẻ đối với vận mệnh của dân tộc.

1 Ban quản lý lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh. *Hồ Chí Minh sống mãi với dân tộc Việt Nam và bầu bạn quốc tế*. Nxb. Quân đội Nhân dân, Hà Nội, 2001, tr. 16.

VỮNG BƯỚC THEO CON ĐƯỜNG THẮNG LỢI CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH

TS. BÙI THẾ ĐỨC*

Đảng Cộng sản Việt Nam do Chủ tịch Hồ Chí Minh sáng lập, lãnh đạo và rèn luyện đã lãnh đạo cách mạng Việt Nam hơn 80 năm. Ngày 3-2-1930 mãi mãi là mốc son chói lọi trong lịch sử của dân tộc Việt Nam. Từ mốc son ấy, cả dân tộc đoàn kết, bền lòng phấn đấu dưới sự lãnh đạo của Đảng lập nên những kỳ tích vang dội trong hơn 80 năm qua đã khẳng định: kiên định chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh; kiên định mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội là đường lối đúng đắn, sáng tạo của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Thứ nhất, Điều lệ Đảng được Đại hội XI thông qua đã ghi rõ: *"Đảng Cộng sản Việt Nam là đội tiên phong của giai cấp công nhân, đồng thời là đội tiên phong của nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam; đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của dân tộc"*. Thực tế hơn 80 năm qua đã chứng minh điều đó là hoàn toàn đúng. Đảng ra đời trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, được nhân dân chở che, nuôi dưỡng, đùm bọc nên hòa quyện với khối đại đoàn kết dân tộc. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định: *"Đảng ta là Đảng cách mạng. Ngoài*

* Vụ trưởng Vụ Tuyên truyền, Ban Tuyên giáo Trung ương.

lợi ích của nhân dân Đảng ta không có lợi ích gì khác. Vì vậy mà Đảng ta được dân tin, dân phục, dân yêu. Ngày nay, nhiệm vụ của Đảng ta là lãnh đạo quần chúng đánh thắng tình trạng nghèo nàn và lạc hậu, xây dựng đời sống ấm no sung sướng cho nhân dân".

Thứ hai, Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời là một tất yếu lịch sử. Các phong trào yêu nước trong thời gian từ cuối thế kỷ XIX đến đầu thế kỷ XX là sự tiếp nối truyền thống yêu nước, bất khuất của dân tộc ta được hun đúc qua chiều dài mấy ngàn năm lịch sử. Các phong trào yêu nước đó đều dũng cảm, hy sinh quên mình, nhưng do thiếu đường lối đúng đắn, thiếu tổ chức và lực lượng cần thiết nên đã lần lượt thất bại và tan rã. Cách mạng Việt Nam chìm trong cuộc khủng hoảng sâu sắc về đường lối cứu nước. Nhà yêu nước Phan Bội Châu đã khái quát về tình hình đất nước ta trong những năm tháng đầu thế kỷ XX là: "*Trời khuya, đất ngủ, khói đục, mây mù*" để phản ánh sự bế tắc đó. Đúng vào thời điểm ấy, một xu hướng cách mạng mới xuất hiện do Nguyễn Ái Quốc khởi xướng và lãnh đạo. Năm 1911, người thanh niên Nguyễn Tất Thành (mà sau này là Nguyễn Ái Quốc, Hồ Chí Minh) đã ra nước ngoài tìm con đường cứu nước. Sau những năm bôn ba, Nguyễn Ái Quốc đã xác định con đường cứu nước muốn thành công phải kết hợp phong trào giải phóng dân tộc và phong trào công nhân Quốc tế. Tại Đại hội Đảng xã hội Pháp họp tháng 12-1920, Nguyễn Ái Quốc bỏ phiếu tán thành việc gia nhập Quốc tế III (Quốc tế Cộng sản do Lênin sáng lập) và tham gia thành lập Đảng Cộng sản Pháp. Từ năm 1921 đến 1930 Nguyễn Ái Quốc đã truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin vào Việt Nam, cổ vũ các phong trào yêu nước, phong trào công nhân để hình thành các tổ chức cách mạng theo xu hướng mới. Năm 1925, Nguyễn Ái Quốc sáng lập Hội Việt Nam cách mạng thanh niên, một tổ chức cách mạng gồm phần lớn trí thức tiểu tư sản sớm tiếp thu Chủ nghĩa Mác - Lênin. Năm 1929, những tổ chức cộng sản đầu tiên ra đời.

Ngày 3-2-1930, thay mặt Quốc tế cộng sản, Nguyễn Ái Quốc đã chủ trì Hội nghị tại Hồng Kông để hợp thống nhất ba tổ chức cộng sản thành Đảng Cộng sản Việt Nam. Chánh cương vắn tắt, sách lược vắn tắt, chương trình vắn tắt của Đảng được thông qua tại Hội nghị hợp nhất do Nguyễn Ái Quốc chủ trì. Sự kiện này đã chấm dứt thời kỳ khủng hoảng và mở ra bước ngoặt mới về đường lối cứu nước của cách mạng Việt Nam.

Thứ ba, thực tế lịch sử cách mạng Việt Nam đã minh chứng Đảng Cộng sản Việt Nam xứng đáng với niềm tin của dân tộc và sự giao phó của lịch sử. Từ ngày 3-2-1930, tại Việt Nam đã có Đảng Cộng sản Việt Nam do Chủ tịch Hồ Chí Minh sáng lập và rèn luyện, đã lãnh đạo cách mạng nước ta giành từ thắng lợi này đến thắng lợi khác, lập nên những kỳ tích vang dội trong thế kỷ XX và thập kỷ đầu của thế kỷ XXI. Đó là thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945 lật đổ ách thống trị gần 100 năm của thực dân Pháp và triều đình phong kiến, lập nên Nhà nước công nông đầu tiên ở Đông Nam Á; là thắng lợi của cuộc kháng chiến 9 năm chống thực dân Pháp và can thiệp Mỹ mà đỉnh cao là chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ "lừng lẫy năm châu, chấn động địa cầu"; là thắng lợi của cuộc kháng chiến hơn 20 năm chống Mỹ, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất Tổ quốc, đưa cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội; là thắng lợi của sự nghiệp đổi mới đất nước trong 25 năm qua vượt lên mọi khó khăn, bao vây cấm vận, đưa nước ta ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, đứng vững và kiên định tiếp tục đi lên trong bối cảnh chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu sụp đổ (năm 1989 - 1991), vượt qua cuộc khủng hoảng tài chính, kinh tế ở khu vực (năm 1997 - 1998) và cuộc khủng hoảng tài chính, suy thoái kinh tế thế giới diễn ra phức tạp gần đây (năm 2008 - 2009), v.v... Đảng lãnh đạo thực hiện thắng lợi mục tiêu là đưa nước ta sớm ra khỏi nhóm nước kém phát triển, tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Thứ tư, từ thực tiễn phong phú của cách mạng Việt Nam, Đảng ta đã rút ra những bài học kinh nghiệm lớn[1]:

Một là, nắm vững ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội - ngọn cờ vinh quang mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã trao lại cho thế hệ hôm nay và các thế hệ mai sau. Độc lập dân tộc là điều kiện tiên quyết để thực hiện chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa xã hội là cơ sở bảo đảm vững chắc cho độc lập dân tộc. Xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa là hai nhiệm vụ chiến lược có quan hệ chặt chẽ với nhau.

Hai là, sự nghiệp cách mạng là của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân. Chính nhân dân là người làm nên những thắng lợi lịch sử. Toàn bộ hoạt động của Đảng phải xuất phát từ lợi ích và nguyện vọng chính đáng của nhân dân. Sức mạnh của Đảng là ở sự gắn bó mật thiết với nhân dân. Quan liêu, tham nhũng, xa rời nhân dân sẽ dẫn đến những tổn thất khôn lường đối với vận mệnh của đất nước, của chế độ xã hội chủ nghĩa và của Đảng.

Ba là, không ngừng củng cố, tăng cường đoàn kết: đoàn kết toàn Đảng, đoàn kết toàn dân, đoàn kết dân tộc, đoàn kết quốc tế. Đó là truyền thống quý báu và là nguồn sức mạnh to lớn của cách mạng nước ta. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tổng kết: Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết. Thành công, thành công, đại thành công.

Bốn là, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, sức mạnh trong nước với sức mạnh quốc tế. Trong bất cứ hoàn cảnh nào cũng cần kiên định ý chí độc lập, tự chủ và nêu cao tinh thần hợp tác quốc tế, phát huy cao độ nội lực, đồng thời tranh thủ ngoại lực, kết hợp yếu tố truyền thống với yếu tố hiện đại.

Năm là, sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng là nhân tố hàng đầu quyết định thắng lợi của cách mạng Việt Nam. Đảng không có lợi ích nào khác ngoài việc phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân. Đảng phải nắm vững, vận dụng sáng tạo, góp phần phát triển chủ

1 Trích *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* (Bổ sung, phát triển năm 2011), Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, tr. 65 - 66.

nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, không ngừng làm giàu trí tuệ, nâng cao bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức và năng lực tổ chức để đủ sức giải quyết các vấn đề do thực tiễn cách mạng đặt ra. Mọi đường lối, chủ trương của Đảng phải xuất phát từ thực tế, tôn trọng quy luật khách quan. Phải phòng và chống những nguy cơ lớn: sai lầm về đường lối, bệnh quan liêu và sự thoái hóa, biến chất của cán bộ, đảng viên.

Thứ năm, trong quá trình lãnh đạo cách mạng, Đảng ta đã tích lũy được nhiều kinh nghiệm quý báu, hun đúc nên những truyền thống vẻ vang của Đảng. Đó là truyền thống trung thành vô hạn với lợi ích của giai cấp, của nhân dân lao động và của cả dân tộc, kiên định lý tưởng độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội; là truyền thống đoàn kết thống nhất, giữ vững tổ chức kỷ luật, trên cơ sở tình thương yêu đồng chí và thực hiện tốt nguyên tắc tự phê bình và phê bình; là truyền thống đoàn kết quốc tế, thủy chung, trong sáng dựa trên những nguyên tắc và mục tiêu cao cả. Đây là cơ sở vững chắc để Đảng ta hình thành và thực hiện đường lối đối ngoại đúng đắn, nhất quán qua các thời kỳ cách mạng, phát huy đến đỉnh cao kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, đưa cách mạng Việt Nam liên tục phát triển.

Thứ sáu, toàn bộ thực tiễn phong phú của cách mạng Việt Nam trong suốt hơn 80 năm qua đã chứng minh sự lãnh đạo đúng đắn và sáng tạo của Đảng là nhân tố cách mạng hàng đầu quyết định mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam và đó cũng là trường học vĩ đại mà Đảng ta đã tôi luyện và trưởng thành. Vận dụng chủ nghĩa Mác - Lênin vào quá trình đổi mới ở nước ta, Đảng Cộng sản Việt Nam đã lãnh đạo đất nước vượt qua bao khó khăn thử thách, tiếp tục đưa đất nước đi lên chủ nghĩa xã hội. Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa từng bước được hình thành, đạt tốc độ tăng trưởng khá cao, thế và lực của đất nước được nâng lên, đời sống của nhân dân được cải thiện. Cùng với khẳng định điều đó, Ban Chấp hành Trung ương Đảng quyết định phải tiếp

tục thường xuyên tiến hành xây dựng, chỉnh đốn Đảng một cách có hiệu quả nhằm ngăn chặn và đẩy lùi tình trạng suy thoái, củng cố sự kiên định về mục tiêu lý tưởng cách mạng, tăng cường sự thống nhất ý chí và hành động, củng cố tổ chức chặt chẽ, tiếp tục nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng trong thời kỳ mới, gắn bó mật thiết với nhân dân, tôn trọng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân; xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên có phẩm chất, năng lực cao; có phương thức lãnh đạo khoa học, vừa giữ vững, tăng cường được vai trò lãnh đạo của Đảng, vừa phát huy, nâng cao được hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước, nâng cao tính năng động, sáng tạo, chất lượng hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân. Đây là nhân tố quyết định nhất cho việc thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội của Đảng, vì sự phát triển của đất nước. Đặc biệt, từ ngày 3-2-2007, Bộ Chính trị phát động Cuộc vận động "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh" đã bước đầu tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong Đảng, trong xã hội về ý thức rèn luyện và làm theo tấm gương đạo đức của Người; nâng cao đạo đức cách mạng, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng, chính trị, đạo đức, lối sống và các tệ nạn xã hội khác, góp phần thực hiện thắng lợi đường lối, chủ trương, nghị quyết của Đảng, đẩy mạnh sự nghiệp đổi mới toàn diện nhằm thực hiện thắng lợi hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Nhân kỷ niệm 100 năm Ngày Chủ tịch Hồ Chí Minh ra đi tìm đường cứu nước gắn với kỷ niệm 121 năm Ngày sinh của Người, dưới sự lãnh đạo của Đảng và được vũ trang bằng chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, chúng ta tin tưởng rằng, mục tiêu: *Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh* được Đại hội XI của Đảng đề ra sẽ tiếp tục giành được những thành tựu to lớn và có ý nghĩa lịch sử để toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta kiên định vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội theo con đường vĩ đại của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

TÔN VINH TƯ TƯỞNG, TẤM GƯƠNG ĐẠO ĐỨC HỒ CHÍ MINH THÔNG QUA VIỆC BẢO TỒN VÀ PHÁT HUY GIÁ TRỊ DI SẢN VĂN HÓA HỒ CHÍ MINH

ThS. NGUYỄN ĐÌNH DĨNH*

Chủ tịch Hồ Chí Minh, vị lãnh tụ thiên tài của dân tộc Việt Nam đã đi vào cõi vĩnh hằng, nhưng những di sản văn hóa Người để lại cho dân tộc Việt Nam là vô giá. Khối di sản văn hóa đồ sộ này bao gồm mọi lĩnh vực của đời sống con người. Hội thảo quốc tế "Di sản Hồ Chí Minh trong thời đại ngày nay" do Học viện Chính trị - Hành Chính Quốc gia Hồ Chí Minh tổ chức nhân dịp kỷ niệm 120 năm ngày sinh của Người, đã chia khối di sản này thành ba phần:

- Di sản Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

- Di sản Hồ Chí Minh về hòa bình, hữu nghị và hợp tác giữa các dân tộc.

- Các vấn đề văn hóa, đạo đức, nhân cách trong di sản Hồ Chí Minh.

Đây là những vấn đề mà Nguyễn Tất Thành, Nguyễn Ái Quốc và sau này là Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tiếp xúc, trực tiếp hoạt

* Bảo tàng Hồ Chí Minh.

động, nghiên cứu và dần dần hình thành nên khối tư tưởng đó. Như Di sản của Người về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội được hình thành trong quá trình Người ra đi tìm đường cứu nước, rồi trở về trực tiếp lãnh đạo cách mạng Việt Nam đi đến hoàn thành mục tiêu độc lập dân tộc. Chân lý mà Người đã nêu ra như "Không có gì quý hơn độc lập, tự do"; "Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết/ Thành công, thành công, đại thành công" thể hiện rõ ý chí và khát vọng đó, đồng thời, trở thành ngọn cờ của phong trào đấu tranh giải phóng của các dân tộc thuộc địa chống chủ nghĩa thực dân trên thế giới trong thế kỷ XX.

Cũng như vậy, Di sản về hòa bình, hữu nghị và hợp tác giữa các dân tộc thể hiện qua các bài nói, bài viết của Người. Trong quá trình chèo lái để con thuyền cách mạng Việt Nam vượt qua ghềnh thác hiểm nguy để đi đến độc lập, Hồ Chí Minh luôn chú trọng xây dựng một nền hòa bình chân chính gắn liền với độc lập và thống nhất Tổ quốc.

Tấm gương mẫu mực, trong sáng Hồ Chí Minh đã để lại Di sản quí giá về văn hóa, đạo đức, nhân cách của Người, được thể hiện qua các bài viết, qua các hành động, lời nói, các chỉ thị, quyết định thực tế trong suốt cuộc đời, sống, lao động, học tập và lãnh đạo của Người.

Những Di sản văn hóa này đều được hình thành gắn liền với cuộc sống, với quá trình hoạt động cách mạng của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Trong bài viết này, tác giả muốn đề cập đến một khối Di sản khác được hình thành hoàn toàn dựa trên tình cảm của nhân dân Việt Nam nói riêng và nhân dân yêu chuộng hòa bình trên thế giới nói chung đối với Người. Đó là các công trình tưởng niệm, các bảo tàng và di tích về Chủ tịch Hồ Chí Minh ở Việt Nam và trên toàn thế giới. Đây là một khối di sản đặc biệt bởi có thể coi đây là sự tổng hợp của cả ba di sản đã nói ở trên, góp phần giải thích, làm rõ, nhấn mạnh và là minh chứng lịch sử thuyết phục nhất cả ba

yếu tố đó. Các công trình này có thể là công trình khôi phục lại từ hiện trạng di tích gốc hoặc được xây dựng, gắn với những sự kiện đặc biệt mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã trải qua. Ví dụ như: Bảo tàng Hồ Chí Minh - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh gắn với địa điểm, sự kiện Chủ tịch Hồ Chí Minh rời bến cảng Sài Gòn ra đi tìm đường cứu nước ngày 5 tháng 6 năm 1911; Di tích Chủ tịch Hồ Chí Minh ở Cao Bằng gắn với thời điểm Người về nước sau 30 năm bôn ba nước ngoài; Bảo tàng Hồ Chí Minh - Chi nhánh Thừa Thiên Huế gắn với thời kỳ Nguyễn Tất Thành (Hồ Chí Minh) học tập và tham gia phong trào chống thuế... Do vậy, các công trình này có ý nghĩa to lớn trong việc giải thích, làm rõ, giáo dục, tuyên truyền tới quảng đại quần chúng nhân dân các giá trị, tư tưởng, tấm gương đạo đức trong sáng của Người.

Bên cạnh đó, cũng có những công trình được xây dựng hoàn toàn dựa trên lòng kính yêu vô hạn của người dân địa phương đối với Chủ tịch Hồ Chí Minh dù Người chưa một lần đặt chân đến. Ví dụ như: Bảo tàng Hồ Chí Minh - Chi nhánh Gia Lai và Kon Tum, Khu di tích Chủ tịch Hồ Chí Minh ở thị xã Nghĩa Lộ. Những công trình này nhằm đáp ứng mong muốn của đồng bào các dân tộc ở tỉnh được đón Bác về thăm, nhưng do bận nhiều công việc nên lúc sinh thời Người chưa thực hiện được. Chính vì lẽ đó mà những công trình này luôn có số lượng khách tham quan lớn bởi nó đáp ứng được niềm mong mỏi, nguyện vọng của nhân dân.

Các di tích, công trình lưu niệm này là tổng hợp của các công trình, di tích gốc trên cơ sở hiện trạng gốc còn lại hoặc xây dựng mới, địa điểm, đồ vật, tác phẩm, tài liệu, hình ảnh gắn liền với cuộc đời và sự nghiệp cách mạng của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Ở đây, ta có thể chia ra thành ba loại: Di tích Chủ tịch Hồ Chí Minh, Bảo tàng và các công trình tưởng niệm khác.

1. Các di tích được khôi phục, bảo quản trên cơ sở hiện trạng gốc gắn liền với cuộc đời, hoạt động cách mạng của Chủ tịch Hồ Chí Minh:

- Di tích Chủ tịch Hồ Chí Minh ở Kim Liên, Nam Đàn, Nghệ An: nơi Người sinh ra và sống những ngày thơ ấu.

- Di tích Chủ tịch Hồ Chí Minh nằm trong quần thể các di tích cách mạng của ATK Định Hóa, Thái Nguyên: nơi Người đã sống và lãnh đạo cách mạng những năm kháng chiến.

- Di tích Chủ tịch Hồ Chí Minh ở Tân Trào, Tuyên Quang: nơi Người đã sống và lãnh đạo cách mạng những năm tiền khởi nghĩa và những năm kháng chiến.

- Di tích Chủ tịch Hồ Chí Minh ở nhà số 48 Hàng Ngang, nơi Người đã sống, làm việc, viết nên bản *Tuyên ngôn Độc lập* lịch sử, khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

- Di tích Chủ tịch Hồ Chí Minh ở Vạn Phúc, Hà Đông gắn với thời kỳ Người sống, làm việc ở đây năm 1946.

- Di tích K9 tại Khu Đá Chông, huyện Ba Vì, Hà Nội. Di tích này được xây dựng vào cuối những năm 50 của thế kỷ trước, là nơi làm việc của Chủ tịch Hồ Chí Minh và các đồng chí lãnh đạo Trung ương. Hiện nay căn nhà và toàn bộ khu di tích được lưu giữ, bảo tồn để đón tiếp khách tham quan…

Những di tích này là một bộ phận quan trọng trong loại hình di tích lịch sử - văn hóa của dân tộc gắn với một danh nhân lãnh tụ: Anh hùng giải phóng dân tộc, Nhà văn hóa kiệt xuất là Chủ tịch Hồ Chí Minh. Mỗi một di tích mang một sắc thái riêng, tuy khác nhau về thời gian, không gian và lịch sử cụ thể, song đều gặp nhau ở một điểm: đó là các công trình, địa điểm di tích gắn liền với những năm tháng trong cuộc đời và hoạt động của Chủ tịch Hồ Chí Minh, bản thân di tích chính là các nhân chứng lịch sử thuyết phục, các nguồn tư liệu quý giá về Chủ tịch Hồ chí Minh.

Việc nghiên cứu và xác định khoa học các di tích này là góp phần vào sự nghiệp bảo vệ, bảo quản và phát huy tác dụng các di sản lịch sử, văn hóa dân tộc nói chung và các di sản văn hóa Hồ Chí Minh nói riêng.

2. Các bảo tàng Hồ Chí Minh trên cả nước.

Hiện nay, ở Việt Nam có 7 Bảo tàng về Chủ tịch Hồ Chí Minh:

- Bảo tàng Hồ Chí Minh đầu hệ - Hà Nội.
- Bảo tàng Hồ Chí Minh Thừa Thiên Huế.
- Bảo tàng Hồ Chí Minh - Chi nhánh Quân khu V.
- Bảo tàng Hồ Chí Minh - Chi nhánh Gia Lai và Kon tum
- Bảo tàng Hồ Chí Minh - Chi nhánh Bình Thuận.
- Bảo tàng Hồ Chí Minh - Chi nhánh Đồng bằng sông Cửu Long.
- Bảo tàng Hồ Chí Minh - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh

Với đặc điểm của mình, từng bảo tàng có thế mạnh riêng trong công tác bảo tồn và phát huy di sản Hồ Chí Minh mà địa phương mình đang lưu giữ. Là bảo tàng đầu hệ, Bảo tàng Hồ Chí Minh Trung ương là nơi lưu giữ nhiều nhất những di sản văn hóa về Người như hiện vật thể khối, những bài nói, bài viết của Người, những món quà của Người tặng nhân dân và ngược lại... Bảo tàng Hồ Chí Minh ở Thừa Thiên Huế lại kết hợp trưng bày về tiểu sử, sự nghiệp cách mạng Chủ tịch Hồ Chí Minh cùng với các di tích nơi Người đã từng sống cùng cha những năm cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX tại đây. Bảo tàng Hồ Chí Minh - Chi nhánh Bình Thuận gắn liền với di tích trường Dục Thanh nơi Chủ tịch Hồ Chí Minh đã sống, dạy học trước khi Người lên đường vào Nam. Bảo tàng Hồ Chí Minh - Quân khu V và Đồng bằng sông Cửu Long trưng bày về Chủ tịch Hồ Chí Minh gắn với lực lượng vũ trang của Quân khu, tạo nên nét riêng biệt so với các bảo tàng trong hệ thống.

Như vậy, Bảo tàng Hồ Chí Minh ở mỗi tỉnh có một đặc điểm khác biệt. Vì thế, khách tham quan có thể tiếp cận nhận thức về Chủ tịch Hồ Chí Minh, di sản Hồ Chí Minh ở những hướng khác nhau, sâu sắc hơn, gần gũi hơn và cũng dễ để lại ấn tượng mạnh hơn.

3. Các công trình tưởng niệm khác về Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Các công trình này đa phần được xây dựng theo các mô hình sau:

1. Khu tưởng niệm, nhà tưởng niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh.

2. Tượng Chủ tịch Hồ Chí Minh ở ngoài trời.

3. Đài tưởng niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh.

4. Đền thờ Chủ tịch Hồ Chí Minh.

5. Các công trình mang tên Chủ tịch Hồ Chí Minh.

6. Các công trình được xây dựng theo hình thức mô phỏng kiến trúc Nhà sàn Bác Hồ ở Phủ Chủ tịch, Hà Nội:

- Mô hình Nhà sàn 1/1 tại Bảo tàng Hồ Chí Minh - Chi nhánh Quân khu V.

Được khánh thành vào năm 1977 nhân dịp kỷ niệm ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh, mô hình Nhà sàn, ao cá với tỉ lệ 1/1 ở đây phát huy tốt được giá trị trong sự kết nối với Nhà trưng bày về cuộc đời và sự nghiệp cách mạng của Chủ tịch Hồ Chí Minh ở trong cùng khuôn viên.

- Mô hình Nhà sàn Bác Hồ tại Khu di tích Nguyễn Sinh Sắc tỉnh Đồng Tháp 19-5-1990.

* Mô hình Nhà sàn Bác Hồ tại Nghĩa Lộ khánh thành ngày 19-5-1985: Xuất phát từ nhu cầu tôn vinh Chủ tịch Hồ Chí Minh, đáp ứng nhu cầu giáo dục xã hội, huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái (nay thuộc thị xã Nghĩa Lộ) đã xây dựng mô hình nhà sàn với tỉ

lệ 1/1, nhưng chưa phục chế hiện vật trong nội thất và ao cá đào theo bản đồ huyện Văn Chấn. Công trình còn có thêm vườn cây Bác Hồ. Tỉnh ủy, Ủy ban Nhân dân, Hội đồng Nhân dân tỉnh Yên Bái coi đây là Nhà tưởng niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh. Mô hình đã đáp ứng được tình cảm thiêng liêng của nhân dân các dân tộc Tây Bắc với Bác Hồ. Đặc biệt, mô hình đã góp phần cùng các cơ quan chức năng của tỉnh, thị xã Nghĩa Lộ làm công tác ổn định tư tưởng cho nhân dân mỗi khi có những luồng tư tưởng núp danh dưới hình thức tà đạo tác động đến nhân dân các dân tộc phía Bắc.

- Mô hình Nhà sàn Bác Hồ 1/1 tại tỉnh Cà Mau, tỉnh tận cùng cực nam của Tổ quốc. Đồng bào tại đây mong ước được xây dựng mô hình nhà sàn Bác Hồ bên cạnh Đền thờ Bác Hồ tại Cà Mau. Nhà sàn được xây dựng theo tỉ lệ 1/1 trong khuôn viên của Lâm viên 19-5 nằm trong thị xã Cà Mau.

Ở nước ngoài, kiều bào cũng mong muốn xây dựng mô hình Nhà sàn Bác Hồ. Tại Trung tâm Hữu nghị Việt Nam - Thái Lan, có trưng bày mô hình Nhà sàn dựng theo kiểu tổ hợp không gian hình tượng. Dạng mô hình này cũng đang được trưng bày tại các chi nhánh Bảo tàng Hồ Chí Minh.

Những công trình tưởng niệm có giá trị lớn trong việc tuyên truyền về giá trị di sản Hồ Chí Minh. Tuy không gắn với những tài liệu, hiện vật trực tiếp về Người và những sự kiện lịch sử trọng đại, nhưng đặc biệt là các công trình được xây dựng dựa trên tấm lòng kính yêu của người dân địa phương đối với Bác. Trong cuốn *Các di tích và địa điểm di tích Chủ tịch Hồ Chí Minh*, Bảo tàng Hồ Chí Minh đã bước đầu thống kê được gần 700 di tích, địa điểm di tích về Chủ tịch Hồ chí Minh trên cả nước. Tình cảm của người dân đối với vị lãnh tụ vĩ đại của dân tộc là vô bờ bến.

Không chỉ ở trong nước, ở nước ngoài, các công trình tưởng niệm về Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng được xây dựng ngày càng nhiều. Ở Trung Quốc, Singapore, Thái Lan, Lào, Mexico, Mông

Cổ, Pháp, Nga, Hunggari, Bungari, Cuba, Ấn Độ... đều có các công trình tưởng niệm về Người dưới nhiều hình thức khác nhau. Hiện nay, với việc thực hiện Đề án "Tôn vinh Chủ tịch Hồ Chí Minh, Anh hùng giải phóng dân tộc, *Nhà văn hóa kiệt xuất của Việt Nam*", hình ảnh Chủ tịch Hồ Chí Minh với nhân dân thế giới trở nên dễ tiếp cận hơn, dễ dàng đi vào lòng bạn bè quốc tế và người dân. Yếu tố văn hóa, di sản văn hóa được đặt lên cao. Người không chỉ là một vị lãnh tụ của đất nước Việt Nam, mà bản thân Người là một nhà thơ, nhà văn, nhà báo, nhà giáo dục và là chiến sĩ đấu tranh không mệt mỏi cho hòa bình, đoàn kết hữu nghị, dân chủ, công bằng và ấm no hạnh phúc cho toàn nhân loại. Vì vậy, nhân dân thế giới kính phục, yêu chuộng và tôn vinh Người.

Như vậy, bên cạnh các khối Di sản đã được khẳng định rõ nhưng mang tính phi vật thể nhiều hơn thì những bảo tàng, di tích, công trình tưởng niệm về Người chính là những di sản vật thể, hiện hữu góp phần tích cực vào việc tuyên truyền tấm gương, tư tưởng đạo đức Chủ tịch Hồ Chí Minh. Việc phát huy giá trị các di tích và công trình tưởng niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng góp phần không nhỏ vào việc học tập theo tư tưởng, tấm gương đạo đức của Người.

* * *

Là những người làm công tác bảo tàng, di tích về Chủ tịch Hồ Chí Minh, việc học tập, làm theo tư tưởng, tấm gương đạo đức của Người một cách thiết thực nhất là gìn giữ những giá trị di sản văn hóa của Người, làm tốt công tác chuyên môn nghiệp vụ tại đơn vị để qua đó, đưa giá trị di sản văn hóa này đến với nhân dân, để những di sản văn hóa này thể hiện được hết giá trị của nó, đúng như nhận định: "*Thế giới đã và sẽ còn đổi thay nhưng tư tưởng Hồ Chí Minh vẫn sống mãi trong kho tàng văn hóa của nhân loại*"[1].

1 Võ Nguyên Giáp, *Tư tưởng Hồ Chí Minh, quá trình hình thành và phát triển*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1993, tr. 72 - 73.

LĂNG CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH CÔNG TRÌNH KIẾN TRÚC "HIỆN ĐẠI, DÂN TỘC, TRANG NGHIÊM VÀ GIẢN DỊ"

Thiếu tướng NGUYỄN VĂN CƯƠNG*

Chủ tịch Hồ Chí Minh sinh ra trong một gia đình nho học yêu nước; quê hương có truyền thống chống giặc ngoại xâm. Ngay từ nhỏ, Người đã được hấp thụ tinh thần yêu nước bất khuất của phong trào đấu tranh chống Pháp, Người thấu hiểu được nỗi thống khổ của người dân mất nước, không cam chịu để dân tộc mình sống cuộc đời nô lệ, lầm than dưới ách đô hộ của chế độ thực dân, phong kiến. Tình cảm yêu quê hương đất nước, căm thù giặc sâu sắc đã hun đúc lên hoài bão lớn lao của Người. Vượt khỏi tầm nhìn của những nhà yêu nước đương thời, năm 1911 Người thanh niên Nguyễn Tất Thành ra đi tìm đường cứu nước. Bằng thiên tài trí tuệ, lòng yêu nước thương dân mãnh liệt, ý chí gang thép, đạo đức vô song Hồ Chí Minh đã đáp ứng yêu cầu lịch sử. Sau 10 năm bôn ba, Hồ Chí Minh đã đi từ chủ nghĩa yêu nước đến với chủ nghĩa Mác - Lênin, tìm thấy con đường cứu nước, giải phóng dân tộc duy nhất đúng đắn, đó là "con đường Cách mạng vô sản". Hơn hai phần ba thế kỷ qua, cùng với chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trở thành ngọn đuốc soi sáng con đường Cách

* Trưởng ban Ban quản lý Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh kiêm Tư lệnh Bộ Tư lệnh Bảo vệ Lăng.

mạng Việt Nam. Thắng lợi của Cách mạng tháng Tám, của hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ đưa Việt Nam từ một dân tộc bị đô hộ, lên hàng các dân tộc cách mạng tiên phong trên thế giới, đã chứng minh tính khoa học, tính sáng tạo vĩ đại của tư tưởng Hồ Chí Minh.

Ngày 2 tháng 9 năm 1969 Chủ tịch Hồ Chí Minh đi vào cõi vĩnh hằng là một tổn thất vô cùng lớn lao, để lại niềm tiếc thương vô hạn cho toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta và bầu bạn quốc tế, nhất là đồng bào chiến sĩ miền Nam đang ngày, đêm tranh đấu giành độc lập, tự do để mong sớm đón Bác vào thăm.

Sinh thời, Người không muốn một sự tôn thờ, sùng bái cá nhân nào. Trước lúc đi xa, trong Di chúc, Người còn căn dặn: *"Sau khi tôi đã qua đời, chớ nên tổ chức điếu phúng linh đình để khỏi lãng phí thì giờ và tiền bạc của nhân dân"*[1]. Nhưng trong tâm khảm mỗi người dân Việt Nam, Bác Hồ là người Anh hùng giải phóng dân tộc, một *"Thánh nhân"* của đất nước. Sau khi Bác qua đời, trong khói lửa của cuộc chiến tranh ác liệt, nhân dân Cà Mau, Trà Vinh và rất nhiều nơi khác đã lập đền thờ Người và quyết tâm chống trả mọi sự phá hoại của Mỹ và chính quyền tay sai. Đồng bào ta từ Bắc chí Nam, đã tự nguyện lập bàn thờ Bác ngay trong gia đình. Tất cả những việc làm đó, đều xuất phát từ tình cảm biết ơn, ghi nhớ công lao to lớn của Chủ tịch Hồ Chí Minh đối với dân tộc Việt Nam.

Thấu hiểu sâu sắc và thể theo nguyện vọng rất thiết tha của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân, Bộ Chính trị Trung ương Đảng đã quyết định: *"Với tấm lòng kính yêu vô hạn và đời đời nhớ ơn Hồ Chủ tịch, chúng ta phải thực hiện đến mức tốt nhất nhiệm vụ giữ gìn lâu dài thi hài Hồ Chủ tịch và xây dựng Lăng của Người"*[2].

1 Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, *Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh*, Hà Nội, 1989, tr. 50.

2 Nghị quyết Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam ngày 29-11-1969.

Việc thiết kế và chuẩn bị thi công xây dựng Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh được tiến hành khẩn trương ngay từ đầu năm 1970. Yêu cầu cao nhất đối với việc xây dựng Lăng là phải giữ gìn nguyên vẹn, lâu dài thi hài Chủ tịch Hồ Chí Minh, tránh được mọi ảnh hưởng của thời tiết, khí hậu, đồng thời đảm bảo sức khỏe và đi lại thuận tiện của nhân dân khi đến viếng Bác. Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh phải hiện đại, có cấu trúc hài hoà, mỹ thuật, có phong cách dân tộc, trang nghiêm mà giản dị.

Đông đảo kiến trúc sư, kỹ sư và cán bộ ở nhiều cơ quan thiết kế các ngành và quân đội... đã đem hết khả năng và trí tuệ của mình để nghiên cứu phương án thiết kế Lăng. Trong một thời gian ngắn, Ban Tổ chức cuộc thi đã nhận được hơn 200 phương án thiết kế của 16 đơn vị, ngành và cá nhân gửi dự thi; 24 phương án có nhiều ưu điểm nhất đã được sơ tuyển và trưng bày. Ban Tổ chức đã trưng bày, lấy ý kiến cùng một lúc tại 5 địa phương: Hà Nội, Hải Phòng, Thái Nguyên, Sơn La và Nghệ An. Cuộc trưng bày ở 5 địa điểm trên đã thu hút 745.487 lượt người đến tham quan và có hơn 34 ngàn ý kiến tham gia. Nhiều ý kiến của các kiến trúc sư, nhà văn hóa, các bậc lão thành cách mạng, đồng bào và tầng lớp nhân dân ở hai miền Nam - Bắc, kiều bào Việt Nam sinh sống ở nước ngoài đã gửi về đóng góp và bổ sung cho các phương án thiết kế.

Tháng 4 năm 1971, trên cơ sở thiết kế của các chuyên gia Liên Xô và phương án thiết kế của ta, kết hợp với sự tham gia góp ý của đông đảo các tầng lớp nhân dân, Bộ Chính trị - Trung ương Đảng đã quyết định chọn phương án thiết kế Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh. Đó là phương án của sự kết hợp nhiều phương án tổng hợp lại: *Khối chính của Lăng đặt trên bệ tam cấp gần gũi, thân thuộc phong cách kiến trúc Việt Nam; thân Lăng gợi hình dáng ngôi nhà 5 gian giản dị; mái Lăng có hình vát, gợi lên đường nét kiến trúc cổ kính đình làng, nơi hội tụ của mỗi tâm hồn quê hương Việt Nam.*

Sau những lần phải trì hoãn do chiến tranh, ngày 2 tháng 9 năm 1973, công trình Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh được khởi công xây dựng tại Quảng trường Ba Đình - nơi Người đã đọc Tuyên ngôn khai sinh ra nước Việt Nam dân chủ cộng hoà, nhà nước công nông đầu tiên ở Đông Nam châu Á, đồng chí Đỗ Mười, Phó Thủ tướng Chính phủ được cử làm Trưởng ban xây dựng Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh. Bộ Quốc phòng và Bộ Kiến trúc được giao là lực lượng chủ công, nòng cốt trong quá trình tổ chức thi công. Cùng với đó, Đảng, Nhà nước và nhân dân Liên Xô đã cử những chuyên gia giỏi sang Việt Nam giúp đỡ ta xây dựng Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh, coi việc giúp đỡ Việt Nam là nghĩa vụ, tình cảm quốc tế cao cả của những người cộng sản.

Ngày 29-8-1975, Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh được khánh thành giữa Ba Đình lịch sử. Từ Quảng trường Ba Đình nhìn lên, Lăng Bác uy nghi mà giản dị, toàn bộ khối Lăng mang hình dáng cách điệu của một đài sen, được chia thành 3 phần: Mái, cột và nền. Mái và các cột bằng đá hoa cương màu xám bạc, chịu được nắng, mưa và khí hậu khắc nghiệt của miền nhiệt đới. Nền Lăng cấu trúc tam cấp được ốp bằng đá hoa cương màu xám đen. Sự khác nhau giữa hai màu đá tôn dáng của Lăng thêm vững chắc. Phía trong hàng cột là thân Lăng, đó là phòng đặt thi hài Bác, toàn bộ mặt ngoài được ốp đá hoa cương màu đỏ sẫm. Mái Lăng được xếp tam cấp, bốn góc chếch đầu đao, có dáng dấp như mái chùa cổ kính tôn nghiêm mà quen thuộc.

Công trình Lăng với dòng chữ: "CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH" trên mái Lăng được ghép bằng đá ngọc ở vùng Cao Bằng, cửa chính của Lăng được ốp bằng đá ngọc bích, các bậc cầu thang được lát bằng đá hoa cương, tất cả tường và cột phía trong được ốp bằng đá cẩm thạch. Riêng tường chính tiền sảnh ốp đá hoa cương vân đỏ hồng tương, làm nền cho dòng chữ *"Không có gì quý hơn độc lập tự do"* và chữ ký của Bác, dòng chữ và chữ ký được mạ vàng sáng nổi lên rực rỡ - đây cũng chính là ước nguyện, là khát

vọng và là tư tưởng xuyên suốt của Bác từ khi rời cảng Sài Gòn đi tìm đường cứu nước đến khi trở thành vị Chủ tịch nước, cả một đời đấu tranh cho độc lập, tự do của dân tộc.

Phòng Bác yên nghỉ được ốp bằng đá cẩm thạch Hà Tây, Bác nằm đầu hướng về bức tường có lá cờ Tổ quốc và cờ Đảng. Cờ Đảng bên trái, cờ Tổ quốc bên phải, dài 5,9 mét, rộng 2,5 mét, ghép bằng 4.000 miếng đá hồng ngọc Thanh Hóa màu đỏ thắm, ngôi sao vàng năm cánh và búa liềm ghép bằng đá cẩm vân màu vàng sáng.

Góp phần vào hoàn thiện công trình Lăng Bác là những khối gỗ quý của đồng bào Nam Bộ, được các nghệ nhân tài hoa từ các tỉnh Nghệ An, Nam Hà, Hà Bắc xẻ bằng tay, với những kỹ thuật tinh xảo đóng thành 200 bộ cánh cửa. Cửa ra lễ đài được ốp đá, những cửa tiếp giáp với nắng được quét nhựa chống nứt. Ngoài đồ gỗ, trong Lăng còn dùng các kim loại để trang trí như nhôm làm trần, đồng làm tay vịn, lưới gió... Mỗi vật liệu đưa vào trang trí đều được Hội đồng thẩm định chất lượng kiểm tra thử nghiệm chặt chẽ.

Lễ đài chính dùng cho những cuộc diễu binh, duyệt binh lớn của cả nước được xây dựng gắn với Lăng, phía trên cửa chính của Lăng, so với phòng Bác nằm thấp hơn. Hai bên là hai lễ đài, đặt thẳng hàng với lễ đài chính tạo sự cân đối cho cả khối công trình.

Trước cửa Lăng có hai cây Đại, tượng trưng cho sự thanh khiết, thiêng liêng, trường tồn, do các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước trồng khi khánh thành Lăng Bác, mỗi bên lễ đài trái, phải trồng 9 cây vạn tuế như hàng tiêu binh đứng trang nghiêm ngày đêm giữ yên giấc ngủ của Người.

Phía sau Lăng, ở hai bên là bức tường lưu niệm ốp bằng đá hoa cương đỏ, sau tường trồng 19 cây ngọc lan, hoàng lan tỏa hương thơm ngát, trước tường có 8 ô vuông trồng hoa hồng bốn mùa xanh tốt.

Phía trước Lăng là đường Hùng Vương và Quảng trường Ba Đình. Đường Hùng Vương dài hơn 1.000 mét. Phía trước, cách Lăng 49 mét là cột cờ với chiều cao 25 mét. Kể từ ngày 19-5-2001, nhân kỷ niệm 111 năm ngày sinh của Người, được phép của Thủ tướng Chính phủ, hàng năm *365 ngày đều đặn, không kể mưa hay nắng,* nghi lễ chào cờ hàng ngày đã được tiến hành trọng thể, trang nghiêm trước Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh, càng tôn thêm giá trị văn hóa, tinh thần và ý nghĩa chính trị của Công trình Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Thảm cỏ thiên nhiên trên Quảng trường Ba Đình dài 320 mét, rộng 100 mét, chia thành 240 ô cỏ xanh tươi là hình tượng những chiếc chiếu trải trên sân đình ở các làng quê Việt Nam xưa, giữa các ô có đường đi lại, rộng 1,4 mét được lát bằng những tấm bê tông sỏi nổi. Những viên sỏi mà các em học sinh của tỉnh miền núi phía Bắc nhặt từ lòng suối, rửa sạch sẽ để lát quanh Lăng và Quảng trường Ba Đình. Dưới các thảm cỏ của Quảng trường có các tầng lọc nước, mạng ống và mương ngầm, đi đôi với hệ thống thoát nước, có hệ thống cấp nước. Hệ thống cấp nước phục vụ cho các nhu cầu cần thiết của hệ thống kỹ thuật. Phía bắc giáp đường Phan Đình Phùng, phía nam giáp đường Trần Phú, phía tây của Quảng trường là khu lưu niệm Hồ Chủ tịch - Bảo tàng Hồ Chí Minh, ngôi nhà sàn là nơi ở của Người, ao cá, vườn cây, rặng dừa, những hàng rào dâm bụt... Tất cả đã đi vào thơ ca Việt Nam.

Trên mảnh đất Ba Đình lịch sử này - nơi Bác Hồ đã đọc Bản Tuyên ngôn độc lập khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa - nơi Bác đã ở và làm việc 15 năm cuối cùng của cuộc đời vì nước, vì dân. Bên cạnh công trình Lăng còn có Bảo tàng Hồ Chí Minh và Khu Di tích Chủ tịch Hồ Chí Minh tại Phủ Chủ tịch, tạo nên một quần thể thống nhất Cụm Di tích Lịch sử - Văn hóa Ba Đình. Mặc dù chức năng, nhiệm vụ tổ chức khác nhau, nhưng có một điểm chung tổ chức đón tiếp, tuyên truyền. Ngày 16-6-1999 Thường vụ Bộ Chính trị đã ra Thông báo số 224/TB-TW về tổ chức việc

quản lý và các hoạt động của Cụm di tích lịch sử - văn hóa khu Ba Đình, ngày 25-2-2000 Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định số 28/QĐ-TTg về việc thành lập Ban Chỉ đạo phối hợp hoạt động Cụm Di tích Lịch sử - Văn hóa Ba Đình.

Hàng năm, cứ mỗi độ Tết đến Xuân về, hoa Mai vàng như thay cho lời chúc mừng năm mới của Đảng bộ, nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và nhân dân Nam bộ đối với Chủ tịch Hồ Chí Minh. Đáp lại tình cảm đó, hàng năm Ban Quản lý Lăng đã gửi tặng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và nhân dân Nam bộ sắc đỏ hoa đào thay lời cảm ơn và chúc mừng năm mới may mắn, tốt lành. Mùa xuân trên Thành phố Hồ Chí Minh và Thủ đô Hà Nội vẫn luôn có sắc thắm đỏ hoa đào, sắc vàng hoa mai như tượng trưng cho mối gắn kết keo sơn, tình nghĩa anh em ruột thịt của nhân dân hai miền Nam - Bắc. Và hơn thế nữa là tấm lòng thuỷ chung, đồng sức đồng lòng cùng hướng về Thủ đô, về Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh và Quảng trường Ba Đình lịch sử - nơi hội tụ tinh hoa của cả dân tộc, biểu tượng cho tinh thần đấu tranh vì độc lập dân tộc, vì hạnh phúc nhân dân và quyết tâm xây dựng đất nước ngày càng *"đàng hoàng hơn, to đẹp hơn"* như Chủ tịch Hồ Chí Minh hằng mong muốn.

Quyết định đúng đắn và sáng suốt của Bộ Chính trị đối với việc giữ gìn lâu dài thi hài Bác, xây dựng công trình Lăng của Người không những là quyết định hợp lòng dân mà còn là thể hiện một tư tưởng chính trị: *Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh là nơi nhân dân Việt Nam từ thế hệ này sang thế hệ khác đến chiêm ngưỡng để tỏ lòng biết ơn Hồ Chủ tịch, quyết tâm đi theo con đường cách mạng do Người vạch ra và kế tục sự nghiệp cách mạng của Người.* Công trình Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh còn là biểu tượng tập trung nhất của ý chí chiến đấu quật cường vì độc lập dân tộc - *"Không có gì quý hơn độc lập tự do"*, và là biểu tượng của tinh thần đại đoàn kết toàn dân tộc. Đây là tư tưởng lớn nhất, sâu sắc nhất, xuyên suốt nhất, làm nổi bật ý nghĩa chính trị tư tưởng của

một công trình đặc biệt, và là tư tưởng chỉ đạo mọi hoạt động của công trình Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Thấm thoát đã gần 42 năm Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩnh biệt chúng ta và gần 36 năm khánh thành công trình Lăng của Người. Ngày nối ngày, dòng người vào Lăng viếng Bác như dài vô tận. Về Lăng viếng Bác, đối với mỗi người dân Việt Nam đã trở thành nhu cầu tình cảm rất thiêng liêng của mỗi người, như một nhu cầu tinh thần, một phong tục tập quán mới, một sinh hoạt truyền thống biết ơn cội nguồn hướng về gốc rễ trước mỗi bước đi lên. Ngày nối ngày, dòng người vẫn nối dài tưởng như bất tận để được vào Lăng viếng Bác, từ cụ già đến các cháu thiếu nhi, từ người dân bình thường đến cán bộ, công chức Nhà nước, tuy mỗi người có tâm trạng khác nhau nhưng khi về bên Bác đều thấy thanh thản, bình yên. Tính đến nay có hơn 40 triệu lượt người, trong đó có hơn 7 triệu lượt khách nước ngoài của hầu hết các quốc gia, vùng lãnh thổ và tổ chức quốc tế đã vào Lăng viếng Chủ tịch Hồ Chí Minh. Lăng của Người, trở thành nơi hội tụ tình cảm, niềm tin của các thế hệ người Việt Nam đối với Nhà văn hóa kiệt xuất, Anh hùng giải phóng dân tộc của Việt Nam. Đây còn là một điểm đến hấp dẫn của mỗi người nước ngoài khi tới Việt Nam. Nhiều người nước ngoài khi đến Việt Nam, đứng trước Lăng của Người đã từng thốt lên: *"Hiếm có Lãnh tụ nào trên thế giới được nhân dân mến mộ như Chủ tịch Hồ Chí Minh"*; *"Lúc này chỉ cần nhìn vào dòng người đi viếng Chủ tịch Hồ Chí Minh, có thể thấy được đất nước của các bạn ổn định, yên bình như thế nào"*.

Những năm gần đây, nhờ thực hiện thắng lợi đường lối đổi mới của Đảng, kinh tế trong nước có sự tăng trưởng, hệ thống giao thông được mở mang, đời sống nhân dân được cải thiện, điều kiện đi lại của dân được thuận lợi hơn, nhưng không phải là điều quyết định, mà chính là do tình cảm, nguyện vọng tha thiết của nhân dân mong muốn được về bên Người. Đó chính là sự thành kính, lòng biết ơn vô hạn đối với Bác, nguyện trung thành, mãi mãi đi theo

con đường mà Bác đã lựa chọn. Đồng chí Đỗ Mười - nguyên Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam đã nói: "*Chúng ta thật hạnh phúc vì có Bác, được thấy Bác nằm yên nghỉ trong Lăng giữa Ba Đình, như tiếp thêm sức mạnh cho chúng ta vượt qua những khó khăn, xây dựng đất nước to đẹp hơn, đàng hoàng hơn như điều Bác hằng mong muốn*".

Ở Lăng Bác, ngoài việc tổ chức lễ viếng hàng ngày, còn diễn ra nhiều hoạt động quan trọng của Đảng, Nhà nước; nơi tổ chức các buổi mít tinh, diễu binh, diễu hành mừng các ngày lễ lớn của đất nước, dân tộc; nơi thường xuyên tổ chức các sinh hoạt chính trị, văn hóa, nghệ thuật, báo công, giao ước thi đua, kết nạp Đảng, kết nạp Đoàn, kết nạp Đội... nhằm giáo dục truyền thống yêu nước, truyền thống "uống nước nhớ nguồn", tình cảm kính yêu, biết ơn vô hạn đối với Chủ tịch Hồ Chí Minh và là nơi hun đúc chí khí cách mạng của các thế hệ người Việt Nam. Những năm gần đây, một số loại hình sinh hoạt chính trị mới như đặt hoa trước ngày cưới của nam nữ thanh niên, lễ tuyên thệ trước khi nhận nhiệm vụ mới, khai giảng năm học mới của các trường phổ thông, đặc biệt từ ngày 19-5-2001, được phép của Thủ tướng Chính phủ, nghi lễ chào cờ hàng ngày đã được tiến hành trọng thể, trang nghiêm trước Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh đã phát huy tốt tác dụng giáo dục truyền thống. Biểu tượng của Tổ quốc với hình ảnh của Lãnh tụ được hòa quyện vào nhau càng tôn thêm giá trị văn hóa, tinh thần và ý nghĩa chính trị của công trình Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Là một công trình có ý nghĩa lịch sử, chính trị và văn hóa to lớn, Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh sẽ trường tồn mãi cùng đất nước Việt Nam, là trái tim của trái tim Việt Nam, là nơi hội tụ những tinh hoa về kiến trúc và không gian văn hóa của Thủ đô Hà Nội - mảnh đất Thăng Long ngàn năm văn hiến. Là công trình trung tâm trong Cụm Di tích Lịch sử - Văn hóa Ba Đình, Lăng Bác đã trở thành địa chỉ hướng đến đầu tiên của du khách mỗi khi tới Thủ đô

Hà Nội, là nơi hội tụ tình cảm và niềm tin của nhân dân cả nước, kiều bào ta ở nước ngoài và khách quốc tế đến Việt Nam.

Với công lao to lớn của Người, với tư tưởng đạo đức cách mạng và nhân cách trong sáng của Người, Chủ tịch Hồ Chí Minh mãi mãi là một con người vĩ đại nhất của dân tộc Việt Nam anh hùng. Tấm gương hy sinh cả cuộc đời vì dân, vì nước; tư tưởng, đạo đức, tác phong của Người luôn cổ vũ, động viên các thế hệ người Việt Nam vững bước đi theo con đường mà Người và dân tộc đã lựa chọn. Giữ gìn lâu dài thi hài Chủ tịch Hồ Chí Minh và phát huy ý nghĩa chính trị, văn hóa của Công trình Lăng trong giai đoạn mới là góp phần giữ gìn tư tưởng, đạo đức, sự nghiệp cách mạng của Chủ tịch Hồ Chí Minh, đồng thời là giữ gìn một di sản vô giá của dân tộc và toàn nhân loại.

PHÁT HUY Ý NGHĨA LỊCH SỬ, CHÍNH TRỊ, VĂN HÓA CÔNG TRÌNH LĂNG CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH TRONG GIÁO DỤC TRUYỀN THỐNG CÁCH MẠNG

Thiếu tướng, TS. ĐẶNG NAM ĐIỀN*

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đi xa, nhưng Người vẫn sống mãi với non sông, đất nước, tên tuổi và hình ảnh của Người ngày càng khắc sâu vào trái tim và khối óc của mỗi người dân nước Việt.

Ngay sau khi Người qua đời, thể theo nguyện vọng thiết tha của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân; Bộ Chính trị Trung ương Đảng, Quốc hội và Chính phủ đã quyết định giữ gìn lâu dài thi hài Chủ tịch Hồ Chí Minh và xây dựng Lăng của Người giữa Ba Đình lịch sử, nơi Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đọc bản Tuyên ngôn độc lập khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa - Nhà nước công nông đầu tiên ở Đông Nam Á.

Với sự giúp đỡ nhiệt tình, hiệu quả của Đảng, Nhà nước Liên xô, trực tiếp là các nhà khoa học y tế, đã giúp đỡ Việt Nam giữ gìn, bảo vệ tuyệt đối an toàn thi hài Chủ tịch Hồ Chí Minh trong điều kiện chiến tranh ác liệt, khí hậu nhiệt đới thất thường. Điều đó có ý nghĩa vô cùng quan trọng, tạo ra tiền đề rất cơ bản cho quá trình giữ gìn lâu dài thi hài Chủ tịch Hồ Chí Minh sau này.

---

* Chính ủy Bộ Tư lệnh Bảo vệ Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Ngày 2-9-1973, Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh được khởi công xây dựng. Bộ Quốc phòng và Bộ Kiến trúc được giao là lực lượng chủ công, nòng cốt trong quá trình tổ chức thi công. Đảng, Nhà nước và nhân dân Liên xô đã cử những chuyên gia giỏi sang Việt Nam giúp đỡ ta xây dựng Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh. Quê hương của V. I. Lênin vĩ đại, coi việc giúp đỡ Việt Nam là nghĩa vụ, tình cảm quốc tế cao cả của những người cộng sản.

Với tấm lòng biết ơn và kính yêu vô hạn đối với Chủ tịch Hồ Chí Minh, toàn dân và toàn quân đã đem hết trí tuệ và tinh thần, tập trung cao độ để xây dựng ngôi nhà vĩnh cửu của Người. Ngày đêm trên công trường xây dựng Lăng Bác nhộn nhịp tiếng búa, tiếng máy, tiếng cười, mọi người đều mong sao Lăng sớm được khánh thành để được gặp lại Bác sau thời gian Người đi xa.

Cả nước hướng về công trường xây dựng Lăng Bác, đóng góp sức người, sức của để xây dựng Lăng Bác như một tiếng gọi thiêng liêng của mỗi người dân, mỗi địa phương trong cả nước. Nhà máy xi măng Hải Phòng đã sản xuất hàng vạn tấn xi măng có chất lượng tốt nhất để gửi về xây dựng Lăng Bác. Cảng Hải Phòng bề bộn công việc bốc xếp hàng trong nước và quốc tế, nhưng kiện hàng nào phục vụ cho công trình Lăng Bác đều được ưu tiên vận chuyển trước. Ngành đường sắt đã giành những đầu tầu, toa tầu tốt nhất để vận chuyển vật tư xây dựng Lăng Bác. Cảm động nhất là đồng bào, chiến sĩ miền Nam đang ngày đêm đối mặt với cuộc chiến tranh ác liệt, đã vượt qua biết bao khó khăn, gian khổ, vận chuyển gỗ quý từ Tây Nguyên, từ cực Nam của Tổ quốc gửi ra Thủ đô Hà Nội để đóng góp công sức xây dựng Lăng của Người. Đồng chí Nguyễn Thị Định, Phó Tư lệnh Quân giải phóng miền Nam đã thay mặt đồng bào, chiến sĩ miền Nam thưa với Bác: "Cây gỗ quý tượng trưng cho sức sống kiên cường, bất khuất của nhân dân miền Nam. Với tấm lòng trung trinh vô hạn, đồng bào chiến sĩ kính dâng lên Bác để đời đời ghi nhớ công ơn trời biển của Người".

Sau 2 năm khẩn trương, liên tục, với khí thế thi đua chia lửa với miền Nam anh hùng, cán bộ, chiến sĩ, công nhân viên các lực lượng xây dựng Lăng Bác đã không quản ngày đêm hoàn thành tốt các hạng mục công việc. Chiến dịch Hồ Chí Minh toàn thắng, công việc xây dựng Lăng đang bước vào giai đoạn cuối cùng. Ngày 29 tháng 8 năm 1975, chỉ sau hơn 3 tháng miền Nam hoàn toàn giải phóng, Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh đã được khánh thành trọng thể; Bác đã về ngôi nhà vĩnh cửu của mình để cùng chung vui với con cháu trong Lễ mừng chiến thắng của toàn dân tộc diễn ra tại Quảng trường Ba Đình lịch sử vào ngày Quốc khánh 2-9-1975.

Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh là một kỳ đài lịch sử của thế kỷ XX, là công trình của tình hữu nghị Việt Nam - Liên xô và Liên bang Nga ngày nay; công trình của "Lòng dân - ý Đảng"; là biểu tượng của tinh thần đoàn kết toàn dân tộc; một kỳ quan vĩ đại của thế hệ hôm nay tặng lại cho muôn đời con cháu mai sau... như lời Chủ tịch Quốc hội Trường Chinh phát biểu tại Lễ khánh thành Lăng ngày 29-8-1975: "*Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh là một công trình kiến trúc có ý nghĩa chính trị và tư tưởng to lớn, thể hiện tình cảm sâu sắc của đồng bào ta đối với Bác Hồ kính yêu. Đây là nơi nhân dân Việt Nam, từ thế hệ này đến thế hệ khác sẽ đến chiêm ngưỡng để tỏ lòng biết ơn Hồ Chủ tịch, quyết tâm đi theo con đường cách mạng của Người; xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh*".

Thấm thoắt đã gần 42 năm Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩnh biệt chúng ta và gần 36 năm khánh thành Công trình Lăng của Người. Ngày nối ngày, dòng người vào Lăng viếng Bác như dài vô tận. Lăng Bác đã đón tiếp 40 triệu lượt người, trong đó có hơn 7 triệu lượt khách quốc tế của hầu hết các quốc gia, vùng lãnh thổ và tổ chức quốc tế. Lăng của Người, trở thành nơi hội tụ tình cảm, niềm tin của các thế hệ người Việt Nam đối với Người Anh hùng giải phóng dân tộc, Nhà văn hóa kiệt xuất. Những năm gần đây, thực

hiện đường lối đổi mới của Đảng, kinh tế trong nước tăng trưởng, hệ thống giao thông được mở mang, đời sống nhân dân được cải thiện... số lượng nhân dân các địa phương trong cả nước về Lăng viếng Bác ngày một tăng, năm sau cao hơn năm trước. Những ngày nghỉ, ngày lễ, kỷ niệm ngày sinh và ngày mất của Bác mỗi ngày có tới hàng vạn người vào Lăng viếng Bác. Ngoài tổ chức lễ viếng, Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh còn là nơi diễn ra nhiều hoạt động quan trọng của Nhà nước, nơi tổ chức các buổi mít tinh, diễu binh, diễu hành mừng các ngày lễ lớn của dân tộc; nơi thường xuyên tổ chức các sinh hoạt chính trị, văn hóa, nghệ thuật... nhằm giáo dục truyền thống yêu nước, truyền thống "Uống nước nhớ nguồn"; nơi hun đúc chí khí cách mạng của thế hệ trẻ Việt Nam. Từ ngày 19-5-2001, nghi lễ chào cờ hàng ngày đã được tiến hành trang trọng trước Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh. Hình ảnh của Tổ quốc với lãnh tụ được hòa quyện vào nhau, càng tôn thêm giá trị văn hóa, tinh thần và ý nghĩa chính trị của Công trình Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh. Đặc biệt từ năm 2007 đến nay, Bộ Chính trị Trung ương Đảng phát động toàn Đảng, toàn dân và toàn quân triển khai Cuộc vận động học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh, các cấp, các ngành và các địa phương trong cả nước đã tích cực tổ chức nhiều hoạt động sinh hoạt chính trị có ý nghĩa trước Lăng Bác và Quảng trường Ba Đình lịch sử. Tiêu biểu là các hoạt động của Trung ương Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh; tuổi trẻ Quân đội, tuổi trẻ Công an; Đảng bộ tỉnh Hải Dương; Đảng bộ Huyện Ba Vì; Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam và Công ty cổ phần May 10... Ngoài ra Ban Quản lý Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh đã phối hợp chặt chẽ với ngành Lao động, Thương binh và Xã hội trong cả nước và Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam tổ chức cho các gia đình chính sách, người có công với cách mạng, các gia đình ở vùng sâu, vùng xa về Lăng viếng Bác. Việc làm đó đã để lại ấn tượng và tình cảm tốt đẹp cho mỗi người khi về viếng thăm Bác.

Về Lăng viếng Bác, đối với mỗi người dân Việt Nam như một nhu cầu tình cảm, một phong tục tập quán mới, một sinh hoạt truyền thống biết ơn cội nguồn, hướng về gốc rễ trước mỗi bước đi lên. Từ cụ già đến các cháu thiếu nhi, từ người dân bình thường đến cán bộ, công chức nhà nước, tuy mỗi người một tâm trạng khác nhau nhưng khi về bên Bác đều thấy thanh thản, bình yên. Gần 36 năm qua, kể từ ngày mở cửa Lăng đến nay, dòng cảm tưởng của nhân dân trong nước, kiều bào ở nước ngoài và khách quốc tế đã được lưu giữ như mỗi ngày một dài thêm.... mỗi người một vẻ, nhưng tựu chung lại là sự kính yêu, biết ơn vô hạn đối với Chủ tịch Hồ Chí Minh và nguyện mãi mãi học tập và làm theo lời Bác dạy. Cô giáo Nguyễn Thị Huệ, 20 tuổi, người dân tộc H'mông, trong đoàn giáo viên huyện Quản Bạ, tỉnh Hà Giang về viếng Bác đã xúc động viết: "Cháu là người dân tộc H'mông, lần đầu tiên vinh dự được về Hà Nội viếng Bác. Cháu chưa một lần được thấy Bác, hôm nay được gặp Bác, cháu rất cảm động. Người H'mông chúng cháu được như ngày nay, được cơm no, áo ấm, được có chữ, cùng tiến bộ như các dân tộc đa số, riêng cháu lớn lên trở thành cô giáo là nhờ ơn Đảng, Bác Hồ. Cháu và dân tộc H'mông chúng cháu rất biết ơn Đảng, ơn Bác. Cháu nguyện sẽ học tập và cố gắng giảng dạy cho các em học sinh người H'mông đời đời theo Đảng, theo Bác...". Đoàn nữ cựu tù chính trị Côn Đảo, gồm 18 chị em từ Thành phố Hồ Chí Minh ra Thủ đô Hà Nội, vào Lăng viếng Bác đã nhòa nước mắt, ghi lại tình cảm của mình: "Hôm nay con về thăm Lăng Bác, nuốt lệ mừng nhớ lại tháng năm xưa... Tháng năm trong nhà tù Mỹ - ngụy, hay tin Bác mất, chị em quyết định mặc niệm, để tang đồng phục đen, quấn khăn tang trắng chào cờ và hát mặc niệm ngay trước mũi địch, làm chúng tức tối đàn áp rất dã man. Cuối cùng chúng cháu vẫn là người chiến thắng, vì là con cháu của Bác Hồ luôn luôn mang tư tưởng bất khuất và tin tưởng ở chiến thắng cuối cùng sẽ về ta, nên luôn lạc quan cách mạng và đã được trở về với tư thế của người chiến thắng". Đoàn đại biểu Mặt trận Tổ quốc Quận 1, Thành phố mang tên Bác đã viết: "Chúng tôi

vô cùng xúc động được đến viếng Bác. Bác mãi mãi sống trong trái tim đồng bào Nam bộ. Viếng Lăng Bác, thương nhớ Bác vô cùng, nguyện học tập và sống theo gương Bác".

Đối với khách nước ngoài, Lăng Bác là một địa chỉ thiêng liêng, hấp dẫn của mỗi người khi tới Việt Nam. Theo thống kê của Tổng cục Du lịch, hầu hết khách du lịch khi đến Hà Nội đã vào Lăng viếng Chủ tịch Hồ Chí Minh; số lượng khách quốc tế vào Lăng viếng Bác tăng gần 4 lần so với những năm trước đây. Nhiều người nước ngoài khi đến Việt Nam, vào Lăng viếng Người đã có cảm tưởng: Hiếm có vị lãnh tụ nào trên thế giới được nhân dân mến mộ như Chủ tịch Hồ Chí Minh. Trong số khách đến viếng Chủ tịch Hồ Chí Minh không ít người trước đây là kẻ thù của dân tộc Việt Nam, nhưng ngày nay, trước chính sách mở cửa, đổi mới của Đảng và Nhà nước, họ đã đến Việt Nam và vào Lăng thăm viếng Chủ tịch Hồ Chí Minh. Sự hận thù, đối lập dường như không còn nữa, quá khứ được khép lại và cùng nhau hướng về tương lai. Có lẽ đây cũng là điều đặc biệt, chỉ có ở Việt Nam và chính tấm gương của Chủ tịch Hồ Chí Minh là cội nguồn của sức mạnh đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế. Cố Chủ tịch Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào Hoàng thân Xu-Pha-Nu-Vông đã trân trọng ghi cảm tưởng: "Chúng tôi vô cùng biết ơn Bác Hồ, Người đầu tiên thấm nhuần đưa chủ nghĩa Mác - Lênin bách chiến, bách thắng vận dụng vào Đông Dương. Người thành lập, rèn luyện, tổ chức Đảng Cộng sản Đông Dương, Người đã dồn hết tâm trí và sự quan tâm vun đắp mối quan hệ đoàn kết hữu nghị đặc biệt anh em giữa hai Đảng, nhân dân hai nước Lào - Việt Nam và tình đoàn kết quốc tế vô sản trong sáng". Đoàn đại biểu Đại sứ quán Cu Ba tại Việt Nam khi đến viếng Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ghi lại những dòng cảm tưởng: "Chúng tôi chứng kiến thực tế giản dị, lòng nhân đạo của một nhà thơ vĩ đại - Chủ tịch Hồ Chí Minh. Tất cả tình yêu của Người với thiên nhiên và cuộc sống giản dị mà Người đã yêu, giờ đây con cháu của Người và nhân dân Việt Nam tiếp tục giữ gìn bảo vệ. Chúng tôi

xin gửi tới Người với tất cả tấm lòng thành kính của người Cuba". Và thật cảm động, khi một khách du lịch người Thái Lan đã viết: "Tôi đã đến thăm Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh. Nơi đây rất đẹp và trang nghiêm, nó không chỉ dành riêng cho người Việt Nam mà còn là của nhân loại". Có thể nói, những dòng tình cảm của mỗi người khi đến viếng Chủ tịch Hồ Chí Minh, cho dù màu da, tiếng nói có khác nhau, nhưng đều đã dành những tình cảm đặc biệt đối với Người. Tư tưởng, đạo đức, tác phong của Người mãi mãi là bó đuốc soi đường cho sự nghiệp đấu tranh vì hòa bình, giải phóng dân tộc trên toàn thế giới. Đúng như Điếu văn của Ban Chấp hành Trung ương Đảng do đồng chí Lê Duẩn Bí thư thứ nhất đọc tại Lễ truy điệu Chủ tịch Hồ Chí Minh: "Dân tộc ta, nhân dân ta, non sông đất nước ta đã sinh ra Hồ Chủ tịch, Người Anh hùng dân tộc vĩ đại và chính Người đã làm rạng rỡ dân tộc ta, nhân dân ta, non sông đất nước ta".

Chủ tịch Hồ Chí Minh là kết tinh của những giá trị tinh thần cao quý của dân tộc và thời đại, vì vậy, cách đây hơn 20 năm, nhân dịp kỷ niệm lần thứ 100 ngày sinh của Người, tổ chức giáo dục, khoa học và văn hóa của Liên hợp quốc (UNESCO) đã công nhận Chủ tịch Hồ Chí Minh là Anh hùng giải phóng dân tộc, Nhà văn hóa kiệt xuất. Nghị quyết của UNESCO khẳng định: "Chủ tịch Hồ Chí Minh là một biểu tượng kiệt xuất về quyết tâm của cả một dân tộc đã cống hiến trọn đời mình cho sự nghiệp giải phóng dân tộc của Việt Nam, góp phần vào cuộc đấu tranh chung của các dân tộc vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội".

Với công lao to lớn của Người, với tư tưởng đạo đức cách mạng và nhân cách trong sáng của Người, Chủ tịch Hồ Chí Minh mãi mãi xứng đáng là một con người vĩ đại nhất của dân tộc Việt Nam anh hùng. Tấm gương hy sinh cả cuộc đời vì dân, vì nước; tư tưởng đạo đức tác phong của Người luôn cổ vũ động viên các thế hệ người Việt Nam vững bước đi theo con đường mà Người đã lựa chọn. Giữ gìn lâu dài thi hài Chủ tịch Hồ Chí Minh và xây dựng

Lăng của Người là góp phần giữ gìn tư tưởng, đạo đức, sự nghiệp cách mạng của Chủ tịch Hồ Chí Minh, đồng thời là giữ gìn một di sản vô giá của dân tộc và toàn nhân loại. Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh sẽ mãi mãi trường tồn cùng với dân tộc và là nơi hội tụ tình cảm, niềm tin của nhân dân Việt Nam và bầu bạn quốc tế. Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh sẽ là một địa chỉ thiêng liêng, với những giá trị lịch sử, chính trị, văn hóa để giáo dục, hun đúc truyền thống cách mạng cho mọi thế hệ người Việt Nam hôm nay và mai sau.

BỘ ĐỘI BẢO VỆ LĂNG CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH VINH DỰ VÀ TRÁCH NHIỆM

Đại tá NGUYỄN VĂN LÂM*

Chủ tịch Hồ Chí Minh, lãnh tụ thiên tài, Người thầy vĩ đại của Đảng và dân tộc ta, Người Cha thân yêu của các lực lượng vũ trang nhân dân ta. Người tượng trưng cho tinh hoa của dân tộc Việt Nam, cho những giá trị cao đẹp nhất trong tâm hồn, ý chí, nhân cách Việt Nam; Người là tấm gương sáng ngời về phẩm chất đạo đức cách mạng; là hình ảnh tuyệt đẹp về mối liên hệ thân thiết gắn bó giữa lãnh tụ với nhân dân. Công lao và sự nghiệp cách mạng của Chủ tịch Hồ Chí Minh, trí tuệ uyên bác và tầm nhìn sâu rộng của Người, một nhân cách lớn, một tấm lòng độ lượng bao dung đã đưa Người trở thành Người Anh hùng giải phóng dân tộc, danh nhân văn hóa thế giới.

Sau khi Chủ tịch Hồ Chí Minh qua đời, nguyện vọng thiết tha của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân là giữ gìn lâu dài thi hài Bác và sớm xây dựng Lăng của Người để ghi lại mãi mãi hình ảnh, sự nghiệp cách mạng vĩ đại và công ơn trời biển của Chủ tịch Hồ Chí Minh muôn vàn kính yêu - Người đã cống hiến trọn đời mình cho sự nghiệp giải phóng dân tộc, cho tự do hạnh phúc của nhân dân ta, cho sự nghiệp cách mạng của nhân dân thế giới và cho lý

* Phó Chủ nhiệm Chính trị - Bộ Tư lệnh Bảo vệ Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh.

tưởng Cộng sản chủ nghĩa. Thể theo nguyện vọng thiết tha của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân, trong phiên họp ngày 29-11-1969 Bộ Chính trị Trung ương Đảng Lao động Việt Nam đã quyết nghị: ***"Với tấm lòng kính yêu vô hạn và đời đời nhớ ơn Hồ Chủ tịch, chúng ta phải thực hiện đến mức tốt nhất nhiệm vụ giữ gìn lâu dài thi hài Hồ Chủ tịch và xây dựng Lăng của Người".*** Quyết nghị của Bộ Chính trị đã phản ánh lòng kính yêu vô hạn và đời đời nhớ ơn Chủ tịch Hồ Chí Minh. Đồng thời cũng phù hợp với truyền thống, phong tục tập quán tốt đẹp của dân tộc Việt Nam. Một dân tộc vốn có truyền thống *"Uống nước nhớ nguồn, ăn quả nhớ người trồng cây"*, thờ phụng ông bà tổ tiên, xây dựng Lăng mộ để tưởng nhớ những người có công với dân, với nước. Đáp ứng nguyện vọng của mọi người dân Việt Nam là được tận mắt trông thấy Người, được thường xuyên đến thăm Người, được thể hiện tấm lòng tôn kính và đời đời biết ơn đối với Người. Đặc biệt là tình cảm của đồng bào, chiến sĩ miền Nam đang ngày đêm trực tiếp đối mặt với quân thù, chưa một lần được gặp Bác; để các thế hệ người Việt Nam hôm nay và mai sau được đến chiêm ngưỡng, học tập và nguyện mãi mãi đi theo con đường mà Đảng và Bác Hồ đã lựa chọn. Quân ủy Trung ương và Bộ Quốc phòng được Bộ Chính trị Trung ương Đảng giao cho nhiệm vụ bảo vệ, giữ gìn thi hài Bác. Đoàn 69 (đơn vị tiền thân của Bộ Tư lệnh Bảo vệ Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh ngày nay) đã ra đời và vinh dự được nhận nhiệm vụ chính trị đặc biệt này.

Nhiệm vụ giữ gìn thi hài Bác là một khoa học tổng hợp bao gồm nhiều lĩnh vực và chưa có tiền lệ ở nước ta như: y học, sinh học, hóa học, kỹ thuật kiến trúc... với những yêu cầu hết sức nghiêm ngặt; nhất là giữ gìn thi hài để đưa ra chiêm ngưỡng. Riêng ở nước ta nhiệm vụ giữ gìn thi hài Bác thêm khó khăn phức tạp bởi điều kiện chiến tranh, khí hậu nhiệt đới nóng ẩm khắc nghiệt và thiên tai liên tiếp. Ngay sau ngày Bác Hồ qua đời, mặc dù trong lúc đất nước đang trong hoàn cảnh chiến tranh, nhưng việc

xây dựng Lăng Bác đã trở thành nguyện vọng thiết tha của toàn dân, toàn quân ta. Đồng bào và chiến sĩ cả nước đều mong muốn có một nơi an nghỉ cuối cùng của Bác để tôn vinh công lao và sự nghiệp vĩ đại của Người, để thế hệ hôm nay và các thế hệ mai sau có điều kiện tới viếng Bác và nguyện đi tiếp con đường mà Đảng và Bác Hồ đã chọn.

Ngay từ những ngày đầu khi Bác mất, kìm nén những tình cảm đau thương, mất mát một bộ phận cán bộ, bác sĩ, kỹ sư đã cùng các đồng chí chuyên gia Liên Xô thực hiện những công việc đầu tiên để giữ gìn lâu dài thi hài Bác, phục vụ lễ viếng Bác tại Hội trường Ba Đình và lễ quốc tang tại Quảng trường Ba Đình. Đó là bước khởi đầu vô cùng quan trọng quyết định việc giữ gìn lâu dài thi hài Bác. Những năm tiếp theo, để thực hiện tốt nhiệm vụ của Bộ Chính trị giao, Bộ Quốc phòng đã bổ sung thêm lực lượng và thành lập Đoàn 69 để đảm nhận nhiệm vụ giữ gìn lâu dài thi hài Bác, một nhiệm vụ khó khăn, chưa có tiền lệ ở Việt Nam. Trong hoàn cảnh chiến tranh vẫn diễn ra ác liệt trên cả nước, trực tiếp đối đầu với cuộc chiến tranh phá hoại trên quy mô lớn, có tính chất hủy diệt của không lực Hoa Kỳ đối với miền Bắc, cộng với điều kiện khí hậu nhiệt đới khắc nghiệt, lũ lụt lớn xảy ra vào năm 1971 và điều kiện kỹ thuật còn rất thiếu thốn, cán bộ, chiến sĩ Đoàn 69 đã vừa học vừa làm, vừa bí mật tổ chức nghiên cứu, vừa phải tổ chức hành quân di chuyển để bảo vệ an toàn tuyệt đối thi hài Bác.

Trong 6 năm từ 1969 đến 1975, đã tổ chức 6 lần di chuyển thi hài Bác tới 4 địa điểm khác nhau trong hoàn cảnh chiến tranh đang diễn ra gay go, ác liệt; thiên tai đe dọa, song đội ngũ cán bộ, bác sĩ Việt Nam sẵn sàng chịu đựng mọi gian khổ, phối hợp chặt chẽ với các nhà khoa học y tế Liên Xô, bảo quản giữ gìn tuyệt đối an toàn thi hài Bác, tạo ra những tiền đề rất quan trọng cho nhiệm vụ giữ gìn lâu dài thi hài Bác sau này.

Cũng thời gian này, ngày 2-9-1973, Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh chính thức được khởi công xây dựng tại Quảng trường Ba

Đình lịch sử và sau 2 năm thi công khẩn trương liên tục, ngôi nhà vĩnh cửu của Người đã hoàn thành đúng vào dịp toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta tưng bừng chào đón thắng lợi giải phóng hoàn toàn miền Nam thống nhất đất nước. Ngày 18 tháng 7 năm 1975, Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương quyết định đón Bác về Lăng - nơi yên nghỉ cuối cùng của Người. Lực lượng quân đội tham gia thi công xây dựng công trình Lăng, trực tiếp tham gia lắp đặt các thiết bị máy móc công trình và sau đó lực lượng này được tuyển chọn giữ lại thực hiện nhiệm vụ quản lý vận hành thiết bị công trình Lăng. Ngày 29 tháng 8 năm 1975, công trình Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh được khánh thành, ngày lịch sử đó đã trở thành Ngày truyền thống của Bộ đội Bảo vệ Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh. Trải qua gần 42 năm giữ gìn thi hài Bác và gần 36 năm mở cửa Lăng đón đồng bào trong nước và khách quốc tế đến viếng Bác; các thế hệ cán bộ, công nhân viên, chiến sĩ Bộ Tư lệnh Bảo vệ Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh đã vượt qua biết bao khó khăn thử thách, tự lực tự cường vươn lên hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ chính trị đặc biệt mà Đảng, Nhà nước, nhân dân và Quân đội tin tưởng giao phó. Thi hài Bác được giữ gìn trong trạng thái tốt nhất. Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh giữa Quảng trường Ba Đình lịch sử, nơi "lắng hồn núi sông" - một công trình của "lòng dân, ý Đảng" - một công trình kiến trúc văn hóa độc đáo, niềm tự hào của người Việt Nam được tôn tạo, duy tu, bảo vệ đã đón tiếp tận tình, chu đáo đồng bào và khách quốc tế đến viếng Chủ tịch Hồ Chí Minh, thể hiện tình cảm sâu nặng, đời đời biết ơn công lao trời biển của Người đối với dân, với nước và nguyện đi theo con đường mà Người đã lựa chọn. "Cả cuộc đời Bác có ngủ ngon đâu, nay Bác ngủ, chúng con canh giấc ngủ". Giữ gìn lâu dài, bảo vệ tuyệt đối an toàn thi hài Chủ tịch Hồ Chí Minh và Công trình Lăng của Người là niềm vinh dự, tự hào và trách nhiệm đặc biệt của mỗi cán bộ, công nhân viên, chiến sĩ của Bộ Tư lệnh Bảo vệ Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Quá trình xây dựng và trưởng thành của đơn vị là quá trình phấn đấu kiên trì, bền bỉ, vượt qua nhiều khó khăn thách thức với những chiến công thầm lặng. Trong suốt quá trình thực hiện nhiệm vụ chính trị đặc biệt cán bộ, công nhân viên, chiến sĩ Bộ Tư lệnh Bảo vệ Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn luôn ý thức sâu sắc được niềm vinh dự và tự hào, trách nhiệm chính trị trước Đảng, Nhà nước, nhân dân và quân đội. Trong bất kỳ hoàn cảnh nào, đơn vị cũng thực hiện tốt nhất nhiệm vụ giữ gìn lâu dài, bảo vệ tuyệt đối an toàn thi hài Bác; nhiệm vụ bảo đảm an ninh, nghi lễ, sẵn sàng chiến đấu và nhiệm vụ đón tiếp tuyên truyền tại Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh. Đặc biệt vào thời điểm đầu những năm 90 của thế kỷ trước, khi Liên Xô sụp đổ, nguồn viện trợ không còn nữa, nhiệm vụ của Bộ đội Bảo vệ Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh bước vào giai đoạn mới với nhiều khó khăn, thử thách. Song thử thách của giai đoạn này cũng là thời cơ để đơn vị từng bước vươn lên làm chủ nhiệm vụ giữ gìn lâu dài thi hài Bác. Được sự chỉ đạo chặt chẽ của Bộ Chính trị, Thủ tướng Chính phủ, trực tiếp là Quân ủy Trung ương và Bộ Quốc phòng. Đảng ủy và Bộ Tư lệnh Bảo vệ Lăng đã có nhiều chủ trương, biện pháp lãnh đạo, chỉ đạo đơn vị nêu cao ý chí độc lập tự chủ, tự lực tự cường, chủ động sáng tạo, triển khai nhiều nội dung công tác lớn, vừa mang tính cấp thiết, vừa cơ bản lâu dài với những bước đi phù hợp. Với phương châm vừa phát huy kinh nghiệm đã được tích lũy và truyền thống đơn vị, vừa tranh thủ hợp tác với các nhà khoa học trong nước và các chuyên gia Nga của Trung tâm nghiên cứu Y sinh Matxcơva - Liên bang Nga chủ động vươn lên từng bước làm chủ vững chắc khoa học công nghệ giữ gìn lâu dài thi hài Bác. Đồng thời đơn vị đã tập trung đầu tư xây dựng tiềm lực của Viện 69 từng bước đủ sức tự đảm nhiệm công tác y tế chăm sóc giữ gìn lâu dài thi hài Bác. Từ chỗ ta phụ thuộc hoàn toàn vào Bạn, sau thời gian ngắn ta đã làm chủ được các quy trình làm thuốc thường xuyên và làm thuốc lớn thi hài Bác; phục vụ lễ viếng thường xuyên và đột xuất bảo đảm an toàn tuyệt đối. Đặc biệt từ năm 2004, đơn vị đã chủ động chuẩn bị

về mọi mặt, phối hợp với các chuyên gia Nga, pha chế thành công dung dịch đặc biệt tại Việt Nam và đưa vào sử dụng trong dịp làm thuốc lớn cho thi hài Bác. Đây là mốc lịch sử quan trọng đánh dấu bước trưởng thành vượt bậc của đơn vị, khẳng định khả năng từng bước vươn lên làm chủ nhiệm vụ giữ gìn lâu dài, bảo vệ tuyệt đối an toàn thi hài Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Để góp phần thực hiện tốt nhiệm vụ y tế giữ gìn lâu dài thi hài Bác và phục vụ lễ viếng, đơn vị đã tích cực, chủ động vươn lên làm chủ hoàn toàn hệ thống thiết bị kỹ thuật của công trình Lăng. Đơn vị đã chủ động khắc phục mọi khó khăn, từng bước cải tạo, thay thế những thiết bị chính theo hướng hiện đại, đồng bộ để đáp ứng yêu cầu của nhiệm vụ. Song song với nhiệm vụ y tế, kỹ thuật; nhiệm vụ bảo đảm an ninh, nghi lễ, sẵn sàng chiến đấu được đặc biệt quan tâm và luôn hoàn thành xuất sắc, góp phần vào bảo đảm an toàn tuyệt đối cho công trình Lăng, Đài tưởng niệm các Anh hùng liệt sĩ, các buổi lễ viếng, các sinh hoạt chính trị văn hóa diễn ra ở khu vực Lăng và Quảng trường Ba Đình. Đơn vị đã chủ động tham mưu, đề xuất và được sự đồng ý của Chính phủ và Bộ Quốc phòng, từ ngày 19 tháng 5 năm 2001, nghi lễ chào cờ hàng ngày được tiến hành trang trọng trước Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh đã phát huy tốt tác dụng giáo dục truyền thống, giáo dục niềm tự hào, tự tôn dân tộc, trách nhiệm của mỗi công dân đối với Tổ quốc, với Bác Hồ kính yêu. Hình ảnh của Tổ quốc với lãnh tụ được hòa quyện vào nhau, càng tôn thêm giá trị văn hóa, tinh thần và ý nghĩa chính trị của công trình Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Nhận thức rõ niềm vinh dự và trách nhiện lớn lao trước Đảng, trước dân, từ ngày khánh thành Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh đến nay, đơn vị đã phối hợp chặt chẽ với các lực lượng trong Ban Quản lý Lăng, Cụm Di tích Lịch sử - Văn hóa Ba Đình từng bước nâng cao chất lượng phục vụ, tạo điều kiện thuận lợi cho nhân dân và khách quốc tế đến viếng Bác, tổ chức các sinh hoạt chính trị, văn hóa; tham quan khu vực Lăng và Khu Di tích K9. Từ ngày mở

cửa Lăng đến nay, đã đón tiếp hơn 40 triệu lượt người vào Lăng viếng Bác, trong đó có hơn 7 triệu lượt khách nước ngoài của hầu hết các quốc gia, vùng lãnh thổ và tổ chức quốc tế. Trong những năm qua, số lượng người đến viếng Bác ngày càng đông, có ngày lên tới hơn 30 nghìn người, nhưng đều được đón tiếp an toàn, tận tình, chu đáo. Đón tiếp, phục vụ hơn 1500 buổi sinh hoạt chính trị, văn hóa tại Lăng Bác; chiếu phim giới thiệu về Chủ tịch Hồ Chí Minh, tặng huy hiệu Bác Hồ cho nhiều đoàn và các đại biểu. Đặc biệt là từ năm 2003 đến nay, đơn vị đã chủ động đề xuất với cấp trên, phối hợp với các Bộ, ban ngành Trung ương và địa phương tổ chức đón tiếp được nhiều đoàn Bà mẹ Việt Nam Anh hùng, gia đình có công với cách mạng, gia đình chính sách ở các địa phương về Lăng viếng Bác. Tại Khu Di tích K9, chỉ tính từ năm 1998 đến nay, đơn vị đã đón tiếp gần 20.000 đoàn tới tưởng niệm Bác và tham quan Khu Di tích. Trong thực hiện Cuộc vận động "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh", Đảng ủy và Bộ Tư lệnh Bảo vệ Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh coi đây là thời cơ để tạo sự chuyển biến toàn diện về đạo đức lối sống, phương pháp tác phong công tác. Mỗi cán bộ, công nhân viên, chiến sĩ phải thực sự tiêu biểu về phẩm chất chính trị, đạo đức lối sống, gương mẫu "làm theo" tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh trong công tác đón tiếp tuyên truyền, hướng dẫn nhân dân và khách quốc tế đến viếng Bác, tham quan Lăng, tưởng niệm các Anh hùng liệt sĩ và tham quan Khu Di tích K9. Làm cho phẩm chất, hình ảnh "Bộ đội Cụ Hồ" bên Lăng Bác ngày càng được củng cố, tỏa sáng, lan tỏa trong các tầng lớp nhân dân và khách quốc tế về Lăng viếng Bác. Bên cạnh việc thực hiện tốt Cuộc vận động trong đơn vị, Đảng ủy và Bộ Tư lệnh Bảo vệ Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chủ động làm tham mưu, đề xuất với các cơ quan chức năng của Đảng, Chính phủ và Bộ Quốc phòng, và phối hợp chặt chẽ với cấp ủy, chính quyền địa phương, các cơ quan đơn vị trong cả nước nhằm phát huy ý nghĩa chính trị, văn hóa của công trình Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh như: tổ chức Lễ báo công dâng Bác, giao ước thi

đua, kết nạp Đảng, Đoàn, Đội, lễ khai giảng, tuyên thệ, lễ rước đuốc lấy lửa truyền thống... Từ khi tổ chức thực hiện Cuộc vận động "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh" đã có nhiều buổi lễ báo công, phát động thi đua, lễ tuyên dương các tập thể và cá nhân điển hình tiên tiến trong thực hiện Cuộc vận động, đã tạo được sức lan tỏa trong các ngành và các địa phương cả nước.

Với niềm vinh dự tự hào, với tình cảm và trách nhiệm được Đảng, Nhà nước, nhân dân và Quân đội tin tưởng giao cho thực hiện nhiệm vụ chính trị đặc biệt, đơn vị luôn coi trọng và làm tốt công tác giáo dục chính trị tư tưởng, xây dựng tổ chức đảng trong sạch vững mạnh gắn với xây dựng đơn vị vững mạnh toàn diện. Kết hợp chặt chẽ việc giáo dục, bồi dưỡng nâng cao trình độ nhận thức về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối quan điểm của Đảng; nhiệm vụ của cách mạng, Quân đội và đơn vị, làm cho mọi cán bộ, công nhân viên, chiến sĩ có bản lĩnh chính trị kiên định vững vàng, tuyệt đối tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, trung thành, gắn bó với nhiệm vụ giữ gìn lâu dài, bảo vệ tuyệt đối an toàn thi hài Chủ tịch Hồ Chí Minh; giữ vững phẩm chất đạo đức trong sáng, lối sống giản dị, trung thực, đoàn kết nội bộ, đoàn kết quân dân, chấp hành nghiêm pháp luật Nhà nước và kỷ luật Quân đội. Hơn 35 năm qua, lớp lớp cán bộ, công nhân viên, chiến sĩ của đơn vị đã xây đắp nên truyền thống *"Trung hiếu vẹn toàn, đoàn kết hiệp đồng, tự lực tự cường, chủ động sáng tạo"*. Với những thành tích đặc biệt xuất sắc, Bộ Tư lệnh Bảo vệ Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh đã vinh dự được Đảng, Nhà nước, Quân đội phong tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân trong thời kỳ đổi mới và nhiều phần thưởng cao quý khác.

Bước vào giai đoạn mới của cách mạng, nhiệm vụ chính trị của đơn vị có bước phát triển và có yêu cầu rất cao. Để hoàn thành được trọng trách nặng nề và vẻ vang mà Đảng, Nhà nước, nhân dân và Quân đội đã tin tưởng giao phó; mỗi cán bộ, công

nhân viên, chiến sĩ của Bộ Tư lệnh Bảo vệ Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh tiếp tục nêu cao ý chí tự lực tự cường, phát huy nội lực, chủ động sáng tạo trong quá trình thực hiện nhiệm vụ chính trị đặc biệt, tiếp tục nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác nghiên cứu khoa học, hoàn thiện những vấn đề lý luận cơ bản và thực tiễn về khoa học ướp, bảo quản thi thể trong điều kiện khí hậu nhiệt đới ở Việt Nam, vươn lên làm chủ vững chắc nhiệm vụ giữ gìn lâu dài, bảo vệ tuyệt đối an toàn thi hài Chủ tịch Hồ Chí Minh. Xây dựng Viện 69 trở thành Viện chuyên ngành chính quy, khoa học và từng bước hiện đại. Quản lý, vận hành an toàn các hệ thống thiết bị kỹ thuật công trình Lăng và các công trình có liên quan. Thực hiện tốt công tác nghi lễ, tập trung huấn luyện, rèn luyện nâng cao trình độ khả năng chiến đấu của bộ đội, tổ chức luyện tập thuần thục các phương án tác chiến. Nâng cao tinh thần cảnh giác cách mạng, sẵn sàng chiến đấu cao, chủ động phòng chống có hiệu quả mọi âm mưu thủ đoạn *"Diễn biến hòa bình"* của các thế lực thù địch. Thường xuyên phối hợp chặt chẽ với các lực lượng trong Ban Quản lý Lăng, Cụm Di tích Lịch sử, Văn hóa Ba Đình, bảo đảm an ninh, an toàn tuyệt đối cho công trình; thuận tiện, chu đáo cho đồng bào và khách quốc tế đến viếng Bác, tưởng niệm các Anh hùng liệt sĩ, các sinh hoạt chính trị, văn hóa tại Lăng và tham quan Khu Di tích K9.

Chăm lo xây dựng đơn vị vững mạnh toàn diện thực sự chính quy, mẫu mực, tinh nhuệ tương xứng yêu cầu của nhiệm vụ chính trị. Không ngừng nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của các tổ chức đảng; xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên, công nhân viên, chiến sĩ có bản lĩnh chính trị vững vàng; tuyệt đối trung thành với Đảng, với Tổ quốc, với nhân dân và nhiệm vụ giữ gìn lâu dài thi hài Bác. Tăng cường quản lý rèn luyện kỷ luật, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật Nhà nước và kỷ luật Quân đội. Tiếp tục đẩy mạnh phong trào thi đua Quyết thắng, giữ vững và phát huy truyền thống đơn vị Anh hùng Lực lượng vũ trang trong

thời kỳ đổi mới. Thực hiện tốt các phong trào thi đua, đẩy mạnh tăng gia sản xuất, bảo đảm tốt đời sống vật chất, tinh thần cho bộ đội và làm tốt chính sách hậu phương Quân đội. Tiếp tục thực hiện thắng lợi việc *"Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh"*, giữ gìn, bảo vệ Lăng Bác mãi mãi là nơi tôn nghiêm nhất, là không gian thiêng liêng của toàn dân tộc, nơi góp phần bồi đắp, hun đúc lòng yêu nước, chí anh hùng và phẩm chất tốt đẹp nhất của các thế hệ người Việt Nam.

CÂY VÀ HOA CỦA MỌI MIỀN TỔ QUỐC BÊN LĂNG BÁC HỒ

Đại tá ĐẶNG ĐÌNH BÌNH*

Quảng trường Ba Đình là mảnh đất mang khí thiêng của Thăng Long - Hà Nội, gần đây cùng với sự phát hiện ra Hoàng thành Thăng Long được UNESCO công nhận là Di sản văn hóa thế giới. Nơi đây, hơn 65 năm trước Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đọc bản Tuyên ngôn độc lập, khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Gần 10 năm sau, cũng tại Quảng trường Ba Đình lịch sử này, khi những tên thực dân Pháp cuối cùng rút khỏi thủ đô Hà Nội theo Hiệp định Genève được ký kết với Việt Nam, Bác Hồ trở lại Hà Nội và vẫy chào đồng bào thủ đô từ chính Quảng trường Ba Đình lịch sử, với những tầng sâu của văn hóa, lịch sử ấy, Quảng trường Ba Đình đã vinh dự được chọn làm nơi yên nghỉ đời đời của Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại sau khi Người qua đời. Toàn Đảng, toàn dân, toàn quân đã đồng lòng góp sức người, sức của để xây dựng ngôi nhà vĩnh cửu của Người giữa Ba Đình lịch sử. Sau hai năm xây dựng 1973 - 1975, Lăng Bác được khánh thành với kiến trúc độc đáo trên nền không gian và môi trường thoáng đãng. Mỗi viên gạch, phiến đá, hàng cây, khóm hoa,... là sự nâng niu của từng con người, vùng quê, để Bác Hồ yên nghỉ nơi đây giữa lòng dân tộc Việt Nam.

---

* Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy Đoàn 969.

Lăng Bác, Quảng trường Ba Đình trở thành điểm đến của đồng bào cả nước và khách quốc tế, là nơi nhân dân ta đến viếng Bác, tham quan Lăng, nơi đón tiếp các nguyên thủ quốc gia và bầu bạn trên thế giới. Trồng cây xanh quanh Lăng Bác chính là kế thừa truyền thống tốt đẹp của dân tộc ta, đồng thời cũng thể hiện tình cảm của nhân dân ta đối với Bác Hồ kính yêu. Cho đến nay đã có 72 tỉnh thành, đơn vị, cá nhân đã gửi tặng 3.490 cây cảnh, cây xanh, cây ăn quả quý trồng ở khu vực Lăng Bác.

Cây xanh quanh Lăng Bác là một bộ phận của Lăng hòa vào hình khối và không gian kiến trúc Lăng, làm cho khung cảnh thiên nhiên tươi đẹp, tô điểm cho công trình một cách hài hòa nhưng không lấn át. Toàn bộ cây bóng mát, cây trang trí, cây hoa, cây cảnh được trồng theo mảng lớn: hình khối rõ ràng, đối xứng, đường nét vuông vức, kích thước tỷ lệ phù hợp với kiến trúc công trình Lăng. Mọi công việc giữ gìn, tôn tạo, bố trí hàng ngàn cây cảnh, cây thế, cây hoa ở nơi Bác Hồ yên nghỉ phải đảm bảo tính khoa học với những yêu cầu nghiêm ngặt, công phu và tỉ mỉ nhằm làm nổi bật nội dung tư tưởng của kiến trúc Lăng Bác, thể hiện tính dân tộc, hiện đại, giản dị và trang nghiêm.

Mỗi loại cây, tượng trưng cho mỗi miền đất nước, được đưa về trồng quanh Lăng Bác có dáng thế đẹp, có hương sắc gần gũi thân quen với quê hương, đất nước, tiêu biểu cho mọi miền, mọi vùng để gợi lên hình ảnh của cả nước quây quần bên Bác, nhằm nâng niu dòng suy tưởng ở mỗi người về vị lãnh tụ vĩ đại đã cống hiến trọn đời mình vì dân, vì nước.

Đường Hùng Vương rộng lớn thẳng tắp chạy dài từ hai hướng, dẫn đến Quảng trường Ba Đình, nơi đây diễn ra các cuộc duyệt binh, diễu binh của chiến sĩ, đồng bào trong những ngày Lễ trọng đại; hai bên vỉa hè đường Hùng Vương trồng cây chò nâu, đây là loại cây được chọn từ đất Tổ Hùng Vương, trung du Bắc Bộ. Năm 1974, khi đường Hùng Vương bắt đầu thi công, thì trên rừng nhân dân tỉnh Vĩnh Phú chọn những cây cao 5 mét bứng thành gốc cây

to nặng hàng tấn dùng tre nứa bó chặt gốc đưa về trồng bên Lăng Bác. Đây là loại cây to, cao hai ba mươi mét tỏa bóng mát khu vực rộng lớn. Chò nâu tượng trưng cho khí phách kiên cường, lòng dũng cảm của nhân dân ta suốt bốn nghìn năm dựng nước và giữ nước.

Trên Quảng trường Ba Đình lịch sử, màu xanh lục của 240 ô cỏ gừng đưa từ miền Nam ra trồng, tạo nên màu sắc đẹp, chịu được nắng gắt, kết hợp với hệ thống tưới phun bán tự động, làm dịu mát không khí Quảng trường Ba Đình. Khu vực vườn hồng trên đường Bắc Sơn quanh năm rực rỡ và thơm ngát bởi các loại hoa hồng quý. Cuối vườn hồng đường Bắc Sơn được xây dựng Đài tưởng niệm các Anh hùng, Liệt sĩ - những người con đã hy sinh vì Tổ quốc. Những cây ban hoa trắng và ban hoa tím được đồng bào các dân tộc Điện Biên đưa từ rừng núi Tây Bắc về trồng hai bên đường Bắc Sơn, con đường lớn đối diện Quảng trường Ba Đình. Cây có hình dáng đẹp, nhiều cành nhánh tạo nên những đường nét phong phú sinh động. Cạnh hoa ban là hai hàng dầu nước Nam Bộ thân thẳng tròn đều vươn cao hơn hai ba mươi mét, biểu trưng cho khí phách hiên ngang bất khuất của người dân Thành đồng Tổ quốc. Giữa vườn hồng đường Bắc Sơn được trồng những cây đào Nhật Tân đặc trưng của Hà Nội, có dáng hình cầu trồng đối xứng, tạo nên cảm giác trang nghiêm, ấm cúng.

Mặt trước hai Lễ đài phù hợp với dáng vẻ uy nghi của bề mặt Lăng, 18 cây vạn tuế được trồng trông như hàng tiêu binh hùng dũng, chỉnh tề tạo cảm giác trang trọng và thiêng liêng. Vạn tuế là cây sống lâu năm, thân thẳng mập, tán lá mềm mại tỏa đều quanh thân như những chiếc nấm xanh quanh năm. Nhân dân tỉnh Phú Thọ đã gửi về những cây cọ để trồng thành hàng trên hai khán đài tạo nên cảnh quan xanh mát độc đáo, mang nét đẹp của miền trung du đang xòe ô che nắng. Tầm cao của cây không vượt quá hai mét nên không cản tầm nhìn của Lễ đài phụ. Trên thềm đá trước cửa Lăng nổi bật hai cây đại, là loại cây sống bền bỉ hàng thế kỷ, là

hình tượng của sự trường tồn vĩnh cửu. Cây có dáng đẹp cả lúc non và khi trở thành đại thụ, cao năm đến bảy mét. Mùa hè nắng chói gắt, cũng là thời điểm cây ra nhiều lá xanh, hoa trắng thơm ngát, nở từ trước ngày sinh của Bác Hồ đến sau ngày Bác đi xa.

Trước hai bên Lễ đài là 10 bồn hoa được trồng thay đổi theo từng mùa, với màu sắc đỏ, vàng, hoa nở quanh năm. Nối tiếp hai bên Lễ đài là vườn tre đằng ngà có sọc vàng óng ánh, ngọn uốn cong mềm mại tạo nên những nét thanh thoát, đơn sơ, xanh quanh năm. Một loài cây vừa biểu hiện cho tinh thần con người Việt Nam, vừa tạo vẻ đẹp cho Lăng. Cây tre ấy đã đi vào tâm hồn mỗi người dân Việt và là biểu tượng cho cốt cách con người Việt Nam từ ngàn đời nay. Đây là mảng cây chuyển tiếp giữa công trình kiến trúc Lăng với không gian thiên nhiên xung quanh, làm cho toàn bộ công trình thêm hài hòa và sinh động.

Trên thềm đá sau Lăng là những bồn hoa vuông vức, trồng những cây hoa thơm, được đồng bào các dân tộc mang về trồng, mang màu sắc tinh khiết, sâu lắng tâm hồn như: nhài, nguyệt quế, dạ hương,... Những bồn hoa thay nhau nở bốn mùa, ngày đêm dâng lên Bác hương thơm sắc đẹp, tượng trưng cho tấm lòng của toàn dân đối với Bác muôn vàn kính yêu. Mỗi người chúng ta, tưởng nhớ đến Bác Hồ, ai cũng ao ước không những được vào Lăng viếng Bác mà còn được vào thăm nhà, thăm vườn của Bác, tham quan khu vực Lăng Bác.

Phía sau Lăng là một vườn cảnh rộng, chạy theo chiều dài của công trình Lăng Bác để nhân dân và khách quốc tế đến viếng Bác, tham quan cảnh quan của khu vực Lăng. Những bông hoa của các miền đất nước đua nhau nở, những hàng cây đứng bên nhau nhắc chúng ta nhớ lời Bác dạy "Đoàn kết". Quanh vườn là những chậu cây cảnh, cây bóng mát của nhân dân cả nước dâng lên Bác, địa phương nào cũng mong muốn được cây của mình trồng bên Lăng Bác, trong đó có nhiều loại giống cây quý như: cây sứ đỏ, dầu nước của Thành phố Hồ Chí Minh; khế cảnh của Cần Thơ, me thế

của Đồng Nai, nhất chi mai của Tây Nguyên; cây hoa giấy thế của tỉnh Lâm Đồng; cây nguyệt quế của tỉnh Bến Tre; tường vi, hoa cúc, đào bích, cây sanh thế trên 100 tuổi của Hà Nội; ngọc bút, phượng vĩ của Hải Phòng; ngọc lan của Lạng Sơn; hoa huệ của Bắc Ninh; cây trúc của Sơn Tây; cây cọ của Phú Thọ, nhãn lồng phố Hiến Hưng Yên; hải đường, vạn tuế của Hà Nam Ninh, mai vàng của thành phố Huế; đại hồng môn, thông xanh của Đà Lạt; đặc biệt nhân dân Đồng Tháp đã gửi về trồng cây mai chiếu thủy hơn 100 năm tuổi có thế thăng long; nhân dân tỉnh Quảng Ninh dâng lên Lăng Bác cây sanh trên 100 tuổi; cây khế 135 tuổi của tỉnh Cần Thơ; cây me thế trên 100 tuổi của tỉnh Bình Định; cây cà phê 65 tuổi của tỉnh Đắc Lắc, trong vườn là những ô trồng hoa hồng bạch, hồng đỏ thắm. Các loại cây hoa, cây cảnh quý của các địa phương gửi tặng, xuất xứ từ nhiều vùng sinh thái, mang đậm bản sắc của các miền từ Nam ra Bắc được hội tụ bên Lăng Bác. Cho đến nay, trong kiến trúc cảnh quan Lăng Bác đã lên tới 280 loài thuộc 75 họ của 32 bộ, với số lượng hơn 1.650 cây bóng mát, 3.490 cây cảnh, cây ăn trái. Tô điểm cho bức tường lưu niệm là hàng dâm bụt hoa màu đỏ từ Nam Đàn, Nghệ An, quê hương của Bác Hồ và hàng ngọc lan thẳng tắp, cao vút nở hoa trắng ngà, như một bức tường thành đúc bằng hương thơm giữ gìn không gian Lăng Bác.

Phố Ông Ích Khiêm, con đường nối liền Lăng Bác với Khu Di tích Hồ Chí Minh tại Phủ Chủ tịch và Bảo tàng Hồ Chí Minh, được trồng những cây phượng vĩ của nhân dân Hải Phòng gửi tặng, cứ vào đầu mùa hè hoa nở đỏ rực cùng với màu cờ tháng năm mừng sinh nhật Bác. Gần đây, Ban quản lý Lăng trồng thêm đường xoài được lựa chọn những cây to, cao vút tán rộng để tỏa bóng mát cho nhân dân từ mọi miền Tổ quốc vào viếng thăm Bác. Cuối vườn sau Lăng được trồng hai cây đa được lấy giống từ cây đa Tân Trào lịch sử nay đã tỏa bóng mát. Đặc biệt tiếp giáp giữa Lăng Bác và Bảo tàng Hồ Chí Minh, trong khuôn viên Chùa Diên

Hựu - Chùa Một Cột còn có cây đa do bà Thủ tướng Inđira Găngđi trồng và cây bồ đề có nguồn gốc từ cây bồ đề Đức Phật Thích Ca tọa thiền và tu thành đạo, được Tổng thống Ấn Độ tặng Bác Hồ nhân dịp Bác sang thăm Ấn Độ năm 1958. Cây xanh quanh Lăng Bác đã làm vơi đi với cái nắng chói chang của mùa hè, với bao nỗi niềm của cuộc sống, cảm nhận môi trường trong lành, với bao suy tư được bừng sáng.

Cây và hoa bên Lăng Bác tạo một không gian cảnh quan rộng lớn, nối liền khu Lăng Bác, Quảng trường Ba Đình, Khu Di tích Hồ Chí Minh tại Phủ Chủ tịch, Bảo tàng Hồ Chí Minh và Đài tưởng niệm các Anh hùng, Liệt sỹ trong một chỉnh thể kiến trúc đặc sắc. Ban Quản lý Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nghiên cứu, đầu tư, tôn tạo, xây dựng khu vực Lăng Bác mang đậm dấu ấn lịch sử - văn hóa này xứng đáng là một khu vực xanh, sạch, đẹp của thủ đô và cả nước và là điểm đến hấp dẫn - một nơi vừa yên tĩnh, gần gũi vừa trang nghiêm, linh thiêng thể hiện tấm lòng đời đời biết ơn của nhân dân ta đối với Bác Hồ muôn vàn kính yêu.

CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH TRONG TÌNH CẢM CỦA BÈ BẠN QUỐC TẾ KHI ĐẾN VIẾNG NGƯỜI

NGUYỄN THỊ LAN HƯƠNG*

Tại diễn đàn Hội thảo quốc tế kỷ niệm 100 năm Ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh (Hà Nội - 1990), tiến sĩ A. Atmet, Giám đốc UNESCO khu vực châu Á - Thái Bình Dương - đại diện đặc biệt của Tổng giám đốc UNESCO đã khẳng định: "Chỉ có ít nhân vật trong lịch sử trở thành một bộ phận của huyền thoại ngay khi còn sống và rõ ràng Hồ Chí Minh là một trong số đó. Người sẽ được ghi nhớ không chỉ là người giải phóng cho Tổ quốc và nhân dân bị áp bức mà còn là một nhà hiền triết hiện đại đã mang lại một tương lai hy vọng mới cho những người đang đấu tranh không khoan nhượng để loại bỏ bất công, bất bình đẳng khỏi trái đất này".

Trọn cuộc đời, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã hy sinh cho hạnh phúc của cả dân tộc. Người quan tâm đến cuộc sống của mỗi con người, nhưng không đòi hỏi gì cho riêng mình, không muốn nói về mình, không muốn nghe mọi người ca ngợi mình. Tất cả những phẩm chất cao quý, những nét đặc sắc thanh cao ấy đã kết thành sự vĩ đại của Người - Anh hùng giải phóng dân tộc, nhà văn hóa lớn. Chính vì vậy, ngay cả khi Người còn sống và sau khi Người

* Văn phòng Ban Quản lý Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh.

qua đời đã có hàng ngàn, hàng vạn bài viết, những lời phát biểu đánh giá cao về sự nghiệp cách mạng, về tư tưởng và đạo đức của Người.

Quảng trường Ba Đình vẫn vẹn nguyên như khi Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc bản Tuyên ngôn độc lập của cả dân tộc trước sự chứng kiến của nửa triệu người Hà Nội ngày 2-9-1945, chỉ có một sự khác biệt là sự hiện diện của Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh trang nghiêm ở phía Tây của Quảng trường. Lòng tin và sự kính trọng đối với Chủ tịch Hồ Chí Minh có thể nhìn thấy trên gương mặt của từng người khách tham quan đến từ mọi miền đất nước Việt Nam và khắp nơi trên thế giới, những người đã xếp hàng dài vài trăm mét để chờ đợi đến lượt mình bày tỏ lòng kính trọng đối với Người. Những dòng người vào Lăng viếng Chủ tịch Hồ Chí Minh ngày một thêm dài bất tận. Theo số liệu thống kê của Ban Quản lý Lăng, từ ngày mở cửa Lăng 29-8-1975 đến nay đã có hơn 40 triệu lượt người vào Lăng viếng Bác, trong đó có hơn 7 triệu lượt người nước ngoài đến từ 160 quốc gia, vùng lãnh thổ và các tổ chức quốc tế. Không phân biệt quốc tịch, màu da, không phân biệt tôn giáo, đảng phái chính trị, mọi người đến viếng Chủ tịch Hồ Chí Minh đều với một tình cảm kính trọng và yêu mến. Hầu hết các đoàn nguyên thủ quốc gia, các đoàn đại biểu cấp cao các nước, khách du lịch khi đến thăm chính thức Việt Nam, đến làm việc hoặc tham quan Thủ đô Hà Nội, mọi người đều dành thời gian đến Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh để viếng Người.

Có nhiều cách bạn bè quốc tế thể hiện tình cảm đối với Người: có những dân tộc theo phong tục không được gặp mặt người đã mất, nhưng với lòng kính yêu Bác Hồ, họ vẫn đến trước Lăng để đặt vòng hoa tưởng niệm Người; có những đất nước như nước Cộng hòa Ukraina, với mỗi đoàn đến viếng Bác họ đều đặt vòng hoa viếng Chủ tịch Hồ Chí Minh theo đúng màu cờ của nước mình. Nhưng nhiều nhất vẫn là những dòng cảm tưởng khi đến viếng Chủ tịch Hồ Chí Minh của khách tham quan, của bè bạn

quốc tế ngày một thêm trang phần nào nói lên tình cảm của bè bạn quốc tế đối với Người.

Ngày 2-9-1969, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã vĩnh biệt chúng ta. Nhân dân Việt Nam và cả thế giới tiếc thương Người:

Ngài Huari Bumêđiêng - Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Cộng hòa Angiêri dân chủ, đã ghi vào trang đầu sổ tang ngày 4-9-1969: "Chủ tịch Hồ Chí Minh là một trong những nhà cách mạng đầu tiên đã chiến đấu chống những hình thức khác nhau của chủ nghĩa thực dân và chủ nghĩa đế quốc và là một trong những người mà bằng lời nói và hành động của mình, đã đập tan cơ cấu của sự tàn bạo và góp phần vào sự nghiệp chính nghĩa của các dân tộc bị áp bức trên toàn thế giới, đã giành lại nhân cách của mình trên lĩnh vực tinh thần, ngôn ngữ và kinh tế để làm cho các dân tộc đoàn kết lại với nhau, tiến tới một nền hòa bình mà đặc điểm của nó là tự do và đoàn kết, thống nhất.

Người mất đi là thế giới thứ ba mất một người dũng cảm vì cuộc chiến đấu của Người cũng là cuộc chiến đấu của tất cả các dân tộc bị áp bức của châu Phi, của Palextin, của Việt Nam, của châu Á và của thế giới thứ ba, để giành lại phẩm cách và danh dự cho mình. Cuộc đấu tranh đó sẽ còn tiếp tục cho đến thắng lợi hoàn toàn và Người sẽ vẫn là biểu tượng cao cả nhất cho cuộc đấu tranh này.

Mong rằng tấm gương của Người và cuộc chiến đấu của Người sẽ là kim chỉ nam hành động cho tất cả các dân tộc đang đấu tranh, cho thanh niên và cho các nhà lãnh đạo trên thế giới".

Ngài Apđen Rátman Êliriali - Chủ tịch nước Cộng hòa Yêmen đã gửi điện chia buồn ngày 5-9-1969: "Chủ tịch Chủ Hồ Chí Minh là vị lãnh tụ và người chiến sĩ vĩ đại đã dâng hiến cả cuộc đời cho tự do và công lý. Chúng tôi cảm thấy châu Á đã mất đi một vị tư lệnh kiên cường, nhưng chúng tôi tin tưởng rằng sự nghiệp vĩ đại của Người mà nhân dân Việt Nam anh hùng cùng nhân dân các

nước đang tiếp tục phấn đấu để thực hiện, nhất định sẽ giành được thắng lợi to lớn".

Thủ tướng Ấn Độ, P. J. Nêru đã viết trên báo *Người yêu nước* Ấn Độ, ngày 14-9-1969: "Người không chỉ là một con người yêu hòa bình mà còn là một nhân vật đặc biệt đáng yêu và hữu nghị, một con người không nghĩ gì đến mình, giản dị và khiêm tốn. Là Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Người không chỉ giam mình trong tháp ngà. Về cơ bản, Người là một con người quần chúng, một lãnh tụ có sự kết hợp hiếm có giữa lòng khoan dung tột độ và ý chí kiên quyết. Nhận xét theo bất cứ tiêu chuẩn nào Người cũng là một nhân vật nổi bật nhất trong thời đại chúng ta".

Chủ tịch Hội đồng hòa bình thế giới Rômet Chandra đã phát biểu nhân kỷ niệm 90 năm ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh:

"Bất cứ nơi nào chiến đấu cho độc lập tự do.
Ở đó có Hồ Chí Minh và ngọn cờ Hồ Chí Minh bay cao
Bất cứ nơi nào chiến đấu cho hòa bình và công lý,
Ở đó có Hồ Chí Minh và ngọn cờ Hồ Chí Minh bay cao
Ở bất cứ đâu, nhân dân chiến đấu cho một
Thế giới mới, chống đói nghèo, ở đó có
Hồ Chí Minh và ngọn cờ Hồ Chí Minh bay cao...".

Sau khi Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh được khánh thành, số lượng khách quốc tế đến viếng Chủ tịch Hồ Chí Minh năm sau luôn cao hơn năm trước. Dưới đây là những dòng cảm tưởng khi bè bạn quốc tế đến viếng Người:

Đoàn đại biểu Ủy ban văn hóa Đảng Cộng sản Mỹ, ngày 5-3-1983 đã ghi vào sổ cảm tưởng: "Chúng tôi có vinh dự lớn được thay mặt cho Ủy ban văn hóa Đảng Cộng sản Mỹ, cùng với nhân dân Việt Nam anh hùng đến viếng Chủ tịch Hồ Chí Minh bất tử. Người luôn là nguồn cổ vũ lớn đối với nhân dân yêu chuộng hòa

bình, với tất cả những người đấu tranh vì tự do và độc lập dân tộc và với tất cả nhân dân tiến bộ Mỹ. Hôm nay là một ngày xúc động nhất và tôi chia sẻ điều đó với Đảng và nhân dân nước tôi.

Tư tưởng Hồ Chí Minh vẫn sống mãi trong lòng nhân dân Việt Nam anh dũng và để tưởng nhớ Người, chúng tôi luôn mong muốn cho sự đoàn kết bền chặt giữa hai dân tộc Mỹ - Việt".

Đoàn đại biểu Đảng Cộng sản Ấn Độ, ngày 19-12-1989: "Được vào Lăng viếng Chủ tịch Hồ Chí Minh là một niềm vinh dự to lớn của chúng tôi. Xin được bày tỏ lòng kính trọng của mình tới một nhân cách vĩ đại - Người đã cổ vũ và lãnh đạo nhân dân đất nước mình giành độc lập tự do cho dân tộc. Người đã đóng góp công lớn cho hòa bình và đoàn kết giữa các nước trên thế giới".

Đại sứ Trung Quốc tại Việt Nam Trương Đức Duy, ngày 30-12-1990 đã viết: "Cuộc đời Chủ tịch Hồ Chí Minh là cuộc đời cách mạng, cuộc đời vĩ đại, cuộc đời vẻ vang. Thật đáng khâm phục và đáng kính trọng biết bao nhiêu! Sau khi viếng Chủ tịch Hồ Chí Minh, chúng tôi thật vô cùng xúc động. Xin viết mấy dòng tỏ lòng tưởng nhớ:

Lãnh tụ vĩ đại
Công bộc nhân dân
Anh hùng dân tộc
Chiến sĩ quốc tế
Cả đời cách mạng
Cống hiến hết mình
Đức cao vọng trọng
Sáng như nhật nguyệt
Quý tình trọng nghĩa
Hữu nghị Trung - Việt
Bạn thân Hoa Hạ
Muôn đời truyền mãi".

Đoàn đại biểu cơ quan giám sát hành chính Ai Cập, ngày 10-3-1998: "Thay mặt cho cơ quan giám sát hành chính Ai Cập, xin cảm ơn đất nước Việt Nam đã đón tiếp chúng tôi nồng nhiệt. Đây là nơi ghi lại cuộc đấu tranh chống đế quốc và đây là biểu tượng của các dân tộc thế giới thứ ba, biểu tượng đó chính là Hồ Chí Minh vĩ đại - là biểu tượng tình đoàn kết giữa hai nước để đạt được những tiến bộ không ngừng vì lợi ích của nhân dân hai dân tộc Ai Cập - Việt Nam".

Ngài Mohamad Ismail Mahshoor - Đại sứ đặc mệnh toàn quyền Apganixtan tại Việt Nam: "Ở nước tôi, nhân dân biết tới Bác Hồ như một người chiến sĩ đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân và sự tàn bạo. Bác Hồ là tấm gương sáng cho thanh niên Apganixtan vì lòng yêu nước và sự cống hiến vô hạn cho nhân dân. Trẻ em Apganixtan biết về Người như biểu tượng của lòng tốt, một người ông yêu trẻ. Trong sách báo chúng tôi có in rất nhiều hình ảnh Bác Hồ gặp thanh thiếu niên với tình cảm rất mực yêu thương. Sự nghiệp đấu tranh chống ngoại xâm, cứu nước của Bác Hồ là chủ đề nghiên cứu của những người yêu nước chúng tôi. Bác Hồ sẽ sống mãi trong trái tim của nhân loại".

Gặp gỡ những vị khách nước ngoài đến thăm Cụm Di tích Lịch sử, Văn hóa Ba Đình trong những ngày tháng Tư này, chúng tôi đều thấy sự ngưỡng mộ và lòng kính trọng sâu sắc đối với Chủ tịch Hồ Chí Minh, vị lãnh tụ vĩ đại của dân tộc Việt Nam.

Anh Giôn Hátđinh, người Ôxtrâylia, đang làm việc tại tờ *Thời báo kinh tế Việt Nam* nói: "Ông là một người có ảnh hưởng rất lớn không những đối với nhân dân Việt Nam mà còn đối với nhân dân của rất nhiều nước trên thế giới, không chỉ khi Ông còn sống mà ngày nay cũng vậy. Mặc dù mỗi nước có một ngôn ngữ riêng nhưng khi bạn hỏi người nước ngoài về Việt Nam thì chắc chắn rằng họ sẽ nhắc đến Hồ Chí Minh trong câu trả lời".

Anh Hátđinh đã gọi Chủ tịch Hồ Chí Minh là "Charisma", từ chỉ những vị lãnh tụ có uy tín, có sức hút đối với quần chúng nhân dân. Theo anh, nhiều dân tộc trên thế giới có các anh hùng dân tộc nhưng không phải nước nào cũng có "Charisma".

Anh Lơgêrốt, người Pháp, đang làm việc cho một dự án tại Hà Nội, khoe rằng anh rất ngưỡng mộ Chủ tịch Hồ Chí Minh nên mỗi lần đến Hà Nội anh đều dành thời gian đi thăm quần thể Lăng, Bảo tàng và Khu di tích của Người. Anh nói: "Hồ Chí Minh là biểu tượng cách mạng không chỉ của nhân dân Việt Nam mà còn của cả nhân loại. Vai trò của Ông đối với đất nước Việt Nam là hết sức to lớn. Thật ấn tượng khi Ông đã hiến dâng cả đời mình cho sự nghiệp giải phóng dân tộc, vì hòa bình, vì hạnh phúc cho người dân trong khi không mảy may nghĩ đến lợi ích riêng tư".

Một số trích dẫn trên đây chỉ chiếm một tỷ lệ rất nhỏ trong hàng ngàn dòng cảm tưởng của bạn bè thế giới, nhưng qua đây chúng ta thấy được phần nào về tình cảm và sự kính trọng của bè bạn thế giới đối với Bác kính yêu.

TÌNH CẢM CỦA ĐẢNG BỘ VÀ NHÂN DÂN THÀNH PHỐ MANG TÊN BÁC ĐỐI VỚI CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH

NGUYỄN HỒNG VÂN*

Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng nói: *"Một ngày Tổ quốc chưa thống nhất, miền Nam chưa được giải phóng, là một ngày tôi ăn không ngon, ngủ không yên"*. Người luôn dành tình cảm sâu đậm với miền Nam, quan tâm, theo dõi và cổ vũ từng bước tiến của cách mạng miền Nam. Tình cảm của Người luôn một lòng đau đáu hướng về miền Nam ruột thịt đã được nhà thơ Tố Hữu khắc họa trong hai câu thơ:

"Bác nhớ miền Nam nỗi nhớ nhà
Miền Nam mong Bác nỗi mong cha".

Mong ước ấy cũng là nguyện vọng thiết tha của dân tộc và trở thành sức mạnh thôi thúc toàn dân và toàn quân ta chiến đấu giành thắng lợi cuối cùng. Với người dân thành phố mang tên Bác nói riêng và đồng bào miền Nam nói chung, đã từ lâu, hình ảnh vị lãnh tụ của đất nước luôn soi sáng trên từng bước đường đi tới và là niềm tin lớn lao trong lòng mọi thế hệ người dân.

Bác Hồ - Người đã dành trọn cuộc đời, tâm huyết của mình cho sự nghiệp giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước. Cả cuộc

* Trưởng phòng Pháp chế, Văn phòng Ban Quản lý Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh.

đời Bác chỉ có một niềm mong ước là *"làm sao cho nước nhà được độc lập, dân ta được tự do"* và vì lẽ đó con người ấy luôn sống trọn đời vì dân vì nước. Chủ tịch Hồ Chí Minh sinh ra trong một gia đình nhà Nho yêu nước, quê hương giàu truyền thống cách mạng. Cha của Bác, cụ Nguyễn Sinh Sắc, muốn con mình theo tấm gương của những bậc hiền nhân, cống hiến cuộc đời cho lý tưởng vì dân. Mẹ của Bác, bà Hoàng Thị Loan, tần tảo nuôi dưỡng những người con khôn lớn, trưởng thành. Thời thơ bé, cuộc sống của Bác trôi qua với lời ru đau đáu về thân phận người dân mất nước. Làng Dương Nỗ, nơi cậu bé Nguyễn Sinh Cung được học chữ trong lớp học do chính cha mình giảng dạy, là bạn học với những người mà khi đến tuổi trưởng thành đều là những nhà yêu nước. Bởi vậy, ngay từ nhỏ, Người đã được hấp thụ tinh thần yêu nước bất khuất của phong trào đấu tranh chống Pháp, Người thấu hiểu được nỗi thống khổ của người dân, không cam chịu để dân tộc mình sống cuộc đời nô lệ, lầm than dưới ách đô hộ của chế độ thực dân phong kiến. Tình cảm yêu quê hương đất nước, căm thù giặc sâu sắc đã hun đúc lên hoài bão lớn lao của Người.

Sau khi tham gia phong trào chống thuế ở Trung Kỳ và bị đuổi học, Người lên đường vào Nam, dừng lại ở Phan Thiết làm nghề dạy học ở trường Dục Thanh. Theo như kể lại, thầy giáo Nguyễn Tất Thành đã dạy dỗ học trò bằng tất cả trái tim và nhiệt huyết, hướng học trò của mình suy ngẫm về thân phận của người dân trong cảnh nước mất nhà tan. Năm 1910, tạm biệt trường Dục Thanh, Người tiếp tục con đường của mình, dừng chân ở Sài Gòn. Thành phố Sài Gòn hồi đầu thế kỷ XX là một cảng thị sầm uất - nơi những con tàu tấp nập từ muôn phương đến và đi. Có lẽ không biết bao nhiêu lần, Người đứng nơi bến cảng, ngắm những con tàu và tự hỏi: *"Không biết ở phía bên kia đường chân trời, những điều gì đang xảy ra?"*. Vượt khỏi tầm nhìn của những nhà yêu nước đương thời, năm 1911, người thanh niên Nguyễn Tất Thành quyết chí ra đi tìm đường cứu nước. Hình ảnh ấy đã được

Chế Lan Viên khắc họa vô cùng xúc động trong bài thơ *Người đi tìm hình của nước*:

"Đất nước đẹp vô cùng. Nhưng Bác phải ra đi
Cho tôi làm sóng dưới con tàu đưa tiễn Bác".

Ngày Bác ra đi, cả đất nước vẫn chìm trong đêm đen nô lệ. Chế độ thực dân tạo dựng nên quyền uy trên mồ hôi và xương máu của nhân dân Việt Nam. Sau bao nhiêu năm bôn ba nơi đất khách quê người, chứng kiến bao nhiêu cảnh lầm than của các dân tộc bị áp bức trên thế giới, Người nhận ra rằng chỉ có con đường cách mạng vô sản theo ánh sáng của Chủ nghĩa Mác - Lênin mới đem lại no ấm hạnh phúc cho dân tộc. Ngày trở về, người thanh niên Nguyễn Tất Thành trở thành người cộng sản yêu nước Nguyễn Ái Quốc, cùng với cả dân tộc làm nên cuộc Cách mạng tháng Tám lịch sử, mở ra một kỷ nguyên mới cho dân tộc.

Sau ngày tuyên bố độc lập (2-9-1945) chưa đầy một tháng, đồng bào miền Nam đã phải cầm vũ khí để bảo vệ nền độc lập của nước nhà khi thực dân Pháp lén lút đánh úp, chiếm trụ sở Ủy ban nhân dân Nam bộ tại Sài Gòn. Ngày 30-10-1945, Hồ Chủ tịch đã ra *"Lời kêu gọi đồng bào Nam Bộ"* với những tình cảm thân thiết và một ý chí sắt đá quyết đồng tâm, hiệp lực vì sự sống còn của dân tộc. Người viết: *"Tâm trí tôi luôn luôn bên cạnh mấy triệu đồng bào quyết chiến đến giọt máu cuối cùng để bảo vệ cho nền độc lập Việt Nam, để tỏ rõ cho hoàn cầu biết rằng dân tộc Việt Nam đầy đủ tinh thần hy sinh chiến đấu...".*

Miền Nam là máu của máu Việt Nam, là thịt của thịt Việt Nam! Nghe theo tiếng gọi của Bác Hồ, hàng nghìn, hàng vạn chiến sĩ giải phóng quân miền Bắc đã xung phong Nam tiến, sát cánh cùng đồng bào Nam bộ anh dũng chiến đấu. Biết bao người đã ra đi không hẹn ngày về. Không ít người còn sống, ở lại trong đó suốt đời, trở thành những đứa con của các ba, các má nơi Thành đồng Tổ quốc. Kháng chiến chống Pháp thắng lợi, miền Bắc được giải

phóng nhưng miền Nam còn phải tiếp tục đấu tranh. Năm 1954, sông Bến Hải trở thành dòng sông chia cắt đất nước. Những người cùng chung một Tổ quốc, một lịch sử, cùng nhau đứng lên chiến đấu vì lợi ích chung của dân tộc, vì một đất nước giải phóng, tự do. Đồng bào miền Bắc hướng vào miền Nam, đồng bào miền Nam hướng ra đất Bắc. Tuân theo những điều khoản của Hiệp định Genève, cán bộ miền Nam tập kết ra Bắc. Cuộc hẹn gặp sau 2 năm, phải mất 30 năm mới trở thành hiện thực. 30 năm - 10 ngàn ngày, miền Nam luôn sống trong trái tim dân tộc, luôn sống trong trái tim của Bác.

Tết Ất Mùi năm 1955, Chủ tịch Hồ Chí Minh xúc động nhận được cây vú sữa, là món quà của đồng bào vùng tận cùng của Tổ quốc gửi tặng. Cây vú sữa trở thành biểu tượng của tấm lòng Bác Hồ đối với miền Nam, và của miền Nam đối với Bác. Bao nhiêu năm vẫn thế, miền Nam luôn hướng về Người, sâu nặng và nghĩa tình. Mong ước cho nước nhà thống nhất, Bắc Nam sum họp, được vào thăm miền Nam ruột thịt cũng luôn là mối trăn trở của Người. Hình ảnh Người vui mừng khi nghe tin miền Nam lại *"thắng to"* cho thấy tấm lòng thiết tha của Người đối với đồng bào miền Nam. Mỗi khi nghe tin có đoàn cán bộ ở miền Nam ra, Bác đến thăm ngay và hỏi han tình hình rất kỹ. Những chiến thắng của đồng bào miền Nam đã tiếp thêm sức mạnh cho Bác. Có một câu chuyện cảm động thế này:

Ngày 10-5-1969, đồng chí Vũ Kỳ báo cáo với Bác việc anh Văn (Đại tướng Võ Nguyên Giáp) đề nghị mời Bác chiều mai tiếp số cán bộ quân sự cao cấp sắp vào chiến trường miền Nam. Nghe nói được gặp gỡ cán bộ Quân đội, Bác đồng ý ngay. Bác dặn đồng chí Vũ Kỳ cố làm sao để các đồng chí Quân đội không biết là Bác đã yếu. Bác lo điều đó sẽ ảnh hưởng đến tư tưởng toàn quân. Đây là một việc không dễ gì, vì đến lúc này, Bác đi lại đã rất khó khăn. Lại còn giọng nói của Bác nữa. Từ năm ngoái, đã có hiện tượng bị lạc tiếng. Bác sĩ Trần Hữu Tước đã được gọi vào để chữa cho Bác,

nhưng cũng chỉ đỡ được phần nào. Sau đó Bác phải luyện tiếng cả một tuần liền để thu thanh lời chúc mừng năm mới. Đồng bào và chiến sĩ cả nước nghe lời chúc mừng năm mới của Bác *"Đánh cho Mỹ cút, đánh cho ngụy nhào"* không thể biết được rằng Bác đã phải kiên trì tập luyện như thế nào mới giữ được giọng nói tỏ ra vẫn khỏe như thế. Thực ra Bác đã cố gắng rất nhiều, vì niềm vui của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân, Bác không nề hà một việc gì. Nhớ hôm đồng chí Nguyễn Văn Linh vừa ở miền Nam ra, vào thăm Bác, được Bác mời ở lại cùng ăn cơm. Hôm đó đồng chí Phó Bí thư Trung ương Cục thấy Bác ăn ngon cả bát cơm đầy nên rất yên tâm. Sau này, đồng chí Nguyễn Văn Linh có tâm sự, khi biết chuyện Bác Hồ cố gắng ăn cho đồng bào miền Nam yên tâm, đồng chí Linh đã không ngăn được nước mắt. Đồng chí đã kể cho nhiều người khác nghe và ai cũng xúc động bởi tấm lòng của Bác với miền Nam. Cho đến những ngày cuối đời, Bác Hồ cầm bát cơm ăn cũng là vì miền Nam.

Năm 1966, khi tiếp một nhà báo Cuba, Bác đã đặt một bàn tay lên ngực mình và nói: "*Nhân dân miền Nam, mỗi người, mỗi nhà đều có một nỗi đau. Đem cộng tất cả những nỗi đau đó lại, thì đấy là nỗi đau của tôi*". Kể từ lúc rời cảng Sài Gòn ra đi tìm đường cứu nước đến ngày giành được độc lập, chưa một lần Bác trở lại miền Nam, để nỗi niềm thương nhớ ngày đêm canh cánh bên lòng không một phút giây nào nguôi. Từ ngọn núi, dòng sông, đến con người miền Nam anh dũng tất cả hòa trong tim Bác, đồng nghĩa với hòa bình, độc lập, thống nhất và phát triển. Đồng bào miền Nam luôn khắc sâu chân lý: "*Đồng bào Nam bộ là dân nước Việt Nam. Sông có thể cạn, núi có thể mòn, song chân lý đó không bao giờ thay đổi*", thực hiện được lời dạy thiêng liêng của Người "*Đánh cho Mỹ cút, đánh cho ngụy nhào*".

Nhưng niềm vui chưa được trọn vẹn, Người ra đi khi nước nhà còn chưa thống nhất, ước nguyện một lần vào miền Nam thăm các chiến sĩ, đồng bào đã không thực hiện được. Nỗi niềm ấy gửi trọn

vào *Di chúc* thiêng liêng: *"Dù khó khăn gian khổ đến mấy, nhân dân ta nhất định sẽ hoàn toàn thắng lợi. Đế quốc Mỹ nhất định phải cút khỏi nước ta. Tổ quốc ta nhất định sẽ thống nhất. Đồng bào Nam - Bắc nhất định sẽ sum họp một nhà".*

Nhập tâm sâu sắc *Di chúc* Bác Hồ, cán bộ, đảng viên, chiến sĩ và đồng bào Sài Gòn - Gia Định nêu cao khí phách của chủ nghĩa anh hùng cách mạng, đạp bằng muôn trùng gian nguy, chiến đấu ngoan cường, vượt qua giai đoạn ác liệt nhất từ giữa năm 1968 đến đầu năm 1970, củng cố thế và lực cách mạng, đập tan chiến lược *"Việt Nam hóa chiến tranh"* của địch, chủ động và tích cực tham gia vào cuộc Tổng tiến công và nổi dậy làm nên Đại thắng mùa Xuân 1975, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước, làm rạng rỡ truyền thống vẻ vang của Thành đồng Tổ quốc, góp phần viết nên những trang huy hoàng nhất trong lịch sử chống ngoại xâm của dân tộc. Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử đã kết thúc vẻ vang cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân của Đảng và nhân dân ta; thành phố Sài Gòn - Gia Định được vinh dự mang tên Chủ tịch Hồ Chí Minh và bước vào kỷ nguyên mới, cùng cả nước thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược: xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; nhằm thực hiện *Di chúc* thiêng liêng của Bác: *"Toàn Đảng, toàn dân ta đoàn kết phấn đấu xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh, góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng thế giới".*

Thực hiện lời dạy của Bác, sau khi đất nước thống nhất, Đảng bộ và nhân dân thành phố đã nỗ lực phấn đấu, ra sức hàn gắn vết thương chiến tranh, khắc phục những hậu quả nặng nề do tàn dư của chủ nghĩa thực dân để lại. Đồng thời, dốc toàn lực để vượt qua những khó khăn, thử thách khắc nghiệt: chính sách cấm vận, bao vây kinh tế của các thế lực thù địch, thiên tai xảy ra dồn dập, chiến tranh trên biên giới Tây Nam, an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội diễn biến phức tạp...

Trong bối cảnh đó, Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh đã kiên trì tìm tòi, thử nghiệm, phát kiến ra những mô hình mới, biện pháp mới, cách làm mới, nhằm "tháo gỡ" khó khăn, vướng mắc, mở đường cho lực lượng sản xuất phát triển, xóa dần cơ chế quản lý tập trung quan liêu bao cấp; tiến hành cải cách mạnh mẽ về kinh tế trong quá trình thực hiện công cuộc đổi mới của Đảng; từ đó, đã dần dần thực hiện được mục tiêu ổn định đời sống, ổn định kinh tế - xã hội. Chính trong thời điểm này, đã xuất hiện hàng loạt mô hình mới về sản xuất - kinh doanh, hàng vạn lao động tiên tiến, chiến sĩ thi đua, tổ đội lao động xã hội chủ nghĩa; hàng ngàn tổ dân phố, tổ nhân dân tiên tiến cấp thành phố với hàng ngàn sáng kiến có giá trị đã được phát hiện để nhân rộng điển hình.

Thành phố đã nỗ lực từng bước kiến tạo được nền tảng cơ sở vật chất - kỹ thuật của một đô thị theo hướng văn minh, hiện đại, làm cho diện mạo thành phố mang tên Bác ngày càng *"đàng hoàng hơn, to đẹp hơn"*, xứng đáng là trung tâm kinh tế hàng đầu của cả nước. Một hệ thống liên hoàn các dự án lớn về những công trình trọng điểm đã và đang được xây dựng nhằm phục vụ cho hoạt động kinh tế và dân sinh, đóng vai trò trọng yếu trong việc nâng cao sức cạnh tranh và hiệu quả sản xuất xã hội, đã biến thành động lực cho sự phát triển của nền kinh tế như: mạng lưới cầu đường, hệ thống bến cảng và kho bãi, mạng bưu chính viễn thông; nguồn điện cung ứng cho thành phố và khu vực phía Nam; sự xuất hiện các trung tâm thương mại - dịch vụ lớn; các khu đô thị mới, các khu chế xuất - khu công nghiệp tập trung,...

Nhờ kinh tế tăng trưởng khá nhanh cùng với sự phát triển của kết cấu hạ tầng đô thị, các chương trình an sinh xã hội đã đạt được nhiều tiến bộ và kết quả thiết thực. Hoạt động văn hóa - xã hội có điều kiện để phát triển ngày càng phong phú, đa dạng, từng bước đáp ứng yêu cầu cải thiện đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân, góp phần nâng cao hiệu quả của công tác giáo dục chính trị, tư tưởng và phổ biến pháp luật. Hệ thống trường, lớp được phát

triển không ngừng, số lượng học sinh các cấp đã tăng lên đều đặn, từ xóa xong nạn mù chữ đến phổ cập tiểu học và trung học cơ sở, rồi phổ cập bậc trung học phổ thông, không ngừng nâng cao trình độ dân trí.

Hệ thống cơ sở khám chữa bệnh được đầu tư mở rộng và nâng cao năng lực điều trị, cùng với việc thực hiện bảo hiểm y tế cho người nghèo, cho trẻ em dưới 6 tuổi đã góp phần đáp ứng yêu cầu bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cho nhân dân. Hệ thống các nhà văn hóa, câu lạc bộ, rạp hát được củng cố; việc xã hội hóa và đa dạng hóa các loại hình hoạt động văn hóa - nghệ thuật được đẩy mạnh, đáp ứng nhu cầu hưởng thụ văn hóa ngày càng tăng của nhân dân. Nhiều phong trào, nhiều cuộc vận động ở thành phố có sức lan tỏa rộng như: phong trào *"Đền ơn đáp nghĩa"*, *"Xây dựng nhà tình nghĩa"*, *"Xây dựng nhà tình thương"*, *"Phụng dưỡng các mẹ Việt Nam anh hùng"*, chăm lo các gia đình chính sách, người khuyết tật,... Đặc biệt, theo số liệu thống kê, năm 2010, thu nhập bình quân đầu người của thành phố đạt 2.800 USD/người/năm; chương trình xóa đói, giảm nghèo đã đạt được những kết quả rất đáng khích lệ. Từ gần 122.000 hộ nghèo, chiếm tỷ lệ 17% tổng số hộ dân thành phố vào năm 1992, đến cuối năm 2010, cơ bản không còn hộ nghèo có mức thu nhập gấp đôi tiêu chí cũ và phấn đấu đến năm 2015 thành phố cơ bản không còn số hộ nghèo theo tiêu chí mới là dưới 12 triệu đồng/người/năm.

Đảng bộ thành phố luôn quan tâm lãnh đạo gắn nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội với an ninh, quốc phòng và đối ngoại trong quy hoạch và các kế hoạch phát triển thành phố, xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận an ninh nhân dân, xây dựng khu vực phòng thủ và lực lượng võ trang vững mạnh, góp phần giữ vững ổn định chính trị và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn, đáp ứng yêu cầu xây dựng, bảo vệ thành phố và đất nước.

Thấm nhuần lời dạy của Bác *"Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng"*, *"Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết. Thành công,*

thành công, đại thành công", Đảng bộ thành phố luôn tăng cường lãnh đạo củng cố, kiện toàn tổ chức, phát huy vai trò của Mặt trận và các đoàn thể trong việc tuyên truyền, giáo dục, vận động giai cấp công nhân, nông dân, đội ngũ trí thức, các tầng lớp nhân dân, đồng bào các dân tộc, các tôn giáo tham gia các phong trào hành động cách mạng, gắn với phong trào thi đua yêu nước. Cuộc vận động *"Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư"*; giải quyết kịp thời các vấn đề bức xúc về dân sinh, thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở, không ngừng củng cố, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc ngày càng vững mạnh.

Như vậy, sau 36 năm kể từ ngày giải phóng, thực hiện *Di chúc* Bác Hồ, Thành phố Hồ Chí Minh đã *"cùng cả nước"* không ngừng nỗ lực phấn đấu khắc phục khó khăn để ổn định và phát triển đi lên. Và *"vì cả nước"*, Thành phố Hồ Chí Minh đã tích cực đóng góp vào quá trình tìm tòi sáng tạo và thử nghiệm, vận dụng nhiều mô hình, cơ chế quản lý mới, nhằm góp phần có ý nghĩa vào việc hình thành, phát triển và thực hiện thắng lợi đường lối đổi mới của Đảng ta.

Có thể khẳng định, một trong những nguyên nhân hàng đầu giúp cho Đảng bộ và nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phấn đấu giành được những thành tựu có ý nghĩa lịch sử trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, thực hiện công cuộc đổi mới, xây dựng chủ nghĩa xã hội, là do Đảng bộ và nhân dân đã ra sức thực hiện những lời di huấn quý báu trong *Di chúc* của Bác Hồ về công tác xây dựng Đảng, nỗ lực phấn đấu thực hiện lời thề thiêng liêng của toàn Đảng, toàn dân khi vĩnh biệt Người: Hết lòng, hết sức giữ gìn sự đoàn kết trong Đảng như giữ gìn con ngươi của mắt mình, tăng cường sức chiến đấu của Đảng, làm hạt nhân cho khối đại đoàn kết toàn dân tộc và nguyện *"suốt đời học tập đạo đức tác phong của Người, bồi dưỡng phẩm chất cách mạng, không sợ gian khổ, không sợ hy sinh, rèn luyện mình thành những chiến sĩ*

trung thành với Đảng, với dân, xứng đáng là đồng chí, là học trò của Hồ Chủ tịch".

Đặc biệt, từ năm 2007 đến nay, cùng với toàn Đảng, toàn quân và toàn dân, Đảng bộ thành phố đã tự giác và có nhiều nỗ lực thực hiện Cuộc vận động *"Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh"* trong toàn Đảng bộ, trong hệ thống chính trị và toàn xã hội. Việc triển khai thực hiện Cuộc vận động đã mang lại kết quả bước đầu với những chuyển biến quan trọng về nhận thức và hành động của đảng viên, cán bộ công chức và các tầng lớp nhân dân thành phố.

Chuyển biến lớn nhất qua các đợt học tập, là "nỗ lực làm theo" tấm gương đạo đức của Bác Hồ, tinh thần trách nhiệm, tính tiên phong gương mẫu của người đảng viên, chất lượng sinh hoạt của chi bộ, năng lực lãnh đạo của các cấp ủy cũng như thực hiện tự phê bình, phê bình, thực hành dân chủ, đoàn kết trong nội bộ được nâng cao. Đã xuất hiện nhiều tập thể và cá nhân thực hiện tốt, nhất là trong việc thực hành tiết kiệm, chống tham ô, lãng phí; trong công tác phòng, chống tham nhũng; trong cải cách hành chính, sửa đổi lối làm việc ở các cấp, trong việc giải quyết các vấn đề bức xúc của dân, chăm lo cải thiện và nâng cao chất lượng cuộc sống cho dân và qua việc thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở. Hàng trăm cán bộ, đảng viên, công chức ở các cấp được biểu dương khen thưởng vì đã *"trọng dân, gần dân, hiểu dân, học dân"*, góp phần củng cố, tạo thêm lòng tin của người dân đối với cơ quan chính quyền các cấp.

Thực hiện lời dặn dò có tính chiến lược cách mạng và tư tưởng nhân văn sâu sắc trong *Di chúc* của Bác đối với đoàn viên, thanh niên, trong nhiều năm qua, Đảng bộ thành phố đặc biệt quan tâm đến việc *"Bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau"*, thường xuyên giáo dục, xây dựng và phát huy thế hệ trẻ giàu lòng yêu nước, kiên định lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, có đạo đức cách mạng, ý thức chấp hành pháp luật; có năng lực, bản lĩnh trong hội

nhập quốc tế, có sức khỏe, tri thức và tác phong công nghiệp trong lao động để trở thành những công dân tốt, những người chủ hiện tại và tương lai của thành phố và đất nước, kế thừa trung thành và xuất sắc sự nghiệp cách mạng vẻ vang của Đảng, của dân tộc.

Lòng tôn kính Bác Hồ của người dân còn thể hiện trong từng nếp sống văn hóa truyền thống của mỗi gia đình người dân. Trên bàn thờ tổ tiên của một số gia đình, bức chân dung Bác Hồ luôn đặt ở vị trí trang trọng nhất, nhân dân thờ Người bằng tất cả tấm lòng kính yêu vị lãnh tụ của đất nước.

Từ sau khi nước nhà độc lập, dù nắng hay mưa, ngày ngày từng dòng người tấp nập vẫn xếp hàng để được vào Lăng viếng Bác, trong đó có biết bao đồng bào, chiến sĩ, nhân dân miền Nam lần đầu tiên mới được thỏa lòng ước nguyện nhìn thấy Bác kính yêu. Chúng ta không thể quên hình ảnh Đoàn Mẹ Việt Nam Anh hùng từ miền Nam ra Lăng viếng Bác. Nhiều Mẹ đã ở vào tuổi *"xưa nay hiếm"*, bước đi chậm chạp, khó khăn, sự chịu đựng hy sinh, mất mát đã in hằn trên khuôn mặt khắc khổ của các Mẹ, đôi mắt giờ đã không còn tinh tường nhưng khi được nhìn thấy Bác, xem những thước phim tư liệu về giờ phút cuối đời của Bác, Mẹ nào cũng nước mắt rưng rưng.

Để tỏ lòng thành kính với Người, cứ mỗi độ Tết đến xuân về, như đã thành thông lệ, nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh nói riêng và nhân dân Nam bộ nói chung lại về Lăng báo công với Bác những thành tích đã đạt được trong một năm qua và gửi tình Nam ra Bắc qua những đóa hoa mai vàng rực rỡ thay lời chúc mừng năm mới đến tập thể cán bộ, công nhân viên, chiến sĩ làm việc tại Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh, nhân dân Thủ đô Hà Nội và nhân dân cả nước. Miền Nam của Người, niềm mong mỏi cháy lòng của Người lại về bên Người, chào đất nước thêm một mùa xuân mới. Đó là những cây mai vàng tượng trưng cho tấm lòng người con miền Nam trở về bên Người như về với chính cội nguồn bằng tình cảm thân thương, kính trọng nhất đối với Chủ tịch Hồ Chí Minh

và tri ân các Anh hùng Liệt sĩ đã hy sinh vì độc lập của dân tộc, hạnh phúc của nhân dân.

Với công lao to lớn của Người, với tư tưởng đạo đức cách mạng và nhân cách trong sáng của Người, Chủ tịch Hồ Chí Minh mãi mãi xứng đáng là một con người vĩ đại nhất của dân tộc Việt Nam anh hùng. Tấm gương hy sinh cả cuộc đời vì dân, vì nước; tư tưởng, đạo đức, tác phong của Người luôn cổ vũ, động viên các thế hệ người Việt Nam vững bước đi theo con đường mà Người và dân tộc đã lựa chọn. Giữ gìn lâu dài thi hài và xây dựng Lăng của Người là góp phần giữ gìn tư tưởng, đạo đức, sự nghiệp cách mạng của Chủ tịch Hồ Chí Minh, đồng thời là giữ gìn một di sản vô giá của dân tộc và toàn nhân loại. Ngày nối ngày, trên Quảng trường Ba Đình, nhân dân trong nước và khách quốc tế lại về bên Người. Chủ tịch Hồ Chí Minh vẫn ung dung, giản dị như vừa chợp mắt sau một ngày làm việc...

Trong dòng mạch văn hóa đời sống của người dân miền Nam nói chung và Thành phố Hồ Chí Minh nói riêng, hình ảnh Bác luôn được đặt ở nơi trang trọng nhất và luôn ở trong tim mỗi người. Đảng bộ và nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh hôm nay nguyện phấn đấu làm theo Lời Bác dạy để rèn luyện, học tập tư tưởng, đạo đức của Người nhằm góp phần cùng cả nước xây dựng *"Đất nước ta đàng hoàng hơn, to đẹp hơn"* như sinh thời Bác đã mong ước và căn dặn, mãi xứng đáng là thành phố được mang tên Người.

CUỘC VẬN ĐỘNG "HỌC TẬP VÀ LÀM THEO TẤM GƯƠNG ĐẠO ĐỨC HỒ CHÍ MINH" THÔNG QUA CÁC HÌNH THỨC SINH HOẠT CHÍNH TRỊ VÀ VĂN HÓA TẠI LĂNG CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH

Đại tá DƯƠNG HOÀNG TOÁN*

Chủ tịch Hồ Chí Minh, người con vĩ đại của dân tộc Việt Nam, cả cuộc đời Người đã sống và đấu tranh cho độc lập tự do của đất nước, cho no ấm hạnh phúc của nhân dân; tên tuổi của Người, sự nghiệp của Người đã luôn gắn bó chặt chẽ với vận mệnh của cả dân tộc, cả đất nước. Từ lâu Bác đã trở thành lẽ sống không thể thiếu được trong đời sống chính trị tinh thần của đất nước. Cùng với dân tộc Việt Nam, Bác Hồ đã trở thành lẽ sống, thành lương tâm của thời đại. Sự ra đi của Người vào cõi vĩnh hằng đã để lại trong lòng người dân Việt Nam và bầu bạn khắp năm châu muôn vàn niềm thương tiếc. Bác đã đi xa nhưng cuộc đời sự nghiệp, tư tưởng đạo đức của Người sống mãi với thế hệ hôm nay và muôn đời con cháu mai sau. Với truyền thống đạo lý "*Uống nước nhớ nguồn*" của dân tộc, với tấm lòng kính yêu vô hạn và đời đời nhớ ơn Hồ Chủ tịch, thể theo ý nguyện rất thiết tha của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta, Đảng, Nhà nước đã quyết định giữ gìn

* Chính ủy Đoàn 195, Bộ Tư lệnh Bảo vệ Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh.

lâu dài thi hài Bác và xây dựng Lăng của Người giữa Ba Đình lịch sử để các thế hệ người Việt Nam hôm nay và mai sau được chiêm ngưỡng, tỏ lòng tôn kính, biết ơn, nguyện mãi mãi đi theo con đường mà Đảng và Bác Hồ đã lựa chọn.

Bộ Tư lệnh Bảo vệ Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh được Đảng, Nhà nước, Quân đội và nhân dân giao nhiệm vụ giữ gìn lâu dài, bảo vệ tuyệt đối an toàn thi hài Chủ tịch Hồ Chí Minh. Hơn 40 năm làm nhiệm vụ chính trị đặc biệt, trung hiếu bên Người, các thế hệ cán bộ, công nhân viên, chiến sĩ với lòng thành kính biết ơn, luôn khắc sâu lời thề trước anh linh của Bác, nguyện mãi mãi học tập và làm theo tấm gương của Người, với tinh thần độc lập, tự chủ, sáng tạo, dù cho bất kỳ điều kiện hoàn cảnh nào đơn vị cũng giữ gìn, bảo vệ tuyệt đối an toàn thi hài Bác. Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh được duy tu, tôn tạo ngày càng khang trang, bền đẹp, đón tiếp tận tình chu đáo đồng bào và khách quốc tế đến viếng Bác thể hiện tình cảm sâu nặng đối với Người. 36 năm qua kể từ ngày khánh thành Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đón tiếp hơn 40 triệu lượt người về Lăng viếng Bác; trong đó có gần 7 triệu lượt khách nước ngoài, phục vụ hơn 1.500 buổi sinh hoạt chính trị văn hóa, góp phần giáo dục truyền thống cách mạng, tư tưởng tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh trong các tầng lớp nhân dân về Lăng viếng Bác.

Ngày 7-11-2006 Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X đã ban hành Chỉ thị 06-CT/TW về tổ chức Cuộc vận động *"Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh"* trong toàn Đảng, toàn dân. Đây là Cuộc vận động lớn có ý nghĩa chính trị, tư tưởng sâu sắc trong sự nghiệp đổi mới xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa hôm nay. Kết quả Cuộc vận động sẽ góp phần củng cố, xây dựng nền tảng đạo đức tinh thần của xã hội, là động lực, nguồn sức mạnh to lớn để nhân dân ta phát huy nội lực, vượt qua thách thức, khó khăn tiến lên giành những thắng lợi mới, để mỗi cán bộ, đảng viên, tổ chức Đảng

sửa chữa khắc phục tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống, giữ vững niềm tin của nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng.

Đối với Bộ Tư lệnh Bảo vệ Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh, đơn vị được Đảng, Nhà nước, Quân đội giao cho trọng trách giữ gìn lâu dài, bảo vệ tuyệt đối an toàn thi hài Bác, đón tiếp hướng dẫn đồng bào và khách quốc tế đến viếng Bác thì Cuộc vận động có ý nghĩa quan trọng đặc biệt. Chính vì vậy được toàn thể cán bộ, đảng viên, quần chúng hưởng ứng tích cực, hiệu quả thiết thực và nhiều kinh nghiệm quý. Đảng ủy và Bộ Tư lệnh Bảo vệ Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh coi đây là thời cơ để tạo sự chuyển biến toàn diện về đạo đức lối sống, phong cách công tác. Mỗi cán bộ, công nhân viên chiến sĩ phải thực sự tiêu biểu về phẩm chất chính trị, đạo đức lối sống, gương mẫu "làm theo" tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh trong công tác đón tiếp tuyên truyền, hướng dẫn nhân dân và khách quốc tế viếng Bác, tham quan Lăng. Làm cho phẩm chất, hình ảnh "Bộ đội Cụ Hồ" bên Lăng Bác ngày càng được củng cố, tỏa sáng, lan tỏa trong các tầng lớp nhân dân về Lăng viếng Bác. Bên cạnh việc tổ chức thực hiện tốt Cuộc vận động trong đơn vị, Đảng ủy và Bộ Tư lệnh Bảo vệ Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chủ động làm tham mưu với các cơ quan chức năng của Nhà nước về nâng cao chất lượng công tác đón tiếp tuyên truyền, tổ chức các hoạt động sinh hoạt chính trị văn hóa tại Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh góp phần cùng toàn Đảng, toàn dân, toàn quân thực hiện có hiệu quả Cuộc vận động *"Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh"* sâu rộng trong các cấp, các ngành các địa phương.

Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh giữa Ba Đình lịch sử "nơi lắng hồn sông núi", nơi hội tụ niềm tin của cả nước, ở nơi sâu thẳm của mọi con người Việt Nam, Lăng Bác là nơi linh thiêng nhất, tập trung những gì cao quý nhất của nhân dân ta đối với Bác Hồ kính yêu. Từ lâu trong mỗi người dân Việt Nam về Lăng viếng Bác đã trở thành niềm mong ước, tình cảm rất thiêng liêng, như một

nhu cầu tinh thần, một phong tục tập quán, một sinh hoạt truyền thống biết ơn cội nguồn. Mỗi ngày dòng người nối dài tương như bất tận vào Lăng viếng Bác, từ cụ già đến các cháu thiếu nhi, từ người dân bình thường đến cán bộ cao cấp của Đảng, Nhà nước, tuy mỗi người có tâm trạng khác nhau, nhưng khi về bên Bác đều thấy thanh thản bình yên. Thật cảm động khi hơn 600 đại biểu đại diện những tập thể, cá nhân tiêu biểu, những người con từ Hà Giang địa đầu Tổ quốc đến đất mũi Cà Mau, từ hải đảo xa xôi đến núi rừng biên cương hẻo lánh, trong nước và nước ngoài đã tụ hội về Thủ đô Hà Nội dự hội nghị tổng kết 4 năm thực hiện Cuộc vận động *"Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh"*. Có người đã từng đến, có người đến lần đầu, nhưng tất cả đều chung một cảm xúc thiêng liêng khi đứng trước Quảng trường Ba Đình lịch sử, được vào Lăng viếng Bác. Trước anh linh Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại nhiều người đã không nén nổi xúc động trào dâng hai hàng nước mắt tự nhiên lăn chảy. Ông Phạm Văn Hạnh sinh năm 1930, từ ấp Tân Hòa, xã Tân Bình, thị xã Tây Ninh là cựu chiến binh tham gia cách mạng từ năm 1946 xúc động tâm sự "Trong trái tim tôi, Bác Hồ mãi mãi là hình ảnh tiêu biểu của một vị lãnh tụ vĩ đại, vì nước vì dân. Năm nay đã 81 tuổi tôi luôn tâm niệm, phải sống sao cho xứng đáng là con cháu của Bác Hồ, học tập Bác để yêu thương chia sẻ, giúp đỡ mọi người, giáo dục con cháu biết điều hay lẽ phải, dám đấu tranh chống tiêu cực; tin tưởng vào con đường mà Đảng và Bác Hồ đã lựa chọn. Ông A Khát, người dân tộc Ba Na, trưởng thôn Kon Ré, xã Dắc Bla, Kon Tum bày tỏ niềm vinh dự khi lần đầu tiên được ra Thủ đô Hà Nội, thỏa ước mơ bấy lâu nay là được vào Lăng viếng Bác: "Tôi mừng quá, ra đây có nhiều điều trước đây tôi chỉ biết qua sách báo, xem ti-vi, nay tôi đã biết, đã thấy, đã thỏa ước mơ bấy lâu. Những gì tôi biết là dân làng tôi biết, tôi thấy là dân làng tôi thấy. Đồng bào Ba Na bao đời đi theo cách mạng, không sợ hiểm nguy nuôi giấu, chở che cho cán bộ cách mạng, nay cũng vậy, tấm lòng không thay đổi". Nhiều người nước ngoài sau khi viếng Bác đã nói: "Hiếm có lãnh

tụ nào trên thế giới được nhân dân mến mộ như Chủ tịch Hồ Chí Minh; lúc này chỉ cần nhìn vào dòng người vào Lăng viếng Chủ tịch Hồ Chí Minh có thể thấy được đất nước các bạn ổn định, bình yên như thế nào".

Bằng tấm lòng biết ơn và kính yêu Bác Hồ, đồng bào ta từ mọi miền Tổ quốc đến viếng Bác, tham quan nơi yên nghỉ của Người có dịp được nghiên cứu, tìm hiểu sâu sắc hơn về cuộc đời và sự nghiệp, tư tưởng đạo đức của Bác và sự nghiệp giữ gìn lâu dài, bảo vệ tuyệt đối an toàn thi hài Chủ tịch Hồ Chí Minh. Qua những lời thuyết minh, giới thiệu, những hình ảnh, những thước phim tư liệu, được hồi tưởng, chứng kiến những giây phút cuối cùng của Bác trước lúc đi xa, ai cũng trào dâng niềm cảm xúc kính yêu thương nhớ Bác khôn nguôi, cảm nhận được tình cảm ấm áp bao trùm mà Người đã để lại. "*Bác ơi*", về bên Bác chúng cháu vô cùng xúc động ghi sâu vào tâm hồn, trái tim và ký ức, sự cao thượng tình cảm cách mạng trong sáng của Bác, Bác như luôn luôn bên chúng cháu căn dặn, chỉ dẫn dạy bảo, chúng cháu nguyện phấn đấu rèn luyện, học tập để trở thành người kế tục trung thành sự nghiệp cách mạng của Đảng và của Bác. Kiều bào ta từ khắp năm châu bốn biển xa xôi về thăm Lăng Bác rất xúc động như trở về cội nguồn của dân tộc, trong tình thương yêu của Người cha già kính yêu, nguyện đoàn kết cùng quê hương góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa thân yêu như *Di chúc* của Bác để lại. Bạn bè quốc tế vào Lăng viếng Bác ngày càng đông hơn, hầu hết các nguyên thủ quốc gia, các chính khách nhiều nước khi đến Việt Nam đều viếng Bác với tình cảm trân trọng, ngưỡng mộ cảm phục về nhân cách Hồ Chí Minh, qua đó họ càng yêu quý hơn về đất nước và con người Việt Nam.

Tình cảm của đồng bào và khách quốc tế đến với Bác luôn là nguồn cổ vũ động viên thôi thúc mỗi cán bộ, công nhân viên, chiến sĩ Bộ Tư lệnh Bảo vệ Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh, phải làm việc tốt hơn nữa, trách nhiệm cao hơn nữa; đón tiếp, phục vụ tận

tình chu đáo đồng bào, đồng chí đến với Người, để tình cảm thân thương của Bác gần gũi với mọi người. Trong những năm qua, Bộ Tư lệnh Bảo vệ Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tích cực đổi mới nội dung, hình thức tuyên truyền phát huy ý nghĩa chính trị, văn hóa công trình Lăng, làm cho những giá trị tư tưởng tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh thấm sâu, lan tỏa trong các tầng lớp nhân dân, khách quốc tế mỗi lần về Lăng viếng Bác, góp phần thực hiện thắng lợi Cuộc vận động lớn của Đảng. Một số hình thức tuyên truyền có hiệu ứng tích cực thu hút, tạo ấn tượng tình cảm tốt đẹp như: trưng bày hình ảnh về cuộc đời và sự nghiệp của Bác, về các hoạt động chính trị văn hóa tại Lăng, Quảng trường Ba Đình; nghe nói chuyện chuyên đề; chiếu phim tư liệu về Bác, phát trên hệ thống truyền thanh những ca khúc cách mạng ngợi ca Đảng, Bác Hồ; phối hợp sản xuất chiếu phim video phục vụ quảng đại quần chúng *"Nơi Bác Hồ yên nghỉ"*, *"Nơi hội tụ của niềm tin"*, *"Bác Hồ của chúng em"*, *"Bác Hồ sống mãi"*, *"Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh"*, xuất bản sách và các ấn phẩm văn hóa *"Giữ yên giấc ngủ của Người"*, *"Hồ Chí Minh sống mãi với dân tộc Việt Nam và bầu bạn quốc tế"*, *"Bên Lăng Bác Hồ"* làm cho nội dung tuyên truyền tại Lăng phong phú hơn, hình thức đa dạng hơn đáp ứng nhu cầu tình cảm rất tự nhiên của các tầng lớp nhân dân về Lăng viếng Bác. Phục vụ tốt hơn nhu cầu của các cơ quan, đơn vị, các bộ, ban ngành, địa phương, lực lượng vũ trang, học sinh sinh viên, thanh thiếu nhi cả nước đến nghiên cứu, tìm hiểu, học tập tư tưởng tấm gương đạo đức của Bác trong Cuộc vận động *"Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh"*, nâng cao uy tín chính trị và hiệu quả công tác tuyên truyền tại Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Hoạt động của Lăng Bác ngoài việc tổ chức lễ viếng hàng ngày còn diễn ra nhiều hoạt động quan trọng của Đảng, Nhà nước, nơi tổ chức lễ chào cờ, các cuộc mít tinh diễu binh diễu hành mừng các ngày lễ lớn của đất nước, dân tộc, tổ chức các hoạt động sinh hoạt chính trị như: Lễ báo công, giao ước thi đua, kết nạp Đảng, Đoàn,

Đội, lễ khai giảng, tuyên thệ, lễ rước đuốc lấy lửa truyền thống, đặt hoa trước ngày cưới... Từ khi tổ chức thực hiện Cuộc vận động *"Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh"* đã có hơn 300 lễ báo công, phát động thi đua, lễ tuyên dương tập thể, cá nhân điển hình tiên tiến học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh với nội dung, hình thức và quy mô khác nhau. Khởi đầu là Trung ương Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, thành đoàn Hà Nội, thanh niên Quân đội, thanh niên Công an Nhân dân, rồi đến các bộ, ngành Trung ương và thành phố Hà Nội, các địa phương, các tỉnh thành phố phía Bắc; ở vùng sâu vùng xa và các tỉnh phía Nam vì điều kiện khó khăn nhưng nhiều nơi cũng cử đại diện Ban Chỉ đạo, những tập thể, cá nhân có thành tích đặc biệt xuất sắc về báo công với Người. Đây là hình thức sinh hoạt chính trị hết sức có ý nghĩa nhằm giáo dục, động viên cổ vũ, nuôi dưỡng ý chí niềm tin cách mạng, niềm tự hào dân tộc, khát vọng cống hiến. Những hoạt động trên đã trở thành nếp sinh hoạt thường kỳ, một việc bắt đầu cho một sự khởi đầu của ngày mai tốt đẹp hơn, một nét đẹp trong đời sống văn hóa tinh thần của nhân dân. Nhiều buổi sinh hoạt chính trị, lễ báo công, tuyên dương các điển hình tiên tiến trong thực hiện Cuộc vận động *"Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh"* trước Lăng Bác đã để lại những ấn tượng, tình cảm, niềm xúc động sâu sắc. Mỗi lời báo công với Bác là một chiến công, là thành tích trong học tập, công tác, lao động sản xuất, chiến đấu kính dâng lên Bác; là niềm tin, ý chí quyết tâm thực hiện lời dạy của người, đi theo con đường mà Đảng và Bác đã lựa chọn. Được nghe lời Bác căn dặn mỗi cấp, mỗi ngành, mỗi người đều cảm thấy Bác xiết bao gần gũi, luôn luôn theo sát sự trưởng thành của mình, dẫn dắt mình vượt qua mọi khó khăn thử thách, hoàn thành nhiệm vụ. Rất nhiều địa phương khi tiễn con em lên đường làm nghĩa vụ quân sự, các đơn vị lực lượng vũ trang làm lễ tuyên thệ, lễ ra quân huấn luyện; nhiều địa phương, cơ quan, đơn vị, tổ chức kinh tế, tổ chức chính trị xã hội, nhà máy, xí nghiệp trường học đã về Lăng để báo cáo với Bác ý chí quyết

tâm của đơn vị mình trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Nhiều đơn vị, cá nhân lập được chiến công, nhiều đôi trai giái khi làm lễ thành hôn cũng đến trước Lăng Bác để tỏ lòng biết ơn đối với Người. Trong trái tim của mỗi con người Việt Nam Bác vẫn thường xuyên có mặt trong từng niềm vui, nỗi buồn của cả dân tộc, cả đất nước, Người vẫn sống một cuộc sống giản dị trong nhân dân của Người. Hình ảnh các đại biểu Hội cựu chiến binh Việt Nam, cựu chiến binh thành phố Hà Nội, cựu tù chính trị, tù binh, các tướng lĩnh, sĩ quan cao cấp ngực lấp lánh huân chương hội ngộ về Thủ đô Hà Nội sơ kết 4 năm thực hiện Cuộc vận động *"Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh"* tề tựu trước Lăng Bác sinh hoạt chính trị; trước anh linh Người đã thể hiện quyết tâm và niềm tin sắt đá vào lý tưởng cao đẹp của chủ nghĩa xã hội, nguyện tiếp tục học tập và làm theo tấm gương của Người, mãi mãi đi theo con đường mà Người đã lựa chọn cho dân tộc ta. Hàng ngàn học sinh, sinh viên, đoàn viên thanh thiếu nhi tay cầm cờ Đảng, cờ Tổ quốc hân hoan hướng về Người với lòng thành kính và biết ơn vô hạn, hứa với Người quyết tâm học tập rèn luyện, xung phong, tình nguyện, dấn thân, cống hiến vì tương lai tươi sáng của Tổ quốc và thế hệ trẻ, nguyện kế tục trung thành sự nghiệp cách mạng xây dựng đất nước ta đàng hoàng hơn, to đẹp hơn như mong ước của Người. Còn rất nhiều cơ quan, ban, ngành, đoàn thể, các lực lượng vũ trang, sinh viên, học sinh tổ chức sinh hoạt chính trị, báo công với Bác tại Lăng như một hoạt động sinh hoạt truyền thống hàng năm như Trung ương Đoàn, thành đoàn Hà Nội, thanh niên Quân đội. Đảng bộ Công ty may 10 có nghị quyết "Hàng năm sau khi hoàn thành kế hoạch sản xuất, xí nghiệp cử đoàn đại biểu cán bộ, công nhân viên chức về viếng Bác và báo công với Bác".

Phát huy ý nghĩa chính trị văn hóa công trình Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh thông qua công tác tuyên truyền văn hóa, thực chất là tuyên truyền giáo dục truyền thống cách mạng, tư tưởng, tấm

gương đạo đức Hồ Chí Minh tiếp tục được đẩy mạnh với nhiều nội dung và hình thức phong phú đã có tác dụng hiệu quả sâu sắc thu hút sự quan tâm của đông đảo quần chúng, các hình thức sinh hoạt văn hóa tại Lăng nhân kỷ niệm các ngày lễ lớn của Đảng, dân tộc, ngày Quốc khánh, ngày sinh nhật Bác đã có sức lan tỏa làm lay động lòng người. Các chương trình biểu diễn nghệ thuật, cầu truyền hình trực tiếp, giao lưu với các nhân chứng lịch sử...gần đây nhất nhân dịp sơ kết 3 năm thực hiện Cuộc vận động *"Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh"*, 40 năm thực hiện *Di chúc* của Người, 40 năm giữ gìn tuyệt đối an toàn thi hài Chủ tịch Hồ Chí Minh. Ban Quản lý Lăng đã phối hợp với Đài truyền hình Thành phố Hồ Chí Minh, Báo Công an Nhân dân thực hiện chương trình nghệ thuật *"Hồ Chí Minh - cả một đời vì nước vì dân"* được phát sóng trực tiếp trên phạm vi toàn cầu với những tiết mục đặc sắc ca ngợi Đảng Cộng sản Việt Nam, đất nước Việt Nam và công ơn của Hồ Chủ tịch đối với dân tộc, non sông đất nước Việt Nam. Thông qua các phóng sự, những tư liệu quý về cuộc đời hoạt động cách mạng gian khổ; những hoạt động trong nước và ngoài nước cũng như những hình ảnh chân thực về cuộc sống đời thường giản dị mà thanh cao của Hồ Chủ tịch đã gây niềm xúc động lớn trong các tầng lớp nhân dân và đồng bào ta ở nước ngoài; thể hiện lòng biết ơn và ý chí son sắt quyết tâm đi theo con đường cách mạng mà người đã vạch ra. Đây là sản phẩm văn hóa mang ý nghĩa chính trị sâu sắc, có sức lan tỏa và truyền cảm mạnh mẽ, khi ấn phẩm được phát hành nhiều cơ quan, đơn vị, địa phương coi đây là nguồn tư liệu, là một nội dung giáo dục truyền thống, một hình thức tuyên truyền có hiệu quả nhất trong thực hiện Cuộc vận động *"Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh"*.

Ban Quản lý Lăng còn phối hợp chặt chẽ với các phương tiện thông tin đại chúng Đài truyền hình Việt Nam, Đài tiếng nói Việt Nam, Đài truyền hình Thành phố Hồ Chí Minh, Truyền hình Quân

đội, Đài truyền hình các địa phương thực hiện các chương trình truyền hình trực tiếp, phóng sự, giao lưu, giới thiệu phim đến với công chúng trên mọi miền của Tổ quốc và kiều bào ta ở nước ngoài. Nhiều nội dung, chủ đề gắn với Cuộc vận động *"Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh"* như các chương trình *"Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh"*, *"Ký sự hành trình theo chân Bác"*, *"Đuốc sáng Việt Nam hành trình theo chân Bác"* của Đài truyền hình Thành phố Hồ Chí Minh; gặp mặt giao lưu *"40 năm bên Bác"* của Truyền hình Quân đội... có một vị trí đặc biệt trong lòng khán giả, gắn bó với đồng bào đồng chí, có ý nghĩa chính trị, tư tưởng hết sức sâu sắc, góp phần khẳng định sự ổn định của đất nước về chính trị, phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, động viên cổ vũ tầng lớp nhân dân ra sức phấn đấu thi đua học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh; góp phần cùng Ban Quản lý Lăng nâng cao hiệu quả nhiệm vụ đón tiếp tuyên truyền phát huy ý nghĩa chính trị, văn hóa của công trình Lăng, đáp ứng nguyện vọng tình cảm của nhân dân cả nước và lòng ngưỡng mộ của bạn bè quốc tế đối với Chủ tịch Hồ Chí Minh.

LĂNG CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH ĐỊA CHỈ ĐỎ THIÊNG LIÊNG ĐỐI VỚI TUỔI TRẺ CẢ NƯỚC

Đại tá NGUYỄN HỮU MẠNH*

Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh, công trình *"Lòng dân, ý Đảng"*, thể hiện truyền thống, đạo lý *"Uống nước nhớ nguồn"* của dân tộc Việt Nam. Nơi đây nhân dân ta từ thế hệ này sang thế hệ khác, đến chiêm ngưỡng và tỏ lòng biết ơn Hồ Chủ tịch, quyết tâm đi theo con đường Cách mạng mà Người đã lựa chọn. Thực sự, là địa chỉ đỏ thiêng liêng để giáo dục lý tưởng cộng sản đối với tuổi trẻ cả nước. Bởi tuổi trẻ hiện nay, khi họ sinh ra, Bác đã đi xa.

Theo *"Lịch sử Bộ đội Bảo vệ Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh"* cho thấy: Trong gần 2 năm xây dựng (khởi công ngày 2-9-1973 và khánh thành ngày 29-8-1975), công trình Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh là địa chỉ tôi luyện phẩm chất cách mạng và tấm lòng thương nhớ Bác của tuổi trẻ cả nước. Những cán bộ, chiến sĩ trẻ trong Quân đội, Công an, những người thợ trẻ trên các công trình xây dựng, những nam nữ thanh niên ở các địa phương được tuyển chọn về tham gia xây dựng công trình Lăng Bác là một vinh dự đặc biệt. Họ sẵn sàng hy sinh mọi công việc, tình cảm riêng tư để nguyện góp công, góp sức xây dựng Lăng mộ của Người to đẹp đàng hoàng. Hình ảnh những cán bộ, chiến sĩ trẻ Đoàn Công Binh

* Chính ủy Đoàn 275, Bộ Tư lệnh Bảo vệ Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Hùng Vương đã gác lại niềm vui đón Tết Giáp Dần - 1974 ở đơn vị, gác lại cả chuyện về phép thăm gia đình, hăng hái, phấn khởi đến Ba Đình vào những ngày giáp Tết để góp phần công sức xây Lăng Bác, đó cũng là niềm vui và hạnh phúc lớn của anh em chiến sĩ.

Trong suốt thời gian xây dựng Lăng Bác, dẫu thời tiết nắng nóng, hay mưa dầm giá rét, công việc nặng nhọc như đào hố móng, đóng cọc sắt, đổ bê tông, thời gian gấp, làm thêm ca, thêm giờ, nơi nào cần đến tuổi trẻ, thanh niên đều sẵn sàng. Tuổi trẻ các địa phương, cơ quan, trường học ở Hà Nội và các tỉnh lân cận còn tổ chức hàng trăm buổi "Lao động Cộng sản", thu hút hàng vạn lượt cán bộ, đoàn viên thanh niên tham gia san lấp, giải phóng mặt bằng, tu sửa vườn hoa, cây cảnh, thảm cỏ ở công trình Lăng và Quảng trường Ba Đình. Ở nơi đâu có tuổi trẻ, công việc đều hoàn thành tốt. Họ xứng đáng nhận được lẵng hoa chúc mừng và lời khen ngợi của Chủ tịch nước Tôn Đức Thắng vào sáng mồng một Tết Giáp Dần: *"Chúc mừng các cháu đã quên Tết, xa gia đình, lao động hết mình vì Bác Hồ vĩ đại của tất cả chúng ta"*.

Mặc dù không trực tiếp tham gia trên công trường, tuổi trẻ các địa phương đã dầy công tìm chọn những vật liệu cát, đá, sỏi, gỗ tốt nhất, quý nhất để dâng lên công trình Lăng Bác. Tuổi trẻ nhà máy xi măng Hải Phòng đã thi đua tăng năng suất, chất lượng, làm ra những bao xi măng đặc biệt mác 600 với dòng chữ *"Đời đời nhớ ơn Chủ tịch Hồ Chí Minh"* gửi về xây dựng Lăng Bác. Tuổi trẻ Tây Nguyên và Nam Bộ, không những trèo đèo, lội suối, vào tận rừng sâu, núi cao, tìm những cây gỗ quý nhất, thể hiện tấm lòng trung kiên của đồng bào, để gửi ra xây nhà cho Bác, mà còn quyết tâm *"Kiên quyết tiến công, đánh thắng hoàn toàn quân thù, để sớm được ra Hà Nội viếng Bác"*. Trong suốt thời gian từ năm 1973-1975, tuổi trẻ cả nước là lực lượng trực tiếp *"Đánh cho Mỹ cút"*, để sớm khởi công xây dựng công trình Lăng Bác và *"Đánh cho ngụy nhào"*, cho công trình Lăng Bác sớm được hoàn thành, để đón cháu con mọi miền đất nước về thăm viếng Người.

Chuẩn bị khánh thành Lăng Bác, các đơn vị Quân đội, Công an đã tuyển chọn những cán bộ, chiến sĩ trẻ ưu tú để huấn luyện, rèn luyện làm nhiệm vụ *"Giữ yên giấc ngủ của Người"*. Mỗi cán bộ, chiến sĩ được lựa chọn về Lăng Bác công tác là niềm vinh dự được Đảng, Nhà nước, Quân đội và nhân dân giao nhiệm vụ chính trị đặc biệt, mà còn là niềm tự hào của gia đình và quê hương yêu dấu. Tuổi trẻ tại Lăng Bác là lực lượng trực tiếp làm nhiệm vụ bảo đảm an ninh, nghi lễ, sẵn sàng chiến đấu và đón tiếp, tuyên truyền, phục vụ đồng bào, khách quốc tế đến viếng Bác tận tình, chu đáo, văn minh, lịch sự. 36 năm qua, lớp lớp thế hệ trẻ luôn hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ, luôn giữ vững và phát huy truyền thống Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân trong thời kỳ đổi mới của Bộ đội Bảo vệ Lăng. Nhiều tấm gương của tuổi trẻ đã tô thắm hình ảnh *"Người chiến sĩ cận vệ bên Lăng Bác"*, như Hạ sĩ Lê Chí Công nhặt được gần 4 ngàn USD tự giác trả lại người mất; Hạ sỹ Phạm Công Hoan dũng cảm truy bắt tội phạm; Thượng úy Phan Thị Đông giành giải nhất Cuộc thi chung khảo toàn quốc về kể chuyện tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh.

Nhiều địa phương như Hòa Bình, Thái Bình, Hải Dương, Ninh Bình, không chỉ coi việc tuyển chọn những thanh niên ưu tú tham gia thực hiện nghĩa vụ tại Lăng Bác là trách nhiệm, mà còn là điều kiện để rèn luyện, bồi dưỡng, xây dựng nguồn cán bộ của địa phương sau khi các chiến sĩ hoàn thành nghĩa vụ tại ngũ. Nhiều cán bộ, chiến sĩ trẻ đã trưởng thành từ Lăng Bác, gánh vác những trọng trách mà Đảng, Nhà nước, Quân đội và các địa phương giao cho. Cán bộ, chiến sĩ trẻ bên Lăng Bác hôm nay và mai sau nguyện: *"Đứng bên Người lòng con trong sáng hơn"*, để Lăng Bác mãi mãi là nơi hội tụ tình cảm, niềm tin của đồng bào trong nước và khách quốc tế đối với Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Là những người hàng ngày, hàng giờ phục vụ tại Lăng Bác, chúng tôi cảm nhận được tình cảm sâu sắc của đồng bào, khách quốc tế đến viếng Bác và tham quan khu vực Lăng. Mỗi người

đến viếng Bác, đều mong muốn tận mắt nhìn thấy hình ảnh của Người - Anh hùng dân tộc vĩ đại, Danh nhân văn hóa kiệt xuất - để nguyện mãi mãi học tập tấm gương đạo đức của Người và quyết tâm đi theo con đường cách mạng mà Người đã lựa chọn. Trong hơn 40 triệu lượt đồng bào và khách quốc tế đến viếng Bác 36 năm qua, phần lớn là các cháu thanh thiếu niên, nhi đồng. Đặc biệt vào những thời điểm chuẩn bị kết thúc năm học, nghỉ hè và khai giảng năm học mới, tỷ lệ các cháu học sinh, sinh viên đến viếng Bác rất đông. Trước khi vào viếng Bác, các đoàn được đón tiếp, xem những bộ phim tư liệu về Người hết sức cảm động. Trần Thị Hiền - Lớp Lịch sử Đảng K32 - Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn Thành phố Hồ Chí Minh đã viết: "Chúng con tới thăm Lăng Bác, lòng chúng con rất bồi hồi xúc động. Đã 5 lần xem bộ phim *Những giây phút cuối đời của Bác*, nhưng không lần nào mà chúng con không khỏi cảm động dâng trào nước mắt. Chúng con luôn nguyện ước được nhìn thấy Bác - Người đã hiến trọn đời mình vì độc lập tự do của Tổ quốc, vì hạnh phúc của nhân dân. Chúng con kính cẩn nghiêng mình trước vong linh của Người - Nguyện mãi mãi *Sống, chiến đấu, lao động và học tập theo gương Bác Hồ vĩ đại.*"

Nổi bật trong các hoạt động giáo dục tại Lăng Bác là tổ chức sinh hoạt chính trị, văn hóa, báo công với Bác. Theo thống kê của Ban Quản lý Lăng, từ năm 1999 đến nay, trong tổng số 1.746 Đoàn sinh hoạt chính trị, văn hóa, trong đó có tới 1.404 đoàn của tuổi trẻ cả nước. Từ năm 1999, Trung ương Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và Thành đoàn Hà Nội đã có nghị quyết về việc tổ chức sinh hoạt chính trị tại Lăng Bác nhằm giáo dục chính trị tư tưởng cho đoàn viên thanh niên. Riêng khối cơ quan Trung ương Đoàn năm nào cũng vậy, vào dịp *"Tháng Thanh niên"*, tuổi trẻ cơ quan lại quây quần trước Lăng báo công và hứa với Người: "... Trước anh linh của Người, chúng cháu vô cùng biết ơn những công lao trời biển của Người đã dành cho dân tộc Việt Nam, đặc

biệt là tình cảm và sự tin tưởng của Người dành cho thanh niên. Sinh thời, Bác muôn vàn kính yêu đặc biệt chăm lo việc giáo dục, đào tạo, bồi dưỡng lớp lớp thanh thiếu nhi thành những người kế tục trung thành xuất sắc sự nghiệp cách mạng. Tấm gương đạo đức cao đẹp, hết lòng vì nước, vì dân, yêu thương con người cùng những bài học làm người quý giá, đầy tính nhân văn, nóng hổi tính thời sự, cổ vũ lòng nhiệt tình cách mạng của các thế hệ trẻ Việt Nam, vượt qua khó khăn, không ngại gian khổ hy sinh, sẵn sàng dâng hiến tuổi thanh xuân tươi đẹp của mình cho sự nghiệp cách mạng...".

Thành phần và nội dung các Đoàn đến sinh hoạt chính trị, văn hóa tại Lăng Bác rất phong phú, đa dạng. Các trường tiểu học, trung học thường tổ chức Lễ khai giảng năm học mới trước Lăng Bác, tổ chức kết nạp đội viên, đoàn viên, hoặc báo công với Bác về kết quả *"Thực hiện 5 điều Bác Hồ dạy"* và tuyên dương các học sinh đạt danh hiệu *"Cháu ngoan Bác Hồ"*. Nổi bật như trường Tiểu học Hoàng Diệu, trường Trung học cơ sở Giảng Võ, trường Trung học phổ thông Chu Văn An, trường dân lập Nguyễn Siêu... của Thủ đô Hà Nội thường tổ chức Lễ khai giảng năm học mới trước Lăng Bác để thể hiện quyết tâm "dạy tốt, học tốt", thực hiện sự nghiệp *"Trồng người"* với Bác Hồ. Như lời báo công của cán bộ, giáo viên, học sinh Trường Trung học cơ sở Nam Cường - Nam Trực - Nam Định đã hứa: "Chúng cháu xin hứa với Bác sẽ đoàn kết vươn lên, phấn đấu 'dạy tốt, học tốt' để xứng đáng với truyền thống Anh hùng Lao động của nhà trường. Học tập và đền đáp công ơn trời biển của Người, chúng cháu nguyện đem hết sức mình, góp phần vào sự nghiệp 'trồng người' của đất nước ngày một lớn mạnh...".

Tuổi trẻ các địa phương, từ biên giới đến hải đảo xa xôi, trên mọi miền Tổ quốc, thường xuyên về bên Lăng Bác, báo công với Người về kết quả: *"Tuổi trẻ Việt Nam học tập và làm theo lời Bác"*. Như tuổi trẻ Trà Vinh đã hứa với Bác: "Hôm nay và mai sau

'Tuổi trẻ Trà Vinh sẽ quyết tâm học tập và làm theo lời Bác' để tu dưỡng phẩm chất của người thanh niên trong thời đại mới. Hàng năm vào dịp 19-5 chúng con sẽ về đây để báo công lên Bác những thành tích mà chúng con thực hiện được, để Bác soi đường dẫn lối chúng con đi, góp phần cùng với Đảng, với nhân dân đưa đất nước Việt Nam trở thành 'Dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh' và tỉnh Trà Vinh ngày càng giàu đẹp".

Trong lực lượng vũ trang, những chiến sĩ "Bộ đội Cụ Hồ" về Lăng, hứa với Bác: "Tuổi trẻ sẵn sàng lên đường bảo vệ Tổ quốc" và "Tuổi trẻ ngành Hậu cần Quân đội làm theo lời Bác Hồ dạy". Những chiến sĩ công an hứa với Bác, làm theo 6 điều Bác Hồ dạy, quyết tâm: "Xây dựng lực lượng công an nhân dân vì nước quên thân vì dân phục vụ". Tuổi trẻ Công an tỉnh Quảng Bình báo công, xin hứa với Bác những lời tâm huyết: "... Chúng cháu xin phép tự hào báo cáo với Bác những chiến công, thành tích của mình. Đồng thời, xin nghiêm khắc tự soi lại mình, bởi trong đội ngũ của mình, một số cán bộ, chiến sĩ còn mắc nhiều thiếu sót, khuyết điểm, chưa làm tốt những điều Bác dạy... Hôm nay, giữa lòng Thủ đô Hà Nội, trước anh linh của Bác, thay mặt cán bộ, chiến sĩ Công an Quảng Bình, nơi mà cách đây 51 năm vinh dự đón Bác về thăm, là mảnh đất mà trong chiến tranh chống Mỹ, Bác đã từng khen khợi là "Quảng Bình hai giỏi", chúng cháu xin hứa sẽ ra sức đoàn kết, xiết chặt đội ngũ, xây dựng Công an Quảng Bình ngày càng trong sạch vững mạnh, tiếp tục học tập và thực hiện nghiêm túc 6 điều Bác dạy...".

Các đoàn thể thao trước khi xuất quân tham dự các kỳ Olympic, SeaGAMES đều đến bên Bác báo công thể hiện quyết tâm giành thành tích cao nhất, vì màu cờ sắc áo của dân tộc. Hoặc các đoàn đua xe đạp *"Hành trình xuyên việt"; "Hành quân về nguồn"* nhân dịp các ngày lễ của dân tộc đều tổ chức lễ xuất quân trước Lăng Bác.

Sau lễ báo công, những cá nhân tiêu biểu xuất sắc được Ban Quản lý Lăng tặng Huy hiệu Bác Hồ, mọi người được trực tiếp nghe những lời căn dặn của Bác: "Thanh niên ta có nhiều cố gắng, có tiến bộ, có nhiều tiên tiến, nhưng chớ vì thế mà tự cao, tự đại, phải khiêm tốn, luôn luôn cố gắng hơn nữa. Cần phải nâng cao chí khí cách mạng; nắm vững khoa học kỹ thuật, ra sức học tập và sáng tạo, thực hiện cần cù và tiết kiệm. Đoàn kết chặt chẽ thương yêu giúp đỡ lẫn nhau để cùng tiến bộ không ngừng. Cần phát triển đoàn hơn nữa, nhưng phải chọn lọc cẩn thận, trọng chất lượng hơn là số lượng... Luôn luôn làm đúng những lời dạy của Đảng".

Không chỉ có các tập thể đến báo công với Người, mà đã có hàng trăm đôi nam, nữ thanh niên đến Lăng Bác tổ chức *"Lễ đặt hoa"* trước ngày cưới, một nét đẹp văn hóa, tỏ lòng biết ơn Chủ tịch Hồ Chí Minh - Người đã mang lại cuộc sống ấm no, tự do hạnh phúc cho triệu triệu đồng bào.

36 năm qua, Ban Quản lý Lăng đã thường xuyên cải tiến, đổi mới, nâng cao chất lượng đón tiếp, phục vụ tận tình chu đáo đồng bào, khách quốc tế đến viếng Bác và các hoạt động sinh hoạt chính trị văn hóa tại khu vực Lăng, tích cực góp phần vào việc tuyên truyền, học tập và thực hiện Cuộc vận động *"Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh"*.

Để tiếp tục phát huy ý nghĩa chính trị, văn hóa của công trình Lăng đối với thế hệ trẻ trong thời gian tới, chúng tôi thấy rằng cần tổ chức tuyên truyền sâu rộng trong các tầng lớp nhân dân, nhất là thanh thiếu niên trên mọi miền của Tổ quốc về ý nghĩa chính trị, văn hóa sâu sắc của công trình Lăng Bác. Sự nghiệp *"Giữ gìn lâu dài, bảo vệ tuyệt đối an toàn thi hài Chủ tịch Hồ Chí Minh"* là tâm nguyện của *"lòng dân, ý Đảng"*, là truyền thống, đạo lý tốt đẹp *"Uống nước nhớ nguồn"* của dân tộc Việt Nam. Để nhân dân Việt Nam từ thế hệ này đến thế hệ khác, nhất là tuổi trẻ và bầu bạn quốc tế được tận mắt nhìn thấy hình ảnh Chủ tịch Hồ Chí Minh. Từ đó luôn luôn tin tưởng và quyết tâm thực hiện thắng lợi con đường độc lập dân tộc, gắn liền với chủ nghĩa xã hội, vì mục tiêu

độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội mà Đảng, Bác Hồ và nhân dân ta đã lựa chọn.

Tổ chức sôi nổi, hiệu quả Cuộc vận động *"Tuổi trẻ Việt Nam học tập và làm theo lời Bác"*. Trong đó, tuổi trẻ mỗi ngành, từng lực lượng làm thật tốt *"Năm điều Bác Hồ dạy thanh niên"; "Năm điều Bác Hồ dạy các cháu thiếu niên, nhi đồng"; "Sáu điều Bác Hồ dạy Công an nhân dân"*... Triển khai thực hiện có hiệu quả hai phong trào "*5 xung kích phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ Tổ quốc*" và "*4 đồng hành với thanh niên lập thân, lập nghiệp*". Tích cực tuyên truyền, xây dựng, học tập và làm theo các tấm gương điển hình tiên tiến, sẵn sàng hy sinh trong bảo vệ chủ quyền, biên giới, hải đảo, bảo vệ an ninh của Tổ quốc, bảo vệ cuộc sống bình yên của nhân dân; giúp đỡ nhân dân xóa đói, giảm nghèo, phòng chống lụt bão...

Đồng thời, cấp ủy, chính quyền các cấp, các ngành quan tâm, tạo điều kiện thuận lợi để tuổi trẻ được về bên Lăng Bác, báo công với Người. Với truyền thống *"Uống nước nhớ nguồn"*, Lăng Bác cũng như Đền Hùng và đền thờ các Anh hùng dân tộc là nơi thiêng liêng thành kính nhất để các thế hệ cháu con bày tỏ tri ân, hướng về cội nguồn. Báo công trước Lăng Bác là hoạt động tuyên truyền, giáo dục trực tiếp, thiết thực, hiệu quả. Trước anh linh Chủ tịch Hồ Chí Minh, mỗi tập thể, cá nhân tự soi lại những suy nghĩ, hành động, việc mình làm, thấy được điều hay, lẽ phải và những điều ngang trái để hứa với Bác tự tu dưỡng, rèn luyện, sửa chữa ngày càng tốt đẹp hơn. Đó cũng là điều kiện thuận lợi để tăng cường các hoạt động giao lưu, học tập, trao đổi kinh nghiệm giữa tuổi trẻ Bộ đội Bảo vệ Lăng với tuổi trẻ cả nước.

Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh mãi trường tồn cùng dân tộc, tư tưởng và tấm gương đạo đức của Người mãi soi sáng đường chúng ta đi. Nơi đây, tuổi trẻ Việt Nam từ thế hệ này đến thế hệ khác mãi đến thăm viếng Người, báo công dâng Người và nguyện mãi mãi đi theo con đường cách mạng mà Người đã lựa chọn.

K9 - KHU DI TÍCH LỊCH SỬ VỀ CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH

Thượng tá NGUYỄN THANH HUỐNG*

Chủ tịch Hồ Chí Minh, lãnh tụ thiên tài của Đảng và nhân dân ta, người anh hùng giải phóng dân tộc, danh nhân văn hóa kiệt xuất. Chủ tịch Hồ Chí Minh tượng trưng cho tinh hoa của dân tộc Việt Nam, là tấm gương sáng ngời về phẩm chất đạo đức của người chiến sĩ cộng sản yêu nước. Cuộc đời và sự nghiệp của Người gắn liền với những sự kiện lịch sử trọng đại của dân tộc ta trong thế kỷ XX. Những miền quê đất nước Người đã từng sống và làm việc đã trở thành địa danh lịch sử, văn hóa Việt Nam. Khu Di tích K9 nằm bên bờ sông Đà, thuộc Đá Chông, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội là một trong những địa danh lịch sử, văn hóa đó. Đây là di tích đặc biệt gắn liền với Chủ tịch Hồ Chí Minh kể từ khi Người còn sống, đến khi Người đã qua đời.

Khu Di tích K9 (Khu Di tích Đá Chông, trước đây gọi là K84) nằm trong hệ thống đồi gò có diện tích 234 ha, giáp địa giới hành chính với ba xã Minh Quang, Ba Trại, Thuần Mỹ thuộc huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội và xã Đồng Luận, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ. Xưa kia, đây là khu đồi thông yên tĩnh, xen kẽ với các loài cây gỗ lớn, tán lá rộng tạo thành khu rừng nguyên sinh đầy

* Chính ủy Đoàn 285 Bộ Tư lệnh Bảo vệ Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh.

sức quyến rũ. Trên đồi có những tảng đá to đứng lô nhô, sắc nhọn như những mũi chông, ngọn mác nên gọi là Đá Chông. Truyền thuyết kể lại rằng đây là bãi chông chà, dấu tích của những trận chiến dữ dội giữa Sơn Tinh và Thủy Tinh thời tiền sử. Theo trí tưởng tượng dân gian, khu vực này mang dáng dấp một con rồng, đầu đang cúi xuống uống nước sông Đà, U Rồng là đỉnh cao nhất của khu đồi. Địa danh này có đặc điểm rất kỳ lạ là sông Đà chảy qua Lai Châu về Hòa Bình, chảy xuôi qua đằng Khê Thượng, đến đây đột ngột chuyển dòng ngược về hướng Bắc, tạo thành một khúc gẫy, đến ngã ba Bạch Hạc (Việt Trì) gặp sông Hồng, sông Thao để rồi cùng chầu về Đền Hùng, đất Tổ.

Trong *"Diễn ca Thánh Tản Viên - Sơn Tinh"* có đoạn viết:

Chúng thủy giai Đông tẩu
Đà giang độc Bắc lưu.

Dịch là:

Các sông đều chảy về Đông
Sông Đà riêng một, ngược dòng Bắc lưu.

Vùng đất này đã có một sự kiện đặc biệt để rồi sau này nó trở thành một địa danh lịch sử. Đó là vào một ngày của tháng 5 năm 1957, Bác đến thăm Trung đoàn 36 - Sư đoàn 308 diễn tập bên sông Đà. Bác đã dừng chân nghỉ, ăn cơm trưa trên đồi, nơi có 3 mỏm đá nhọn như hình mũi chông, ngọn mác xếp liền kề nhau. Bác đứng ở vị trí Đá Chông, nhìn ra sông Đà trước mặt thấy đây là nơi sơn thủy hữu tình, dòng sông uốn khúc, cảnh vật tươi đẹp, gần dân mà xa đường quốc lộ. Với tầm nhìn của nhà chiến lược thiên tài, Người đã ngỏ ý với các đồng chí cùng đi xây dựng ở đây một nhà làm việc của Bác và Trung ương, đề phòng đế quốc Mỹ mở rộng chiến tranh phá hoại bằng không quân ra miền Bắc.

Sáng ngày 23 tháng 2 năm 1958, Bác Hồ lên thăm và xem xét lại địa bàn khu vực Đá Chông. Cùng đi với Bác có đồng chí Nguyễn Lương Bằng - Ủy viên Trung ương Đảng và một số đồng

chí khác của Chủ tịch phủ và lãnh đạo tỉnh Sơn Tây. Sau chuyến đi của Bác, Tổng cục Hậu cần Quân đội nhân dân Việt Nam được giao nhiệm vụ xây dựng một số ngôi nhà cấp bốn trong khu vực Đá Chông.

Bước sang năm 1959, trước nguy cơ của một cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân ra miền Bắc của đế quốc Mỹ đã rõ ràng, Cục Doanh trại, Tổng cục Hậu cần được lệnh tiếp tục lên xây dựng khu căn cứ của Trung ương. Đồng chí Hoàng Linh, Cục trưởng Cục Doanh trại phụ trách được giao vẽ thiết kế ngôi nhà 2 tầng, phỏng theo kiểu nhà sàn. Đặc biệt, Bác đã trực tiếp duyệt thiết kế, cắm cọc, nhắm hướng cho ngôi nhà chính làm nơi hội họp, nghỉ ngơi của Bác và Trung ương. Công trình được chuẩn bị từ tháng 6 và đến tháng 9 năm 1959 bắt đầu khởi công xây dựng. Bộ đội Công binh xây dựng một hệ thống công sự kiên cố. Quá trình xây dựng, khu vực này mang mật danh "Công trường 5" (gọi tắt là KV). Theo gợi ý của Bác, khu căn cứ của Trung ương chia làm 3 khu vực. Khu A dành cho Bộ Chính trị họp và tiếp khách; khu B dành cho các đồng chí lãnh đạo nghỉ; khu C dành cho các đồng chí bảo vệ và phục vụ. Quá trình thi công, Bác Hồ đã lên thăm và trực tiếp kiểm tra nhiều lần. Ngày 15 tháng 3 năm 1960 ngôi nhà 2 tầng được hoàn thành, Bác đã đi máy bay trực thăng lên dự buổi khánh thành. Từ lúc này nơi đây được đổi tên thành "Khu căn cứ K9" (gọi tắt là K9).

Trong 9 năm (từ 1960 - 1969) Bác Hồ và một số đồng chí trong Bộ Chính trị, chỉ huy Quân đội đã nhiều lần đến làm việc tại đây. Đặc biệt, ngày 20 tháng 9 năm 1964, Bác Hồ cùng đồng chí Phạm Văn Đồng và một số đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị đã lên họp tại K9. Bác và các đồng chí cùng đi đã trao đổi về tình hình quốc tế và trong nước từ sau sự kiện Vịnh Bắc Bộ (ngày 5 tháng 8 năm 1964) và một số vấn đề về công tác phòng không nhân dân. Cũng tại nơi này, Bác đã từng tiếp đón bà Đặng Dĩnh Siêu - phu nhân Thủ tướng Trung Quốc Chu Ân Lai, ông Hà Vĩ - Đại sứ

Trung Quốc tại Việt Nam và Đoàn cán bộ Quân đội Liên Xô do Anh hùng phi công vũ trụ G.M Titốp dẫn đầu.

9 giờ 47 phút ngày 2 tháng 9 năm 1969, Hồ Chủ tịch qua đời. Thể theo nguyện vọng của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, Bộ Chính trị Trung ương Đảng đã quyết định giữ gìn lâu dài thi hài Bác. Từ cuối năm 1969, cuộc kháng chiến của nhân dân ta bước vào giai đoạn quyết định. Đề phòng chiến tranh có thể xảy ra trên phạm vi cả nước, Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương quyết định tìm một vị trí thật yên tĩnh, bí mật, xa Hà Nội, thuận tiện cho di chuyển thi hài Bác khi chiến tranh lan rộng. K9 đã được quyết định chọn là nơi giữ gìn thi hài Bác. Lúc này K9 được mang mật danh "Khu căn cứ K84".

Trong 6 năm thời chiến tranh chống Mỹ cứu nước (1969 - 1975), thi hài Bác được giữ gìn bảo quản tại K9 ba lần với tổng thời gian là 4 năm 4 tháng 19 ngày. Đó là các thời gian sau:

- Đợt 1: Từ ngày 23 tháng 12 năm 1969 tới ngày 03 tháng 12 năm 1970, vì lúc đó cả nước có chiến tranh nên lưu giữ Bác ở căn cứ K84 an toàn hơn ở Hà Nội. Cuối năm 1970 do Mỹ - ngụy tập kích bằng máy bay trực thăng xuống một vị trí ở gần thị xã Sơn Tây, cho nên thi hài Bác lại được chuyển về Viện quân y 108.

- Đợt 2: Từ ngày 19 tháng 8 năm 1971 tới ngày 11 tháng 7 năm 1972, khi đó ở miền Bắc mưa to liên tiếp 10 ngày, nước sông Hồng dâng cao 12m80, có nguy cơ vỡ đê nên thi hài Bác lại được đưa trở về bảo quản tại khu căn cứ K84. Cuối năm 1972 ta nhận định có nguy cơ Mỹ dùng máy bay B52 ném bom Hà Nội, Hải Phòng, mà K84 nằm trên đường bay của địch từ Thái Lan sang, cho nên thi hài Bác lại được chuyển sang bảo quản tại H21.

- Đợt 3: Từ ngày 08 tháng 2 năm 1973 tới ngày 17 tháng 7 năm 1975, sau khi Hiệp định Paris được ký kết, thi hài Bác lại được đưa trở lại K84 để bảo quản, vì nơi đây có điều kiện kỹ thuật tốt hơn ở H21.

Tại K84 không chỉ là nơi giữ gìn bảo quản thi hài Bác một cách đơn thuần, mà còn diễn ra nhiều sự kiện chuyên môn rất quan trọng như tiến hành chỉnh hình thi hài Bác. Hội đồng khoa học liên quốc gia Liên Xô - Việt Nam đánh giá trạng thái thi hài Bác. Cũng tại nơi đây chúng ta không chỉ giữ gìn an toàn thi hài Bác mà còn tổ chức nhiều buổi viếng Bác rất trọng thể cho nhiều đoàn đại biểu khác nhau. Tiêu biểu nhất là đoàn Bộ Chính trị, Quân ủy Trung ương do đồng chí Lê Duẩn - Bí thư thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương Đảng dẫn đầu viếng Bác vào ngày 23 tháng 8 năm 1970; đoàn cán bộ Trung ương Cục miền Nam do đồng chí Nguyễn Văn Linh dẫn đầu viếng Bác (tháng 2 năm 1974). Cũng tại nơi đây chúng ta cùng với các chuyên gia Liên xô đã nghiên cứu một số vấn đề để chuẩn bị cho việc phục vụ lễ viếng thường xuyên sau này tại Lăng Bác ở Quảng trường Ba Đình lịch sử. Ngoài ra còn nhiều cuộc trao đổi kinh nghiệm giữa các chuyên gia Liên Xô và cán bộ y tế của ta để học tập kinh nghiệm của bạn, cũng là nơi để thử thách rèn luyện cả về ý chí lý tưởng cách mạng cho tất cả các lớp cán bộ, cũng là nơi tích lũy kinh nghiệm thực tiễn trong chuyên môn nghiệp vụ về y tế, kỹ thuật, phương án bảo vệ an ninh trong điều kiện đất nước có chiến tranh.

Sau Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử (ngày 30 tháng 4 năm 1975), miền Nam hoàn toàn được giải phóng, Tổ quốc thống nhất, toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta mong đợi được đón Bác về Lăng. Đúng 16 giờ ngày 18 tháng 7 năm 1975, đoàn xe đặc biệt chở thi hài Bác được lệnh xuất phát rời K84 về Lăng của Người tại Ba Đình lịch sử. Lúc này Khu căn cứ K84 trở thành căn cứ dự phòng cho Lăng Bác.

Cuộc đời Chủ tịch Hồ Chí Minh đã in dấu khắp năm châu bốn biển, ở đâu Người cũng hiện thân của sự hòa đồng giữa con người với thiên nhiên. Bác ở Khu căn cứ K9 cũng vậy, ngay khi xây dựng ngôi nhà, làm đường sá, Người đã yêu cầu giữ lại tất

cả các cây trồng lấy gỗ. Các ngôi nhà, đường sá đều được làm trên những khoảng đất trống không có cây trồng. Bác còn tạo những mảnh vườn nhỏ để trồng các loại cây nhãn, quế, vải, bưởi, trồng rau xanh và trồng hoa. Hai loại cây được trồng ở những nơi thường xuyên Người có thể nhìn thấy được đó là cây vú sữa của miền Nam thân yêu và cây hoa dâm bụt của quê hương. Cây vú sữa được trồng ngay trước cửa sổ bàn làm việc; cây hoa dâm bụt trồng ở con đường bậc thang ngày ngày Bác vẫn đi dạo rèn luyện sức khỏe.

Có thể nói, với tư cách là chủ thể, Bác đã không chỉ giữ gìn vẻ đẹp tự nhiên nguyên sơ mà còn cải tạo, điểm tô cho thiên nhiên trở lại phục vụ con người, biến thiên nhiên trở thành đối tượng của cái đẹp dành cho con người thưởng thức, hưởng thụ. Bởi thế cho đến hôm nay các công trình đều được ẩn mình trong một không gian xanh của những tán rừng nguyên sinh. Tất cả những gì của thiên nhiên vẫn còn nguyên vẹn. Những con đường sỏi, những bậc đá trên đường dẫn xuống sông, hòn non bộ vẫn được lưu giữ như thuở nào. Bởi lẽ, bảo tồn nguyên vẹn di tích Chủ tịch Hồ Chí Minh tại K9 chính là bảo tồn một không gian thiêng liêng, một không gian thể hiện tư tưởng, đạo đức tác phong của Người. Đã qua một thời gian dài trong điều kiện thời tiết khắc nghiệt nhưng tất cả cảnh quan, kiến trúc, các di vật liên quan đến Chủ tịch Hồ Chí Minh ở đây vẫn được giữ gìn nguyên vẹn. Từ những vườn cây tự tay Người trồng tỉa đến phòng họp của Bộ Chính trị ở ngôi nhà hai tầng, phòng ở của Bác Hồ, phòng nghỉ của khách, nơi làm việc của các đồng chí bảo vệ, cơ quan văn phòng...

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã trở thành biểu tượng cho tinh hoa của dân tộc Việt Nam, lương tâm của thời đại. Chính vì vậy, những địa danh gắn với cuộc đời và sự nghiệp của Người đã trở thành di tích văn hóa, lịch sử vô giá, được các tầng lớp nhân dân và bạn bè quốc tế ngưỡng mộ, thành kính thăm viếng. Khu Di tích K9 là một trong số trên 600 địa điểm như vậy trong cả nước.

Đầu năm 1995, thực hiện ý kiến chỉ đạo của đồng chí Đỗ Mười, Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng (Khóa VIII), sau khi báo cáo Bộ Quốc phòng và Tổng cục Chính trị, Bộ Tư lệnh Bảo vệ Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chính thức tổ chức đón tiếp các cơ quan, đơn vị, đoàn thể địa phương trong cả nước đến dâng hương tưởng niệm Bác, sinh hoạt chính trị và tham quan Khu di tích. Các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước khi lên thăm Khu di tích đã trồng cây lưu niệm. Chỉ tính từ năm 1999 đến nay, từ chỗ có gần 300 đoàn đến Khu di tích trong một năm; năm 2010 đã có 4.293 đoàn với hơn 120 nghìn lượt người. Đến đây ai cũng xúc động trước những hiện vật, những công trình liên quan đến cuộc đời và sự nghiệp của Bác, khi người còn sống và lúc đã đi xa.

Trong số các Khu di tích, điểm lưu niệm về Chủ tịch Hồ Chí Minh trong cả nước, Khu Di tích K9 có một giá trị đặc biệt về ý nghĩa lịch sử, văn hóa đó là nơi Bác Hồ và các đồng chí thân thiết của Người đã làm việc và nghỉ ngơi; nơi thể hiện tình cảm cao cả của Chủ tịch Hồ Chí Minh với bầu bạn quốc tế; nơi bảo vệ, giữ gìn tuyệt đối an toàn thi hài Bác trong những năm chiến tranh ác liệt; nơi thể hiện tình cảm của nhân dân ta đối với Bác Hồ kính yêu và cũng là một căn cứ dự phòng của công trình Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh. Đây là nơi tiếp nối mạch nguồn lịch sử - văn hóa của thời đại Hồ Chí Minh. Địa danh Đá Chông nằm ở nơi bắt nguồn, nơi tiếp nối của mạch nguồn lịch sử - văn hóa, bắt đầu từ thời Hùng Vương. Đứng trên núi tổ Ba Vì ta có thể thấy Đền Thượng, Đền Trung, Đền Hạ, phóng xa tầm mắt về phía Bắc là miền trung du đất tổ Vua Hùng, phía sau là đồng bằng Bắc Bộ, Thủ đô Hà Nội ngàn năm văn hiến. Trên vùng đất địa linh nhân kiệt này có biết bao huyền thoại, tồn tại rất nhiều di chỉ khảo cổ, di tích lịch sử - văn hóa. Chắc chắn vùng đất này chứa đựng những trầm tích lịch sử - văn hóa đặc biệt, mà một linh cảm đặc biệt mà Bác đã phát hiện ra và để lại dấu ấn của mình. Khu Di tích K9, thể hiện dấu ấn của một con người có đạo đức, phong cách sống giản dị, hiện thân

của nhà văn hóa Hồ Chí Minh với tư tưởng "con người sống hòa hợp với thiên nhiên".

Di sản của Người để lại nơi đây chính là đạo đức, tác phong sống cao đẹp, giản dị, cùng một cảnh quan thiên nhiên đã được Người chăm sóc và gìn giữ. Vì thế chúng ta cần phải giữ gìn, phát huy ý nghĩa chính trị, văn hóa của Khu di tích lịch sử này để góp phần thực hiện thắng lợi Cuộc vận động *"Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh"*; giáo dục truyền thống cách mạng, tự hào dân tộc cho các thế hệ hôm nay và mai sau để chúng ta vững vàng, có niềm tin thực hiện thắng lợi mong muốn của Bác lúc sinh thời là xây dựng nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh.

Ý CHÍ VÀ NGHỊ LỰC CỦA NGUYỄN TẤT THÀNH KHI RA ĐI TÌM ĐƯỜNG CỨU NƯỚC VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA THẾ HỆ TRẺ VIỆT NAM HIỆN NAY

ThS. NGUYỄN ANH MINH*

Ngày 5 tháng 6 năm 1911, người thanh niên Nguyễn Tất Thành đã rời Bến cảng Sài Gòn ra đi tìm đường cứu nước. Đây là sự kiện lịch sử mở ra một bước ngoặt trong lịch sử cách mạng Việt Nam. Cho đến hôm nay, sau 100 năm của sự kiện lịch sử đó, nhiều người dân trong nước và bè bạn trên thế giới vẫn đang tìm câu trả lời một cách đầy đủ nhất cho câu hỏi: Vì sao Nguyễn Tất Thành một mình với hai bàn tay trắng, dám vượt đại dương đi thẳng về phía kẻ thù của chính dân tộc mình để tìm con đường cứu nước? Vì sao giữa những khó khăn gian khổ trên hành trình bôn ba tìm đường cứu nước vẫn không làm Người chùn bước, hay trước sự xa hoa tráng lệ của những đô thị và cuộc sống ở phương Tây hay nước Mỹ mà Người có dịp đặt chân đến vẫn không thể cám dỗ và làm lay chuyển được sự quyết tâm và lập trường kiên định của Người? Có thể khẳng định ý chí và nghị lực là hai yếu tố rất quan trọng giúp Nguyễn Tất Thành quyết tâm ra đi tìm đường cứu nước và cũng chính ý chí, nghị lực đã giúp Anh vượt qua tất cả những khó khăn, gian khổ trong hành trình suốt 30 năm bôn ba khắp châu lục trên thế giới để tìm con đường đi cho dân tộc Việt Nam.

---

* Phó Giám đốc Khu di tích Hồ Chí Minh tại Phủ Chủ tịch.

Ý chí và nghị lực là những tố chất, năng lực tâm lý hình thành và tồn tại, phát triển ở con người. Ý chí là khả năng tự xác định mục đích cho hành động và quyết định hướng hoạt động của mình, khắc phục mọi khó khăn nhằm đạt mục đích đó. Nghị lực là sức mạnh tinh thần tạo cho con người sự kiên quyết trong hành động, không lùi bước trước những khó khăn. Người có ý chí và nghị lực là người hội tụ đủ ba yếu tố: có sáng kiến, biết quyết định và hành động. Có sáng kiến là người biết tự vạch ra con đường đi, quyết định phải nhanh để hoạt động cho kịp thời, không do dự mà bỏ lỡ cơ hội. Song quan trọng nhất là việc thực hành và muốn thực hành phải bền chí hành động, gặp trở ngại gì cũng vượt qua cho được, phải tự chủ được mình, thắng các cám dỗ ở bên ngoài.

Ý chí và nghị lực ở mỗi con người được hình thành và phát triển khác nhau và chịu sự tác động, ảnh hưởng trong những điều kiện môi trường sống và hoàn cảnh lịch sử cụ thể, cũng như phụ thuộc rất lớn ở quá trình nhận thức ở mỗi một con người khác nhau. Ở Nguyễn Tất Thành, ý chí và nghị lực được hình thành phát triển trong môi trường sống và điều kiện hoàn cảnh lịch sử của đất nước và được bồi đắp bởi quê hương, làng xóm, gia đình, từ chính những tố chất thông minh, ham học hỏi, được thừa hưởng từ cha mẹ và từ tấm lòng yêu nước, thương dân, cũng như từ quá trình nhận thức của Người.

Sinh ra và lớn lên khi đất nước bị thực dân Pháp xâm lược, nhân dân bị lầm than đói khổ, Người sinh ra trên mảnh đất Nghệ Tĩnh, nơi giàu truyền thống yêu nước, chống ngoại xâm, nơi nuôi dưỡng nhiều anh hùng nổi tiếng trong lịch sử Việt Nam như: Mai Thúc Loan, Nguyễn Biểu, Đặng Dung, các lãnh tụ yêu nước cận đại như: Phan Đình Phùng, Phan Bội Châu. Nguyễn Tất Thành được sinh ra trong một gia đình nhà Nho nghèo yêu nước gần gũi với nhân dân, thân phụ là một nhà Nho giàu lòng yêu nước, thương dân sâu sắc, có ý chí kiên cường vượt gian khổ, khó khăn để đạt được mục tiêu, chí hướng. Thân mẫu của Người là người

phụ nữ lao động cần cù, hết mực cần mẫn, đảm đang, đôn hậu, hết mực thương yêu và chăm lo cho chồng con. Nguyễn Tất Thành được gắn bó bên cha mẹ, bên ông bà ngoại, anh chị trong tình thương yêu đùm bọc của gia đình, bà con làng xóm quê hương trong những năm tháng tuổi thơ. Những tình cảm đó đã nảy nở tình yêu đất nước và ý chí sẵn sàng hy sinh tình nhà vì đất nước, vì dân tộc.

Từ nhỏ Nguyễn Tất Thành đã đau xót chứng kiến cuộc sống nghèo khổ, bị đàn áp, bóc lột cùng cực của đồng bào mình ngay trên chính mảnh đất quê hương. Những tội ác dã man của thực dân Pháp và thái độ ươn hèn, bạc nhược của quan lại Nam triều. Anh càng cảm thông sâu sắc nỗi cực khổ của người lao động, nỗi phục mất nước của các sĩ phu, anh nhận thấy ở đâu dân cũng lam lũ đói khổ, nên dường như họ đang âm ỉ những đốm lửa muốn thiêu cháy bọn áp bức bóc lột thực dân phong kiến. Trước cảnh thống khổ của người dân mất nước đã tiếp thêm nghị lực và ý chí quyết tâm ra đi tìm đường cứu nước, đánh đuổi thực dân Pháp giải phóng đồng bào.

Ở Nguyễn Tất Thành, ý chí và nghị lực thể hiện trước hết ở khả năng tự xác định mục đích cho hành động và quyết định hướng hoạt động của mình, là tự vạch ra con đường đi cho riêng mình. Khi còn rất nhỏ Nguyễn Tất Thành là cậu bé có tố chất thông minh, ham học hỏi, thích đọc sách, nghe kể chuyện, ham hiểu biết về những điều mới lạ. Những ngày tháng theo cha trở lại quê nội, sau khi mẹ và em mất ở Huế, Nguyễn Tất Thành được cha gửi đến học chữ Hán với các thầy giáo có tư tưởng yêu nước tiến bộ như thầy Hoàng Phan Quỳnh, Vương Thúc Quý và sau là thầy Trần Thân. Những tâm tư phản kháng chế độ thực dân phong kiến của các thầy lớn dần, thấm sâu và ảnh hưởng đến tư tưởng yêu nước thương dân của Anh. Qua những buổi bàn luận thời cuộc giữa các thầy với các sĩ phu yêu nước, Nguyễn Tất Thành dần hiểu được thời cuộc và sự day dứt của các bậc cha chú trước cảnh nước

mất nhà tan. Trong những người mà cha Anh thường gặp gỡ đàm đạo có Phan Bội Châu là nhà Nho yêu nước, Nguyễn Tất Thành thường nghe cụ Phan ngâm hai câu thơ của Viên Mai:

"Mỗi bữa (ăn) không quên ghi sử sách,
Lập thân hèn nhất ấy (là) văn chương".

Câu thơ đó có tác động rất nhiều đến Nguyễn Tất Thành, góp phần định hướng cho một hoài bão lớn dần lên trong Anh, càng đi vào cuộc sống của người dân địa phương, Nguyễn Tất Thành càng thấm thía và đau xót trước thân phận của người dân mất nước, Anh đến nhiều nơi trong tỉnh, ngoài tỉnh, những chuyến đi ấy là điều kiện tốt để Nguyễn Tất Thành hiểu sâu rộng hơn và tầm nhìn xa hơn. Anh không khỏi băn khoăn khi thấy nhiều cuộc nổi dậy của dân ta không thành công và câu hỏi "làm thế nào để cứu nước" sớm hình thành lớn dần trong tâm trí Anh. Những ngày được cha xin cho học lớp dự bị ở Trường tiểu học Pháp bản xứ ở thành phố Vinh, Nguyễn Tất Thành lần đầu tiên được tiếp xúc với khẩu hiệu Tự do, Bình đẳng, Bác ái. Từ đó Anh muốn tìm hiểu nền văn minh Pháp và những gì ẩn giấu đằng sau những từ ấy. Điều đó, hơn mười năm sau khi trả lời phỏng vấn một nhà báo Nga rằng: *"Khi tôi độ 13 tuổi, lần đầu tiên tôi được nghe ba chữ tự do, bình đẳng và bác ái... và từ thuở ấy, tôi rất muốn làm quen với nền văn minh Pháp, muốn tìm hiểu xem những gì ẩn giấu đằng sau những chữ ấy"*[1]. Thời gian học tại trường Quốc học Huế, Nguyễn Tất Thành được giao lưu với những luồng tư tưởng yêu nước, tiếp xúc với nhiều sách báo Pháp, các thầy giáo của trường có những người yêu nước. Chính nhờ ảnh hưởng của các thầy giáo yêu nước và sách báo tiến bộ mà Anh được tiếp xúc, Nguyễn Tất Thành mang một bản lĩnh mới, một tầm nhìn sâu sắc về xã hội, con người, ý muốn sang phương Tây tìm hiểu tình hình các nước và học hỏi những thành tựu của văn minh nhân loại từng bước lớn dần cổ vũ cho ý chí ra đi tìm đường cứu nước. Những tháng ngày làm thầy giáo

1 Bài *Thăm một chiến sĩ cộng sản - Nguyễn Ái Quốc*, Báo *Ogoniok*, số 39, ngày 23-12-1923.

ở trường Dục Thanh, Phan Thiết, ngoài giờ lên lớp, Anh thường tìm những cuốn sách quý trong tủ sách của cụ Nguyễn Thông để đọc. Lần đầu tiên anh được tiếp cận với những tư tưởng khai sáng Pháp như: Rútxô, Vônte, Môngtétxkiơ. Sự tiếp cận với những tư tưởng mới đó càng thôi thúc ý chí và nghị lực Anh phải đi ra nước ngoài. Một lần trả lời nhà văn Mỹ, Người nói: *"Nhân dân Việt Nam trong đó ông cụ thân sinh ra tôi, lúc này thường tự hỏi nhau ai sẽ là người giúp mình thoát khỏi ách thống trị của Pháp, Người này nghĩ là Anh, có người lại cho là Mỹ. Tôi thấy phải đi ra nước ngoài xem cho rõ. Sau khi xem xét họ làm ăn ra sao, tôi sẽ trở về giúp đồng bào tôi"*[1].

Có thể nói rằng, Nguyễn Tất Thành sinh ra và lớn lên khi đất nước bị thực dân Pháp xâm lăng. Nhân dân bị nô lệ, lầm than đói khổ. Với tố chất là con người thông minh, ham học hỏi và thích khám phá những điều mới lạ. Thời gian sống ở Kinh đô Huế được học hành và tiếp xúc với nền văn hóa mới, với phong trào Duy Tân, cũng như được tiếp cận với những tư tưởng khai sáng Pháp đã cho Nguyễn Tất Thành nhiều hiểu biết mới và tư duy, tư tưởng mới tiến bộ. Nhìn lại các phong trào yêu nước như Phong trào Cần Vương; Phong trào Đông Du; Phong trào Đông Kinh Nghĩa Thục, Khởi nghĩa Yên Thế; cuộc vận động cải cách của cụ Phan Châu Trinh... Anh rất khâm phục và coi trọng các bậc tiền bối, nhưng Nguyễn Tất Thành không đi theo con đường đó. Thực tiễn thất bại của các phong trào yêu nước đầu thế kỷ XX đã đặt ra nhiều câu hỏi và tác động đến chí hướng của Nguyễn Tất Thành, để rồi Anh tự xác định mục đích cho hành động và định hướng hoạt động của mình, để có một quyết định chính xác và táo bạo, tự vạch ra con đường đi là xuất dương tìm đường cứu nước cho dân tộc.

Ý chí và nghị lực của Nguyễn Tất Thành còn thể hiện sâu sắc ở sự khắc phục mọi khó khăn, gian khổ, không lùi bước trước những khó khăn, trở ngại, luôn tự chủ được mình, vượt qua các

1 Báo *Nhân dân*, ngày 18-5-1965.

cám dỗ ở bên ngoài, kiên định lập trường, nhằm mục đính tìm con đường cứu dân tộc Việt Nam thoát khỏi nô lệ lầm than. Sinh ra trong một gia đình nhà Nho nghèo, những năm còn nhỏ Nguyễn Tất Thành đã trải qua cuộc sống khó khăn, thiếu thốn và cả nỗi đau và sự mất mát, nhất là những ngày tháng chuyển vào Huế lần đầu tiên, đó là thời gian gia đình Anh sống trong cảnh gieo neo, thiếu thốn, mẹ ngày đêm cần mẫn dệt vải, cha phải tranh thủ thời gian rỗi đi chép chữ thuê, dạy học để có thêm thu nhập cho cuộc sống khó khăn của gia đình. Có thể nói nỗi đau mất mát lớn nhất đầu tiên tác động đến tình cảm, ý chí và nghị lực trong cuộc đời Nguyễn Tất Thành đó là vào năm 1900. Cha đi coi thi ở Thanh Hóa, Nguyễn Tất Thành về ở với mẹ trong nội thành Huế, mẹ sinh bé Xin trong hoàn cảnh vô cùng khó khăn, thiếu thốn, nên lâm bệnh và qua đời, không bao lâu sau bé Xin quá yếu cũng theo mẹ. Mới 11 tuổi Nguyễn Tất Thành đã phải chịu nỗi đau mất mát quá lớn, mất mẹ và em. Hoàn cảnh khó khăn cùng với nỗi đau và sự mất mát đã tiếp thêm cho Nguyễn Tất Thành một ý chí và nghị lực để vượt qua những thử thách, gian khổ trong cuộc hành trình tìm đường cứu nước của Anh sau này.

Những năm tháng của cuộc hành trình 30 năm bôn ba tìm đường cứu nước là những tháng năm Nguyễn Tất Thành phải đối mặt và vượt qua muôn vàn khó khăn thử thách. Những ngày khó khăn, cực nhọc đầu tiên đó là những ngày Anh làm phụ bếp trên tàu Amiral Latouche Tréville (Amiran Latusơ Tơrêvin). Làm việc trong môi trường lao động khổ cực, trong bếp thì nóng, dưới hầm thì lạnh, từ lúc bốn giờ sáng Anh phải quét dọn, đốt lò, lấy than, xuống hầm khiêng thực phẩm vào bếp, lao động quần quật từ sáng đến tối, ít có thời gian rảnh rỗi. Khó nhất là thời gian đầu chưa quen lao động chân tay nặng nhọc và môi trường lênh đênh trên sóng biển. Nhiều lúc tưởng chừng như Anh không vượt qua nổi thử thách đầu tiên. Nhưng ý chí và nghị lực kiên cường, càng gian khổ, khó khăn sức chịu đựng của Anh ngày càng bền bỉ. Công

việc quen dần, nỗi vất vả như lùi lại phía sau mỗi hải lý con tàu vượt qua. Những năm tháng đặt chân đến Anh, Pháp, Mỹ, Nguyễn Tất Thành đã phải trải qua lao động gian khổ với nhiều nghề vất vả khó khăn để kiếm sống và nuôi chí lớn tìm con đường cứu nước. Những ngày ở trên nước Mỹ (1912), Nguyễn Tất Thành làm thuê tại Brúclin (ngoại thành Niu Oóc), còn ở nước Anh (1913), Nguyễn Tất Thành nhận quét tuyết cho một trường học, rồi nghề đốt lò và nhận việc rửa bát thuê, sau đó làm bánh cho khách sạn Cáclơtơn. Những ngày trở lại Pháp (1917) cuộc sống hết sức khó khăn, Nguyễn Tất Thành làm thợ làm ảnh và nhiều nghề khác như: làm đồ giả cổ, vẽ quạt, lọ hoa, chao đèn... tiền kiếm được chẳng bao nhiêu, cuộc sống vô cùng khó khăn, ăn uống thiếu thốn, tiết kiệm. Những ngày đông giá lạnh, buổi sáng trước khi đi làm, Anh để một viên gạch cạnh bếp lò, chiều về, Anh lấy viên gạch ra, bọc vào tờ báo cũ lót xuống giường nằm cho đỡ lạnh. Ăn uống thiếu thốn cùng với lao động và hoạt động vất vả, sức khỏe của Nguyễn Tất Thành giảm sút, nhưng nhờ vào ý chí nghị lực rèn luyện Anh đã vượt qua những khó khăn về sức khỏe để tiếp tục lao vào những hoạt động chính trị. Không chỉ gặp khó khăn, thiếu thốn về vật chất trong cuộc sống, mà trong cuộc hành trình suốt 30 năm bôn ba tìm đường cứu nước, Nguyễn Tất Thành luôn bị kẻ thù rình rập, theo dõi, giám sát, hăm dọa và tìm mọi thủ đoạn hãm hại Anh. Bản án tử hình vắng mặt (1929) và những ngày bị Thực dân Anh bắt giam tại Hồng Kông (Trung Quốc, 1931) mà Anh đã trải qua và tất cả những khó khăn gian khổ đó không làm Nguyễn Tất Thành chùn bước. Ngược lại, những thử thách đó càng tiếp thêm cho Anh nghị lực, ý chí và sức mạnh để cổ vũ Anh vượt qua, kiên định lập trường của mình là tìm con đường cứu nước cho nhân dân Việt Nam.

Có thể nói, ý chí và nghị lực là tố chất rất quan trọng đối với mỗi một con người, giúp con người xác định mục đích và đưa ra những quyết định cho hướng hoạt động của mình và giúp con

người vượt qua những khó khăn, thử thách nhằm đạt được mục đích. Ý chí và nghị lực của Nguyễn Tất Thành mang tính nhân văn sâu sắc và được thể hiện ở một tầm cao mới, định hướng cho một mục đính cao cả là tìm đường cứu cả dân tộc thoát khỏi ách nô lệ, đem lại tự do, ấm no, hạnh phúc cho nhân dân và cũng chính ý chí, nghị lực đã giúp Anh vượt qua tất cả những khó khăn gian khổ trong hành trình suốt 30 năm bôn ba để tìm được con đường đi đúng đắn, giải phóng đất nước, mang lại độc lập cho dân tộc Việt Nam.

Sự kiện lịch sử người thanh niên Nguyễn Tất Thành quyết chí ra đi tìm đường cứu nước, đưa dân tộc thoát khỏi ách áp bức bót lột của thực dân phong kiến, đem lại tự do hạnh phúc cho nhân dân Việt Nam cách đây tròn một thế kỷ. Nhưng những bài học về lòng yêu nước, thương dân, về ý trí, nghị lực kiên cường vượt khó khăn thử thách, về trách nhiệm của thanh niên trước vận mệnh của đất nước vẫn còn nguyên giá trị đối với thế hệ trẻ Việt Nam hiện nay. Trong suốt chiều dài lịch sử của cách mạng và qua hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, thế hệ trẻ Việt Nam đã phát huy tinh thần ý chí và nghị lực của người thanh niên Nguyễn Tất Thành trong công cuộc đấu tranh giành độc lập, như tinh thần *"Quyết tử cho Tổ quốc quyết sinh"*, tinh thần của phong trào thanh niên *"Ba sẵn sàng"*... và đã lập nên những chiến công kỳ tích, đóng góp vào thắng lợi của cách mạng giải phóng dân tộc, đem lại độc lập, tự do, thống nhất đất nước, đưa cả nước tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Trong giai đoạn cách mạng hiện nay, thế hệ trẻ Việt Nam đã và đang tiếp nối và phát huy truyền thống cách mạng các thế hệ thanh niên Việt Nam, vượt qua những khó thử thách trong quá trình đổi mới đất nước, phấn đấu lao động, tích cực học tập nâng cao trình độ, mở mang kiến thức, phát huy sức sáng tạo, tiếp thu những thành tựu khoa học công nghệ của nhân loại, nhằm xóa đói giảm nghèo, xây dựng đất nước ngày càng phát triển và nâng

cao vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế. Nhiều tấm gương sáng, những tài năng trẻ trên các lĩnh vực sản xuất kinh doanh, học tập, nghiên cứu khoa học, kỹ thuật và văn hóa nghệ thuật đã xuất hiện trong thế hệ trẻ. Nhiều phong trào của thanh niên được phát động như: *"Tuổi trẻ giữ nước"; "Thanh niên lập nghiệp"; "Thanh niên tình nguyện"*... Song bên cạnh đó, thế hệ trẻ Việt Nam hiện nay, cũng đang phải đối mặt với những khó khăn, thử thách không nhỏ, kẻ thù trong nước và quốc tế đã và đang tìm mọi cách kích động lôi kéo chống phá chế độ, gây mất ổn định chính trị. Âm mưu diễn biến hòa bình của các thế lực thù địch ngày càng tinh vi và khó lường. Mặt trái của nền kinh tế thị trường đã và đang tác động mạnh mẽ đến thanh niên, thiếu niên hiện nay. Trong thế hệ trẻ Việt Nam hiện nay, có một bộ phận không nhỏ thanh niên mất phương hướng chính trị, thiếu ý chí, nghị lực và niềm tin vào lý tưởng cộng sản chủ nghĩa, một số bàng quan, vô trách nhiệm với bản thân, gia đình và xã hội, lười lao động, trốn tránh trách nhiệm bảo vệ Tổ quốc, đua đòi lối sống hưởng lạc thực dụng, xa rời những đạo đức truyền thống của dân tộc...

Thực tiễn đó đặt ra đối với thế hệ trẻ Việt Nam hiện nay phải có bản lĩnh chính trị vững vàng, không ngừng rèn luyện ý chí và nghị lực, bồi dưỡng lý tưởng cách mạng, tinh thần yêu nước, để vượt qua những thách thức, khó khăn, biến những thách thức thành cơ hội phát triển đất nước, nhằm đóng góp sức lực và trí tuệ của mình đối với sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, vì mục tiêu: dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Điều đó chính là thể hiện trách nhiệm của thế hệ trẻ Việt Nam hiện nay đối với đất nước.

HỌC TẬP TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH TRONG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

PGS. TS. ĐẶNG VĂN THẮNG*

Tư tưởng Hồ Chí Minh là một hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam; là kết quả của sự vận dụng sáng tạo và phát triển của chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện cụ thể của Việt Nam, đồng thời là sự kết tinh tinh hoa dân tộc và trí tuệ thời đại nhằm giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp và giải phóng con người[1]. Chỉ thị 23-CT/TW, ngày 27-3-2003 của Ban Bí thư Trung ương Đảng khóa IX, về việc tổ chức đợt học tập tư tưởng Hồ Chí Minh để quán triệt, vận dụng và phát triển sáng tạo tư tưởng của Người trong công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Riêng trong công tác nghiên cứu khoa học có thể học tập tư tưởng Hồ Chí Minh với những điều cơ bản sau.

Không có việc gì khó

Trong Hồ Chí Minh toàn tập có đăng bài *Khuyên Thanh niên* với bốn câu thơ sau:

---

* Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn - Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.

1 Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các bộ môn khoa học Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, *Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2003, tr. 19.

Không có việc gì khó,
Chỉ sợ lòng không bền,
Đào núi và lấp biển,
Quyết chí ắt làm nên.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã làm bài thơ này vào trung tuần tháng 5 năm 1950, khi trên đường đi chiến dịch Biên giới, Bác đã ghé thăm một lực lượng Thanh niên xung phong[1]. Theo ông Lê Xuân Quát, một nhân chứng lịch sử được trực tiếp nghe bài thơ trên, hiện sống ở Hà Nội, thì vào thời điểm đó, ông thuộc Liên phân đội Thanh niên xung phong 312, đơn vị được Bác Hồ đến thăm và được tặng bài thơ *Khuyên Thanh niên*, khi đang xây dựng cầu Na Cù thuộc thôn Nà Cù, xã Cẩm Giàng, huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Cạn để phục vụ chiến dịch Biên giới[2].

Bài thơ *Khuyên Thanh niên* của Bác là bài thơ rất hay, ngắn gọn, dễ nhớ và là bài thơ mà tất cả các thế hệ thanh niên Việt Nam từ sau năm 1950 đều thuộc. Bài thơ *Khuyên Thanh niên* không những là bài thơ mà nhà nghiên cứu trẻ phải nhớ, mà còn là bài theo suốt cuộc đời của người làm công tác giảng dạy và nghiên cứu khoa học. Người làm công tác giảng dạy và nghiên cứu khoa học cũng không quên lời dạy của Các Mác: "*Đối với khoa học, không có con đường nào bằng phẳng thênh thang cả, chỉ có những người không sợ chồn chân mỏi gối để trèo lên những con đường nhỏ bé gập ghềnh của khoa học mới có hy vọng đạt tới đỉnh cao xán lạn của khoa học mà thôi*"[3]. Trước nữa ở Trung Quốc có tích "*Ngu Công dời núi*". Chuyện được ghi chép trong "*Liệt Tử*", là cuốn sách do nhà triết học Liệt Ngự Khẩu viết vào thế kỷ 4-5 trước Công nguyên. Chuyện kể rằng, có một ông lão tên Ngu Công đã gần 90 tuổi, trước nhà ông có hai ngọn núi lớn Thái Hàng Sơn và Vương

1 Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 6 (1950-1952), xuất bản lần thứ hai, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, tr. 95.
2 http://anbg.bienphong.com.vn/nd5/print/34358.html
3 http://maxreading.com/sach-hay/cac-ngay-le-ky-niem-va-lich-su/5-5-1818-ngay-sinh-cac-mac-2997.html

Ốc Sơn làm mọi người ra vào rất không tiện. Cuối cùng cả nhà hợp bàn đào núi và vì khối đất đá từ núi khá lớn nên phải chuyển tất cả đất đá đào được trên núi đổ xuống biển. Ngu Công dẫn cả nhà, bất kể mùa hè nóng nực, hay là mùa đông giá lạnh, hàng ngày đi sớm về tối, không ngừng đào núi. Việc làm của họ cuối cùng đã cảm động Thượng đế. Thượng đế đã cử hai vị thần tiên xuống trần gian, dọn hai ngọn núi này. Chuyện Ngu Công dời núi luôn được lưu truyền ở Trung Quốc, khuyên mọi người, bất kể gặp phải việc khó khăn ra sao, miễn là có quyết tâm có nghị lực làm thì có thể thành công[1]. Có lẽ Bác Hồ đã tiếp thu chuyện "*Ngu Công dời núi*" của Trung Quốc, nhưng điều độc đáo là ở chỗ, Bác đã chuyển câu chuyện sang thành bài thơ ngũ ngôn tứ tuyệt rất hay và dễ nhớ.

Hồ Chí Minh là một tấm gương sáng với lòng quyết tâm "*không có việc gì khó*" và Người đã dìu dắt dân tộc với quyết tâm sắt đá như vậy. Ở Lán Nà Lừa (nay thuộc thôn Tân Lập, xã Tân Trào, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang), cuối tháng 7 năm 1945, Bác Hồ đã nói với anh Văn (Võ Nguyên Giáp): "*Lúc này thời cơ thuận lợi đã tới, dù hy sinh tới đâu, dù có phải đốt cháy cả dãy Trường Sơn cũng cương quyết giành cho được độc lập*"[2]. Trong *Tuyên ngôn độc lập*, Hồ Chủ tịch đại diện Chính phủ lâm thời nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa cũng thể hiện quyết tâm: "*Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thực đã thành một nước tự do độc lập. Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do và độc lập ấy*"[3]. Học tập và làm theo lời Bác dạy mà nhiều thế hệ những nhà khoa học Việt Nam lao vào nghiên cứu khoa học với quyết tâm "*không có việc gì khó*", "*không sợ chồn chân mỏi gối để trèo lên những con đường nhỏ bé gập ghềnh của khoa học*" và vì vậy, đã có những người rất thành đạt, nổi bật như

1 http://vietnamese.cri.cn/chinaabc/chapter16/chapter160207.htm

2 http://vietbao.vn/Phong-su/Bac-Ho-nhung-ngay-o-Thu-do-gio-ngan/70060675/262/

3 Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 4 (1945 - 1946), xuất bản lần thứ hai, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, tr. 12.

Ngô Bảo Châu, sinh ngày 15 tháng 11 năm 1972 tại Hà Nội, là người Việt Nam đầu tiên giành được Huy chương Fields về Toán học và được vinh danh năm 2010. Tính đến năm 2010, ông là nhà khoa học trẻ nhất Việt Nam được Hội đồng Chức danh Giáo sư Nhà nước Việt Nam phong học hàm giáo sư...[1]

Tinh hoa văn hóa dân tộc và thế giới, tri thức của thời đại

Chủ tịch Hồ Chí Minh là một mẫu mực về việc tiếp thu tinh hoa văn hóa dân tộc và thế giới. Những nguồn tư tưởng có ảnh hưởng đến Bác Hồ đó là tư tưởng và truyền thống văn hóa Việt Nam (chủ nghĩa yêu nước và ý chí bất khuất đấu tranh để dựng nước và giữ nước; tinh thần nhân nghĩa, truyền thống đoàn kết, tương thân tương ái; truyền thống lạc quan yêu đời; cần cù, dũng cảm, thông minh, sáng tạo) và tinh hoa văn hóa nhân loại (như tiếp thu Nho giáo và đưa vào đó những nội dung và ý nghĩa mới; tiếp thu những mặt tích cực của Phật giáo; tiếp thu tư tưởng và văn hóa phương Tây và tìm ra con đường dẫn đến chủ nghĩa Lênin...)[2]. "*Dân tộc ta, nhân dân ta, non sông đất nước ta đã sinh ra Hồ Chủ tịch, người anh hùng dân tộc vĩ đại, và chính người đã làm rạng rỡ dân tộc ta, nhân dân ta, non sông đất nước ta*"[3].

Người làm công tác giảng dạy và nghiên cứu nên học tập, tiếp thu những tinh hoa trong lĩnh vực nghề nghiệp của mình, trong đó có những công trình, những cá nhân xuất sắc. Chúng ta có thể học tập từ cách đặt tên đề tài, các chương mục thế nào cho hợp lý, khoa học, cách tìm và sử dụng các nguồn tài liệu, các phương pháp sử dụng trong nghiên cứu, nội dung đã được giải quyết, cách hành văn... Chẳng hạn như để viết địa chí ở Nam Bộ thì không thể không tham

1 http://vi.wikipedia.org/wiki/Ng%C3%B4_B%E1%BA%A3o_Ch%C3%A2u

2 Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các bộ môn khoa học Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, *Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2003, tr. 30 - 41.

3 http://vi.wikisource.org/wiki/%C4%90i%E1%BA%BFu_v%C4%83n_H%E1%BB%93_Ch%E1%BB%A7_t%E1%BB%8Bch

khảo, học tập bộ sách *Đại Nam nhất thống chí Lục tỉnh Nam Việt*[1], bộ sách *Gia Định thành thông chí* của Trịnh Hoài Đức[2]... Trong lĩnh vực khảo cổ học không thể không nghiên cứu, học tập những bài viết trong *Tác phẩm được tặng giải thưởng Hồ Chí Minh* của GS. Hà Văn Tấn[3] như: *Người Phùng Nguyên và đối xứng*; *Đóng góp vào lịch sử một kiểu khuyên tai*; *Từ đồ gốm Phùng Nguyên đến trống đồng*; *Óc Eo - Những yếu tố nội sinh và ngoại sinh*... Hay nghiên cứu về nguồn gốc của các xã hội nông nghiệp trên thế giới cần tham khảo, học tập tác phẩm *Những nhà nông đầu tiên* của Peter Bellwood[4]. Trong đó Peter Bellwood đã đề cập vấn đề nông nghiệp trên phạm vi toàn thế giới như: Khởi đầu nông nghiệp ở Tây Á; Tìm dấu vết sự lan tỏa của nông nghiệp từ vùng Lưỡi Liềm Màu Mỡ - châu Âu và châu Á; Châu Phi - Một trung tâm phát triển nông nghiệp độc lập; Sự khởi đầu của nông nghiệp ở Đông Á; Sự lan tỏa nông nghiệp tới Đông Nam Á và châu Đại Dương... Trong nghiên cứu về gốm sứ không thể không tiếp cận và học tập tác phẩm *Khảo về đồ sứ cổ Trung Hoa* mà Vương Hồng Sển đã dựa vào cuốn sách của bà Daisy Lion - Goldschmidt: *Les poteries et porcelaines chinoises* (Đồ gốm và đồ sứ Trung Hoa) và có thêm phần hiểu biết của ông về gốm sứ[5]. Hay nghiên cứu một số sách của một số học giả nước ngoài khá nổi tiếng: *Ceramics Traditions of South-East Asia* (Truyền thống gốm của Đông Nam Á) của John Guy[6]; *Vietnamese Ceramics: A separate tradition* (Gốm Việt Nam: Một truyền thống riêng biệt)[7]...

1 *Đại Nam nhất thống chí Lục tỉnh Nam Việt*, dịch giả Tu trai Nguyễn Tạo, tập thượng, tập trung, tập hạ, Nha văn hóa Phủ quốc vụ khanh đặc trách văn hóa tái bản, 1973.

2 Trịnh Hoài Đức, *Gia Định thành thông chí*, dịch giả Tu trai Nguyễn Tạo, tập thượng, tập trung, tập hạ, Nha văn hóa Phủ quốc vụ khanh đặc trách văn hóa xuất bản, 1972.

3 Hà Văn Tấn, Tác phẩm được tặng giải thưởng Hồ Chí Minh, *Theo dấu các văn hóa cổ*, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội, 2003.

4 Peter Bellwood, *Những nhà nông đầu tiên - Nguồn gốc của các xã hội nông nghiệp*, Tạ Đức - Nguyễn Việt *dịch*, Nxb. Thế giới, 2010.

5 Vương Hồng Sển, *Khảo về đồ sứ cổ Trung Hoa*, Nxb. Phương Đông, 2006.

6 John Guy, *Ceramics Traditions of South-East Asia*, Second impression, Oxford University Press, New York, 1990.

7 John Stevenson and John Guy, *Vietnamese Ceramics: A separate tradition*, Chicago, Art Media Resources with Avery Press, 1997.

Ngoài ra người làm công tác giảng dạy và nghiên cứu khoa học để không bị lạc hậu, tụt hậu còn cần chú ý học tập tri thức của thời đại. Hiện nay, nhà khoa học Việt Nam không những quan tâm tìm hiểu sử dụng công nghệ thông tin phục vụ cho công tác nghiên cứu khoa học, mà còn phải học tập sử dụng phương tiện và phương pháp nghiên cứu hiện đại để nghiên cứu. Đơn cử như trong ngành khảo cổ học không phải nhà khảo cổ nào cũng sử dụng được tương đối về vi tính. Những phương tiện nghiên cứu hiện đại như: *Kỹ thuật dò tìm từ xa - rada dò tìm theo hướng thẳng đặt trên máy bay* (Sideways-Looking Airborne Radar) viết tắt là SLAR; *Phương pháp đo địa chấn và âm học* (Seismic and Acoustic Methods); *Phương pháp điện từ* (Electromagnetic Methods)[1]...

Lý luận gắn với thực tiễn

Chủ nghĩa Mác - Lênin cho rằng, thực tiễn là nguồn gốc, là động lực của nhận thức, là cơ sở và là tiêu chuẩn của chân lý. Trong cuộc đời hoạt động của mình, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn bám sát thực tiễn cách mạng dân tộc và thế giới, coi tổng kết thực tiễn là biện pháp không chỉ nâng cao năng lực hoạt động thực tiễn, mà còn là điều kiện để nâng cao trình độ lý luận. Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: *Thực tiễn không có lý luận hướng dẫn thì thành thực tiễn mù quáng, dễ mắc bệnh chủ quan; Lý luận mà không liên hệ với thực tiễn là lý luận suông*. Nghiên cứu, học tập tư tưởng Hồ Chí Minh cần phải quán triệt quan điểm lý luận gắn liền với thực tiễn, học đi đôi với hành, phải biết vận dụng những kiến thức đã học vào cuộc sống, thực tiễn, phục vụ cho sự nghiệp cách mạng của đất nước[2].

Mỗi một ngành khoa học đều có phần lý thuyết và phần liên hệ thực tiễn để kiểm nghiệm và tìm ra chân lý, cũng như để bổ sung và nâng cao hơn về mặt lý thuyết. Có thể nêu một dẫn chứng về ngành khảo cổ học. Theo GS. Hà Văn Tấn: "*Khảo cổ học là khoa*

1 Colin Renfrew - Paul Bahn, *Khảo cổ học - Lý thuyết, phương pháp và thực hành*, Đặng Văn Thắng, Lê Long Hồ, Trần Hạnh Minh Phương *dịch*, Nxb. Trẻ, 2007, tr. 98 - 114.

2 Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh*, tái bản có sửa chữa, bổ sung, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2010, tr. 18.

học sử dụng sử liệu vật chất để soi sáng lịch sử và lối sống của con người thời quá khứ". Còn theo Bách khoa toàn thư mở Wikipedia: "*Khảo cổ học là ngành khoa học nghiên cứu những nền văn hóa của loài người qua tiến trình phục chế, tìm hiểu tài liệu và phân tích những dữ liệu về văn hóa và môi trường, trong đó gồm: kiến trúc, vật tạo tác, di tích tự nhiên, hài cốt cũng như phong cảnh*"[1]. Khảo cổ học có thể là một ngành khoa học và thành một khoa độc lập trực thuộc trường như Khoa Khảo cổ của Đại học Boston của Mỹ (Department of Archaeology, Boston University); Khảo cổ học có thể xem như là một phần, một phân nhánh của Nhân học (Archaeology as Anthropology) và vì thế lại thuộc Khoa Nhân học như đa số các đại học ở các nước ở Bắc Mỹ; Khảo cổ học cũng có thể được xem xét là một ngành khoa học, nghiên cứu giai đoạn lịch sử của loài người khi chưa có chữ viết và *minh họa* (cho những gì được coi như đã biết từ di tích thành văn), *bổ sung* (cho những gì chưa biết từ các ghi chép của sử), *thách đố* (mang tính thay thế và tranh đua: dữ liệu khảo cổ được dùng để sửa chữa những ấn tượng sai lầm thu được từ chứng liệu thành văn) cho việc nghiên cứu giai đoạn lịch sử loài người khi có chữ viết[2], và vì thế có thể đưa ngành khảo cổ học vào Khoa Lịch sử (Archaeology as History). Như vậy về mặt lý thuyết, khảo cổ học có thể sử dụng tư liệu vật chất để nghiên cứu ở nhiều góc độ khác nhau: chuyên sâu về khảo cổ học, nghiên cứu dưới góc độ nhân học hay nghiên cứu dưới góc độ lịch sử. Đó là do việc vận dụng lý thuyết của ngành khoa học này vào thực tiễn của mỗi nước.

Ở Việt Nam, ngay từ khi hình thành ngành khảo cổ học, các nhà khảo cổ học Việt Nam đã xác định: "*Khảo cổ học là một ngành của khoa học lịch sử, nó nghiên cứu quá khứ của loài người căn cứ vào những sử liệu bằng vật thật*"[3]. Sở dĩ ở Việt Nam, khảo cổ

1 http://vi.wikipedia.org/wiki/Kh%E1%BA%A3o_c%E1%BB%95_h%E1%BB%8Dc

2 Gina L. Barnes, *Tìm hiểu các nước trên thế giới Trung Quốc, Triều Tiên và Nhật Bản - Đỉnh cao văn minh Đông Á*, Nxb. Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, 2004, tr. 25.

3 Trần Quốc Vượng, Hà Văn Tấn, Diệp Đình Hoa, *Cơ sở khảo cổ học*, Nxb. Đại học và Trung học chuyên nghiệp, Hà Nội, 1978, tr. 12.

học được xem là một ngành của khoa học lịch sử là do thực tiễn ở Việt Nam và từ thực tiễn đó có thể bổ sung cho lý thuyết khảo cổ học, rằng khảo cổ học có thể và cần phải phục vụ cho việc nghiên cứu lịch sử. Riêng ở Việt Nam điều đó càng cần thiết hơn, bởi lẽ:

Chữ viết trên thế giới chỉ ra đời cách nay 5.000 - 6.000 năm, giai đoạn lịch sử loài người không có chữ viết còn sớm hơn nhiều, cách nay 5 triệu năm. Ở Việt Nam chữ viết ra đời rất muộn, sách viết về sử càng muộn hơn. Mãi đến năm 1272 mới xuất hiện cuốn sách *Đại Việt sử ký* của Lê Văn Hưu và nay cũng không còn.

Tài liệu bằng chữ viết có nhiều ưu thế hơn so với tài liệu bằng hiện vật. Nhưng tài liệu bằng chữ viết cũng có hạn chế: càng lùi về quá khứ tài liệu chữ viết càng ít; hạn chế bởi cách nhìn, lập trường của người viết; hạn chế bởi phạm vi vấn đề được đề cập. Cho nên rất cần tư liệu khảo cổ học để *minh họa, bổ sung, thách đố* trong việc nghiên cứu lịch sử...

Phương pháp nghiên cứu liên ngành

Là một nhà khoa học, nhà tư tưởng, Hồ Chí Minh đã thể hiện tư tưởng của mình như một hệ thống, bao quát nhiều lĩnh vực: tư tưởng triết học, tư tưởng kinh tế, tư tưởng chính trị, tư tưởng quân sự, tư tưởng văn hóa, tư tưởng đạo đức..., trong mỗi lĩnh vực lại có thể tìm thấy những hệ thống nhỏ. Cần thiết phải áp dụng các phương pháp liên ngành khoa học xã hội và nhân văn, lý luận chính trị để nghiên cứu hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh, cũng như mỗi tác phẩm lý luận riêng của người[1].

Người làm công tác giảng dạy và nghiên cứu khoa học đều phải học tập Hồ Chí Minh, một tấm gương sáng với việc tìm hiểu/ nghiên cứu liên ngành trong khoa học xã hội và nhân văn.

Nghiên cứu liên ngành là một phương pháp nghiên cứu hiện đại trong nghiên cứu khoa học. Theo GS. TS. Nguyễn Quang Ngọc:

1 Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh*, tái bản có sửa chữa, bổ sung, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2010, tr. 21-22.

"*Liên ngành nói một cách giản đơn là sử dụng đồng thời, thực sự khách quan và bình đẳng nhiều phương pháp chuyên ngành, nói chính xác ra là từ hai phương pháp chuyên ngành trở lên, cho nhận thức về một sự vật hay một hiện tượng nào đó*"[1]. GS. TS. Nguyễn Quang Ngọc cho rằng: "*Yêu cầu phát triển của khoa học là quá trình chuyên môn hóa, chuyên ngành hóa phải đồng thời với quá trình mở rộng liên kết, thâm nhập vào nhau, hòa quyện lẫn nhau giữa các chuyên ngành khoa học. Phương pháp tiếp cận liên ngành - Inter-disciplinary - nảy sinh trong bối cảnh như thế và càng ngày càng trở thành xu thế quan trọng trên thế giới cũng như ở Việt Nam*"[2]. GS. TS. Nguyễn Quang Ngọc cũng lưu ý: "*Cái khó nhất của phương pháp liên ngành là ở chỗ nó đòi hỏi người ta sử dụng cùng lúc nhiều phương pháp khác nhau, nhưng lại không được coi phương pháp nào là chính, phương pháp nào chỉ là bổ trợ. Vì thế, nghiên cứu liên ngành ít áp dụng cho các đề tài nghiên cứu cá nhân, mà thường tổ chức nghiên cứu theo các nhóm nghiên cứu liên ngành. Nhóm nghiên cứu liên ngành sẽ bao gồm một số các chuyên gia thuộc những lĩnh vực chuyên môn khác nhau, nhưng phải thật hiểu và tôn trọng nhau, cùng nhau hợp tác nghiên cứu một đối tượng chung*"[3].

PGS. TS. Nguyễn Hữu Thụ thì định nghĩa: "*Tiếp cận liên ngành trong khoa học là cách thức tổ chức, tiến hành nghiên cứu có sử dụng quan điểm, tri thức và phương pháp nghiên cứu của một nhóm chuyên gia thuộc các chuyên ngành khác nhau để giải quyết vấn đề một cách toàn diện, khách quan và hiệu quả nhất*"[4].

1 http://ussh.edu.vn/de-nghien-cuu-lien-nganh-that-su-tao-ra-nhung-thay-doi-ve-chat/1948
2 http://ussh.edu.vn/de-nghien-cuu-lien-nganh-that-su-tao-ra-nhung-thay-doi-ve-chat/1948
3 http://ussh.edu.vn/de-nghien-cuu-lien-nganh-that-su-tao-ra-nhung-thay-doi-ve-chat/1948
4 http://ussh.edu.vn/tinh-tat-yeu-cua-nghien-cuu-lien-nganh-trong-khxh-nv/1349

Qua định nghĩa và giải thích của GS. TS. Nguyễn Quang Ngọc và PGS. TS. Nguyễn Hữu Thụ đã khá rõ về nghiên cứu liên ngành. Nhưng ở đây, có lẽ cần phân biệt khái niệm nghiên cứu liên ngành và cách sử dụng phương pháp này vào những trường hợp cụ thể là ***cá nhân*** hay ***nhóm nghiên cứu***. Có thể hiểu:

Nghiên cứu liên ngành *(Interdisciplinary Research) là phương pháp sử dụng quan điểm, tri thức và phương pháp nghiên cứu của nhiều ngành khoa học khác nhau nhằm giải quyết vấn đề nghiên cứu một cách toàn diện và hiệu quả.*

Tiếp cận liên ngành *(Interdisciplinary Approach) là phương pháp tiếp cận vấn đề nghiên cứu bằng việc sử dụng quan điểm, tri thức và phương pháp nghiên cứu của nhiều ngành khoa học khác nhau nhằm giải quyết vấn đề nghiên cứu một cách toàn diện và hiệu quả.*

Cũng nhờ nghiên cứu liên ngành mà cho đến nay đã có cuốn sách *Hoàng thành Thăng Long* khá hấp dẫn. Có thể giới thiệu tên 9 chương được trình bày trong sách của những nhà khoa học thuộc một số ngành khác nhau đi sâu nghiên cứu các lĩnh vực như:

Cấm Thành - Hoàng thành qua các cuộc khai quật
Đoan Môn và con đường lát gạch hoa thời Trần
Trường Lạc cung của Thái hoàng Thái hậu
Nét đẹp của đồ gốm sứ trong hoàng cung Thăng Long
Những dấu tích cung điện xưa
Giếng ở Hoàng thành
Những viên gạch kể chuyện mình
Giảng võ trường
Thăng Long trong bề dày lịch sử[1].

Cũng nhờ thành quả của nghiên cứu liên ngành, mà vào lúc 6 giờ 30 sáng 1 tháng 8 (tức 22 giờ 30 ngày 31 tháng 7 theo giờ

1 Tống Trung Tín (chủ biên), *Hoàng thành Thăng Long*, Nxb. Văn hóa Thông tin, Hà Nội, 2006.

Brazil), kỳ họp lần thứ 34 của Ủy ban di sản thế giới của UNESCO họp tại Brasilia, thủ đô của Brazil, đã thông qua Nghị quyết công nhận khu Trung tâm Hoàng thành Thăng Long - Hà Nội là Di sản văn hóa thế giới[1].

Nhật ký trong tù (nguyên văn chữ Hán: 獄中日記 - Hán-Việt: *Ngục trung nhật ký*) là một tập thơ của Hồ Chí Minh, viết từ ngày 29 tháng 8 năm 1942 đến ngày 10 tháng 9 năm 1943, trong thời gian Bác bị chính quyền Tưởng Giới Thạch bắt giam và giải đi khắp các nhà giam ở Quảng Tây, Trung Quốc. Trong *Nhật ký trong tù* có bài thơ mà tôi rất tâm đắc. Đó là bài *Nghe tiếng giã gạo*:

聞舂米聲	**Văn thung mễ thanh** (phiên âm)	**Nghe tiếng giã gạo** (Văn Trực, Văn Phụng dịch)
米被舂時很痛苦	Mễ bị thung thì, hấn thống khổ,	*Gạo đem vào giã bao đau đớn,*
既舂之後白如綿	Ký thung chi hậu, bạch như miên;	*Gạo giã xong rồi, trắng tựa bông;*
人生在世也這樣	Nhân sinh tại thế dã giá dạng,	*Sống ở trên đời người cũng vậy,*
困難是你玉成天	Khốn nan thị nhĩ ngọc thành thiên.	*Gian nan rèn luyện mới thành công*[2].

Tôi tin chắc rằng, sống ở trên đời, dù làm bất cứ ngành nghề nào nói chung hay riêng ngành giảng dạy và nghiên cứu khoa học, đều có thể học tập tư tưởng Hồ Chí Minh. Người làm công tác giảng dạy và nghiên cứu khoa học phải chấp nhận "*không sợ chồn chân mỏi gối để trèo lên những con đường nhỏ bé gập ghềnh của khoa học*", với quyết tâm *không có việc gì khó*; tiếp thu *tinh hoa văn hóa của dân tộc và thế giới, tri thức của thời đại*; *lý luận gắn với thực tiễn* và sử dụng *phương pháp nghiên cứu liên ngành*... Và nếu muốn thành công, không bao giờ được quên lời dạy của Bác Hồ:

"***Gian nan rèn luyện mới thành công***".

1 http://www.vietnamplus.vn/Home/Hoang-Thanh-Thang-Long-la-di-san-van-hoa-the-gioi/20108/54961.vnplus

2 http://vi.wikipedia.org/wiki/Nh%E1%BA%ADt_k%C3%BD_trong_t%C3%B9

HỌC TẬP TẤM GƯƠNG TỰ HỌC CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH

PHẠM THU HÀ*

Dân tộc Việt Nam vốn là một dân tộc thông minh và có truyền thống hiếu học. Quá trình lịch sử hào hùng đấu tranh chống ngoại xâm, dựng nước và giữ nước của dân tộc ta đã sản sinh ra rất nhiều nhân tài, xuất thân mỗi người tuy khác nhau nhưng họ đều có điểm chung là tinh thần hiếu học. Chính tinh thần hiếu học ấy, cộng thêm ý chí đã giúp họ vượt qua mọi khó khăn để học thành tài và đỗ đạt cao trong các kỳ thi. Nhưng hơn hết những tấm gương ấy cũng tự trau dồi và rèn luyện để trở thành những nhân cách đạo đức lớn, đã góp sức mình giúp dân, giúp nước và được sử sách lưu danh như những người có công đối với dân tộc, để lại tiếng thơm cho đời sau như: Mạc Đĩnh Chi, Nguyễn Hiền, Lê Văn Hưu... Tiếp nối truyền thống hiếu học của dân tộc và bằng khả năng của mình - Chủ tịch Hồ Chí Minh chính là một mẫu mực về tinh thần ham học, đặc biệt là khả năng tự học. Tự học là một mặt cần thiết trong quá trình tiếp nhận tri thức, là hoạt động có mục đích của con người. Đó là quá trình con người tự tìm tòi, tự nghiên cứu bằng khả năng sức lực của mình, nghĩa là tự mình lao động trí óc để chiếm lĩnh kiến thức. Tự học ở đây nói đến phần tích cực, chủ động, quyết đoán của người học. Với Chủ tịch Hồ Chí Minh, tự học có vai trò đặc biệt quan trọng, là một trong những yếu tố

* Bảo tàng Hồ Chí Minh.

quyết định tạo nên thiên tài và trí tuệ ở Người. Tự học không chỉ làm thay đổi cuộc đời Người, mà còn làm thay đổi số phận của cả dân tộc Việt Nam.

Trước khi ra đi tìm đường cứu nước, Bác đã học lớp trung đẳng (lớp nhì) tại Trường Quốc học Huế và lớp cao đẳng (lớp nhất) ở Trường Tiểu học Quy Nhơn với thầy Phạm Ngọc Thọ. Trong thời gian hoạt động ở nước ngoài, Người đã học ở Trường Đại học Phương Đông (1923), Đại học Quốc tế Lênin (1934), nghiên cứu sinh Viện nghiên cứu các vấn đề thuộc địa (1937). Nhưng Bác chỉ nhận mình tự học và trên thực tế cả cuộc đời Bác tự học là chính.

Trong bản khai lý lịch đại biểu tham dự Đại hội VII Quốc tế Cộng sản tại Mátxcơva, tháng 7-1935, Chủ tịch Hồ Chí Minh ghi rõ tại "Mục 7. *Trình độ học vấn: Tự học*"[1]. Ngày 1-9-1961, đến dự Hội nghị chuyên đề sinh viên quốc tế họp ở Việt Nam, Hồ Chí Minh đã tâm sự: "*Về văn hóa: Tôi chỉ học hết lớp tiểu học... Về sự hiểu biết phổ thông: Năm 17 tuổi, tôi mới thấy ngọn đèn điện lần đầu tiên, 29 tuổi mới nghe Rađiô lần đầu tiên*"[2]. Nhưng chúng ta ai cũng biết, Người có một trình độ học vấn rộng lớn, uyên bác mà cả thế giới phải khâm phục và thừa nhận. Nhà nghiên cứu Vaxiliép đã viết trong tác phẩm "Về cách mạng Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh" (Ủy ban KHXH, 1990): "*Hiếm có một chính khách nào của thế kỷ XX có thể sánh được với Hồ Chí Minh, về trình độ học vấn, tầm hiểu biết rộng lớn, và sự thông minh trong cuộc đời...*" và nghị quyết của Tổ chức giáo dục, khoa học và văn hóa Liên hợp quốc (UNESCO) đã viết "*... những đóng góp quan trọng và nhiều mặt của Chủ tịch Hồ Chí Minh trên các lĩnh vực văn hóa, giáo dục và nghệ thuật chính là sự kết tinh của truyền thống văn hóa hàng ngàn năm của dân tộc Việt Nam và những tư tưởng của Người là hiện thân của những khát vọng của các dân*

1 *Hồ Chí Minh Biên niên tiểu sử*, tập 2, Nxb. *Chính trị Quốc gia*, Hà Nội, 2006, tr. 60.
2 Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 10, Nxb. *Chính trị Quốc gia*, Hà Nội, 1996, tr. 389.

tộc mong muốn được khẳng định bản sắc văn hóa của mình và mong muốn tăng cường sự hiểu biết lẫn nhau giữa các dân tộc"[1].

Những đánh giá trên cho thấy: Chủ tịch Hồ Chí Minh đã miệt mài học tập suốt cả cuộc đời, nói đúng hơn là không ngừng tự học. Sự thông minh do trời phú hay di truyền chỉ chiếm một phần nhỏ trong việc tạo thành nhân tài. Nếu không có sự say mê nỗ lực học tập, như một nhu cầu cấp thiết của bản thân, thì có năng lực trời phú cũng không thành công. Cuộc đời hoạt động cách mạng của Hồ Chí Minh cũng chính là một đời tự học bền bỉ, làm cách mạng bằng tự học, và tự học để làm cách mạng. Với những tác phẩm đồ sộ và phong phú, với khối lượng kiến thức uyên thâm trên nhiều lĩnh vực mà Hồ Chí Minh để lại cho chúng ta, ngoài giá trị lớn lao trên nhiều mặt, còn là một bằng chứng sống về tấm gương tự học suốt đời của một nhà yêu nước vĩ đại, nhà văn hóa tài ba đáng khâm phục và ngạc nhiên. Nếu không có vốn kiến thức được tích lũy bằng con đường tự học suốt đời của Bác, thì làm sao Người để lại cho dân tộc ta và nhân loại những tác phẩm bất hủ ấy?

Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn nhắc nhở ngành giáo dục cũng như mỗi người học phải nâng cao và hướng dẫn việc tự học, "phải biết tự động học tập". Người nói, nền giáo dục mới của chúng ta nhằm biến quá trình đào tạo thành quá trình tự đào tạo, để vươn lên nắm vững tri thức khoa học và hiểu biết cũng như khả năng thực hành về mọi mặt của đời sống. Xuất phát từ tư duy, lý tưởng và những kinh nghiệm phong phú, có ý nghĩa sâu sắc của mình trong quá trình tự học bền bỉ và sáng tạo, Hồ Chí Minh đã có những chỉ dẫn rất đúng đắn, thiết thực và hiệu quả đối với việc tự học. Đó là:

1. Xác định mục đích và xây dựng động cơ học tập đúng đắn

Trong việc chỉ đạo mọi hoạt động cách mạng từ học tập, nghiên cứu, sáng tạo đến hoạt động thực tiễn, Người luôn giáo dục chúng

1 Lưu tại Kho Tư liệu Bảo tàng Hồ Chí Minh.

ta trước hết phải trả lời câu hỏi: "để làm gì?" và câu trả lời của Người là học để phụng sự Tổ quốc, nhân dân; để cống hiến cho sự nghiệp cách mạng giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp và giải phóng con người một cách triệt để. Vì vậy, tự học của Người có mục đích cuối cùng là làm cách mạng, giải phóng dân tộc và xây dựng đất nước. Người đã đưa cách mạng Việt Nam đến thắng lợi bằng sự vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào hoàn cảnh cụ thể ở Việt Nam.

Học để "phụng sự" tức là làm việc, là lãnh nhận sứ mệnh trước quốc dân, đồng bào, là cống hiến, đặt lợi ích của Tổ quốc, nhân dân lên hết thảy. Đó là ý nghĩa đích thực của sự học theo quan điểm khoa học và cách mạng, tiến bộ và nhân văn. Hai mươi mốt tuổi với hai bàn tay trắng, người thanh niên yêu nước Nguyễn Tất Thành chỉ có một khát vọng cháy bỏng là ra đi tìm đường giải phóng dân tộc. Chính khát vọng đó đã hun đúc cho người thanh niên mảnh khảnh một sức mạnh phi thường, bền bỉ tự học, tự đào tạo để có đủ khả năng cứu nước, cứu dân. Sau này, ở cương vị Chủ tịch Đảng, Chủ tịch nước, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn nói với nhân dân về lợi ích của sự học mới, về ý nghĩa của sự học cao cả ấy "Học để tiến bộ mãi, càng tiến bộ càng thấy cần phải học".

Trong lời ghi ở trang đầu Quyển sổ vàng của trường Nguyễn Ái Quốc Trung ương, Người viết: "*Học để làm việc, làm người, làm cán bộ. Học để phụng sự đoàn thể, giai cấp và nhân dân, Tổ quốc và nhân loại*"[1]. Nói chuyện tại Đại hội giáo dục phổ thông toàn quốc, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ rõ: "*Dạy và học cần phải theo nhu cầu của dân tộc, của Nhà nước*"[2]. Trong *Thư gửi các cháu lưu học sinh Việt Nam học ở Mátxcơva*, Người căn dặn: "*Các cháu học kỹ thuật và học tiếng Nga cần nhận rõ mình học cốt để phục vụ Tổ quốc, phục vụ nhân dân. Học ngành nào cũng cần phải căn cứ vào nhu cầu của Tổ quốc, của nhân dân mà định, không*

1 Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 5, Sđd, tr. 684.
2 Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 8, Sđd, tr. 138.

thể tùy theo sở thích của riêng mình"[1]... Có thể thấy, xuyên suốt tư tưởng Hồ Chí Minh không có việc học nào hơn việc học để làm người, giúp đời, phụng sự Tổ quốc và nhân dân. Đó cũng chính là cái học của người cách mạng, của đạo đức xã hội chủ nghĩa, của những con người thấm đẫm trong mình lý tưởng cộng sản.

Tiếp thu tinh thần hiếu học của cha ông, song ở Chủ tịch Hồ Chí Minh, việc học của dân tộc Việt Nam, của người Việt Nam đã mang nội dung ý nghĩa mới, học không phải vì cái cá nhân chật hẹp "vinh thân phì gia", mũ cao áo dài, cân đai võng lọng, mà học có một mục đích, ý nghĩa cao đẹp, tràn đầy lý tưởng nhân văn cao cả, để làm người, phụng sự Tổ quốc, phụng sự nhân dân, làm lợi cho dân, cho nước. Thấm nhuần lý tưởng học đó mà hàng vạn thanh niên trí thức dưới chế độ mới, kể cả những trí thức được đào tạo ở Pháp (chế độ thực dân cũ) đã ra sức phấn đấu học hỏi, nắm bắt khoa học, kỹ thuật phục vụ sự nghiệp kháng chiến và xây dựng xã hội chủ nghĩa. Nhiều người đã từ bỏ trời Tây hoa lệ, trở về sống đồng cam cộng khổ, cùng nhân dân phục vụ kháng chiến, kiến quốc, tiêu biểu như bác sĩ Đặng Văn Ngữ, kỹ sư Phạm Quang Lễ (anh hùng Trần Đại Nghĩa) và nhiều trí thức dưới chế độ cũ đã sẵn sàng ra gánh vác việc nước như Tiến sĩ Nho học Huỳnh Thúc Kháng, nhân sĩ Vũ Đình Hòe...

Theo quan niệm của Chủ tịch Hồ Chí Minh, việc xác định động cơ học tập không chỉ là vấn đề của học tập, mà đó là vấn đề đạo đức, là nhân cách của người học. Đây chính là phần quyết định hiệu quả của việc tự học. Trong suốt quá trình tự học của mình, dù là học tiếng nước ngoài, học tri thức cách mạng hay học văn hóa, học làm báo..., Người luôn luôn tự xác định cho mình mục đích học tập đúng đắn. Người tự học với ý nguyện cao cả là tìm con đường đấu tranh cứu nước, cứu dân, làm cho Tổ quốc được độc lập, nhân dân được tự do, đồng bào ai cũng được hạnh phúc. Mục đích, động cơ này trở thành nguồn động lực thường

1 Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 8, Sđd, tr. 25.

xuyên thôi thúc Người một cách mạnh mẽ trong việc tự học và khắc phục mọi hoàn cảnh làm chủ những tri thức phong phú của nhân loại, để làm cách mạng và đem lại cuộc sống tốt đẹp hơn cho mỗi con người.

2. Có phương pháp học tập hiệu quả

Phương pháp ở đây chính là cách học, cách tiếp nhận tri thức, đồng thời cũng thể hiện bằng việc lập kế hoạch, việc sắp xếp thời gian học tập, sự bền bỉ, kiên trì thực hiện kế hoạch đến cùng, không lùi bước trước mọi trở ngại.

Thứ nhất, Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ ra phạm vi học tập: học ở nhà trường, học ở thầy, học ở bạn, học trong sách vở và học nhân dân. Quá trình lao động, làm việc là quá trình tự học tập, tích lũy, bổ sung kinh nghiệm và đúc rút kiến thức từ thực tiễn. Trên hành trình tìm đường cứu nước, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã có hơn 30 năm hoạt động ở nước ngoài. Người qua bốn châu lục, ba đại dương, đặt chân lên 29 quốc gia. Đi đến đâu, Người cũng học, tìm mọi cách để học. Người tìm hiểu phong tục tập quán ở nơi mình đi qua để nâng cao tri thức; học nghề để kiếm sống, kiếm sống để hoạt động cách mạng. Người đã học và làm rất nhiều nghề khác nhau, bắt đầu từ việc làm thợ đốt lò trên tàu viễn dương, làm đầu bếp ở Mỹ, quét tuyết ở Anh, viết báo, viết truyện, viết kịch, làm thợ chụp ảnh... Làm rất nhiều việc, nhưng nhờ tự học mà Người làm việc gì cũng giỏi. Danh họa Pablô Picátxô, người có cảm tình đặc biệt với cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam, đã nhận xét về bức tranh Nguyễn Ái Quốc vẽ trên báo *Le Paria (Người cùng khổ)*: "*Chỉ mấy nét vẽ này ta đã thấy một tư tưởng, một tâm hồn đẹp tàng ẩn bên trong*" và ông cho rằng: "*Nếu như anh tiếp tục con đường hội họa thì biết đâu đấy, cũng có thể sẽ có một Nguyễn Ái Quốc họa sĩ*"[1]. Những bài báo viết bằng chữ Pháp của Nguyễn Ái Quốc khi ở Pháp trong thời gian 1920 - 1924, cho thấy với khả

1 *Bác Hồ với văn nghệ sĩ*, Nxb. *Văn học*, Hà Nội, 1995, tr. 381.

năng tự học, Người đã lĩnh hội được cả hệ thống trí thức đồ sộ của nhân loại và có sự nhạy cảm sắc sảo về nhãn quan chính trị. Điều này còn được thể hiện rất rõ trong việc học ngoại ngữ của Người. Người sử dụng thông thạo nhiều ngoại ngữ, nhờ tự học chứ không qua một trường đào tạo chính quy nào, Người tự học ở sách báo, đồng nghiệp, bạn bè, nhân dân và từ thực tiễn cuộc sống. Rời Tổ quốc ra đi, vừa bước chân xuống tàu, Anh Ba đã tranh thủ học tiếng Pháp ở mọi lúc mọi nơi có thể, mỗi ngày học mấy từ thật chắc, ngày nào cũng như ngày nào. Từ đó, Người có thể nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lênin, nghiên cứu và tiếp thu có chọn lọc tinh hoa văn hóa nhân loại, đặc biệt là văn hóa Phương Đông và văn hóa Phương Tây bằng chính những ngôn ngữ của nền văn hóa ấy.

Thứ hai, Chủ tịch Hồ Chí Minh đề cập đến cách đọc và cách viết. Người cho rằng muốn trở thành người hiểu biết phải đọc cho rộng và đưa ra phương pháp đọc hiệu quả của mình đó là: Khi đọc phải ghi chép và phân loại ngay các thông tin từ sách báo. Còn phương pháp viết được Người kể lại trong bài *Cách viết*[1]: Nhờ sự giúp đỡ của một đồng chí làm báo, trong tờ báo *Sinh hoạt công dân*. Người đã tự học cách viết báo, ban đầu chỉ viết 3 dòng 5 dòng, sau đó viết 10 dòng rồi 1.5 cột báo, đến đây lại viết rút ngắn lại, từ 1.5 cột báo lại rút lại 10 dòng, tập đi tập lại nhiều lần như vậy, Người đã viết được báo, rồi Người lại có ý định thử viết truyện ngắn bằng tiếng Pháp. Trong quá trình thực hành, Người tự rút kinh nghiệm trong cách viết của mình. Người nói, viết cũng như mọi việc khác, phải có chí, chớ giấu dốt, nhờ tự phê bình và phê bình mà tiến bộ, có quyết tâm thì việc gì khó mấy cũng làm được. Chính vì vậy, Chủ tịch Hồ Chí Minh - Người sáng lập nền báo chí cách mạng Việt Nam và là một nhà báo có khối lượng bài viết lớn: khoảng 2.000 bài[2].

1 Hồ Chí Minh, *Cách viết*, 17-8-1952. Tài liệu lưu kho Tư liệu Bảo tàng Hồ Chí Minh.

2 Bảo tàng Hồ Chí Minh, *Những tên gọi, bí danh, bút danh của Chủ tịch Hồ Chí Minh*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2007, tr. 8.

Thứ ba, Chủ tịch Hồ Chí Minh nhấn mạnh đến ý chí, tinh thần học tập. Phải có ý chí và tinh thần thực sự cầu thị, cầu tiến bộ thì mới khắc phục được mọi hoàn cảnh khó khăn gian khổ để chiếm lĩnh được tri thức. Tấm gương tự học của Hồ Chí Minh cũng là một tấm gương về tinh thần bền bỉ, khổ công và nhẫn nại với kết quả thu nhận được rất vượt bậc, nhiều người khó có thể sánh kịp.

Những người cùng hoạt động với Người ở Thái Lan kể lại rằng: "Trước khi đọc hay dịch một cuốn sách, Ông đếm số chương và số trang và đặt chương trình, mỗi ngày đọc hay dịch mấy tờ. Ông không bao giờ chịu sai chương trình. Nếu gặp việc đột xuất như có kiều bào đến nói chuyện chẳng hạn, thì trong ngày ấy, Thầu Chín cũng kiếm giờ khác bù vào, không chịu để vỡ kế hoạch". Từ kinh nghiệm của chính bản thân mình, Người đã khuyên những cán bộ cách mạng: "Phải tự nguyện, tự giác, xem công tác học tập cũng là một nhiệm vụ mà người cán bộ cách mạng phải hoàn thành cho được, do đó mà tích cực, chủ động hoàn thành kế hoạch học tập, nêu cao tinh thần chịu khó, cố gắng không lùi bước trước bất cứ khó khăn nào trong việc học tập".

Thứ tư, vừa lao động vừa học tập, kết hợp lý luận và thực hành.

Quá trình tự học của Hồ Chí Minh luôn gắn với quá trình lao động của Người. Chính lao động đã tạo điều kiện để học tốt. Những tháng ngày Người sống và hoạt động ở Pháp, ở Anh và nhiều nước khác trên thế giới không chỉ là những ngày tháng học tập và đấu tranh bền bỉ, kiên trì, đầy nguy hiểm mà còn là những ngày tháng lao động gian nan để kiếm sống, kiếm sống để tự học, tự học để làm cách mạng. Người không nề hà bất cứ việc gì, từ bồi bếp trên tàu đến giúp việc cho một nhà hàng ăn, phục vụ trong một khách sạn, rồi quét tuyết; từ làm ảnh đến làm báo. Lao động đối với Người vừa tạo điều kiện về vật chất cho việc tiến hành học tập, đồng thời quá trình lao động đưa lại cho Người những tri thức, hiểu biết, kinh nghiệm hoạt động thực tiễn và vốn sống phong

phú. **Người đã tận dụng triệt để mọi hoàn cảnh, mọi phương tiện, mọi hình thức để tự học.** Đó là những tổ chức, những hoạt động, những phương tiện sẵn có như thư viện, viện bảo tàng, câu lạc bộ, sách báo, các buổi nói chuyện, các hội thảo, hội họp v.v... đồng thời Người tự mình tạo ra những hình thức học tập mới, sinh động và bổ ích như: tranh thủ sự giúp đỡ, chỉ dẫn, chỉ bảo của người khác, học trong khi đi du lịch, tham quan, học trong khi đi giao thiệp, trong khi thực hiện công tác vận động quần chúng. Người gọi đây là "học trong nhân dân" và coi đây là trường học thực tế sinh động, là nơi để "hành" những điều đã học.

Học đi đôi với hành. Đây là một nguyên tắc Hồ Chí Minh đặt ra không chỉ cho việc tự học mà cho quá trình học nói chung. Luyện tập, thực hành theo Người cũng phải gắn với mục đích, động cơ học tập đã xác định từ trước đó là phục vụ cho hoạt động thực tiễn của mình. Đồng thời trong quá trình luyện tập, thực hành những điều mình đã học được cần phải có sự sáng tạo, linh hoạt, hợp lý. Trong việc học tập và vận dụng chủ nghĩa Mác - Lênin vào thực tiễn, Hồ Chí Minh yêu cầu phải nắm cái bản chất cốt lõi, nắm tinh thần và phương pháp làm việc khoa học của nó để vận dụng vào thực tiễn một cách phù hợp và có sáng tạo, bổ sung, phát triển. Trong việc học ngoại ngữ, học được chữ nào, Người tìm cách ghép câu ngay. Học như thế, trong một thời gian ngắn, Người viết được báo và sách bằng tiếng nước ngoài. Người còn chịu khó đi dự mít tinh, tọa đàm, du lịch để qua đó, vừa làm phong phú vốn từ mới của mình, vừa có điều kiện để vận dụng những từ đã học. Người cũng thường xuyên đọc sách báo bằng tiếng nước đó để trau dồi thêm vốn hiểu biết của mình. Người không chỉ học tiếng nước ngoài để dùng trong giao tiếp, trong sinh hoạt hàng ngày mà quan trọng hơn, Người dùng nó làm phương tiện để viết sách báo tuyên truyền cách mạng. Động cơ đó luôn thúc đẩy Người ra sức học tập có hiệu quả tốt hơn.

Nhờ sự tự lao động để kiếm sống và tự học với sự kiên trì và nghị lực phi thường, cộng với sự giúp đỡ nhiệt tình của bè bạn, Hồ Chí Minh đã trang bị cho mình vốn trí tuệ uyên bác, sâu sắc, vốn văn hóa phong phú. Cũng nhờ quá trình tự học gắn với lao động, hoạt động cùng với giai cấp công nhân thế giới và quá trình hoạt động cách mạng, Người đã tìm đến được chủ nghĩa Mác - Lênin, tiếp thu học thuyết khoa học, cách mạng, chân chính của giai cấp vô sản, trở thành người chiến sĩ cách mạng kiên cường đấu tranh cho chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa quốc tế vô sản, tìm ra con đường cứu nước đúng đắn cho dân tộc và lãnh đạo toàn dân tộc tiến hành sự nghiệp cách mạng giành những thắng lợi vẻ vang.

3. Học tập suốt đời

Tự học tập và học tập suốt đời là một luận điểm quan trọng trong tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục.

Ngày 21-7-1956, nói chuyện tại lớp nghiên cứu chính trị khóa I, Trường Đại học Nhân dân Việt Nam, Bác dặn: *"Học hỏi là một việc phải tiếp tục suốt đời. Suốt đời phải gắn liền lý luận với công tác thực tế. Không ai có thể tự cho mình đã biết đủ rồi, biết hết rồi. Thế giới ngày ngày đổi mới, nhân dân ta ngày càng tiến bộ, cho nên chúng ta phải tiếp tục học và hành để tiến bộ kịp nhân dân"*[1].

Ngày 9-12-1961, trong dịp nói chuyện với các Đảng viên hoạt động lâu năm, Chủ tịch Hồ Chí Minh tâm sự: *"Tôi năm nay 71 tuổi, ngày nào cũng phải học. Việc lớn, việc nhỏ, tôi phải tham gia. Công việc cứ tiến mãi. Không học thì không theo kịp, công việc nó sẽ gạt mình lại phía sau"*[2].

Cuộc đời Chủ tịch Hồ Chí Minh là một quá trình vừa học tập vừa hoạt động cách mạng; học tập để hoạt động cách mạng, đạt được mục đích, lý tưởng của mình; qua hoạt động cách mạng, không ngừng học tập, hoàn thiện tri thức và nhân cách của bản

1 Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 8, Sđd, tr. 215.
2 Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 10, Sđd, tr. 465.

thân. Người là nơi hội tụ với tầm cao nhất tinh hoa văn hóa nhân loại, xứng đáng với sự tôn vinh của tổ chức UNESCO: *Hồ Chí Minh, anh hùng giải phóng dân tộc, nhà văn hóa kiệt xuất.* Quá trình ấy đã tạo nên Hồ Chí Minh, một thầy giáo mẫu mực, một nhà giáo dục vĩ đại. Người đã để lại tấm gương cao đẹp về tinh thần tự học và học tập suốt đời mà chúng ta phải noi theo.

Ngày 2-10-2010, trong Lễ khai mạc triển lãm *Hồ Chí Minh và học tập suốt đời* tổ chức tại Bảo tàng Hồ Chí Minh, bà Irina Bokova, Tổng giám đốc UNESCO, khẳng định "*Triển lãm này đã tôn vinh cam kết của Chủ tịch Hồ Chí Minh về học tập suốt đời. Đó cũng là một tầm nhìn mà UNESCO luôn thúc đẩy và hướng tới*". Bà Irina Bokova cho rằng: Hồ Chí Minh trước hết là một nhà thơ, nhà báo, nhà giáo, do vậy Người nhận thức rõ về sức mạnh của tri thức, tri thức đó không chỉ thu nạp một lần ở tuổi ấu thơ và là quá trình học tập suốt đời. Người đã áp dụng điều này và không bao giờ ngừng học hỏi.

Quỹ thời gian của mọi người chúng ta như nhau, điều đó đòi hỏi sự nỗ lực tự học của bản thân mỗi người. Cần phải liên tục bồi dưỡng kiến thức nâng cao năng lực của mình, để thích ứng với những biến đổi của xã hội nếu không sẽ bị tụt hậu. Mặt khác mỗi con người luôn có ý thức về tương lai và chú trọng năng lực suy nghĩ lý giải cho tương lai của mình. Để có được năng lực ấy, mỗi người chúng ta phải học liên tục, học suốt đời, thông qua nhiều hình thức, nhưng tự học là một mặt quan trọng.

Ngày nay khoa học công nghệ đang phát triển như vũ bão, xã hội cũng liên tục thay đổi. *Xã hội học tập là một đặc trưng của xã hội hiện đại ở thế kỷ 21.* Việc xây dựng xã hội học tập trước tiên phải có phương pháp kích thích tâm lý ham học hỏi trong mỗi con người! Học, làm, sống: ba nhu cầu cơ bản của con người, ở mọi lứa tuổi, mọi trình độ, mọi vị trí xã hội. Một xã hội đáp ứng tốt nhất cả ba nhu cầu cơ bản của người dân là xã hội học tập theo tư tưởng Hồ Chí Minh: "Ai cũng được học hành. Học hành sáng tạo

suốt đời. Công nông trí thức hóa. Dân tộc thông thái". Xây dựng xã hội học tập không phải chỉ vì nhu cầu học, theo nghĩa hẹp là xã hội hóa giáo dục, mà phải đảm bảo cả ba nhu cầu học - làm - sống. Trong thực tế, toàn Đảng, toàn dân phấn đấu: "học, làm, sống theo tư tưởng và tấm gương Hồ Chí Minh", "học tốt, làm tốt, sống tốt", "học hay, làm sáng tạo, sống văn hóa"... xây dựng thành công xã hội học tập Việt Nam công bằng, dân chủ, văn minh.

Những lời chỉ dẫn quý báu và những bài học sâu sắc rút ra từ tư tưởng và tấm gương tự học của Hồ Chí Minh được đề cập trên đây đến nay vẫn mang tính thời sự, có ý nghĩa về cả lý luận và thực tiễn. Trong xu thế toàn cầu hóa gắn với sự phát triển của cuộc cách mạng khoa học công nghệ và nền kinh tế tri thức, xã hội thông tin; trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hội nhập quốc tế ở nước ta trong giai đoạn hiện nay thì vấn đề tự học, tự đào tạo đang trở thành một yêu cầu cấp bách và tất yếu đối với mỗi người Việt Nam.

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH LÀM THEO NGUYỆN ƯỚC BÁC HỒ, 36 NĂM XÂY DỰNG THÀNH PHỐ "TO ĐẸP, ĐÀNG HOÀNG" (1975 - 2011)

TS. TRẦN NAM TIẾN*

Chặng đường 10 năm đầu sau giải phóng (1975 - 1985)

Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa xuân năm 1975 của quân và dân ta đã kết thúc thắng lợi. Thành phố Sài Gòn được giải phóng sau 30 năm kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ đầy gian khổ (1945 - 1975), mất mát hy sinh của cả dân tộc Việt Nam. Đất nước thống nhất, giang sơn nối liền một dải, Bắc - Nam sum họp một nhà. Lịch sử sang trang mới, thành phố cùng cả nước tiến hành công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Ngày 25-5-1975, Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam công bố toàn bộ chính sách đối với người làm việc trong quân đội, chính quyền và các đảng phái, tổ chức chính trị của chế độ cũ. Bên cạnh đó, chính quyền cách mạng được hậu thuẫn của nhân dân đã tiến hành những biện pháp kiên quyết, có hiệu quả nhằm trấn áp bọn phản cách mạng, bọn tư bản mại bản đầu cơ tích trữ, lũng đoạn thị trường. Nhờ đó mà vấn đề

* Trung tâm Nghiên cứu Biển và Đảo, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn - Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.

an ninh - chính trị, trật tự xã hội được giữ vững, đời sống đi vào ổn định.

Việc giúp đỡ đồng bào hồi hương, trở về nông thôn tham gia sản xuất hoặc đi xây dựng vùng kinh tế mới cũng được chính quyền cách mạng chú trọng đẩy mạnh. Tính đến tháng 7-1976, ở những vùng mới giải phóng, có hàng chục vạn người thất nghiệp được thu xếp việc làm, hàng vạn nạn nhân của tệ nạn xã hội dưới chế độ cũ được phục hồi nhân phẩm cũng được thu xếp việc làm. Một trong những biện pháp được chính quyền cách mạng thực hiện hiệu quả để giải quyết nạn thất nghiệp đó là việc tổ chức cho nhân dân đi xây dựng vùng kinh tế mới, chủ yếu là dân thành thị. Chỉ trong hai năm 1975 - 1976, ở Sài Gòn, chính quyền cách mạng đã tổ chức cho gần 30 vạn dân đi các vùng kinh tế mới, lập thành 94 xã, trong đó 82 xã đã ổn định về đất canh tác và thổ cư. Hàng vạn thanh niên tham gia vào các đội thanh niên xung phong đi giúp các vùng di dân ổn định đời sống và xây dựng vùng quê hương mới. Đối với nạn thiếu đói trong nhân dân ở miền Nam, chính quyền cách mạng đã sử dụng các biện pháp tập trung lương thực, kịp thời chống đói. Chỉ tính riêng ở thành phố Sài Gòn, Ủy ban Nhân dân đã tổ chức cứu trợ cho trên 3.260.000 lượt người với 25.448 tấn gạo.

Chính quyền cách mạng thực hiện một loạt biện pháp nhằm khuyến khích sản xuất, phát triển kinh tế, ổn định đời sống nhân dân: tịch thu toàn bộ tài sản và ruộng đất của bọn phản động và tư sản mại bản và của những phần tử chạy trốn ra nước ngoài; tài sản thuộc quyền sở hữu của Nhà nước, ruộng đất được chia cho nông dân thiếu ruộng và cho các tập đoàn sản xuất; quốc hữu hóa ngân hàng, giải thể ngân hàng tư nhân, xóa bỏ tiền của chế độ Việt Nam Cộng hòa bằng tiền cách mạng phát hành; nắm giữ và quản lý các ngành kinh tế then chốt, cơ sở kinh tế lớn, có ý nghĩa then chốt.

Việc khôi phục sản xuất để đáp ứng nhu cầu cấp bách trước mắt về lương thực cho nhân dân cũng được chính quyền cách

mạng kiên quyết thực hiện. Hưởng ứng chủ trương đó, nhân dân ở hầu khắp các vùng nông thôn miền Nam dấy lên phong trào tháo gỡ bom mìn, khai hoang, phục hóa, làm thủy lợi, thâm canh, tăng vụ. Nông dân được tập tổ chức thành các tập đoàn sản xuất. Ở Sài Gòn, năm 1976 đã khai phá được hơn 10.000 ha, đưa diện tích gieo trồng tăng 17.000 ha so với năm 1975. So với năm 1975, năm 1976, Sài Gòn có sản lượng lương thực tăng 82%, diện tích trồng rau xanh tăng 60,6%, chăn nuôi tăng 27%. Nhìn chung, "từ chỗ miền Nam có năm nhập tới 800.000 tấn lương thực đã có thể vươn lên bảo đảm lương thực, đủ ăn cho số dân đã tăng trên 24 triệu người".

Các cơ sở sản xuất công nghiệp và thủ công nghiệp của Nhà nước và tư nhân được Nhà nước tạo điều kiện để hoạt động trở lại. Đến năm 1976, gần 400 xí nghiệp lớn nhỏ ở Sài Gòn đã hoạt động trở lại. Các ngành sản xuất khác, giao thông vận tải, hệ thống bưu điện, thông tin liên lạc cũng dần dần hoạt động trở lại.

Các hoạt động văn hóa, giáo dục, y tế, xã hội cũng được tiến hành khẩn trương ngày từ những ngày đầu mới giải phóng. Đài phát thanh, đài truyền hình, hệ thống báo chí được sử dụng kịp thời vào công tác thông tin, tuyên truyền cổ động cho lối sống mới. Ngành giáo dục phổ thông, giáo dục và đào tạo đại học, trung học chuyên nghiệp được chấn chỉnh, tổ chức lại và bước đầu phát triển. Việc xóa nạn mù chữ được chú trọng và phong trào bình dân học vụ được phát động, các lớp bổ túc văn hóa được mở khắp nơi. Tính đến tháng 4-1976, ở Sài Gòn, có hơn 80.000 người thoát nạn mù chữ.

Có thể nói, những hoạt động kể trên nhằm ổn định tình hình, khắc phục hậu quả chiến tranh trong năm đầu tiên sau giải phóng, đã giành được những thắng lợi không nhỏ. Những thành tựu đó đã có tác dụng đến việc sớm ổn định tình hình chính trị, kinh tế, xã hội Sài Gòn, làm cho nhân dân yên tâm, tin tưởng vào chế độ mới.

Đứng trước yêu cầu đưa một số lượng lớn dân thành phố hồi hương và đi xây dựng kinh tế mới ở miền Đông Nam bộ, tháng 3-1976, Ban khai hoang xây dựng kinh tế mới Trung ương đã thành lập Tổng đội Thanh niên xung phong kinh tế mới. Đồng thời ngày 17-3-1976, 200 nam nữ thanh niên Quận 10 và Tân Bình cùng với 20 đoàn viên làm nòng cốt đã tổ chức thành hai đại đội Thanh niên xung phong đi xây dựng kinh tế mới đầu tiên. Đại đội 1 (Liên đội Thanh niên xung phong Trung Dũng) và Đại đội 2 (Liên đội Thanh niên xung phong Dũng Chí) xung kích đi xây dựng 2 khu kinh tế mới ở Bầu Trư (Sông Bé) và Phước Minh (Tây Ninh).

Chấp hành chỉ thị của Thành ủy về kỷ niệm lần thứ 45 ngày thành lập Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Thành Đoàn Thành phố Hồ Chí Minh đã tổ chức phong trào Thanh niên xung phong tiến công vào mặt trận xây dựng đất nước. Sáng ngày 28-3-1976, tại sân vận động Thống Nhất, hơn 10.000 thanh niên thành phố đã tập hợp dưới ngọn cờ Thanh niên xung phong làm lễ xuất quân tiến công vào mặt trận xây dựng đất nước. Chủ tịch danh dự của lực lượng Thanh niên xung phong lúc đó là đồng chí Võ Văn Kiệt, Phó Bí thư Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh. Buổi ra quân của Thanh niên xung phong thành phố đã mở đầu trang sử mới trong phong trào cách mạng của tuổi trẻ thành phố mang tên Bác. Ngày 28-3-1976 đã trở thành kỷ niệm sâu sắc, là ngày truyền thống đáng tự hào của Thanh niên xung phong Thành phố Hồ Chí Minh.

Sự ra đời của Thanh niên xung phong Thành phố Hồ Chí Minh đã đáp ứng được nhu cầu bức xúc của tình hình chính trị, kinh tế, xã hội của một thành phố lớn trong khắc phục hậu quả nặng nề của chiến tranh và chế độ cũ để lại, vươn lên xây dựng chế độ mới đem lại hạnh phúc cho nhân dân. Dấu chân của lực lượng thanh niên thanh niên xung phong thành phố trải rộng từ đồng bằng sông Cửu Long lên đến Tây Nguyên. Năm 1979, khi chiến tranh biên

giới Tây Nam bùng nổ, nam nữ thanh niên xung phong thành phố đã có mặt trên tuyến lửa, cáng thương tải đạn, phục vụ chiến đấu và chiến đấu một cách anh dũng, hào hùng. Lực lượng thanh niên xung phong thành phố đã có những cống hiến, hy sinh và trưởng thành cùng với quá trình trưởng thành, đi lên của Thành phố Hồ Chí Minh và cả nước từ sau năm 1975.

Quá trình cải tạo xã hội chủ nghĩa, khôi phục, xây dựng và phát triển thành phố những năm đầu sau giải phóng đạt được những kết quả nhất định. Qua hai đợt công thương nghiệp, trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh đã thành lập 1.070 xí nghiệp công nghiệp quốc doanh, 122 xí nghiệp công tư hợp doanh, 56% số lao động tiểu thủ công nghiệp vào các hợp tác xã, quốc doanh hóa 412 cơ sở buôn bán lớn, 159 khách sạn. Đối với nông thôn ngoại thành, đã hình thành 790 tập đoàn sản xuất nông nghiệp, 10 hợp tác xã, 4 nông trường quốc doanh, đạt 52% về số hộ và 42% về diện tích hợp tác hóa. Trong những năm 1976-1978, kinh tế thành phố được khôi phục và bắt đầu phát triển. Sản xuất công nghiệp tiểu thủ công nghiệp đến năm 1976 đạt giá trị tổng sản lượng trên địa bàn là 1,8 tỷ đồng, sang năm 1977 tăng lên 34,1 % so với năm 1976. Đời sống nhân dân bước đầu ổn định, số người thất nghiệp và tệ nạn xã hội cũng giảm xuống một nửa so với những ngày đầu giải phóng.

Nhưng từ năm 1979 trở đi, kinh tế thành phố bộc lộ những khó khăn và bắt đầu khủng hoảng. Sản xuất công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp giảm sút. Giá trị tổng sản lượng công nghiệp quốc doanh Trung ương giảm xuống đột ngột từ 1,5 tỷ (1979) còn 946,7 triệu đồng (1978) (chỉ bằng 73,2% năm 1978), sang năm 1980 còn 760 (bằng 80,9% năm 1979). Công nghiệp quốc doanh địa phương sụt giảm từ 376,9 triệu năm 1980. Trong khi đó, giá trị tổng sản lượng tiểu thủ công nghiệp lại tăng gấp 3,5 lần năm 1976.

Bên cạnh khủng hoảng kinh tế là khủng hoảng xã hội kéo dài và tác động lẫn nhau như hai mặt hữu cơ của một vấn đề. Đời sống

nhân dân thành phố trong hai năm 1975 - 1976 tạm thời ổn định nhưng từ năm 1977 trở đi bắt đầu giảm sút, khó khăn. Sản xuất đình đốn nên hàng hóa khan hiếm, người dân không có hàng hóa để chi dùng, đời sống trở nên kham khổ, căng thẳng. Giá cả tăng lên rất nhanh, năm 1978 tăng 15,3%, năm 1979 tăng 20,9%, năm 1980 là 20,3% và sang năm 1981 tăng đến 41%. Tiền lương của công nhân viên chức thành phố cứ giảm xuống mỗi năm từ 17% đến 27% năm 1979 chỉ bằng 1/3 năm 1976. Gạo không đủ, nhân dân thành phố đã phải ăn mì sợi, cao lương thay cơm. Hàng hóa thực phẩm thì mua theo tem phiếu, nhưng chỉ được cung cấp 10 mặt hàng thiết yếu. Trong bối cảnh khó khăn đó, lần đầu tiên nhân dân thành phố phải ăn độn, có lúc mức độn lên đến 90%. Ở ngoại thành, do sản xuất không gắn với quyền lợi thiết thân nên nhiều người bỏ ruộng đi buôn hay sản xuất cầm chừng, năng suất và hiệu quả không cao. Đời sống của 25.405 hộ nông dân với 19.881 ha đất làm ăn tập thể (năm 1984) ở nông thôn ngoại thành lâm vào khó khăn gay gắt.

Trước tình hình đó, nhiều biện pháp đã ra đời góp phần "tháo gỡ" tình trạng khủng hoảng và khó khăn hiện tại ở cả Trung ương lẫn lãnh đạo Thành phố. Cụ thể, Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa IV) họp hội nghị lần 6 vào tháng 9-1979 và Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh trong các Nghị quyết Hội nghị lần thứ 9 (tháng 8-1979), Hội nghị lần thứ 10 (năm 1980) chủ trương tháo gỡ tình trạng kinh tế đang khủng hoảng, sa sút, chủ động tìm hướng đi mới thích hợp nhằm thúc đẩy sản xuất, tạo điều kiện cho các thành phần kinh tế phát triển.

Nghị quyết 9 và 10 của Thành ủy chỉ rõ, trên cơ sở giành quyền chủ động đề ra kế hoạch bổ sung cho cơ sở sản xuất công nghiệp quốc doanh, không ỷ lại trông chờ cấp trên, tự tạo nguồn vật tư nguyên liệu bằng cách kết hợp với các tỉnh trong khu vực, hạn chế tình trạng công nhân xí nghiệp quốc doanh phải nghỉ ăn lương 70% vì thiếu nguyên liệu, vật tư, thực hiện lương khoán, trả

lương theo sản phẩm, kết hợp chặt chẽ ba lợi ích, trong đó quan tâm đúng mức lợi ích của người lao động, lấy ổn định đời sống công nhân mà khôi phục và thúc đẩy sản xuất, qua đó tạo điều kiện cho các thành phần kinh tế phát triển. Thành phần kinh tế xã hội chủ nghĩa phải vươn lên giữ vai trò chủ đạo của nền kinh tế, phát triển mạnh kinh tế địa phương trong mối quan hệ thống nhất theo ngành kinh tế - kỹ thuật của cả nước...

Với tinh thần cách mạng kiên cường, truyền thống năng động sáng tạo, và với bản lĩnh của "một Thành phố anh hùng", thành phố đã mạnh dạn từng bước "bung ra", thoát dần cơ chế cũ, rồi nhạy bén tìm tòi, nghĩ ra những hướng đi mới để tiến tới "xé rào, đột phá' đưa sản xuất của nhiều ngành kinh tế phát triển. Ở thành phố Hồ Chí Minh, ngay từ đầu năm 1979 đã xuất hiện một số mô hình tháo gỡ trong sản xuất công nghiệp như Công ty bột giặt miền Nam, Xí nghiệp thuốc lá, Dược phẩm 2-9, Nhà máy bia Sài Gòn, Xí nghiệp dược thú y, Xí nghiệp dệt Thành Công, Phong Phú, Phước Long, Thắng Lợi, Dệt đay 13, Xí nghiệp cơ khí Caric, Silico, Vinappro, Sinco, v.v...

Thành phố cùng cả nước tiến hành công cuộc "Đổi mới", giai đoạn 1986 - 2000

Trong cơn khủng hoảng kinh tế - xã hội đang diễn ra gay gắt và tác động, ảnh hưởng nặng nề đến nền kinh tế thành phố và cả nước, Đại hội đại biểu Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh lần thứ IV diễn ra và tháng 10-1986 đã xác định mục tiêu và phương hướng của thành phố trong những năm 1986-1990 là ổn định tình hình kinh tế - xã hội, ổn định và phát triển sản xuất, thị trường giá cả, cải thiện một bước đời sống nhân dân, tạo điều kiện tích lũy, đẩy mạnh công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa. Tập trung đầu tư, tháo gỡ mọi vướng mắc cho sản xuất phát triển, đẩy mạnh kinh tế đối ngoại, khoa học kỹ thuật, thiết lập trật tự trong phân phối lưu thông, từng bước ổn định giá cả thị trường, cân đối ngân sách. Đổi mới tư duy, nhất là tư duy kinh tế đi đôi với đổi mới cơ chế quản

lý nhằm đạt năng suất, chất lượng, hiệu quả cao, nhất là trong sản xuất và kinh doanh... Bố trí lại cơ cấu kinh tế, phát triển công nghiệp hàng ngày tiêu dùng, công nghiệp chế biến nông sản thực phẩm, tạo nguồn hàng xuất khẩu, mở rộng thị trường...

Có thể nói, đường lối đổi mới nền kinh tế đất nước mà Đảng ta đề ra tại Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI là phù hợp với xuất phát điểm, đáp ứng yêu cầu thực tiễn đang diễn ra sinh động tại Thành phố Hồ Chí Minh nên đã nhanh chóng đi vào đời sống xã hội của thành phố. Nhiều nhân tố mới xuất hiện qua thực tiễn phát triển của thành phố góp phần quan trọng và củng cố cho sự đúng đắn của đường lối, chủ trương, chính sách đổi mới kinh tế - xã hội của Đảng ta và Nhà nước ta. Dưới ánh sáng đổi mới của Đảng và Nhà nước ta, Thành phố Hồ Chí Minh đã cố gắng thực thi nhiều chủ trương, biện pháp tích cực nhằm nhanh chóng ổn định tình hình kinh tế - xã hội, khôi phục và phát triển các ngành nghề kinh tế để vượt qua cơn khủng hoảng lớn và tiếp tục xây dựng nền kinh tế nhiều thành phần, sản xuất hàng hóa vận hành trong cơ chế thị trường dưới sự quản lý, điều tiết của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Với những nỗ lực vượt bậc của Đảng bộ và nhân dân thành phố, cùng với những chủ trương, chính sách đúng đắn, trong 5 năm đầu đổi mới (1986-1990), kinh tế thành phố từng bước vượt qua cơn khủng hoảng và bắt đầu tăng trưởng trở lại, tuy vẫn còn chậm do tác động mạnh sau cuộc cải cách "giá, lương, tiền" trong năm 1985. Tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm nội địa (GDP) trung bình hàng năm 1986 đến 1990 chỉ đạt 7,8%; trong đó công nghiệp đạt 10,5% dịch vụ - thương mại đạt 7%, nông nghiệp đạt 3,5%. Đến năm 1990, tỷ trọng công nghiệp trong GDP của thành phố tăng lên 42%, dịch vụ giảm xuống còn 52%, nông nghiệp khoảng 6%, tỷ trọng công nghiệp của thành phố so với cả nước chiếm 25,8%. Ngành ngân hàng, tài chính, tiền tệ, tín dụng từng bước được ổn định, củng cố và có những chuyển biến tích cực hoạt

động có hiệu quả, mức lạm phát tiền tệ giảm xuống còn 30%. Lưu thông phân phối hàng hóa diễn ra nhanh và thuận lợi.

Trong giai đoạn này, dưới tác động của tư duy mới, nền kinh tế hàng hóa thị trường nhiều thành phần theo định hướng xã hội chủ nghĩa đã bắt đầu có nhiều biến đổi, phát triển quan trọng và mang lại hiệu quả cao, bước đầu khơi dậy nhiều tiềm năng, tạo thêm việc làm và tăng sản phẩm xã hội. Điều đáng ghi nhận là kinh tế quốc doanh có tác dụng nhất định trong việc điều tiết, hướng dẫn thị trường, giá cả, giữ vai trò chi phối trong một số ngành then chốt. Đến năm 1990, số xí nghiệp quốc doanh mới thành lập tăng lên 15.000 doanh nghiệp, đưa tỷ trọng của kinh tế quốc doanh trong cơ cấu GDP thành phố chiếm 56%.

Quá trình đổi mới cơ chế quản lý, chính sách kinh tế của thành phố có tác động tích cực thúc đẩy nhiều thành phần kinh tế phát triển trong đó đáng chú ý là kinh tế ngoài quốc doanh. Năm 1990 tỷ trọng kinh tế ngoài quốc doanh trong GDP của thành phố là 43%. Đóng góp của kinh tế ngoài quốc doanh vào tổng thu ngân sách cũng tăng từ 13% năm 1985 lên 27% năm 1990. Thu ngân sách trên địa bàn bình quân thời kỳ 1986-1990 hàng năm đạt là 578.745 triệu đồng, nhưng chủ yếu là thu ngân sách ngoài quốc doanh đạt đến 375.711 triệu đồng, chiếm khoảng 70%. Kinh tế ngoài quốc doanh chiếm 64% lao động, vốn đầu tư vào sản xuất tăng trung bình hàng năm từ 25% đến 50%. Quy mô sản xuất, trang bị kỹ thuật sản xuất, thị trường tiêu thụ sản phẩm... của khu vực kinh tế này cũng ngày càng phát triển mở rộng.

Từ những kết quả ban đầu sau 5 năm đổi mới (1986-1991), Đại hội đại biểu Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh lần thứ V (10-1991) đề ra phương hướng phát triển thành phố là từng bước chuyển dịch cơ cấu kinh tế hợp lý dựa trên vị trí, tiềm năng, thế mạnh của thành phố gắn liền với cơ cấu kinh tế vùng Nam Bộ, cốt lõi là vùng kinh tế trọng điểm phía Nam; trong đó, Thành phố Hồ Chí Minh giữ vai trò trung tâm công nghiệp, tài chính - ngân hàng,

thương mại - dịch vụ, văn hóa - giáo dục, khoa học - kỹ thuật. Cơ cấu kinh tế trên địa bàn thành phố chủ yếu là công nghiệp - dịch vụ nông nghiệp. Bên cạnh đó, thành phố còn chủ trương khuyến khích phát triển các thành phần kinh tế; đồng thời sắp xếp, củng cố kinh tế quốc doanh, kinh tế tập thể, thực hiện quản lý theo định hướng xã hội chủ nghĩa... Khuyến khích kinh tế cá thể, kinh tế tư bản tư nhân phát triển đúng pháp luật, hỗ trợ và tạo mọi điều kiện cho kinh tế hộ gia đình phát triển... Đây được xem là giai đoạn đột phá quan trọng để tạo ra những bước phát triển mới cho thành phố, chuẩn bị cho quá trình hội nhập khu vực và thế giới.

Về định hướng, thành phố chủ trương phát triển các ngành nghề kinh tế theo hướng: Phát triển công nghiệp - thủ công nghiệp trên cơ sở mở rộng thị trường trong nước và nước ngoài... Tận dụng tiềm năng, thế mạnh, đảm bảo tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân hàng năm từ 6,3% đến 8,3%; trong đó tập trung sản xuất hàng tiêu dùng, xuất khẩu, công nghiệp chế biến... Xây dựng và phát triển các khu công nghiệp tập trung. Phát triển nền nông nghiệp thành phố theo hướng sản xuất hàng hóa... đẩy mạnh khoa học công nghệ sinh học, tạo các giống mới của nông nghiệp có năng suất cao, những sản phẩm có giá trị kinh tế và hiệu quả lớn; khuyến khích các hộ nông dân, tư nhân, cá thể nước ngoài đầu tư vào các lĩnh vực sản xuất, kinh doanh nông nghiệp...

Thời kỳ này, tốc độ tăng GDP của thành phố tính đến 1995 cao gấp 1,8 lần năm 1991 và gấp 3 lần GDP năm 1985. Trong vòng 5 năm, từ năm 1991 đến năm 1995, tốc độ tăng trưởng bình quân GDP của thành phố mỗi năm tăng được 12,6% (trong đó có lĩnh vực công nghiệp đóng góp 7,1%, dịch vụ: 5,3% và nông - lâm - ngư - nghiệp là 0,2%). Và trong 5 năm 1996 - 2000, tốc độ tăng GDP của thành phố có chậm hơn thời kỳ trước nhưng bình quân mỗi năm tăng khoảng 10,2%. Thu ngân sách của thành phố tăng liên tục, năm 1995 tăng gấp 6,1 lần năm 1991, chiếm 22,6% GDP thành phố; từ đó đóng góp đến 18% GDP và 35% tổng thu

ngân sách của cả nước. Đồng thời, nó cũng góp phần đưa tỷ trọng kinh tế thành phố so với cả nước năm 1995 là 16% đến năm 2000 tăng lên 19,3%.

Từ định hướng của Đại hội Đảng bộ thành phố lần V và VI, quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế thành phố theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hiện đại hóa trong giai đoạn này có những biến đổi tích cực. Kinh tế thành phố từ nông - lâm - ngư nghiệp, giảm xuống để chuyển sang công nghiệp xây dựng và thương mại - dịch vụ. Các ngành nghề kinh tế của thành phố đều có sự gia tăng đáng kể trong thời kỳ này. Công nghiệp tăng 15,6%, nông nghiệp tăng 4,8%, dịch vụ tăng 11,2%, đã góp phần gia tăng tỷ trọng đóng góp của các ngành nghề kinh tế thành phố đối với cả nước. Công nghiệp thành phố có tốc độ tăng bình quân từ năm 1991 đến năm 1995 là 16,8% năm; năm 1991 đạt 9,16% đến năm 1994 tăng lên 18,4%, chiếm tỷ trọng GDP thành phố là 39,69% (năm 1991) tăng lên 41,86% (năm 1994), trung bình mỗi năm lĩnh vực công nghiệp đóng góp từ 42% đến 43% GDP của thành phố.

Lĩnh vực thương mại - xuất nhập khẩu, dịch vụ, ngân hàng - tài chính - tiền tệ thời kỳ này cũng có sự phát triển phong phú, đa dạng, thể hiện sự tăng trưởng nổi bật trong cơ cấu các ngành kinh tế của thành phố. Tình trạng lạm phát tiền tệ, tốc độ trượt giá hàng hóa đã được kiểm soát và hạn chế gia tăng và giá cả từng bước bình ổn. Tổng kim ngạch xuất khẩu năm 1995 tăng gấp 2 lần năm 1991 và tăng gấp 3 lần năm 1990, tăng trung bình 20% năm; từ 1,75 tỷ USD/ năm (năm 1990) tăng lên 5,5 tỷ USD/ năm (năm 1995), chiếm 54,17% của cả nước. Tốc độ phát triển thương mại - dịch vụ rất cao, tăng bình quân mỗi năm đạt đến 10,3% trong những năm 1991-1995, năm 1991 đạt 9,3% đến năm 1994 tăng lên 12,03% và năm 2000 là 10,1% đóng góp đến 56% trong cơ cấu GDP của thành phố.Nền kinh tế nhiều thành phần được sự hỗ trợ, tạo điều kiện phát triển đã có những chuyển biến rõ rệt, phát triển đúng hướng và đóng vai trò hết sức quan trọng trong nền kinh tế

hàng hóa thị trường của thành phố. Trong đó, chính sách thu hút và đẩy mạnh đầu tư nước ngoài của thành phố đã đem lại kết quả khả quan. Khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài ngày càng được mở rộng và tăng lên rất nhanh. Tốc độ thu hút đầu tư nước ngoài tăng bình quân hàng năm trong giai đoạn này lên đến 68%; tỷ trọng kinh tế khu vực này tính đến năm 1995 chiếm 11% GDP và 18% tổng kim ngạch xuất khẩu của thành phố.

Thành phố phát triển với vai trò một trung tâm lớn của Nam Bộ và cả nước (2001 - 2011)

Tháng 12-2000, Đại hội đại biểu Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh lần thứ VII diễn ra. Đại hội khẳng định tiếp tục đổi mới nhanh và mạnh hơn nữa để tiến lên; đồng thời định hướng phát triển trong những năm đầu thế kỷ XXI trở đi phải đảm bảo đạt tốc độ tăng trưởng kinh tế cao và bền vững, tạo thế chủ động hội nhập kinh tế khu vực và quốc tế... tốc độ tăng trưởng GDP được thành phố đặt ra là bình quân hàng năm tăng từ 11% trở lên; trong đó công nghiệp - xây dựng tăng 13%, dịch vụ - thương mại tăng 9,5% nông - lâm - ngư nghiệp tăng 2%. Cơ cấu kinh tế tiếp tục chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng các sản phẩm tinh chế, các sản phẩm hàng hóa có chất lượng kỹ thuật cao... tập trung đầu tư phát triển các ngành công nghệ cao, ưu tiên phát triển các lĩnh vực tài chính - ngân hàng, bưu chính - viễn thông, đầu tư bảo hiểm... đẩy mạnh hoạt động xuất nhập khẩu là nhiệm vụ trọng tâm đối với kinh tế thành phố.

Với những cố gắng phát triển để tiến lên và hội nhập, trong 5 năm 2001 - 2005, kinh tế thành phố vẫn giữ nhịp độ phát triển cao, liên tục, cơ cấu kinh tế thành phố vẫn giữ nhịp độ phát triển cao, liên tục, cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng hướng, các loại thị trường từng bước phát triển và mở rộng. Tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm nội địa GDP trên địa bàn tăng liên tục, năm sau cao hơn năm trước, bình quân hàng năm đạt 11%, theo đúng chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra. Trong những năm 2001-2004, GDP tăng bình

quân 10,6% năm; đặc biệt là năm 2005, GDP của thành phố đạt đến 11,6%.

Trong những năm đầu thế kỷ XXI, cơ cấu nội bộ các ngành kinh tế chuyển biến tích cực theo hướng tăng dần tỉ trọng các sản phẩm hàng hóa, dịch vụ có hàm lượng chất xám cao, có lợi thế cạnh tranh (cơ khí, nhựa, cao su, dịch vụ, tài chính chính, ngân hàng...). Ngành công nghiệp - xây dựng đạt tốc độ tăng trưởng cao: 12,9%/ năm, tỉ trọng trong khu vực công nghiệp tăng liên tục từ 40% năm 1998 lên gần 50% năm 2004; khu vực dịch vụ tăng 8,3%/ năm, chiếm tỷ trọng tăng cao nhất trong cơ cấu GDP kinh tế thành phố, hơn 50%. Nền nông nghiệp phát triển theo hướng "cây hai, hai con" phù hợp với quá trình đô thị hóa thành phố có những chuyển biến tích cực và đem lại hiệu quả kinh tế cao. Ngành thủy sản tăng tỷ trọng từ 12% năm 2000 lên 19,2% năm 2003 và ngành trồng trọt giảm từ 40,2% năm 2000 xuống còn 33,7% năm 2003. Tổng kim ngạch xuất khẩu ngày càng đa dạng và mở rộng ở nhiều nơi, đặc biệt là thị trường các quốc gia ở Bắc Mỹ, châu Âu... tỷ trọng sản phẩm công nghiệp xuất khẩu ngày càng tăng.

Bên cạnh đó, các thành phần kinh tế tiếp tục phát triển đúng định hướng, có những đóng góp quan trọng cho nền kinh tế và khẳng định cơ chế, chính sách đổi mới kinh tế đúng đắn của thành phố. Kinh tế nhà nước được tổ chức, sắp xếp lại vào hoạt động có hiệu quả. Kinh tế tập thể từng bước được củng cố. Kinh tế tư nhân và khu vực kinh tế có vốn đầu nước ngoài tiếp tục tăng trưởng khá, đóng góp đáng kể cho nền kinh tế thành phố và cả nước. Tổng vốn đầu tư xã hội trên địa bàn thành phố tăng dần qua từng năm, đạt khoảng 200.000 tỷ đồng (13 tỷ USD) và đạt mức bình quân 35% GDP. Nguồn vốn đầu tư và các hình thức vốn huy động cho đầu tư ngày càng đa dạng. Thị trường vốn ở thành phố phát triển nhanh và ổn định.

Nền kinh tế thành phố có những bước phát triển tích cực đã tác động đến sự chuyển biến về xã hội. Bình quân thu nhập đầu

người năm 2000 đạt 1.365 USD, đến năm 2005 tăng lên 1.800 USD/người, tăng gấp gần 1,5 lần. Đời sống vật chất được nâng lên ở mức cao hơn. Bước đầu đáp ứng nhu cầu tối thiểu cuộc sống của người dân. Đời sống văn hóa tinh thần phát triển ngày càng đa dạng với nhiều loại hình nghệ thuật mới ra đời. Các hoạt động văn hóa xã hội ngày càng phong phú. Những truyền thống tốt đẹp của nhân dân thành phố được vun đắp, phát triển thông qua các phong trào văn hóa - xã hội lớn, xóa đói giảm nghèo, đền ơn đáp nghĩa, khám chữa bệnh miễn phí cho người nghèo, phong trào ba giảm, đề án sau cai nghiện, chương trình an sinh xã hội... phát triển mạnh mẽ, trở thành mô hình, tình trạng thất nghiệp giảm dần. Các tệ nạn xã hội ngày một ít đi, an ninh trật tự xã hội được giữ vững.

Giáo dục - đào tạo có bước phát triển nhanh và chất lượng ngày càng cao. Hạ tầng cơ sở cho giáo dục được quy hoạch mới nhiều trường học cho các cấp học được xây dựng mới đạt chuẩn quốc gia khang trang, hiện đại. Quy mô đào tạo ở các cấp học tăng dần qua từng năm. Các loại hình giáo dục: giáo dục chính quy, giáo dục thường xuyên, chuyên nghiệp, dạy nghề được củng cố phát triển. Một cố gắng cần ghi nhận là thành phố đã nỗ lực hoàn thành phổ cập trung học cơ sở, mặt bằng dân trí và học vấn của người dân được nâng lên một bước, khoảng cách chênh lệch giáo dục giữa nội - ngoại thành giảm dần. Chương trình xã hội hóa giáo dục của thành phố. Nguồn nhân lực thành phố được nâng cao hơn cả số lượng và chất thông qua chương trình đào tạo sau đại học trong và nước ngoài. Đến cuối năm 2005, thành phố có đến 5.000 thạc sĩ và 3.000 tiến sĩ, là một trong "túi chữ" của quốc gia. Khoa học - công nghệ có bước phát triển quan trọng, góp phần phục vụ sự phát triển kinh tế - xã hội. Với 200 đơn vị nghiên cứu khoa học và hàng trăm trường đại học, cao đẳng, đào tạo hàng trăm chuyên ngành khác nhau. Thành phố là trung tâm đào tạo và cung cấp nguồn nhân lực cho cả ba miền, cả nước.

Hệ thống y tế và công tác chăm sóc sức khỏe cho nhân dân thành phố có bước phát triển cao; đặc biệt là y tế chất lượng cao bước đầu phát triển với nhiều trang thiết bị khám chữa bệnh hiện đại. Đội ngũ thầy thuốc, y - bác sĩ đông đảo, khoảng 5.000 người với trình độ chuyên môn tay nghề được nâng lên rất cao. Mạng lưới y tế cơ sở được củng cố và phát triển góp phần quan trọng trong công tác khám chữa bệnh cho nhân dân thành phố và những vùng xung quanh.

Hoạt động báo chí - xuất bản phát triển phong phú, đa dạng góp phần nâng cao đời sống văn hóa tinh thần cho người dân thành phố và đóng góp tích cực công tác thông tin tuyên truyền chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước, đóng vai trò quan trọng trong sự nghiệp đấu tranh chống tiêu cực, tham nhũng của Đảng, Nhà nước và nhân dân thành phố.

Đại hội Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh lần thứ VIII tiến hành từ ngày 6 đến ngày 9-12-2005 đã đề ra mục tiêu tổng quát cho thành phố trong giai đoạn 2005 - 2010: "Đổi mới toàn diện và mạnh mẽ hơn nữa; phát huy dân chủ và sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân, động viên mọi nguồn lực, nắm bắt thời cơ, vượt qua thách thức, chủ động hội nhập kinh tế khu vực và quốc tế; thúc đẩy tăng trưởng kinh tế nhanh, hiệu quả và bền vững, không ngừng nâng cao đời sống nhân dân; giữ vững ổn định chính trị - xã hội; xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh ngày càng văn minh, hiện đại, từng bước trở thành một trung tâm công nghiệp, dịch vụ, khoa học công nghệ của khu vực Đông Nam Á; góp phần quan trọng vào sự nghiệp đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa". Trong giai đoạn 2006 - 2010, thành phố phấn đấu đạt tốc độ tăng trưởng kinh tế cao hơn giai đoạn 2001 - 2005. Mục tiêu tăng trưởng kinh tế không chỉ chú trọng đến số lượng, mà đặt trọng tâm vào chất lượng của tăng trưởng và phát triển. Tăng trưởng kinh tế phải gắn liền với công bằng và tiến bộ xã hội, cải

thiện môi trường sống, bố trí dân cư theo quy hoạch và xây dựng đô thị văn minh.

Tập trung nguồn lực thực hiện 12 chương trình, công trình trọng điểm và 5 chương trình, công trình mang tính đòn bẩy do Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thành phố đề ra; đến nay, đã phát huy tác dụng trên các lĩnh vực đời sống, góp phần đáp ứng mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội và cải thiện chất lượng sống cho nhân dân.

* * *

Thành phố Hồ Chí Minh 36 năm xây dựng và phát triển có những thuận lợi cơ bản nhưng phải đương đầu với nhiều khó khăn, thách thức. Thời gian 36 năm giải phóng, trong đó hơn 26 năm đổi mới, phát triển, với những cố gắng không ngừng của đảng bộ, chính quyền và nhân dân thành phố, Thành phố Hồ Chí Minh đã đạt được những thành tựu to lớn về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội... Với truyền thống năng động, sáng tạo và với tính cách văn hóa - con người của một vùng đất luôn dám nghĩ, dám làm và dám chịu trách nhiệm, thành phố là nơi đi đầu trong cả nước trên nhiều lĩnh vực kinh tế - xã hội, văn hóa - giáo dục, khoa học - kỹ thuật, y tế... Thành phố là nơi sản sinh và phát triển nhiều phong trào văn hóa - xã hội lớn, mang lại những kết quả tích cực về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội cho thành phố. Nó sức lan tỏa mạnh mẽ, trở thành điển hình cho cả nước, được bạn bè quốc tế trân trọng và đánh giá cao, thể hiện bản chất của một Thành phố anh hùng, Thành phố nghĩa tình, xứng đáng với một thành phố "xã hội chủ nghĩa, văn minh và hiện đại".

Thành phố Hồ Chí Minh là nơi đi đầu trong cả nước trong việc xóa bỏ dần cơ chế và chính sách quản lý kinh tế kế hoạch hóa, tập trung, quan liêu bao cấp, chuyển sang nền kinh tế hàng hóa thị trường nhiều thành phần dưới sự quản lý Nhà nước và định hướng xã hội chủ nghĩa, mở đường cho Đảng và Nhà nước ta thực hiện

công cuộc đổi mới nền kinh tế đất nước, và góp phần quan trọng cho việc hình thành phát triển đường lối, chủ trương, chính sách phát triển nền kinh tế hàng hóa thị trường của Đảng ta. Thành phố còn là nơi đi đầu trong chuyển dịch cơ cấu kinh tế, phát triển nền kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, tìm ra nhiều mô hình mới, cách làm ăn mới trên các mặt nông nghiệp, công nghiệp, thương mại, dịch vụ, du lịch, ngân hàng, tài chính, tiền tệ, bưu chính, viễn thông, giao thông vận tải... và nó trở thành mô hình học tập chung cho cả miền, cả nước...

Từ 30% số hộ đói nghèo sau chiến tranh, dần dần không còn hộ đói, số hộ nghèo cũng giảm dần, chỉ tiêu và mức nghèo được nâng cao hơn. Cuộc sống người dân ngày một đầy đủ, no ấm hơn. Thành phố đã bước đầu làm được điều Bác Hồ mong đợi: "***thắng lợi rồi, chúng ta sẽ xây dựng lại đất nước ta đàng hoàng hơn, đẹp hơn...***". Càng về sau, đời sống văn hóa vật chất, văn hóa tinh thần của nhân dân thành phố càng được nâng lên, phát triển và tiến bộ rất nhiều. Thành phố đã thực hiện phương châm giải quyết phát triển kinh tế gắn với thực hiện công bằng và tiến bộ xã hội. Các mặt của văn hóa - xã hội, giáo dục - đào tạo, y tế - chăm sóc sức khỏe khoa học, công nghệ, thể dục - thể thao, văn hóa - nghệ thuật, báo chí xuất bản... phát triển, tiến bộ nhanh cả về lượng và chất, đáp ứng ngày càng đầy đủ hơn nhu cầu, đòi hỏi của người dân, sức sáng tạo quần chúng nhân dân luôn được khuyến khích, phát huy...

Hiện nay, Thành phố Hồ Chí Minh là đô thị có tốc độ phát triển nhanh liên tục trở thành đô thị lớn nhất, giữ vai trò, vị trí là trung tâm nhiều mặt của cả miền, cả nước và khu vực, là một trong những trung tâm chính trị, quan trọng của quốc gia. Thành phố tập trung nguồn nhân lực phong phú, đa dạng, dồi dào, đội ngũ lao động có trình độ chuyên môn tay nghề cao, lao động có chất xám cao, tập trung đội ngũ cán bộ khoa học, chuyên gia hàng đầu trên nhiều lĩnh vực khác nhau: nông -

lâm - ngư nghiệp, kỹ thuật, bách khoa, khoa học tự nhiên, khoa xã hội - nhân văn, y khoa... Thành phố tập trung năng lực sản xuất trang thiết bị kỹ thuật hiện đại trên nhiều lĩnh vực, nhiều ngành nghề kinh tế khác nhau.

Với những thành tựu đạt được trong quá trình tiến hành công cuộc đổi mới, Thành phố Hồ Chí Minh đã trở thành một trung tâm công nghiệp lớn của cả miền, giữ vai trò hậu thuẫn và thúc đẩy, lôi kéo sự phát triển cả vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, tạo thành vùng kinh tế chiến lược của quốc gia có tốc độ phát triển rất nhanh. Nó có sức lan tỏa và mở rộng nhanh chóng, từ tam giác kinh tế trọng điểm rồi tứ giác, thất giác và ngày nay là bát giác vùng kinh tế trọng điểm phía Nam: Thành phố Hồ Chí Minh, Đồng Nai, Bình Dương, Bà Rịa - Vũng Tàu, Tây Ninh, Bình Phước, Long An, Tiền Giang.

Có thể nói, với những thành tựu đạt được, cùng với truyền thống năng động và sáng tạo, với tinh thần cần cù lao động, với hào khí và nghĩa tình của đồng bào thành phố, nhất định thành phố Hồ Chí Minh sẽ đi đầu trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, và sẽ xây dựng thành công "**Thành phố xã hội chủ nghĩa, văn minh, hiện đại**" ngang tầm với các quốc gia trên thế giới.

Tổng kết Hội thảo Khoa học "CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH HÀNH TRÌNH TÌM ĐƯỜNG CỨU NƯỚC"

PGS. TS. NGUYỄN ĐĂNG THÀNH*

Kính thưa các đồng chí lãnh đạo Đảng và Nhà nước,

Kính thưa các quý vị đại biểu, các nhà khoa học,

Thưa các đồng chí và các bạn!

Hội thảo Khoa học ***Chủ tịch Hồ Chí Minh - Hành trình tìm đường cứu nước*** kỷ niệm 100 năm Ngày Bác Hồ ra đi tìm đường cứu nước (5-6-1911– 5-6-2011) do **Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh** phối hợp với: **Ban Tuyên giáo Trung ương, Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch** tổ chức đã thành công tốt đẹp.

Hội thảo rất vui mừng được đón các đồng chí lão thành cách mạng, các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước đến tham dự và chỉ đạo Hội thảo. Thay mặt Ban Tổ chức Hội thảo xin cảm ơn các đồng chí, các quý vị đại biểu, đại diện các cơ quan ban ngành của Đảng và Nhà nước ở trung ương, đại diện lãnh đạo thành phố Hà Nội, lãnh đạo tỉnh ủy Nghệ An; Đồng Tháp và Cao Bằng; đại diện các tổ chức chính quyền, đoàn thể nhân dân của Thành phố Hồ Chí Minh, các nhà khoa học, phóng viên của các cơ quan thông

* Phó Giám đốc Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh.

tấn, báo chí trong và ngoài nước đến tham dự và đưa tin, góp phần vào thành công của Hội thảo.

Kính thưa các quý vị đại biểu, thưa các nhà khoa học,

Hội thảo: **Chủ tịch Hồ Chí Minh - Hành trình tìm đường cứu nước** đã nhận được **135** bản báo cáo của các đồng chí lãnh đạo và nguyên là lãnh đạo của Đảng, Nhà nước và của các nhà khoa học. Hội thảo đã vinh dự được đón tiếp đồng chí Lê Khả Phiêu - nguyên Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam; đồng chí Nguyễn Tấn Dũng - Ủy viên Bộ Chính trị, Thủ tướng Chính phủ; các đồng chí ủy viên Bộ Chính trị: đồng chí Lê Thanh Hải - Bí thư Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh, Trung tướng Trần Đại Quang - Bộ trưởng Bộ Công an, đồng chí Đinh Thế Huynh - Trưởng Ban Tuyên giáo Trung ương và nhiều đồng chí lãnh đạo các ban, ngành Trung ương và các địa phương. Hội thảo đã nghe Phát biểu khai mạc của đồng chí Đinh Thế Huynh - Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng Ban Tuyên giáo Trung ương, nghe Báo cáo đề dẫn của đồng chí Nguyễn Văn Đua - Phó Bí thư Thường trực Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh, nghe nhiều tham luận và ý kiến phát biểu tại Hội thảo.

Theo chủ đề Hội thảo, từ nhiều góc độ khác nhau, các nhà khoa học đã cung cấp những thông tin tư liệu mới và tập trung phân tích, lý giải làm sáng tỏ, làm sâu sắc thêm về những nhân tố khách quan và chủ quan hình thành nên *quyết tâm* và tác động dẫn đến *quyết định lịch sử*: đi ra nước ngoài, sang phương Tây tìm đường cứu nước, cứu dân của Bác Hồ. Các tham luận đều thống nhất rằng: giá trị truyền thống văn hóa tốt đẹp của dân tộc, mà nổi bật nhất là chủ nghĩa yêu nước truyền thống Việt Nam là động cơ thôi thúc, đồng thời là hành trang của Hồ Chí Minh trên hành trình tìm đường cứu nước. Trong đó, nổi bật là văn hóa cội nguồn của quê hương xứ Nghệ và thành phố Sài Gòn là nơi kết tụ hoài bão cách mạng, là điểm mở đầu hành trình tìm đường cứu nước vĩ đại của Hồ Chí Minh.

Các tham luận đi sâu nghiên cứu về hành trình tìm đường cứu nước của Bác Hồ đều khẳng định, trên hướng đi mới, với hành trang là giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của dân tộc, bằng phương pháp mới, thông qua nghiên cứu lý luận kết hợp với khảo sát thực tiễn, Người đã tiếp nhận thế giới quan, phương pháp luận mới - là chủ nghĩa Mác - Lênin. Đó là quá trình phát triển nhận thức từ chủ nghĩa yêu nước chân chính đến với chủ nghĩa Mác - Lênin, tìm ra con đường cách mạng phù hợp với điều kiện thực tiễn Việt Nam: *Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội*. Đó là cống hiến vĩ đại của Người đối với cách mạng nước ta, đồng thời phản ánh tư duy cách mạng độc lập, tự chủ và sáng tạo của lãnh tụ Hồ Chí Minh.

Bằng nhiều luận cứ khoa học, các tham luận đã phân tích làm sáng tỏ quá trình hoạt động, cống hiến của Hồ Chí Minh trong vai trò người dẫn đường, người lãnh đạo, đưa cách mạng nước ta đến thành công, mở ra một kỷ nguyên mới trong lịch sử dân tộc: *Kỷ nguyên độc lập tự do và chủ nghĩa xã hội*.

Có thể khẳng định rằng, con đường *Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội* mà Hồ Chí Minh đã lựa chọn, là con đường duy nhất đúng đắn, đảm bảo cho dân tộc ta có nền độc lập thực sự, đất nước ta phát triển ổn định, phồn vinh, nhân dân ta có cuộc sống ấm no hạnh phúc. Đó là con đường phát triển đất nước phù hợp với quy luật và xu thế đi lên của thời đại.

Thắng lợi của Việt Nam còn góp phần vào thắng lợi chung của sự nghiệp cách mạng thế giới, vì hòa bình, dân chủ và tiến bộ xã hội. Trên ý nghĩa đó, các nhà khoa học cũng khẳng định giá trị thời đại của con đường cách mạng, triết lý phát triển Việt Nam mà Bác Hồ đã lựa chọn, phù hợp với điều kiện thực tiễn của đất nước và xu thế phát triển chung của nhân loại, đồng thời qua đó khẳng định giá trị trường tồn của tư tưởng Hồ Chí Minh. Các tham luận nêu rõ ý nghĩa, tầm quan trọng của việc học tập, vận dụng tinh thần đổi mới và tư duy sáng tạo, độc lập tự chủ của Hồ Chí Minh vào việc xây dựng con đường phát triển đất nước trong bối cảnh lịch sử mới: Hội nhập và toàn cầu hóa.

Một nội dung quan trọng khác được nhiều tham luận đề cập tại Hội thảo này, đó là về vai trò, vị trí lịch sử của thành phố Sài Gòn - nơi kết tụ hoài bão cách mạng, điểm mở đầu cuộc trường chinh cứu nước của Bác Hồ. Sài Gòn - nơi đầu sóng ngọn gió của "Nam Bộ Thành đồng" trước đây, ngày nay đã và đang trở thành địa phương đi đầu trong sự nghiệp đổi mới của cả nước; Đảng bộ và nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quyết tâm phấn đấu xây dựng, phát triển Thành phố văn minh, hiện đại, xứng đáng với vinh dự là Thành phố mang tên Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại.

Kính thưa các đồng chí và các bạn,

Hội thảo kỷ niệm 100 năm Ngày Bác Hồ ra đi tìm đường cứu nước được tổ chức trong không khí toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta đang tích cực triển khai học tập Nghị quyết Đại hội XI của Đảng. Hội thảo của chúng ta là hành động thiết thực, góp phần tuyên truyền, động viên các cấp, các ngành và nhân dân cả nước quyết tâm thực hiện thắng lợi mục tiêu Đại hội đã đề ra, tiếp tục đưa đất nước ta đi theo con đường mà Hồ Chí Minh đã lựa chọn.

Vì thời gian hạn chế, không có điều kiện đọc hết tại Hội trường tất cả các bài tham luận, Ban Tổ chức Hội thảo xin trân trọng cảm ơn các nhà khoa học đã tham gia Hội thảo, cung cấp cho Hội thảo nhiều thông tin tư liệu mới, những suy nghĩ tìm tòi mới, qua đó đã góp phần làm sáng tỏ thêm về hành trình tìm đường cứu nước vĩ đại của Hồ Chí Minh. Ban Tổ chức xin tiếp thu tất cả ý kiến của các đồng chí, trên cơ sở đó tổ chức biên tập, xuất bản kỷ yếu Hội thảo, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ nghiên cứu về di sản của Chủ tịch Hồ Chí Minh, đồng thời phục vụ cho công tác tuyên truyền học tập và làm theo tư tưởng và tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh trong giai đoạn mới.

Thay mặt Ban Tổ chức, tôi xin tuyên bố kết thúc Hội thảo.

Kính chúc các quý vị đại biểu sức khỏe và hạnh phúc!

Xin trân trọng cảm ơn!



Chủ tịch Hồ Chí Minh tại Đại hội Tours (Pháp).

MỘT SỐ HÌNH ẢNH HỘI THẢO KHOA HỌC "CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH HÀNH TRÌNH TÌM ĐƯỜNG CỨU NƯỚC"



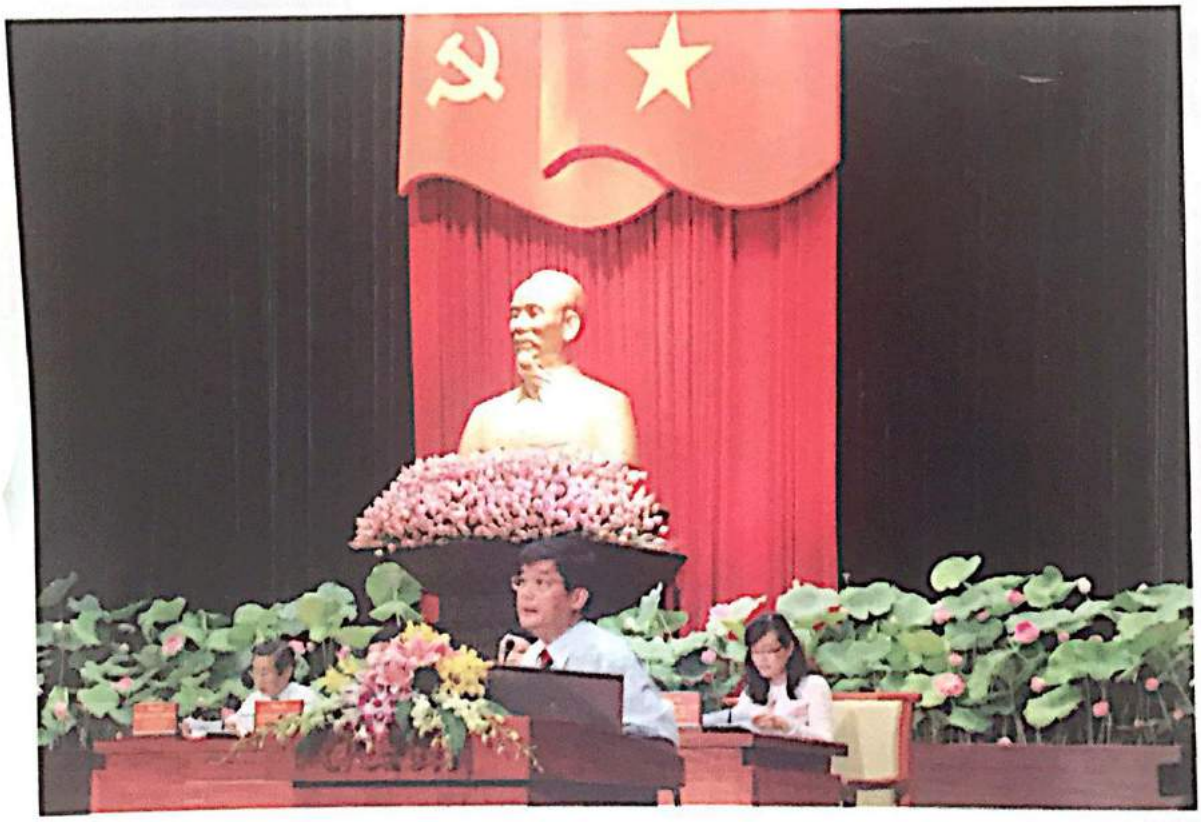
Đoàn Chủ tịch Hội thảo.



Quang cảnh hội trường Hội thảo.



Đồng chí Đinh Thế Huynh, Ủy viên Bộ Chính trị,
Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng ban Ban Tuyên giáo Trung ương
phát biểu khai mạc Hội thảo.



Đồng chí Nguyễn Văn Đua, Phó Bí thư Thường trực Thành ủy
Thành phố Hồ Chí Minh, Trưởng Ban Chỉ đạo Hội thảo,
phát biểu đề dẫn Hội thảo.



Đồng chí Lê Khả Phiêu, nguyên Tổng Bí thư
Ban Chấp hành Trung ương Đảng đọc tham luận tại Hội thảo.



Đồng chí Lê Thanh Hải, Ủy viên Bộ Chính trị,
Bí thư Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh đọc tham luận tại Hội thảo.



Đồng chí Nguyễn Tấn Dũng, Ủy viên Bộ Chính trị, Thủ tướng Chính phủ đọc tham luận tại Hội thảo.



Đồng chí Trần Đại Quang, Ủy viên Bộ Chính trị, Bộ trưởng Bộ Công an đọc tham luận tại Hội thảo.



Đồng chí Nguyễn Tấn Dũng, Ủy viên Bộ Chính trị, Thủ tướng Chính phủ trao đổi với các đại biểu.



Đồng chí Lê Thanh Hải, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh trao đổi với các phóng viên báo chí.



Quang cảnh hội trường Hội thảo.



MỤC LỤC

LỜI NÓI ĐẦU 5

Phần 1:
NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

1. Phát biểu khai mạc Hội thảo Khoa học
"Chủ tịch Hồ Chí Minh - Hành trình tìm đường cứu nước" 11
Đinh Thế Huynh
2. Báo cáo đề dẫn Hội thảo Khoa học
"Chủ tịch Hồ Chí Minh - Hành trình tìm đường cứu nước" ... 17
Nguyễn Văn Đua
3. Tiếp tục giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc
và chủ nghĩa xã hội theo con đường Bác Hồ đã lựa chọn 26
Đỗ Mười
4. Chủ tịch Hồ Chí Minh với cách mạng Việt Nam 35
Lê Khả Phiêu
5. Vững bước trên con đường Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chọn,
tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước 57
Nguyễn Tấn Dũng
6. Hồ Chí Minh với những bước ngoặt lớn
của cách mạng Việt Nam trong thế kỷ XX 72
Tô Huy Rứa
7. Vững bước trên con đường Người đã chọn - Xây dựng Đảng bộ
Thành phố Hồ Chí Minh trong sạch, vững mạnh 87
Lê Thanh Hải

Phần 2:
ĐẦU THẾ KỶ XX - TỪ SÀI GÒN
NGƯỜI RA ĐI TÌM ĐƯỜNG CỨU NƯỚC

1. Truyền thống quê hương xứ Nghệ - Cội nguồn thúc đẩy
Hồ Chí Minh ra đi tìm đường cứu nước 99
Phan Đình Trạc

2. Không gian lịch sử Việt Nam và khu vực ở thời điểm Nguyễn Tất Thành rời cảng Sài Gòn đi tìm đường cứu nước 104
PGS.TS. Phạm Xanh
3. Ngày 5 tháng 6 năm 1911, ngày có ý nghĩa lịch sử đặc biệt 112
Trần Trọng Tân
4. Sự kiện Nguyễn Tất Thành đi tìm đường cứu nước - Ý nghĩa lịch sử và thời đại 121
PGS. TS. Phạm Hồng Chương
5. Quyết chí làm cách mạng cho đến nơi của Chủ tịch Hồ Chí Minh 131
GS. TS. Nguyễn Hùng Hậu
6. Tác động của bối cảnh lịch sử trong hành trình cứu nước của Nguyễn Tất Thành – Hồ Chí Minh 142
PGS. TS. Lê Văn Tích
7. Ảnh hưởng của gia đình với quyết định ra đi tìm đường cứu nước của Nguyễn Tất Thành 155
TS. Đặng Văn Thái
8. Hành trang ra đi tìm đường cứu nước của Chủ tịch Hồ Chí Minh 164
TS. Nguyễn Thị Kim Dung
9. Chủ nghĩa yêu nước Việt Nam - động lực mạnh mẽ thôi thúc Nguyễn Tất Thành ra đi tìm đường cứu nước 174
TS. Lý Việt Quang - ThS. Ngô Xuân Dương
10. Động lực Nguyễn Tất Thành ra đi tìm đường cứu nước 184
PGS. TS. Vũ Văn Thuấn
11. Chủ nghĩa yêu nước Việt Nam và hoài bão cứu dân tộc, đồng bào đưa Nguyễn Tất Thành - Nguyễn Ái Quốc đi tìm đường cứu nước, đến với chủ nghĩa Mác - Lênin 190
PGS. TS. Nguyễn Thanh Tâm
12. Cuộc ra đi năm 1911 - Mở đầu sự nghiệp cứu nước, cứu dân đúng đắn, mang tính khoa học, cách mạng của Nguyễn Tất Thành - Nguyễn Ái Quốc 199
TS. Nguyễn Thế Kỷ

13. Bối cảnh lịch sử và con đường cứu nước của Bác Hồ..... 206
PGS. TS. Nguyễn Hữu Chí
14. Quá trình hình thành tư tưởng yêu nước của Nguyễn Tất Thành 214
Nguyễn Đình Nhạ
15. Từ thành phố này Người đã ra đi 224
PGS. TS. Trương Thị Hiền
16. Sài Gòn - Thành phố Hồ Chí Minh, 100 năm - Những dấu ấn của Người 231
TS. Nguyễn Thị Hoa Xinh
17. Hồ Chí Minh ra đi tìm đường cứu nước và bước ngoặt cách mạng vô sản Việt Nam 248
Thượng tá, TS. Phan Thanh Long
18. Tìm đường cứu nước - Khát vọng và hoài bão của tuổi trẻ Nguyễn Tất Thành 255
Phạm Thị Thanh Mai
19. Sự lựa chọn đúng đắn để tìm đường đi cho dân tộc..... 263
Bùi Kim Hồng
20. Cơ sở hình thành khát vọng ra đi tìm đường cứu nước của Chủ tịch Hồ Chí Minh..... 275
ThS. Cù Thị Minh
21. Một quyết định mở ra bước ngoặt lịch sử trong sự nghiệp giải phóng dân tộc của nhân dân Việt Nam..... 284
PGS. TS. Đỗ Văn Trụ
22. Nguyễn Tất Thành vào Sài Gòn chuẩn bị cho chuyến Tây du 290
TS. Trần Thuận
23. Sài Gòn - Nơi kết tụ hoài bão của Nguyễn Tất Thành trước ngày rời Tổ quốc tìm đường cứu nước..... 303
TS. Lê Hữu Phước
24. Từ Sài Gòn Nguyễn Ái Quốc bắt đầu hành trình dài lâu cho dân tộc phát triển 312
PGS. TS. Hà Minh Hồng

Phần 3:

CUỘC HÀNH TRÌNH VĨ ĐẠI

1. Chủ tịch Hồ Chí Minh - Hành trình tìm đường cứu nước 329
   PGS. TS. Nguyễn Phan Quang
2. Những mốc quan trọng trong cuộc hành trình tìm đường cứu nước của Hồ Chí Minh 338
   PGS. TS. Nghiêm Đình Vỳ
3. Nguyễn Tất Thành - Các giai đoạn phát triển nhận thức về con đường giải phóng dân tộc Việt Nam 346
   PGS. TS. Nguyễn Trọng Phúc
4. Con đường Hồ Chí Minh - Con đường dân tộc, con đường thời đại.....358
   NGND. GS. Trần Thanh Đạm
5. Từ yêu nước, thương dân, Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh xuất hiện đúng lúc, ra đi đúng thời cơ, tìm con đường đúng đắn cho cách mạng Việt Nam 366
   PGS. TS. Phan Xuân Biên
6. Từ cảng Sài Gòn đến Ba Đình lịch sử - Người tìm đường đã mở đường cho một kỷ nguyên mới của dân tộc.....380
   GS. Song Thành
7. Hồ Chí Minh hoàn thiện đường lối chính trị và tổ chức cho sự ra đời của Mặt trận Việt Minh.....394
   PGS. NGND. Lê Mậu Hãn
8. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đoàn kết dân tộc trong sự nghiệp giải phóng dân tộc.....403
   GS. TS. Ngô Văn Lệ
9. Sự hình thành tư tưởng đoàn kết quốc tế trong quá trình tìm đường cứu nước của Chủ tịch Hồ Chí Minh 414
   Lê Ngân Mai
10. Chủ tịch Hồ Chí Minh vận dụng và phát triển học thuyết Mác - Lênin về đấu tranh giai cấp trong cách mạng giải phóng dân tộc ở Việt Nam 422
    TS. Chu Đức Tính

11. Về sự phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin của Chủ tịch Hồ Chí Minh 434
PGS. TS. Ngô Văn Thạo
12. Bản lĩnh suy nghĩ độc lập sáng tạo trong quá trình đi tìm đường cứu nước của Nguyễn Ái Quốc..... 445
PGS. TS. Võ Văn Sen
13. Tìm hiểu thêm thời kỳ Nguyễn Tất Thành ở Luân Đôn nước Anh (1913 - 1917)..... 456
Chu Thị Ngọc Lan
14. Nguyễn Tất Thành đến Paris lúc nào? 466
TS. Phan Văn Hoàng
15. Nguyễn Tất Thành đến nước Pháp năm 1917 - Một bước ngoặt lịch sử..... 477
Nguyễn Bá Ngọc
16. Một số sưu tập hiện vật về thời kỳ Nguyễn Ái Quốc hoạt động ở Pháp (1917 - 1923)..... 483
Nguyễn Trường Phú
17. Một cách tiếp cận hành trình cứu nước của Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh (1911 - 1923) 495
Nguyễn Thị Thu Hà
18. Những hoạt động của Nguyễn Ái Quốc tại Pháp giai đoạn 1917 - 1923 504
ThS. Phạm Hoàng Điệp
19. Nguyễn Ái Quốc trên đất nước của Lênin (1923 - 1924)..... 516
ThS. Vũ Kim Yến
20. Quá trình chuyển biến tư tưởng của Nguyễn Tất Thành - Nguyễn Ái Quốc (1911 - 1920) và những cống hiến của Người đối với phong trào yêu nước và cách mạng Việt Nam trong thời gian từ 1920 đến 1930..... 527
Vũ Quý Tùng Anh
21. Tìm hiểu thêm về những hoạt động cách mạng của Chủ tịch Hồ Chí Minh những năm 1930, 1931 ở Hồng Kông 538
ThS. Phạm Thị Ngân

22. Nguyễn Ái Quốc và báo Le Paria (Người cùng khổ) 547
Tô Bửu Giám
23. Đường Kách mệnh, tác phẩm lý luận đầu tiên đặt cơ sở tư tưởng cho đường lối cách mạng Việt Nam.....555
PGS. TS. Võ Xuân Đàn
24. Hành trình tìm đường cứu nước của Hồ Chí Minh - Con đường kách mệnh đầy hy sinh gian khổ và quyết thắng....564
Nguyễn Thọ Chân
25. Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh - Người trí thức tiên phong của nước Việt Nam.....572
NGND. GSTS. Nguyễn Ngọc Giao
26. 100 năm - Người con ra đi để trở về 578
Linh mục Nguyễn Công Danh
27. Hồ Chí Minh với quá trình "Việt hóa" các tư tưởng lớn của thế giới.....588
GS. TS. Đinh Xuân Dũng
28. Hồ Chí Minh, chiến sĩ lỗi lạc của phong trào cộng sản, công nhân quốc tế.....596
PGS. TS. Nguyễn Viết Thảo
29. Hồ Chí Minh: tư tưởng từ trải nghiệm cuộc sống 606
TS. Nguyễn Tiến Hoàng
30. Hồ Chí Minh với việc xác định đúng con đường cứu nước của dân tộc Việt Nam 613
PGS. TS. Phạm Văn Linh
31. Hành trình khảo cứu, tìm đường cứu nước của Nguyễn Tất Thành – Hồ Chí Minh 621
PGS. TS. Hoàng Trang
32. Sự lựa chọn con đường cách mạng của Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh là khát vọng của nhân dân Việt Nam và phù hợp với xu thế phát triển của lịch sử.....630
PGS. TS. Trần Thị Thu Hương

33. Nguyễn Tất Thành và hành trình tìm đường cứu nước, giải phóng dân tộc 642
ThS. Đinh Ngọc Quý
34. Sự lựa chọn duy nhất đúng.....649
ThS. Nguyễn Thúy Đức
35. Bước ngoặt lớn trong quá trình tìm đường cứu nước và giải phóng dân tộc của Chủ tịch Hồ Chí Minh 660
Phạm Công Khái
36. Quá trình hình thành tư tưởng cách mạng, tiến tới thực hiện mục tiêu độc lập dân tộc của Nguyễn Tất Thành, Nguyễn Ái Quốc, Hồ Chí Minh.....670
Nguyễn Thị Huyền Trang
37. Nguyễn Tất Thành và những quyết định lịch sử trên hành trình tìm đường cứu nước.....680
TS. Nguyễn Thị Tình
38. Bác Hồ học ngoại ngữ để tìm đường cứu nước.....691
Nguyễn Văn Dương
39. Chủ tịch Hồ Chí Minh - Chiến sĩ tiên phong của phong trào giải phóng dân tộc.....706
Nguyễn Thị Bình
40. Sự bộc lộ bản lĩnh cách mạng của một thiên tài 714
PGS. TS. Nguyễn Ngọc Dung
41. Nguyễn Ái Quốc lao động và trải nghiệm: Thực tiễn và bài học 724
TS. Phan Thị Xuân Yến
42. Chủ tịch Hồ Chí Minh tìm đường cứu nước giải phóng dân tộc 734
Nguyễn Văn Công
43. Cuộc hành trình văn hóa, chính trị của một tư duy độc lập, tự chủ, sáng tạo 747
PGS. TS. Bùi Đình Phong

44. Sáng tạo lý luận - Một năng lực của thiên tài Hồ Chí Minh trong hành trình tìm đường cứu nước, giải phóng dân tộc.....756
PGS. TS. Phạm Ngọc Anh
TS. Nguyễn Thị Thúy Anh
45. Xu hướng xuất dương cứu nước đầu thế kỷ XX và những bài học từ chặng đường hội nhập đầu tiên của Việt Nam ra thế giới.....768
PGS. TS. Trần Thị Thu Lương
46. Những quyết định quan trọng của Chủ tịch Hồ Chí Minh ở Cao Bằng đối với cách mạng Việt Nam (1941 - 1945).....777
Hà Ngọc Chiến
47. Nhìn nhận của học giả nước ngoài về tư tưởng cách mạng giải phóng dân tộc của Hồ Chí Minh.....784
PGS. TS. Trần Minh Trưởng
48. Nguyễn Tất Thành và hành trình tìm đường cứu nước qua nhận định của các học giả nước ngoài.....792
Đỗ Hoàng Linh
49. Nhận thức về Hồ Chí Minh của giới trí thức Nhật Bản - từ Shibata Shingo đến Furuta Motoo.....803
Nguyễn Tiến Lực
50. UNESCO với việc tôn vinh Chủ tịch Hồ Chí Minh: Anh hùng giải phóng dân tộc Việt Nam và nhà văn hóa kiệt xuất của nhân loại.....813
Tiến Linh

Phần 4:
VỮNG BƯỚC TRÊN CON ĐƯỜNG NGƯỜI ĐÃ CHỌN

1. Xây dựng quân đội nhân dân, phát huy bản chất, truyền thống "Bộ đội Cụ Hồ" trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa hiện nay.....823
Đại tướng Phùng Quang Thanh
2. Chủ tịch Hồ Chí Minh - Hành trình tìm đường cứu nước và 6 điều Người dạy lực lượng Công an Nhân dân.....832
Trung tướng GS. TS. Trần Đại Quang

3. Phấn đấu xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh trở thành Thành phố xã hội chủ nghĩa, văn minh, hiện đại, xứng đáng là Thành phố mang tên Bác Hồ kính yêu 842
Lê Hoàng Quân
4. Từ sự nghiệp ra đi tìm đường cứu nước của Nguyễn Ái Quốc cách đây 100 năm, nghĩ về định hướng xã hội chủ nghĩa ngày nay 849
GS. Nguyễn Công Bình
5. Tìm hiểu học tập tư tưởng Hồ Chí Minh qua quá trình tìm và thực hiện con đường cứu nước của Người 857
Phạm Quang
6. Đồng bào Nam Bộ thực hiện lời căn dặn của Bác: "Thà chết tự do còn hơn sống nô lệ" 865
PGS. TS. Ngô Minh Oanh
7. Những bức thư và lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi đồng bào miền Nam trong những ngày đầu Nam Bộ kháng chiến 876
PGS. TS. Trần Thị Mai
8. Vang vọng tên gọi Thành phố Hồ Chí Minh từ ngày đầu kháng chiến 887
TS. Nguyễn Đình Thống
9. Hồ Chủ tịch qua lăng kính Phật giáo 894
Hòa thượng Thích Trí Quảng
10. Tuổi trẻ Thành phố Hồ Chí Minh mãi mãi đi theo con đường Bác Hồ đã chọn 899
Ban Thường vụ Thành Đoàn
11. Truyền hoài bão từ trái tim của Bác 909
Lê Quang Trang
12. Bác Hồ - Người thầy vĩ đại của báo chí cách mạng Việt Nam 919
Huỳnh Dũng Nhân
13. Mãi mãi khắc ghi ngày Bác Hồ ra đi tìm đường cứu nước 927
TS. Nguyễn Việt Hùng

14. Tư tưởng Hồ Chí Minh soi sáng con đường xây dựng xã hội học tập 933
TS. Hồ Thiệu Hùng
15. Vững bước trên con đường Người đã chọn 943
Lê Bá Cẩn
16. Quận 4 vững bước trên con đường Người đã chọn 954
Ban Thường vụ Quận ủy Quận 4, TP. Hồ Chí Minh
17. Tuổi trẻ của Chủ tịch Hồ Chí Minh với quá trình tìm đường cứu nước 964
Lê Văn Sơn
18. Nguyễn Tất Thành - Tấm gương về tình yêu nước, thương dân, về trách nhiệm của thế hệ trẻ đối với vận mệnh của dân tộc 973
PGS. TS. Trần Văn Phòng
19. Vững bước theo con đường thắng lợi của Chủ tịch Hồ Chí Minh 982
TS. Bùi Thế Đức
20. Tôn vinh tư tưởng, tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh thông qua việc bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa Hồ Chí Minh 988
ThS. Nguyễn Đình Dĩnh
21. Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh công trình kiến trúc "hiện đại, dân tộc, trang nghiêm và giản dị" 996
Thiếu tướng Nguyễn Văn Cương
22. Phát huy ý nghĩa lịch sử, chính trị, văn hóa công trình Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh trong giáo dục truyền thống cách mạng 1006
Thiếu tướng, TS. Đặng Nam Điền
23. Bộ đội bảo vệ Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh vinh dự và trách nhiệm 1014
Đại tá Nguyễn Văn Lâm
24. Cây và hoa của mọi miền Tổ quốc bên Lăng Bác Hồ 1024
Đại tá Đặng Đình Bình

25. Chủ tịch Hồ Chí Minh trong tình cảm của bè bạn quốc tế khi đến viếng Người 1030
Nguyễn Thị Lan Hương
26. Tình cảm của Đảng bộ và nhân dân Thành phố mang tên Bác đối với Chủ tịch Hồ Chí Minh 1037
Nguyễn Hồng Vân
27. Cuộc vận động "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh" thông qua các hình thức sinh hoạt chính trị và văn hóa tại Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh 1049
Đại tá Dương Hoàng Toán
28. Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh địa chỉ đỏ thiêng liêng đối với tuổi trẻ cả nước 1059
Đại tá Nguyễn Hữu Mạnh
29. K9 - Khu di tích lịch sử về Chủ tịch Hồ Chí Minh 1067
Thượng tá Nguyễn Thanh Huống
30. Ý chí và nghị lực của Nguyễn Tất Thành khi ra đi tìm đường cứu nước và trách nhiệm của thế hệ trẻ Việt Nam hiện nay 1075
ThS. Nguyễn Anh Minh
31. Học tập tư tưởng Hồ Chí Minh trong nghiên cứu khoa học 1084
PGS. TS. Đặng Văn Thắng
32. Học tập tấm gương tự học của Chủ tịch Hồ Chí Minh 1095
Phạm Thu Hà
33. Thành phố Hồ Chí Minh làm theo nguyện ước Bác Hồ, 36 năm xây dựng thành phố "to đẹp, đàng hoàng" (1975 - 2011) 1107
TS. Trần Nam Tiến
34. Tổng kết Hội thảo Khoa học "Chủ tịch Hồ Chí Minh - Hành trình tìm đường cứu nước" 1125
PGS. TS. Nguyễn Đăng Thành

CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH
HÀNH TRÌNH TÌM ĐƯỜNG CỨU NƯỚC

Chịu trách nhiệm xuất bản: NGUYỄN THỊ THANH HƯƠNG
Biên tập: PHÒNG BIÊN TẬP NHÀ XUẤT BẢN
Sửa bản in: PHÒNG BIÊN TẬP NHÀ XUẤT BẢN
Trình bày: HOÀNG VÂN - MỘNG LÀNH
Bìa: MAI QUẾ VŨ

NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP TP. HỒ CHÍ MINH
62 Nguyễn Thị Minh Khai, Q.1, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: 38296764 - 38256713 - 38277326
Fax: 84.8.38222726 - Email: tonghop@nxbhcm.com.vn
Website: http://www.nxbhcm.com.vn - http://www.fiditour.com

NHÀ SÁCH TỔNG HỢP
62 Nguyễn Thị Minh Khai, Q.1, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: 38256804 - Fax: 84.8.38222726 - Email: tonghop@nxbhcm.com.vn
Website: http://www.nxbhcm.com.vn - http://www.fiditour.com

In số lượng 1.500 cuốn. Khổ 16 x 24cm.
Tại: XÍ NGHIỆP IN FAHASA
GPXB số: 1315-11/CXB/04-114/THTPHCM cấp ngày 1/12/2011.
In xong và nộp lưu chiểu tháng 1 năm 2012.